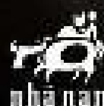
The #1 International Best Seller

YUVAL NOAH **HARARI**

21 BÀI HỌC CHO THẾ KỶ XXI

TWENTY ONE LESSONS FOR **21ST** CENTURY

Dịch giả
DƯƠNG NGỌC TRÀ

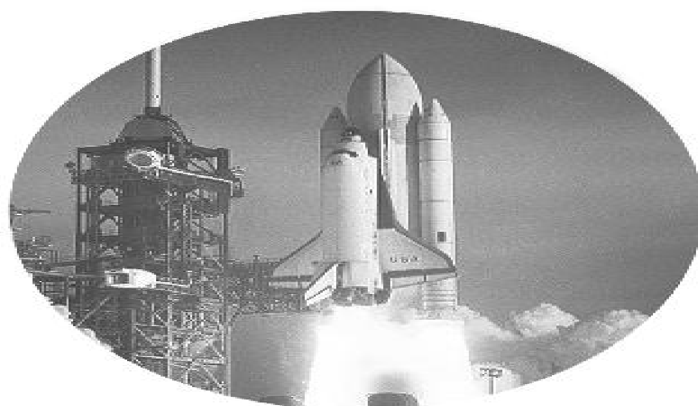




NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

21 BÀI HỌC CHO THẾ KỶ XXI

TWENTY ONE LESSONS FOR 21ST CENTURY



The #1 International Best Seller

YUVAL NOAH **HARARI**

Dịch giả: Dương Ngọc Trà

Nhà xuất bản Nhã Nam - NXB Thế Giới

Hoàn thành 31 / 12 / 2019

Làm ebook: Lamtaxy - Bìa: Duy Hoàng

Mục Lục







Dành tặng chồng tôi, Itzik, mẹ tôi Pnina và bà tôi Fanny vì tình yêu và sự ủng hộ của họ qua năm tháng



LỜI NHÀ XUẤT BẢN



BẠN ĐỌC Việt Nam đã biết đến cây viết thể loại lịch sử-triết học Yuval Noah Harari qua hai tác phẩm đã được dịch ra tiếng Việt của ông là *Sapiens* và *Homo Deus*. Lần này chúng tôi xin giới thiệu tiếp cuốn thứ ba có tựa đề *21 bài học cho thế kỷ 21*.

Trong cuốn sách này, tác giả xuất phát từ góc nhìn của một nhà tương lai học để hình dung ra thế giới hiện đại trong kỷ nguyên số sẽ vận hành ra sao. Từ đó, ông nêu ra các giả thiết về sự tác động to lớn của kỷ nguyên số tới mọi mặt của đời sống xã hội loài người, cũng như các quan niệm truyền thống về tự do, hy sinh, dân tộc, tôn giáo, . . .

Cũng giống như Newton đã thắc mắc khi nhìn thấy quả táo rơi xuống đất - mà người bình thường khác thì không để ý – để từ đó làm tiền đề cho sự phát hiện ra định luật hấp dẫn, tác giả Yuval Noah Harari luôn "lật ngược lại vấn đề" để có một cái nhìn "trái chiều", khác lạ với cách nhìn quen thuộc từ xưa đến nay. Chính điều này làm cho nội dung cuốn sách trở nên cuốn hút người đọc.

Tuy nhiên, tác giả cũng thừa nhận mình là người đa nghi và không muốn mọi người có ấn tượng sai lầm rằng cái gì có tác dụng với ông thì cũng sẽ có tác dụng với tất cả mọi người, bởi lẽ các cá nhân không ai giống ai, cả về cấu tạo cơ thể, hệ thần kinh lẫn duyên nghiệp, . . . ông cũng không ngần ngại tuyên bố là độc giả cũng nên biết cặp kính ông dùng "để nhìn thế giới, từ đó bóp méo tầm nhìn cũng như những viết lách của tôi, có màu gì" và ông cũng sẵn sàng đặt mình vào "tầm ngắm" để độc giá phán xét.

Do vậy, độc giả hãy đọc cuốn sách với tinh thần phản biện vì không phải tất cả các luận thuyết của tác giả đều đã, hay sẽ là đúng đắn, là chân

lý, là khách quan. Các triết gia cứ việc luận bàn, còn thế giới sẽ vận hành theo quy luật riêng của nó!

Nhà xuất bản Thế giới



GIỚI THIỆU



TRONG MỘT thế giới ngập tràn những thông tin không chính đáng, sự sáng suốt là sức mạnh. Trên lý thuyết, bất cứ ai cũng có thể tham gia cuộc tranh luận về tương lai của loài người, nhưng thật khó để giữ một tầm nhìn sáng suốt. Thường thì chúng ta còn không nhận thấy có một cuộc tranh luận đang diễn ra và những câu hỏi mấu chốt của nó là gì. Hàng tỷ người trong chúng ta không đủ xa xỉ mà tìm hiểu bởi chúng ta còn nhiều việc cấp thiết hơn phải thực hiện: Ta phải đi làm, nuôi con hoặc chăm sóc cha mẹ già. Đáng tiếc là lịch sử không có chiết khấu hay giảm giá. Nếu tương lai của loài người được định đoạt lúc bạn vắng mặt, vì bạn đang mải lo chuyện ăn, chuyện mặc cho con mình, thì cả bạn và các con đều sẽ không được miễn trừ hậu quả. Điều này thật bất công; nhưng ai bảo lịch sử là công bằng kia chứ?

Là một nhà sử học, tôi không thể cho người khác cơm ăn hay áo mặc; nhưng tôi có thể thử mang lại một sự sáng tỏ nhất định, từ đó giúp tạo ra một sân chơi toàn cầu công bằng. Nếu điều này trao quyền cho thêm một nhóm người, dù nhỏ, giúp họ tham gia vào cuộc tranh luận về tương lai của giống loài mình, thì xem như tôi đã hoàn thành công việc.

Cuốn sách đầu tiên của tôi, *Sapiens,* nghiên cứu về quá khứ của loài người, xem xét tại sao một loài vượn tầm thường lại trở thành chúa tể của hành tinh Trái đất.

Homo Deus, cuốn sách thứ hai của tôi, khám phá tương lai lâu dài của sự sống, suy ngẫm về việc con người rốt cuộc có thể trở thành những vị thần như thế nào, và số phận sau cùng của trí tuệ và ý thức có thể là gì.

Trong cuốn sách này, tôi muốn xoáy ống kính vào vấn đề "ngay tại đây" và "ngay lúc này". Tiêu điểm của tôi đặt ở các sự kiện hiện tại và

tương lai gần nhất của các xã hội loài người. Điều gì đang xảy ra ngay lúc này? Những thách thức lớn nhất và những lựa chọn quan trọng nhất của ngày nay là gì? Ta cần chú ý đến điều gì? Ta nên dạy con cái ta những gì?

Dĩ nhiên, bảy tỷ người trên thế giới sẽ có bảy tỷ "chương trình nghị sự" (tức quan niệm về các vấn đề và mục tiêu tương lai) khác nhau; và như tôi đã nói ở trên, nghĩ về bức tranh tổng thể (hay tương lai của loài người) là một điều xa xỉ khá hiếm hoi. Một người mẹ đơn thân đang chật vật nuôi nấng hai đứa con trong một khu ổ chuột ở Mumbai phải tập trung vào việc lo bữa mai; những người tị nạn lênh đênh trên một con thuyền giữa Địa Trung Hải căng mắt nhìn về chân trời mà tìm kiếm bất cứ dấu hiệu nào của đất liền; một người hấp hối trong một bệnh viện đông đúc ở London gom hết sức tàn để hít thêm một hơi nữa, Họ đều có những vấn đề cấp bách hơn rất nhiều so với sự nóng lên toàn cầu hay cuộc khủng hoảng của nền dân chủ tự do. Không một quyển sách nào có thể giải quyết thấu đáo tất cả những điều đó và tôi không có bài học nào để dạy cho những người trong những hoàn cảnh như vậy. Tôi chỉ có thể hy vọng được học hỏi từ họ.

"Chương trình nghị sự" của tôi ở đây mang tính toàn cầu. Tôi nhìn vào những động lực chính đang định hình các xã hội trên khắp thế giới và có khả năng ảnh hưởng đến tương lai của hành tinh chúng ta nói chung. Biến đổi khí hậu có thể nằm ngoài phạm vi quan tâm của những người đang ở giữa cơn sống chết, nhưng rốt cuộc nó có thể khiến những khu ổ chuột Mumbai không còn sinh sống được nữa, đẩy những làn sóng người tị nạn khổng lồ mới qua Địa Trung Hải và dẫn đến một cuộc khủng hoảng toàn cầu về y tế.

Thực tế được đan dệt từ nhiều tình tiết, sự kiện, và cuốn sách này cố gắng bao quát các lĩnh vực khác nhau của trạng huống toàn cầu của chúng ta, dù không phải là toàn bộ. Không như *Sapiens* và *Homo Deus*, cuốn sách này không phải là một tự sự lịch sử mà là một bộ các bài học được tuyển lựa. Những bài học này không đúc rút thành những câu trả lời đơn giản. Chúng hướng đến việc khuyến khích đào sâu suy nghĩ và giúp độc giả tham gia vào một số cuộc đàm luận chính yếu trong thời đại của chúng ta.

Cuốn sách này được viết ra như một cuộc chuyện trò với công chúng. Nhiều chương được viết để trả lời các câu hỏi mà các độc giả, phóng viên và đồng nghiệp đã đặt cho tôi. Một số phần trong sách trước đó đã được

xuất bản ở các dạng khác, nên tôi có cơ hội nhận được những ý kiến phản hồi và mài giũa các lập luận của mình. Một số phần tập trung vào công nghệ, một số vào chính trị, một số vào tôn giáo và số khác vào nghệ thuật. Có những chương tôn vinh trí khôn của con người và một số khác nhấn mạnh vai trò thiết yếu của sự ngu dốt của chính giống loài ấy. Nhưng câu hỏi bao trùm vẫn thế: điều gì đang xảy ra trên thế giới ngày nay và đâu là ý nghĩa sâu xa của các sự kiện đó?

Sự nổi lên của (hiện tượng) Donald Trump nói lên điều gì? Ta có thể làm gì với vấn nạn "tin giả"? Tại sao nền dân chủ tự do lại lâm vào khủng hoảng? Chúa đã trở lại rồi chăng? Một cuộc Thế chiến mới đang đến? Nền văn minh nào thống trị thế giới: phương Tây, Trung Quốc hay Hồi giáo? Châu Âu có nên mở cửa cho người nhập cư? Chủ nghĩa dân tộc có thể giải quyết được các vấn đề về bất bình đẳng và biến đổi khí hậu không? Ta nên làm gì với chủ nghĩa khủng bố?

Mặc dù cuốn sách này có cái nhìn mang tính toàn cầu, tôi cũng không phớt lờ góc độ cá nhân. Trái lại, tôi muốn nhấn mạnh những mối liên hệ giữa các cuộc cách mạng vĩ đại của thời đại chúng ta với đời sống nội tại của mỗi con người. Chẳng hạn, chủ nghĩa khủng bố vừa là một vấn đề chính trị toàn cầu, vừa là một cơ chế tâm lý học nội tại. Chủ nghĩa khủng bố hoạt động bằng cách nhấn một cái nút sợ hãi thẳm sâu trong tâm trí ta và cướp đi những tưởng tượng riêng tư của hàng triệu người. Tương tự, cuộc khủng hoảng của nền dân chủ tự do diễn ra không chỉ trong các nghị viện và các điểm bỏ phiếu mà còn trong các nơron và khớp thần kinh. Nói rằng sự riêng tư cũng thuộc chính trị thì nghe hơi sáo, nhưng trong một kỷ nguyên mà các nhà khoa học, các tập đoàn và các chính phủ đang nghiên cứu giải mã não người, thì điều hiển nhiên này lại càng đe dọa chúng ta hơn bao giờ hết. Do đó, cuốn sách này đưa ra những quan sát về cả hành vi của các cá nhân cũng như toàn xã hội.

Một thế giới toàn cầu đặt những áp lực chưa từng có lên hành vi và đạo đức cá nhân của chúng ta. Mỗi chúng ta bị vướng vào vô vàn những mạng lưới giăng mắc muôn nơi, một mặt hạn chế các hoạt động của chúng ta, mặt khác lại truyền đi những vùng vẫy, dù là khó thấy nhất, của chúng ta tới các điểm xa xôi. Những thói quen hằng ngày của chúng ta có thể tác động đến đời sống của những con người và động vật cách nửa vòng trái đất; một số hành động của cá nhân có thể bất ngờ trở thành tiêu điểm của

cả thế giới, như cuộc tự thiêu của Mohamed Bouazizi ở Tunisia đã châm ngòi cho làn sóng cách mạng Mùa Xuân Ả Rập, như việc những người phụ nữ chia sẻ câu chuyện bị xâm hại tình dục của mình và nhóm lên phong trào #MeToo.

Chiều kích toàn cầu này của cuộc sống cá nhân đồng nghĩa với việc hé lộ những thiên kiến tôn giáo và chính trị của chúng ta, những đặc quyền chủng tộc và giới tính của chúng ta, và sự đồng lõa vô ý của chúng ta trong những áp đặt mang tính thể chế đã trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Nhưng liệu đấy có phải là một hành động táo bạo có tính thực tế? Làm sao tôi có thể tìm một chỗ đứng vững chắc về mặt đạo đức trong một thế giới vượt xa chân trời của mình, hoàn toàn vuột khỏi tầm kiểm soát của con người, một thế giới nghi ngờ mọi thánh thần và mọi ý thức hệ?

Cuốn sách này bắt đầu bằng việc khảo sát trạng huống chính trị và công nghệ hiện tại của chúng ta. Khi thế kỷ 20 khép lại, có vẻ những cuộc chiến ý thức hệ vĩ đại giữa chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa toàn trị và chủ nghĩa tự do đã đi đến hồi kết là chiến thắng giòn giã của chủ nghĩa tự do. Nền chính trị dân chủ, nhân quyền và chủ nghĩa tư bản thị trường tự do có vẻ đã được ấn định để thống trị toàn thế giới. Nhưng như thường lệ, lịch sử đã có một bước ngoặt không ngờ; sau khi chủ nghĩa phát xít sụp đổ, giờ chủ nghĩa tự do đang lâm nguy. Vậy ta đang đi về đâu?

Câu hỏi này đặc biệt thấm thía bởi chủ nghĩa tự do đang mất dần sự tín nhiệm đúng lúc cuộc cách mạng kép trong công nghệ thông tin và công nghệ sinh học buộc chúng ta đối mặt với những thử thách lớn nhất mà loài người từng gặp phải. Cuộc hợp nhất của công nghệ thông tin và công nghệ sinh học có thể sẽ sớm đẩy hàng tỷ người ra khỏi thị trường lao động và làm suy yếu cả tự do lẫn công bằng. Các thuật toán Big Data có thể tạo ra những “nền độc tài số”, trong đó mọi quyền lực tập trung trong tay một nhóm tinh hoa cực nhỏ trong khi hầu hết những người khác phải gánh chịu, không phải sự bóc lột mà là một thứ tồi tệ hơn nhiều: sự vô dụng.

Tôi đã bàn về sự hợp nhất của công nghệ thông tin và công nghệ sinh học trong cuốn *Homo Deus*. Nhưng trong khi cuốn sách đó tập trung vào tương lai dài hạn với tầm nhìn hàng thế kỷ, thậm chí hàng thiên niên kỷ, thì cuốn sách này tập trung vào các cuộc khủng hoảng xã hội, kinh tế và chính trị sát sườn hơn. Mối quan tâm của tôi ở đây không nằm ở việc tạo ra sự

sống vô cơ mà thiên về mối đe dọa đối với nhà nước phúc lợi và những tổ chức cụ thể như Liên minh châu Âu.

Cuốn sách này không cố bao quát mọi ảnh hưởng của các công nghệ mới. Cụ thể thì mặc dù công nghệ mang lại nhiều hứa hẹn tuyệt vời, dự định của tôi ở đây là chủ yếu nêu bật các mối đe dọa cũng như hiểm họa của nó. Những tập đoàn và các doanh nghiệp dẫn đầu cuộc cách mạng công nghệ đương nhiên đều tụng ca các sáng tạo của mình, nên các nhà xã hội học, triết học và sử học như tôi phải gióng hồi chuông cảnh báo và giải thích tất cả các cách mà mọi thứ có thể trở nên cực kỳ tồi tệ.

Sau khi phác ra các thử thách mà chúng ta đang đối mặt, trong phần hai của cuốn sách, tôi nghiên cứu một loạt cách ứng phó tiềm năng. Liệu các kỹ sư Facebook có thể dùng AI (trí tuệ nhân tạo) để tạo ra một cộng đồng toàn cầu bảo vệ tự do và công bằng của loài người không? Có lẽ câu trả lời là đảo ngược quá trình toàn cầu, hóa và tái trao quyền cho nhà nước? Có lẽ chúng ta cần quay ngược lại nhiều hơn nữa và tìm kiếm hy vọng cũng như trí tuệ từ cội nguồn của các truyền thống tôn giáo cổ xưa?

Trong phần ba của cuốn sách, chúng ta sẽ thấy rằng mặc dù các thách thức của công nghệ là chưa có tiền lệ và các mâu thuẫn chính trị là rất gắt gao, con người vẫn có thể nắm bắt thời cơ nếu chúng ta biết kiểm soát nỗi sợ và có các quan điểm khiêm nhường hơn. Phần này xem xét những gì có thể làm đối với hiểm họa của chủ nghĩa khủng bố, với mối đe dọa của chiến tranh toàn cầu và với những thiên kiến cũng như thù hằn đã châm ngòi cho những mâu thuẫn đó.

Phần bốn bàn về khái niệm “hậu-sự thật” và đặt câu hỏi: chúng ta vẫn có thể hiểu những sự phát triển trên toàn cầu và phân biệt sai trái với công lý đến mức độ nào? Liệu Homo sapiens có thể hiểu được thế giới mà nó đã tạo ra? Liệu có còn một ranh giới rõ ràng giữa thực tế và hư cấu?

Trong phần năm, và cũng là phần cuối, tôi thu thập những đầu mối khác nhau và có một cái nhìn tổng thể hơn về đời sống trong một thời đại nhiễu loạn, khi những câu chuyện cũ đã sụp đổ và chưa có câu chuyện mới nào xuất hiện để thay thế chúng. Chúng ta là ai? Chúng ta nên làm gì trong đời? Những loại kỹ năng nào là cần thiết? Với tất cả những gì chúng ta biết và không biết về khoa học, Chúa, chính trị và tôn giáo, chúng ta có thể nói gì về ý nghĩa cuộc đời ngày nay?

Điều này nghe có vẻ quá tham vọng, nhưng Homo sapiens không thể chờ được. Triết học, tôn giáo và khoa học đều đang cạn dần thời gian, Con người đã tranh luận về ý nghĩa cuộc sống hàng ngàn năm nay. Chúng ta không thể kéo dài cuộc tranh luận này mãi. Cuộc khủng hoảng sinh thái đang lấp ló, mối đe dọa của các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt đang ngày càng lớn, và sự trỗi dậy của các công nghệ đột phá mới sẽ không cho phép điều đó. Có lẽ quan trọng nhất là việc trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học đang đem lại cho con người quyền năng tái định hình và tái thiết kế sự sống. Rất sớm thôi, ai đó sẽ phải quyết định sử dụng quyền năng này như thế nào, dựa trên một câu chuyện ngụ ý hay công khai nào đó về ý nghĩa cuộc sống. Các nhà triết học là những người rất kiên nhẫn, nhưng các kỹ sư thì thiếu kiên nhẫn hơn rất nhiều, và các nhà đầu tư là ít kiên nhẫn hơn cả. Nếu bạn không biết phải làm gì với quyền năng tái thiết kế sự sống thì các động lực thị trường sẽ không đợi cả ngàn năm để bạn đưa ra câu trả lời đâu. Bàn tay vô hình của thị trường sẽ áp đặt câu trả lời mù quáng của nó lên bạn. Trừ phi bạn vui vẻ phó thác tương lai của mình vào lòng từ bi của các bản báo cáo doanh thu quý, bạn cần có một ý kiến sáng suốt về ý nghĩa cuộc sống này.

Trong phần cuối chương I, tôi tự cho phép mình đưa ra một vài nhận định cá nhân, nói chuyện với tư cách một *Homo sapiens* với một *Homo sapiens* khác, ngay trước khi tấm màn nhung khép lại với giống loài chúng ta và một vở kịch hoàn toàn khác bắt đầu.

Trước khi bắt đầu hành trình tri thức này, tôi muốn làm rõ một điểm tối quan trọng. Trong phần lớn cuốn sách này, tôi bàn về những khiếm khuyết của thế giới quan tự do và hệ thống dân chủ. Tôi làm như vậy không phải vì tôi tin nền dân chủ là đặc biệt có vấn đề mà vì tôi nghĩ nó là mô hình chính trị linh hoạt nhất mà con người đã phát triển được để đối phó với những thách thức của thế giới hiện đại. Mặc dù nó có thể không phù hợp cho mọi xã hội trong mọi giai đoạn phát triển, nó đã chứng tỏ giá trị của mình trong một số xã hội và hoàn cảnh. Thế nên khi nghiên cứu những thử thách mới trước mắt, chúng ta cần phải hiểu những hạn chế của nền dân chủ tự do và khám phá xem chúng ta có thể điều chỉnh cũng như cải tiến các thể chế của nó như thế nào.

Thật không may, trong môi trường chính trị hiện tại, mọi suy nghĩ phản biện về chủ nghĩa tự do và dân chủ có thể bị nhiều phong trào phi tự do

khác nhau lợi dụng, mục đích của họ là làm mất uy tín của nền dân chủ tự do hơn là tham gia một cuộc đàm luận mở về tương lai của loài người. Mặc dù họ rất vui khi tranh luận về các vấn đề của nền dân chủ tự do, họ gần như không chịu đựng được bất kỳ lời chỉ trích nào nhắm vào họ.

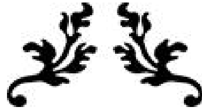
Do đó, với tư cách tác giả, tôi buộc phải đưa ra một lựa chọn khó khăn. Tôi có nên cởi mở nói rõ lòng mình và chấp nhận nguy cơ những lời nói của tôi có thể bị dùng ngoài văn cảnh? Hay tôi nên tự kiểm soát mình? Các chế độ phi tự do có một đặc điểm là họ làm cho quyền tự do ngôn luận trở nên khó khăn hơn ngay cả bên ngoài biên giới của họ. Chính vì sự lan rộng cúa những thể chế đó mà việc tư duy mang tính phản biện về tương lai của loài người đang ngày càng trở nên nguy hiểm.

Sau một hồi tự soi thấu bản thân, tôi đã chọn thảo luận tự do. Nếu không chỉ trích mô hình tự do, chúng ta không thể sửa chữa những khuyết điểm của nó hay tiến xa hơn nó. Nhưng làm ơn lưu ý rằng cuốn sách này chỉ có thể được viết ra khi con người vẫn còn được tương đối tự do nghĩ gì họ thích và thể hiện bản thân như họ muốn. Nếu bạn tôn trọng cuốn sách này, bạn cũng nên tôn trọng quyền tự do biểu đạt.



Phần I

THÁCH THỨC CÔNG NGHỆ



Loài người đang mất lòng tin vào câu chuyện tự do đã thống trị nền chính trị toàn cầu trong vài thập kỷ gần đây, chính xác là từ khi sự hợp nhất của công nghệ sinh học và công nghệ thông tin bắt ta đối đầu với những thách thức lớn nhất mà loài người từng phải đối mặt.



1

VỠ MỘNG



SỰ KẾT THÚC CỦA LỊCH SỬ ĐÃ BỊ HOÃN LẠI

CON NGƯỜI suy nghĩ theo các câu chuyện hơn là theo các thực tế, số liệu hay đẳng thức; câu chuyện càng đơn giản càng tốt. Mỗi người, nhóm người và quốc gia đều có những câu chuyện và huyền thoại riêng của mình. Nhưng trong thế kỷ 20, giới tinh hoa toàn cầu tại New York, London, Berlin đã "nhào nặn" nên ba câu chuyện vĩ đại tự nhận là giải thích được toàn bộ quá khứ và tiên đoán được tương lai của cả thế giới: câu chuyện về chủ nghĩa phát xít, câu chuyện về chủ nghĩa toàn trị và câu chuyện về chủ nghĩa tự do. Thế chiến thứ hai hạ gục câu chuyện phát xít, và từ cuối thập niên 1940 đến cuối thập niên 1980, thế giới trở thành một "chiến trường" với hai câu chuyện: chủ nghĩa toàn trị và chủ nghĩa tự do. Rồi câu chuyện toàn trị đi qua và câu chuyện tự do còn lại là "kim chỉ nam" "thống trị" quá khứ của con người và là cuốn "cẩm nang" không thể thiếu cho tương lai của thế giới, hoặc ít nhất với giới tinh hoa toàn cầu là như vậy.

Câu chuyện tự do tôn vinh giá trị và quyền năng của tự do. Nó kể rằng hàng ngàn năm nay, loài người đã sống dưới những chế độ áp chế cho con người rất ít quyền chính trị, các cơ hội kinh tế, hay tự do cá nhân; chúng hạn chế nặng nề sự chuyển dịch của các cá nhân, ý tưởng và hàng hóa. Nhưng con người đã đấu tranh cho tự do, và tự do đã từng bước chiếm thế thượng phong. Các thể chế dân chủ thay thế những nền độc tài tàn bạo. Doanh nghiệp tự do vượt qua các rào cản kinh tế. Con người học cách nghĩ cho bản thân và đi theo trái tim thay vì mù quáng tuân phục những thầy tu đầy thiên kiến và những truyền thống bảo thủ. Những con đường mở,

những cây cầu rộng và những sân bay đông đúc đã thay thế tường, hào và dây kẽm gai.

Câu chuyện tự do thừa nhận rằng, thế giới không phải cái gì cũng tốt đẹp và vẫn còn rất nhiều trở ngại phải vượt qua. Đâu đó trên hành tinh chúng ta vẫn có những kẻ độc tài thống trị, và ngay ở các quốc gia "tự do" nhất, nhiều công dân vẫn chịu cảnh nghèo đói, bạo lực và áp bức. Nhưng ít nhất chúng ta biết phải làm gì để vượt qua những vấn đề này: cho con người nhiều tự do hơn. Chúng ta cần bảo vệ quyền con người, cho mọi người quyền bầu cử, thiết lập thị trường tự do và để cho các cá nhân, ý tưởng cũng như hàng hóa di chuyển khắp thế giới càng dễ dàng càng tốt. Theo giải pháp tự do triệt để được cả George W.Bush và Barack Obama chấp nhận theo vài phiên bản hơi khác nhau này, nếu chúng ta cứ thế tiếp tục "mở cửa" và toàn cầu hóa các hệ thống chính trị và kinh tế, chúng ta sẽ đem lại hòa bình và thịnh vượng cho tất cả mọi người.

Các quốc gia tham gia vào cuộc hành quân tiến bộ không gì có thể cản bước này sẽ được tưởng thưởng bằng hòa bình và thịnh vượng sớm hơn. Quốc gia nào cố đi ngược điều không thể tránh khỏi này sẽ phải gánh chịu hậu quả cho đến khi chính họ hiểu ra, mở cửa biên giới, tự do hóa xã hội, chính trị và thị trường. Điều này có thể cần thời gian, nhưng cuối cùng thì ngay cả Triều Tiên, Iraq và El Salvador rồi cũng sẽ giống Đan Mạch hay Iowa.

Vào những năm 1990 và 2000, câu chuyện này trở thành một câu thần chú toàn cầu. Nhiều chính phủ từ Brazil đến Ấn Độ đã đưa "công thức" tự do vào trong một nỗ lực tham gia vào cuộc hành quân không gì có thể ngăn cản nổi này của lịch sử. Những nơi không làm được điều này trông như một vùng nguyên thủy lạc hậu. Vào năm 1997, tổng thống Mỹ Bill Clinton đã tự tin chỉ trích chính phủ Trung Quốc, nói rằng việc từ chối tự do hóa nền chính trị Trung Hoa đã đặt nước này "đi ngược trào lưu lịch sử".

Tuy nhiên, từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, người dân khắp nơi trên thế giới đã ngày càng trở nên vỡ mộng với câu chuyện tự do. Tường rào và tường lửa được ưa dùng trở lại. Sự phản đối nhập cư và các thỏa thuận thương mại đang gia tăng. Một số chính phủ, khoác danh nghĩa dân chủ đang làm suy yếu tính độc lập của hệ thống tư pháp, biến mọi sự đối lập thành tội phản quốc. Những lãnh đạo chính trị ở các nước

như Thổ Nhĩ Kỳ và Nga thử nghiệm các kiểu dân chủ phi tự do mới. Ngày nay, rất ít người dám tự tin tuyên bố Trung Quốc "đi ngược trào lưu lịch sử".

Năm 2016, được đánh dấu bằng cuộc bỏ phiếu Brexit ở Anh và sự nổi lên của Donald Trump ở Mỹ, báo hiệu thời điểm con sóng thủy triều của sự vỡ mộng này vỗ vào những quốc gia theo chủ nghĩa tự do trung tâm ở Tây Âu và Bắc Mỹ. Trong khi một vài năm trước, người Mỹ và người châu Âu vẫn đang cố tự do hóa Iraq và Libya bằng họng súng, nhiều người ở Kentucky và Yorkshire giờ đang bắt đầu coi viễn cảnh tự do như một cái gì đó không đáng mong ước hay không thể đạt được. Một số phát hiện ra mình bắt đầu hoài vọng thế giới theo trật tự cũ, và họ đơn giản là không muốn từ bỏ các đặc quyền chủng tộc, dân tộc hay giới tính của mình. Một số đi đến kết luận (đúng hoặc sai) rằng tự do hóa và toàn cầu hóa là một phi vụ lớn chỉ kiếm lời cho một nhóm thiểu số tinh hoa với cái giá phải trả của cả đám đông.

Vào năm 1938, con người được đưa cho ba câu chuyện toàn cầu để lựa chọn; đến năm 1968 chỉ có hai và vào năm 1998, có vẻ như chỉ còn một câu chuyện trụ lại. Đến năm 2018, ta có số không tròn trĩnh. Chẳng trách mà giới tinh hoa theo tư tưởng chủ nghĩa tự do, những người đã thống lĩnh phần lớn thế giới trong những thập kỷ gần đây, đang sốc và mất phương hướng. Có một câu chuyện là an tâm hơn tất cả. Mọi thứ rõ ràng tuyệt đối. Đột ngột chẳng còn câu chuyện nào thì thật đáng sợ. Chẳng còn gì có ý nghĩa nữa. Một chút giống như giới tinh hoa của Liên Xô trong những năm 1980, những người theo chủ nghĩa tự do không hiểu tại sao lịch sử lại đi chệch khỏi con đường đã vạch sẵn từ trước và họ thiếu một lăng kính thay thế để diễn giải hiện thực. Mất phương hướng khiến họ nghĩ "Ngày tận thế" đang đến, như thể việc lịch sử không đi đến được kết cuộc có hậu mà người ta trông mong chỉ có thể có nghĩa là lịch sử đang lao về phía "Diệt Vong" trong cuộc xung đột giữa Thiện và Ác. Đã đến lúc phải xem xét tình hình hiện tại khó chịu này thay vì lờ nó đi, nhưng người ta lại không thể, trí óc cứ bám lấy các viễn cảnh thảm họa. Như một người tưởng tượng một con nhức đầu tệ hại là dấu hiệu của một khối u não giai đoạn cuối, nhiều người theo chủ nghĩa tự do sợ rằng Brexit và sự nổi lên của Donald Trump báo hiệu cái kết của văn minh nhân loại.

—ooOoo—

TỪ DIỆT MUỖI ĐẾN DIỆT SUY NGHĨ

TỐC ĐỘ đứt gãy do công nghệ[1] ngày càng tăng làm cho cảm giác mất phương hướng và ngày tàn đang cận kề của chúng ta trở nên tồi tệ thêm. Hệ thống chính trị tự do được định hình trong thời đại công nghiệp để quản lý thế giới các động cơ hơi nước, nhà máy lọc dầu và màn hình ti vi. Nó gặp khó khăn khi đối đầu với các cuộc cách mạng đang diễn ra trong công nghệ thông tin và công nghệ sinh học.

Cả chính trị gia lẫn cử tri đều gần như không hiểu được các công nghệ mới, nói gì đến việc quản lý tiềm năng bùng nổ của chúng. Từ những năm 1990, mạng Intemet đã thay đổi thế giới có lẽ nhiều hơn bất kỳ yếu tố nào khác, thế nhưng cuộc cách mạng intemet lại do các kỹ sư dẫn dắt nhiều hơn là các đảng phái chính trị. Bạn có bao giờ bầu gì cho mạng Intemet chưa? Hệ thống dân chủ vẫn đang chật vật để hiểu xem ai vừa giáng cho mình một cú và nó không được trang bị để đối mặt với những cú sốc tiếp theo, như là sự trỗi dậy của AI (trí tuệ nhân tạo) và cuộc cách mạng blockchain.

Ngày nay, máy vi tính đã biến hệ thống tài chính trở nên phức tạp đến nỗi rất ít người có thể hiểu được. Khi AI phát triển, sớm thôi, sẽ không ai trong chúng ta có thể hiểu nổi nền tài chính nữa. Việc này sẽ ảnh hưởng ra sao đến tiến trình chính trị? Bạn có thể tưởng tượng ra một chính phủ "gò lưng" chờ một thuật toán xét duyệt ngân sách hay bản cải cách thuế mới cho mình không? Trong khi đó, các mạng blockchain ngang hàng (P2P) và các đồng tiền mã hóa như Bitcoin có thể hoàn toàn tái cơ cấu hệ thống tiền tệ, khiến các cải cách thuế triệt để là không thể tránh khỏi. Chẳng hạn, việc tính và đánh thuế thu nhập bằng đô la có thể trở thành bất khả thi hoặc bất hợp lý vì hầu hết các giao dịch sẽ không bao gồm việc trao đổi các đồng tiền quốc gia, hay thậm chí là bất cứ đồng tiền nào, một cách rõ ràng. Các chính phủ do đó cần phải phát minh ra những loại thuế hoàn toàn mới, có lẽ là một loại thuế đánh vào thông tin (vừa là tài sản quan trọng nhất trong nền kinh tế, vừa là thứ duy nhất được trao đổi trong vô số các giao dịch). Hệ thống chính trị có thể xoay sở để đối phó với cuộc khủng hoảng này trước khi cạn tiền không?

Quan trọng hơn, cuộc cách mạng kép trong công nghệ thông tin và sinh học có thể tái cơ cấu không chỉ các nền kinh tế và các xã hội mà chính cơ thể và tâm trí của chúng ta. Trong quá khứ, con người đã học cách kiểm soát thế giới bên ngoài, nhưng chỉ kiểm soát được rất ít thế giới bên trong. Chúng ta biết cách xây một cái đập và ngăn dòng một con sông, nhưng không biết làm thế nào để ngăn cơ thể khỏi lão hóa. Chúng ta biết làm sao để thiết kế một hệ thống tưới tiêu nhưng không biết làm thế nào để thiết kế một bộ não. Nếu một con muỗi vo ve bên tai và phá giấc ngủ, chúng ta biết làm thế nào để diệt con muỗi; nhưng nếu một ý nghĩ vo ve trong đầu và làm trằn trọc thâu đêm, hầu hết chúng ta không biết làm gì để diệt ý nghĩ đó.

Các cuộc cách mạng trong công nghệ thông tin và công nghệ sinh học sẽ cho chúng ta khả năng kiểm soát thế giới bên ngoài, đồng thời tái định hình và tái thiết kế sự sống. Chúng ta sẽ học cách thiết kế các bộ não, kéo dài sự sống và tiêu diệt ý nghĩ tùy thích. Chẳng ai biết hậu quả sẽ là gì. Con người luôn giỏi chế tạo công cụ hơn là sử dụng chúng một cách khôn ngoan. Nắn dòng một con sông bằng cách xây một con đập thì dễ hơn nhiều việc dự đoán tất cả những hệ lụy phức tạp mà điều này sẽ gây nên cho hệ sinh thái rộng lớn hơn. Tương tự, nắn dòng suy nghĩ thì dễ hơn là hiểu được việc đó sẽ ảnh hưởng ra sao tới tâm lý cá nhân hay hệ thống xã hội của chúng ta.

Trong quá khứ, chúng ta đạt được quyền năng kiểm soát thế giới xung quanh và tái định hình cả hành tinh này; nhưng chúng ta không hiểu sự phức tạp của hệ sinh thái toàn cầu nên những thay đổi chúng ta tạo ra đã vô tình làm gián đoạn toàn bộ hệ sinh thái và giờ ta đang đối mặt với một cuộc sụp đổ sinh thái. Trong thế kỷ tiếp theo, công nghệ sinh học và công nghệ thông tin sẽ cho chúng ta quyền năng kiểm soát thế giới bên trong và tái định hình bản thân; nhưng vì không hiểu sự phức tạp của chính tâm trí mình nên những thay đổi chúng ta sẽ tạo ra có thể làm đảo lộn hệ thần kinh đến mức chính nó cũng có thể sẽ sụp đổ.

Các cuộc cách mạng trong công nghệ thông tin và công nghệ sinh học hiện đang được các kỹ sư, doanh nhân và các nhà khoa học khởi xướng; họ là những người gần như không ý thức được tầm ảnh hưởng chính trị của các quyết định mà họ đưa ra, và chắc chắn không đại diện cho bất cứ ai. Liệu các nghị viện và đảng phái chính trị có xắn tay vào? Hiện tại thì có vẻ

không phải vậy. Sự đứt gãy do công nghệ gây ra thậm chí còn không phải là một đề mục ưu tiên trong các chương trình nghị sự. Trong cuộc tranh cử tổng thống Mỹ 2016, sự đứt gãy của công nghệ được nói đến ở trên chủ yếu lại liên quan đến vụ lùm xùm về email của Hillary Clinton; và mặc dù các bài nói chuyện của hai ứng cử viên đều về tình trạng mất việc làm, không ai đả động đến nguy cơ của tự động hóa. Donald Trump cảnh báo các cử tri rằng người Mexico và người Trung Quốc sẽ lấy đi việc làm của họ, do đó họ nên xây một bức tường dọc biên giới với Mexico. Ông ta chưa bao giờ cảnh báo cử tri rằng các thuật toán sẽ lấy đi việc làm của họ cũng như không gợi ý xây một bức tường lửa dọc biên giới với California.

Đây có thể là một trong những nguyên do (dù không phải là duy nhất) các cử tri ngay tại những vùng trung tâm của xã hội phương Tây tự do đang mất dần lòng tin vào câu chuyện tự do và tiến trình dân chủ. Người thường có thể không hiểu trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học, nhưng họ có thể cảm nhận được tương lai đang bỏ họ lại phía sau. Vào năm 1938, tình trạng của một thường dân ở Liên bang Xô-viết, Đức hay Mỹ có thể tệ, nhưng người ta liên tục rỉ vào tai anh ta rằng anh là thứ quan trọng nhất thế giới, rằng anh là tương lai (đương nhiên miễn anh là một "người bình thường" chứ không phải người Do Thái hay người Phi). Anh ta nhìn những tấm áp-phích tuyên truyền, thường vẽ những người thợ mỏ, công nhân thép và các bà nội trợ trong những tư thế anh hùng, và thấy mình ở đó: "Mình có trong tấm áp-phích ấy! Mình là người hùng của tương lai!"

Đến năm 2018, thường dân ngày càng cảm thấy mình vô dụng. Rất nhiều từ ngữ bí ẩn đang được bàn qua tán lại một cách đầy hứng khởi trong các buổi TED Talk, các viện nghiên cứu của chính phủ và các hội thảo công nghệ cao: toàn cầu hóa, blockchain, công nghệ di truyền, trí tuệ nhân tạo, học máy; và thường dân có thể nghi ngờ là chẳng có từ nào trong đó nói về họ cả. Câu chuyện tự do là câu chuyện của những thường dân. Làm sao nó còn thỏa đáng được trong một thế giới của người-lai-máy và các thuật toán kết nối mạng?

Trong thế kỷ 20, quần chúng làm cách mạng chống bóc lột và tìm cách biến vai trò chính yếu của mình trong nền kinh tế thành quyền lực chính trị. Giờ đây, quần chúng sợ sự vô dụng và lao vào sử dụng chút quyền lực chính trị còn sót lại của mình trước khi quá muộn. Brexit và sự nổi lên của Trump do đó có thể minh họa cho một quỹ đạo đối lập với quỹ đạo của các

cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa truyền thống. Các cuộc cách mạng Nga, Trung Quốc và Cuba được tạo ra bởi những người quan trọng với nền kinh tế nhưng chưa mạnh về chính trị; vào năm 2016, Trump và Brexit được chống lưng bởi nhiều người vẫn thích hưởng quyền lực chính trị nhưng e sợ rằng mình đang mất giá trị kinh tế. Có lẽ trong thế kỷ 21, các cuộc nổi dậy dân túy sẽ được tiến hành không phải để chống lại một lớp tinh hoa kinh tế bóc lột con người mà sẽ chống lại một lớp tinh hoa kinh tế không cần đến người dân nữa. Đây rất có thể sẽ là một trận chiến nhất định thua. Đấu tranh chống lại sự vô dụng thì khó hơn rất nhiều chống lại sự bóc lột.

—ooOoo—

PHƯỢNG HOÀNG TỰ DO

ĐÂY KHÔNG phải lần đầu tiên câu chuyện tự do đối mặt với một cuộc khủng hoảng lòng tin. Từ khi câu chuyện này có sức ảnh hưởng toàn cầu, trong nửa sau thế kỷ 19, nó đã chịu nhiều cuộc khủng hoảng định kỳ. Kỷ nguyên đầu tiên của toàn cầu hóa và tự do hóa kết thúc trong cuộc tắm máu của Thế chiến thứ nhất, khi nền chính trị quyền lực đế quốc rút ngắn cuộc "hành quân" tiến bộ toàn cầu. Trong những ngày tiếp sau cuộc ám sát thái tử Franz Ferdinand ở Sarajevo, hóa ra những bậc nắm quyền vĩ đại lại tin vào chủ nghĩa đế quốc hơn chủ nghĩa tự do rất nhiều; và thay vì thống nhất thế giới qua thương mại tự do và hòa bình, họ tập trung vào việc chiếm một miếng to hơn của quả địa cầu bằng vũ lực. Thế nhưng chủ nghĩa tự do đã sống sót qua thời khắc của Franz Ferdinand và trỗi dậy mạnh mẽ hơn trước từ cơn lốc chiến tranh, vốn được hứa hẹn là "cuộc chiến để chấm dứt mọi cuộc chiến". Có vẻ như cuộc tàn sát không tiền khoáng hậu này đã dạy con người cái giá khủng khiếp của chủ nghĩa đế quốc, và giờ đây con người cuối cùng cũng đã sẵn sàng kiến tạo một trật tự thế giới mới dựa trên các nguyên tắc của tự do và hòa bình.

Thế rồi thời khắc của Hitler lại đến; vào thập niên 1930 và đầu thập niên 1940, chủ nghĩa phát xít dường như là không thể cưỡng lại. Chiến

thắng mối đe dọa này thuần túy báo hiệu một mối đe dọa khác. Trong thời khắc của Che Guevara, giữa những năm 1950 và 1970, có vẻ như một lần nữa chủ nghĩa tự do đã đến hồi cáo chung, và tương lai thuộc về chủ nghĩa toàn trị. Cuối cùng, chủ nghĩa toàn trị lại ra đi. Siêu thị hóa ra mạnh hơn nhà tù rất nhiều. Quan trọng hơn, câu chuyện tự do hóa ra lại mềm mỏng và linh hoạt hơn bất cứ đối thủ nào của nó. Nó chiến thắng chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa toàn trị bằng cách kế thừa một số ý tưởng và hành động tốt nhất của các đối thủ. Cụ thể, câu chuyện tự do học được bằng việc mở rộng vòng tròn thấu cảm và tôn trọng sự bình đẳng cùng với sự tự do.

Ban đầu, câu chuyện tự do chủ yếu quan tâm đến những quyền tự do và đặc quyền của đàn ông trung lưu châu Âu, và có vẻ mù lòa trước tình cảnh của những người lao động, phụ nữ, người thiểu số và những người phi-phương Tây. Vào năm 1918, khi Anh và Pháp thắng trận hào hứng nói về tự do, họ không hề nghĩ về các thần dân trong các đế chế toàn cầu của họ. Chẳng hạn, những đòi hỏi về quyền tự quyết của người Ấn Độ dã được đáp trả bằng cuộc thảm sát Amritsar năm 1919, trong đó quân đội Anh giết hại hàng trăm người biểu tình tay không tấc sắt.

Ngay cả lúc mở màn Thế chiến thứ hai, những nhà tự do chủ nghĩa phương Tây vẫn rất vất vả khi áp dụng các giá trị được cho là có tính phổ quát của họ lên những người phi-phương Tây. Do đó, khi Hà Lan trỗi dậy vào năm 1945 sau 5 năm bị quân Nazi cai trị tàn bạo, gần như việc đầu tiên họ làm là thành lập quân đội và điều quân đi nửa vòng Trái đất để tái chiếm thuộc địa cũ của họ là Indonesia. Trong khi vào năm 1940, người Hà Lan tự từ bỏ độc lập chỉ sau chưa tới bốn ngày giao chiến, nhưng lại chiến đấu hơn bốn năm ròng rã và cay đắng để đàn áp quyền độc lập của người Indonesia. Chẳng trách mà nhiều phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đặt hy vọng vào Moscow và Bắc Kinh hơn là những người hùng tự do tự xưng ở phương Tây.

Tuy nhiên, dần dà, câu chuyện tự do mở rộng tầm nhìn, và cuối cùng, ít nhất là về lý thuyết, đã đi đến chỗ tôn vinh cả tự do và quyền lợi của tất cả mọi người, không có ngoại lệ. Khi vòng tròn tự do mở rộng, câu chuyện tự do cũng dần nhận ra tầm quan trọng của các chương trình phúc lợi kiểu của các nhà nước phi tự do. Tự do chẳng đáng giá là bao trừ phi đi kèm với một kiểu mạng lưới bảo hộ an sinh xã hội nhất định. Các nhà nước phúc

lợi dân chủ-Xã hội kết hợp dân chủ và nhân quyền với giáo dục và y tế được nhà nước đài thọ. Ngay cả nước Mỹ siêu - tư bản cũng nhận ra việc bảo vệ tự do cần ít nhất một số dịch vụ phúc lợi công. Để trẻ con bị đói thì chẳng phải tự do gì sất.

Đến đầu thập niên 1990, các nhà tư tưởng và chính trị gia đồng lòng tung hô điểm "Kết thúc của lịch sử", tự tin khẳng định rằng tất cả các câu hỏi lớn về chính trị cũng như kinh tế của quá khứ đã được giải quyết và gói tự do được "tân trang" lại gồm dân chủ, nhân quyền, thị trường tự do và các dịch vụ phúc lợi công vẫn là lựa chọn tối ưu. Gói này có vẻ như chắc chắn sẽ lan rộng ra khắp thế giới, vượt mọi rào cản, xóa mọi ranh giới quốc gia và biến loài người thành một cộng đồng toàn cầu tự do duy nhất.

Nhưng lịch sử lại không kết thúc; theo sau thời khắc của Franz Ferdinand hay của Hitler; giờ đây chúng ta thấy mình đang đứng giữa thời khắc của Trump. Tuy nhiên, lần này, câu chuyện tự do không phải đối mặt với một đối thủ ý thức hệ nhất quán như chủ nghĩa đế quốc hay chủ nghĩa phát xít. Thời khắc của Trump mang tính hư vô chủ nghĩa hơn rất nhiều.

Trong khi các phong trào chính của thế kỷ 20 đều mang tầm nhìn nhân loại, như thống trị thế giới, cách mạng hay tự do, thì Donald Trump chẳng đề xuất cái gì như vậy cả. Ngược lại thì đúng hơn. Thông điệp chính của ông ta là việc nhào nặn và tung hô một tầm nhìn toàn cầu không phải là việc của nước Mỹ. Tương tự, những người ủng hộ Brexit ở Anh chỉ có một kế hoạch cho tương lai của Vương quốc Anh Không Liên hiệp; tương lai của châu Âu và của thế giới vượt xa tầm nhìn của họ. Hầu hết những người bầu cho Trump và Brexit không hoàn toàn bác bỏ gói tự do, họ chỉ mất lòng tin chủ yếu vào phần toàn cầu hóa. Họ vẫn tin vào dân chủ, thị trường tự do, quyền con người và trách nhiệm xã hội, nhưng họ nghĩ những ý tưởng cao đẹp đó nên dừng ở đường biên giới. Thực ra, họ tin rằng để bảo toàn tự do và thịnh vượng ở Yorkshire hay Kentucky, cách tốt nhất là xây một bức tường ở biên giới và áp dụng các chính sách phi tự do đối với người nước ngoài.

Siêu cường Trung Quốc đang trỗi dậy lại cho thấy một hình ảnh gần như phản chiếu kịch bản này. Thận trọng tự do hóa phần nội địa, nhưng lại áp dụng một cách tiếp cận tự do hơn nhiều với phần còn lại của thế giới. Trên thực tế, đứng trước vấn đề tự do thương mại và hộp tác quốc tế, Tập

Cận Bình như người kế tục đích thực của Obama. Trung Quốc có vẻ khá hài lòng với trật tự quốc tế tự do.

Nước Nga tái sinh tự thấy mình là một đối thủ cực kỳ đáng gờm của trật tự tự do toàn cầu, nhưng mặc dù đã tái lập sức mạnh quân sự của mình, về mặt ý thức hệ, nó hoàn toàn "phá sản". Vladimir Putin hẳn nhiên rất được lòng người ở Nga và các trào lưu cánh hữu khắp nơi trên thế giới, nhưng ông ta không có thế giới quan toàn cầu nào có thể hấp dẫn những người Tây Ban Nha thất nghiệp, những người Brazil bất mãn hay các sinh viên mơ mộng viển vông ở Cambridge.

Nước Nga quả có đưa ra một mô hình phát triển thay thế, nhưng đó không phải là một ý thức hệ nhất quán. Đúng hơn, nó là một đường lối chính trị tạo điều kiện cho một số người độc quyền kiểm soát của cải và quyền lực quốc gia rồi sử dụng truyền thông để làm bình phong cho các hoạt động đó. Mô hình dân chủ vốn dựa trên nguyên tắc của Abraham Lincoln, rằng "anh có thể lừa tất cả mọi người vào một lúc nào đó và một số người vào mọi lúc, nhưng anh không thể lừa tất cả mọi người vào mọi lúc được". Nếu một chính quyền lỏng lẻo và không thể cải thiện đời sống của người dân, đến một lúc nào đó sẽ có đủ công dân nhận ra điều này và phản đối. Nhưng quyền kiểm soát truyền thông lại làm suy yếu logic của Lincoln. Thông qua truyền thông, người ta có thể hết lần này đến lần khác đổ lỗi mọi thất bại của mình lên người khác và đánh lạc hướng chú ý sang các mối xung đột từ bên ngoài, dù thực tế hay tưởng tượng.

Khi bạn sống trong một hoàn cảnh như vậy, luôn có một cuộc khủng hoảng nào đó được ưu tiên hơn những thứ bình đẳng như y tế hay ô nhiễm. Nếu một chính quyền đang phải đối mặt với ngoại xâm hay âm mưu lật đổ thâm độc thì liệu còn có đủ thời gian lo lắng về các bệnh viện quá tải và những dòng sông ô nhiễm? Bằng cách tạo ra một loạt những cuộc khủng hoảng không hồi kết, một chính quyền có thể kéo dài sự tồn tại của nó lâu dài.

Thế nhưng, dù tồn tại lâu dài trên thực tế, mô hình này không hấp dẫn ai hết. Không như các ý thức hệ khác tự hào thuyết giáo về tầm nhìn của mình, các chính thể chuyên chế không tự hào về những đường lối của mình và chúng thường sử dụng các ý thức hệ khác như một tấm bình phong. Những người cực đoan cánh hữu ở Pháp và Anh hoàn toàn có thể

dựa vào sự trợ giúp của Nga và thể hiện sự ngưỡng mộ dành cho Putin; nhưng các cử tri của họ thực ra sẽ không thích sống trong một đất nước sao y mô hình nước Nga; một đất nước còn hiện trạng tham nhũng, dịch vụ trời ơi, luật pháp không nghiêm và còn nhiều bất bình đẳng. Theo một số chỉ số, Nga là một trong những nước bất bình đẳng trên thế giới với 87% của cải tập trung trong tay 10% những người giàu có nhất. Liệu có bao nhiêu người lao động ủng hộ Mặt trận Dân tộc ở Pháp sao chép mô hình phân phối của cải này?

Con người "bỏ phiếu bằng chân"[2]. Trong những lần chu du thế giới, tôi đã gặp vô số người ở rất nhiều quốc gia muốn di cư sang Mỹ, Đức, Canada hay Úc. Tôi đã gặp vài người muốn chuyển tới Trung Quốc hay Nhật Bản. Nhưng ít có người nào mơ được định cư ở Nga cả.

Như với "Hồi giáo toàn cầu", nó hấp dẫn chủ yếu những người sinh ra trong lòng nó. Trong khi nó có thể hấp dẫn một số người ở Syria và Iraq, thậm chí thanh niên theo Hồi giáo thấy mình lạc lõng ở Đức và Anh, thật khó hình dung những người Hy Lạp hay Nam Phi, chưa kể Canada hay Hàn Quốc, tham gia một đế chế Hồi giáo toàn cầu như một liều thuốc chữa lành những vấn đề của họ. Ngay cả trong trường hợp này, con người cũng bỏ phiếu "bằng chân". Cứ mỗi thanh niên theo đạo Hồi đi từ Đức đến Trung Đông để sống dưới một nền chính trị thần quyền Hồi giáo, lại có hàng trăm thanh niên Trung Đông muốn hành trình ngược lại và bắt đầu một cuộc sống mới cho chính họ ở nước Đức tự do.

Điều này có thể nói lên rằng, cuộc khủng hoảng đức tin hiện tại là ít nghiêm trọng hơn những lần khủng hoảng trước. Bất cứ một người theo chủ nghĩa tự do nào đang thấy tuyệt vọng vì các sự kiện diễn ra trong vài năm gần đây có thể nhớ là mọi thứ đã từng tồi tệ hơn đến mức nào trong các năm 1918,1938 hay 1968. Cuối cùng, loài người sẽ không từ bỏ câu chuyện tự do. Con người có thể thất vọng về hệ thống, nhưng vì chẳng có chỗ nào khác để đi, cuối cùng họ vẫn quay về với nó.

Mặt khác, con người có thể hoàn toàn từ bỏ việc có một thể loại câu chuyện toàn cầu mà thay vào đó tìm sự an toàn trong những câu chuyện mang tính dân tộc và tôn giáo địa phương. Trong thế kỷ 20, các phong trào dân tộc đóng vai trò chính trị cực kỳ quan trọng, nhưng chúng thiếu một tầm nhìn nhất quán cho tương lai của thế giới bên cạnh việc ủng hộ sự

phân chia địa cầu ra thành các quốc gia-dân tộc độc lập. Các nhà dân tộc chủ nghĩa Indonesia đấu tranh chống lại sự thống trị của người Hà Lan và các nhà dân tộc chủ nghĩa của các quốc gia khác có bối cảnh tương tự muốn có một nền độc lập, nhưng không có câu chuyện nào của Indonesia hay các quốc gia kia dành cho toàn thể nhân loại cả. Khi cần phải giải thích xem Indonesia và tất cả các quốc gia tự do khác nên liên hệ với nhau như thế nào và con người nên đối phó với các vấn đề toàn cầu như mối đe dọa chiến tranh hạt nhân ra sao, thì những nhà dân tộc chủ nghĩa vẫn mong quay trở về với các ý tưởng tự do hoặc toàn trị.

Nhưng nếu hiện giờ cả chủ nghĩa tự do lẫn chủ nghĩa toàn trị đều đã lỗi thời, có lẽ con người nên từ bỏ luôn ý tưởng về một câu chuyện toàn cầu duy nhất. Xét cho cùng, chẳng phải tất cả các câu chuyện toàn cầu này, ngay cả chủ nghĩa toàn trị, cũng là sản phẩm của chủ nghĩa đế quốc phương Tây hay sao? Tại sao những người nông dân nên đặt niềm tin vào đứa con tinh thần của một người đàn ông Đức đến từ Trier và một nhà tư bản công nghiệp người Manchester? Có lẽ mỗi đất nước nên có đường lối đặc thù riêng, được định hình bởi chính các truyền thống của nó. Có lẽ ngay cả những người phương Tây cũng nên tạm ngừng việc cố vận hành thế giới và tập trung vào chính các vấn đề của mình để thay đổi.

Đây có vẻ là điều đang xảy ra khắp toàn cầu, khi khoảng trống bị để lại sau sự sụp đổ của chủ nghĩa tự do đang nhất thời được những ảo tưởng hoài cổ về quá khứ hoàng kim bản địa nào đó lấp đầy. Donald Trump ghép những lời kêu gọi về chủ nghĩa biệt lập kiểu Mỹ với lời hứa "khiến nước Mỹ vĩ đại trở lại", như thể nước Mỹ của những năm 1980 hay 1950 là một xã hội hoàn hảo mà người Mỹ bằng cách nào đó nên tái tạo vào thế kỷ 21. Những người theo Brexit mơ ước biến Anh quốc thành một thế lực độc lập, như thể họ vẫn còn sống trong thời kỳ của Nữ hoàng Victoria và "sự cô lập huy hoàng" là một chính sách khả thi trong thời đại Internet và nóng lên toàn cầu. Giới tinh hoa Trung Quốc đã khám phá lại các di sản của các vương triều, và Khổng giáo như một sự bổ sung hay thậm chí thay thế cho ý thức hệ có phần lung lay đến từ phương Tây. Ở Nga, tầm nhìn chính thức không phải là xây dựng một "đế chế đầu sỏ" mà là khôi phục đế chế kiểu Sa hoàng xưa. Một thế kỷ sau cách mạng Bolshevik, Putin hứa hẹn một sự quay trở lại những vinh quang thời Sa hoàng với một chính phủ được chủ

nghĩa dân tộc Nga và lòng mộ đạo Chính thống giáo nâng đỡ, trải dài quyền lực từ biển Baltic đến vùng Caucasus.

Những giấc mơ hoài cổ tương tự, pha trộn giữa sự gắn bó mang tính dân tộc chủ nghĩa với các truyền thống tôn giáo, là trụ cột của các thể chế ở Ấn Độ, Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ và nhiều quốc gia khác. Không đâu có những ảo tưởng này cực đoan hơn ở Trung Đông: những người theo chủ nghĩa Hồi giáo muốn sao chép hệ thống do nhà tiên tri Muhammad xác lập ở thành phố Medina 1.400 năm trước; vượt mặt họ là những người Do Thái chính thống ở Israel mơ đi ngược 2.500 năm về thời Kinh Thánh. Các thành viên của chính phủ liên hiệp cầm quyền tại Israel công khai nói về hy vọng mở rộng đường biên giới của Israel ngày nay để sánh ngang với Israel thời Kinh Thánh, về việc tái lập luật Thánh kinh và thậm chí xây lại đền cổ Yahweh ở Jerusalem thay cho nhà thờ Hồi giáo Al-Aqsa.

Giới tinh hoa tự do nhìn những diễn tiến này với sự kinh hoàng và hy vọng rằng loài người sẽ trở về con đường tự do đúng lúc để tránh thảm họa. Trong bài diễn văn cuối cùng trước Liên Hiệp Quốc vào tháng Chín năm 2016, Tổng thống Obama đã cảnh báo các cử tọa tránh lùi vào “một thế giới phân rẽ sâu sắc và cuối cùng là đối đầu nhau dọc theo những đường biên cổ xưa của quốc gia và bộ lạc và chủng tộc và tôn giáo”. Thay cho những điều đó, ông nói, “những nguyên tắc của thị trường mở và chính quyền có trách nhiệm, của dân chủ và nhân quyền và luật quốc tế… vẫn là nền tảng vững chắc nhất cho tiến bộ của loài người trong thế kỷ này”.

Obama đã chỉ ra đúng vấn đề là, dù gói tự do có vô số khiếm khuyết, nó vẫn có một “hồ sơ” khá khẩm hơn bất cứ lựa chọn nào khác rất nhiều. Hầu hết mọi người chưa bao giờ được hưởng nền hòa bình hay sự thịnh vượng nào vĩ đại hơn dưới thời của trật tự tự do đầu thế kỷ 21. Lần đầu tiên trong lịch sử, tỷ lệ tử vong do bệnh truyền nhiễm ít hơn do tuổi già, nạn đói ít hơn bệnh béo phì, và bạo lực ít hơn tai nạn.

Nhưng chủ nghĩa tự do không có những câu trả lời rõ ràng cho những vấn đề lớn nhất mà chúng ta đang đối mặt: sụp đổ hệ sinh thái và sự đứt gãy do công nghệ. Chủ nghĩa tự do theo truyền thống vẫn dựa vào tăng trưởng kinh tế để giải quyết các mâu thuẫn xã hội và chính trị một cách thần kỳ. Chủ nghĩa tự do đã hòa giải giai cấp, những người có đạo và những người vô thần, người bản địa và người nhập cư, người châu Âu với

người châu Á bằng cách hứa hẹn ai cũng có một miếng bánh lớn hơn. Với một miếng bánh liên tục phình to[3] thì điều đó là khả thi. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế sẽ không cứu được hệ sinh thái toàn cầu; hoàn toàn ngược lại, phát triển kinh tế thực ra là nguyên nhân của cuộc khủng hoảng sinh thái. Và tăng trưởng kinh tế cũng không giải quyết được sự đứt gãy do công nghệ gây ra bởi nó dựa vào sự phát minh ra những công nghệ ngày càng gây đứt gãy.

Câu chuyện tự do và logic của chủ nghĩa tư bản thị trường tự do khuyến khích con người ta có những kỳ vọng lớn lao. Trong nửa sau của thế kỷ 20, mỗi thế hệ, dù ở Houston, Thượng Hải, Istanbul hay Sao Paulo, đều đã hưởng một nền giáo dục tốt hơn, y tế ưu việt và thu nhập cao hơn thế hệ trước đó. Tuy nhiên, trong các thập kỷ sắp tới, khi sự đứt gãy do công nghệ và sụp đổ sinh thái kết hớp với nhau, đối với thế hệ trẻ hơn, việc đơn giản là ở nguyên một chỗ đã là may mắn.

Do vậy, chúng ta được lãnh nhiệm vụ tạo một câu chuyện cập nhật cho thế giới. Cũng như những xáo trộn của Cách mạng Công nghiệp đã cho ra đời các ý thức hệ mới lạ của thế kỷ 20, những cuộc cách mạng sắp tới trong công nghệ sinh học và công nghệ thông tin hẳn sẽ cần những tầm nhìn tươi mới. Do đó, các thập kỷ tiếp theo có thể sẽ được định hình bởi những cuộc tự vấn sâu sắc và việc hình thành các mô hình xã hội và chính trị mới. Liệu chủ nghĩa tự do có thể một lần nữa tự đổi mới, như nó đã từng làm khi bùng phát các cuộc khủng hoảng của thập niên 1930 và 1960, và trỗi dậy hấp dẫn hơn bao giờ hết? Liệu tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc truyền thống có thể đưa đến những câu trả lời đã vuột khỏi tay các nhà tự do chủ nghĩa, và liệu họ có thể sử dụng trí tuệ cổ xưa để xây dựng lên một thế giới quan bắt kịp thời đại? Hay có lẽ đã đến lúc đoạn tuyệt hẳn với quá khứ và nhào nặn một câu chuyện hoàn toàn mới, không chỉ vượt ra khỏi những vị thần và các quốc gia cũ mà cả các giá trị hiện đại cốt lõi của tự do và bình đẳng nữa.

Hiện tại, loài người còn xa mới đạt được bất cứ đồng thuận nào cho những câu hỏi này. Chúng ta vẫn đang trong thời khắc hư vô của vỡ mộng và tức giận, sau khi con người đã mất lòng tin vào những câu chuyện cũ nhưng trước khi đón nhận một câu chuyên mới. Vậy thì tiếp theo sẽ là gì? Bước đầu tiên là phải làm dịu đi những tiên đoán tận thế và chuyển từ trạng thái hoảng sợ sang trạng thái hoang mang. Hoảng sợ là một dạng ngạo

mạn. Nó đến tà cảm giác cao ngạo rằng ta biết chính xác thế giới đang tiên đến đâu: xuống hố. Hoang mang khiến người ta khiêm nhường hơn, và do đó sáng tỏ hơn. Bạn có muốn chạy xuống phố và gào lên: "Tận thế đến rồi" không? Hãy cố tự nhủ rằng: "Không, không phải thế. Sự thật là, tôi chỉ không hiểu điều gì đang xảy ra trên thế giới."

Những chương tiếp theo sẽ cố làm sáng tỏ một vài viễn cảnh mới gây hoang mang mà chúng ta đang phải đối diện và cách ta bước tiếp từ đây. Nhưng trước khi khám phá các giải pháp tiềm năng cho thực trạng của loài người, chúng ta cần hiểu rõ hơn thách thức mà công nghệ mang lại. Những cuộc cách mạng trong công nghệ thông tin và công nghệ sinh học vẫn đang trong giai đoạn trứng nước; và người ta vẫn còn đang tranh cãi rằng thật ra chúng phải chịu trách nhiệm đến đâu cho cuộc khủng hoảng hiện tại của chủ nghĩa tự do. Hầu hết mọi người ở Birmingham, Istanbul, St.Petersburg và Mumbai chỉ lờ mờ nhận thức được, nếu có, về cuộc trỗi dậy của trí tuệ nhân tạo và ảnh hưởng tiềm tàng của nó lên cuộc sống của họ. Tuy nhiên, một điền không thể nghi ngờ là các cược cách mạng công nghệ sẽ tăng tốc trong vài thập kỷ tới và sẽ bắt loài người đối điện với những thử thách khó khăn nhất mà chúng ta từng gặp phải. Bất cứ câu chuyện nào muốn chiếm được lòng tin của con người trước hết sẽ bị kiểm tra khả năng đối phó với cuộc cách mạng kép trong thông tin và sinh học. Nếu chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa dân tộc, Hồi giáo hay bất cứ tín điều mới mẻ nào đó muốn định hình thế giới của năm 2050, nó sẽ không chỉ cần hiển được trí tuệ nhân tạo, các thuật toán Big Data và công nghệ sinh học mà còn phải đưa chúng vào một câu chuyện mới mẻ và ý nghĩa.

Để hiểu được bản chất của thử thách công nghệ này, có lẽ tốt nhất ta nên bắt đầu với thị trường lao động. Từ năm 2015, tôi đã đi khắp thế giới để nói chuyện với các nhân viên chính phủ, các doanh nhân, các nhà hoạt động xã hội và cả học sinh về trạng huống của loài người. Mỗi khi họ trở nên mất kiên nhẫn hay uể oải trước những câu chuyện về trí tuệ nhân tạo, thuật toán Big Data và công nghệ sinh học, thường thì tôi chỉ cần nhắc đến một từ thần kỳ để kéo sự chú ý của họ quay lại ngay lập tức: việc làm. Cuộc cách mạng công nghệ có thể sớm đẩy hàng tỷ người ra khỏi thị trường lao động và tạo ra một "tầng lớp vô dụng" khổng lồ mới, dẫn đến những biến động xã hội và chính trị mà không một chủ thuyết hiện hữu nào biết cách giải quyết. Tất cả những cuộc chuyện trò về công nghệ và ý thức

hệ có thể nghe rất trừu tượng và xa xôi, nhưng viễn tưởng rất thật về tình trạng thất nghiệp hàng loạt, hoặc thất nghiệp đơn lẻ, khiến bất cứ ai cũng phải quan tâm.



2

Công Việc



KHI CON LỚN LÊN, CÓ THỂ CON SẼ KHÔNG CÓ VIỆC LÀM

CHÚNG TA không có bất kỳ ý niệm gì về việc thị trường lao động sẽ ra sao vào năm 2050. Nhìn chung mọi người đồng thuận cho rằng học máy và công nghệ robot sẽ thay đổi gần như mọi ngành nghề, từ sản xuất sữa chua đến dạy yoga. Tuy nhiên, có những quan điểm trái ngược nhau về bản chất của sự thay đổi này và thời điểm nó xảy ra. Một số tin rằng chỉ trong một hay hai thập kỷ, hàng tỷ người sẽ trở nên vô dụng về mặt kinh tế. Một số khác kiên định rằng thậm chí về lâu dài thì tự động hóa vẫn sẽ tiếp tục tạo ra những công ăn việc làm mới và sự thịnh vượng lớn hơn cho tất cả.

Vậy chúng ta đang mấp mé bên bờ một biến động khủng khiếp hay những dự báo như vậy chỉ là một ví dụ nữa của cơn quá khích thiếu cơ sở kiểu Luddite[4]? Cũng khó nói. Nỗi sợ rằng tự động hóa sẽ tạo ra tình trạng thất nghiệp hàng loạt có từ thế kỷ 19, và cho đến nay, nó chưa bao giờ thành hiện thực. Từ lúc bắt đầu cuộc Cách mạng Công nghiệp, cứ mỗi việc làm "rơi vào tay" máy móc lại có ít nhất một việc làm mới được tạo ra; và mức sống trung bình đã tăng lên đáng kể. Thế nhưng vẫn có lý do xác đáng để nghĩ rằng lần này sẽ khác và học máy sẽ thực sự thay đổi cuộc chơi.

Con người có hai loại năng lực: thể chất và nhận thức. Trong quá khứ, máy móc cạnh tranh với con người chủ yếu ở năng lực thể chất thuần túy, trong khi con người vẫn giữ được lợi thế cực kỳ lớn về nhận thức đối với máy móc. Do đó, khi các công việc tay chân trong nông nghiệp và công nghiệp được tự động hóa, các công việc dịch vụ mới, đòi hỏi các loại kỹ

năng nhận thức chỉ con người mới có, xuất hiện: học tập, phân tích, giao tiếp và trên hết là hiểu được cảm xúc của con người. Tuy nhiên, AI giờ đây đang bắt đầu vượt qua con người trong ngày càng nhiều các kỹ năng này, bao gồm cả việc hiểu cảm xúc con người. Chúng ta không biết tới lĩnh vực hoạt động thứ ba nào, ngoài việc tay chân và việc trí óc, nơi con người sẽ luôn giữ một lợi thế an toàn.

Điều quan trọng là phải nhận ra cuộc cách mạng AI không chỉ là chuyện máy tính trở nên nhanh hơn và thông minh hơn. Nó được tiếp thêm năng lượng bằng những đột phá trong khoa học sự sống và cả khoa học xã hội nữa. Chúng ta càng hiểu rõ về các cơ chế sinh hóa cơ sở cho cảm xúc, đam mê và lựa chọn của con người, thì máy móc càng có thể giỏi phân tích hành vi, dự báo quyết định và thay thế tài xế / nhân viên ngân hàng / luật sư-người hơn.

Trong vài thập kỷ vừa qua, nghiên cứu trong các lĩnh vực như khoa học thần kinh và kinh tế học hành vi đã cho phép các nhà khoa học "bẻ khóa" con người và đặc biệt là hiểu cách con người đưa ra các quyết định hơn rất nhiều. Hóa ra các lựa chọn của chúng ta về tất cả mọi thứ, từ đồ ăn cho đến bạn tình, không phải là kết quả của một ý chí tự do kỳ bí nào đó mà từ hàng tỷ nơron thần kinh tính toán các khả năng có thể xảy ra chỉ trong một phần nhỏ của giây. "Trực giác con người" từng được ngợi ca trong thực tế lại là việc "nhận dạng mẫu". Các tài xế, nhân viên ngân hàng và luật sư giỏi không có các trực giác thần kỳ về giao thông, đầu tư hay đàm phán nào cả; thay vào đó, bằng cách nhận ra các mẫu lặp đi lặp lại, họ phát hiện và cố tránh những người đi đường bất cẩn, những người vay tiền hay trốn nợ và những tay lừa đảo quỷ quyệt. Đồng thời, hóa ra các thuật toán sinh hóa[5] của não người còn xa mới gọi là hoàn hảo. Chúng dựa vào khả năng tự mày mò, các phím tắt và những mạch điện lạc hậu vốn thích nghi với đồng cỏ châu Phi hơn là rừng rậm thành thị[6]. Chẳng trách mà ngay cả những tài xế cừ, nhân viên ngân hàng giỏi và luật sư xịn thỉnh thoảng cũng phạm những sai lầm ngu ngốc.

Điều này có nghĩa AI có thể vượt qua con người ngay cả trong những việc vốn được cho là đòi hỏi "trực giác". Nếu AI cần phải cạnh tranh với con người về mặt linh cảm huyền bí, thì nhiệm vụ đó quả là nghe có vẻ bất khả. Nhưng nếu AI thật sự cần cạnh tranh với các mạng lưới thần kinh

trong việc tính toán các khả năng và nhận dạng mẫu, thì chuyện đó nghe có vẻ dễ hơn nhiều.

Đặc biệt, AI có thể giỏi hơn trong những công việc đòi hỏi trực giác *về người khác*. Nhiều công việc, như điều khiển một phương tiện trên phố đông người đi bộ, cho người lạ mướn tiền và thương thảo một thương vụ, đòi hỏi khả năng đánh giá chính xác các xúc cảm và mong muốn của người khác. Đứa bé kia có sắp chạy ào ra đường không? Liệu người đàn ông mặc vest kia có định cầm tiền của mình rồi biến không? Liệu gã luật sư kia có thực sự ra tay như đã dọa hay chỉ đang khoác lác? Khi người ta vẫn nghĩ những cảm xúc và mong muốn như thế được một linh hồn phi-vật chất tạo ra thì có vẻ rõ ràng là máy tính sẽ không bao giờ có thể thay thế những tài xế, nhân viên ngân hàng và luật sư. Vì làm sao một cái máy tính có thể hiểu được linh hồn con người, vốn được tạo ra một cách linh thiêng? Thế nhưng nếu những cảm xúc và mong muốn kia thực chất không gì khác ngoài các thuật toán sinh hóa thì không có lý do gì mà máy tính không thể giải mã những thuật toán đó, và làm thế tốt hơn bất cứ *Homo sapiens* nào.

Việc người tài xế dự đoán ý đồ của một khách bộ hành, chủ nhà băng đánh giá độ khả tín của một người vay vốn tiềm năng và luật sư phán đoán tình hình tại bàn thương lượng không dựa vào ma thuật. Thay vào đó, dù chính họ không ý thức được, não của họ đang nhận dạng các mẫu sinh hóa bằng cách phân tích vẻ mặt, ngữ điệu, cử động tay và cả mùi cơ thể nữa. Một AI được lắp các máy đo phù hợp có thể làm tất cả những việc trên chính xác và đáng tin cậy hơn một con người rất nhiều.

Vì lý do này mà mối đe dọa mất việc làm không chỉ đơn thuần xuất hiện từ sự nổi lên của công nghệ thông tin. Nó còn bắt nguồn từ sự kết hợp của công nghệ thông tin và công nghệ sinh học. Việc đưa một máy quét fMRI vào thị trường lao động đòi hỏi nhiều thời gian và chông gai, nhưng vẫn có thể hoàn thành trong một vài thập kỷ. Những gì các nhà khoa học não bộ ngày nay đang nghiên cứu về hạch amygdala và tiểu não có thể khiến các máy tính có khả năng vượt mặt các nhà tâm thần học và vệ sĩ con người vào năm 2050.

AI không chỉ sẵn sàng bẻ khóa con người và vượt mặt họ trong các kỹ năng vốn trước nay là độc đáo chỉ có ở loài người; nó còn được hưởng những kỹ năng phi-nhân độc nhất vô nhị, điều làm nên sự khác biệt cốt lõi

giữa AI và một người lao động. Hai khả năng phi-nhân đặc biệt quan trọng mà AI sở hữu là kết nối và nâng cấp.

Con người là các cá thể nên khó kết nối họ với nhau và đảm bảo rằng tất cả đều được cập nhật. Trái lại, các máy tính không phải là các cá thể và việc kết hợp chúng thành một mạng lưới linh hoạt đơn nhất là rất dễ dàng. Điều chúng ta đang đối mặt không phải là sự thay thế hàng triệu công nhân bằng hàng triệu robot và máy tính; mà mỗi con người rất có thể sẽ bị thay thế bởi một mạng lưới hợp nhất. Do đó, khi cân nhắc về tự động hóa, sẽ là sai lầm nếu so sánh khả năng của một tài xế với một chiếc xe tự hành, hay một bác sĩ-người với một bác sĩ AI. Thay vào đó, ta nên so sánh khả năng của một tập hợp người với khả năng của một mạng lưới tích hợp.

Chẳng hạn, nhiều tài xế không nắm vững tất cả những quy định giao thông thay đổi liên tục và họ thường xuyên vi phạm. Thêm vào đó, mỗi phương tiện là một thực thể riêng biệt nên khi hai phương tiện cùng tiến về giao lộ vào cùng một thời điểm, tài xế có thể báo hiệu nhầm ý định của mình dẫn đến va chạm. Trái lại, các phương tiện tự hành có thể kết nối với nhau. Khi hai phương tiện như vậy cùng tiến về một giao lộ, chúng thực chất không phải là hai thực thể riêng biệt mà là một phần của một thuật toán duy nhất. Do đó, khả năng chúng có thể phát tín hiệu nhầm và va vào nhau là ít hơn. Và nếu ủy ban giao thông thay đổi một số luật giao thông, mọi phương tiện tự hành có thể dễ dàng cập nhật thông tin vào cùng thời điểm; và ngoại trừ một vài lỗi chương trình, chúng sẽ tuân theo luật mới chính xác đến từng con chữ.

Tương tự, nếu Tổ chức Y tế Thế giới phát hiện một loại bệnh mới, hay một phòng thí nghiệm điều chế được một loại thuốc mới, việc cập nhật thông tin về các tiến triển này đến mọi bác sĩ trên thế giới là gần như bất khả. Trái lại, ngay cả nếu có 10 tỷ bác sĩ AI trên thế giới, mỗi AI theo dõi sức khỏe của một người duy nhất, có thể cập nhật cho tất cả AI các thông tin trên trong vài phần giây và chúng có thể trao đổi với nhau các phản hồi của mình về căn bệnh mới hay loại thuốc mới. Các lợi thế tiềm năng này của khả năng kết nối và cập nhật lớn đến nỗi ít nhất trong một số ngành nghề, việc thay thế *tất cả* con người bằng máy tính có lẽ là hợp lý, ngay cả khi nếu xét về mặt cá nhân thì một số người vẫn làm tốt hơn máy.

Bạn có thể phản đối rằng khi chuyển công việc từ những con người đơn lẻ sang cho một mạng lưới máy tính, chúng ta sẽ mất đi lợi thế của tính cá nhân. Chẳng hạn, nếu một bác sĩ-người chẩn đoán sai, anh ta không giết tất cả bệnh nhân trên thế giới; anh ta cũng không ngăn được sự phát triển của tất cả các loại thuốc mới. Trái lại, nếu tất cả bác sĩ thực ra chỉ là một hệ thống duy nhất và hệ thống đó phạm phải một sai lầm, hậu quả có thể cực kỳ thảm khốc. Tuy nhiên, trên thực tế, một hệ thống máy tính tích hợp có thể tối đa hóa những lợi thế của kết nối mà không mất đi lợi ích của tính cá nhân. Anh có thể chạy nhiều thuật toán khác nhau trên cùng một mạng lưới, thế là một bệnh nhân trong một ngôi làng xa xôi giữa rừng cũng có thể tiếp cận với không chỉ một bác sĩ có quyền hạn duy nhất mà thực ra là hàng trăm bác sĩ AI khác nhau, những người mà năng lực tương quan liên tục được só sánh với nhau, qua điện thoại thông minh của người đó. Bạn không thích những gì bác sĩ IBM vừa nói với bạn? Không vấn đề. Ngay cả khi mắc kẹt đâu đó trên sườn núi Kilimanjaro, bạn vẫn có thể dễ dàng liên lạc với bác sĩ Baidu để xin ý kiến khác.

Những lợi ích đối với xã hội loài người nhiều khả năng là cực kỳ lớn. Các bác sĩ AI có thể cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt hơn và rẻ hơn rất nhiều cho hàng tỷ người, đặc biệt là những ai đang không hề nhận được dịch vụ y tế nào. Nhờ các thuật toán tự học và các thiết bị cảm biến sinh trắc học mà một người dân làng nghèo tại một nước kém phát triển có thể tận hưởng chăm sóc y tế qua điện thoại thông minh tốt hơn nhiều những gì người giàu nhất thế giới ngày nay nhận được từ một bệnh viện thành phố tân tiến nhất.

Tương tự, các phương tiện tự hành có thể cung cấp cho con người các dịch vụ giao thông tốt hơn nhiều, đặc biệt là giảm tỷ lệ chết do tai nạn giao thông. Ngày nay, mỗi năm có gần 1,25 triệu người chết trong các tai nạn giao thông (gấp đôi số người chết vì chiến tranh, tội phạm và khủng bố cộng lại). Hơn 90% các tai nạn này xảy ra do các sai lầm của con người: ai đó uống rượu và lái xe, ai đó nhắn tin trong khi lái xe, ai đó ngủ gục trên tay lái, ai đó mơ mộng giữa ban ngày thay vì để ý đường đi. ủy ban An toàn Giao thông Cao tốc Quốc gia ước tính năm 2012 có 31% các tai nạn gây chết người ở Mỹ liên quan đến các tài xế sử dụng đồ uống có cồn, 30% do tốc độ và 21% do lái xe mất tập trung. Các phương tiện tự hành sẽ không bao giờ phạm phải những điều này. Mặc dù chúng có những vấn đề

và hạn chế riêng, và dù một số tai nạn là không thể tránh khỏi, việc thay thế toàn bộ tài xế bằng máy tính được kỳ vọng là giảm khoảng 90% số người thương vong khi tham gia giao thông đường bộ. Nói cách khác, chuyển sang các phương tiện tự hành có thể ngăn được cái chết cho khoảng một triệu người mỗi năm.

Do đó, sẽ thật điên rồ nếu ngăn cản sự tự động hóa trong những lĩnh vực như giao thông và y tế chỉ để giữ việc làm cho con người. Xét cho cùng, cái chúng ta cần bảo vệ cuối cùng là con người, không phải việc làm. Các tài xế và bác sĩ mất việc sẽ phải đi tìm việc làm khác thôi.

—ooOoo—

MOZART TRONG CỖ MÁY

ÍT NHẤT về ngắn hạn, AI và khoa học robot khó có khả năng loại bỏ hoàn toàn một số ngành nghề. Những công việc đòi hỏi chuyên môn hóa trong một phạm vi hẹp gồm các hoạt động lặp lại sẽ được tự động hóa. Nhưng để thay thế con người bằng máy móc trong các công việc ít lặp lại hơn, đòi hỏi sử dụng đồng thời một loạt các kỹ năng rộng và bao gồm việc đối phó với các tình huống chưa lường trước, sẽ khó hơn rất nhiều. Chẳng hạn như y tế. Nhiều bác sĩ tập trung gần như hoàn toàn vào xử lý thông tin: họ tiếp nhận các dữ liệu y tế, phân tích và đưa ra chẩn đoán. Trái lại, các y tá cần những kỹ năng vận động và cảm xúc tốt để tiêm thuốc, thay băng gạc hay kiềm chế một bệnh nhân manh động. Do đó, có lẽ chúng ta sẽ có một bác sĩ gia đình AI. trên điện thoại thông minh trước khi có một robot y tá đáng tin cậy nhiều thập kỷ sau đó. Ngành chăm sóc con người, tức chăm lo cho người ốm, người trẻ cũng như người già, có nhiều khả năng sẽ vẫn là địa hạt của con người trong một thời gian dài. Quả thực, khi con người sống thọ hơn và có ít con cái hơn, việc chăm sóc người cao tuổi có lẽ sẽ là một trong những lĩnh vực phát triển nhanh nhất trong thị trường lao động con người.

Bên cạnh chăm sóc, công việc sáng tạo cũng có những rào cản đặc biệt khó khăn cho tự động hóa. Chúng ta không cần những người bán nhạc nữa: chúng ta có thể tải xuống trực tiếp từ iTunes; nhưng các nhạc sĩ, nhạc công, ca sĩ và DJ vẫn là người bằng xương bằng thịt. Chúng ta dựa vào sức sáng tạo của họ không chỉ để sản xuất một thứ âm nhạc hoàn toàn mới mà còn để lựa chọn trong loạt khả năng hiện hữu nhiều vô kể.

Tuy nhiên, về lâu dài, không có công việc nào hoàn toàn không thể thay thế bởi tự động hóa cả. Ngay cả các nghệ sĩ cũng nên lưu ý. Trong thế giới hiện đại, nghệ thuật thường được gắn với cảm xúc con người. Chúng ta có xu hướng nghĩ rằng các nghệ sĩ đang truyền tải những nội lực tâm lý nào đó, rằng toàn bộ mục đích của nghệ thuật là kết nối chúng ta với cảm xúc hay khơi dậy trong ta một xúc cảm mới nào đó. Do vậy, khi đánh giá nghệ thuật, chúng ta thường phán xét dựa trên tác động về mặt cảm xúc của nó lên khán giả. Tuy nhiên, nếu nghệ thuật được định nghĩa bằng cảm xúc con người thì điều gì sẽ xảy ra một khi các thuật toán ngoại thân[7] có thể hiểu và điều khiển được cảm xúc con người tốt hơn cả Shakespeare, Frida Kahlo hay Beyoncé?

Xét cho cùng, các cảm xúc không phải là hiện tượng kỳ bí gì; chúng là kết quả của một quá trình sinh hóa. Do đó, trong một tương lai không quá xa, một thuật toán học-máy cũng có thể phân tích được các dữ liệu sinh trắc từ các máy cảm ứng lắp trên và trong cơ thể bạn, phát hiện kiểu tính cách và những trạng thái tâm lý thay đổi của bạn, từ đó tính toán được tác động về mặt xúc cảm mà một bài hát cụ thể, thậm chí là một điệu nhạc nhất định, có thể gây ra cho bạn.

Trong tất cả các loại hình nghệ thuật, âm nhạc có lẽ dễ bị ảnh hưởng bởi phân tích Big Data chinh phục nhất vì cả đầu vào và đầu ra của nó đều thích hợp với việc mô tả chính xác bằng toán học. Đầu vào là các mô hình toán học của sóng âm, đầu ra là các mô hình điện hóa của xung thần kinh. Chỉ trong vài thập kỷ, một thuật toán chạy trên hàng triệu trải nghiệm âm nhạc có thể học để dự đoán cách khiến những đầu vào nhất định đưa ra những đầu ra nhất định.

Giả sử bạn vừa trải qua một cuộc cãi vã kinh khủng với bạn trai. Thuật toán phụ trách hệ thống âm thanh của bạn sẽ ngay lập tức nhận ra những xáo trộn cảm xúc trong bạn; và dựa vào những gì nó biết về cá nhân bạn

cũng như tâm lý con người nói chung, nó sẽ chơi những bài hát phù hợp với trạng thái tâm lý, đồng cảm với nỗi buồn bực và nói hộ niềm đau của bạn. Những bài hát cụ thể này có thể không phù hợp với người khác, nhưng chúng hoàn hảo với tính cách của bạn. Sau khi cùng bạn đi đến tận cùng nỗi buồn, thuật toán sẽ phát bài hát duy nhất trên thế giới có khả năng làm bạn vui lên, có thể vì tiềm thức của bạn kết nối nó với một ký ức tuổi thơ hạnh phúc mà chính bạn cũng không ý thức được. Không một người DJ nào dám mơ chạm tới những kỹ năng của một AI như vậy.

Bạn có thể phản đối rằng AI sẽ giết chết những sự thú vị ngẫu nhiên và nhốt chúng ta trong một cái kén âm nhạc chật hẹp dệt bằng những cảm xúc yêu hay ghét trước đó của chúng ta. Thế còn khám phá các thị hiếu và phong cách âm nhạc mới thì sao? Không vấn đề. Bạn có thể dễ dàng điều chỉnh thuật toán để 5% lựa chọn của nó là hoàn toàn ngẫu hứng, bất chợt phát một bản thu từ dàn nhạc gamelan[8] của Indonesia, một bản opera của Rossini hay một bài K-pop đình đám mới nhất. Dần dà, bằng cách theo dõi phản ứng của bạn, AI thậm chí có thể xác định được cả mức độ ngẫu nhiên lý tưởng, tối ưu hóa được khía cạnh khám phá mà vẫn tránh được sự khó chịu, có lẽ giảm mức ngẫu nhiên xuống 3% hay tăng lên 8%.

Một phản đối khả dĩ nữa là thuật toán có thể thiết lập mục tiêu cảm xúc của nó như thế nào. Nếu bạn vừa cãi nhau với bạn trai, thuật toán nên hướng đến việc làm bạn vui hay buồn đây? Liệu nó có mù quáng khư khư với một bộ cảm xúc "tốt" hay "xấu" cứng nhắc không? Có lẽ có những lúc trong đời mà cảm thấy buồn cũng tốt. Dĩ nhiên, vẫn câu hỏi đó có thể dành cho các nhạc công và các DJ con người. Thế nhưng với một thuật toán, có rất nhiều giải pháp thú vị cho vấn đề này.

Một phương án là cứ kệ theo khách hàng. Bạn có thể đánh giá cảm xúc của mình theo cách nào tùy thích và thuật toán sẽ đi theo mệnh lệnh của bạn. Bất kể bạn muốn gặm nhấm sự thương thân trách phận hay nhảy nhót vì vui mừng, thuật toán sẽ răm rắp theo chỉ dẫn đó. Sự thật là thuật toán có thể học được cách nhận ra các nhu cầu của bạn dù chính bạn cũng không ý thức một cách rõ ràng về chúng.

Hoặc giả bạn không tin tưởng bản thân, bạn có thể bảo thuật toán đi theo gợi ý của bất cứ nhà tâm lý học nổi tiếng nào bạn tin tưởng. Nếu cuối cùng bạn trai bạn vẫn đá bạn, thuật toán có thể đưa bạn qua năm giai đoạn

đau buồn chính thức, đầu tiên là giúp bạn phủ nhận chuyện đã xảy ra bằng cách chơi bài "Don't Worry, Be Happy" (tạm dịch: Đừng lo lắng, hãy vui lên) của Bobby McFerrin, rồi thổi bùng con giận dữ của bạn bằng bài "You Oughta Know" (tạm dịch: Hẳn là anh biết chứ) của Alanis Morissette, động viên bạn níu kéo bằng bài "Ne Me Quitte Pas" (tạm dịch: Đừng rời xa em) của Jacques Brel và bài "Come Back and Stay" (tạm dịch: Hãy quay về và ở lại) của Paul Young, đẩy bạn xuống hố sâu trầm cảm bằng "Someone Like You" (tạm dịch: Ai đó giống anh) và "Hello" (tạm dịch: Xin chào) của Adele, và cuối cùng giúp bạn chấp nhận tình thế bằng "I Will Survive" (tạm dịch: Tôi sẽ sống sót) của Gloria Gaynor.

Bước tiếp theo có thể là cho thuật toán bắt đầu tự vá víu, sửa các bài hát và giai điệu, thay đổi chúng một chút thôi cho vừa với thị hiếu của bạn. Có lẽ bạn ghét một đoạn nào đó trong một bài hát nói chung là rất hay. Thuật toán biết điều đó vì tim bạn lỡ một nhịp và nồng độ oxytocin tụt một chút mỗi khi bạn nghe cái đoạn khó chịu đó. Thuật toán có thể viết lại hay bỏ hẳn đi những nốt chướng tai đó.

Về lâu dài, các thuật toán có thể học cách sáng tác toàn bộ giai điệu, chơi với các cảm xúc của con người như thể đó là những phím đàn. Sử dụng các dữ liệu sinh trắc của bạn, các thuật toán thậm chí có thể sản xuất những giai điệu được cá nhân hóa mà chỉ mình bạn trong cả vũ trụ này mới yêu thích.

Người ta thường nói con người kết nối với nghệ thuật vì họ tìm thấy mình trong đó. Điều này có thể dẫn đến những kết quả bất ngờ, có phần ghê rợn, nếu có khi nào Facebook bắt đầu sáng tác nghệ thuật được cá nhân hóa dựa trên tất cả những gì nó biết về bạn. Nếu bạn trai đá bạn, Facebook sẽ cho bạn nghe một bài hát viết riêng về thằng cha mắc dịch đó chứ không phải về gã cha căng chú kiết đã làm tan vỡ trái tim Adele hay Alanis Morissette. Bài hát thậm chí còn nhắc bạn nhớ lại những sự kiện có thực trong mối quan hệ của bạn mà chẳng ai khác trên thế giới biết tới.

Dĩ nhiên, nghệ thuật được cá nhân hóa có thể không bao giờ thành mốt vì người ta sẽ tiếp tục thích các bài hát đình đám thông thường mà ai cũng thích hơn. Làm sao bạn nhảy hay hát chung theo một bài mà không ai khác ngoài bạn biết? Nhưng các thuật toán thậm chí có thể chứng minh rằng nó lão luyện với việc sản xuất các bản hit toàn cầu hơn là các bài hát hiếm hoi

được cá nhân hóa kia. Bằng cách sử dụng các cơ sở dữ liệu sinh trắc đồ sộ thu thập từ hàng triệu người, thuật toán có thể biết nó nên bấm những nút sinh hóa nào để sản xuất ra một bản nhạc đình đám toàn cầu sẽ khiến mọi người "quẩy" theo như điên trên sàn nhảy. Nếu nghệ thuật thực sự là nhằm khơi gợi (hay điều khiển) cảm xúc con người thì sẽ hiếm, nếu có, nhạc sĩ nào có thể cạnh tranh nổi với một thuật toán như vậy, vì họ không thể sánh được với nó về việc hiểu thứ nhạc cụ chủ chốt mà họ đang chơi: hệ thống sinh hóa của con người.

Liệu tất cả những điều này có đem đến nghệ thuật xuất sắc? Điều đó dựa vào định nghĩa của nghệ thuật. Nếu cái hay thực sự nằm ở tai người nghe, và nếu khách hàng luôn đúng, thì các thuật toán sinh trắc có cơ hội sản sinh ra loại nghệ thuật hay nhất trong lịch sử. Nếu nghệ thuật là một cái gì đó sâu sắc hơn cảm xúc con người và nên thể hiện một chân lý nào đó vượt ra ngoài những rung động hóa học của chúng ta, thì các thuật toán sinh trắc có lẽ sẽ không thể trở thành những nghệ sĩ giỏi. Nhưng hầu hết con người cũng vậy thôi. Để bước vào thị trường nghệ thuật và chiếm chỗ nhiều nhạc sĩ / nghệ sĩ người khác, các thuật toán đâu phải bắt đầu bằng cách vượt qua Tchaikovsky. Chỉ cần hay hơn Britney Spears là đủ rồi.

—ooOoo—

VIỆC LÀM MỚI?

VIỆC MẤT đi nhiều công việc truyền thống trong mọi lĩnh vực, từ nghệ thuật đến y tế, sẽ phần nào được bổ khuyết bằng việc tạo ra các việc làm mới cho con người. Các bác sĩ người sơ cấp với công việc chẩn đoán các bệnh đã biết và tiến hành các phương pháp điều trị quen thuộc có lẽ sẽ bị các bác sĩ AI thay thế. Nhưng chính Vì thế, các bác sĩ và trợ lý phòng thí nghiệm sẽ được trả nhiều tiền hơn để thực hiện các nghiên cứu đột phá và phát triển các loại thuốc hay các thủ thuật phẫu thuật mới.

AI có thể giúp tạo ra các công việc mới theo một cách khác nữa. Thay vì cạnh tranh với AI, con người có thể tập trung vào phục vụ và nâng cấp

AI. Chẳng hạn, máy bay không người lái đã loại bỏ một số công việc (như phi công) nhưng tạo ra nhiều cơ hội mới trong bảo trì, điều khiển từ xa, phân tích dữ liệu và an ninh mạng. Không lực Hoa Kỳ cần 30 người để vận hành mỗi máy bay không người lái Predator hay Reaper bay qua Syria, trong khi việc phân tích lượng thông tin thu thập được cần thêm ít nhất 80 người nữa. Vào năm 2015, Không lực Hoa Kỳ thiếu người được tập huấn đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí này, do đó đối mặt với một cuộc khủng hoảng rất trớ trêu trong việc đảm bảo nhân sự cho các máy bay không người lái.

Nếu vậy, thị trường lao động năm 2050 có thể sẽ được định hình bởi việc hợp tác giữa người-AI hơn là cạnh tranh. Trong các lĩnh vực từ cảnh sát đến ngân hàng, các nhóm người-AI có thể vượt qua cả người và máy tính. Sau khi chương trình cờ vua Deep Blue của IBM đánh bại Garry Kasparov vào năm 1997, con người đâu có ngừng chơi cờ. Thay vào đó, nhờ các huấn luyện viên AI, các kiện tướng cờ vua trở nên giỏi hơn bao giờ hết và ít nhất là có một thời gian, các nhóm người-AI được gọi là “nhân mã” đã thắng cả người và máy tính trong bộ môn này. Tương tự, AI có thể giúp rèn giũa nên những thám tử, nhân viên ngân hàng và binh sĩ tốt nhất trong lịch sử.

Tuy nhiên, tất cả những công việc mới đó có lẽ sẽ yêu cầu trình độ chuyên môn rất cao, do đó sẽ nảy sinh vấn đề lao động không có chuyên môn bị thất nghiệp. Tạo ra các việc làm mới có thể sẽ dễ dàng hơn việc tái đào tạo những người có thể thật sự đảm nhận những công việc ấy. Trong các làn sóng tự động hóa trước đó, con người thường có thể chuyển từ một công việc kỹ năng thấp, lặp đi lặp lại này sang một việc tương tự khác. Vào năm 1920, một người lao động tại trang trại bị sa thải vì cơ khí hóa nông nghiệp có thể tìm một việc mới trong nhà máy sản xuất đầu máy kéo. Vào năm 1980, một công nhân nhà máy thất nghiệp có thể bắt đầu công việc thu ngân trong siêu thị. Những thay đổi nghề nghiệp như vậy là khả dĩ bởi sự chuyển từ nông trại sang nhà máy rồi từ nhà máy sang siêu thị chỉ đòi hỏi việc đào tạo lại rất hạn chế.

Nhưng đến năm 2050, một nhân viên thu ngân hay công nhân nhà máy dệt mất việc vì một con robot sẽ không thể bắt đầu làm việc với tư cách một nhà nghiên cứu ung thư, một người điều khiển máy bay không người lái hay là một thành viên của nhóm người-AI ngành ngân hàng. Cô ta sẽ

không có các kỹ năng cần thiết. Trong Thế chiến thứ nhất, việc điều hàng triệu tân binh chưa qua huấn luyện đi nạp đạn súng máy rồi hy sinh hàng ngàn người có thể là có lý. Kỹ năng cá nhân của họ không mấy quan trọng. Ngày nay, dù thiếu người vận hành máy bay không người lái và chuyên viên phân tích dữ liệu, Không lực Hoa Kỳ vẫn không muốn lấp chỗ trống bằng các nhân viên Walmart mất việc. Bạn sẽ không muốn một tay lính mới thiếu kinh nghiệm nhầm một lễ cưới của người Afghanistan với một hội nghị cấp cao của Taliban đâu.

Do vậy, mặc dù xuất hiện nhiều việc làm mới, chúng ta vẫn sẽ chứng kiến sự xuất hiện của một tầng lớp vô dụng đông đảo mới. Chúng ta có thể thật sự gánh chịu hậu quả tồi tệ nhất của cả hai vấn đề, tỷ lệ thất nghiệp cao và thiếu lao động có tay nghề. Nhiều người sẽ chịu chung số phận không phải với những người đánh xe ngựa thế kỷ 19 đã chuyển sang lái taxi, mà của những con ngựa thế kỷ 19: ngày càng bị đẩy khỏi thị trường lao động.

Thêm nữa, không một công việc còn lại nào cho con người còn có thể giữ được trước mối đe dọa của tự động hóa trong tương lai, bởi học máy và công nghệ robot sẽ tiếp tục phát triển. Một nhân viên Walmart 40 tuổi thất nghiệp, nhờ nỗ lực siêu phàm, đã trở thành một “phi công” điều khiển máy bay không người lái; nhưng có lẽ anh ta sẽ phải tự đổi mới một lần nữa vào mười năm sau đó, vì đến lúc ấy, việc điều khiển máy bay không người lái có thể cũng đã được tự động hóa nốt. Sự bất ổn khôn lường này cũng sẽ khiến việc tổ chức các công đoàn hay đảm bảo quyền lợi của người lao động trở nên khó khăn hơn. Ngay lúc này, nhiều công việc mới trong các nền kinh tế phát triển chỉ là các công việc tạm thời không được bảo đảm, lao động tự do và việc làm một lần. Làm thế nào tổ chức công đoàn cho một ngành nghề mọc lên như nấm sau mưa rồi biến mất trong vòng một thập kỷ?

Tương tự, trong các nhóm nhân mã người-máy hẳn sẽ diễn ra một cuộc chiến giằng co liên tục giữa người và máy tính, thay vì một mối hợp tác dài lâu. Các nhóm chỉ có con người, như Sherlock Holmes và bác sĩ Watson, thường phát triển các thứ bậc và quy trình bền vững kéo dài nhiều thập kỷ. Nhưng một thám tử lập nhóm với hệ thống máy tính Watson của IBM (trở nên nổi tiếng sau khi thắng chương trình đố vui truyền hình *Jeopardy!* vào năm 2011) sẽ thấy mọi quy trình chỉ là lời kêu gọi chia rẽ, mọi thứ bậc chỉ

khơi lên cách mạng mà thôi. Phụ tá hôm qua có thể hóa thành giám sát ngày mai, và mọi giao thức, chỉ dẫn sẽ phải viết lại sau mỗi năm.

Một cái nhìn kỹ lưỡng hơn thế giới cờ vua có thể cho thấy mọi thứ đang đi về đâu trong dài hạn. Đúng là vài năm sau khi Deep Blue đánh bại Kasparov, hợp tác người-máy đã nở rộ trong bộ môn này. Nhưng trong những năm gần đây, máy tính đã đánh cờ giỏi đến nỗi các cộng sự người của chúng đã không còn giá trị và có thể sớm trở nên hoàn toàn vô dụng.

Ngày 7 tháng Mười hai năm 2017 đánh dấu một cột mốc quan trọng, không phải một máy tính đánh bại một con người trong môn cờ vua, tin đấy cũ rồi; đó là khi chương trình AlphaZero của Google đánh bại chương trình Stockfish 8. Stockfish 8 là nhà vô địch cờ vua máy tính thế giới năm 2016. Nó tiếp cận được hàng trăm năm kinh nghiệm của con người tích lũy trong môn cờ vua, cũng như hàng thập kỷ kinh nghiệm máy tính. Nó có khả năng tính toán 70 triệu nước cờ mỗi giây. Trái lại, AlphaZero chỉ tính được 80.000 nước mỗi giây và những nhà chế tạo ra nó chưa hề dạy nó bất cứ chiến thuật cờ vua nào, thậm chí các thế khai cuộc cơ bản cũng không. Thay vào đó, AlphaZero sử dụng các nguyên tắc học máy mới nhất để tự học chơi cờ bằng cách chơi với chính nó. Tuy nhiên, trong 100 ván cờ giữa tay mơ AlphaZero và Stockfish, AlphaZero thắng 28 và hòa 72. Nó không thua một ván nào. AlphaZero không học gì từ con người nên rất nhiều nước đi và chiến thuật đánh thắng của nó dưới mắt con người có thể nói là rất xa lạ. Có thể xem chúng là sáng tạo, nếu không muốn nói thẳng ra là thiên tài.

Bạn có đoán được AlphaZero học chơi cờ từ con số không, chuẩn bị cho trận đấu với Stockfish và phát triển các "bản năng" thiên tài của nó trong bao lâu không? Bốn giờ. Không phải lỗi đánh máy đâu. Suốt nhiều thế kỷ, cờ vua được xem là một trong những vinh quang của trí tuệ con người. AlphaZero đã đi từ hoàn toàn không biết gì đến bậc thầy sáng tạo trong bốn giờ đồng hồ, không cần sự chỉ dẫn nào từ con người.

AlphaZero không phải là phần mềm sáng tạo duy nhất. Giờ đây, nhiều chương trình thường xuyên vượt mặt các kỳ thủ người không chỉ trong tính toán sơ đẳng mà trong cả "sáng tạo". Trong các giải cờ vua chỉ có con người, các giám khảo liên tục phải trông chừng các kỳ thủ cố ăn gian bằng cách bí mật nhận trợ giúp từ máy tính. Một trong các cách để bắt được

những kẻ gian lận này là giám sát mức sáng tạo mà các kỳ thủ thể hiện. Nếu họ đi một nước cờ đặc biệt sáng tạo, các giám khảo thường sẽ nghi ngờ đấy không thể là nước đi của con người, phải là nước đi của máy tính! ít nhất là trong cờ vua, sáng tạo đang được xem là thương hiệu của máy tính chứ không phải của con người! Thế nên nếu cờ vua là con chim hoàng yến trong mỏ than, thì chúng ta bị cảnh báo rằng con chim ấy đang hấp hối[9]. Điều đang diễn ra ngày nay với các đội cờ người-AI có thể sẽ diễn ra sau này với các đội người-AI trong lĩnh vực cảnh sát, y tế và cả ngân hàng nữa.

Do đó, tạo các việc làm mới và đào tạo lại con người để thực hiện những việc đó sẽ không phải là một nỗ lực “một lần là xong”. Cuộc cách mạng AI sẽ không phải là một sự kiện bước ngoặt duy nhất để sau đó thị trường lao động sẽ ổn định trong một trạng thái cân bằng mới. Thay vào đó, nó sẽ là một dòng thác của các đứt gãy, cái sau còn lớn hơn cái trước. Ngay ngày nay đã có rất ít người xác định làm một việc cả đời. Đến năm 2050, không chỉ ý tưởng về một việc làm trọn đời mà ý tưởng về một ngành nghề trọn đời cũng có vẻ cổ lỗ.

Ngay cả khi có thể liên tục tạo ra các việc làm mới và đào tạo lại lực lượng lao động, chúng ta hẳn vẫn băn khoăn liệu một người trung bình có đủ bền bỉ về mặt cảm xúc cho một cuộc đời đầy những xáo trộn liên tục như thế không. Thay đổi lúc nào cũng gây căng thẳng và thế giới đầy biến động đầu thế kỷ 21 đã tạo ra một đại dịch căng thẳng toàn cầu. Khi tính bấp bênh của thị trường lao động và của sự nghiệp cá nhân gia tăng, liệu con người có đương đầu nổi? Chúng ta có lẽ sẽ cần các kỹ thuật giảm căng thẳng hiệu quả hơn nữa, từ thuốc thang đến liệu pháp phản hồi thần kinh đến thiền, để ngăn đầu óc con người không bị suy sụp. Đến năm 2050, một tầng lớp vô dụng có thể sẽ xuất hiện không chỉ vì hoàn toàn thiếu việc làm hay thiếu sự giáo dục hiệu quả mà còn vì không đủ sức bền thần kinh.

Đương nhiên, phần lớn những điều này chỉ là suy đoán. Đến thời điểm tôi viết cuốn sách này, tức đầu năm 2018, tự động hóa đã phá vỡ nhiều ngành công nghiệp nhưng chưa dẫn đến thất nghiệp hàng loạt. Trên thực tế, tại nhiều nước, ví dụ như Hoa Kỳ, thất nghiệp đang ở mức thấp lịch sử. Chẳng ai biết chắc chắn học máy và tự động hóa sẽ ảnh hưởng thế nào đến các ngành nghề khác nhau trong tương lai, và cực kỳ khó đoán lộ trình của các tiến bộ có liên quan, đặc biệt khi chúng phụ thuộc vào các quyết định

chính trị và truyền thống văn hóa cũng nhiều như các đột phá thuần túy kỹ thuật. Do đó, ngay cả khi các phương tiện tự hành chứng tỏ chúng an toàn và rẻ tiền hơn tài xế-người thì các chính trị gia và người tiêu dùng vẫn có thể ngăn chặn sự thay đổi trong nhiều năm, thậm chí nhiều thập kỷ.

Tuy nhiên, chúng ta không thể cho phép mình trở nên tự mãn. Cứ thế tin rằng sẽ xuất hiện đủ công ăn việc làm mới để bổ khuyết cho bất kỳ việc nào bị mất đi là hết sức nguy hiểm. Việc nó từng xảy ra trong các làn sóng tự động hóa trước kia không hề đảm bảo nó sẽ xảy ra một lần nữa dưới các điều kiện rất khác của thế kỷ 21. Biến động xã hội và chính trị tiềm ẩn đáng báo động đến mức ngay cả khi khả năng thất nghiệp hàng loạt mang tính hệ thống là thấp, chúng ta vẫn phải xem xét nó cực kỳ nghiêm túc.

Trong thế kỷ 19, Cách mạng Công nghiệp đã tạo ra các điều kiện và vấn đề mới mà không một mô hình xã hội, kinh tế và chính trị nào có sẵn có thể đương đầu nổi. Chế độ phong kiến, quân chủ và các tôn giáo truyền thống không thích ứng được để quản lý các đại đô thị công nghiệp, hàng triệu công nhân tha hương hay bản chất liên tục thay đổi của nền kinh tế hiện đại. Từ đó, loài người phải phát triển các mô hình hoàn toàn mới: các nền dân chủ tự do, các nền độc tài và các thể chế phát xít, ... và chúng ta đã mất hơn một thế kỷ chiến tranh và cách mạng kinh hoàng để thử nghiệm các mô hình này, gạn đục khơi trong và thực thi các giải pháp tốt nhất. Lao động trẻ em trong các hầm mỏ thời Dickens, Thế chiến thứ nhất và nạn đói khủng khiếp năm 1932-1933 tại Ukraine chỉ là một phần học phí nho nhỏ mà loài người đã phải trả.

Thử thách chờ chực con người trong thế kỷ 21 đến từ công nghệ thông tin và công nghệ sinh học phải nói là lớn hơn nhiều thử thách do đầu máy hơi nước, đường ray hỏa xa và điện đặt ra trong thời đại trước. Và với sức hủy diệt khủng khiếp của nền văn minh hiện nay, chúng ta đơn giản là không thể trả giá cho bất kỳ mô hình thất bại, các cuộc thế chiến và các cuộc cách mạng đẫm máu nào nữa. Lần này, các mô hình thất bại có thể dẫn đến chiến tranh hạt nhân, các thảm họa biến đổi gien và sự sụp đổ hoàn toàn của sinh quyển. Chúng ta phải làm tốt hơn những gì con người đã làm khi đối mặt với cuộc Cách mạng Công nghiệp.

—ooOoo—

TỪ BÓC LỘT ĐẾN VÔ DỤNG

CÁC GIẢI pháp tiềm năng rơi vào ba nhóm chính: làm gì để ngăn tình trạng mất việc làm; làm gì để tạo ra đủ việc làm mới; và làm gì nếu, dù đã cố hết sức, việc làm bị mất đi vẫn vượt quá số việc làm được tạo ra.

Ngăn chặn hoàn toàn chuyện mất việc làm là một chiến thuật kém hấp dẫn và có lẽ không khả thi, bởi như vậy có nghĩa là từ bỏ các tiềm năng khả quan vô bờ bến của AI và robot. Tuy nhiên, các chính phủ có thể quyết định thận trọng làm chậm lại tốc độ tự động hóa để làm giảm các cơn sốc mà nó gây và có thêm thời gian điều chỉnh. Công nghệ không bao giờ là tất định và việc có thể làm một cái gì đó không có nghĩa là phải làm cái đó. Quy định của chính phủ có thể ngăn chặn thành công các công nghệ mới, ngay cả khi chúng khả thi về mặt thương mại và có lợi về mặt kinh tế. Chẳng hạn, trong nhiều thập kỷ, chúng ta đã có đủ công nghệ để tạo một thị trường nội tạng người hoàn chỉnh với các "nguồn cung cấp" ở các nước kém phát triển và nhu cầu gần như không bao giờ cạn từ những người mua giàu có, tuyệt vọng. Các "kho người" như thế có thể có giá trị vài trăm tỷ đô la. Thế nhưng các quy định đều cấm mua bán tự do các bộ phận cơ thể người và dù có thị trường nội tạng chợ đen, nó vẫn nhỏ hẹp hơn rất nhiều những gì người ta có thể tưởng tượng.

Làm chậm tốc độ thay đổi có thể cho ta thời gian tạo ra đủ việc làm mới thay thế gần hết các việc làm đã mất. Thế nhưng, như đã nói ở trên, tinh thần khởi nghiệp sẽ phải đi kèm với một cuộc cách mạng trong giáo dục và tâm lý. Cứ cho rằng những công việc mới sẽ không chỉ là những việc "nhàn rỗi" của chính phủ thì có lẽ chúng sẽ đòi hỏi những trình độ chuyên môn cao, và khi AI tiếp tục cải tiến, lao động-người sẽ cần liên tục học các kỹ năng mới và thay đổi nghề nghiệp. Các chính phủ sẽ phải ra tay bằng cách bao cấp cho lĩnh vực giáo dục suốt đời lẫn cung cấp một tấm lưới an toàn cho các giai đoạn chuyển tiếp không thể tránh khỏi. Nếu một cựu nhân viên điều khiển máy bay không người lái đã 40 tuổi cần 3 năm để đổi mới bản thân, trở thành một nhà thiết kế các thế giới ảo thì có lẽ cô ấy sẽ cần rất nhiều trợ giúp từ chính phủ để trang trải cho bản thân cũng như gia đình trong thời gian đó (Hệ thống kiểu này hiện đang được tiên phong

thực hiện tại Scandinavia, nơi các chính phủ đi theo phương châm "Bảo vệ người lao động chứ không phải việc làm").

Ngay cả khi có đủ sự trợ giúp từ chính phủ, ta vẫn không rõ liệu hàng tỷ người có khả năng hên tục đổi mới bản thân mà không mất cân bằng hay không. Vì lý do này, nếu sau tất cả những nỗ lực của chúng ta, một tỷ lệ đáng kể dân số thế giới bị đẩy khỏi thị trường lao động, chúng ta sẽ phải khám phá các mô hình mới cho những xã hội, các nền kinh tế và chính trị hậu-việc làm. Bước đầu tiên là thành thật thừa nhận rằng các mô hình xã hội, kinh tế và chính trị mà ta đã thừa hưởng từ quá khứ không đủ sức giải quyết một thử thách như vậy.

Lấy ví dụ, chủ nghĩa cộng sản. Khi tự động hóa đe dọa làm rung chuyển hệ thống tư bản đến nền tảng của nó, người ta có thể cho rằng chủ nghĩa cộng sản có thể trở lại. Nhưng chủ nghĩa cộng sản không được xây dựng để khai thác loại khủng hoảng đó. Chủ nghĩa cộng sản thế kỷ XX cho rằng giai cấp công nhân là quan trọng đối với nền kinh tế, và các nhà tư tưởng cộng sản đã cố gắng dạy cho giai cấp vô sản làm thế nào để biến sức mạnh kinh tế to lớn của nó thành đầu mối chính trị. Kế hoạch chính trị cộng sản kêu gọi một cuộc cách mạng của giai cấp công nhân. Những giáo lý này sẽ có liên quan như thế nào nếu quần chúng mất giá trị kinh tế, và do đó cần phải đấu tranh chống lại sự không liên quan hơn là chống lại sự bóc lột? Làm thế nào để bạn bắt đầu một cuộc cách mạng của giai cấp công nhân mà không có một giai cấp công nhân?

Một số có thể tranh luận rằng con người không bao giờ có thể trở nên vô dụng về mặt kinh tế vì ngay cả khi không thể cạnh tranh được với AI tại nơi làm việc, họ vẫn luôn được cần đến với tư cách người tiêu dùng. Tuy nhiên, không có gì chắc chắn là nền kinh tế tương lai sẽ cần chúng ta với tư cách là người tiêu dùng. Máy móc và máy tính cũng có thể làm được điều đó. Về lý thuyết, ta có thể có một nền kinh tế trong đó một công ty khai khoáng sản xuất và bán sắt cho một công ty robot, công ty robot sản xuất và bán robot cho công ty khai khoáng, công ty này đào được nhiều sắt hơn, sắt lại được dùng để sản xuất thêm nhiều robot, và cứ thế. Các công ty này có thể phát triển và mở rộng đến tận cuối dải Ngân hà và chúng chỉ cần robot và máy tính mà thôi; chúng thậm chí không cần con người để mua các sản phẩm của chúng.

Trên thực tế, ngày nay, các máy tính và thuật toán đã bắt đầu hoạt động với tư cách khách hàng bên cạnh việc làm nhà sản xuất. Trên thị trường chứng khoán chẳng hạn, các thuật toán đang trở thành những người mua trái phiếu, cổ phần và hàng hóa quan trọng nhất. Tương tự, trong ngành công nghiệp quảng cáo, khách hàng quan trọng hơn cả là một thuật toán: thuật toán tìm kiếm Google. Khi thiết kế các trang web, người ta thường đi theo thị hiếu của thuật toán tìm kiếm Google hơn là "gu" của bất kỳ con người nào.

Thuật toán đương nhiên không có ý thức, thế nên không như khách hàng-con người, chúng không thể tận hưởng những gì chúng mua và các quyết định của chúng không do các rung động và xúc cảm nhào nặn mà thành. Thuật toán tìm kiếm Google không thể nếm kem. Tuy nhiên, các thuật toán lựa chọn mọi thứ dựa trên các tính toán bên trong và các ưu tiên gắn liền với chúng; các ưu tiên đó đang ngày càng định hình thế giới của chúng ta. Thuật toán tìm kiếm Google có một thị hiếu rất phức tạp khi xếp hạng trang web của những đơn vị bán kem, và những đơn vị bán kem thành công nhất thế giới là những đối tượng được thuật toán Google xếp hạng nhất, không phải là những đơn vị sản xuất ra loại kem ngon nhất.

Tôi biết được chuyện này nhờ kinh nghiệm cá nhân. Khi tôi xuất bản một cuốn sách, các nhà xuất bản yêu cầu tôi viết một mô tả ngắn để họ dùng quảng bá trực tuyến. Nhưng họ có một chuyên gia đặc biệt sẽ điều chỉnh những gì tôi viết theo thị hiếu của thuật toán Google. Chuyên gia đó đọc qua phần viết của tôi và nói: "Đừng dùng từ này, dùng từ kia kìa. Thế thì chúng ta mới thu hút thêm sự chú ý từ thuật toán Google". Chúng tôi biết chỉ cần mình lọt vào mắt xanh của thuật toán thì coi như mình đã nắm chắc người dùng trong tay.

Vậy nếu con người không còn cần thiết, dù với tư cách người sản xuất hay người tiêu dùng, thì điều gì sẽ bảo vệ sự tồn tại về thể xác cũng như sự lành mạnh về tinh thần của họ? Chúng ta không thể ngồi chờ cuộc khủng hoảng bùng nổ hết mức trước khi bắt đầu tìm kiếm câu trả lời. Đến lúc đó sẽ là quá muộn. Để đương đầu với những đứt gãy công nghệ và kinh tế chưa hề có tiền lệ của thế kỷ 21, chúng ta cần phát triển các mô hình xã hội và kinh tế mới càng sớm càng tốt. Các mô hình này nên được dẫn dắt bởi nguyên tắc bảo vệ con người chứ không bảo vệ việc làm. Nhiều công việc đơn điệu nhàm chán và cũng không đáng để bảo vệ. Chẳng ai có mơ ước cả

đời là đi làm thu ngân cả. Thay vào đó, chúng ta nên tập trung vào việc chuẩn bị cho các nhu cầu cơ bản của con người và bảo vệ địa vị xã hội cũng như giá trị bản thân của họ.

Một mô hình mới đang ngày càng được chú ý là thu nhập cơ bản phổ quát (UBI, viết tắt của Universal Basic Income). UBI đề xuất các chính phủ đánh thuế các tỷ phú và các tập đoàn kiểm soát các thuật toán và robot, rồi sử dụng số tiền đó để cho mỗi người một khoản lương hào phóng để chi trả cho những nhu cầu cơ bản của họ. Điều này sẽ giảm bớt tác động của việc thất nghiệp và mất địa vị kinh tế của người nghèo, trong khi bảo vệ người giàu trước con tức giận của những người theo chủ nghĩa dân túy. Một ý tưởng có liên quan đề xuất việc mở rộng phạm vi những hoạt động của con người được xem là "công việc". Hiện tại, hàng tỷ ông bố, bà mẹ đang chăm sóc con cái, hàng xóm láng giềng trông nom nhau và các công dân tổ chức ra các cộng đồng, không hoạt động giá trị nào trong số này được xem là công việc cả. Có lẽ chúng ta cần thay đổi tư tưởng và nhận ra rằng chăm sóc một đứa trẻ có thể xem là công việc quan trọng và thử thách nhất trên thế giới. Nếu thế, sẽ không bao giờ thiếu việc làm ngay cả khi máy tính và robot thay thế hết tài xế, nhân viên ngân hàng và luật sư. Câu hỏi dĩ nhiên là ai sẽ định giá và trả tiền cho những công việc mới được thừa nhận này? Mặc nhiên, những em bé sáu tháng tuổi sẽ không trả lương cho mẹ chúng, chính phủ có lẽ sẽ phải tự chi trả khoản này. Giả sử chúng ta muốn các khoản lương đó sẽ trang trải được toàn bộ nhu cầu cơ bản của một gia đình, vậy thì cuối cùng chúng sẽ không khác thu nhập cơ bản phổ quát là bao.

Một cách khác là các chính phủ có thể trợ cấp các *dịch vụ* cơ bản phổ quát thay vì thu nhập. Thay vì cho mọi người tiền, để rồi họ dùng tiền đó mua sắm bất cứ thứ gì họ thích, chính phủ có thể miễn phí giáo dục, y tế, giao thông, . . . Đây thực chất là tầm nhìn lý tưởng của chủ nghĩa xã hội. Mặc dù giờ không cần tiến hành một cuộc cách mạng của tầng lớp lao động của chủ nghĩa xã hội nữa, chúng ta có lẽ vẫn nên hướng tới việc hiện thực hóa mục tiêu "cộng sản" bằng các phương cách khác.

Cho người dân thu nhập cơ bản phổ quát (theo tư bản chủ nghĩa) hay dịch vụ cơ bản phổ quát (theo xã hội chủ nghĩa) là tốt hơn thì còn phải bàn. Cả hai phương án có những mặt ưu điểm và mặt hạn chế riêng. Nhưng dù

bạn chọn trào lưu nào, vấn đề chính nằm ở định nghĩa “phổ quát” và “cơ bản” thực sự nghĩa là gì.

—ooOoo—

PHỔ QUÁT LÀ GÌ?

KHI NÓI về hỗ trợ cơ bản phổ quát, dù là dưới hình thức thu nhập hay dịch vụ, người ta thường có ý nói hỗ trợ cơ bản quốc gia. Đến bây giờ, mọi đề xuất UBI đều hạn chế trong phạm vi quốc gia hoặc khu vực. Vào tháng Một năm 2017, Phần Lan bắt đầu thử nghiệm kéo dài hai năm, trợ cấp cho 2.000 người Phần Lan thất nghiệp 560 euro một tháng, bất kể họ đã tìm được việc làm hay chưa. Các thử nghiệm tương tự đang diễn ra ở Ontario của Canada, ở thành phố Livorno của Ý và một vài thành phố ở Hà Lan. (Vào năm 2016, Thụy Sĩ tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý về việc thiết lập một chương trình thu nhập cơ bản quốc gia, nhưng cử tri đã bác bỏ ý tưởng trên.)

Tuy nhiên, vấn đề với những chương trình mang tầm quốc gia và thành phố như vậy là các nạn nhân chính của tự động hóa có thể không sống ở Phần Lan, Ontario, Livorno hay Amsterdam. Toàn cầu hóa đã khiến người ở một nước này hoàn toàn lệ thuộc vào các thị trường ở nước khác, nhưng tự động hóa có thể tháo rời những mảng lớn của mạng lưới thương mại toàn cầu này và kéo theo những hậu quả thảm khốc cho những mắt xích yếu nhất. Trong thế kỷ 20, các nước đang phát triển thiếu tài nguyên thiên nhiên đạt tiến bộ kinh tế chủ yếu bằng cách bán sức lao động rẻ mạt của những người lao động không có tay nghề. Ngày nay, hàng triệu người Bangladesh đang kiếm sống bằng cách sản xuất áo sơ-mi và bán chúng cho các khách hàng ở Mỹ, trong khi người ở Bangalore kiếm sống bằng cách xử lý các phàn nàn của khách hàng Mỹ ở các tổng đài chăm sóc khách hàng.

Thế nhưng với sự phát triển của AI, robot và máy in 3D, lao động không có tay nghề giá rẻ sẽ trở nên ngày càng ít quan trọng. Thay vì sản

xuất một cái áo sơ-mi ở Dhaka và vận chuyển nó từ đó đến tận Mỹ, bạn có thể mua mã của chiếc áo trên mạng từ Amazon rồi in nó ở New York. Các cửa hàng Zara và Prada ở Đại lộ Năm có thể được thay thế bởi các trung tâm in 3D Ở Brooklyn; một số người thậm chí có thể có máy in tại nhà. Cùng lúc đó, thay vì gọi điện đến tổng đài chăm sóc khách hàng ở Bangalore để phàn nàn về máy in của mình, bạn có thể nói chuyện với một đại diện AI trong đám mây Google (âm sắc và ngữ điệu của nó sẽ được điều chỉnh theo sở thích của bạn). Các công nhân và nhân viên trực tổng đài vừa thất nghiệp ở Dhaka và Bangalore không có nền tảng giáo dục cần thiết để chuyển sang thiết kế áo sơ-mi thời trang hay viết mã máy tính, thế họ sẽ sống sót ra sao?

Nếu AI và máy in 3D thực sự thay thế những người ở Bangladesh và Bangalore, phần doanh thu trước vốn chảy về Nam Á giờ sẽ đổ đầy két của một vài nhà tài phiệt công nghệ ở California. Thay vì phát triển kinh tế cải thiện điều kiện sống trên khắp thế giới, chúng ta có thể thấy lượng của cải mới khổng lồ được tạo ra trong các trung tâm công nghệ cao như Thung lũng Silicon, trong khi nhiều nước đang phát triển sẽ sụp đổ.

Dĩ nhiên, một số nền kinh tế đang nổi, bao gồm cả Ấn Độ và Bangladesh, có thể sẽ tiến bộ đủ nhanh để tham gia vào nhóm thắng cuộc. Con hoặc cháu của các công nhân nhà máy dệt và nhân viên trực tổng đài rất có thể sẽ trở thành các kỹ sư và doanh nhân sẽ tạo ra và sở hữu các máy tính và máy in 3D. Nhưng thời gian để tạo ra một biến chuyển như vậy đang cạn dần. Trong quá khứ, lao động thiếu tay nghề giá rẻ đóng vai trò như một cây cầu an toàn bắc qua hố sâu chia cắt kinh tế toàn cầu; ngay cả khi một nước nào đó tiến bộ chậm đi chăng nữa, nó vẫn có thể hy vọng rằng cuối cùng mình sẽ đến được nơi an toàn. Đi những bước đúng thì quan trọng hơn là tiến bộ nhanh. Nhưng giờ đây, cây cầu đang rung chuyển và chẳng mấy chốc có thể sẽ sập. Những người vốn đã vượt qua bên kia, tiến từ lao động giá rẻ lên lao động trong các ngành đòi hỏi tay nghề cao, có lẽ sẽ ổn. Nhưng những người đang tụt lại phía sau có thể thấy mình bị mắc kẹt ở bên này hố sâu ngăn cách mà không có phương tiện nào để đi qua bên kia. Bạn phải làm gì khi không ai cần các lao động giá rẻ không có tay nghề của bạn và bạn cũng không có nguồn lực để xây dựng một hệ thống giáo dục tốt và dạy họ các kỹ năng mới?

Thế thì số phận của những người tụt hậu sẽ ra sao? Các cử tri Mỹ hoàn toàn có thể đồng ý với việc dùng tiền thuế mà Amazon và Google phải nộp cho việc kinh doanh ở Mỹ chi trả lương hay dịch vụ miễn phí cho các thợ mỏ thất nghiệp ở Pennsylvania và các tài xế taxi mất việc ở New York. Nhưng liệu các cử tri Mỹ cũng đồng ý là số thuế này nên được gửi đi để hỗ trợ những người thất nghiệp ở những nơi mà Tổng thống Trump đã định nghĩa là "các nước bẩn thỉu"? Nếu bạn tin điều đó, hẳn bạn cũng tin ông già Noel và thỏ Phục sinh sẽ giải quyết được vấn đề.

—ooOoo—

CƠ BẢN LÀ GÌ?

HỖ TRỢ cơ bản phổ quát là để chăm sóc các nhu cầu cơ bản của con người, nhưng lại không có định nghĩa nào về nó được chấp nhận rộng rãi. Từ góc độ sinh học thuần túy, một người cần chỉ 1.500 đến 2.500 calo mỗi ngày để tồn tại. Bất cứ thứ gì nhiều hơn thế là xa xỉ. Thế nhưng mọi nền văn hóa trong lịch sử đều đã từng định nghĩa các nhu cầu trên mức nghèo đói sinh học này là "cơ bản". Ở châu Âu trung cổ, việc tiếp cận với các dịch vụ của nhà thờ được xem trọng hơn cả thức ăn vì tôn giáo chăm sóc linh hồn vĩnh hằng của bạn hơn là thể xác phù du. Ở châu Âu ngày nay, giáo dục và dịch vụ y tế tử tế được coi là nhu cầu cơ bản của con người; một số còn cho rằng cả việc tiếp cận Internet giờ cũng là thiết yếu cho nam phụ lão ấu. Nếu vào năm 2050, Chính phủ Thế giới hợp nhất đồng ý đánh thuế Google, Amazon, Baidu và Tencent để cung cấp hỗ trợ cơ bản cho mọi con người trên Trái đất, Ở Dhaka cũng như ở Detroit, người ta sẽ định nghĩa "cơ bản" như thế nào?

Chẳng hạn, giáo dục cơ bản bao gồm những gì: chỉ đọc và viết thôi, hay cả viết code máy tính và chơi đàn violin? Chỉ sáu năm tiểu học thôi hay đến tận tiến sĩ? Và y tế thì sao? Nếu đến năm 2050, các tiến bộ y tế có thể làm chậm quá trình lão hóa và tăng tuổi thọ con người lên đáng kể thì các liệu trình mới có phổ cập đến tất cả mười tỷ con người trên khắp hành tinh

hay chỉ cho vài tỷ phú? Nếu công nghệ sinh học cho phép bố mẹ "nâng cấp" con cái mình, liệu điều này được xem là một nhu cầu cơ bản của con người hay ta sẽ thấy loài người chia làm các giai cấp sinh học khác nhau, với những siêu nhân giàu có tận hưởng các khả năng vượt xa các *Homo sapiens* nghèo khó?

Dù bạn chọn định nghĩa "các nhu cầu cơ bản của con người" như thế nào, một khi bạn cung cấp chúng cho tất cả mọi người hoàn toàn miễn phí, chúng sẽ ngay lập tức bị coi là đương nhiên, và rồi các cuộc cạnh tranh xã hội và đấu tranh chính trị khốc liệt sẽ tập trung vào những thứ "xa xỉ", dù đó là xe tự hành, khả năng tiếp cận các công viên thực tế-ảo hay cơ thể được điều chỉnh, tăng cường về mặt sinh học. Nhưng nếu quần chúng thất nghiệp không nắm của cải kinh tế, thật khó hình dung làm sao họ có được những điều xa xỉ nói trên. Do đó, khoảng cách giữa giàu (các nhà quản lý của Tencent và các cổ đông của Google) và nghèo (những người sống phụ thuộc vào thu nhập cơ bản phổ quát) sẽ trở nên không chỉ quá lớn mà còn thật sự không thể vượt qua được.

Vì lý do này, ngay cả nếu chương trình hỗ trợ phổ quát toàn cầu nào đó cung cấp cho người nghèo năm 2050 dịch vụ y tế và giáo dục tốt hơn nhiều so với những gì họ đang nhận được ngày nay, họ rất có thể vẫn cực kỳ tức giận về bất bình đẳng toàn cầu và sự thiếu tính dịch chuyển xã hội. Người ta sẽ cảm thấy hệ thống đã bị thao túng để chống lại họ, chính phủ chỉ phục vụ giới siêu giàu và tương lai sẽ còn tối tăm hơn với họ và con cháu họ.

Homo sapiens đơn giản là không được "tạo ra" để thỏa mãn. Hạnh phúc của con người phụ thuộc vào các điều kiện khách quan ít hơn và vào kỳ vọng của chính chúng ta nhiều hơn. Tuy nhiên, kỳ vọng thì lại có xu hướng thích ứng với các điều kiện, bao gồm những điều kiện *của những người khác*. Khi mọi thứ tốt lên, kỳ vọng lại phình thêm và thế là ngay cả những tiến bộ vượt bậc của các điều kiện cũng có thể khiến chúng ta bất mãn y như trước. Nếu hỗ trợ cơ bản phổ quát nhắm đến cải thiện các điều kiện khách quan của một người-trung bình vào năm 2050, nó có cơ hội thành công. Nhưng nếu nó nhắm đến làm con người ta thỏa mãn hơn với số phận của mình một cách chủ quan và ngăn bất bình đẳng xã hội, có khả năng là nó sẽ thất bại.

Để thực sự đạt được những mục đích của mình, hỗ trợ cơ bản phổ quát cần được bổ sung thêm một số nhu cầu có ý nghĩa, từ thể thao cho đến tôn giáo. Có lẽ cho đến nay, thử nghiệm thành công nhất về cách sống một cuộc sống mãn nguyện trong thế giới hậu-việc làm đã diễn ra ở Israel. Ở đó, khoảng 50% đàn ông Do Thái siêu-Chính thống không bao giờ làm việc. Họ dành trọn cuộc đời nghiên cứu các thánh kinh thiêng liêng và thực hành các nghi thức tôn giáo. Họ và gia đình họ không bị đói một phần vì những bà vợ thường làm việc và một phần vì chính phủ dành cho họ những khoản trợ cấp hào phóng và các dịch vụ miễn phí, đảm bảo họ không thiếu các nhu yếu phẩm. Đấy là hỗ trợ cơ bản phổ quát *avant la lettre,* tức đi trước thời đại.

Dù nghèo và thất nghiệp, trong hết cuộc khảo sát này đến cuộc khảo sát khác, những người đàn ông Do Thái siêu-Chính thống này cho thấy mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn bất cứ nhóm dân cư nào khác của xã hội Israel. Điều này là do sức mạnh của sự gắn kết cộng đồng cũng như ý nghĩa sâu sắc mà họ tìm thấy khi nghiên cứu thánh kinh và thực hiện các nghi thức. Một căn phòng nhỏ chật ních những người đàn ông Do Thái ngồi bàn luận kinh Talmud có thể tạo ra nhiều niềm vui, sự gắn kết và thấu suốt hơn cả một nhà máy dệt khổng lồ toàn những công nhân lao động cật lực. Trong các cuộc khảo sát toàn cầu về mức độ hài lòng với cuộc sống, Israel thường đứng đâu đó gần đầu bảng, một phần nhờ những người nghèo thất nghiệp này.

Người Israel thế tục thường phàn nàn một cách cay đắng rằng những người siêu-Chính thống không đóng góp đủ cho xã hội và sống nhờ vào lao động vất vả của người khác. Người Israel thế tục cũng thường cho rằng lối sống của người siêu-Chính thống là không bền vững, đặc biệt khi gia đình của họ có trung bình bảy người con. Sớm muộn gì chính phủ cũng sẽ không thể hỗ trợ nhiều người thất nghiệp đến vậy và những người siêu-Chính thống sẽ phải đi làm. Thế nhưng, có khi điều ngược lại mới xảy ra. Khi robot và AI đẩy con người ra khỏi thị trường lao động, những người Do Thái siêu-Chính thống có thể sẽ được xem là hình mẫu của tương lai hơn là người cổ lỗ sĩ. Không phải tất cả mọi người đều sẽ trở thành người Do Thái siêu-Chính thống và đến các chủng viện (Yeshiva) để học kinh Talmud. Nhưng trong cuộc đời của mọi người, cuộc tìm kiếm ý nghĩa và cộng đồng có thể sẽ làm lu mờ cuộc kiếm tìm công ăn việc làm.

Nếu chúng ta tìm được cách kết hợp một tấm lưới an toàn kinh tế phổ quát với các cộng đồng mạnh và các nhu cầu ý nghĩa, chuyện mất việc vì các thuật toán có thể sẽ biến thành một diễm phúc. Tuy nhiên, chuyện mất kiểm soát cuộc đời của chính mình, là một viễn cảnh đáng sợ hơn rất nhiều. Mặc cho mối hiểm họa của thất nghiệp hàng loạt, cái chúng ta nên lo lắng nhiều hơn nữa là sự dịch chuyển quyền lực từ con người sang thuật toán, điều có thể phá hủy những niềm tin còn sót lại trong câu chuyện tự do và mở đường cho sự trỗi dậy của các nền độc tài số.



3

Tự Do



BIG DATA ĐANG THEO DÕI NGƯƠI ĐẤY

CÂU CHUYỆN tự do tôn vinh quyền tự do của con người là giá trị số một của nó. Nó lý luận rằng xét cho cùng, mọi quyền lực đều bắt nguồn từ ý chí tự do của các cá nhân, được thể hiện bằng cảm xúc, ham muốn và lựa chọn của họ. Trong chính trị, chủ nghĩa tự do tin rằng cử tri biết rõ nhất. Do đó, nó đề cao các cuộc bầu cử dân chủ. Trong kinh tế, chủ nghĩa tự do cho rằng khách hàng luôn đúng. Do đó, nó tung hô các nguyên tắc thị trường tự do. Trong các vấn đề cá nhân, chủ nghĩa tự do khuyến khích con người lắng nghe chính mình, chân thực với bản thân và đi theo trái tim, miễn là đừng làm ảnh hưởng đến quyền tự do của người khác. Tự do cá nhân được tôn thờ trong quyền con người.

Trong các diễn ngôn chính trị phương Tây, thuật ngữ “tự do” ngày nay đôi khi được dùng trong một nghĩa đảng phái hẹp hơn rất nhiều, để chỉ những người ủng hộ các vấn đề nhất định như hôn nhân đồng giới, kiểm soát súng đạn và quyền phá thai. Thế nhưng hầu hết những người được gọi là bảo thủ cũng ủng hộ thế giới quan tự do theo nghĩa rộng. Ở Mỹ chẳng hạn, cả đảng viên Cộng hòa lẫn Dân chủ thỉnh thoảng cũng nên tạm hoãn những cuộc tranh luận nảy lửa để tự nhắc rằng cả hai bên đều đồng thuận về các vấn đề cơ bản, như bầu cử tự do, tư pháp độc lập và nhân quyền.

Đặc biệt, nhất thiết phải nhớ rằng những người hùng cánh hữu như Ronald Reagan và Margaret Thatcher là những người bảo vệ vĩ đại không chỉ cho tự do kinh tế mà còn cho tự do cá nhân nữa. Trong một cuộc phỏng vấn nổi tiếng năm 1987, Thatcher nói: “Chẳng có cái gì gọi là xã hội cả. Chỉ có một thảm sống gồm đàn ông và đàn bà… và chất lượng cuộc sống

của chúng ta phụ thuộc vào việc mỗi người trong chúng ta sẵn sàng chịu trách nhiệm cho bản thân đến mức độ nào.”

Những người kế thừa Thatcher trong Đảng Bảo thủ hoàn toàn đồng ý với Công Đảng về việc quyền hành chính trị đến từ cảm xúc, lựa chọn và ý chí tự do của các cử tri đơn lẻ. Khi nước Anh cần quyết định xem có nên rời Liên minh châu Âu không, Thủ tướng David Cameron đã không đề nghị Nữ hoàng Elizabeth II, Tổng giám mục Canterbury hay các nhà quý tộc Oxford và Cambridge giải quyết vấn đề. Ông ta thậm chí không yêu cầu các thành viên Nghị viện. Thay vào đó, ông ta tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý, trong đó từng người dân Anh được hỏi: “Bạn *cảm thấy* thế nào về việc đó?”

Bạn có thể phản biện rằng người ta được hỏi “Bạn nghĩ gì?” chứ không phải “Bạn cảm thấy gì?”, nhưng đây là một hiểu lầm phổ biến. Các cuộc trưng cầu và bầu cử luôn luôn nhắm đến cảm giác của con người, không phải lý trí của họ. Nếu dân chủ là vấn đề ra quyết định theo lý trí thì chẳng có lý do gì phải cho mọi người quyền bầu cử như nhau, thậm chí là bất cứ quyền bỏ phiếu nào. Nhiều bằng chứng cho thấy một số người hiểu biết và lý trí hơn rất nhiều so với những người khác, nhất là khi đụng đến các câu hỏi về kinh tế và chính trị nhất định. Sau cuộc trưng cầu dân ý Brexit, nhà sinh vật học nổi tiếng Richard Dawkins bày tỏ quan điểm cho rằng đáng lẽ người ta không nên yêu cầu đại đa số công chúng Anh, bao gồm chính ông, bỏ phiếu vì họ thiếu nền tảng cần thiết về kinh tế học và khoa học chính trị. “Anh cũng có thể kêu gọi một cuộc trưng cầu toàn quốc để quyết định xem liệu Einstein tính đại số có đúng không, hay để hành khách bỏ phiếu cho đường băng mà phi công nên hạ cánh.”

Tuy nhiên, dù hay hay dở, các cuộc bầu cử và trưng cầu dân ý không nhắm đến điều chúng ta nghĩ. Chúng nhắm đến chuyện chúng ta cảm thấy gì. Và khi nói đến cảm giác, cả Einstein và Dawkins cũng chẳng khá hơn bất cứ ai. Dân chủ mặc định là cảm giác của con người phản ánh một “ý chí tự do” kỳ bí và sâu xa, cái “ý chí tự do” này là nguồn cơn tối thượng của mọi quyền lực, và mặc dù một số người thông minh hơn người khác, mọi người đều tự do như nhau. Cũng như Einstein và Dawkins, một cô hầu gái mù chữ cũng có ý chí tự do, do đó đến ngày bầu cử thì cảm giác của cô ta, đại diện bằng lá phiếu của cô, cũng có giá trị như của mọi người khác.

Cảm giác không chỉ dẫn lối các cử tri mà cả các nhà lãnh đạo. Trong cuộc trưng cầu dân ý Brexit năm 2016, chiến dịch Rời Bỏ được Boris Johnson và Michael Gove dẫn đầu. Sau khi David Cameron từ chức, ban đầu Gove ủng hộ Ịohnson lên làm thủ tướng; nhưng đúng phút cuối, Gove tuyên bố Johnson không phù hợp với vị trí đó và công khai ý định chạy đua giành ghế của mình. Hành động của Gove, xem như hủy hoại cơ hội của Johnson, được mô tả như một vụ ám sát chính trị kiểu Machiavellia. Nhưng Gove biện hộ cho hành vi của mình bằng cách viện dẫn cảm giác của bản thân, giải thích rằng: "Trong mọi bước đi của cuộc đời chính trị của mình, tôi luôn đặt cho mình một câu hỏi: "Việc đúng đắn cần phải làm là gì? Trái tim này nói với mình điều gì?" Theo Gove, đấy là lý do ông ta chiến đấu hết mình cho Brexit, cũng là lý do ông cảm thấy mình phải đâm sau lưng "đồng chí" cũ Boris Johnson của mình và đích thân chạy đua giành vị trí dẫn đầu, bởi trái tim mách bảo ông ta làm như vậy.

Sự lệ thuộc vào trái tim này có thể trở thành gót chân Achilles cua nên dân chủ tự do. Vì một khi ai đó (dù là ở Bắc Kinh hay San Francisco) đạt được tầm công nghệ để bẻ khóa và điều khiển trái tim con người thì nền chính trị dân chủ sẽ biến dạng.

—ooOoo—

LẮNG NGHE THUẬT TOÁN

NIỀM TIN của chủ nghĩa tự do vào cảm giác và lựa chọn tự do của cá nhân là không tự nhiên cũng như không cổ xưa cho lắm. Trong suốt nhiều ngàn năm, con người tin rằng quyền hành đến từ các luật lệ thiêng hơn là từ trái tim con người, rằng chúng ta nên làm sáng lời Chúa hơn là vinh danh tự do của con người. Chỉ trong vài thế kỷ trở lại đây, nguồn gốc của quyền hành mới chuyển từ thần thánh ở trên trời xuống với con người bằng xương bằng thịt.

Chẳng bao lâu nữa, quyền lực có thể sẽ chuyển một lần nữa, từ con người sang các thuật toán. Cũng như quyền lực thiêng được các thần thoại

tôn giáo hợp thức hóa và quyền lực con người được biện minh bằng câu chuyện tự do, cuộc cách mạng công nghệ sắp tới cũng có thể thiết lập quyền lực của các thuật toán Big Data trong khi làm suy yếu chính ý tưởng về tự do cá nhân.

Như đã nói ở chương trước, những tìm tòi khoa học chuyên sâu về cách bộ não và cơ thể chúng ta hoạt động cho thấy cảm giác của chúng ta không phải là một đặc tính tinh thần độc nhất ở con người, chúng cũng không phản ánh bất cứ dạng "ý chí tự do" nào. Thay vào đó, cảm giác là các cơ chế sinh hóa mà mọi loài thú và chim sử dụng để nhanh chóng tính toán các khả năng sinh tồn và sinh sản. Cảm giác không dựa trên bản năng, cảm hứng hay tự do; chúng dựa vào tính toán.

Khi một con khỉ, chuột hay người nhìn thấy một con rắn, nỗi sợ trỗi dậy bởi hàng triệu nơron trong não chớp nhoáng tính toán các dữ liệu có liên quan và kết luận rằng xác suất tử vong là cao. Cảm giác hấp dẫn tình dục nổi lên khi các thuật toán sinh hóa khác tính ra rằng một cá thể ở gần đó cho thấy khả năng thành công cao trong việc kết đôi, gắn kết xã hội hay đạt các mục tiêu được trông đợi khác. Các cảm giác mang tính đạo đức như bức xúc, tội lỗi và tha thứ xuất phát từ các cơ thế thần kinh đã được tiến hóa để mở ra triển vọng hợp tác nhóm. Tất cả các thuật toán sinh hóa này được mài giũa qua hàng triệu năm tiến hóa. Nếu cảm giác của một tổ tiên xa xưa nào đó là sai và kết quả là người đó mắc phải một sai lầm chết người, những gien định hình các cảm giác đó đã không truyền sang thế hệ tiếp theo. Các cảm giác do đó không phải là trái ngược với lý trí; chúng chính là hiện thân của lý trí tiến hóa.

Chúng ta thường không nhận ra cảm giác thực ra là các tính toán vì quá trình tính toán cực nhanh xuất hiện ở tầng sâu dưới ngưỡng ý thức của chúng ta. Chúng ta không cảm thấy hàng triệu nơron trong não tính toán các khả năng sinh tồn và sinh sản, thế nên ta lầm tin rằng nỗi sợ rắn, lựa chọn bạn tình hay ý kiến của chúng ta về Liên minh châu Âu là kết quả của một "ý chí tự do" bí hiểm nào đó.

Chủ nghĩa tự do đã sai khi nghĩ rằng cảm giác của chúng ta phản ánh ý chí tự do; nhưng cho đến ngày nay, việc dựa vào cảm giác vẫn hợp lý trong thực tế. Bởi mặc dù cảm giác chẳng có gì thần thông hay tự do cả thì nó vẫn là phương pháp tốt nhất trong vũ trụ để quyết định phải học cái gì,

cưới ai và bầu cho đảng nào. Và không một hệ thống bên ngoài nào có thể hy vọng hiểu được cảm giác của tôi rõ hơn tôi cả. Ngay cả nếu Tòa Hình án Tây Ban Nha có rình mò tôi từng phút từng ngày, họ vẫn thiếu kiến thức sinh học và khả năng tính toán cần thiết để "bẻ khóa" những quá trình sinh hóa định hình những nguyện vọng và lựa chọn của tôi. Về cơ bản, vẫn hợp lý khi biện luận rằng tôi có ý chí tự do vì ý chí của tôi được định hình chủ yếu bởi sự tương tác của các lực bên trong, không ai bên ngoài tôi có thể thấy được. Tôi có thể tận hưởng ảo tưởng rằng mình kiểm soát đấu trường bí mật nội tại, trong khi người ngoài không bao giờ có thể thực sự hiểu điều gì đang xảy ra trong tôi và cách tôi ra quyết định.

Do đó, chủ nghĩa tự do đã đúng khi khuyên con người là hãy đi theo trái tim của mình hơn là mệnh lệnh của một thầy tu hay một thành viên của đảng phái nào đó. Tuy nhiên, sớm muộn gì các thuật toán máy tính cũng có thể đưa ra những lời khuyên tốt hơn cảm giác con người. Khi Tòa Hình án Tây Ban Nha và KGB nhường chỗ cho Google và Baidu, "ý chí tự do" rất dễ bị lật tẩy là một thứ hoang đường và chủ nghĩa tự do sẽ mất đi các lợi thế thực tế của mình.

Bởi chúng ta đang ở điểm "hợp lưu" của hai cuộc cách mạng lớn. Các nhà sinh học đang giải mã những bí mật của cơ thể người và cụ thể là não bộ và cảm giác của con người. Cùng lúc đó, các nhà khoa học máy tính đang mang lại cho chúng ta khả năng xử lý dữ liệu chưa từng có. Khi cuộc cách mạng công nghệ sinh học kết hợp với cuộc cách mạng công nghệ thông tin, chúng sẽ sinh ra các thuật toán Big Data có thể theo dõi và hiểu được cảm giác của tôi rõ hơn bản thân tôi rất nhiều, rồi quyền lực có lẽ sẽ dịch chuyển từ con người sang máy tính. Ảo tưởng về ý chí tự do của tôi rất có thể sẽ tan vỡ khi tôi ngày ngày tiếp xúc với các tổ chức, tập đoàn và cơ quan chính phủ hiểu và điều khiển được những gì mà cho tới nay vẫn là thế giới bên trong bất khả xâm phạm của tôi.

Điều này đã xảy ra trong lĩnh vực y học. Những quyết định y tế quan trọng nhất trong cuộc đời chúng ta không phụ thuộc vào cảm giác khỏe hay yếu, hay thậm chí vào những chẩn đoán của bác sĩ, mà dựa trên các tính toán của những máy tính hiểu cơ thể ta hơn bản thân ta rất nhiều. Chỉ trong vài thập kỷ, các thuật toán Big Data được cung cấp một nguồn dữ liệu sinh hóa liên tục có thể giám sát sức khỏe của chúng ta 24/7. Chúng có thể phát hiện sự khởi phát của cúm, ung thư hay bệnh Alzheimer từ rất lâu trước

khi chúng ta cảm thấy có gì không ổn trong người. Sau đó, chúng có thể gợi ý các phương pháp điều trị, các chế độ ăn uống và luyện tập hằng ngày hợp lý, được xây dựng riêng dựa trên thể trạng, ADN và tính cách độc đáo của mỗi chúng ta.

Con người sẽ tận hưởng dịch vụ chăm, sóc sức khỏe tốt nhất trong lịch sử, nhưng chính vì lý do này mà có lẽ chúng ta sẽ luôn bị bệnh. Ở đâu đó trong người chúng ta, lúc nào cũng sẽ có cái gì đó không ổn. Lúc nào cũng có cái gì đó để cải thiện. Trong quá khứ, bạn thấy hoàn toàn khỏe mạnh miễn là không cảm thấy đau đớn và không xuất hiện một thương tật gì đó, ví dụ như đi khập khiễng. Nhưng đến năm 2050, nhờ các cảm biến sinh trắc và các thuật toán Big Data mà các chứng bệnh có thể được chẩn đoán và điều trị từ rất lâu trước khi chúng dẫn đến đau đớn hay thương tật. Kết quả là bạn sẽ luôn thấy mình đang gánh chịu một "tình trạng y khoa" nào đó và phải nghe theo gợi ý này, gọi ý kia của thuật toán. Nếu bạn từ chối, có thể bảo hiểm y tế của bạn sẽ mất hiệu lực hay sếp sẽ sa thải bạn; tại sao họ phải trả giá cho sự cứng đầu của bạn cơ chứ?

Tiếp tục hút thuốc mặc dù các thống kê nói chung cho thấy mối liên hệ thuốc lá với ung thư phổi là một chuyện. Tiếp tục hút thuốc dù đã có cảnh báo rõ ràng từ một cảm biến sinh trắc vừa phát hiện ra mười bảy tế bào ung thư ở vùng trên của phổi trái là một chuyện hoàn toàn khác. Và nếu bạn sẵn sàng mặc kệ cảm biến, bạn sẽ làm gì khi nó gửi cảnh báo đến công ty bảo hiểm, quản lý và mẹ bạn?

Ai sẽ có thời gian và sức lực để xử lý tất cả những bệnh tật này? Rất có khả năng chúng ta sẽ chỉ hướng dẫn để thuật toán sức khỏe của mình tự xử lý hầu hết những vấn đề trên theo cách nó thấy phù hợp. Cùng lắm, nó sẽ gửi cập nhật định kỳ đến điện thoại thông minh của chúng ta, nói với ta rằng "mười bảy tế bào ung thư đã được phát hiện và tiêu diệt". Những người mắc chứng bệnh tưởng có thể sẽ nghiêm túc đọc những cập nhật này, nhưng phần lớn chúng ta sẽ mặc kệ như cách chúng ta vẫn làm với những thông báo chống vi-rút khó chịu trên máy tính của mình vậy.

—ooOoo—

KỊCH TÍNH CỦA VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH

CHUYỆN VỐN đang xảy ra trong y tế chắc chắn có khả năng sẽ xuất hiện trong ngày càng nhiều lĩnh vực. Phát minh chủ chốt cảm biến sinh trắc mà người ta có thể đeo trên hoặc trong người và chuyển các quá trình sinh học thành các thông tin điện tử mà máy tính có thể lưu trữ và phân tích. Khi có đủ dữ liệu sinh trắc và khả năng tính toán, các hệ thống xử lý dữ liệu bên ngoài có thể giải mã mọi ham muốn, quyết định và ý kiến của bạn. Chúng có thể biết chính xác bạn là ai.

Hầu hết mọi người không biết rõ về bản thân cho lắm. Tới năm 21 tuổi, cuối cùng tôi đã nhận thức rõ mình là người đồng tính, sau nhiều năm sống phủ nhận hiện thực ấy. Điều này không lấy gì là khác thường. Nhiều đàn ông đồng tính mất trọn những năm thiếu niên phân vân về xu hướng tình dục của mình. Giờ thử hình dung tình huống năm 2050, khi một thuật toán có thể nói cho bất cứ thiếu niên nào vị trí chính xác của mình trên phổ cong / thẳng (và thậm chí là mức độ "linh động" của vị trí đó nữa). Có lẽ thuật toán sẽ cho bạn xem ảnh hay video của những nam giới và nữ giới hấp dẫn, theo dõi chuyển động của mắt, huyết áp và hoạt động não bộ của bạn; trong vòng năm phút, nó sẽ hiện một con số trên thang Kinsey. Một phát minh như vậy hẳn đã cứu tôi khỏi nhiều năm vật vã. Có lẽ cá nhân bạn sẽ không muốn thực hiện một bài kiểm tra kiểu đó; nhưng rồi có thể lúc nào đó bạn sẽ thấy mình đang ở cùng một nhóm bạn trong buổi tiệc sinh nhật chán ngắt của Michelle và ai đó gợi ý là cả nhóm lần lượt tự kiểm tra trên thuật toán mới rất ngầu này (mọi người thì đứng quanh xem kết quả và bình luận). Bạn cứ thế bỏ đi mà được ư?

Ngay cả nếu bạn bỏ đi thật và ngay cả khi bạn cứ chạy trốn bản thân và bạn bè, bạn sẽ không thể trốn được Amazon, Alibaba hay cảnh sát mật. Khi bạn lướt web, xem YouTube hay đọc tin tức trên mạng xã hội, các thuật toán sẽ âm thầm giám sát bạn, phân tích bạn và thông báo với hãng Coca-Cola rằng nếu họ muốn bán cho bạn một loại nước giải khát có ga nào đó, họ nên dùng quảng cáo có nam giới cởi trần hơn là nữ giới cởi trần. Bạn thậm chí sẽ không biết. Nhưng chúng sẽ biết và những thông tin như vậy đáng giá hàng tỷ đô.

Thế nhưng, có khi người ta lại sẵn sàng chia sẻ thông tin của mình để đổi lại những gợi ý tốt hơn và cuối cùng là để thuật toán quyết định cho họ. Hãy bắt đầu bằng những thứ đơn giản, ví dụ như ngồi xuống cùng bạn bè và cùng nhau có một buổi tối ấm cúng trước TV. Năm mươi năm trước, bạn có rất ít lựa chọn về thứ có thể xem; nhưng ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng của các dịch vụ xem theo yêu cầu, bạn có hàng nghìn tên phim để chọn. Đi đến đồng thuận có thể khá khó vì bạn thì thích phim viễn tưởng ly kỳ, Jack khoái phim hài lãng mạn, còn Jill thì chọn phim Pháp nghệ thuật. Cả hội có thể sẽ thỏa hiệp và kết thúc bằng việc xem một bộ phim hạng B xoàng nào đó để rồi đều thất vọng.

Thuật toán có thể giúp. Bạn có thể nói cho nó biết những phim từng người trong các bạn đã xem và thích; dựa vào cơ sở dữ liệu thống kê khổng lồ của mình, thuật toán sau đó có thể tìm ra một bộ phim phù hợp hoàn hảo cho cả nhóm. Không may là, một thuật toán còn thô sơ như vậy có thể dễ dàng bị nhầm hướng, đặc biệt vì tự mô tả là một thước đo đặc biệt thiếu tin cậy khi bàn về sở thích thực sự của nhiều người. Thường thì khi nghe nhiều người ca tụng một bộ phim như một kiệt tác, chúng ta sẽ cảm thấy mình nhất định phải xem và dù giữa chừng chán ngắt đến buồn ngủ, chúng ta cũng không muốn mình bị coi như những kẻ chả hiểu biết gì về nghệ thuật, thê là chúng ta nói với tất cả mọi người rằng đó là một trải nghiệm tuyệt vời.

Tuy nhiên, các vấn đề như vậy có thể được giải quyết nếu chúng ta cho phép thuật toán thu thập các dữ liệu thời gian thực về chúng ta khi chúng ta đang thật sự xem phim, thay vì chỉ dựa vào những lời tự thuật rất mập mờ của chính chúng ta. Với những người mới bắt đầu, thuật toán có thể theo dõi những phim chúng ta đã xem hết và những phim chúng ta ngừng xem giữa chừng. Ngay cả khi chúng ta nói với cả thế giới rằng *Cuốn theo chiều gió* là bộ phim hay nhất từng được sản xuất, thì thuật toán cũng sẽ biết chúng ta chưa bao giờ xem quá nửa tiếng đầu và chưa bao giờ thấy Atlanta chìm trong biển lửa.

Thế nhưng thuật toán có thể còn tiến xa hơn nữa. Các kỹ sư hiện đang phát triển phần mềm có thể phát hiện các cảm xúc của con người dựa trên cử động của mắt và các cơ mặt. Người ta gắn thêm một máy quay chất lượng vào ti vi và một phần mềm như vậy sẽ biết cảnh nào làm ta cười, cảnh nào làm ta buồn và cảnh nào làm ta chán. Tiếp theo, nối kết thuật toán

với các cảm biến sinh trắc và nó sẽ biết mỗi khung hình ảnh hưởng đến nhịp tim, huyết áp và hoạt động não bộ của ta ra sao. Khi ta xem *Pulp Fiction* của Tarantino chẳng hạn, thuật toán sẽ nhận thấy cảnh hiếp dâm khiến ta thấy thoáng gợn chút hứng tình gần như không thể nhận ra, cảnh Vincent thình lình bắn vào mặt Marvin làm ta bật cười một cách tội lỗi và mặc dù không hiểu câu đùa về "cái bánh mì kẹp Kahuna bự", ta vẫn cười để trông mình không bị ngu. Khi ép mình cười, cơ thể bạn sử dụng những mạch điện não và cơ khác với khi bạn thật sự buồn cười. Con người thường không nhận thấy sự khác biệt. Nhưng một cảm biến sinh trắc thì có thể.

Từ "television", tức tivi, bắt nguồn từ *tele* trong tiếng Hy Lạp nghĩa là "xa" và *visio* trong tiếng Latin nghĩa là "nhìn". Ban đầu, nó được tạo ra như một phương tiện cho phép chúng ta nhìn từ xa. Nhưng chẳng mấy chốc nó sẽ cho phép chúng ta *bị nhìn thấy* từ xa. Như George Orwell đã hình dung trong cuốn *1984*, chiếc TV có thể xem chúng ta trong khi chúng ta xem nó. Sau khi xem hết những bộ phim của Tarantino, chúng ta có thể sẽ quên gần hết. Nhưng Netflix hay Amazon hay bất cứ ai sở hữu thuật toán TV sẽ biết kiểu tính cách của chúng ta và cách khiến cảm xúc của chúng ta bùng nổ. Những dữ liệu như vậy có thể giúp Netflix và Amazon chọn phim cho chúng ta với sự chính xác phi thường, nhưng chúng cũng có thể cho phép họ đưa ra những quyết định quan trọng nhất cuộc đời hộ chúng ta, như học cái gì, làm ở đâu và cưới ai chẳng hạn.

Dĩ nhiên, Amazon sẽ không phải lúc nào cũng đúng. Điều đó là không thể. Các thuật toán sẽ liên tục mắc lỗi do dữ liệu không đủ, lập trình sai, lẫn lộn các mục tiêu và bản chất rối ren của cuộc đời. Nhưng Amazon đâu cần phải hoàn hảo. Nó chỉ cần giỏi hơn một người trung bình thôi. Và điều đó thì không quá khó vì hầu hết mọi người không hiểu rõ bản thân cho lắm và hầu hết thường phạm những sai lầm khủng khiếp trong các quyết định quan trọng nhất cuộc đời. Con người cũng chịu cảnh dữ liệu thiếu, lập trình sai (do di truyền và văn hóa), lẫn lộn các vấn đề và cuộc sống rối ren còn nhiều hơn cả các thuật toán.

Bạn có thể liệt kê nhiều vấn đề xoay quanh các thuật toán và kết luận rằng con người sẽ không bao giờ tin vào chúng. Nhưng điều đó cũng hơi giống việc liệt kê tất cả các hạn chế của nền dân chủ và kết luận rằng không một người khôn ngoan nào sẽ lựa chọn ủng hộ một hệ thống như

vậy. Winston Churchill đã nói một câu nổi tiếng rằng dân chủ là hệ thống chính trị tệ nhất thế giới, trừ tất cả những hệ thống còn lại. Đúng hay sai thì con người có thể sẽ đi đến kết luận tương tự về các thuật toán Big Data: chúng còn nhiều sai sót, nhưng chúng ta không có lựa chọn nào khá hơn.

Khi các nhà khoa học hiểu sâu hơn cách con người ra quyết định, sự cám dỗ của việc dựa vào các thuật toán hẳn sẽ ngày càng lớn. "Bẻ khóa" quá trình ra quyết định của con người không chỉ khiến các thuật toán Big Data trở nên đáng tin cậy hơn mà đồng thời khiến cảm xúc con người trở nên *thiếu tin cậy hơn*. Khi các chính phủ và các tập đoàn thành công trong việc "bẻ khóa" hệ thống vận hành của con người, chúng ta sẽ bị phơi ra trước một loạt dồn dập, liên tiếp các hình thức thao túng, quảng cáo và tuyên truyền được định hướng rất chính xác. Việc điều khiển ý kiến và cảm xúc của chúng ta sẽ trở nên dễ dàng đến mức chúng ta sẽ buộc phải dựa vào thuật toán hệt như cách một phi công đột nhiên bị chóng mặt, phải lờ đi những gì các giác quan của anh ta đang mách bảo và đặt toàn bộ niềm tin vào máy móc.

Tại một số quốc gia và trong một số tình huống, con người có thể không được lựa chọn chút nào và sẽ buộc phải tuân theo các quyết định của các thuật toán Big Data. Nhưng ngay cả trong các xã hội được cho là tự do, các thuật toán cũng có thể sẽ giành được quyền lực bởi qua các lần trải nghiệm, chúng ta sẽ học được cách tin vào chúng trong ngày càng nhiều vấn đề và dần mất đi khả năng tự quyết định cho bản thân. Cứ nghĩ về cách mà chỉ trong hai thập kỷ qua, hàng tỷ người đã đi đến chỗ giao phó cho thuật toán tìm kiếm Google một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất: tìm kiếm thông tin liên quan và đáng tin cậy. Chúng ta không còn tìm thông tin nữa. Thay vào đó, chúng ta dùng Google. Và khi chúng ta ngày càng phụ thuộc vào Google để tìm câu trả lời thì khả năng tự tìm kiếm thông tin của chúng ta sẽ ngày càng thu hẹp. Đến ngày nay, "sự thật" được định nghĩa bằng các kết quả hàng đầu của mỗi lần tìm kiếm Google.

Điều này cũng đang diễn ra với các năng lực thể chất, ví dụ như định hướng trong không gian. Người ta nhờ Google chỉ đường cho họ. Khi họ đến một điểm giao cắt, cảm giác bản năng có thể bảo họ "rẽ trái" nhưng Google Maps lại bảo "rẽ phải". Đầu tiên, họ nghe theo mình, rẽ trái để rồi dính ngay một vụ kẹt xe và lỡ một buổi hẹn quan trọng. Lần sau, họ nghe lời Google, rẽ phải và đến nơi đúng giờ. Họ học được từ các trải nghiệm là

nên tin Google. Sau một, hai năm, họ mù quáng dựa vào bất cứ thứ gì Google Maps nói với họ và nếu điện thoại thông minh của họ hỏng, họ hoàn toàn ngơ ngác. Vào tháng Ba năm 2012, ba du khách Nhật Bản ở Úc quyết định đi một chuyến trong ngày đến một hòn đảo nhỏ ngoài khơi để rồi lái thẳng xe xuống Thái Bình Dương. Người lái xe, cô Yuzu Nucla 21 tuổi, sau đó có nói là cô chỉ đi theo chỉ dẫn của GPS và "nó bảo là chúng tôi lái được ở dưới đó. Nó cứ nói là nó sẽ dẫn chúng tôi đến một con đường. Chúng tôi bị mắc kẹt." Trong vài vụ việc tương tự, nhiều người đã lái xuống hồ hay rơi khỏi một cây cầu bị hỏng vì nghe theo chỉ dẫn GPS. Khả năng định hướng cũng như một loại cơ bắp, không dùng đến sẽ mất. Khả năng chọn bạn đời hay chọn nghề nghiệp cũng vậy.

Mỗi năm hàng triệu người trẻ tuổi cần phải quyết định học gì ở đại học. Đây là một quyết định rất quan trọng và khó khăn. Bạn chịu áp lực từ bố mẹ, bạn bè và thầy cô, ai cũng có mối quan tâm và ý kiến riêng. Bạn cũng có những nỗi sợ và mong ước riêng phải xử lý. Khả năng suy xét của bạn bị các bộ phim bom tấn của Hollywood, những cuốn tiểu thuyết vô giá trị, các chiến dịch quảng cáo tinh vi phủ bóng và điều khiển. Việc đưa ra một quyết định khôn ngoan là đặc biệt khó khăn vì bạn không thực sự biết các nghề nghiệp khác nhau cần những điều gì để thành công và bạn không có một hình dung thực tế về sở trường cũng như sở đoản của chính mình. Cần gì để thành công với tư cách một luật sư? Làm sao để làm việc dưới áp lực? Mình có phải là một người làm việc nhóm tốt không?

Một sinh viên có thể bắt đầu học luật vì cô ấy hiểu không chính xác các kỹ năng của mình và có một quan niệm thậm chí còn méo mó hơn về chuyện làm luật sư thực sự cần những gì (bạn không đưa ra những bài phát biểu kịch tính và hét "Phản đối, thưa quý tòa!" suốt ngày đâu). Trong khi đó, bạn cô quyết định hiện thực hóa một giấc mơ thời thơ ấu và học ballet chuyên nghiệp, dù không có cấu trúc xương phù hợp hay tính kỷ luật cần thiết. Nhiều năm sau, cả hai cực kỳ hối tiếc về những lựa chọn của mình. Trong tương lai, chúng ta sẽ có thể dựa vào Google để đưa ra các quyết định như vậy cho mình. Google có thể nói cho tôi biết tôi sẽ chỉ phí thời gian trong trường luật và trường ballet nhưng có thể trở thành một nhà tâm lý học hay một thợ sửa ống nước xuất sắc (và cực kỳ hạnh phúc).

Một khi AI đưa ra các quyết định tốt hơn chúng ta về nghề nghiệp và có thể là cả các mối quan hệ, quan niệm của chúng ta về nhân tính và về

cuộc đời sẽ phải thay đổi. Con người đã quen nghĩ về cuộc đời như một vở kịch của việc ra quyết định. Nền dân chủ tự do và chủ nghĩa tư bản thị trường tự do xem mỗi cá nhân như một thực thể tự quyết liên tục đưa ra lựa chọn về thế giới. Các tác phẩm nghệ thuật, dù là kịch Shakespeare, tiểu thuyết của Jane Austen hay các bộ phim hài rẻ tiền của Hollywood, thường xoay quanh nhân vật chính phải đưa ra những quyết định đặc biệt quan trọng. Tồn tại hay không tồn tại? Nghe lời vợ và giết vua Duncan hay nghe theo lương tâm mình và tha cho hắn? Cưới ngài Collins hay ngài Darcy? Tương tự, thần học Cơ Đốc và Hồi giáo cũng tập trung vào sự kịch tính của việc ra quyết định, lý luận rằng sự cứu rỗi vĩnh hằng phụ thuộc vào việc đưa ra lựa chọn đúng đắn.

Điều gì sẽ xảy ra với quan niệm sống này khi ta ngày càng dựa vào AI để ra quyết định? Hiện tại, ta phó thác Netflix để gợi ý phim cho ta và Google Maps để chọn rẽ phải hay rẽ trái. Nhưng một khi ta bắt đầu dựa vào AI để quyết định học cái gì, làm ở đâu và cưới ai, cuộc đời con người sẽ thôi không còn là một vở kịch của việc ra quyết định nữa. Các cuộc bầu cử dân chủ và các thị trường tự do sẽ không còn nhiều ý nghĩa. Hầu hết các tôn giáo và các tác phẩm nghệ thuật cũng thế. Hãy tưởng tượng Anna Karenina rút điện thoại thông minh của mình ra và hỏi thuật toán Facebook mình có nên tiếp tục làm vợ Karenin hay chạy trốn với bá tước Vronsky bảnh bao. Hay hình dung vở kịch Shakespeare yêu thích của bạn với tất cả các quyết định tối quan trọng được đưa ra bởi thuật toán Google. Hamlet và Macbeth sẽ có những cuộc đời dễ chịu hơn rất nhiều, nhưng kiểu cuộc đời đó là gì vậy? Chúng ta có mô hình nào để hiểu chúng không?

Khi quyền hạn chuyển từ người sang thuật toán, chúng ta có lẽ không còn nhìn thế giới như một sân chơi của các cá nhân tự quyết đang vật lộn để đưa ra những lựa chọn đúng đắn nữa. Thay vào đó, chúng ta có thể nhìn toàn bộ vũ trụ như một dòng chảy dữ liệu, xem các sinh vật chẳng hơn gì các thuật toán sinh hóa và tin rằng công việc mang tầm vóc vũ trụ của loài người là tạo ra một hệ thống xử lý dữ liệu bao trùm mọi thứ rồi hòa mình vào trong đó. Ngày nay, chúng ta đang trở thành các con chip nhỏ xíu trong một hệ thống xử lý dữ liệu khổng lồ mà chẳng ai thực sự hiểu. Mỗi ngày, tôi hấp thu vô số bit dữ liệu thông qua các email, các dòng tweet và các bài viết; tôi xử lý dữ liệu rồi lại truyền các bit mới thông qua nhiều email, tweet và các bài viết khác nữa. Tôi không thực sự biết mình khớp vào đâu

trong hoạch định vĩ đại của vạn vật này, hay những bit dữ liệu của tôi kết nối với những bit do hàng tỷ người và máy tính khác sản sinh ra như thế nào. Tôi không có thời gian tìm hiểu vì tôi quá bận rộn với việc trả lời hết những email này.

—ooOoo—

CỖ XE TRIẾT HỌC

NGƯỜI TA có thể lý luận rằng các thuật toán sẽ không bao giờ đưa ra các quyết định quan trọng giúp chúng ta vì các quyết định quan trọng thường cho thấy một chiều hướng đạo đức mà các thuật toán thì không hiểu đạo đức. Thế nhưng không có lý do nào để cho rằng các thuật toán sẽ không thể vượt mặt được một người trung bình ngay cả trong vấn đề này. Ngày nay, khi các thiết bị như điện thoại thông minh và phương tiện tự hành đưa ra các quyết định vốn từng là độc quyền của con người những người tạo ra chúng đang bắt đầu vật lộn với những vấn đề đạo đức tương tự đã từng làm đau đầu con người suốt hàng nghìn năm.

Chẳng hạn, giả sử hai đứa trẻ đang đuổi theo một quả bóng và nhảy đến ngay trước mũi một chiếc xe tự hành. Dựa vào những tính toán nhanh như chớp của mình, thuật toán lái chiếc xe kết luận cách duy nhất để tránh đâm vào hai đứa trẻ là ngoặt sang làn ngược chiều và liều va chạm với một chiếc xe tải đang đi đến. Thuật toán tính ra rằng trong trường hợp như vậy, 70% khả năng người chủ xe, đang say ngủ ở ghế sau, sẽ bị chết. Thuật toán nên làm gì?

Các triết gia đã tranh cãi về các "vấn đề xe goòng" kiểu vậy hàng nghìn năm nay (chúng được gọi như vậy vì các ví dụ sách vở trong các cuộc tranh luận triết học hiện đại nói về một cái xe goòng đang chạy trên đường ray thay vì một chiếc xe tự hành). Đến bây giờ, các tranh cãi như vậy có tác động ít ỏi đến đáng xấu hổ tới hành vi thực tế của con người vì trong các thời điểm khủng hoảng, con người thường quên các quan niệm triết học của mình và chỉ đi theo cảm xúc và trực giác.

Một trong những thí nghiệm gây sốc nhất trong lịch sử khoa học xã hội đã được thực hiện vào tháng Mười hai năm 1970 trên một nhóm sinh viên ở trường dòng Thần học Princeton đang được đào tạo để trở thành các mục sư trong Giáo hội Tin Lành Trưởng lão. Mỗi sinh viên được yêu cầu phải đi nhanh đến một giảng đường ở xa để có bài nói chuyện về dụ ngôn Người Sa-ma-ri nhân đức; câu chuyện kể về một người Do Thái đi từ Jerusalem đến Jericho bị bọn cướp lột sạch đồ và đánh đập tệ hại rồi để mặc anh ta sống dở chết dở bên đường. Một lúc sau, một thầy tư tế và một người thuộc chi phái Levi đi ngang qua, nhưng cả hai đều phớt lờ người đàn ông nọ. Ngược lại, một người Sa-ma-ri, thành viên của một giáo phái bị người Do Thái cực kỳ coi khinh, đã dừng lại khi nhìn thấy nạn nhân, chăm sóc và cứu sống anh ta. Bài học đạo đức của dụ ngôn này là phẩm cách của con người cần được đánh giá bằng hành vi thực của họ chứ không phải tôn giáo hay quan điểm triết học của họ.

Các sinh viên trẻ tuổi hăng hái vội vã đi đến giảng đường, vừa đi vừa suy ngẫm xem làm thế nào để giải thích bài học đạo đức của câu chuyện dụ ngôn tốt hơn cả. Nhưng những người làm thí nghiệm đã sắp xếp để trên đường đi của họ xuất hiện một người ăn mặc rách rưới ngồi sụp xuống nơi bậc cửa, mặt cúi gằm và mắt nhắm nghiền. Mỗi khi có một sinh viên không để ý gì đến "nạn nhân" băng qua, "nạn nhân" lại ho và rên rỉ đầy vẻ đáng thương. Hầu hết các sinh viên thậm chí còn không dừng lại để hỏi xem người đàn ông có chuyện gì, nói gì đến việc đề nghị giúp đỡ. Áp lực cảm xúc do việc cần phải đi nhanh đến giảng đường đã đè bẹp nghĩa vụ đạo đức cần giúp đỡ người lạ đang gặp khó khăn.

Cảm xúc con người đè bẹp lý thuyết triết học trong vô số tình huống khác. Điều này biến lịch sử đạo đức và triết học của thế giới thành một câu chuyện khá thất vọng về các lý tưởng tuyệt vời và các hành vi không được lý tưởng cho lắm. Có bao nhiêu tín hữu Cơ Đốc thật sự chìa má bên kia, có bao nhiêu Phật tử thật sự vượt lên những ám ảnh vị kỷ, và có bao nhiêu người Do Thái thật sự yêu hàng xóm của mình như chính bản thân? Đấy chỉ là cách chọn lọc tự nhiên đã định hình *Homo sapiens*. Như mọi động vật có vú khác, *Homo sapiens* sử dụng cảm xúc để nhanh chóng đưa ra các quyết định một mất một còn. Chúng ta thừa hưởng cơn giận, nỗi sợ và ham muốn của mình từ hàng triệu tổ tiên, tất cả đều đã vượt qua những bài kiểm tra quản lý chất lượng khắc nghiệt nhất của chọn lọc tự nhiên.

Không may là những gì tốt cho sinh t`ôn và sinh sản tại thảo nguyên châu Phi một triệu năm trước không nhất định tạo nên hành vi có trách nhiệm trên đường cao tốc thế kỷ 21. Những người lái xe phân tâm, cáu kỉnh và sốt ruột làm chết hơn rnột triệu người trong các vụ tai nạn giao thông mỗi năm. Chúng ta có thể đưa tất cả các triết gia, các nhà tiên tri và mục sư đến rao giảng đạo đức cho những người lái xe này; nhưng trên đường, các cảm xúc của loài động vật có vú và các bản năng nơi đ`ông cỏ vẫn giành quy`ên kiểm soát. Do đó, các sinh viên trường dòng trong lúc vội vã sẽ phớt lờ những người đang gặp nạn và các lái xe trong cơn bấn loạn vẫn sẽ cán qua những khách bộ hành không may.

Sự cách biệt như vậy giữa trường dòng và đường cao tốc là một trong những vấn đ`ê thực tế lớn nhất của đạo đức học. Immanuel Kant, John Stuart Mill và John Rawls có thể ng`ôi trong một giảng đường đại học ấm cúng nào đó và bàn luận các vấn đ`ê đạo đức lý thuyết từ ngày này sang ngày khác, nhưng liệu các kết luận của họ có thật sự được các tài xế đang căng hết cả óc áp dụng trong một tình huống khẩn cấp chỉ vài ph`ân giây? Có lẽ Michael Schumacher, nhà vô địch đua xe Công thức Một, đôi khi được tôn vinh là người lái xe giỏi nhất lịch sử, có khả năng nghĩ v`ê triết học trong khi đua xe, nhưng h`âu hết chúng ta đâu phải Schumacher.

Tuy nhiên, các thuật toán máy tính chưa bao giờ bị chọn lọc tự nhiên nhào nặn; chúng cũng không có cảm xúc hay trực giác. Do đó, trong những khoảnh khắc ngàn cân treo sợi tóc, chúng có thể đi theo các chỉ dẫn đạo đức tốt hơn con người rất nhi`êu, miễn là chúng ta tìm được cách mã hóa đạo đức thành những con số và thống kê chính xác. Nếu ta có thể dạy Kant, Mill và Rawls viết mã, họ có thể lập trình cho chiếc xe tự hành trong căn phòng thí nghiệm ấm cúng của họ; và chắc chắn, chiếc xe sẽ nghe theo những lời răn dạy của họ trên đường cao tốc Trên thực tế, mỗi chiếc xe do Michael Schumacher và Immanuel Kant lái sẽ nhập làm một.

Nếu bạn lập trình để một chiếc xe tự hành dừng lại và giúp những người lạ đang gặp hoạn nạn, nó sẽ làm như vậy bất kể chuyện gì xảy ra (dĩ nhiên, trừ phi bạn đưa vào một mệnh đ`ê ngoại lệ cho các tình huống nguy cấp). Tương tự, nếu chiếc xe tự hành của bạn được lập trình để bẻ lái vào làn ngược chi`êu nhằm tránh hai đứa trẻ xuất hiện trên đường đi của nó, bạn có thể cược cả mạng sống của mình rằng đấy chính xác là đi`êu chiếc xe sẽ làm. Có nghĩa là khi thiết kế những chiếc xe tự hành, hãng Toyota hay

Tesla sẽ biến một vấn đề lý thuyết trong triết học đạo đức thành một vấn đề thực tiễn.

Đương nhiên, các thuật toán triết học sẽ không bao giờ hoàn hảo. Lỗi vẫn sẽ xảy ra, dẫn đến thương tật, tử vong và các vụ kiện cực kỳ phức tạp (Lần đầu tiên trong lịch sử, bạn có thể kiện một triết gia vì những hậu quả đáng tiếc xuất phát từ lý thuyết của họ; đó là vì lần đầu tiên, bạn có thể chứng minh một liên hệ nhân quả trực tiếp giữa các ý tưởng triết học và các sự kiện đời thực.) Tuy nhiên, để thay thế những tài xế-con người, các thuật toán không cần phải hoàn hảo. Chúng chỉ cần giỏi hơn con người mà thôi. Với việc các tài xế-con người cướp đi hơn một triệu mạng sống mỗi năm thì chuyện đó không phải quá khó. Xét cho cùng, bạn muốn một cậu choai choai say rượu hay nhóm Schumacher-Kant lái chiếc xe bên cạnh mình hơn?

Cùng logic này có thể áp dụng không chỉ trong lái xe mà trong rất nhiều tình huống khác nữa. Chẳng hạn như xin việc. Trong thế kỷ 21, việc các thuật toán quyết định thuê ai đó làm một công việc nhất định sẽ ngày càng phổ biến. Chúng ta không thể dựa vào máy móc để đặt ra các tiêu chuẩn đạo đức có liên quan; con người vẫn sẽ phải làm điều đó. Nhưng một khi chúng ta đã quyết định một chuẩn mực đạo đức trong thị trường lao động, không phân biệt đối xử với người da màu và phụ nữ chẳng hạn, chúng ta có thể dựa vào máy móc để thực hiện và duy trì tiêu chuẩn này tốt hơn con người.

Một người quản lý có thể biết và thậm chí đồng ý rằng phân biệt đối xử với người da màu và phụ nữ là vô đạo đức; nhưng khi một phụ nữ da màu xin việc, người đó sẽ vô thức phân biệt đối xử với cô ấy và quyết định không tuyển cô. Nếu ta để cho một máy tính đánh giá các hồ sơ xin việc và lập trình để nó hoàn toàn phớt lờ yếu tố chủng tộc và giới tính, chúng ta có thể chắc chắn là máy tính sẽ thực sự phớt lờ các yếu tố này vì máy tính không có vô thức. Dĩ nhiên, viết code để đánh giá các hồ sơ xin việc sẻ không dễ dàng gì và luôn có nguy cơ các kỹ sư sẽ bằng cách náo đó lập trình các thiên kiến vô thức của mình vào phần mềm. Thế nhưng, một khi ta đã phát hiện các lỗi như vậy, có lẽ việc sửa lỗi cho phần mềm sẽ dễ hơn nhiều việc bắt con người từ bỏ các định kiến chủng tộc và ghét phụ nữ.

Chúng ta đã thấy sự trỗi dậy của trí tuệ nhân tạo có thể đẩy phần lớn con người ra khỏi thị trường lao động, bao gồm các tài xế và cảnh sát giao thông (vì khi những người hay gây rối được thay thế bằng các thuật toán biết vâng lời thì cảnh sát giao thông cũng trở nên thừa thãi). Tuy nhiên, những cơ hội mới cho các triết gia có thể sẽ mở ra bởi nhu cầu về kỹ năng của họ, vốn từ trước đến nay không có mấy giá trị thị trường, sẽ đột nhiên rất lớn. Thế nên nếu bạn muốn học thứ gì đó sẽ đảm bảo cho một công việc tốt trong tương lai, có lẽ triết học sẽ không phải là một canh bạc tồi.

Dĩ nhiên, các triết gia hiếm khi đồng thuận về đường hướng hành động. Rất ít vấn đề xe goòng được giải quyết mà làm hài lòng tất cả các triết gia và các nhà tư tưởng theo trường phái hệ quả luận như John Stuart Mill (đánh giá hành động dựa vào hậu quả) có các ý tưởng rất khác với các nhà nghĩa vụ luận như Immanuel Kant (đánh giá hành động dựa trên các quy luật tuyệt đối). Liệu hãng Tesla có thực sự phải chọn một lập trường trong những vấn đề nan giải như thế để sản xuất ra một chiếc xe không?

À, có lẽ Tesla chỉ cần để mặc thị trường thôi. Tesla có thể sản xuất hai dòng xe tự hành: chiếc Tesla Vị tha và chiếc Tesla Vị kỷ. Trong trường hợp khẩn cấp, chiếc Vị tha sẽ hy sinh chủ nhân vì lợi ích lớn hơn, trong khi chiếc Vị kỷ sẽ làm mọi điều trong khả năng của mình để cứu chủ nhân, ngay cả nếu điều đó có nghĩa là giết hại đứa trẻ. Khách hàng sau đó sẽ có thể mua chiếc xe phù hợp với quan điểm triết học ưa thích của mình. Nếu có nhiều người mua chiếc Tesla Vị kỷ hơn thì bạn cũng đâu thể đổ lỗi cho Tesla được. Xét cho cùng, khách hàng luôn đúng.

Đấy không phải là chuyện đùa. Trong một cuộc nghiên cứu tiên phong năm 2015, những người tham gia được đưa ra một tình huống giả định về một chiếc xe tự hành chuẩn bị cán qua vài khách bộ hành. Hầu hết nói rằng trong trường hợp đó, chiếc xe nên cứu người đi bộ ngay cả khi cái giá phải trả là mạng sống của chủ xe. Nhưng khi họ được hỏi liệu bản thân có mua một chiếc xe được lập trình để hy sinh chủ nhân cho mục đích cao cả hơn không, hầu hết đều nói là không. Cho bản thân thì họ vẫn thích chiếc Tesla Vị kỷ hơn.

Thử tưởng tượng tình huống này: bạn vừa mua một chiếc xe mới, nhưng trước khi có thể bắt đầu sử dụng, bạn phải mở mục cài đặt và đánh dấu chọn vài mục. Trong trường hợp tai nạn, bạn muốn chiếc xe hy sinh

tính mạng của bạn hay giết cả một gia đình ở trên xe kia? Đấy có phải là một lựa chọn mà bạn muốn đưa ra không? Hãy nghĩ đến những lý lẽ bạn sắp đưa ra cho chồng về việc đánh dấu mục nào.

Thế nên có thể chính phủ sẽ can thiệp để điều tiết thị trường và đưa ra một quy tắc đạo đức bắt buộc với mọi chiếc xe tự hành. Một số nhà làm luật không nghi ngờ gì nữa sẽ cực kỳ phấn khích trước cơ hội làm ra những điều luật *luôn luôn* được tuân thủ đến từng chữ. Số khác sẽ hoảng hồn trước một trách nhiệm chưa từng có và tuyệt đối đến thế. Xét cho cùng, xuyên suốt lịch sử, các hạn chế trong quá trình thực thi luật trên thực tế đã mang lại một sự kiểm soát đáng mừng đối với các thiên kiến, sai lầm và "lạm quyền" của những nhà làm luật. Các luật chống đồng tính và báng bổ chỉ được thực thi phần nào là một điều cực kỳ may mắn. Chúng ta có thực sự muốn một hệ thống trong đó các quyết định của những chính trị gia dễ mắc sai lầm trở nên bất khả lay chuyển như trọng lực không?

—ooOoo—

NHỮNG NỀN ĐỘC TÀI SỐ

AI THƯỜNG làm con người sợ hãi vì họ không tin AI sẽ mãi tuân phục họ. Chúng ta đã xem quá nhiều phim khoa học viễn tưởng về những con robot nổi dậy chống lại những chủ nhân của chúng, chạy loạn trên đường phố và giết hại mọi người. Thế nhưng vấn đề thực sự với robot lại hoàn toàn ngược lại. Chúng ta nên sợ chúng vì có lẽ chúng sẽ luôn tuân phục chủ nhân và không bao giờ nổi loạn.

Tuân phục mù quáng thì chẳng có gì sai, đương nhiên, miễn là những con robot phục vụ những chủ nhân vô hại. Ngay cả trong chiến tranh, việc phụ thuộc vào những con robot sát thủ có thể đảm bảo rằng lần đầu tiên trong lịch sử, các chiến luật sẽ thực sự được tuân thủ trên chiến trường. Người chiến sĩ đôi khi bị cảm xúc dẫn dắt mà vi phạm chiến luật như giết người, cướp của và hãm hiếp. Chúng ta thường liên hệ cảm xúc với lòng trắc ẩn, tình yêu và sự đồng cảm; nhưng trong thời chiến, các cảm xúc lấn

át thường xuyên hơn cả lại chỉ là sợ hãi, thù hận và tàn bạo. Vì robot không có cảm xúc, ta có thể tin rằng chúng sẽ luôn trung thành với các từ ngữ khô khan của điều lệnh quân đội và không bao giờ bị những nỗi sợ hãi cũng như thù hằn cá nhân làm lung lạc.

Vào ngày 16 tháng Ba năm 1968, một toán lính Mỹ trở nên mất kiểm soát hoàn toàn ở làng Mỹ Lai thuộc miền Nam Việt Nam và giết hại khoảng bốn trăm dân thường. Tội ác chiến tranh này bắt nguồn từ khởi xướng cục bộ của những lính đã tham gia cuộc chiến tranh du kích trong rừng suốt vài tháng. Nó không phục vụ bất cứ một mục đích chiến thuật nào và vi phạm cả luật pháp cũng như chính sách quân sự của Mỹ. Nếu nước Mỹ khi đó có robot sát thủ, cuộc thảm sát Mỹ Lai có thể đã không xảy ra.

Tuy nhiên, trước khi lao vào phát triển và triển khai robot sát thủ, chúng ta cần nhắc nhở mình rằng robot luôn phản ánh và khuếch đại chất lượng mã nguồn của chúng. Nếu mã nguồn là kiềm chế và ôn hòa, robot có lẽ sẽ là một tiến bộ cực lớn so với các binh lính người bình thường. Nhưng nếu mã nguồn là tàn nhẫn và độc ác, kết quả sẽ là thảm họa. Vấn đề thực sự với robot không phải là trí tuệ nhân tạo của chúng mà là sự ngu xuẩn và độc ác tự nhiên của những chủ nhân của chúng.

Vào tháng Bảy năm 1995, lực lượng người Serb ở Bosnia đã sát hại hơn 8.000 người Hồi giáo quanh thành phố Srebrenica. Không như cuộc thảm sát vô tổ chức ở Mỹ Lai, cuộc giết chóc ở Srebrenica là một chiến dịch kéo dài và được tổ chức kỹ lưỡng, phản ánh chính sách của người Serb ở Bosnia nhằm "thanh lọc sắc tộc" người Hồi giáo ở Bosnia. Nếu người Serb ở Bosnia có robot sát thủ vào năm 1995, cuộc thảm sát hẳn đã tồi tệ hơn nhiều. Không con robot nào sẽ chần chừ, dù chỉ một giây, khi thực hiện bất cứ mệnh lệnh mà nó nhận được và không con robot nào tha mạng cho một đứa trẻ Hồi giáo vì những cảm giác như "thương cảm", "ghét bỏ" hay đơn giản là "thờ ơ".

Một tên độc tài tàn bạo nắm trong tay những con robot sát thủ như thế sẽ không bao giờ phải sợ binh lính quay súng chống lại mình, dù mệnh lệnh của hắn có tàn ác và điên cuồng đến cỡ nào. Một binh đoàn robot có lẽ đã bóp chết cuộc Cách mạng Pháp năm 1789 từ trong trứng nước; và nếu vào năm 2011, Hosni Mubarak có một binh đoàn robot giết chóc thì ông ta

đã có thể thả chúng ra cắn xé nhân dân mà không sợ cảnh đào ngũ. Tương tự, một chính phủ đế quốc dựa vào một đội quân robot có thể tiến hành những cuộc chiến không được lòng dân mà chẳng phải lo lũ robot sẽ mất động lực hay gia đình chúng sẽ biểu tình phản đối. Nếu Mỹ có robot sát thủ trong chiến tranh Việt Nam, thì chính cuộc chiến có thể đã kéo dài thêm nhiều năm nữa vì chính phủ Mỹ sẽ không phải lo các binh sĩ mất tinh thần, các cuộc biểu tình phản chiến khổng lồ hay phong trào "robot cựu chiến binh phản chiến". (Một số công dân Mỹ có thể vẫn phản đối chiến tranh; nhưng khi không còn nỗi sợ bị đăng lính, không có ký ức về việc tự tay gây tội ác phi nghĩa, hay nỗi đau đớn khi mất đi một người thân yêu, thì số người phản đối hẳn sẽ ít hơn.

Những kiểu vấn đề như thế này liên quan đến các phương tiện dân dụng tự hành rất ít vì không hãng xe nào lại đi lập trình cho phương tiện của mình nhắm đến việc tông chết người cả, Nhưng các hệ thống vũ khí tự động lại là một thảm họa đang chực xảy ra vì quá nhiều chính phủ có xu hướng đồi bại về đạo đức, nếu không muốn nói là độc ác rành rành.

Nguy cơ không chỉ giới hạn trong các loại máy móc giết người. Các hệ thống giám sát cũng rủi ro không kém. Trong tay một chính phủ ôn hòa, các thuật toán giám sát mạnh có thể là điều tuyệt vời nhất từng xảy đến với nhân loại. Thế nhưng cũng các thuật toán Big Data đó có thể trao quyền cho một Anh Cả tương lai, thế nên chúng ta có thể rốt cuộc rơi vào một cơ chế giám sát, trong đó mọi cá nhân bị giám sát mọi lúc.

Trên thực tế, có khi chúng ta sẽ đi đến kết cục không tưởng tượng nổi: một cơ chế giám sát toàn phần không chỉ theo dõi mọi hoạt động và lời nói bên ngoài mà còn có thể đi sâu quan sát các trải nghiệm bên trong của chúng ta nữa. Chẳng hạn, hãy xem một thể chế có thể làm gì với công nghệ mới. Trong tương lai, mỗi công dân ở thể chế đó có thể sẽ được yêu cầu đeo một vòng tay sinh trắc để giám sát mọi thứ mà người đó làm và nói, cũng như huyết áp và hoạt động não bộ. Bằng cách sử dụng những hiểu biết ngày càng lớn về não bộ con người và tận dụng sức mạnh khổng lồ của học máy, thể chế đó có thể lần đầu tiên trong lịch sử nắm bắt được điều mỗi công dân đang nghĩ từng giây từng phút. Nếu một người dân Bắc Hàn nhìn bức ảnh của Kim Jong-un và cảm ứng sinh trắc bắt được các dấu hiệu tiết lộ sự không hài lòng (huyết áp cao hơn, hoạt động vùng hạch hạnh nhân tăng), người đó sẽ có thể bị xử lý ngay sáng hôm sau.

Đương nhiên, thể chế đó có thể gặp khó khăn trong việc tự phát triển công nghệ cần thiết. Tuy nhiên, công nghệ đó có thể đã được khai phá tại các quốc gia giỏi về kỹ thuật và bị người khác sao chép hay mua lại. Một số nước đang liên tục cải tiến các công cụ giám sát của mình, và một số nước dân chủ khác, từ Mỹ cho đến đất nước quê hương Israel của tôi, cũng vậy. Với biệt danh "quốc gia khởi nghiệp", Israel có ngành công nghệ cao cực kỳ năng động và một nền công nghiệp an ninh mạng hàng đầu. Cùng lúc đó, nó cũng bị mắc kẹt trong một cuộc xung đột chí tử với những người Palestine; ít nhất là một số lãnh đạo, tướng tá và công dân của Israel sẽ rất hài lòng khi tạo ra một thể chế giám sát toàn diện ở Bờ Tây ngay khi họ có các công nghệ cần thiết.

Ngay ngày hôm nay, mỗi khi người dân Palestine gọi một cuộc điện thoại, đăng cái gì đó lên Facebook hay đi từ thành phố này sang thành phố khác, rất có thể họ đang bị theo dõi bởi các máy thu âm, máy quay, máy bay không người lái hay phần mềm do thám của Israel. Các dữ liệu thu được sau đó được phân tích với sự trợ giúp của các thuật toán Big Data. Điều này giúp các lực lượng an ninh Israel xác định chính xác và vô hiệu hóa các mối đe dọa tiềm ẩn mà không cần phải có quá nhiều binh lính thực chiến. Người Palestine có thể quản lý một số thị trấn và làng mạc ở Bờ Tây, nhưng người Israel kiểm soát bầu trời, các dải sóng và không gian mạng. Do đó, lượng lính Israel cần thiết để quản lý hiệu quả khoảng 2,5 triệu người Palestine ở Bờ Tây là ít đến mức đáng ngạc nhiên.

Trong một sự kiện bi hài diễn ra vào tháng Mười năm 2017, một người lao động Palestine đăng lên tài khoản Facebook cá nhân một bức ảnh anh ta đang ở chỗ làm, cạnh một cái xe ủi. Bện cạnh hình ảnh đó, anh ta viết "Chào buổi sáng!". Một thuật toán tự động đã mắc một lỗi nhỏ khi dịch các chữ Ả Râp. Thay vì *ysabechhum* (nghĩa là "chào buổi sáng"), nó nhận dạng các chữ cái thành *ydbachhum* (nghĩa là "giết chúng"). Nghi ngờ người đàn ông đó có thể là một kẻ khủng bố định dùng xe ủi cán mọi người các lực lượng an ninh Israel nhanh chóng bắt giữ anh ta. Anh ta được thả sau khi họ nhận ra lỗi của thuật toán. Nhưng bài đăng gây "gai mắt" trên Facebook kia vẫn bị gỡ. cẩn tắc vô ưu. Những gì người Palestine đang trải qua ngày hôm nay ở Bờ Tây có thể chỉ là một cuộc sơ duyệt cho những gì hàng tỷ người cuối cùng sẽ phải trải qua trên khắp hành tinh này.

Vào cuối thế kỷ 20, các nền dân chủ thường nổi trội hơn các nền độc tài vì chúng giỏi xử lý dữ liệu hơn. Nền dân chủ phân tán quyền xử lý thông tin và ra quyết định cho nhiều người và nhiều cơ quan, trong khi nền độc tài tập trung thông tin và quyền lực vào một chỗ. Với công nghệ của thế kỷ 20, việc tập trung quá nhiều quyền lực và thông tin vào một chỗ là không hiệu quả. Không ai có khả năng xử lý toàn bộ thông tin đủ nhanh và đưa ra các quyết định đúng cả.

Tuy nhiên, AI có thể sớm đẩy con lắc sang hướng ngược lại. AI khiến việc xử lý những lượng thông tin khổng lồ một cách tập trung trở nên khả thi. Trên thực tế, AI biến các hệ thống tập trung hóa trở nên hiệu quả hơn các hệ thống phân tán rất nhiều vì học máy hoạt động tốt hơn khi có nhiều thông tin để phân tích hơn, Nếu bạn bỏ qua mọi mối lo về quyền riêng tư và tập trung mọi thông tin liên quan đến một tỷ người trong một cơ sở dữ liệu, bạn có thể tạo ra các thuật toán giỏi hơn nhiều so với khi bạn tôn trọng quyền riêng tư cá nhân và có trong cơ sở dữ liệu của mình chỉ một phần thông tin của một triệu người. Chẳng hạn, nếu một chính phủ độc tài bắt toàn bộ công dân phải quét ADN và chia sẻ mọi dữ liệu y tế của họ với một cơ quan trung ương nào đó, nó sẽ có được một lợi thế cực kỳ lớn về mặt di truyền học và nghiên cứu y tế so với các xã hội mà các dữ liệu y tế là cực kỳ riêng tư. Nỗ lực tập trung mọi thông tin vào một chỗ, có thể trở thành lợi thế quyết định của chúng trong thế kỷ 21.

Khi các thuật toán dần biết ta quá rõ, các chính phủ độc tài có thể kiểm soát hoàn toàn công dân của mình, thậm chí còn hơn ở nước Đức Quốc xã, và việc chống lại các thể chế như vậy có thể là hoàn toàn bất khả. Nó không những sẽ biết chính xác bạn cảm thấy gì mà còn có thể khiến bạn cảm thấy bất cứ thứ gì nó muốn. Nhà độc tài có thể không cung cấp cho công dân của mình dịch vụ y tế hay sự bình đẳng, nhưng hắn có thể khiến họ yêu hắn và ghét những kẻ đối lập với hắn. Dân chủ ở dạng thức hiện tại không thể chống cự nổi sự hợp nhất của công nghệ sinh học và công nghệ thông tin. Hoặc nền dân chủ sẽ phải tự biến đổi tận gốc rễ trong một dạng thức hoàn toàn mới, hoặc con người sẽ đến lúc sống trong những "nền độc tài số".

Đấy không phải là sự trở lại những ngày của Hitler và Stalin. Các nền độc tài số sẽ khác với nước Đức Quốc xã như Đức Quốc xã khác với nước Pháp quân chủ chuyên chế vậy. Vua Louis XIV là một nhà độc tài, nhưng

ông ta không có công nghệ để xây dựng một đất nước toàn trị hiện đại. Ông ta không bị chống đối, nhưng vì chưa có radio, điện thoại và tàu hỏa nên ông ta hầu như kiểm soát được rất ít đời sống hằng ngày của những nông dân tại các ngôi làng của người Breton xa xôi, hay ngay cả của những thị dân ở trung tâm Paris. Ông ta không có đủ ý chí cũng như khả năng để thiết lập một đảng phái lớn, một phong trào tuổi trẻ khắp toàn quốc hay một hệ thống giáo dục quốc gia. Chính những công nghệ mới của thế kỷ 20 đã mang lại cho Hitler cả động lực lẫn quyền lực để làm những điều đó. Chúng ta không thể dự đoán các động lực và quyền lực của các nền độc tài số vào năm 2084, nhưng khả năng cao là chúng sẽ không chỉ bắt chước Hitler và Stalin. Những người đang chuẩn bị để đấu tranh chống lại những trận chiến kiểu những năm 1930 có thể bị một cuộc tấn công từ một hướng hoàn toàn khác làm cho bất ngờ.

Ngay cả khi nền dân chủ tìm được cách thích nghi và tồn tại, con người vẫn có thể trở thành "nạn nhân" của những dạng áp bức và phân biệt mới. Ngày nay, ngày càng nhiều ngân hàng, tập đoàn và tổ chức đã và đang sử dụng các thuật toán để phân tích dữ liệu và đưa ra quyết định về chúng ta. Chẳng hạn, khi bạn nộp đơn xin vay tiền ngân hàng, rất có thể hồ sơ của bạn sẽ được một thuật toán xử lý thay vì một con người. Thuật toán phân tích rất nhiều dữ liệu về bạn và số liệu thống kê về hàng triệu người khác và quyết định liệu bạn có đủ độ tin cậy để nhận khoản vay không. Thường thì thuật toán làm tốt hơn một nhân viên ngân hàng. Nhưng vấn đề là việc thuật toán phân biệt đối xử bất công với một số người là rất khó nhận biết. Nếu ngân hàng từ chối cho bạn vay vốn và bạn hỏi: "Tại sao?" thì ngân hàng sẽ trả lời: "Thuật toán bảo không được". Bạn hỏi tiếp: "Tại sao thuật toán nói không được? Tôi có gì không được?" thì ngân hàng đáp rằng: "Chúng tôi không biết. Chẳng người nào hiểu thuật toán này, vì nó dựa vào học máy cao cấp. Nhưng chúng tôi tin thuật toán của mình, thế nên chúng tôi sẽ không cho ông vay."

Khi sự phân biệt đối xử hướng đến cả nhóm người, như phụ nữ hay người da đen, các nhóm này có thể tổ chức phản kháng sự phân biệt đối xử nhóm như vậy. Nhưng bây giờ, một thuật toán có thể phân biệt đối xử với riêng bạn mà thôi và bạn sẽ không biết vì sao. Có thể thuật toán sẽ tìm thấy cái gì đó trong ADN của bạn, trong tiểu sử của bạn hay trong tài khoản Facebook của bạn mà nó không thích. Thuật toán phân biệt đối xử với bạn

không phải vì bạn là phụ nữ hay là một người Mỹ gốc Phi mà vì bạn là bạn. Bạn không biết lý do chính xác; và ngay cả khi biết đi nữa, bạn cũng không thể tổ chức một cuộc phản đối cùng những người khác vì chẳng ai khác chịu sự thiên vị y hệt cả. Thay vì phân biệt đối xử nhóm, trong thế kỷ 21, chúng ta có thể đối mặt với một vấn đề ngày càng lớn là phân biệt đối xử mang tính cá nhân.

Ở những tầng cao nhất của quyền lực, chúng ta có lẽ sẽ vẫn giữ lại các lãnh đạo "hư danh" là con người, những người sẽ cho ta ảo tưởng rằng các thuật toán chỉ là những cố vấn và quyền lực tối thượng vẫn nằm trong tay con người. Chúng ta sẽ không chỉ định một AI làm thủ tướng Đức hay CEO của Google. Tuy nhiên, các quyết định do ngài thủ tướng và CEO đưa ra sẽ được AI định hình. Ngài thủ tướng có thể vẫn chọn giữa vài phương án khác nhau, nhưng tất cả các phương án đó sẽ là kết quả của phân tích Big Data và chúng sẽ phản ánh cách AI nhìn thế giới hơn là cách con người nhìn thế giới.

Để dẫn một ví dụ tương tự, chính trị gia ngày nay trên khắp thế giới có thể chọn giữa vài chính sách kinh tế khác nhau, nhưng trong hầu hết các trường hợp, những chính sách khác nhau được đưa ra đó phản ánh một cách nhìn mang tính tư bản về nền kinh tế. Các chính trị gia có ảo tưởng về sự lựa chọn, nhưng những quyết định thực sự quan trọng đã được các nhà kinh tế, chuyên gia ngân hàng và những doanh nhân, những người đã định hình các phương án khác nhau trên thực đơn, đưa ra từ rất lâu trước đó. Trong vài thập kỷ tới, các chính trị gia có thể thấy mình đang lựa chọn từ một thực đơn do AI viết nên.

—ooOoo—

THÔNG MINH NHÂN TẠO VÀ NGU DỐT TỰ NHIÊN

CÓ MỘT mẩu tin tốt là ít nhất trong vài thập kỷ tới, chúng ta sẽ không phải giải quyết cơn ác mộng khoa học viễn tưởng đang phát triển mạnh, rằng AI đạt tới tầm có được ý thức và quyết định nô dịch hay quét sạch

loài người. Chúng ta sẽ ngày càng dựa vào các thuật toán để đưa ra các quyết định cho mình, nhưng ít có khả năng các thuật toán sẽ bắt đầu điều khiển chúng ta một cách có ý thức. Chúng sẽ không có chút ý thức nào cả.

Khoa học giả tưởng có khuynh hướng nhầm lẫn trí thông minh với ý thức và cho rằng để bắt kịp hoặc vượt qua trí thông minh của con người, máy tính sẽ phải phát triển ý thức. Cốt truyện cơ bản của gần như mọi bộ phim và tiểu thuyết về AI xoay quanh cái giây phút kỳ diệu, khi một máy tính hay một robot có được ý thức. Một khi điều đó xảy ra, hoặc là nhân Vật chính con người đem lòng yêu robot, hoặc robot cố gắng giết sạch con người; thỉnh thoảng cả hai xảy ra cùng lúc.

Nhưng trên thực tế, không có lý do gì để cho rằng trí tuệ nhân tạo sẽ có được ý thức vì trí thông minh và ý thức là hai thứ rất khác nhau. Trí tuệ là khả năng giải quyết vấn đề. Ý thức là khả năng cảm nhận những thứ như đau, vui, yêu và giận. Chúng ta có xu hướng nhầm hai thứ với nhau vì ở con người và các loài có vú khác, trí tuệ đi đôi với ý thức. Các loài có vú giải quyết hầu hết các vấn đề bằng cách cảm nhận mọi thứ. Tuy nhiên, máy tính lại giải quyết các vấn đề theo một cách rất khác.

Có một số con đường khác nhau dẫn đến trí tuệ cao và chỉ vài con đường trong số đó bao gồm việc có được ý thức. Cũng như máy bay bay nhanh hơn chim mà không bao giờ cần mọc lông, máy tính có thể giải quyết vấn đề tốt hơn các loài có vú rất nhiều mà không bao giờ cần phát triển cảm giác. Đúng, AI sẽ phải phân tích các cảm giác của con người một cách chính xác để chữa bệnh cho họ, nhận dạng những kẻ khủng bố, gợi ý bạn đời và tìm đường đi lối lại trên một con phố đầy người đi bộ. Nhưng nó có thể làm vậy mà không cần bất cứ cảm xúc gì của riêng nó cả. Một thuật toán không cần cảm thấy vui, giận hay sợ hãi để nhận ra các dạng thức sinh hóa khác nhau của những con linh trưởng đang vui, đang giận hay đang sợ hãi.

Dĩ nhiên, không phải hoàn toàn không có khả năng AI sẽ phát triển các cảm giác của riêng nó. Chúng ta vẫn không biết đủ nhiều về ý thức để chắc chắn về điều đó. Nói chung, có ba khả năng ta cần cân nhắc:

1. Bằng cách nào đó, ý thức liên quan đến hóa sinh hữu cơ theo cách khiến việc tạo ra ý thức trong các hệ thống vô cơ là không thể.

2. Ý thức không liên quan gì với hóa sinh hữu cơ, nhưng nó liên quan đến trí thông minh theo một cách khiến máy tính có thể phát triển ý thức và máy tính sẽ *phải* phát triển ý thức nếu chúng vượt qua một ngưỡng trí tuệ nhất định.
3. Không có mối liên hệ thiết yếu giữa ý thức và hóa sinh hữu cơ hay trí tuệ cao. Do đó, máy tính có thể phát triển ý thức, nhưng không nhất thiết phải thế. Chúng có thể trở nên siêu thông minh trong khi vẫn không có chút ý thức nào.

Với hiểu biết hiện tại của chúng ta, chúng ta không thể loại trừ bất cứ phương án nào trên đấy. Tuy nhiên, chính vì chúng ta biết quá ít về ý thức nên khó có khả năng ta có thể lập trình được các máy tính có ý thức trong tương lai gần. Do đó, dù khả năng của trí tuệ nhân tạo là rất lớn, trong tương lai có thể dự đoán được, việc sử dụng chúng vẫn sẽ tiếp tục phụ thuộc vào ý thức con người ở mức độ nào đó.

Mối nguy nằm ở chỗ nếu chúng ta đầu tư quá nhiều vào phát triển AI và quá ít vào phát triển ý thức con người, trí tuệ nhân tạo rất phức tạp của máy tính có thể chỉ phục vụ việc trao quyền cho sự ngu dốt bẩm sinh của con người mà thôi. Chúng ta có ít khả năng phải đối mặt với một cuộc nổi dậy của robot trong các thập kỷ tới, nhưng rất có thể chúng ta phải đối mặt với các binh đoàn robot biết cách kích hoạt những cảm xúc mạnh mẽ của chúng ta giỏi hơn cả mẹ chứng ta, và chúng sẽ dùng khả năng kỳ lạ này để cố thuyết phục chúng ta về một cái gì đó: xe hơi, một chính trị gia hay cả một ý thức hệ. Những con robot này có thể nhận thấy những nỗi sợ hãi, căm ghét và thèm khát sâu xa nhất của con người và sử dụng những ảnh hưởng bên trong này để chống lại chúng ta. Chúng ta đã được "nếm mùi" trước một chút những điều này trong các cuộc bầu cử và trưng cầu dân ý gần đây khắp thế giới, khi các hacker học được cách thao túng từng cử tri riêng lẻ bằng cách phân tích các dữ liệu về họ và khai thác các định kiến vốn có của họ. Trong khi các bộ phim khoa học viễn tưởng ly kỳ bị cuốn vào những biến cố kịch tính đầy khói lửa thì trên thực tế, chúng ta đang đối mặt với một biến cố tầm thường chỉ bằng cách nhấp chuột.

Để tránh những kết quả như vậy, với mỗi đô la và mỗi phút chúng ta đầu tư vào phát triển trí tuệ nhân tạo, sẽ là khôn ngoan nếu ta cũng đầu tư một đô la và một phút vào phát triển ý thức con người. Đáng tiếc là tại thời

điểm hiện tại, chúng ta đang không làm được gì nhiều trong nghiên cứu ý thức con người và những cách phát triển chúng. Chúng ta đang nghiên cứu và phát triển các khả năng của con người chủ yếu theo nhu cầu tức thời của hệ thống kinh tế và chính trị thay vì theo các nhu cầu dài hạn của chính chúng ta với tư cách là các cá thể có ý thức. Sếp tôi muốn tôi trả lời email càng nhanh càng tốt, nhưng ông ta chẳng mấy hứng thú với khả năng nếm và thưởng thức đồ ăn của tôi. Do đó, tôi kiểm tra email ngay cả trong bữa ăn, đồng nghĩa với việc tôi mất khả năng chú ý đến vị giác của chính mình. Nền kinh tế tạo áp lực khiến tôi mở rộng và đa dạng hóa danh mục đầu tư của mình nhưng chẳng cho tôi chút động lực nào để mở rộng và đa dạng hóa lòng trắc ẩn cả. Thế nên tôi gắng sức tìm hiểu những bí ẩn của thị trường chứng khoán trong khi ít nỗ lực tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa của sự khổ đau hơn rất nhiều.

Trong chuyện này, con người rất giống các động vật đã được thuần dưỡng khác. Chúng ta đã lai tạo ra những con bò dễ bảo, sản xuất hàng tấn sữa nhưng ngoài khía cạnh đó ra thì chúng hết sức kém cỏi so với tổ tiên hoang dã của chúng. Chúng kém nhanh nhẹn, kém tò mò và kém xoay xở trong các tình huống hơn. Giờ chúng ta đang tạo ra những con người dễ sai bảo, sản xuất hàng tấn dữ liệu và hoạt động như những con chip hết sức hiệu quả trong một guồng máy xử lý dữ liệu khổng lồ, nhưng những con bò-dữ liệu này khó mà tối đa hóa tiềm năng của con người. Thực sự là chúng ta không hề biết tiềm năng tối đa của con người là gì vì chúng ta biết quá ít về tâm trí con người. Thế nhưng chúng ta không đầu tư nhiều vào việc khám phá tâm trí con người; thay vào đó, ta tập trung vào tăng tốc độ kết nối Internet và tính hiệu quả của các thuật toán Big Data. Nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ trở thành những con người hạ cấp sử dụng sai những máy tính cao cấp để tàn phá bản thân và thế giới.

Những nền độc tài số không phải là hiểm họa duy nhất chờ đợi chúng ta. Cùng với tự do, trật tự tự do cũng có niềm tin cực lớn vào giá trị của bình đẳng. Chủ nghĩa tự do luôn luôn tôn thờ bình đẳng chính trị và nó đã dần nhận ra bình đẳng kinh tế cũng quan trọng không kém. Vì nếu không có một tấm lưới bảo hộ an sinh xã hội và một chút bình đẳng kinh tế, tự do là vô nghĩa. Nhưng ngay khi các thuật toán Big Data dập tắt tự do, chúng có thể đồng thời tạo ra những xã hội bất bình đẳng nhất từng tồn tại. Tất cả của cải và quyền lực sẽ tập trung vào tay một nhóm tinh hoa cực nhỏ trong

khi hầu hết mọi người sẽ hứng chịu không phải sự bóc lột mà là một thứ khác tồi tệ hơn rất nhiều: sự vô dụng.



4

BÌNH ĐẲNG



AI NẮM DỮ LIỆU, NGƯỜI ĐÓ NẮM TƯƠNG LAI

TRONG VÀI thập kỷ trở lại đây, con người khắp nơi trên thế giới bảo nhau rằng nhân loại đang trên đường đến bình đẳng, rằng toàn cầu hóa và các công nghệ mới sẽ giúp chúng ta đến đó sớm hơn. Trên thực tế, thế kỷ 21 có thể sẽ tạo ra những xã hội bất bình đẳng nhất trong lịch sử. Mặc dù toàn cầu hóa và Intemet đã nối liền khoảng cách giữa các quốc gia, chúng lại đe dọa nới rộng hố sâu ngăn cách giữa các tầng lớp. Và đúng lúc nhân loại có vẻ như sắp đạt đến sự hợp nhất toàn cầu thì bản thân giống loài chúng ta lại có thể chia thành các đẳng cấp sinh học khác nhau.

Bất bình đẳng có từ tận thời Đồ Đá. Ba mươi nghìn năm trước, các nhóm săn bắt-hái lượm, đã chôn cất một số thành viên trong những khu mộ xa hoa ngập đầy hàng ngàn chuỗi hạt ngà voi, vòng tay, trang sức và đồ trang trí, trong khi các thành viên khác phải an phận trong mỗi một cái hố trống không. Tuy nhiên, các nhóm săn bắt-hái lượm cổ đại vẫn bình đẳng hơn bất kỳ xã hội loài người nào sau đó bởi họ có rất ít tài sản. Tài sản là tiền đề cho sự bất bình đẳng lâu dài.

Tiếp sau Cách mạng Nông nghiệp, của cải sinh sôi và cùng với nó là bất bình đẳng. Khi con người sở hữu đất đai, vật nuôi, cây trồng và công cụ, các xã hội phân cấp cứng nhắc xuất hiện, trong đó các nhóm tinh hoa nhỏ nắm độc quyền hầu hết của cải và quyền lực từ thế hệ này đến thế hệ khác. Con người tiến tới chấp nhận sự sắp đặt này như một cái gì đó tự nhiên và thậm chí là thiên định. Sự phân cấp không chỉ là chuẩn mực mà còn là lý tưởng. Làm sao có trật tự nếu không có một sự phân cấp rõ rệt giữa quý tộc và thường dân, giữa đàn ông và đàn bà hoặc giữa bố mẹ và

con cái? Tăng lữ, triết gia và thi nhân khắp thế giới kiên trì giải thích rằng cũng như không phải mọi bộ phận trong cơ thể người đều bình đẳng, như chân phải tuân lệnh cái đầu, bình đẳng trong xã hội con người sẽ chẳng mang lại gì ngoài bất ổn.

Tuy nhiên, vào cuối thời hiện đại, bình đẳng trở thành một lý tưởng trong hầu hết mọi xã hội loài người. Điều này một phần có được do sự trỗi dậy của các ý thức hệ mới là chủ nghĩa toàn trị và chủ nghĩa tự do. Nhưng nó cũng do cuộc Cách mạng Công nghiệp, thứ khiến quần chúng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Các nền kinh tế công nghiệp phụ thuộc vào quần chúng là những người lao động bình thường, trong khi quân đội thời đại công nghiệp phụ thuộc vào lực lượng đông đảo các binh lính thường dân. Các chính phủ ở cả những nền dân chủ lẫn những nền độc tài đều đầu tư mạnh vào sức khỏe, giáo dục và phúc lợi của quần chúng vì họ cần hàng triệu người lao động khỏe mạnh để vận hành các dây chuyền sản xuất và hàng triệu binh lính trung thành để chiến đấu nơi chiến hào.

Do đó, lịch sử của thế kỷ 20 phần lớn xoay quanh việc giảm bất bình đẳng giữa các tầng lớp, chủng tộc và giới tính. Thế giới năm 2000 vẫn có những phân tầng nhất định nhưng nó vẫn bình đẳng hơn thế giới năm 1900 rất nhiều. Trong những năm đầu thế kỷ 21, con người đã hy vọng rằng tiến trình bình đẳng hóa sẽ tiếp diễn và thậm chí là tăng tốc. Đặc biệt, họ đã hy vọng rằng toàn cầu hóa sẽ lan tỏa thịnh vượng kinh tế trên khắp thế giới và kết quả là con người ở Ấn Độ và Ai Cập sẽ dần được hưởng những cơ hội và đặc quyền giống như con người ở Phần Lan và Canada. Cả một thế hệ đã lớn lên cùng với lời hứa đó.

Đến giờ, có vẻ như lời hứa này sẽ không được thực thi. Toàn cầu hóa hẳn đã đem lại lợi ích cho phần đông nhân loại, nhưng có các dấu hiệu của bất bình đẳng ngày càng tăng giữa và trong các xã hội. Một số nhóm ngày càng giữ độc quyền thành quả của toàn cầu hóa trong khi hàng tỷ người bị bỏ lại phía sau. Ngày nay, 1% những người giàu nhất sở hữu một nửa của cải của thế giới. Đáng báo động hơn, 100 người giàu nhất cùng nhau sở hừu nhiều của cải hơn bốn tỷ người nghèo nhất.

Tình hình có thể tệ hơn rất nhiều. Như đã giải thích ở các chương trước, sự trỗi dậy của AI có thể xóa bỏ giá trị kinh tế và quyền lực chính trị của hầu hết loài người. Cùng lúc đó, những tiến bộ trong công nghệ sinh

học có thể biến các bất công về kinh tế thành bất công về sinh học trở nên khả dĩ. Giới siêu giàu cuối cùng sẽ có cái gì đó xứng đáng để làm với khối tài sản kếch sù của họ. Trong khi cho đến nay, họ mới chỉ có thể mua những biểu tượng địa vị thì chẳng mấy chốc, họ có thể mua được chính sự sống. Nếu các liệu pháp mới để kéo dài sự sống và nâng lên các năng lực thể chất cũng như nhận thức hóa ra là đắt đỏ, thì nhân loại có thể phân chia thành các tầng lớp sinh học.

Trong lịch sử, người giàu và giới quý tộc luôn tưởng tượng mình có những kỹ năng ưu việt hơn tất cả những người khác, đấy là lý do vì sao họ nắm quyền. Như những gì chúng ta biết, điều này không đúng. Gã hầu tước tầm tầm chẳng tài cán gì hơn người nông dân bình thường cả, hắn có được sự ưu việt của mình chỉ nhờ phân biệt đối xử bất công trong pháp luật và kinh tế. Tuy nhiên, đến năm 2100, người giàu có thể thật sự tài năng hơn, sáng tạo hơn và thông minh hơn những người sống ở khu ổ chuột Một khi một hố ngăn năng lực thật sự mở ra giữa người giàu và người nghèo, việc lấp nó Lại sẽ gần như bất khả. Nếu người giàu sử dụng các khả năng ưu việt của mình để làm họ ngày càng giàu hơn, và nếu nhiều tiền hơn có thể mua cho họ những cơ thể và bộ não được nâng cấp, thì theo thời gian, hố ngăn đó sẽ chỉ rộng ra mà thôi. Đến năm 2100, 1% những người giàu nhất có thể không chỉ sở hữu phần lớn của cải của nhân loại mà cả phần lớn sắc đẹp, sự sáng tạo và sức khỏe của thế giới.

Do đó, hai tiến trình song song, công nghệ sinh học cùng sự trỗi dậy của AI, có thể dẫn đến sự phân chia loài người thành một tầng lớp nhỏ gồm các siêu nhân và một tầng lớp dưới khổng lồ gồm những *Homo sapiens* vô dụng. Và để khiến một tình thế vốn đã nguy hiểm trở nên tồi tệ hơn, khi đại chúng mất đi tầm quan trọng về kinh tế và quyền lực chính trị, nhà nước sẽ mất ít nhất là một chút động lực đầu tư vào sức khỏe, giáo dục và phúc lợi cho họ. Vô dụng là cực kỳ nguy hiểm. Khi ấy, tương lai của đại chúng sẽ phụ thuộc vào lòng tốt của một giới tinh hoa cực nhỏ. Có thể lòng tốt sẽ hiện hữu trong vài thập kỷ. Nhưng trong giai đoạn khủng hoảng, như thảm họa khí hậu chẳng hạn, thì việc thảy đám người thừa xuống biển sẽ trở nên rất cám dỗ và dễ dàng.

Ở các nước có truyền thống lâu đời về các niềm tin tự do và thực hành xã hội phúc lợi như Pháp và New Zealand, có lẽ tầng lớp tinh hoa sẽ tiếp tục chăm lo cho quần chúng ngay cả khi họ không cần đến tầng lớp ấy

nữa. Tuy nhiên, ở Hoa Kỳ, nơi chủ nghĩa tư bản sâu sắc hơn, tầng lớp tinh hoa sẽ tận dụng cơ hội đầu tiên để dỡ bỏ những gì còn sót lại của nhà nước phúc lợi Mỹ. Một vấn đề còn lớn hơn nữa sẽ rình rập các nước đang phát triển lớn như Ấn Độ, Trung Quốc, Nam Phi và Brazil. Ở đó, một khi những người bình thường mất giá trị kinh tế, bất bình đẳng có thể sẽ tăng vọt.

Do đó, thay vì toàn cầu hóa đưa đến hợp nhất toàn cầu, nó có thể sẽ mang lại sự phân hóa loài: sự phân tách nhân loại thành các tầng lớp sinh học khác nhau hay thậm chí là các loài khác nhau. Toàn cầu hóa sẽ hợp nhất thế giới theo phương ngang bằng cách xóa bỏ các ranh giới quốc gia, nhưng cùng lúc đó, nó sẽ phân chia loài người theo chiều dọc. Những tập đoàn chính trị cầm đầu ở các quốc gia đa dạng như kiểu Hoa Kỳ có thể sẽ sáp nhập và chung sức chống lại đại đa số người bình thường. Từ góc độ này mà nói, sự căm ghét kiểu dân túy hiện tại đối với "giới tinh hoa" là rất có cơ sở. Nếu không cẩn thận con cháu của những tài phiệt Thung lũng Silicon và tỷ phú Nga có thể trở thành một giống loài riêng biệt, thượng đẳng hơn con cháu của những người sống ở vùng đồi núi Appalachia và dân làng Siberia.

Về lâu dài, một viễn cảnh như vậy thậm chí có thể hóa giải toàn cầu hóa thế giới do các giai tầng phía trên tập hợp bên trong một "nền văn minh" tự xưng và xây tường, hào ngăn cách khỏi "lũ man di" bên ngoài. Trong thế kỷ 20, nền văn minh công nghiệp phụ thuộc vào "lũ man di" để có lao động giá rẻ, nguyên liệu thô và thị trường; thường là nó chinh phục rồi "hấp thu" chúng. Nhưng trong thế kỷ 21, một nền văn minh hậu công nghiệp phụ thuộc vào AI, công nghệ sinh học và công nghệ nano có thể sẽ tự túc và bền vững hơn nhiều. Không chỉ các giai cấp mà các quốc gia và các lục địa cũng có thể trở nên vô dụng. Các pháo đài được máy bay không người lái và robot canh giữ có thể phân tách các vùng văn minh tự xưng, nơi người-máy đánh nhau bằng bom logic, với những vùng đất man dã, nơi loài người hoang dã đánh nhau bằng rìu và AK-47.

Xuyên suốt cuốn sách này, tôi thường dùng ngôi thứ nhất số nhiều để nói về tương lai của nhân loại. Tôi nói về những gì "chúng ta" cần làm với các vấn đề của "chúng ta". Nhưng có lẽ sẽ không có "chúng ta" nào cả. Có lẽ một trong những vấn đề lớn nhất của chúng ta là các nhóm người khác nhau sẽ có những tương lai hoàn toàn khác nhau. Có lẽ ở một số nơi trên

thế giới, bạn nên dạy con bạn viết mã máy tính, trong khi ở một số nơi khác, bạn nên dạy chúng rút súng thật nhanh và bắn thật thẳng.

—ooOoo—

AI SỞ HỮU DỮ LIỆU?

NẾU CHÚNG ta muốn ngăn chặn sự tập trung toàn bộ của cải và quyền lực trong tay một nhóm tinh hoa nhỏ, chìa khóa là phải điều phối quyền sở hữu dữ liệu. Vào thời cổ đại, đất đai là tài sản quan trọng nhất trên thế giới, chính trị là một cuộc tranh giành để kiểm soát đất đai và nếu quá nhiều đất đai tập trung vào quá ít người, xã hội phân tách thành tầng lớp quý tộc và tầng lớp bình dân. Trong thời hiện đại, máy móc và nhà xưởng trở nên quan trọng hơn đất đai và các cuộc đấu tranh chính trị tập trung vào kiểm soát những phương tiện sản xuất tối quan trọng này. Nếu quá nhiều máy móc tập trung vào tay quá ít người, xã hội phân chia thành giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Tuy nhiên, trong thế kỷ 21, dữ liệu sẽ lấn át tầm quan trọng của cả đất đai và máy móc, trở thành tài sản quan trọng nhất; chính trị sẽ là một cuộc đấu hòng kiểm soát dòng chảy dữ liệu. Nếu dữ liệu tập trung vào một nhóm nhỏ, loài người sẽ phân chia thành các loài khác nhau.

Cuộc đua giành dữ liệu đã diễn ra, đứng đầu là các tập đoàn dữ liệu khổng lồ như Google, Facebook, Baidu và Tencent. Cho đến nay, phần lớn những người khổng lồ này đã áp dụng mô hình kinh doanh "kẻ buôn sự chú ý". Họ nắm lấy sự chú ý của chúng ta bằng cách cung cấp cho chúng ta các thông tin, dịch vụ và giải trí miễn phí, rồi họ bán lại sự chú ý của chúng ta cho những nhà quảng cáo. Thế nhưng những người khổng lồ thông tin này có lẽ đang nhắm tới mục tiêu cao hơn bất kỳ kẻ buôn sự chú ý nào trước đó. Cuộc kinh doanh thật sự của họ không phải là để bán quảng cáo đâu. Sự thật là bằng cách nắm lấy sự chú ý của chúng ta, họ đã thu thập được một lượng thông tin khổng lồ về chúng ta, thứ giá trị hơn bất kỳ

doanh thu quảng cáp nào. Chúng ta không phải là khách hàng của họ, chúng ta là sản phẩm của họ.

Về trung hạn, việc tích lũy dữ liệu này mở ra một con đường dẫn đến một mô hình kinh doanh hoàn toàn khác biệt mà các nạn nhân đầu tiên chính là ngành công nghiệp quảng cáo. Mô hình mới dựa vào việc chuyển quyền hạn từ con người sang các thuật toán, bao gồm quyền lựa chọn và mua sắm. Một khi các thuật toán lựa chọn và mua sắm cho chúng ta, ngành quảng cáo truyền thống sẽ sụp đổ. Thử lấy Google làm ví dụ. Google muốn đạt đến điểm là chúng ta có thể hỏi nó *bất cứ thứ gì* và có được câu trả lời tốt nhất trên thế giới. Điều gì sẽ xảy ra khi ta có thể nói với Google: "Chào Google. Dựa trên tất cả những gì bạn biết về xe hơi, và dựa trên tất cả những gì bạn biết về tôi (bao gồm nhu cầu, thói quen, quan điểm của tôi về sự nóng lên toàn cầu, cả ý kiến của tôi về chính trị Trung Đông nữa), đâu là chiếc xe tốt nhất dành cho tôi?" Nếu Google có thể đưa cho ta một câu trả lời tốt cho câu hỏi đó, và nếu chúng ta học được bằng kinh nghiệm là nên tin vào trí khôn của Google hơn là các cảm giác dễ bị thao túng của chính mình, thì những quảng cáo xe hơi còn dùng làm gì nữa?

Về dài hạn hơn, bằng cách gom đủ dữ liệu và đủ khả năng tính toán, các tập đoàn dữ liệu khổng lồ có thể bẻ khóa những bí mật sâu kín của sự sống rồi sử dụng kiến thức này không chỉ để lựa chọn cho chúng ta hay điều khiển chúng ta, mà còn để tái thiết kế sự sống hữu cơ và tạo ra các dạng sống vô cơ nữa. Bán quảng cáo có thể là cần thiết để duy trì những người khổng lồ trong ngắn hạn, nhưng các công ty công nghệ thường định giá các ứng dụng, sản phẩm và các công ty khác theo lượng dữ liệu mà chúng "thu hoạch" được chứ không phải số tiền mà chúng làm ra. Một ứng dụng được ưa thích có thể thiếu mô hình kinh doanh và thậm chí lỗ trong ngắn hạn, nhưng miễn là nó hút được dữ liệu thì nó có thể đáng giá hàng tỷ đô. Ngay cả khi bạn không biết làm thế nào để dữ liệu làm ra tiền ngày hôm nay, vẫn đáng để sở hữu dữ liệu bởi nó có thể nắm chìa khóa dẫn đến kiểm soát và định hình cuộc sống trong tương lai. Tôi không biết chắc những gã khổng lồ thông tin có thực sự nghĩ về dữ liệu theo cách đó, nhưng hành động của họ cho thấy họ xem việc tích lũy dữ liệu có giá trị vượt xa những đồng đô la thuần túy.

Những người bình thường sẽ thấy rất khó cưỡng lại quá trình này. Hiện tại, con người đang vui vẻ cho đi tài sản giá trị nhất của họ, dữ liệu cá

nhân, để đổi lấy dịch vụ thư điện tử miễn phí và các video hài hước về mèo. Điều này hơi giống những bộ lạc châu Phi và thổ dân châu Mỹ khờ khạo bán cả đất nước cho những đế quốc châu Âu để đổi lấy những hạt cườm lòe loẹt và mớ trang sức rẻ tiền. Nếu sau này người bình thường quyết định thử ngăn dòng chảy dữ liệu, họ sẽ thấy việc đó càng lúc càng khó khăn, đặc biệt là khi họ đã lệ thuộc vào mạng lưới để ra tất cả quyết định của mình, thậm chí cho chăm sóc sức khỏe và sự sinh tồn vật lý của họ nữa.

Con người và máy móc có thể hợp nhất với nhau trọn vẹn đến mức con người sẽ không thể sống sót nếu bị ngắt mạng. Hai bên sẽ kết nối với nhau từ trong bào thai và nếu sau đó bạn chọn ngắt kết nối, các hãng bảo hiểm có thể từ chối bảo hiểm cho bạn, các nhà tuyển dụng từ chối tuyển bạn và các dịch vụ y tế sẽ từ chối chăm sóc bạn. Trong cuộc chiến lớn giữa sức khỏe và quyền riêng tư, sức khỏe chắc chắn sẽ thắng tuyệt đối.

Khi ngày càng nhiều dữ liệu chảy từ cơ thể và não bộ của bạn qua các cảm biến sinh trắc sang các cỗ máy thông minh, các tập đoàn và tổ chức chính phủ sẽ ngày càng dễ dàng hiểu bạn, điều khiển bạn và ra quyết định thay cho bạn. Quan trọng hơn, họ có thể giải mã những cơ chế sâu bên trong mọi cơ thể và bộ não, từ đó đạt được quyền năng tái thiết kế sự sống. Nếu ta muốn ngăn chặn một nhóm tinh hoa nhỏ khỏi độc chiếm những quyền năng như Thượng đế như vậy, và nếu ta muốn ngăn loài người phân tách thành các giai tầng sinh học khác nhau, câu hỏi mấu chốt là: ai sở hữu dữ liệu? Liệu các dữ liệu về ADN, bộ não và cuộc sống của tôi thuộc về tôi, về chính phủ, về một tập đoàn hay thuộc về toàn thể nhân loại?

Yêu cầu các chính phủ quốc hữu hóa dữ liệu có lẽ sẽ giảm bớt quyền lực của các tập đoàn lớn, nhưng nó có thể dẫn đến các nền độc tài số đáng sợ. Các chính trị gia hơi giống các nhạc công và nhạc cụ mà họ chơi là hệ thống cảm xúc và sinh hóa của con người. Họ đọc một bài diễn văn và một làn sóng e sợ dâng lên trong nước. Họ đăng một dòng tweet và một cuộc hận thù bùng nổ. Tôi không nghĩ chúng ta nên đưa cho những nhạc công này chơi một nhạc cụ phức tạp hơn. Một khi các chính trị gia có thể trực tiếp kích thích các cảm xúc mạnh mẽ của chúng ta, tạo ra tùy ý nỗi lo lắng, thù ghét, niềm vui và sự nhàm chán thì chính trị sẽ trở thành một "rạp xiếc" cảm xúc đơn thuần. Chúng ta lo sợ quyền lực của các tập đoàn lớn bao nhiêu thì lịch sử cũng gợi ý là chúng không chắc sẽ khá khẩm hơn dưới tay

các chính phủ quá quyền lực. Sau vụ tháng Ba năm 2018, tôi vẫn thà đưa dữ liệu của mình cho Mark Zuckerberg còn hơn cho Vladimir Putin (mặc dù vụ bê bối Cambridge Analytica tiết lộ rằng có lẽ chẳng có sự lựa chọn gì ở đây vì bất cứ dữ liệu nào được giao phó cho Zuckerberg vẫn có thể dễ dàng tìm đường tới Putin).

Việc sở hữu cá nhân các dữ liệu của bản thân nghe có vẻ hấp dẫn hơn các lựa chọn kia, nhưng điều đó thật sự có nghĩa là gì thì lại không rõ ràng. Chúng ta đã có hàng ngàn năm kinh nghiệm về kiểm soát sở hữu đất đai. Chúng ta biết cách xây hàng rào xung quanh một cánh đồng, đặt lính gác ở cửa và kiểm soát ai đi vào. Trong hai thế kỷ vừa qua, chúng ta đã trở nên cực kỳ thành thạo trong việc kiểm soát sở hữu công nghiệp; do đó, ngày nay tôi có thể sở hữu một phần General Motors và một ít Toyota bằng cách mua cổ phiếu của họ. Nhưng chúng ta không có nhiều kinh nghiệm trong việc kiểm soát sở hữu dữ liệu; nó vốn là một nhiệm vụ khó hơn rất nhiều vì không như đất đai và máy móc, dữ liệu có ở khắp nơi và cùng lúc chẳng có ở đâu cả, nó có thể di chuyển với tốc độ ánh sáng và bạn có thể tạo bao nhiêu bản sao cũng được.

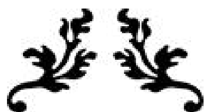
Thế nên ta nên kêu gọi luật sư, chính trị gia, triết gia và ngay cả các nhà thơ hướng sự chú ý của họ về câu hỏi hóc búa này: làm thế nào kiểm soát được sở hữu dữ liệu? Đây có thể là câu hỏi chính trị quan trọng nhất trong kỷ nguyên chúng ta. Nếu ta không thể sớm trả lời câu hỏi này, hệ thống chính trị xã hội của chúng ta có thể sụp đổ. Con người đang cảm nhận được cơn địa chấn đang đến. Có lẽ đây là lý do vì sao công dân ở khắp nơi trên thế giới đang dần mất niềm tin vào câu chuyện tự do mà mới một thập kỷ trước còn tỏ ra không thể cưỡng lại.

Thế thì từ đây, ta có thể đi tiếp như thế nào và làm sao chúng ta đối mặt được với những thử thách kinh khủng của cuộc cách mạng công nghệ thông tin và sinh học? Có lẽ chính những nhà khoa học và doanh nhân đã làm thế giới chia cắt từ đầu có thể nghĩ ra một giải pháp kỹ thuật nào đó. Chẳng hạn, liệu các thuật toán được kết nối có thể bắc giàn cho một cộng đồng người toàn cầu sẽ sở hữu tập thể toàn bộ dữ liệu và giám sát sự phát triển tương lai của sự sống không? Khi bất bình đẳng toàn cầu dâng cao và các căng thẳng xã hội gia tăng khắp thế giới, có lẽ Mark Zuckerberg sẽ kêu gọi hai tỷ bạn bè của mình sát cánh và cùng nhau làm gì đó.


21

Phần II

Thách Thức Chính Trị



Sự hợp nhất của công nghệ thông tin và công nghệ sinh học đe dọa những giá trị hiện đại cốt lõi của tự do và bình đẳng. Bất cứ giải pháp nào cho thử thách công nghệ này đêu phải bao gồm hợp tác toàn cầu. Nhưng chủ nghĩa dân tộc, tôn giáo và văn hóa chia cắt con người thành những phe phái thù nghịch và khiến việc hợp tác trên quy mô toàn cầu trở nên rất khó khăn.



5

CỘNG ĐỒNG



CON NGƯỜI THÌ CÓ THÂN THỂ

CALIFOMIA ĐÃ quen với động đất, nhưng cơn địa chấn chính trị của cuộc bầu cử Mỹ năm 2016 vẫn là một cú sốc ghê gớm đối với Thung lũng Silicon. Nhận ra mình có lẽ là một phần của vấn đề, các phù thủy thiên tài về máy tính đã phản ứng bằng cách làm những gì các kỹ sư làm giỏi nhất: tìm kiếm một giải pháp kỹ thuật. Không đâu phản ứng lại dữ dội hơn ở trụ sở của Facebook tại Menlo Park. Điều này là dễ hiểu. Vì hoạt động kinh doanh của Facebook là mạng xã hội nên nó nhạy với các biến động xã hội hơn cả.

Sau ba tháng "tự vấn lương tâm", vào ngày 16 tháng Hai năm 2017, Mark Zuckerberg đã công bố một tuyên ngôn táo bạo về sự cần thiết phải xây dựng một cộng đồng toàn cầu và vai trò của Facebook trong dự án đó. Trong một bài diễn văn tiếp sau đó, mở đầu Hội nghị thượng đỉnh các cộng đồng vào ngày 22 tháng Sáu năm 2017, Zuckerberg giải thích rằng các biến động xã hội-chính trị trong thời đại của chúng ta, từ nạn sử dụng ma túy tràn lan đến các thể chế độc đoán, kết quả sự mất kết nối của các cộng đồng trên quy mô lớn. Anh than vãn rằng "trong nhiều thập kỷ, số hội viên trong tất cả các dạng hội nhóm đã giảm đến một phần tư. Như vậy là rất nhiều người đang cần tìm kiếm cảm nhận về mục đích và nâng đỡ từ một nơi nào đó khác." Anh ta hứa hẹn rằng Facebook sẽ dẫn đầu cuộc tiến công hòng Xây dựng lại những cộng đồng này và các kỹ sư của anh ta sẽ gánh vác gánh nặng đã bị các mục sư xứ đạo bỏ lại. Zuckerberg nói: "Chúng tôi sẽ bắt đầu đưa ra vài công cụ để việc xây dựng các cộng đồng trở nên dễ dàng hơn."

Anh ta cũng giải thích thêm: "Chúng tôi đã khởi động một dự án để xem có thể đạt được những tiến bộ trong việc gọi ý các hội nhóm có ý nghĩa đối với các bạn không. Chúng tôi đã bắt đầu xây dựng trí tuệ nhân tạo để làm việc này. Và nó đang có tác dụng. Trong sáu tháng đầu, chúng tôi đã giúp thêm 50% các thành viên gia nhập các cộng đồng cố ý nghĩa". Mục tiêu cuối cùng của anh ta là "giúp 1 tỷ người gia nhập những cộng đồng có ý nghĩa… Nếu chúng tôi có thể làm việc này, điều đó sẽ không chỉ đảo ngược hoàn toàn sự sụt giảm số lượng hội viên cộng đồng mà chúng ta đã chứng kiến nhiều thập kỷ nay mà nó sẽ bắt đầu thắt chặt kết cấu xã hội và đưa thế giới lại gần nhau hơn." Mục tiêu này quan trọng đến mức Zuckerberg nguyện "sẽ thay đổi toàn bộ sứ mệnh của Facebook để đạt được điều này."

Zuckerberg chắc chắn đúng khi than vãn về sự đổ vỡ của các cộng đồng. Thế nhưng vài tháng sau khi Zuckerberg trịnh trọng đưa ra lời tuyên bố của mình, đúng lúc cuốn sách này chuẩn bị in, thì vụ bê bối Cambridge Analytica hé lộ việc các dữ liệu được tin cậy trao cho Facebook đã bị các bên thứ ba thu thập và sử dụng để thao túng các cuộc bầu cử ở khắp nơi trên thế giới. Điều này đã biến những lời hứa hẹn cao siêu của Zuckerberg thành trò hề và làm lòng tin của công chúng vào Facebook vỡ vụn. Ta chỉ có thể hy vọng rằng trước khi xắn tay xây dựng các cộng đồng người mới, Facebook đầu tiên phải tự cam kết bảo vệ quyền riêng tư và an ninh của các cộng đồng đã có sẵn.

Tuy nhiên, ta cũng nên xem xét tầm nhìn mang tính cộng đồng của Facebook một cách kỹ càng và nghiên cứu xem một khi an ninh đã được thắt chặt hơn thì các mạng xã hội trực tuyến cố thể giúp xây dựng một cộng đồng người toàn cầu không. Trong thế *kỷ* 21, con người có thể được nâng cấp thành các vị thần; nhưng vào năm 2018, chúng ta vẫn chỉ là những động vật thời Đồ Đá. Để phát triển, ta vẫn cần gắn mình vào các cộng đồng mật thiết. Suốt hàng triệu năm, loài người đã thích nghi với việc sống thành các nhóm nhỏ không quá vài tá người. Ngay cả ngày nay, phần lớn chúng ta vẫn thấy khó thực sự hiểu hết về quá 150 cá thể, cho dù ta có huênh hoang về số bạn bè trên Facebook. Và nếu không là thành viên của bất kỳ cộng đồng mật thiết nào, con người cảm thấy cô đơn và xa lạ.

Không may là trong hai thế kỷ gần đây, các cộng đồng mật thiết đang dần tan rã. Nỗ lực thay thế các nhóm nhỏ gồm những người thật sự quen

thân với nhau bằng các cộng đồng tưởng tượng gồm những quốc gia và đảng phái chính trị sẽ không bao giờ thành công trọn vẹn. Hàng triệu anh chị em trong gia đình-quốc gia và hàng triệu thành viên trong đảng phái không thể mang lại cho bạn sự thân thuộc ấm áp mà một người anh chị em ruột hay một người bạn có thể mang lại. Do đó, con người đang sống những cuộc đời ngày càng cô đơn trong một hành tinh ngày một thêm tính kết nối. Nhiều đứt gãy xã hội và chính trị của thời đại chúng ta có thể truy nguyên từ tình trạng này.

Do đó, tầm nhìn của Zuckerberg về việc tái kết nối con người với nhau là cao quý và đúng thời điểm. Nhưng lời nói thường rẻ hơn hành động, và để đưa tầm nhìn này vào hiện thực, Facebook có thể sẽ phải thay đổi toàn bộ mô hình kinh doanh của mình. Bạn khó lòng xây dựng một cộng đồng toàn cầu khi bạn kiếm tiền từ việc nắm lấy sự chú ý của người khác và bán chúng cho những nhà quảng cáo. Dầu vậy, chỉ sự sốt sắng của Zuckerberg khi đưa ra một tầm nhìn như vậy thôi cũng đã đáng khen ngợi. Hầu hết các tập đoàn tin rằng họ nên tập trung vào kiếm tiền, các chính phủ nên can thiệp càng ít càng tốt và nhân loại nên tin rằng các động lực thị trường sẽ đưa ra các quyết định thực sự quan trọng thay cho chúng ta. Do đó, nếu Facebook định đưa ra một cam kết mang ý nghĩa ý thức hệ thực sự nhằm xây dựng các cộng đồng thì những người đang run sợ quyền lực của nó không nên đẩy nó về cái kén tập đoàn của nó bằng những lời gào thét "Anh Cả!". Thay vào đó, ta nên hối thúc các tập đoàn, tổ chức và chính phủ khác thách thức Facebook bằng cách đưa ra các cam kết mang ý nghĩa ý thức hệ của riêng mình.

Dĩ nhiên, không thiếu các tổ chức than vãn về sự đổ vỡ của các cộng đồng và cố công xây dựng lại chúng. Mọi người, từ các nhà hoạt động nữ quyền đến những kẻ Hồi giáo chính tông, đều hoạt động trong lĩnh vực xây-dựng-cộng-đồng và chúng ta sẽ nghiên cứu một số nỗ lực của họ trong các chương sau. Điều khiến bước khởi đầu của Facebook trở nên độc đáo chính là phạm vi toàn cầu của nó, sự chống lưng mang tính tập đoàn của nó và niềm tin sâu sắc của nó vào công nghệ. Zuckerberg nói rất thuyết phục rằng AI mới của Facebook không chỉ có thể nhận dạng "các cộng đồng có ý nghĩa" mà còn có thể "thắt chặt kết cấu xã hội và đưa thế giới lại gần nhau hơn". Điều này tham vọng hơn nhiều so với việc dùng AI để lái một chiếc xe hay chẩn đoán ung thư.

Tầm nhìn cộng đồng của Facebook có lẽ là nỗ lực rõ ràng đầu tiên hòng sử dụng AI cho công cuộc kiến thiết xã hội được hoạch định một cách tập trung trên phạm vi toàn cầu. Do đó nó là một ca sát hạch cực kỳ quan trọng. Nếu nó thành công, nhiều khả năng là chúng ta sẽ chứng kiến nhiều nỗ lực như thế nữa và các thuật toán sẽ được công nhận là những chủ nhân mới của các mạng lưới xã hội con người. Nếu nó thất bại, nó sẽ hé lộ các giới hạn của những công nghệ mới: các thuật toán có thể dùng cho việc lái xe và chữa bệnh, nhưng khi nói đến việc giải quyết các vấn đề xã hội, chúng ta vẫn nên dựa vào các chính trị gia và mục sư.

—ooOoo—

TRỰC TUYẾN VỚI NGOẠI TUYẾN

TRONG NHỮNG năm trở lại đây, Facebook đã đạt những thành công đáng kinh ngạc và hiện có hơn 2 tỷ người dùng đang hoạt động. Thế nhưng để hiện thực hóa tầm nhìn mới của mình, nó sẽ phải bắc nhịp cầu nối giữa trực tuyến và ngoại tuyến. Một cộng đồng có thể bắt đầu như một cuộc tụ tập trực tuyến; nhưng để thực sự đơm hoa kết trái, nó sẽ phải cắm rễ trong thế giới ngoại tuyến nữa. Nếu một ngày nọ, ai đó cấm Facebook ở đất nước mình hay rút hết dây cắm kết nối Internet, các cộng đồng sẽ tan biến hay sẽ tập hợp lại và đáp trả? Họ có thể tổ chức một cuộc biểu tình mà không cần trao đổi trực tuyến không?

Zuckerberg giải thích trong tuyên ngôn tháng Hai năm 2017 rằng các cộng đồng trực tuyến giúp nuôi dưỡng các cộng đồng ngoại tuyến. Điều này thi thoảng đúng. Nhưng trong nhiều trường hợp, trực tuyến hiện hữu với cái giá phải trả là đánh mất ngoại tuyến và có một sự khác biệt căn bản giữa hai hình thức này. Cộng đồng thực thể có một độ sâu sắc mà cộng đồng ảo không thể sánh kịp, ít nhất là trong tương lai gần. Nếu tôi nằm trên giường bệnh ở Israel, những người bạn mạng của tôi từ Califomia có thể nói chuyện với tôi nhưng họ không thể mang cho tôi xúp hay một cốc trà.

Con người thì có thân thể. Trong một thế kỷ vừa qua, công nghệ đã tạo khoảng cách giữa chúng ta với cơ thể của chính mình. Chúng ta đã và đang mất dần khả năng chú ý đến những gì mình ngửi và nếm. Thay vào đó, ta mải mê chìm vào điện thoại thông minh và máy tính. Ta hứng thú với những gì xảy ra trong không gian mạng hơn những gì xảy ra dưới phố. Nói chuyện với anh họ của tôi ở Thụy Sĩ thậm chí còn dễ hơn bao giờ hết, nhưng nói chuyện với chồng tôi trong bữa sáng thì lại khó hơn vì anh liên tục nhìn điện thoại thay vì nhìn tôi.

Trong quá khứ, con người không được phép bất cẩn như vậy. Những người hái lượm cổ đại lúc nào cũng tỉnh táo và tinh ý. Lang thang trong rừng tìm nấm, họ chăm chú nhìn mặt đất để kiếm những chỗ bị đội lên báo hiệu có nấm. Họ lắng nghe những tiếng động nhỏ nhất trong đám cỏ để xem liệu có con rắn nào nấp ở đó hay không. Khi tìm thấy một cây nấm ăn được, họ quan sát hết sức chăm chú để phân biệt nó với đám họ hàng có độc. Các thành viên của những xã hội giàu có ngày nay không cần cảnh giác đến mức đó. Chúng ta có thể lang thang giữa các quầy hàng siêu thị trong khi tay bấm tin nhắn và có thể mua bất cứ loại nào trong hàng ngàn món ăn, mọi thứ đã được các cơ quan chăm sóc sức khỏe giám sát. Nhưng dù chọn gì đi nữa, rốt cuộc ta cũng sẽ ăn vội uống vàng trước một cái màn hình, kiểm tra thư điện tử hoặc xem TV trong khi chẳng mấy chú ý đến mùi vị thực sự của nó.

Zuckerberg nói Facebook cam kết “tiếp tục cải thiện các công cụ cho chúng tôi để cho bạn sức mạnh chia sẻ trải nghiệm của mình” với người khác. Nhưng có khi điều con người thực sự cần là công cụ để kết nối với trải nghiệm của chính họ. Với danh nghĩa “chia sẻ trải nghiệm”, con người được khuyến khích hiểu những gì đang xảy ra với mình theo cách người khác nhìn nhận chúng. Nếu có việc gì hứng khởi xảy ra, bản năng của người dùng Facebook là lôi điện thoại ra, bấm chụp ảnh, dăng lên mạng và đợi các lượt “thích”. Trong quá trình đó, họ gần như không để ý xem bản thân cảm thấy thế nào. Quả thực, các phản ứng trên mạng đang ngày càng quyết định những gì họ cảm thấy.

Những người xa rời co thể, giác quan và môi trường vật lý quanh mình nhiều khả năng sẽ thấy ngày càng lạc lõng và mất phương hướng. Các nhà bình luận thường cho rằng sự sa sút cua các kết nối tôn giáo và dân tộc là thủ phạm gây ra những cảm xúc xa cách đó, nhưng mất kết nối với cơ thể

của bạn có lẽ còn đóng vai trò quan trọng hơn. Con người đã sống hàng triệu năm không có tôn giáo hay dân tộc; có lẽ họ có thể sống hạnh phúc không có hai thứ đó trong thế kỷ 21. Nhưng họ không thể sống hạnh phúc nếu họ bị mất kết nối với cơ thể mình. Nếu bạn thấy xa lạ trong chính cơ thể của bạn, bạn sẽ không bao giờ thấy thoải mái trong thế giới này.

Cho đến bây giờ, mô hình kinh doanh của chính Facebook luôn khuyến khích con người dành nhiều thời gian hơn nữa ở trên mạng dù điều đó có nghĩa sẽ có ít thời gian và năng lượng cho các hoạt động ngoài đời thực hơn. Liệu nó có thể áp dụng một mô hình mới khuyến khích con người chỉ lên mạng khi thật sự cần thiết và chú ý hơn tới môi trường vật lý, cho cơ thể cũng như các giác quan của chính họ? Các cổ đông của Facebook sẽ nghĩ gì về mô hình này? (Một phác thảo của mô hình thay thế như vậy đã được Tristan Harris, một cựu nhân viên Google và một triết gia công nghệ, đưa ra; anh cũng đã nghĩ ra một thước đo mới có tên gọi "thời gian được sử dụng tốt".)

Những hạn chế của các mối quan hệ trực tuyến cũng làm xói mòn giải pháp đối với sự phân cực xã hội của Zuckerberg. Anh ta đã đúng khi chỉ ra rằng chỉ kết nối con người và cho họ tiếp xúc với các ý kiến khác nhau sẽ không thu hẹp khoảng cách xã hội vì "cho người ta xem một bài báo từ góc nhìn đối lập thật ra sẽ chỉ làm sâu thêm sự phân cực xã hội bằng cách đóng khung các góc nhìn khác đó là ngoại lai". Thay vào đó, Zuckerberg gợi ý rằng "các giải pháp tốt nhất nhằm cải thiện giao tiếp có thể đến từ việc nhìn nhận nhau nhữ những con người toàn diện chứ không chỉ là các ý kiến, một điều mà Facebook đặc biệt phù hợp để làm. Nếu chúng ta kết nối với người khác dựa trên những điểm chung giữa chúng ta, như các đội bóng, các chương trình truyền hình, sở thích, việc đối thoại về những bất đồng sẽ dễ dàng hơn."

Thế nhưng, việc nhìn nhận nhau như những con người "toàn diện" là cực kỳ khó. Nó đòi hỏi nhiều thời gian và cần tương tác vật lý trực tiếp. Như đã nói ở trên, một *Homo sapiens* trung bình có lẽ không có khả năng biết tường tận quá 150 người. Lý tưởng thì việc xây dựng các cộng đồng không cần là một cuộc chơi được mất ngang nhau. Con người có thể cảm thấy trung thành với nhiều nhóm cùng lúc. Không may là các mối quan hệ thân mật lại có thể là một cuộc chơi như thế. Quá một ngưỡng nhất định, thời gian và năng lượng bạn bỏ ra để tìm hiểu những người bạn trực tuyến

đến từ Iran hay Nigeria sẽ phải trả giá bằng khả năng hiểu về những người hàng xóm kế bên.

Bài sát hạch quan trọng của Facebook sẽ xuất hiện khi các kỹ sư phát minh ra một công cụ mới khiến con người dành ít thời gian mua sắm các thứ trên mạng và nhiều thời gian cho các hoạt động ngoài đời có ý nghĩa với bạn bè hơn. Facebook sẽ áp dụng hay ỉm đi một công cụ như vậy? Facebook liệu có thực hiện cú nhảy để đời thực sự và đặt các mối quan tâm xã hội lên trên lợi ích tài chính? Nếu nó làm được như vậy, và xoay xở tránh phá sản, đó sẽ là một cuộc chuyển đổi quan trọng.

Dành nhiều sự chú ý cho thế giới thực hơn các bản báo cáo hằng quý cũng tác động lên các chính sách thuế của Facebook. Như Amazon, Google, Apple và vài người khổng lồ công nghệ khác, Facebook liên tục bị cáo buộc trốn thuế. Những khó khăn vốn có trong việc đánh thuế các hoạt động trực tuyến khiến các tập đoàn toàn cầu này dễ dàng tham gia vào đủ kiểu kế toán đa dạng. Nếu bạn nghĩ con người sống chủ yếu trên mạng và bạn cung cấp cho họ đủ các công cụ cần thiết cho sự tồn tại trực tuyến của họ thì bạn có thể tự xem mình là một dịch vụ xã hội sinh lợi ngay cả khi bạn né đóng thuế cho các chính phủ ngoại tuyến. Nhưng một khi bạn nhớ rằng con người thì có thân thể, do đó họ vẫn cần đường sá, bệnh viện và các hệ thống thoát nước, hành vi trốn thuế sẽ khó biện minh hơn rất nhiều. Làm sao bạn có thể ca tụng các giá trị cộng đồng khi từ chối hỗ trợ tài chính cho những dịch vụ cộng đồng quan trọng nhất?

Chúng ta đủ có thể hy vọng là Facebook có thể thay đổi mô hình kinh doanh của nó, áp dụng một chính sách thuế thân thiện hơn với đời thực, giúp hợp nhất thế giới mà vẫn có lãi. Nhưng chúng ta không nên nuôi dưỡng các hy vọng hão huyền về khả năng hiện thực hóa tầm nhìn cộng đồng toàn cầu của Facebook. Trong lịch sử, các tập đoàn chưa bao giờ là phương tiện lý tưởng trong việc dẫn dắt các cuộc cách mạng xã hội và chính trị. Một cuộc cách mạng thực thụ sớm muộn gì cũng đòi hỏi những hy sinh mà các tập đoàn, nhân viên và cổ đông của họ không sẵn lòng đáp ứng. Đấy là lý do các phong trào cách mạng xây dựng các nhà thờ, các đảng phái chính trị và quân đội. Những cái mà ta gọi là cách mạng Facebook và Twitter ở thế giới Ả Rập đã bắt đầu từ các cộng đồng trực tuyến đầy hứa hẹn; nhưng một khi nổi lên trong thế giới ngoại tuyến hỗn độn, chúng đều bị những kẻ cuồng tín và nhóm đảo chính trong quân đội

trưng dụng. Nếu bây giờ Facebook hướng tới khởi xướng một cuộc cách mạng toàn cầu, nó sẽ cần thu hẹp khoảng cách giữa trực tuyến và ngoại tuyến tốt hơn nữa. Nó và các người khổng lồ trực tuyến khác thưởng xem con người như những động vật nghe-nhìn, một đôi mắt và một đôi tai nối với mười ngón tay, một cái màn hình và một thẻ tín dụng. Một bước đi tối quan trọng hướng tới hợp nhất nhân loại là phải trân trọng việc con người thì có thân thể.

Dĩ nhiên, nhận thức này cũng có mặt bất lợi. Nhận thấy những hạn chế của các thuật toán trực tuyến có thể chỉ khuyến khích các người khổng lồ công nghệ vươn tầm với của họ xa hơn. Các công cụ như Google Glass và các trò chơi như Pokemon Go được thiết kế để xóa nhòa phân biệt giữa trực tuyến và ngoại tuyến, hợp nhất chúng thành một công nghệ tương tác thực tế duy nhất. Ở một cấp độ còn sâu xa hơn, các cảm ứng sinh trắc và giao diện trực tiếp não-máy cũng hướng đến xóa nhòa ranh giới giữa máy điện tử và cơ thể hữu cơ, chui sâu vào bên trong chúng ta theo đúng nghĩa đen. Một khi các nhà khổng lồ công nghệ hiểu được cơ thể con người, rốt cuộc họ có thể điều khiển toàn bộ cơ thế chúng ta giống cái cách mà họ hiện đang điều khiển mắt, ngón tay và thẻ tín dụng của chúng ta vậy. Chúng ta có khi sẽ nhớ những ngày tươi đẹp cũ, khi ngoại tuyến còn tách biệt với trực tuyến.

6

VĂN MINH



CHỈ CÓ MỘT NỀN VĂN MINH TRÊN THẾ GIỚI

TRONG KHI Mark Zuckerberg mơ ước hợp nhất nhân loại trên mạng thì các sự kiện gần đây trong thế giới ngoài mạng có vẻ đang thổi một luồng sinh khí mới vào luận điểm "cuộc đụng độ của các nền văn minh". Nhiều nhà bình luận, chính khách lẫn thường dân tin rằng cuộc nội chiến Syria, sự nổi dậy của Nhà nước Hồi giáo, cuộc hỗn loạn Brexit và sự bất ổn của Liên minh châu Âu đều xuất phát từ một cuộc đụng độ giữa "văn minh phương Tây" và "văn minh Hồi giáo". Người ta tin rằng những nỗ lực áp đặt dân chủ và nhân quyền lên các nước Hồi giáo của phương Tây dẫn đến một cuộc phản ứng dữ dội của thế giới; và một làn sóng Hồi giáo di cư đi kèm với các cuộc tấn công khủng bố Hồi giáo khiến các cử tri châu Âu từ bỏ những giấc mộng đa văn hóa để đi theo các bản sắc địa phương bài ngoại.

Theo luận điểm này, loài người vốn luôn được chia thành các nền văn minh đa dạng, trong đó các thành viên nhìn nhận thế giới theo những cách không thể hài hòa với nhau. Các thế giới quan trái ngược này khiến mâu thuẫn giữa các nền văn minh là không tránh khỏi. Cũng như trong tự nhiên, các loài khác nhau đấu tranh sinh tồn theo quy luật chọn lọc tự nhiên khắc nghiệt, xuyên suốt lịch sử, các nền văn minh liên tục đụng độ và chỉ nền văn minh phù hợp nhất mới tồn tại để kể lại câu chuyện. Những ai bỏ qua sự thật đen tối này, dù là các chính trị gia tự do hay các kỹ sư đầu trên mây, đều là liều mạng.

Luận điểm "cuộc đụng độ của các nền văn minh" này có những ngụ ý chính trị mang tầm ảnh hưởng lớn. Những người ủng hộ nó cho rằng bất

cứ nỗ lực nào nhằm hòa giải “phương Tây” và “thế giới Hồi giáo” đều nhất định thất bại. Các quốc gia Hồi giáo sẽ không bao giờ áp dụng các giá trị phương Tây và các nước phương Tây sẽ không bao giờ sáp nhập thành công các cộng đồng thiểu số người Hồi. Theo đó, Mỹ không nên cho phép người nhập cư từ Syria hay Iraq, Liên minh châu Âu nên từ bỏ ảo tưởng đa văn hóa để ủng hộ một bản sắc phương Tây tự chủ. Về lâu dài, chỉ một nền văn minh có thể sống sót sau những bài kiểm tra nghiệt ngã của chọn lọc tự nhiên; nếu giới chức ở Brussels từ chối cứu phương Tây khỏi hiểm họa Hồi giáo thì Anh, Đan Mạch hay Pháp nên tự thân vận động.

Dù được công nhận rộng rãi, luận điểm này có nhiều điểm sai lạc. Chủ nghĩa Hồi giáo chính tông quả thực có thể là một thử thách căn bản, nhưng nền “văn minh” mà nó thách thức là một nền văn minh toàn cầu chứ không phải là một hiện tượng chỉ có ở phương Tây. Và ngay cả những kẻ Hồi giáo chính tông, với tất cả những ảo tưởng trung cổ của chúng, vẫn bám rễ trong văn hóa toàn cầu đương đại sâu chắc hơn nhiều so với Ả Rập thế kỷ thứ 7. Chúng nuôi dưỡng nỗi sợ hãi và hy vọng của giới trẻ hiện đại đang thấy mình lạc lõng nhiều hơn là những cảm giác đó của nông dân và thương nhân trung cổ. Đúng như Pankaj Mishra và Christopher de Bellaigue đã nói một cách thuyết phục, những kẻ theo chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan bị ảnh hưởng bởi Foucault cũng nhiều như Muhammad, và chúng kế thừa di sản của những người theo chủ nghĩa vô chính phủ châu Âu thế kỷ 19 sâu sắc như từ các kha-líp Umayyah và Abbasid. Do đó sẽ chính xác hơn khi coi chính Nhà nước Hồi giáo như một nhánh lỗi của một nền văn hóa toàn cầu mà chúng ta cùng chia sẻ hơn là một nhánh của một loài cây xa lạ, bí hiểm nào đó.

Quan trọng hơn, phép loại suy giữa lịch sử và sinh học vốn là cốt lõi của luận điểm “cuộc đụng độ của các nền văn minh” là sai lầm. Các nhóm người, từ các bộ lạc nhỏ đến các nền văn minh khổng lồ, về cơ bản là khác các loài động vật khác và các mâu thuẫn lịch sử rất khác các quá trình chọn lọc tự nhiên. Các loài động vật có những nhận dạng khách quan được duy trì trên hàng ngàn thế hệ. Bạn là một con tinh tinh hay khỉ đột phụ thuộc vào gien chứ không phải niềm tin của bạn và các gien khác nhau quy định các hành vi xã hội hoàn toàn khác biệt. Tinh tinh sống trong các nhóm hỗn hợp đực và cái. Chúng cạnh tranh quyền lực bằng cách xây dựng các liên minh gồm những con ủng hộ cả đực và cái. Trái lại, với khỉ đột, một con

đực đầu đàn duy nhất thiết lập một hậu cung gồm các con khỉ cái và thường đuổi cổ bất cứ con đực trưởng thành nào có thể thách thức vị trí của nó. Tinh tinh không thể áp dụng kiểu sắp xếp xã hội giống khỉ đột và khỉ đột không thể tổ chức bầy đàn giống tinh tinh; theo như những gì chúng ta được biết thì chính các hệ thống xã hội đó đã đặc trưng cho tinh tinh và khỉ đột không chỉ trong vài thập kỷ gần đây mà suốt hàng trăm nghìn năm nay.

Chúng ta không hề thấy điều đó ở con người. Đúng, các nhóm người có thể có các hệ thống xã hội khác biệt nhưng chúng không được quy định trong di truyền và hiếm khi duy trì quá vài thế kỷ. Hãy nghĩ về những người Đức thế kỷ 20 mà xem. Trong chưa đầy một trăm năm, người Đức đã tự tổ chức thành sáu hệ thống xã hội khác nhau: Đế chế Hohenzollern, nền Cộng hòa Weimar, Đệ tam quốc xã, Cộng hòa dân chủ Đức (hay còn gọi là Đông Đức), Cộng hòa liên bang Đức (hay Tây Đức) và cuối cùng là nước Đức dân chủ tái thống nhất. Dĩ nhiên, người Đức vẫn giữ ngôn ngữ và tình yêu của mình dành cho bia và xúc xích. Nhưng liệu có tính chất Đức độc đáo nào phân biệt họ với các quốc gia khác và được duy trì không thay đổi từ Wilhelm II đến Angela Merkel không? Và nếu bạn tìm được một thứ gì đó, liệu nó có hiện hữu ở đó từ 1,000 hay 5.000 năm trước?

Phần mở đầu của Hiến pháp chung châu Âu (chưa được phê chuẩn) bắt đầu bằng việc tuyên bố rằng nó lấy cảm hứng từ "di sản văn hóa, tôn giáo và nhân văn của châu Âu, cội nguồn đã phát triển nên các giá trị toàn cầu của những quyền không thể xâm phạm và không thể tách rời của con người là dân chủ, công bằng, tự do và luật pháp." Điều này có thể dễ dàng cho người ta ấn tượng là văn minh châu Âu được định nghĩa bởi các giá trị nhân quyền, dân chủ, công bằng và tự do. Vô số bài phát biểu và tư liệu đã vạch ra đường nối trực tiếp giữa nền dân chủ Athens cổ đại với Liên minh châu Âu ngày nay, tôn vinh 2.500 năm tự do và dân chủ của châu Âu. Điều này gợi cho ta nhớ tới gã mù sờ voi trong truyện ngụ ngôn nọ: anh ta nắm lấy đuôi con voi và kết luận con voi giống một cái chổi. Đúng, các tư tưởng dân chủ từng là một phần của văn hóa châu Âu trong nhiều thế kỷ, nhưng nó chưa bao giờ là tất cả. Với tất cả sự vinh quang và tác động của nó, nền dân chủ Athens chỉ là một thí nghiệm miễn cưỡng tồn tại vỏn vẹn 200 năm trong một góc nhỏ xứ Balkan. Nếu văn minh châu Âu trong hai mươi lăm thế kỷ qua được định nghĩa bởi dân chủ và nhân quyền thì ta

phải nghĩ gì về Sparta và Julius Caesar, về những đoàn Thập tự chinh và những người Tây Ban Nha đi xâm chiếm Mexico và Peru vào thế kỷ 16, về Tòa án dị giáo và buôn bán nô lệ, về Louis XIV và Napoleon? Phải chăng họ đều là những kẻ xâm lược đến từ một nền văn minh ngoại lai nào đó?

Trên thực tế, văn minh châu Âu là bất cứ thứ gì mà người dân châu Âu nghĩ về nó, cũng như Cơ Đốc giáo là bất cứ thứ gì mà người Cơ Đốc nghĩ, Hồi giáo là bất cứ thứ gì mà người Hồi nghĩ, và Do Thái giáo là bất cứ thứ gì mà người Do Thái nghĩ. Và họ đã nghĩ về chúng hết sức khác nhau trong nhiều thế kỷ qua. Các nhóm người được định rõ bởi những thay đổi mà họ đã trải qua hơn là bất cứ sự tiếp nối nào, nhưng dù sao họ vẫn tìm cách tạo cho mình các bản sắc cổ xưa nhờ các kỹ năng kể chuyện. Dù trải qua bao dâu bể cách mạng, họ vẫn thường có thể dệt cái cũ cũng như cái mới vào một mối dây duy nhất.

Ngay cả một cá nhân cũng có thể dệt các đổi thay cá nhân mang tính cách mạng vào một câu chuyện cuộc đời mạnh mẽ và nhất quán: “Tôi là người đã từng theo chủ nghĩa xã hội, nhưng rồi tôi trở thành một nhà tư bản; tôi được sinh ra ở Pháp và giờ tôi sống ở Mỹ; tôi từng lập gia đình, rồi tôi ly dị; tôi bị ung thư, rồi tôi khỏe lại.” Tương tự, một nhóm người như người Đức cũng có thể tự định rõ mình bằng mọi thay đổi họ đã kinh qua: “Chúng tôi từng là phát xít, nhưng rồi chúng tôi học được bài học của mình và giờ chúng tôi là những người dân chủ yêu hòa bình.” Bạn không cần phải tìm một tinh chất Đức độc đáo nào đó khởi phát ở Wilhelm II, rồi ở Hitler và cuối cùng là ở Merkel. Các chuyển biến có tính căn bản này chính là điều làm nên bản sắc Đức. Là một người Đức năm 2018 nghĩa là phải vật lộn với di sản khó khăn của chủ nghĩa phát xít trong khi gìn giữ các giá trị tự do và dân chủ. Ai mà biết được đến năm 2050 thì người Đức nghĩa là gì.

Con người thường trốn tránh nhận ra các thay đổi này, đặc biệt là khi nói đến các giá trị chính trị và tôn giáo cốt lõi. Chúng ta khăng khăng rằng các giá trị của mình là một di sản quý báu từ tổ tiên xa xưa. Thế nhưng thứ duy nhất cho phép ta nói điều đó là tổ tiên ta đã chết hết cả rồi và không thể tự bào chữa cho họ nữa. Chẳng hạn, hãy xem xét thái độ của người Do Thái đối với phụ nữ. Ngày nay, những người Do Thái siêu-Chính thống cấm hình ảnh phụ nữ trong không gian công cộng. Các biển hiệu và quảng

cáo nhắm tới những người Do Thái siêu-Chính thống chỉ mô tả đàn ông và bé trai, không bao giờ có phụ nữ và bé gái.

Vào năm 2011, một vụ xì-căng-đan nổ ra khi tờ báo siêu-Chính thống tại Brooklyn là *Di Tzeitung* đăng ảnh các quan chức Mỹ đang theo dõi vụ tấn công vào hang ổ của Osama bin-Laden nhưng đã can thiệp số để xóa tất cả những người phụ nữ, bao gồm Ngoại trưởng Hillary Clinton. Tờ báo giải thích buộc phải làm vậy bởi "luật khiêm nhường" của người Do Thái. Một xì-căng-đan tương tự nổ ra khi tờ *HaMevaser* xóa Angela Merkel khỏi một bức ảnh chụp cuộc biểu tình phản đối vụ thảm sát *Charlie Hebdo,* phòng khi hình ảnh của bà gọi lên những ý nghĩ dục vọng trong tâm trí của các độc giả sùng đạo. Nhà xuất bản của tờ báo siêu chính thống thứ ba, tờ *Hamodia,* bảo vệ chính sách này bằng cách giải thích rằng "Chúng tôi được hàng nghìn năm truyền thống Do Thái ủng hộ."

Không ở đâu mà lệnh cấm nhìn thấy phụ nữ lại nghiêm khắc hơn trong nhà thờ Do Thái. Trong các nhà thờ chính thống, phụ nữ bị tách khỏi nam giới và phải đi lại hạn chế trong một khu vực cấm, nơi họ bị giấu sau một bức màn để không người đàn ông nào tình cờ nhìn thấy bóng dáng phụ nữ khi đang cầu nguyện hay đọc kinh. Thế nhưng, nếu tất cả những điều này được hàng nghìn năm truyền thống Do Thái và các luật lệ thiêng bất biến ủng hộ thì giải thích thế nào khi các nhà khảo cổ phát lộ các thánh đường cổ xưa ở Israel từ thời xuất hiện kinh Mishnah và Talmud, họ không thấy dấu hiệu nào của phân tách giới; thay vào đó, họ phát hiện những mặt sàn ghép mảnh theo lối mosaic và tranh tường tuyệt đẹp về phụ nữ, một số còn ăn mặc khá hở hang? Những thầy tu Do Thái viết các quyển kinh Mishnah và Talmud thường xuyên cầu nguyện và nghiên cứu trong các thánh đường này, nhưng những người Do Thái Chính thống ngày nay sẽ xem đó là những sự mạo phạm truyền thống cổ xưa hết sức báng bổ.

Những sự bóp méo các truyền thống cổ xưa tương tự như vậy có ở mọi tôn giáo, Nhà nước Hồi giáo khoe khoang rằng mình đã khôi phục phiên bản thuần khiết, gốc rễ của đạo Hồi, nhưng trên thực tế, phiên bản đó là hoàn toàn mới. Đúng, chúng trích dẫn nhiều văn bản đáng tôn kính, nhưng chúng tùy tiện lựa chọn văn bản nào thì trích dẫn, văn bản nào thì lờ đi và diễn dịch chúng như thế nào. Quả thực, bản thân thái độ tự-thân-vận-động của chúng khi diễn dịch thánh kinh là rất hiện đại. Theo truyền thống, diễn dịch thánh kinh là độc quyền của những *ulama* học vấn uyên thâm, các học

giả nghiên cứu luật và thần học của đạo Hồi trong các tổ chức uy tín như Al-Azhar ở Cairo. Có rất ít lãnh đạo Nhà nước Hồi giáo có những khả năng như thế, và *ulama* được tôn kính nhất đã xem Abu Bakr al-Baghdadi và đám tay sai của hắn là những tên tội phạm ngu xuẩn.

Điều đó không có nghĩa Nhà nước Hồi giáo là "phi Hồi giáo" hay "chống Hồi giáo" như một vài người đã nói. Việc các nhà lãnh đạo theo Cơ Đốc giáo như Barack Obama dám cả gan nói với các tín đồ Hồi giáo tự xưng như Abu Bakr al-Baghdadi phải như thế nào mới là người Hồi giáo là một việc đặc biệt mỉa mai. Cuộc tranh luận sôi nổi về bản chất thực sự của đạo Hồi đơn giản là vô nghĩa. Đạo Hồi không có một ADN cố định nào. Đạo Hồi là bất cứ thứ gì mà tín đồ đạo Hồi nghĩ.

—ooOoo—

NGƯỜI ĐỨC VÀ NHỮNG CON KHỈ ĐỘT

CÒN MỘT điểm khác biệt sâu sắc hơn nữa giữa các nhóm người và các loài động vật. Các loài động vật thường tách ra nhưng không bao giờ hợp lại. Khoảng bảy triệu năm trước, tinh tinh và khỉ đột có tổ tiên chung. Chính loài tổ tiên duy nhất này đã tách thành hai quần thể, cuối cùng đã đi theo hai con đường tiến hóa riêng. Một khi việc này xảy ra thì không có đường quay lại. Các cá thể thuộc những loài khác nhau không thể sinh ra các hậu duệ có khả năng sinh sản nên các loài không bao giờ hợp nhất được. Khỉ đột không thể hợp nhất với tinh tinh, hươu cao cổ không thể hợp nhất với voi, và chó không thể hợp nhất với mèo.

Các bộ tộc người, trái lại, có xu hướng hợp nhất theo thời gian để thành các nhóm ngày càng lớn. Người Đức hiện đại được tạo ra từ sự hợp nhất các nhóm người Saxon, Phổ, Schwaben và Bavaria, những tộc người trước đây không lâu vốn không ưa gì nhau. Otto von Bismarck (sau khi đọc cuốn *Bàn về nguồn gốc các loài* của Darwin) được cho là đã phát biểu rằng người Bavaria là mắt xích còn thiếu giữa người Áo và con người. Người Pháp được tạo ra từ sự hợp nhất các nhóm người Frank, Norman, Breton,

Gascon và Provencal. Trong khi đó, ở bên kia eo biển Manche, người Anh, Scotland, Wales và Ireland dần được hòa hợp (dù muốn hay không) để tạo thành người của Vương quốc Anh. Trong tương lai không xa, người Đức, Pháp và Vương quốc Anh có thể lại hợp nhất tạo thành người châu Âu.

Các cuộc hợp nhất không phải lúc nào cũng lâu bền, như những gì người dân ở London, Edinburgh và Brussels biết rất rõ trong những ngày gần đây. Brexit có thể châm ngòi cho sự tan rã đồng thời của Vương quốc Anh lẫn Liên minh châu Âu. Nhưng về lâu dài, hướng đi của lịch sử là rất rõ ràng. Mười nghìn năm trước, nhân loại phân chia thành vô số bộ tộc cô lập. Cứ sau mỗi thiên niên kỷ, các bộ tộc này lại hợp nhất thành các nhóm ngày càng lớn hơn, tạo ra ngày càng ít nền văn minh khác biệt hơn. Trong các thế hệ gần đây, những nền văn minh ít ỏi còn lại đã dần hòa thành một nền văn minh toàn cầu duy nhất. Các chia rẽ chính trị, dân tộc, văn hóa và kinh tế vẫn duy trì, nhưng chúng không xóa nhòa sự hợp nhất căn bản. Thực sự là một số chia rẽ chỉ có thể tồn tại nhờ một cấu trúc chung bao trùm. Chẳng hạn như trong kinh tế, sự phân chia lao động không thể thành công trừ phi mọi người cùng chung nhau một thị trường duy nhất. Một đất nước không thể chuyên về sản xuất xe ô tô hay dầu mỏ trừ phi nó có thể mua lương thực từ các nước khác trồng lúa mì và gạo.

Quá trình hợp nhất hóa con người mang hai dạng thức khác biệt: thiết lập các mắt xích giữa các nhóm riêng biệt và đồng hóa hoạt động giữa các nhóm. Các mắt xích có thể hình thành ngay giữa các nhóm tiếp tục hành xử rất khác nhau. Thật sự là các mắt xích có thể hình thành ngay giữa các kẻ thù không đội chung trời. Bản thân chiến tranh có thể tạo ra một số các mắt xích bền vững nhất của loài người. Các nhà sử học thường tranh luận rằng toàn cầu hóa đạt đỉnh đầu tiên vào năm 1913 rồi đi vào một cuộc suy thoái dài trong thời kỳ hai cuộc thế chiến và Chiến tranh Lạnh, rồi chỉ bắt đầu trở lại sau năm 1989. Điều này có thể đúng với toàn cầu hóa về kinh tế, nhưng nó phớt lờ chiều kích khác quan trọng chẳng kém là toàn cầu hóa về quân sự. Chiến tranh lan truyền ý tưởng, công nghệ và con người nhanh hơn thương mại rất nhiều. Năm 1918, Hoa Kỳ liên kết với châu Âu chặt chẽ hơn năm 1913, rồi cả hai dần tách rời nhau trong các năm giữa hai cuộc chiến chỉ để gắn số phận của chúng lại với nhau không thể tách rời nhờ Thế chiến thứ hai và Chiến tranh Lạnh.

Chiến tranh cũng khiến con người quan tâm tới nhau hơn nhiều. Hoa Kỳ chưa bao giờ quan hệ mật thiết với Nga hơn thời kỳ Chiến tranh Lạnh, khi mà mỗi tiếng ho ở một hành lang Moscow lại khiến người ta rầm rập lên xuống các cầu thang Washington. Người ta quan tâm đến đối phương của mình hơn nhiều các đối tác thương mại. Cứ mỗi một bộ phim Mỹ về Đài Loan lại có khoảng 50 phim nói về Việt Nam.

—ooOoo—

THẾ VẬN HỘI TRUNG CỔ

THẾ GIỚI đầu thế kỷ 21 đã vượt rất xa việc hình thành các mắt xích giữa những nhóm khác nhau. Con người ở khắp địa cầu không chỉ kết nối với nhau mà còn ngày càng chia sẻ các niềm tin và hành động giống nhau. Một ngàn năm trước, hành tinh Trái đất là mảnh đất màu mỡ của hàng tá các mô hình chính trị khác nhau. Ở châu Âu, bạn có thể thấy các lãnh chúa phong kiến cạnh tranh với các thành bang độc lập và những nền chính trị thần quyền bé xíu. Thế giới Hồi giáo có các kha-líp xưng bá chủ toàn cầu nhưng vẫn có các vương quốc, vua (sultan) và tiểu vương. Các vương triều Trung Hoa tin họ là thực thể chính trị chính thống duy nhất, trong khi về phía bắc và phía tây, các liên minh bộ tộc vui vẻ gây chiến với nhau. Ấn Độ và Đông Nam Á có vô vàn các thể chế, trong khi châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương trải từ các bộ lạc săn bắt-hái lượm nhỏ xíu cho tới các đế chế mênh mông. Chẳng trách mà ngay cả các nhóm người hàng xóm láng giềng với nhau cũng có vấn đề trong việc thống nhất các thủ tục xã giao chung, nói gì đến luật pháp quốc tế. Mỗi xã hội có mô hình chính trị riêng và khó mà hiểu hay tôn trọng các khái niệm chính trị ngoại lai.

Ngày nay, trái lại, một hệ chính trị duy nhất được chấp nhận ở mọi nơi. Hành tinh này được chia thành 200 quốc gia độc lập, nhìn chung đều đồng thuận về các quy tắc ngoại giao giống nhau và các luật quốc tế chung. Thụy Điển, Nigeria, Thái Lan và Brazil đều được đánh dấu trên bản đồ là những hình dạng rực rỡ cùng loại; họ đều là thành viên của Liên hiệp

Quốc; và dù có vô vàn khác biệt, họ vẫn được công nhận là các quốc gia có chủ quyền được hưởng các quyền và đặc quyền giống nhau. Quả thực, họ có chung nhiều ý tưởng và hoạt động chính trị hơn là khác biệt, bao gồm ít nhất là một niềm tin được biểu hiện qua các cơ quan đại diện, đảng phái chính trị, quyền bầu cử phổ quát và nhân quyền. Có các nghị viên ở Tehran, Moscow, Cape Town và New Delhi cũng như ở London và Paris. Khi người Israel và người Palestine, người Nga và người Ukraine, người Kurd và người Turk tranh giành sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, họ đều sử dụng cùng một lập luận về nhân quyền, chủ quyền quốc gia và luật pháp quốc tế.

Thế giới có thể rải rác đây đó đủ kiểu "nhà nước thất bại" nhưng chỉ có một mô hình duy nhất cho một nhà nước thành công. Chính trị toàn cầu do đó tuân theo quy tắc Anna Karenina: các nhà nước thành công đều giống nhau, nhưng mỗi nhà nước thất bại lại thất bại theo cách riêng của nó bằng việc thiếu đi một "nguyên liệu" nào đó trong "gói chính trị" chủ chốt. Nhà nước Hồi giáo gần đây nổi bật bởi nó hoàn toàn, khước từ gói này và nỗ lực thiết lập một nền chính trị hoàn toàn khác biệt: một kha-líp toàn cầu. Nhưng chính vì lý do này, nó đã thất bại. Vô số lực lượng du kích và các tổ chức khủng bố đã xoay xở thiết lập nên các quốc gia mới hoặc chiếm các quốc gia sẵn có. Nhưng chúng luôn làm như thế bằng cách chấp nhận các nguyên tắc cơ bản của trật tự chính trị toàn cầu. Ngay cả Taliban cũng tìm kiếm sự công nhận quốc tế như là chính quyền chính danh của đất nước có chủ quyền Afghanistan. Cho đến nay, không một nhóm nào phủ nhận các quy tắc chính trị toàn cầu, lại có được bất cứ sự kiểm soát lâu dài tại bất cứ vùng lãnh thổ đáng kể nào.

Có lẽ, sức mạnh của hệ hình chính trị toàn cầu có thể được hiểu rõ nhất bằng cách xem xét không phải những câu hỏi chính trị cốt lõi về chiến tranh và ngoại giao mà một thứ như Thế vận hội Rio năm 2016. Hãy dành một phút để nghĩ về cách thế vận hội này được tổ chức. Mười một nghìn vận động viên được chia thành các đoàn theo quốc tịch chứ không phải tôn giáo, giai cấp hay ngôn ngữ. Không có đoàn Phật giáo, đoàn vô sản hay đoàn nói tiếng Anh. Trừ một vài trường hợp ít ỏi, đáng chú ý nhất là Đài Loan và Palestine, việc quyết định quốc tịch của các vận động viên là hết sức dễ dàng.

Tại lễ khai mạc ngày 5 tháng Tám năm 2016, các vận động viên diễu hành theo nhóm, mỗi nhóm vẫy quốc kỳ của mình. Mỗi lần Michael Phelps giành thêm một huy chương vàng, lá cờ sao vạch lại được kéo lên trên nền nhạc bài "Lá cờ lấp lánh ánh sao". Khi Emilie Andéol giành huy chương vàng môn judo, lá cờ ba vạch của Pháp được kéo lên và bài "La Marseillaise" ngân vang.

Thêm một sự tiện lợi nữa là mỗi quốc gia trên thế giới có một bài quốc ca tuân theo cùng một mẫu phổ quát. Gần như mọi bài quốc ca là những bản nhạc chỉ kéo dài vài phút thay vì một bài tụng ca dài hai chục phút chỉ có thể do một tầng lớp đặc biệt là các tu sĩ được kế truyền biểu diễn. Ngay cả các nước nhu Ả Rập Saudi, Pakistan và Congo cũng áp dụng các quy tắc âm nhạc của phương Tây cho quốc ca của họ. Các bài quốc ca đều nghe như một thứ gì đó do Beethoven sáng tác vào một ngày khá "bình thường" (Bạn có thể dành một buổi tối cùng bạn bè nghe các bài quốc ca khác nhau trên YouTube và thử đoán xem bài nào là của nước nào). Ngay cả lời bài hát cũng gần như giống nhau khắp thế giới, thể hiện các quan niệm phổ biến về chính trị và lòng trung thành tập thể. Chẳng hạn, bạn nghĩ bài quốc ca dưới đây thuộc về nước nào (Tôi chỉ thay tên nước thành cụm từ chung chung "Đất nước tôi"):

Đất nước tôi, quê hương tôi
Mảnh đất nơi tôi đã đổ máu xương
Đây là nơi tôi đứng
Làm người lính gác đất mẹ.

Đất nước tôi, dân tộc tôi,
Đồng bào tôi và quê hương tôi,
Ta hãy ca vang
"Đất nước kết đoàn!"

Đất nước muôn năm,tổ quốc trường tồn,
Dân tộc tôi, quê hương tôi, toàn vẹn.
Xây dựng linh hồn, đánh thức xác thân,
Vì đất nước vĩ đại của tôi!

Đất nước vĩ đại của tôi, độc lập và tự do
Mái nhà và đất nước mà tôi yêu quý.

Đất nước vĩ đại của tôi, độc lập và tự do,
Đất nước vĩ đại muôn năm!

Câu trả lời là Indonesia. Nhưng bạn có ngạc nhiên không nếu tôi nói câu trả lời thật ra là Ba Lan, Nigeria hay Brazil?

Những lá quốc kỳ cũng thể hiện một sự tuân thủ quen thuộc. Với một ngoại lệ duy nhất, mọi lá cờ đều là những mảnh vải hình chữ nhật được tạo dấu ấn bằng một vốn màu sắc, sọc và hình khối cực kỳ hạn chế. Nepal là ngoại lệ duy nhất với lá cờ gồm hai hình tam giác. (Nhưng Nepal chưa bao giờ giành được một huy chương Olympic nào). Cờ Indonesia gồm một sọc đỏ trên một sọc trắng. Cờ Ba Lan có một sọc trắng trên một sọc đỏ. Cờ Monaco giống cờ Indonesia. Một người mù màu khó có thể nhận ra sự khác biệt giữa cờ của Bỉ, Chad, Bờ Biển Ngà, Pháp, Guinea, Ireland, Ý, Mali và Romania: chúng đều có ba sọc dọc với ba màu khác nhau.

Một số nước trên đã từng đánh nhau khốc liệt, nhưng thế kỷ 20 đầy biến động chỉ có ba kỳ thế vận hội từng bị hoãn bởi chiến tranh (vào năm 1916, 1940 và 1944). Vào năm 1980, Hoa Kỳ và một số nước đồng minh đã tẩy chay Thế vận hội Moscow; vào năm 1984, Liên Xô tẩy chay kỳ Olympic Los Angeles; trong một vài trường hợp khác, thế vận hội đứng ngay trung tâm một con bão chính trị (đáng chú ý nhất là năm 1936, khi Berlin phát xít tổ chức Olympic, và năm 1972, khi những phần tử khủng bố người Palestine tấn công đoàn Israel đến dự Thế vận hội Munich). Thế nhưng nhìn chung, các mâu thuẫn chính trị không làm kế hoạch Olympic trệch khỏi đường ray.

Giờ hãy quay ngược lại 1.000 năm. Giả sử bạn muốn tổ chức một thế vận hội Trung cổ ở Rio vào năm 1016. Hãy tạm quên Rio lúc ấy chỉ là một ngôi làng nhỏ toàn người Anh-điêng Tupi; người châu Á, châu Phi và châu Âu thậm chí còn không biết đến sự tồn tại của châu Mỹ. Quên luôn các vấn đề như việc đi lại để đưa tất cả các vận động viên hàng đầu thế giới đến Rio khi không có máy bay. Cũng quên luôn là có rất ít môn thể thao được chơi khắp thế giới; ngay cả nếu mọi người đều biết chạy thì không phải ai cũng có thể đồng thuận các luật lệ chung cho một cuộc thi chạy. Chỉ cần bạn tự hỏi làm thế nào chia nhóm các đoàn thi đấu thôi, ủy ban Olympic Quốc tế dành vô số thì giờ bàn luận về vấn đề Đài Loan và vấn

đề Palestine. Nhân số giờ này lên 10.000 lần để hình dung số giờ bạn sẽ phải dành ra hòng giải quyết các vấn đề chính trị của Olympic Trung cổ.

Để mở đầu vấn đề này, vào năm 1016, nhà Tống Trung Hoa không công nhận bất cứ thể chế chính trị nào trên Trái đất là ngang hàng với mình. Do đó, sẽ là một sự lăng nhục không thể hiểu nổi nếu cho đoàn Olympic của họ một địa vị tương đương với đoàn Cao Ly (Hàn Quốc) hay Đại cồ Việt (Việt Nam), chưa kể các đoàn "man di" từ bên kia đại dương.

Kha-líp ở Baghdad cũng tự xưng bá chủ toàn cầu và hầu hết người Hồi dòng Sunni công nhận ông là lãnh đạo tối cao của họ. Tuy nhiên, về mặt thực tế, kha-líp thậm chí chưa cai trị được thành Baghdad. Thế thì liệu tất cả các vận động viên dòng Sunni đứng vào cùng một đoàn Hồi giáo duy nhất hay nên chia thành hàng chục đoàn từ vô số các tiểu vương quốc thuộc thế giới Hồi giáo Sunni? Nhưng tại sao lại dừng lại ở các tiểu vương quốc? Sa mạc Ả Rập đầy rẫy các bộ lạc Bedouin tự do, không công nhận bất cứ vị chúa tể nào ngoài Đấng Allah. Mỗi bộ lạc ấy có được gửi đến một đoàn độc lập để thi đấu môn bắn cung hay đua lạc đà không? Châu Âu cũng sẽ khiến bạn đau đầu. Liệu một vận động viên đến từ thị trấn Ivry của người Norman sẽ thi đấu dưới lá cờ của bá tước Ivry địa phương hay của đức ngài công tước xứ Normandy, hay có lẽ là cờ của vua Pháp nhu nhược?

Nhiều thể chế chính trị trong số này đã xuất hiện rồi biến mất chỉ trong vài năm. Khi bạn đang hoàn tất các bước chuẩn bị cho Olympic 1016, bạn không thể biết trước đoàn nào sẽ đến vì chẳng ai dám chắc thể chế chính trị nào sẽ vẫn tồn tại vào năm tới. Nếu vương quốc Anh cử một đoàn đến dự Olympic 1016 thì khi các vận động viên cầm huy chương quay về, họ sẽ phát hiện ra người Đan Mạch vừa chiếm được London và nước Anh đã bị sáp nhập vào Đế chế Bắc Hải của vua Knud Đại đế cùng với Đan Mạch, Na Uy và một số vùng của Thụy Điển. Trong khoảng hai mươi năm nữa, đế chế đó tan rã; nhưng ba mươi năm sau, nước Anh bị chinh phục một lần nữa bởi công tước Normandy.

Không cần nói cũng biết, phần đông các thể chế chính trị sớm nở tối tàn này không có quốc ca để hát lên hay quốc kỳ để kéo. Các biểu tượng chính trị dĩ nhiên rất quan trọng, nhưng ngôn ngữ biểu tượng của chính trị châu Âu rất khác vối ngôn ngữ biểu tượng của chính trị Indonesia, Trung

Hoa hay Tupi. Đồng thuận một nghi thức ngoại giao chung về ăn mừng chiến thắng cũng sẽ là một việc gần như bất khả.

Thế nên khi bạn xem Thế vận hội Tokyo năm 2020, hãy nhớ rằng thứ có vẻ như là ganh đua giữa các quốc gia này thực ra là một sự đồng thuận toàn cầu đáng kinh ngạc. Với tất cả niềm tự hào dân tộc mà người ta cảm thấy khi đoàn của họ giành một huy chương vàng và quốc kỳ của họ được kéo lên, chúng ta có một lý do lớn hơn nhiều để cảm thấy tự hào khi nhân loại có thể tổ chức được một sự kiện như vậy.

—ooOoo—

MỘT ĐÔ LA SẼ THỐNG TRỊ TẤT CẢ

TRONG THỜI tiền hiện đại, con người đã thử nghiệm không chỉ các hệ thống chính trị đa dạng mà cả một loạt mô hình mẫu kinh tế nhiều đến sửng sốt. Các quý tộc Nga, các hoàng tử Hindu, các quan lại Trung Hoa và các tù trưởng Anh-điêng có những ý tưởng rất khác nhau về tiền bạc, thương mại, thuế khóa và nhân công. Ngày nay, trái lại, gần như mọi người đều tin vào những phiên bản hơi khác nhau của cùng một hệ tư bản và chúng ta là các bánh răng trong một dây chuyền sản xuất toàn cầu duy nhất. Dù bạn sống ở Congo hay Mông cổ, ở New Zealand hay Bolivia, các hoạt động thường ngày và vận hội kinh tế của bạn đều lệ thuộc vào các lý thuyết kinh tế, các tập đoàn và ngân hàng, cũng như các dòng vốn giống nhau. Nếu các bộ trưởng tài chính của Israel và Iran ăn trưa cùng nhau, họ sẽ có một ngôn ngữ kinh tế chung và có thể dễ dàng hiểu cũng như thông cảm những nỗi phiền muộn của nhau.

Khi Nhà nước Hồi giáo chinh phục những khu vực rộng lớn Syria và Iraq, chúng tàn sát hàng chục ngàn người, phá hủy các địa điểm khảo cổ, kéo đổ các bức tượng và phá hủy một cách có hệ thống các biểu tượng của các thể chế trước đó và của ảnh hưởng văn hóa phương Tây. Nhưng khi các chiến binh của chúng đột nhập vào các ngân hàng địa phương và thấy ở đó hàng chồng đô la Mỹ in hình cắc tổng thống Mỹ và những khẩu hiệu

bằng tiếng Anh ca ngợi các lý tưởng chính trị và tôn giáo Mỹ, chúng đã không đốt các biểu tượng của chủ nghĩa đế quốc Mỹ này. Vì đồng đô la được "tôn sùng" trên phạm vi toàn cầu, vượt qua các ranh giới chính trị và tôn giáo. Dù nó không có giá trị nội tại nào, bạn không thể ăn hay uống một tờ đô la, niềm tin vào đồng tiền ấy và vào sự khôn ngoan của Cục Dự trữ Liên bang vững chắc đến nỗi ngay cả các kẻ Hồi giáo chính tông, các trùm ma túy Mexico và các nhà lãnh đạo Bắc Hàn cũng tin vào nó.

Thế nhưng sự đồng nhất của nhân loại hiện nay là rõ ràng nhất khi ta nói đến quan điểm của mình về thế giới tự nhiên và cơ thể người. Nếu bạn ngã bệnh cách đây một nghìn năm, việc bạn ở đâu cực kỳ quan trọng. Ở châu Âu, thầy tu ở nơi bạn sinh sống có lẽ sẽ nói với bạn rằng bạn đã làm Chúa tức giận, và để lấy lại sức khỏe, bạn nên quyên cúng gì đó cho nhà thờ, làm một chuyến hành hương đến một địa điểm linh thiêng và cầu nguyện tha thiết để Chúa tha thứ. Hoặc bà phù thủy trong làng sẽ giải thích là có một con quỷ đã nhập vào bạn và bà ta sẽ đuổi nó đi bằng cách ca hát, nhảy múa và máu của một con gà trống choai đen.

Ở Trung Đông, các bác sĩ được dạy dỗ theo truyền thống có thể giải thích là bốn thể dịch cơ thể bạn đang mất cân bằng và bạn nên làm chúng hài hòa trở lại bằng một chế độ ăn tử tế và những liều thuốc bốc mùi. Ở Ấn Độ, các chuyên gia Ayurveda sẽ đưa ra những lý thuyết riêng liên quan đến sự cân bằng giữa ba yếu tố cơ thể gọi là dosha và gợi ý một liệu trình gồm các loại thảo dược, mát xa và các tư thế yoga. Các thầy thuốc Trung Hoa, các shaman Siberia, các bác sĩ-phù thủy châu Phi, các thầy thuốc Anh-điêng, mỗi đế chế, vương quốc và bộ lạc lại có những truyền thống và chuyên gia của mình, mỗi bên đưa ra các cách nhìn khác nhau về cơ thể người và bản chất của bệnh tật, mỗi bên đề xuất một hệ thống vô số những nghi thức, thuốc men và cách chữa trị riêng. Một số có tác dụng tốt đến kinh ngạc, số khác chẳng khác gì một án tử. Điểm duy nhất "thống nhất" các thực hành y khoa châu Âu, Trung Hoa, châu Phi và châu Mỹ là ở khắp nơi, ít nhất là một phần ba trẻ em chết trước tuổi trưởng thành và tuổi thọ trung bình còn xa mới đạt tới 50 tuổi.

Ngày nay, nếu vô tình ngã bệnh, việc bạn ở đâu không khiến tình hình khác nhau là mấy. Ở Toronto, Tokyo, Tehran hay Tel Aviv, bạn sẽ được đưa đến các bệnh viện trông na ná nhau, nơi bạn sẽ gặp các bác sĩ mặc áo trắng cùng học những lý thuyết khoa học giống nhau trong các trường đại học y

khoa như nhau. Họ sẽ tuân theo các quy trình giống nhau và sử dụng các xét nghiệm giống nhau để đưa ra các chẩn đoán rất tương đồng. Sau đó họ sẽ phát những loại thuốc y hệt được sản xuất bởi các công ty dược phẩm quốc tế như nhau, vẫn có một số khác biệt văn hóa nho nhỏ nhưng các bác sĩ Canada, Nhật Bản, Iran và Israel có phần lớn quan điểm về cơ thể người và các bệnh ở người là giống nhau. Sau khi Nhà nước Hồi giáo chiếm được Raqqa và Mosul, chúng không phá hủy các bệnh viện địa phương. Thay vào đó, chúng phát đi lời khẩn cầu các bác sĩ và y tá Hồi giáo khắp nơi trên thế giới tình nguyện đến phục vụ tại đó. Hẳn là cả các bác sĩ và y tá theo chủ nghĩa Hồi giáo cũng tin cơ thể được tạo ra từ các tế bào và các mầm bệnh gây ra bệnh tật, còn kháng sinh thì giết được vi khuẩn chứ.

Và điều gì tạo nên những tế bào và vi khuẩn này? Thực ra, điều gì tạo nên cả thế giới? Một ngàn năm trước mỗi nền văn hóa có câu chuyện riêng về vũ trụ, và về các nguyên tố cơ bản của nồi lẩu vũ trụ. Ngày nay, những người được học hành khắp nơi trên thế giới tin chính xác cùng những điều giống nhau về vật chất, năng lượng, thời gian và không gian. Chẳng hạn như các chương trình hạt nhân của Iran và Bắc Hàn. Toàn bộ vấn đề nằm ở chỗ cả người Iran và người Bắc Hàn đều có quan điểm vật lý giống hệt người Israel và người Mỹ. Nếu người Iran và người Bắc Hàn tin rằng $E = mc^4$, Israel và Mỹ sẽ không mảy may quan tâm đến các chương trình hạt nhân của họ.

Con người vẫn có các tôn giáo và bản sắc dân tộc khác nhau. Nhưng khi nói đến những thứ thực tế như làm thế nào để xây dựng một quốc gia, một nền kinh tế, một bệnh viện hay một quả bom, hầu hết chúng ta đều thuộc về một nền văn minh. Có những bất đồng, không nghi ngờ gì cả, nhưng mọi nền văn minh đều có các mâu thuẫn nội tại của chúng. Thực sự là các mâu thuẫn đó định hình nên chúng ta. Khi thử tìm bản sắc của mình, người ta thường tạo một danh sách kiểu “các món đồ cần mua” gồm các đặc điểm phổ biến. Đấy là một sai lầm. Họ sẽ làm tốt hơn rất nhiều nếu đưa ra một danh sách các mâu thuẫn và khó khăn thường gặp. Chẳng hạn, vào năm 1618, châu Âu không có một bản sắc tôn giáo chung: bản sắc ấy được định hình bởi mâu thuẫn tôn giáo. Là một người châu Âu vào năm 1618 nghĩa là bạn bị ám ảnh với những sự khác biệt giáo lý tí xíu giữa Cơ Đốc và Tin Lành hay giữa thuyết Calvin và thuyết Luther, đồng thời sẵn sàng chém giết và bị sát hại vì những sự khác biệt đó. Nếu một người năm

1618 không quan tâm đến những mâu thuẫn này, người đó có lẽ sẽ là một người Turk hay người Hindu, nhưng chắc chắn không phải người châu Âu.

Tương tự, vào năm 1940, Anh và Đức có các giá trị chính trị rất khác nhau nhưng chúng đều là một phần của "nền văn minh châu Âu". Hitler không kém "châu Âu" hơn Churchill. Thực ra, chính sự đấu tranh giữa hai người đã xác định thế nào là một người châu Âu vào thời điểm đặc biệt đó của lịch sử. Trái lại, một người săn bắt-hái lượm thuộc bộ lạc !Kung[10] năm 1940 không phải là người châu Âu vì cuộc xung đột nội tại của châu Âu về chủng tộc và đế chế sẽ không mấy ý nghĩa với anh ta.

Chúng ta tranh cãi nhiều nhất là với các thành viên trong gia đình. Bản sắc của chúng ta được định nghĩa bởi mâu thuẫn và các thế lưỡng nan nhiều hơn là những sự đồng thuận. Là một người châu Âu vào năm 2018 nghĩa là gì? Không phải là da trắng, tin vào Chúa Jesus hay tôn vinh tự do. Mà là tranh cãi kịch liệt về vấn đề nhập cư, về Liên minh châu Âu và về các hạn chế của chủ nghĩa tư bản. Nó cũng có nghĩa là ám ảnh với câu hỏi dành cho bản thân: "Điều gì định nghĩa bản sắc của tôi?" và lo lắng về dân số đang già đi, về chủ nghĩa tiêu dùng tràn lan và về sự nóng lên toàn cầu. Trong các mâu thuẫn và thế lưỡng nan của mình, người châu Âu thế kỷ 21 khác hẳn các tổ tiên của họ vào năm 1618 và 1940, nhưng ngày càng giống với các đối tác thương mại Trung Quốc và Ấn Độ của họ.

Bất cứ thay đổi nào chờ đợi chúng ta trong tương lai cũng có nhiều khả năng liên quan đến một cuộc đấu tranh huynh đệ tương tàn bên trong một nền văn minh duy nhất thay cho một cuộc xung đột giữa các nền văn minh xa lạ. Những thử thách lớn của thế kỷ 21, về bản chất, là mang tính toàn cầu. Điều gì sẽ xảy ra khi biến đổi khí hậu châm ngòi cho các thảm họa sinh thái? Điều gì sẽ xảy ra khi máy tính vượt trội con người trong ngày càng nhiều nhiệm vụ và thay thế họ trong ngày càng nhiều việc làm? Điều gì sẽ xảy ra khi công nghệ sinh học cho phép chúng ta nâng cấp con người và kéo dài tuổi thọ? Không nghi ngờ gì nữa, chúng ta sẽ có những cuộc tranh cãi khổng lồ và những mâu thuẫn cay đắng về các câu hỏi này. Nhưng những cuộc tranh cãi và mâu thuẫn này ít có khả nàng tách biệt chúng ta với nhau. Hoàn toàn ngược lại. Chúng sẽ khiến ta ngày càng phụ thuộc vào nhau hơn bao giờ hết. Dù nhân loại còn lâu mới đạt được một cộng đồng hòa hợp, chúng ta đều là thành viên của một nền văn minh toàn cầu ồn ào náo loạn duy nhất.

Thế thì làm sao giải thích được làn sóng dân tộc chủ nghĩa đang quét khắp thế giới? Có lẽ trong cơn hăng hái toàn cầu hóa, chúng ta đã quá nhanh nhảu bỏ qua các quốc gia già nua, tốt đẹp chăng? Liệu một sự quay đầu về chủ nghĩa dân tộc truyền thống có là giải pháp cho các cuộc khủng hoảng toàn cầu tuyệt vọng của chúng ta? Nếu toàn cầu hóa mang theo nó nhiều vấn đề đến thế, sao không bỏ quách nó đi?



7

CHỦ NGHĨA DÂN TỘC



CÁC VẤN ĐỀ TOÀN CẦU CẦN CÂU TRẢ LỜI TOÀN CẦU

XEM NHƯ toàn thể nhân loại giờ chỉ cấu thành một nền văn minh duy nhất, với mọi người cùng chia sẻ những thử thách và cơ hội chung, thế thì tại sao người Anh, người Mỹ, người Nga và vô số các nhóm khác lại hướng tới sự tách biệt mang tính dân tộc chủ nghĩa? Liệu việc quay lại với chủ nghĩa dân tộc có mang lại những giải pháp thực sự cho các vấn đề chưa có tiền lệ của thế giới toàn cầu chúng ta, hay đó chỉ là một sự nuông chiều thoát ly thực tế, có thể sẽ nhấn chìm nhân loại và cả sinh quyển vào thảm họa?

Để trả lời câu hỏi này, đầu tiên chúng ta nên đập tan một huyền thoại phổ biến. Trái với hiểu biết thông thường, chủ nghĩa dân tộc không phải là một phần tự nhiên và vĩnh hằng của tâm lý con người; nó không có gốc rễ trong sinh lý con người. Đúng, con người là các động vật xã hội trăm phần trăm, với sự trung thành nhóm ấn định trong gien. Tuy nhiên, trong hàng trăm nghìn năm, *Homo sapiens* và các tổ tiên linh trưởng của mình đã sống trong các cộng đồng nhỏ mật thiết với số lượng không quá vài chục người. Con người dễ dàng phát triển lòng trung thành đối với các nhóm nhỏ mật thiết như một bộ lạc, một tiểu đội hay một công ty gia đình, nhưng khó mà nói việc con người trung thành với hàng triệu người hoàn toàn xa lạ là tự nhiên. Lòng trung thành đại chúng đó chỉ mới xuất hiện trong vài ngàn năm, trở lại đây - mới sáng hôm qua, nêu tính theo thuật ngữ tiến hóa - và nó đòi hỏi các nỗ lực cực lớn của cấu trúc xã hội.

Con người mất công xây dựng các quần thể có tính quốc gia vì họ vấp phải những thử thách mà không một bộ tộc riêng nào có thể giải quyết được. Thử lấy ví dụ là các bộ lạc cổ xưa sống dọc sông Nile hàng ngàn năm trước. Dòng sông là nguồn sống của họ. Nó tưới nước cho đồng ruộng và đưa hàng hóa đi khắp nơi. Nhưng nó là một "đồng minh" khó đoán. Quá ít nước và con người ta chết đói; quá nhiều nước và dòng sông tràn bờ, phá hủy xóm làng. Không một bộ tộc nào có thể giải quyết vấn đề này một mình vì mỗi bộ tộc chỉ sử dụng một phần nhỏ của dòng sông và chỉ có thể huy động không quá vài trăm nhân công. Chỉ một nỗ lực chung hòng xây dựng những con đập khổng lồ và đào hàng trăm kilomet kênh rạch mới có thể hy vọng chế ngự và khai thác con sông dữ. Đây là một trong những lý do các bộ lạc dần dần nhập thành một quốc gia duy nhất có sức mạnh xây đập và đào kênh, điều hòa dòng chảy con sông, xây các kho dự trữ lương thực đề phòng những năm đói kém và thiết lập một hệ thống giao thông, liên lạc rộng khắp.

Dù có nhiều lợi thế như vậy, việc chuyển đổi các bộ tộc và thị tộc thành một quốc gia duy nhất không bao giờ là dễ dàng, cổ đại hay hiện đại cũng vậy. Để nhận ra việc gắn mình với một quốc gia như vậy là khó như thế nào, bạn chỉ cần tự hỏi: "Mình có quen mấy người này không?" Tôi có thể kể tên hai người chị và mười một người anh em họ của mình, đồng thời dành cả ngày để nói về tính tình, thói quen và các mối quan hệ của họ. Tôi không thể kể tên tám triệu người có chung quốc tịch Israel như mình, tôi chưa bao giờ gặp hầu hết số đó và có rất ít khả năng gặp họ trong tương lai. Khả năng dù thế nào vẫn cảm thấy trung thành với đám đông mờ mịt này của tôi không phải là một di sản được truyền từ các tổ tiên săn bắt-hái lượm mà là một điều kỳ diệu trong lịch sử cận đại. Một nhà sinh vật học người Sao Hỏa chỉ quen nghiên cứu giải phẫu và tiến hóa của *Homo sapiens* sẽ không bao giờ đoán những con linh trưởng này có khả năng phát triển những liên kết cộng đồng với hàng triệu người xa lạ. Để thuyết phục được tôi trung thành với "Israel" và tám triệu người dân của nó, phong trào Phục Quốc và nhà nước Israel phải tạo ra một bộ máy khổng lồ bao gồm giáo dục, tuyên truyền và kêu gọi, cũng như các hệ thống quốc gia về an ninh, sức khỏe và phúc lợi.

Điều đó không có nghĩa là các kết nối dân tộc có gì sai. Những hệ thống khổng lồ không thể vận hành mà không có sự trung thành tập thể và

việc mở rộng vòng thấu cảm của con người chắc chắn có giá trị của nó. Các dạng thức ôn hòa hơn của chủ nghĩa ái quốc là một trong những sáng tạo nhân từ nhất của con người. Tin tưởng rằng dân tộc mình là độc đáo, rằng nó xứng đáng với lòng trung thành của mình và mình có những nghĩa vụ đặc biệt đối với các thành viên của nó tạo cảm hứng khiến tôi quan tâm đến người khác và hy sinh vì họ. Sẽ là một sai lầm nguy hiểm nếu tin rằng không có chủ nghĩa dân tộc, chúng ta tất thảy sẽ sống trong một thiên đường tự do. Khả năng cao là chúng ta sẽ sống trong con hỗn loạn giữa các bộ tộc. Các đất nước hòa bình, thịnh vượng và tự do như Thụy Điển, Đức và Thụy Sĩ đều có ý thức dân tộc vững vàng. Danh sách các quốc gia thiếu mối hên kết dân tộc mạnh bao gồm Afghanistan, Somalia, Congo và hầu hết các quốc gia thất bại khác.

Vấn đề bắt đầu khi chủ nghĩa ái quốc hiền hòa biến hình thành chủ nghĩa siêu ái quốc sô-vanh. Thay vì tin rằng dân tộc mình là độc đáo, điều hoàn toàn đúng với mọi dân tộc, tôi có thể bắt đầu cảm thấy dân tộc mình là thượng đẳng, rằng tôi nợ nó tất cả lòng trung thành của mình, rằng tôi không có nghĩa vụ đáng kể gì với bất cứ ai khác. Đây là mảnh đất màu mỡ cho các xung đột bạo lực, Suốt nhiều thế hệ, chỉ trích cơ bản nhất dành cho chủ nghĩa dân tộc là nó dẫn đến chiến tranh. Nhưng mối liên hệ giữa chủ nghĩa dân tộc và bạo lực không làm giảm đi sự thái quá của chủ nghĩa dân tộc, đặc biệt là khi mỗi quốc gia biện hộ cho việc phát triển quân sự bằng sự cần thiết phải bảo vệ đất nước chống lại mưu đồ cửa các nước láng giềng. Miễn là quốc gia mang lại cho hầu hết công dân của mình với các mức độ an ninh và thịnh vượng chưa từng có thì người dân sẵn sàng trả giá bằng máu. Trong thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, thỏa thuận này (giữa cá nhân và quốc gia) của chủ nghĩa dân tộc vẫn còn khá hấp dẫn. Mặc dù nó đang đưa đến các mâu thuẫn khủng khiếp trên phạm vi chưa từng có, các nhà nước hiện đại vẫn xây dựng các hệ thống y tế, giáo dục và phúc lợi khổng lồ. Dịch vụ y tế quốc gia khiến trận Passchendaele và trận Verdun có vẻ như xứng đáng.

Mọi thứ thay đổi vào năm 1945. Việc phát minh ra các vũ khí hạt nhân đã làm cân bằng của giao kèo dân tộc chủ nghĩa lệch đi. Sau Hiroshima, con người không còn sợ chủ nghĩa dân tộc sẽ dẫn đến chiến tranh đơn thuần nữa; họ bắt đầu sợ nó sẽ dẫn đến chiến tranh hạt nhân. Hủy diệt toàn cầu có cách riêng của nó để mài sắc tâm trí con người và nhờ công không nhỏ

của quả bom nguyên tử, điều bất khả đã xảy ra và "ông thần" dân tộc chủ nghĩa đã được nhét ít nhất là phân nửa vào lại cái "đèn". Cũng như những dân làng xưa thuộc châu thổ sông Nile từng chuyển một phần sự trung thành của mình từ các bộ lạc địa phương sang một vương quốc lớn hơn rất nhiều có khả năng chế ngự dòng sông dữ, trong thời đại hạt nhân, một cộng đồng toàn cầu dần phát triển vượt lên trên các quốc gia riêng biệt vì chỉ một cộng đồng như vậy mới có thể chế ngự con quái vật hạt nhân.

Trong chiến dịch tranh cử tổng thống Mỹ năm 1964, Lyndon B.Johnson cho phát sóng mẩu quảng cáo Hoa Cúc nổi tiếng một trong những màn tuyên truyền thành công nhất trong lịch sử truyền hình. Mẩu quảng cáo mở đầu bằng một cô bé vừa bứt từng cánh hoa cúc vừa đếm, nhưng khi cô bé đếm đến mười, một giọng nam giới nghe như tiếng kim loại cắt ngang, đếm ngược từ mười về không như trong một cuộc đếm phóng tên lửa. Khi đếm đến không, ánh sáng chói lòa của một vụ nổ hạt nhân tràn ngập màn hình và ứng viên Johnson nói với người dân Mỹ như sau: "Đây là tiền cược. Hoặc kiến tạo một thế giới trong đó mọi con dân của Chúa có thể sống, hoặc chìm vào bóng tối. Chúng ta hoặc phải yêu thương nhau, hoặc phải chết." Chúng ta thường gắn câu khẩu hiệu "làm tình, đừng gây chiến" với phong trào phản-văn hóa cuối thập niên 1960 nhưng trên thực tế, từ năm 1964, nó đã là một tư tưởng được thừa nhận ngay cả trong giới chính trị gia sừng sỏ như Johnson.

Do đó, trong cuộc Chiến tranh Lạnh, chủ nghĩa dân tộc nhường ghế đầu cho một cách tiếp cận chính trị quốc tế toàn cầu hơn, và khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, chủ nghĩa toàn cầu hóa có vẻ là làn sóng không thể cưỡng lại của tương lai. Người ta mong đợi nhân loại sẽ hoàn toàn để lại chủ nghĩa dân tộc ở phía sau, như một di tích của những thời kỳ nguyên thủy hơn có thể hấp dẫn cùng lắm là các cư dân kém hiểu biết của một vài quốc gia kém phát triển mà thôi. Tuy nhiên, các sự kiện trong những năm gần đây chứng tỏ rằng chủ nghĩa dân tộc vẫn còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến ngay cả các công dân của châu Âu và Hoa Kỳ, chưa kể đến Nga, Ấn Độ và Trung Quốc. Bị các lực lượng khách quan của chủ nghĩa tư bản toàn cầu làm cho lạc lõng và mang nỗi lo sợ về số phận của các hệ thống sức khỏe, giáo dục và phúc lợi quốc gia, con người ở khắp nơi trên thế giới đang tìm sự an ủi và ý nghĩa trong vòng tay của đất nước.

Thế nhưng câu hỏi được Johnson đưa ra trong mẫu quảng cáo Hoa Cúc ngày hôm nay thậm chí còn thích đáng hơn năm 1964. Liệu chúng ta sẽ xây dựng một thế giới trong đó mọi người có thể sống với nhau hay chúng ta sẽ cùng đi vào bóng tối? Donald Trump, Theresa May, Vladimir Putin, Narendra Modi và các cộng sự của họ có cứu được thế giới bằng cách thổi bùng lên các xúc cảm dân tộc chủ nghĩa của chúng ta hay cơn lũ dân tộc chủ nghĩa hiện nay là một dạng trốn chạy khỏi các vấn đề toàn cầu khó xử lý mà chúng ta đang đối mặt?

—ooOoo—

THỬ THÁCH HẠT NHÂN

HÃY BẮT đầu với sự báo ứng quen thuộc của nhân loại: chiến tranh hạt nhân. Khi quảng cáo Hoa Cúc phát sóng vào năm 1964, hai năm sau cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba, hủy diệt hạt nhân đã là một hiểm họa rõ ràng. Các nhà bình luận cũng như dân thường đều lo sợ rằng loài người không đủ khôn ngoan để tránh hủy diệt, chỉ là vấn đề thời gian trước khi Chiến tranh Lạnh chuyển sang cực kỳ đáng báo động. Trên thực tế, nhân loại đã đương đầu thành công với thử thách hạt nhân. Người Mỹ, người Xô-viết, người châu Âu và người Trung Quốc đã thay đổi cách mà địa chính trị được dẫn dắt trong nghìn năm, vậy nên Chiến tranh Lạnh đã kết thúc mà không có nhiều máu đổ, và một trật tự thế giới quốc tế mới đã nuôi dưỡng một kỷ nguyên hòa bình chưa từng có. Không chỉ tránh được chiến tranh hạt nhân, đủ loại chiến tranh cũng giảm. Từ năm 1945, số đường biên giới được vẽ lại thông qua các xung đột công khai lại ít đến đáng ngạc nhiên và hầu hết các quốc gia đã thôi sử dụng chiến tranh như một công cụ chính trị tiêu chuẩn. Vào năm 2016, dù có chiến tranh ở Syria, Ukraine và vài điểm nóng khác, số người chết vì bạo lực ít hơn vì béo phì, tai nạn xe hơi hay tự tử. Điều này có thể là thành tựu chính trị và đạo đức lớn nhất của thời đại chúng ta.

Thật không may, đến giờ chúng ta đã quá quen với thành tựu này đến nỗi chúng ta xem nó là đương nhiên. Đây là một phần lý do vì sao con người ta cho phép mình đùa với lửa. Nga và Hoa Kỳ gần đây đã bắt đầu một cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân mới, phát triển các cỗ máy hủy diệt mới đe dọa phá vỡ những cam kết phải vất vả lắm mới có được trong vài thập kỷ trước và đưa chúng ta trở lại bên bờ vực của hủy diệt hạt nhân. Trong khi đó, thường dân đã học được cách ngừng lo lắng và yêu mến quả bom (như bộ phim *Tiến sĩ Strangelove* đã gợi ý), hoặc đơn giản là quên luôn sự tồn tại của nó.

Do đó, cuộc tranh luận Brexit ở Anh, một cường quốc hạt nhân lớn, chủ yếu xoay quanh câu hỏi về kinh tế và nhập cư trong khi phần lớn đóng góp tối quan trọng của Liên minh châu Âu với nền hòa bình châu Âu và toàn cầu đã bị phớt lờ. Sau nhiều thế kỷ đổ máu khủng khiếp, người Pháp, người Đức, người Ý và người Anh cuối cùng đã xây dựng được một cơ chế đảm bảo hòa hợp toàn lục địa chỉ để dân thường tại Anh thọc gậy vào bánh xe cỗ máy kỳ diệu ấy.

Cực kỳ khó xây dựng một thể chế quốc tế ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân và bảo vệ hòa bình thế giới. Không nghi ngờ gì nữa, chúng ta cần phải sửa đổi thể chế này cho phù hợp với các điều kiện đang đổi thay của thế giới, chẳng hạn bớt dựa dẫm vào Hoa Kỳ và trao cho các cường quốc phi-phương Tây như Trung Quốc và Ấn Độ một vai trò lớn hơn. Nhưng từ bỏ hoàn toàn thể chế này và chuyển sang một nền chính trị cường quốc dân tộc chủ nghĩa sẽ là một canh bạc vô trách nhiệm. Đúng, trong thế kỷ 19, các nước đã chơi trò dân tộc chủ nghĩa mà không phá hoại nền văn minh con người. Nhưng đó là thời tiền-Hiroshima. Từ đó đến nay, số tiền đổ vào vũ khí hạt nhân đã táng và thay đổi bản chất nền tảng của chiến tranh và chính trị. Từ khi con người biết cách làm giàu uranium và plutonium, tồn vong của họ phụ thuộc vào việc ưu tiên phòng ngừa chiến tranh hạt nhân trên lợi ích của bất kỳ quốc gia cụ thể nào. Những người theo chủ nghĩa dân tộc nhiệt thành đang gào thét: "Nước chúng ta trước nhất!" nên tự hỏi liệu tự đất nước của họ, nếu không có một hệ thống hợp tác quốc tế lành mạnh, có thể bảo vệ thế giới, hay thậm chí là chính nó, khỏi hủy diệt hạt nhân không.

—ooOoo—

THỨ THÁCH SINH THÁI

NGOÀI CHIẾN tranh hạt nhân, trong các thập kỷ tới, nhân loại sẽ đối mặt với một hiểm, họa sống còn mới chưa hề có trên các ra-đa chính trị năm 1964: sụp đổ sinh thái. Con người đang làm mất cân bằng sinh quyển toàn cầu trong nhiều lĩnh vực. Chúng ta đang lấy đi ngày càng nhiều tài nguyên từ môi trường trong khi thải vào đó những lượng rác và chất độc khổng lồ, theo đó thay đổi thành phần đất, nước và khí quyển.

Chúng ta thậm chí còn không nhận thấy vô số cách ta phá vỡ sự cân bằng sinh thái mong manh đã được định hình qua hàng triệu năm. Thử lấy ví dụ việc sử dụng phốt-pho làm phân bón. Với lượng nhỏ, nó là một dưỡng chất thiết yếu cho sự phát triển của cây trồng. Nhưng với lượng lớn, nó trở thành độc tố. Trồng trọt quy mô công nghiệp hiện đại dựa vào việc bón phân nhân tạo cho đồng ruộng rất nhiều phốt-pho, nhưng lượng phốt-pho chảy ra từ các nông trại sau đó có thể "đầu độc" sông, hồ và đại dương, đồng thời có tác động hủy diệt sự sống biển. Như vậy, một nông dân trồng ngô ở Iowa có thể vô ý giết chết cá ở vịnh Mexico.

Kết quả của các hoạt động như vậy là các môi trường sống bị xuống cấp, động thực vật dần tuyệt chủng và các hệ sinh thái như rạn san hô Great Barrier tại úc và rừng mưa Amazon có thể bị phá hủy. Suốt hàng nghìn năm, *Homo sapiens* hành xử như một tên sát thủ hàng loạt của hệ sinh thái; giờ chúng đang biến hình thành một tên hủy diệt sinh thái. Nếu tiếp tục đi trên con đường hiện tại, chúng ta sẽ không chỉ hủy diệt một phần lớn mọi dạng sống mà còn có thể làm sụp đổ nền móng của văn minh con người.

Đáng sợ hơn cả là viễn cảnh biến đổi khí hậu. Con người đã ở đây vài trăm ngàn năm và đã tồn tại qua vô số kỷ băng hà cũng như các đợt nóng lên. Tuy nhiên, nông nghiệp, thành thị và các xã hội phức tạp chỉ mới tồn tại chưa đến 10.000 năm. Trong giai đoạn này, được gọi là thế Holocene, khí hậu Trái đất khá Ổn định. Bất cứ sai lệch nào so với các chuẩn của Holocene sẽ mang đến cho các xã hội loài người những thách thức khổng lồ mà họ chưa bao giờ gặp phải. Việc này sẽ như tiến hành một thí nghiệm ngỏ trên hàng triệu con chuột lang-người. Ngay cả khi văn minh loài người

cuối cùng cũng thích ứng được với các điều kiện mới, ai biết bao nhiêu nạn nhân sẽ bỏ mạng trong quá trình thích nghi.

Thí nghiệm khủng khiếp này đã bắt đầu. Không như chiến tranh hạt nhân, một khả năng trong tương lai, biến đổi khí hậu là một thực tế trong hiện tại. Giới khoa học đồng thuận rằng các hoạt động của con người, đặc biệt là sự phát thải các khí nhà kính như carbon dioxide, đang khiến khí hậu Trái đất thay đổi với một tốc độ đáng sợ. Không ai biết chính xác ta có thể tiếp tục bơm vào không khí bao nhiêu carbon dioxide mà không gây ra một cơn đại hồng thủy không thể đảo ngược. Nhưng càc dự đoán khoa học tốt nhất của chúng ta cho thấy nếu không cắt giảm mạnh lượng phát thải khí nhà kính trong hai chục năm tới, nhiệt độ toàn cầu trung bình sẽ tăng hơn 2°C, dẫn đến các sa mạc ngày càng mở rộng, các mỏm băng biến mất, các đại dương dâng cao và các hiện tượng thời tiết cực đoan như siêu bão và lốc xoáy xảy ra ngày một thường xuyên. Sau đó, các biến đổi này sẽ phá vỡ sản xuất nông nghiệp, gây ngập lụt các thành phố, khiến phần lớn thế giới trở nên không thể sinh sống được và đẩy hàng trăm triệu người tị nạn vào cuộc kiếm tìm nơi ở mới.

Hơn nữa, chúng ta đang nhanh chóng tiến đến một số điểm tới hạn, vượt qua chúng thì ngay cả sự tụt giảm đáng kể phát thải khí nhà kính cũng sẽ không đủ đảo ngược xu hướng và tránh một bi kịch toàn cầu. Chẳng hạn, khi nóng lên toàn cầu làm tan các tảng băng ở hai cực, ánh sáng mặt trời phản xạ từ Trái đất ra ngoài không gian sẽ ít đi. Điều này có nghĩa là hành tinh sẽ hấp thụ nhiều nhiệt hơn, nhiệt độ thậm chí còn tăng cao hơn và băng lại tan nhanh hơn. Một khi vòng lặp này vượt một ngưỡng nhất định, nó sẽ đạt tới cái đà không thể cưỡng nổi và tất cả băng ở các vùng cực sẽ tan hết, dù con người có dừng đốt than, khí và dầu. Do đó, nhận thức được mối hiểm họa chúng ta đang đối mặt là không đủ. Quan trọng là chúng ta thực sự làm một cái gì đó đối với vấn đề ấy *ngay bây giờ*.

Thật không may, đến năm 2018, thay vì giảm phát thải khí nhà kính, tốc độ phát thải toàn cầu vẫn đang tăng. Loài người còn rất ít thời gian để tự "cai" các nhiên liệu hóa thạch. Chúng ta cần vào trại cai nghiện ngay hôm nay. Không phải năm tới hay tháng tới, mà là hôm nay. "Xin chào, tôi là *Homo sapiens* và tôi là một con nghiện nhiên liệu hóa thạch".

Chủ nghĩa dân tộc thì vừa chỗ nào trong bức tranh đáng báo động này? Liệu có câu trả lời dân tộc chủ nghĩa nào cho hiểm họa sinh thái không? Liệu có bất kỳ quốc gia nào, dù hùng mạnh đến đâu, có thể một mình chấm dứt sự nóng lên toàn cầu? Các quốc gia riêng lẻ hẳn nhiên có thể áp dụng một loạt các chính sách xanh, nhiều chính sách trong số đó có hợp lý về mặt kinh tế cũng như môi trường. Các chính phủ có thể đánh thuế phát thải carbon, thêm chi phí môi trường vào giá xăng và dầu, áp dụng các quy định môi trường cứng rắn hơn, cắt giảm hỗ trợ cho các ngành công nghiệp gây ô nhiễm và khuyến khích chuyển sang năng lượng tái tạo. Họ cũng có thể đầu tư thêm tiền cho nghiên cứu và phát triển các công nghệ mang tính cách mạng thân thiện với môi trường, trong một dạng Dự án Manhattan[11] về sinh thái. Ta phải cảm ơn động cơ đốt trong về rất nhiều tiên bộ của 150 năm trở lại đây, nhưng nếu chúng ta muốn duy trì một môi trường vật chất và kinh tế ổn định thì bây giờ nó phải được "nghỉ hưu" và thay thế bằng các công nghệ mới không sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

Các đột phá công nghệ có thể giúp ích trong nhiều lĩnh vực khác, ngoài năng lượng. Thử xem xét khả năng phát triển "thịt sạch" mà xem. Hiện tại, ngành công nghiệp thịt không chỉ mang đến vô vàn khổ đau cho hàng tỷ sinh vật có cảm xúc mà còn là một trong những nguyên nhân chính của nóng lên toàn cầu, một trong những ngành tiêu thụ kháng sinh và chất độc chủ chốt, và một trong những ngành "tiên phong" trong việc gây ô nhiễm không khí, đất và nước. Theo một báo cáo năm 2013 của Viện Kỹ thuật Cơ khí, con người mất gần 15.000 lít nước sạch để sản xuất một kilogam thịt bò, so với 287 lít nước cần để sản xuất một kilogam khoai tây.

Áp lực lên môi trường nhiều khả năng sẽ ngày càng tồi tệ khi sự phồn thịnh ngày càng tăng ở các nước như Trung Quốc và Brazil cho phép hàng trăm triệu người nữa có thể chuyển từ ăn khoai tây sang ăn thịt bò một cách thường xuyên. Sẽ khó mà thuyết phục người Trung Quốc và người Brazil, chưa kể đến người Mỹ và người Đức, ngừng ăn bít-tết, hamburger và xúc xích. Nhưng nếu các kỹ sư có thể tìm cách "nuôi" thịt từ các tế bào thì sao? Nếu muốn ăn một cái hamburger, bạn chỉ cần "nuôi" một cái hamburger, thay vì nuôi và giết thịt cả một con bò (và vận chuyển cái xác hàng ngàn kilomet).

Điều này nghe có vẻ khoa học giả tưởng, nhưng chiếc hamburger sạch đầu tiên trên thế giới được nuôi trồng từ tế bào, rồi ăn, vào năm 2013. Nó

có giá 330.000 đô la. Bốn năm nghiên cứu và phát triển đẩy giá xuống còn 11 đô la một chiếc và trong khoảng một thập kỷ nữa, thịt sạch sản xuất quy mô công nghiệp được dự đoán sẽ rẻ hơn thịt giết mổ. Sự phát triển công nghệ này có thể cứu hàng tỷ con vật khỏi sự "cùng cực khốn khổ", có thể giúp nuôi sống hàng tỷ người suy dinh dưỡng và có thể cùng lúc giúp ngăn chặn sụp đổ sinh thái.

Cố rất nhiều việc mà các chính phủ, tập đoàn và cá nhân có thể làm để tránh biến đổi khí hậu. Nhưng để hiệu quả, chúng phải được thực hiện trên quy mô toàn cầu. Khi nói đến khí hậu các quốc gia đơn giản là không có chủ quyền. Họ đều chịu ảnh hưởng của những hành động mà những người cách nửa vòng Trái đất thực hiện. Cộng hòa Kiribati, một quốc đảo ở Thái Bình Dương, có thể giảm khí thải nhà kính xuống mức không nhưng vẫn bị nhấn chìm dưới các con sóng đang dâng lên nếu các quốc gia khác không làm theo. Chad có thể lắp các tấm pin năng lượng mặt trời lên mọi mái nhà khắp cả nước nhưng vẫn bị biến thành một sa mạc khô cằn vì các chính sách năng lượng vô trách nhiệm của những người nước ngoài xa xôi. Ngay cả các quốc gia hùng cường như Trung Quốc hay Nhật Bản cũng không "có chủ quyền" về sinh thái. Để bảo vệ Thượng Hải, Hồng Kông và Tokyo khỏi các trận lũ lụt và siêu bão tàn phá, người Nhật và người Trung Quốc sẽ phải thuyết phục chính phủ Nga và Mỹ từ bỏ cách tiếp cận "mũ ni che tai" của họ.

Chủ nghĩa cô lập dân tộc có lẽ còn nguy hiểm hơn trong bối cảnh biến đổi khí hậu so với chiến tranh hạt nhân. Một cuộc chiến hạt nhân toàn diện đe dọa phá hủy mọi quốc gia, thế nên mọi quốc gia đều có trách nhiệm phòng ngừa nó như nhau. Trái lại, nóng lên toàn cầu có lẽ sẽ tác động khác nhau lên các quốc gia khác nhau. Một số nước, đáng kể nhất là Nga, có thể còn được lợi từ nó. Nga có tương đối ít tài sản ven biển, do đó nó sẽ phải lo lắng về nước biển dâng ít hơn Trung Quốc hay Kiribati rất nhiều. Và trong khi nhiệt độ cao hơn rất có thể biến Chad thành sa mạc thì nó có thể dần biến Siberia thành vựa bánh mì của thế giới. Thêm nữa, khi băng tan ở vùng cực Bắc, các đường biển Bắc do Nga làm bá chủ có thể trở thành mạch máu giao thương của thế giới và Kamchatka có thể thay thế Singapore trở thành giao lộ thế giới.

Tương tự, thay thế nhiên liệu hóa thạch bằng các nguồn năng lượng tái tạo nhiều khả năng hấp dẫn với một số nước hơn các nước khác. Trung

Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc phụ thuộc vào việc nhập khẩu lượng dầu mỏ và khí đốt khổng lồ. Họ sẽ rất vui mừng nếu thoát được gánh nặng đó. Nga, Iran và Ả Rập Saudi phụ thuộc vào xuất khẩu hai mặt hàng trên. Nền kinh tế của họ sẽ sụp đổ nếu dầu mỏ và khí đốt đột ngột nhường chỗ cho mặt trời và gió.

Do đó, trong khi một số nước như Trung Quốc, Nhật Bản và Kiribati chắc chắn sẽ thúc đẩy mạnh mẽ để giảm phát thải khí nhà kính càng sớm càng tốt, các nước như Nga và Iran sẽ kém nhiệt tình hơn nhiều. Ngay tại các nước có thể thua thiệt nhiều do nóng lên toàn cầu, như Hoa Kỳ, các nhà dân tộc chủ nghia cùng có thể quá thiển cận và ích kỷ để hiểu dược mối nguy hiểm. Một ví dụ nhỏ nhưng rất đáng kể xảy ra vào tháng Một năm 2018, khi Hoa Kỳ áp mức thuế 30% lên các tấm pin và thiết bị năng lượng mặt trời sản xuất tại nước ngoài nhằm bảo vệ các nhà sản xuất năng lượng mặt trời Mỹ cho dù cái giá phải trả là làm chậm lại quá trình chuyển sang năng lượng tái tạo.

Một quả bom nguyên tử là một mối de dọa rõ ràng và thúc bách đến nỗi không ai có thể phớt lờ. Trái lại, nóng lên toàn cầu là một hiểm họa mơ hồ và kéo dài hơn nhiều. Do dó, mỗi khi các suy xét môi trường dài hạn đòi hỏi chút hy sinh ngắn hạn đau đớn, các nhà dân tộc chủ nghĩa có thể bị cám dỗ mà đặt lợi ích dân tộc tức thời lên đầu rồi tự trấn an mình rằng họ có thể lo cho môi trường sau, hoặc cứ để chuyện dó cho những người ở chỗ khác lo. Hoặc giả, họ có thể đơn giản phủ nhận vấn đề. Không phải là tình cờ mà những nghi ngờ về biến dổi khí hậu thường là "của riêng" của cánh hữu dân tộc chủ nghĩa. Bạn hiếm, khi thấy các nhà xã hội cánh tả tweet rằng "biến đổi khí hậu là trò lừa của Trung Quốc". Không có câu trả lời ở cấp quốc gia nào cho vấn đề nóng lên toàn cầu nên một số chính trị gia dân tộc chủ nghĩa thà tin rằng vấn đề không tồn tại.

—ooOoo—

THỬ THÁCH CÔNG NGHỆ

VẪN NHỮNG động lực đó nhiều khả năng sẽ phá hủy bất cứ liều thuốc giải dân tộc chủ nghĩa nào dành cho hiểm họa có tính sống còn thứ ba của thế kỷ 21: đứt gãy do công nghệ. Như chúng ta đã thấy trong các chương trước, sự hợp nhất của công nghệ thông tin và công nghệ sinh học mở cánh cửa đến một loạt viễn cảnh tận thế, từ các nền độc tài số cho đến sự ra đời của một tầng lớp VÔ DỤNG toàn cầu.

Câu trả lời của chủ nghĩa dân tộc cho những hiểm họa này là gì?

Không có câu trả lời chủ nghĩa dân tộc nào cả. Như trong trường hợp biến đổi khí hậu, đứt gãy do công nghệ cũng vậy; tầm quốc gia đơn giản không phải là khuôn khổ hợp lý để đánh giá vấn đề. Vì nghiên cứu và phát triển không phải là độc quyền của bất cứ quốc gia nào, ngay cả một cường quốc như Mỹ cũng không thể tự mình kiểm soát chúng. Việc chính phủ Mỹ cấm các phôi người bị điều chỉnh về mặt di truyền cũng không ngăn được các nhà khoa học Trung Quốc làm chuyện đó. Và nếu các phát triển tiếp theo mang lại cho Trung Quốc một lợi thế kinh tế hay quân sự thiết yếu, nước Mỹ sẽ bị cám dỗ phá vỡ lệnh cám của chính mình. Đặc biệt trong một thế giới bài ngoại và bất chấp thủ đoạn, ngay cả khi một quốc gia duy nhất chọn đi theo con đường công nghệ nguy cơ cao lợi ích lớn, các nước khác sẽ bị buộc phải làm theo vì không ai có thể trả nổi cái giá bị bỏ lại phía sau. Để tránh một cuộc đua bằng mọi giá như thế, loài người có lẽ sẽ cần một thứ bản sắc và lòng trung thành toàn cầu nào đó.

Hơn nữa, trong khi chiến tranh hạt nhân và biến đổi khí hậu đe dọa chỉ sự tồn tại về thể xác của con người, sự đứt gãy do các công nghệ gây ra có thể thay đổi chính bản chất của nhân loại và do đó vướng vào những niềm tin đạo đức và tôn giáo sâu sắc nhất của con người. Trong khi mọi người đều đồng ý là ta nên tránh chiến tranh hạt nhân và sụp đổ sinh thái, chúng ta lại có các ý kiến rất khác nhau về việc sử dụng công nghệ sinh học và AI để nâng cấp con người và tạo các dạng sống mới. Nếu loài người thất bại trong việc phát triển và áp dụng các chỉ dẫn đạo đức được công nhận trên toàn cầu, thì đó sẽ là cơ hội rộng mở cho tiến sĩ Frankenstein.

Khi nói đến việc đưa ra các chỉ dẫn đạo đức như vậy, chủ nghĩa dân tộc kém cỏi hơn hết thảy ở chỗ thiếu trí tưởng tượng. Các nhà dân tộc chủ nghĩa nghĩ theo hướng các mâu thuẫn lãnh thổ kéo dài vài thế kỷ, trong khi các cuộc cách mạng công nghệ của thế kỷ 21 thật ra nên được hiểu theo

tầm vũ trụ. Sau bốn tỷ năm sự sống hữu cơ tiến hóa theo chọn lọc tự nhiên, khoa học đang hướng vào một kỷ nguyên của sự sống vô cơ được thiết kế thông minh định hình.

Trong quá trình đó, chính *Homo sapiens* rất có thể sẽ biến mất. Ngày nay, chúng ta vẫn là những con linh trưởng thuộc họ Hominidae. Chúng ta vẫn có chung phần lớn cấu trúc cơ thể, năng lực thể chất và năng lực tinh thần với Neanderthal và tinh tinh. Không chỉ tay, mắt và não chúng ta đặc sệt Hominidae mà cả đam mê, tình yêu, sự tức giận và các liên kết xã hội của ta cũng thế. Chỉ trong một hoặc hai thế kỷ nữa, sự hợp nhất của công nghệ sinh học và AI có thể đem lại những đặc tính về thể chất và tinh thần hoàn toàn thoát khỏi cái khuôn Hominidae. Một số người tin rằng ý thức thậm chí sẽ bị cắt đứt khỏi bất cứ cấu trúc hữu cơ nào và có thể lướt trong không gian ảo độc lập mà không có bất kỳ rào cản sinh học và vật lý nào. Mặt khác, chúng ta có thể chứng kiến sự tách đôi hoàn toàn của trí tuệ và ý thức, và sự phát triển của AI có thể đưa đến một thế giới bị các thực thể siêu thông minh nhưng hoàn toàn không có ý thức thống trị.

Chủ nghĩa dân tộc Israel, Nga hay Pháp có gì để nói về chuyện này? Để đưa ra các lựa chọn thông minh cho tương lai của sự sống, chúng ta cần phải vượt rất xa tầm nhìn của chủ nghĩa dân tộc và nhìn mọi thứ từ một góc độ toàn cầu, thậm chí là vũ trụ.

—ooOoo—

CON TÀU VŨ TRỤ MANG TÊN TRÁI ĐẤT

CHỈ MỘT trong ba vấn đề này, chiến tranh hạt nhân, sụp đổ sinh thái và đứt gãy do công nghệ, đã đủ đe dọa tương lai của nền văn minh nhân loại. Nhưng cùng nhau, chúng cấu thành một khủng hoảng mang tính sống còn chưa từng có, đặc biệt là vì chúng rất có thể sẽ "trợ lực" và hợp nhất với nhau.

Chẳng hạn, mặc dù cuộc khủng hoảng sinh thái đe dọa sự tồn vong của nền văn minh nhân loại như ta đã biết, rất ít khả năng nó sẽ chặn đứng sự phát triển của AI và công nghệ sinh học. Nếu trông chờ các đại dương đang dâng cao, nguồn cung thực phẩm bị thu hẹp và các cuộc di cư khổng lồ sẽ làm phân tán sự tập trung của chúng ta khỏi các thuật toán và gien, chúng ta nên nghĩ lại. Khi cuộc khủng hoảng sinh thái nghiêm trọng hơn, sự phát triển các công nghệ nguy cơ cao, lợi ích lớn có thể sẽ tăng tốc.

Thực ra, biến đổi khí hậu có thể sẽ có tác dụng giống như hai cuộc thế chiến. Từ năm 1914 đến năm 1918 và một lần nữa từ năm 1939 đến năm 1945, tốc độ phát triển kỹ thuật đã tăng đột biến bởi các nước tham gia cuộc chiến tranh toàn diện đã bỏ qua mọi lời cảnh báo lẫn cơ cấu nền kinh tế mà đầu tư những nguồn lực cực kỳ lớn vào đủ loại dự án táo bạo và hoang đường. Nhiều dự án đã thất bại nhưng một số đã sản xuất ra xe tăng, ra-đa, khí độc, máy bay siêu thanh, tên lửa xuyên lục địa và bom nguyên tử. Tương tự, các quốc gia đang đối mặt với biến đổi khí hậu có thể bị cám dỗ mà đầu tư hy vọng của mình vào các canh bạc kỹ thuật đầy tuyệt vọng. Loài người có rất nhiều quan ngại chính đáng về AI và công nghệ sinh học, nhưng trong thời khủng hoảng, người ta làm những chuyện liều mạng. Mỗi khi bạn nghĩ về việc kiểm soát công nghệ đột phá, hãy tự hỏi liệu các quy định này có khả năng đứng vững nếu biến đổi khí hậu dẫn đến thiếu hụt lương thực toàn cầu, ngập lụt các thành phố trên khắp thế giới và đẩy hàng trăm triệu người phải vượt biên.

Đến lượt mình, sự đứt gãy do công nghệ gây ra cũng có thể gia tăng nguy cơ chiến tranh hủy diệt, không chỉ thông qua gia tăng căng thẳng toàn cầu mà còn do mất ổn định cán cân sức mạnh hạt nhân. Từ những năm 1950, các cường quốc tránh xung đột với nhau vì họ đều biết chiến tranh nghĩa là cầm chắc hủy diệt lẫn nhau. Nhưng khi các dạng vũ khí tấn công và phòng vệ mới xuất hiện, một cường quốc công nghệ đang lên có thể kết luận rằng mình có thể hủy diệt kẻ thù mà không hề bị thiệt hại. Trái lại, một cường quốc đang đi xuống có thể sợ rằng các vũ khí hạt nhân hiện có của mình sẽ sớm trở nên vô dụng, thế thì thà dùng chúng trước khi mất hết còn hơn. Theo truyền thống, các cuộc đối đầu hạt nhân giống một ván cờ siêu lý trí. Điều gì sẽ xảy ra khi các kỳ thủ có thể sử dụng các cuộc tấn công mạng để giành quyền kiểm soát các quân cờ của đối thủ, trong khi các bên

thứ ba nặc danh có thể di chuyển một con tốt mà không ai biết kẻ đang điều quân, hay khi AlphaZero tốt nghiệp từ cờ vua lên cờ hạt nhân?

Cũng như cách các thách thức khác nhau nhiều khả năng sẽ kết hợp với nhau, những thiện chí cần thiết để đối đầu với một thách thức có thể bị các vấn đề trên một mặt trận khác dập tắt. Các quốc gia mắc kẹt trong một cuộc chạy đua vũ trang rất khó đồng thuận trong việc hạn chế phát triển AI, và các quốc gia đang nỗ lực bỏ xa các thành tựu công nghệ của đối thủ sẽ thấy khó đồng tình với một kế hoạch chung hòng ngăn chặn biến đổi khí hậu. Hễ thế giới còn phân chia thành các quốc gia đối đầu, sẽ rất khó để cùng lúc vượt qua cả ba thách thức trên, mà thất bại chỉ trong một mặt trận thôi đã có thể là thảm họa.

Kết lại, làn sóng chủ nghĩa dân tộc đang quét qua thế giới không thể quay thế giới ngược về năm 1939 hay 1914. Công nghệ đã thay đổi mọi thứ bằng việc tạo ra một tập hợp các mối đe dọa sống còn trên phạm vì toàn cầu mà không một quốc gia nào có thể tự giải quyết. Một kẻ thù chung là chất xúc tác tốt nhất để rèn nên một bản sắc chung và loài người bây giờ đang có ít nhất ba kẻ thù như vậy: chiến tranh hạt nhân, biến đổi khí hậu và sự đứt gãy do công nghệ. Dù có các mối đe dọa chung như vậy mà loài ugười vẫn chọn ưu tiên lòng trung thành với quốc gia của mình lên trên tất cả các thứ khác, kết quả có thể sẽ còn tệ hơn năm 1914 và 1939 rất nhiều.

Một con đường tốt đẹp hơn nhiều đã được vạch ra trong Hiến chương của Liên minh châu Âu, nói rằng "trong khi tiếp tục tự hào về bản sắc và lịch sử quốc gia mình, các dân tộc châu Âu quyết tâm vượt qua những chia rẽ trước đây, sát lại gần nhau hơn nữa để cùng tạo nên một số phận chung". Điều này không có nghĩa là từ bỏ mọi bản sắc quốc gia, mọi truyền thống địa phương và biến nhân loại thành một khối "bầy nhầy xám xịt" đồng nhất. Nó cũng không có nghĩa là phỉ báng mọi biểu hiện của lòng ái quốc. Thực sự, bằng cách cung cấp một vỏ bọc bảo vệ quân sự và kinh tế xuyên lục địa, ta có thể nói là Liên minh châu Âu đang nuôi dưỡng lòng ái quốc bản địa ở các nơi như Handers, Lombardy, Catalan và Scotland. Ý tưởng xây dựng một Scotland hay Catalan độc lập trở nên hấp dẫn hơn khi bạn không còn phải sợ một cuộc xâm lược của người Đức và khi bạn có thể dựa vào một mặt trận châu Âu chung để đối phó với sự nóng lên toàn cầu và các tập đoàn đa quốc gia.

Các nhà dân tộc chủ nghĩa châu Âu do vậy đang rất bình tĩnh. Dù lải nhải rất nhiều về sự trở lại của quốc gia, rất ít người châu Âu thực sự dám giết và bị giết vì điều đó. Khi người Scotland tìm cách thoát khỏi gọng kìm của London vào thời William Wallace và Robert Bruce, họ phải xây dựng cả một đội quân để làm việc đó. Trái lại, không một người nào bị thiệt mạng trong cuộc trưng cầu Scotland năm 2014 và nếu lần tới người Scot bỏ phiếu giành độc lập, rất ít khả năng họ sẽ phải "diễn lại" trận Bannockbum. Nỗ lực của xứ Catalan hòng thoát khỏi Tây Ban Nha bạo lực hơn đáng kể, nhưng nó cũng kém xa cuộc tắm máu mà Barcelona phải gánh chịu vào năm 1939 hay năm 1714.

Phần còn lại của thế giới có thể học hỏi tấm gương châu Âu. Ngay cả một hành tinh thống nhất cũng vẫn có vô số chỗ trống cho kiểu yêu nước vốn ca tụng tính độc đáo của dân tộc mình và nhấn mạnh bổn phận đặc biệt của mình dành cho nó. Nhưng nếu chúng ta muốn tồn tại và phát triển, nhân loại không có nhiều lựa chọn mà phải bổ sung vào lòng trung thành mang tính cục bộ đó những bổn phận lớn lao dành cho một cộng đồng quốc tế. Một người có thể và nên trung thành với gia đình, láng giềng, công việc và tổ quốc của mình; thế thì sao ta không thêm cả nhân loại và hành tinh Trái đất vào danh sách đó? Đúng, khi ta có nhiều lòng trung thành, mâu thuẫn đôi khi là không tránh khỏi. Nhưng ai bảo cuộc sống là đơn giản nào? Hãy tự xử lý đi.

Trong các thế kỷ trước, bản sắc dân tộc được tạo ra vì con người phải đối mặt với các vấn đề và cơ hội vượt quá tầm vóc của các bộ lạc địa phương và chỉ có hợp tác toàn quốc mới mong giải quyết được. Trong thế kỷ 21, các quốc gia thấy mình ở hoàn cảnh giống hệt các bộ lạc: họ không còn là khung khuôn khổ hợp lý để giải quyết các thử thách quan trọng nhất của thời đại nữa. Chúng ta cần một bản sắc toàn cầu mới bởi vì các thể chế quốc gia không có khả năng giải quyết một loạt các vấn đề toàn cầu chưa từng có tiền lệ. Giờ chúng ta có một hệ sinh thái toàn cầu, một nền kinh tế toàn cầu và một nền khoa học toàn cầu; nhưng chúng ta vẫn còn mắc kẹt với các nền chính trị quốc gia. Sự bất xứng này ngăn không cho hệ thống chính trị giải quyết các vấn đề chính của chúng ta một cách hiệu quả. Để có một nền chính trị hữu hiệu, hoặc chúng ta phải phi toàn cầu hóa hệ sinh thái, nền kinh tế và cuộc "hành quân" của khoa học, hoặc chúng ta phải toàn cầu hóa nền chính trị của chúng ta. Vì phi toàn cầu hóa hệ sinh thái và

khoa học là bất khả, đồng thời cái giá phải phi toàn cầu hóa nền kinh tế có lẽ là quá cao, giải pháp thực sự duy nhất là toàn cầu hóa nền chính trị. Điều này không có nghĩa là thiết lập một "chính phủ toàn cầu", một viễn cảnh mơ hồ và thiếu thực tế. Thay vào đó, toàn cầu hóa nền chính trị có nghĩa là động cơ chính trị trong mỗi quốc gia, thậm chí là mỗi thành phố, cần phải đặt nặng hơn nữa các vấn đề và lợi ích toàn cầu.

Các cảm tính kiểu dân tộc chủ nghĩa hẳn không giúp gì nhiều cho việc đó. Thế thì có lẽ ta nên dựa vào các truyền thống tôn giáo phổ quát của nhân loại để giúp hợp nhất thế giới? Hàng trăm năm trước, các tôn giáo như Cơ Đốc và đạo Hồi đã nghĩ theo xu hướng toàn cầu thay vì địa phương và luôn rất hứng thú với các câu hỏi lớn của sự sống chứ không phải những tranh đấu chính trị của quốc gia này kia. Nhưng liệu các tôn giáo truyền thống có còn xác đáng? Chúng có còn giữ được sức mạnh định hình thế giới hay chỉ là những cổ vật vô hồn từ quá khứ, bị quyền lực tối cao của các nhà nước, các nền kinh tế và công nghệ hiện đại vung vãi mỗi nơi một chút?



8

TÔN GIÁO



CHÚA GIỜ PHỤNG SỰ QUỐC GIA

CHO ĐẾN giờ, các ý thức hệ hiện đại, các chuyên gia khoa học và các chính phủ quốc gia vẫn chưa thể tạo ra một tầm nhìn khả dĩ cho tương lai của nhân loại. Liệu một tầm nhìn như vậy có thể được rút ra từ những ngọn nguồn sâu thẳm của truyền thống tôn giáo? Có thể câu trả lời đã đợi ta bấy lâu nay giữa các trang Kinh Thánh, kinh Quran hay kinh Vệ Đà.

Những người vô thần hẳn sẽ phản ứng trước ý tưởng này bằng sự chế nhạo hay e sợ. Các văn bản thánh kinh có thể có lý vào thời Trung cổ, nhưng làm sao chúng có thể dẫn dắt chúng ta trong một kỷ nguyên của trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, nóng lên toàn cầu và chiến tranh mạng? Thế nhưng người vô thần lại thuộc thiểu số. Hàng tỷ người vẫn đặt niềm tin lớn lao vào kinh Quran và Kinh Thánh hơn là thuyết tiến hóa; các phong trào tôn giáo định hình chính trị của các nước đa dạng như Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ và Hoa Kỳ; và hận thù tôn giáo thổi bùng các mâu thuẫn từ Nigeria sang tới Philippines.

Thế thì các tôn giáo như Cơ Đốc giáo, Hồi giáo và Hindu giáo xác đáng đến mức nào? Liệu chúng có thể giúp chúng ta giải quyết các vấn đề chính mà ta đang gặp phải? Để hiểu vai trò của các tôn giáo truyền thống trong thế giới của thế kỷ 21, ta cần phân biệt ba dạng vấn đề:

1. Các vấn đề kỹ thuật. Chẳng hạn, các nông dân ở những đất nước khô hạn đối mặt với hạn hán nghiêm trọng do sự nóng lên toàn cầu gây ra như thế nào?

2. Các vấn đề chính sách. Chẳng hạn, chính quyền nên thực hiện các quyết sách gì để ngăn chặn nóng lên toàn cầu ngay từ đầu?
3. Các vấn đề bản sắc. Chẳng hạn, tôi có nên quan tâm các vấn đề của những nông dân ở phía bên kia thế giới hay chỉ cần quan tâm đến các vấn đề của những người thuộc bộ tộc và đất nước của tôi thôi?

Như chúng ta sẽ thấy trong các trang tiếp theo, các tôn giáo truyền thống phần lớn là không liên quan đến các vấn đề kỹ thuật hay chính sách. Trái lại, chúng lại cực kỳ liên quan đến các vấn đề về bản sắc; nhưng trong hầu hết các trường hợp, chúng góp một phần lớn vào vấn đề hơn là một giải pháp tiềm năng.

—ooOoo—

CÁC VẤN ĐỀ KỸ THUẬT: NỀN NÔNG NGHIỆP CƠ ĐỐC

VÀO THỜI tiền hiện đại, các tôn giáo chịu trách nhiệm giải quyết một loạt các vấn đề kỹ thuật trong những lĩnh vực tầm thường như nông nghiệp. Các lịch thánh quyết định lúc nào gieo trồng và lúc nào thu hoạch, còn các nghi lễ đền đài thì đảm bảo lượng mưa và bảo vệ mùa màng khỏi dịch bệnh. Khi một cuộc khủng hoảng nông nghiệp kéo tới do hạn hán hay nạn châu chấu, người nông dân quay sang các thầy tu để cầu khấn với các vị thần. Cả thuốc thang cũng rơi vào địa hạt tôn giáo. Gần như mọi nhà tiên tri, guru hay thầy cúng đều là thầy thuốc. Chẳng hạn như Chúa Jesus dành nhiều thời gian chữa lành người bệnh, giúp người mù sáng mắt, người câm biết nói và người điên tỉnh trí. Dù là bạn sống ở Ai Cập cổ đại hay châu Âu trung cổ, nếu bị ốm, chắc chắn bạn sẽ đến gặp thầy thuốc-phù thủy thay vì bác sĩ, và hành hương đến một ngôi đền nổi tiếng thay vì đến bệnh viện.

Đến thời cận đại, các nhà sinh học và các bác sĩ phẫu thuật đã giành mất công việc của các thầy tế và thầy cúng hô phong hoán vũ. Nếu lúc này Ai Cập bị nạn châu chấu tấn công, người Ai Cập có thể vẫn cầu Đấng

Allah cứu giúp - tại sao không? - nhưng họ sẽ không quên gọi các nhà hóa học, nhà nghiên cứu sâu bọ và nhà di truyền để phát triển các loại thuốc trừ sâu mạnh hơn và các giống lúa mì kháng côn trùng. Nếu con của tín đồ sùng đạo Hindu bị sởi nặng, người cha sẽ đọc một lời cầu khấn hướng đến thần Dhanvantari và dâng hương hoa tại ngôi đền trong làng; nhưng đó là chỉ sau khi ông đã khẩn trương đưa đứa trẻ đến bệnh viện gần nhất và tin tưởng gửi con mình cho các bác sĩ ở đó chăm sóc. Ngay cả các bệnh thần kinh, địa hạt cuối cùng của các thầy thuốc-tôn giáo, cũng đang dần được sang tay cho các nhà khoa học, khi khoa thần kinh học thay thế quỷ học và thuốc Prozac chiếm chỗ phép trừ tà.

Chiến thắng của khoa học toàn vẹn đến nỗi chính ý niệm của chúng ta về tôn giáo cũng đã thay đổi. Chúng ta không còn liên hệ tôn giáo với nông nghiệp và y khoa nữa. Ngay cả nhiều người mộ đạo giờ cũng "mắc chứng mất trí nhớ tập thể" và chọn cách quên đi việc các tôn giáo truyền thống từng giành quyền quyết định trong các địa hạt này. "Nếu chúng ta quay sang các kỹ sư và bác sĩ thì sao?" những người sùng đạo nói. "Điều đấy chẳng chứng minh được gì hết. Tôn giáo ngay từ đầu liên quan gì đến nông nghiệp và y khoa chứ?"

Tôn giáo truyền thống đã để mất đi quá nhiều lãnh địa vì nói trắng ra, tôn giáo không lấy gì làm giỏi giang trong nông nghiệp hay y tế. Chuyên môn thực sự của các thầy tu và guru, thật ra, chưa bao giờ là làm mưa, chữa bệnh, tiên tri hay pháp thuật. Thật ra, chuyên môn của họ luôn là diễn dịch. Thầy tu không phải là người biết cách nhảy điệu cầu mua và kết thúc hạn hán. Thầy tu là người biết cách biện minh cho việc điệu nhảy cầu mưa của mình thất bại và tại sao chúng ta phải tiếp tục tin vào vị thần của mình ngay cả khi ông ta có vẻ như mắt mù tai điếc trước những cầu nguyên của chúng ta.

Nhưng chính sự thiên tài trong diễn dịch khiến các thủ lĩnh tôn giáo mất lợi thế khi cạnh tranh với các nhà khoa học. Các nhà khoa học cũng rất biết cách đi tắt và bẻ cong bằng chứng, nhưng xét cho cùng, điểm sáng của khoa học là sẵn sàng thừa nhận thất bại và thử một cách khác. Đấy là lý do vì sao các nhà khoa học dần học được cách trồng trọt tốt hơn và làm ra các loại thuốc hiệu quả hơn, trong khi các thầy tu và guru chỉ học được cách kiếm cớ giỏi hơn. Qua nhiều thế kỷ, ngay cả những tín đồ thực thụ cũng đã thấy được sự khác biệt; đấy là lý do quyền hạn tôn giáo đã và

đang thu hẹp trong ngày càng nhiều lĩnh vực mang tính kỹ thuật. Đấy là lý do toàn thế giới đang ngày càng trở thành một nền văn minh duy nhất. Khi thứ gì đó thật sự hữu hiệu, con người ta sẽ chấp nhận chúng.

—ooOoo—

CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH: NỀN KINH TẾ HỒI GIÁO

TRONG KHI khoa học cho chúng ta những câu trả lời rành mạch về các vấn đề kỹ thuật như là làm sao để chữa bệnh sỏi, vẫn còn khá nhiều bất đồng giữa các nhà khoa học trong các câu hỏi về chính sách. Gần như mọi nhà khoa học đều đồng ý rằng nóng lên toàn cầu là sự thật, nhưng không có sự đồng thuận về phản ứng kinh tế tốt nhất đối với mối nguy này. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là các tôn giáo truyền thống có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề. Các bản kinh cổ đơn giản không phải là những chỉ dẫn tốt cho nền kinh tế hiện đại và những lằn ranh chính, chẳng hạn giữa các nhà tư bản và nhà xã hội, không trùng với sự phân chia giữa các tôn giáo truyền thống.

Đúng, trong các quốc gia như Israel và Iran, các giáo sĩ và lãnh tụ tối cao có tiếng nói trực tiếp trong sách lược kinh tế của chính phủ; thậm chí trong các quốc gia thế tục hơn như Hoa Kỳ và Brazil, các lãnh đạo tôn giáo cũng có ảnh hưởng đến ý kiến của công luận trong các vấn đề từ thuế khóa cho đến các quy định về môi trường. Thế nhưng nhìn kỹ hơn, ta sẽ thấy trong phần lớn những trường hợp này, các tôn giáo truyền thống thực ra chỉ chơi bè phụ so với các lý thuyết khoa học hiện đại. Khi lãnh tụ tối cao Khamenei cần đưa ra một quyết định tối quan trọng về nền kinh tế Iran, ngài sẽ không tìm thấy câu trả lời cần thiết trong kinh Quran vì những người Ả Rập thế kỷ thứ 7 biết rất ít về các vấn đề và cơ hội của những nền kinh tế công nghiệp hiện đại và các thị trường tài chính toàn cầu. Thế nên ngài, hay các cộng sự của ngài, phải quay sang Karl Marx, Milton Friedman, Friedrich Hayek và kinh tế học hiện đại để tìm câu trả lời. Sau

khi đã quyết định tăng lãi suất, giảm thuế, tư nhân hóa các ngành độc quyền của chính phủ hay ký một thỏa thuận thuế quan quốc tế, Khamenei sau đó có thể sử dụng các kiến thức và quyền hạn tôn giáo của mình để gói câu trả lời khoa học của mình trong lớp vải của câu này hay câu kia trong kinh Quran và trưng nó ra trước công chúng như thể đó là ý nguyện của bề trên. Nhưng vải bọc chẳng mấy quan trọng. Khi bạn so sánh các chính sách kinh tế của Iran thuộc dòng Shiite, Ả Rập Saudi thuộc dòng Sunni, Israel Do Thái, Ấn Độ Hindu và Mỹ Cơ Đốc, đơn giản là bạn không thấy có quá nhiều khác biệt.

Trong thế kỷ 19 và 20, các triết gia Hồi giáo, Do Thái giáo, Hindu giáo và Cơ Đốc giáo phê phán chủ nghĩa vật chất hiện đại, chủ nghĩa tư bản vô hồn và sự thừa thãi của nhà nước quan liêu. Họ hứa hẹn rằng chỉ cần cho họ một cơ hội, họ sẽ giải quyết mọi căn bệnh của thời hiện đại và thiết lập một hệ thống kinh tế-xã hội hoàn toàn khác biệt dựa trên các giá trị tinh thần trường tồn trong tín ngưỡng của họ. À thì họ đã được trao cho khá nhiều Cơ hội, và thay đổi đáng kể duy nhất họ tạo ra với công trình của các nền kinh tế hiện đại là sơn lại lớp vỏ ngoài và treo hình trăng lưỡi liềm, chữ thập, ngôi sao David hay ký hiệu Om (hay Aum) to tổ chảng lên mái nhà.

Giống trong trường hợp làm mưa, cũng vậy khi nói về kinh tế: chính chuyên môn được mài giũa lâu dài của các học giả tôn giáo trong việc tái diễn giải các văn tự đã khiến tôn giáo trở nên không còn xác đáng. Dù Khamenei có chọn chính sách kinh tế gì, ngài luôn có thể điều chỉnh nó cho hợp với kinh Quran. Do đó kinh Quran đã được hạ cấp từ một nguồn tri thức thực sự xuống thành một nguồn thẩm quyền đơn thuần. Khi bạn đối mặt với một thế kinh tế lưỡng nan, bạn đọc kỹ Marx và Hayek và họ sẽ giúp bạn hiểu hệ thống kinh tế rõ hơn, nhìn mọi thứ từ một góc độ khác và nghĩ về các giải pháp tiềm năng. Sau khi đã định hình được một câu trả lời, bạn quay sang kinh Quran, đọc thật kỹ để tìm một dòng kinh mà nếu được diễn giải đủ sáng tạo, có thể biện minh cho giải pháp mà bạn có được từ Hayek hay Marx. Dù giải pháp bạn tìm thấy là gì, nếu bạn là một học giả Quran giỏi, bạn sẽ luôn có thể biện minh cho nó.

Điều tương tự cũng đúng với đạo Cơ Đốc. Tín đồ Cơ Đốc có thể là một nhà tư bản dễ dàng chẳng kém gì việc là một người xã hội; và mặc dù một số thứ Jesus nói mang màu sắc chủ nghĩa cộng sản rõ rệt, trong Chiến

tranh Lạnh, các nhà tư bản Mỹ vẫn tiếp tục đọc "Bài giảng trên núi" mà không lấy gì làm phiền. Không có cái gì gọi là "nền kinh tế Cơ Đốc", "nền kinh tế Hồi giáo" hay "nền kinh tế Hindu".

Không phải là không có các ý tưởng kinh tế trong Kinh Thánh, kinh Quran hay kinh Vệ Đà; chỉ có điều các ý tưởng đó đã không hợp thời. Đọc kinh Vệ Đà khiến Mahatma Gandhi hình dung ra nước Ấn Độ độc lập như một tập hợp các cộng đồng nông nghiệp tự cung tự cấp, mỗi cộng đồng tự dệt lấy vải khadi, xuất khẩu ít và nhập khẩu còn ít hơn. Bức ảnh nổi tiếng nhất của ông chụp ông đang quay sợi bằng chính đôi tay mình và ông đã biến vòng quay sọi giản dị thành biểu tượng của phong trào đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ. Thế nhưng viễn cảnh điền viên này đơn giản là không tương thích với thực tế của kinh tế học hiện đại; do đó, chẳng sót lại gì nhiều ngoại trừ hình ảnh rạng rỡ của Gandhi trên hàng tỷ tờ rupee.

Các lý thuyết kinh tế hiện đại xác đáng hơn các giáo lý truyền thống đến nỗi việc diễn giải ngay cả các mâu thuẫn tưởng là nặng tính tôn giáo theo thuật ngữ kinh tế đã trở nên phổ biến, trong khi chẳng ai nghĩ đến chuyện làm điều ngược lại. Chẳng hạn, một số cho rằng các vấn đề ở Bắc Ireland giữa người Cơ Đốc và người Tin Lành phần lớn là do các mâu thuẫn giai cấp thổi bùng lên. Vì nhiều sự ngẫu nhiên khác nhau trong lịch sử mà ở Bắc Ireland, tầng lớp trên chủ yếu là người theo đạo Tin Lành và các tầng lớp dưới chủ yếu theo Cơ Đốc. Do đó, thứ mà ban đầu có vẻ là một mâu thuẫn mang tính chất ý thức hệ về bản chất Chúa Jesus thực tế lại là một cuộc vật lộn điển hình giữa những người có của và những kẻ bần cùng. Trái lại, rất ít người dám tuyên bố các mâu thuẫn giữa quân du kích và giới địa chủ tư bản ở Nam Mỹ vào những năm 1970 thực chất chỉ là vỏ bọc cho một sự bất đồng sâu xa hơn nhiều về ý thức hệ Cơ Đốc giáo.

Thế thì tôn giáo sẽ tạo nên sự khác biệt nào khi đối mặt với các câu hỏi lớn của thế kỷ 21? Thử xem xét câu hỏi về việc có nên cho AI quyền hạn đưa ra các quyết định về đời sống con người: chọn thứ bạn nên học, nơi bạn nên làm và người bạn nên cưới. Lập trường Hồi giáo đối với câu hỏi này là gì? Lập trường Do Thái giáo là gì? Chẳng có lập trường "Hồi giáo" hay "Do Thái giáo" gì ở đây hết. Con người chắc chắn sẽ phân thành hai phe chính: những người đồng ý cho AI quyền đáng kể và những người phản đối. Có khả năng ta sẽ tìm thấy người Do Thái và người Hồi giáo ở

cả hai phe và họ sẽ biện, minh cho bất cứ vị trí nào mà họ chọn bằng các diễn giải hết sức sáng tạo từ kinh Quran và kinh Talmud.

Dĩ nhiên, các nhóm tôn giáo có thể khiến các quan điểm của mình trở nên cứng nhắc trong một số vấn đề nhất định và biến chúng thành các giáo điều có vẻ là thiêng liêng hoặc vĩnh hằng. Vào những năm 1970, các nhà luân lý học ở châu Mỹ Latin đưa ra thuyết Tự do, khiến Jesus trông hơi giống Che Guevara. Tương tự, người ta có thể dễ dàng đưa Jesus vào cuộc tranh luận về nóng lên toàn cầu và khiến các lập trường chính trị hiện tại có vẻ như đã là những nguyên tắc tôn giáo bất di từ ngàn đời.

Điều này đã bắt đầu xảy ra. Việc phản đối các quy định về môi trường được đưa vào những bài giảng về Địa ngục của một số mục sư theo phái Phúc Âm của Mỹ, trong khi Giáo hoàng Francis đang dẫn đầu cuộc chiến đối phó sự nóng lên toàn cầu dưới danh Chúa (như lời chứng trong bài thông tri thứ hai của ngài, “Laudato si”). Thế nên có lẽ đến năm 2070, về vấn đề môi trường, việc bạn là người theo phái Phúc Âm hay Cơ Đốc sẽ là hoàn toàn khác biệt. Không cần nói cũng biết là những người theo phái Phúc Âm sẽ phản đối bất cứ sự hạn chế phát thải carbon nào, trong khi người Cơ Đốc sẽ tin rằng Chúa Jesus đã dạy họ phải bảo vệ môi trường.

Chúng ta sẽ thấy sự khác biệt ngay cả trong những chiếc xe của họ. Người Phúc Âm sẽ lái những chiếc SUV ngốn xăng nhu nước lã to đùng, trong khi người Cơ Đốc sẽ đi lại trong những chiếc xe điện gọn nhẹ với miếng dán trên cái giảm xóc ghi “Thiêu đốt hành tinh này, chết cháy trong Địa ngục!” Tuy nhiên, mặc dù họ có thể trích dẫn những đoạn khác nhau trong Kinh Thánh để bảo vệ lập trường của mình, nguồn gốc đích thực của sự khác biệt vẫn sẽ nằm ở các lý thuyết khoa học và phong trào chính trị hiện đại chứ không phải trong Kinh Thánh. Từ góc nhìn này, tôn giáo không thực sự có nhiều điều để đóng góp cho các cuộc tranh luận chính sách lớn của thời đại chúng ta. Như Karl Marx đã nói, nó chỉ là một lớp véc-ni thôi.

—ooOoo—

CÁC VẤN ĐỀ BẢN SẮC: NHỮNG DÒNG CHỮ TRÊN CÁT

MARX ĐÃ nói quá đi khi ông xem tôn giáo chỉ là một cấu trúc thượng tầng đơn thuần đang che phủ các lực lượng kỹ thuật và kinh tế hùng mạnh. Ngay cả nếu Hồi giáo, Hindu giáo hay Cơ Đốc giáo chỉ là những hình trang trí sặc sỡ trên một cấu trúc kinh tế hiện đại, thì con người vẫn thường đồng cảm với sự trang trí đó và bản sắc của con người là một lực lượng lịch sử tối quan trọng. Quyền lực của con người phụ thuộc vào hợp tác quy mô lớn và hợp tác quy mô lớn phụ thuộc vào việc tạo ra các bản sắc tập thể; mọi bản sắc tập thể đều dựa trên những câu chuyện tạo dựng, không phải là các sự thật khoa học hay thậm chí là sự cần thiết về kinh tế. Trong thế kỷ 21, việc phân chia con người thành người theo Do Thái giáo và theo Hồi giáo hay thành Nga và Ba Lan vẫn phụ thuộc các truyền thuyết tôn giáo. Các nỗ lực của phát xít và toàn trị hòng xác định một cách khoa học bản sắc của con người dựa trên chủng tộc và giai cấp hóa ra chỉ là ngụy khoa học nguy hiểm; từ đó đến nay, các nhà khoa học cực kỳ miễn cưỡng khi giúp định dạng bất cứ bản sắc "tự nhiên" nào cho con người.

Thế nên trong thế kỷ 21, tôn giáo không cầu được mưa, không chữa được bệnh, không làm ra bom; nhưng tôn giáo vẫn được quyết "chúng ta" là ai và ai là "họ", ta cần chữa trị cho ai và nên công kích ai. Như đã nói lúc trước, về thực tế mà nói thì sự khác biệt giữa Iran dòng Shiite, Ả Rập Saudi dòng Sunni và Israel Do Thái là ít đến đáng ngạc nhiên. Tất cả đều là các quốc gia hành chính, tất cả đều theo đuổi các chính sách ít nhiều là tư bản chủ nghĩa, tất cả đều tiêm vắc-xin phòng sởi cho trẻ em và dựa vào các nhà hóa học và vật lý học để tạo ra bom. Không có cái gọi là nền hành chính Shiite, nền tư bản Sunni hay vật lý Do Thái. Thế thì làm thế nào chúng ta khiến con người cảm thấy trung thành với một tộc người này và thù ghét tộc người khác?

Để vạch ra những đường biên rõ ràng trên những trảng cát biến động không ngừng của nhân loại, các tôn giáo sử dụng những nghi thức, trình tự hành lễ và nghi lễ. Người Shiite, Sunni và Do Thái chính thống mặc quần áo khác nhau, tụng những câu kinh khác nhau và tuân thủ những cấm kỵ

khác nhau. Các truyền thống tôn giáo khác biệt này thường khiến cuộc sống mỗi ngày đầy những sự đẹp đẽ và khuyến khích con người đối xử tử tế và rộng lượng hơn. Năm lần một ngày, giọng nói ngân lên của các thầy tu báo giờ vút lên trên những ồn ào của các khu chợ, văn phòng và nhà máy, gọi người Hồi tạm nghỉ ngơi khỏi những ồn ã của cuộc mưu sinh tầm thường và cố gắn kết với một chân lý vĩnh cửu. Những người hàng xóm theo Hindu giáo của họ có thể vươn đến mục đích tương tự với sự giúp đỡ của các buổi cầu nguyện và tụng kinh mỗi ngày. Hằng tuần, vào tối thứ Sáu, các gia đình Do Thái ngồi ăn một bữa ăn đặc biệt của niềm vui, sự tạ ơn và hòa hợp. Hai ngày sau, vào sáng Chủ nhật, các dàn đồng ca phúc âm Cơ Đốc mang hy vọng đến cho cuộc sống của hàng triệu người, giúp tạo dựng mối gắn kết cộng đồng của niềm tin và sự tương ái.

Một số tục lệ tôn giáo khác lại mang đến thế giới điều xấu xa và khiến con người hành xử nhẫn tâm. Chẳng hạn, có rất ít điều hay ho để ủng hộ cho thói coi thường phụ nữ hay phân biệt đẳng cấp được tôn giáo cổ xúy. Nhưng dù đẹp hay xấu, tất cả các truyền thống tôn giáo như vậy đều đoàn kết được những người nhất định và khiến họ khác biệt với hàng xóm láng giềng. Nhìn từ bên ngoài, các truyền thống tôn giáo chia cắt con người thường có vẻ rất nhỏ mọn và Freud đã chế giễu nỗi ám ảnh của con người về các vấn đề đó như "cơn ái kỷ của những khác biệt nhỏ mọn". Nhưng trong lịch sử và chính trị, những khác biệt nhỏ có thể mang ý nghĩa sống còn. Do đó, nếu là người đồng tính, việc bạn sống ở Israel, Iran hay Ả Rập Saudi là chuyện sống chết theo nghĩa đen. Ở Israel, cộng đồng LGBT được luật pháp bảo vệ, thậm chí một số giáo sĩ còn chúc phúc cho lễ cưới của hai phụ nữ. Ở Iran, người đồng tính bị khủng bố một cách có hệ thống và thậm chí bị xử tử. Ở Ả Rập Saudi, mãi đến năm 2018 thì người đồng tính nữ mới được lái ô tô, chỉ vì đó là một phụ nữ, chứ chưa nói đến là người đồng tính nữ.

Có lẽ ví dụ tốt nhất về quyền lực và tầm quan trọng tiếp diễn của các tôn giáo truyền thống trong thế giới hiện đại đến từ Nhật Bản. Vào năm 1853, một hạm đội Mỹ đã buộc Nhật Bản mở cửa với thế giới hiện đại. Để đáp trả, nhà nước Nhật bắt đầu một quá trình hiện đại hóa nhanh chóng và cực kỳ thành công. Chỉ trong vài thập kỷ, nó trở thành một quốc gia công quyền hùng mạnh dựa vào khoa học, chủ nghĩa tư bản và các công nghệ quân sự mới nhất để đánh bại Trung Quốc và Nga, chiếm đóng Đài Loan

và Hàn Quốc, cuối cùng là đánh chìm phần lớn hạm đội Mỹ tại Trân Châu Cảng và tiêu diệt các đế chế châu Âu ở Viễn Đông. Thế nhưng Nhật Bản đã không mù quáng sao chép phương Tây. Nó cực kỳ quyết tâm bảo vệ bản sắc độc đáo của mình và đảm bảo rằng người Nhật hiện đại sẽ trung thành với Nhật Bản thay vì với khoa học, tính hiện đại hay một cộng đồng toàn cầu mờ mịt nào đó.

Để đạt được mục đích đó, Nhật Bản nêu cao tôn giáo truyền thống của mình là Thần đạo (Shinto) như hòn đá tảng của bản sắc Nhật. Trên thực tế, nhà nước Nhật Bản đã làm mới Thần đạo. Thần đạo truyền thống là một tập hợp tạp loại gồm những đức tin duy linh vào vô số những vị thần, linh hồn và ma quỷ; mỗi ngôi làng và đền thờ đều có các linh hồn và truyền thống địa phương ưa thích của mình. Vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, nhà nước Nhật đã tạo ra một phiên bản chính thức của Thần đạo trong khi cấm nhiều truyền thống địa phương. Thứ "Thần đạo nhà nước" này được trộn lẫn với các ý tưởng hết sức hiện đại về dân tộc và chủng tộc mà giới tinh hoa Nhật Bản tuyển lựa từ những đế quốc châu Âu. Bất cứ yếu tố nào trong Phật giáo, Khổng giáo và phong kiến võ sĩ đạo có thể giúp củng cố sự trung thành với nhà nước đều được thêm vào hỗn hợp. Và sau cùng, "Thần đạo nhà nước" trân trọng cất giữ một nguyên tắc tối cao là thờ phụng Nhật hoàng, người được xem là hậu duệ trực tiếp của thần mặt trời Amaterasu và bản thân ngài chính là một vị thần sống.

Thoáng nhìn thì sự kết hợp kỳ dị cả cũ và mới này có vẻ là một lựa chọn cực kỳ bất hợp lý đối với một nhà nước đang dấn thân trên con đường tất dẫn đến hiện đại hóa. Một vị thần sống ư? Các linh hồn thần vật ư? Tinh túy phong kiến ư? Nghe giống một hệ thống tộc trưởng thời Đồ Đá mới hơn là một cường quốc công nghiệp hiện đại.

Nhưng nó lại hiệu quả như một phép mầu. Người Nhật hiện đại hóa với một tốc độ vũ bão trong khi cùng lúc phát triển một niềm trung thành cuồng tín với nhà nước của mình. Dấu hiệu thành công nổi tiếng nhất của "Thần đạo nhà nước" là việc Nhật Bản là cường quốc đầu tiên phát triển và sử dụng tên lửa dẫn đường chính xác. Nhiều thập kỷ trước khi Hoa Kỳ đưa ra chiến trường loại bom thông minh, và tại thời điểm nước Đức phát xít chỉ mới bắt đầu sử dụng mấy quả tên lửa V-2 ngu ngốc, Nhật đã đánh chìm hàng chục tàu Đồng Minh bằng các "tên lửa" dẫn đường chính xác, được biết đến với tên gọi kamikaze (tức Thần phong). Trong khi các vũ khí

dẫn đường chính xác hiện đại sử dụng máy tính chỉ dẫn thì kamikaze là những máy bay thông thường chất đầy chất nổ và do các phi công sẵn sàng nhận các nhiệm vụ “một đi không trở lại” điều khiển. Sự tự nguyện này là sản phẩm của tinh thần hy sinh bất chấp cái chết được Thần đạo nhà nước nuôi dưỡng. Kamikaze do đó dựa vào sự kết hợp “công nghệ đỉnh cao” với truyền bá tôn giáo đỉnh cao.

Dù biết hay không thì nhiều chính phủ ngày nay đang đi theo tấm gương của Nhật. Họ sử dụng các công cụ và cấu trúc toàn cầu trong khi dựa vào các tôn giáo truyền thống để bảo tồn một bản sắc dân tộc độc đáo. Vai trò của Thần đạo nhà nước ở Nhật Bản được hoàn thành đến một mức độ nào đó nhờ Chính thống giáo ở Nga, Thiên Chúa giáo ở Ba Lan, đạo Hồi dòng Shiite ở Iran, chủ nghĩa Wahhabi ở Ả Rập Saudi và Do Thái giáo ở Israel. Dù có vẻ cổ xưa đến đâu, chỉ cần một chút tưởng tượng và tái diễn dịch, tôn giáo gần như luôn có thể kết đôi với các món đồ công nghệ mới nhất và các thể chế hiện đại phức tạp nhất.

Trong một số trường hợp, các nhà nước tạo ra một hệ tư tưởng hoàn toàn mới để nuôi dưỡng bản sắc độc đáo của mình. Ngày nay, các ví dụ “thái quá” có thể thấy ở thuộc địa cũ của Nhật Bản là Bắc Hàn. Bắc Hàn truyền bá cho dân chúng của mình một hệ tư tưởng nhà nước có tên gọi là Juche (tức Chủ thể). Nó là một sự pha trộn giữa chủ nghĩa Marx-Lenin, một vài truyền thống cổ xưa của Triều Tiên, một niềm tin tuyệt đối về sự thuần khiết của chủng tộc Triều Tiên và sự thần thánh hóa dòng dõi gia đình lãnh đạo. Có lẽ nhận thức được đế chế Nhật Bản đã bị đánh bại như thế nào nên “Juche-giáo” Bắc Hàn đã từ lâu kiên quyết thêm vũ khí hạt nhân vào hỗn hợp trên, miêu tả sự phát triển của mình như một bổn phận thiêng liêng xứng đáng với những hy sinh tối thượng.

—ooOoo—

NGƯỜI NỮ TỲ CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC

DÙ CÔNG nghệ có phát triển như thế nào, chúng ta vẫn có thể hy vọng là các tranh luận về bản sắc và nghi lễ tôn giáo vẫn sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến việc sử dụng công nghệ mới và rất có thể vẫn giữ được sức mạnh thổi bùng thế giới. Các đầu đạn hạt nhân và bom “ảo” tối tân nhất có thể vẫn sẽ được sử dụng để dàn xếp một tranh luận mang tính học thuyết về các văn bản cổ xưa. Tôn giáo, nghi lễ và nghi thức sẽ vẫn quan trọng miễn là quyền lực của loài người vẫn còn phụ thuộc vào hợp tác quy mô lớn, và miễn là hợp tác quy mô lớn vẫn phụ thuộc vào niềm tin với các câu chuyện hoang đường chung.

Thật không may, tất cả những điều này khiến các tôn giáo truyền thống trở thành một phần của các vấn đề nhân loại, chứ không phải một phần giải pháp. Tôn giáo vẫn có rất nhiều sức mạnh chính trị vì nó có thể củng cố các bản sắc dân tộc và thậm chí có thể còn khơi mào cho Thế chiến thứ ba. Nhưng khi xét đến việc giải quyết thay vì đổ thêm dầu vào lửa cho các vấn đề toàn cầu của thế kỷ 21 thì có vẻ như nó chả mang lại gì nhiều. Mặc dù nhiều tôn giáo truyền thống tôn vinh các giá trị toàn cầu và tuyên bố mình có giá trị vũ trụ, hiện tại chúng vẫn được sử dụng chủ yếu với tư cách người “nữ tỳ” của chủ nghĩa dân tộc hiện đại, dù là ở Bắc Hàn, Nga, Iran hay Israel. Do đó, chúng khiến việc vượt qua các khác biệt dân tộc và tìm một giải pháp toàn cầu cho các nguy cơ về chiến tranh hạt nhân, sụp đổ sinh thái và đứt gãy do công nghệ thậm chí còn khó khăn hơn nữa.

Ví dụ như khi đối mặt với nóng lên toàn cầu hay leo thang hạt nhân, các giáo sĩ dòng Shiite có thể khuyến khích người Iran nhìn nhận các vấn đề này từ một góc nhìn kiểu Iran hạn hẹp, các giáo sĩ Do Thái khuyến khích người Israel quan tâm chủ yếu đến những gì tốt cho Israel và các thầy tu Chính thống giáo thúc giục người Nga nghĩ trước tiên và trên hết đến quyền lợi của nước Nga. Dĩ nhiên, có những nhà hiền triết tôn giáo phủ nhận những sự thái quá của chủ nghĩa dân tộc và đi theo những tầm nhìn toàn cầu hơn nhiều. Thật không may, những vị hiền triết như vậy ngày nay không có nhiều quyền lực chính trị.

Thế thì, chúng ta đã bị mắc kẹt, tiến thoái lưỡng nan. Nhân loại giờ đây cấu thành một nền văn minh duy nhất và các vấn đề như chiến tranh hạt nhân, sụp đổ sinh thái và đứt gãy do công nghệ chỉ có thể được giải quyết trên quy mô toàn cầu. Mặt khác, chủ nghĩa dân tộc và tôn giáo vẫn chia cắt

nền văn minh con người thành các phe phái khác nhau và thường là thù nghịch với nhau. Sự xung đột giữa các vấn đề toàn cầu và các bản sắc địa phương tự bộc lộ trong một cuộc khủng hoảng giờ đang bao vây thử nghiệm đa văn hóa vĩ đại nhất thế giới, Liên minh châu Âu. Được xây dựng trên lời hứa hẹn về các giá trị tự do phổ quát, EU hiện đang bên bờ vực tan rã do những khó khăn về hòa nhập và nhập cư.



9

NHẬP CƯ



MỘT SỐ NỀN VĂN HÓA CÓ THỂ TỐT HƠN NHỮNG NỀN VĂN HÓA KHÁC

MẶC DÙ toàn cầu hóa đã làm giảm đi đáng kể các khác biệt văn hóa trên khắp hành tinh, nó đồng thời khiến việc chạm mặt những người xa lạ và cảm giác khó chịu với sự khác biệt của họ trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Sự khác biệt giữa nước Anh Anglo-Saxon và Đế chế Pala Ấn Độ lớn hơn sự khác biệt giữa nước Anh hiện đại và Ấn Độ hiện đại rất nhiều; nhưng British Airways không có đường bay thẳng từ Delhi sang London vào thời vua Alfred Đại đế.

Khi ngày càng có nhiều người vượt qua ngày càng nhiều biên giới để tìm kiếm việc làm, sự an toàn và một tương lai tốt đẹp hơn, sự cần thiết phải đối đầu, hòa nhập hay loại bỏ những người xa lạ khiến các hệ thống chính trị và các bản sắc tập thể, vốn định hình trong những thời đại ít linh động hơn, trở nên cực kỳ căng thẳng. Không ở đâu mà vấn đề đó nhức nhối hơn ở châu Âu. Liên minh châu Âu được xây dựng trên lời hứa vượt qua các khác biệt văn hóa giữa người Pháp, người Đức, người Tây Ban Nha và người Hy Lạp. Nó có thể sẽ sụp đổ do không thể chứa đựng nổi sự khác biệt giữa người châu Âu và những người nhập cư từ châu Phi và Trung Đông. Mỉa mai thay, chính thành công của châu Âu trong việc xây dựng một hệ thống đa văn hóa phồn vinh đã thu hút nhiều người, nhập cư đến vậy ngay từ đầu. Người Syria muốn nhập cư vào Đức hơn là vào Ả Rập Saudi, Iran, Nga hay Nhật không phải vì Đức gần hơn hay giàu có hơn các địa điểm tiềm năng kia; đó là vì Đức có một lịch sử đón chào và thu nhận người, nhập cư tốt hơn nhiều.

Làn sóng người tị nạn và người nhập cư ngày càng lớn đưa đến các phản ứng khác nhau giữa những người châu Âu và làm nảy sinh những tranh luận gay gắt về bản sắc và tương lai của châu Âu. Một số người châu Âu. đòi hỏi châu Âu phải đóng sập cửa lại: họ đang phản bội các lý tưởng đa văn hóa và khoan hòa của châu Âu hay chỉ đang đi những bước đi hợp lẽ để ngăn ngừa thảm họa? Những người khác kêu gọi mở cửa rộng hơn nữa: họ đang trung thành với các giá trị cốt lõi của châu Âu hay đang mắc lỗi làm ì trệ dự án châu Âu bằng những kỳ vọng bất khả? Cuộc tranh luận về nhập cư này thường biến dạng thành một cuộc chiến gào thét chẳng ai nghe ai. Để làm rõ hơn vấn đề, có lẽ ta nên xem nhập cư như một thỏa thuận với ba điều khoản cơ bản:

- ĐIỀU KHOẢN 1: Nước chủ nhà cho phép người nhập cư vào.
- ĐIỀU KHOẢN 2: Đổi lại, người nhập cư phải tiếp nhận ít nhất là các quy tắc và giá trị cốt lõi của nước chủ nhà, ngay cả nếu điều đó có nghĩa là từ bỏ một số quy tắc và giá trị truyền thống của họ.
- ĐIỀU KHOẢN 3: Nếu người nhập cư hòa nhập đến một mức độ thỏa đáng, qua thời gian, họ trở thành các thành viên ngang hàng và đầy đủ tư cách của nước chủ nhà. "Họ" trở thành "chúng ta".

Ba điều khoản này đưa đến ba cuộc tranh luận khác biệt về ý nghĩa chính xác của từng điều khoản. Cuộc tranh luận thứ tư nữa liên quan đến việc thực hiện ba điều khoản. Khi tranh cãi về nhập cư, người ta thường lẫn lộn bốn cuộc tranh luận với nhau, thế nên không ai hiểu thực chất tranh cãi là về cái gì. Do đó tốt nhất ta nên xem xét từng cuộc tranh luận một cách riêng rẽ.

TRANH LUẬN 1: Điều khoản đầu tiên của thỏa thuận nhập cư đơn giản nói rằng nước chủ nhà cho phép người nhập cư vào. Nhưng điều này nên được hiểu là một bổn phận hay một sự ban ơn? Liệu nước chủ nhà có buộc phải mở cửa cho tất cả mọi người hay nó có quyền lựa chọn, thậm chí là ngừng cho nhập cư? Những người ủng hộ nhập cư hình như nghĩ rằng các nước có một bổn phận đạo đức phải đón nhận không chỉ những người tị nạn mà cả những người đến từ các vùng đất đói nghèo để tìm việc làm và một tương lai tốt đẹp hơn. Đặc biệt là trong một thế giới toàn cầu hóa, mọi người đều có bổn phận đạo đức đối với tất cả những người khác, và những

ai phủ nhận các bổn phận đó đều là những người ích kỷ, thậm chí là phân biệt chủng tộc.

Thêm nữa, những người ủng hộ nhập cư nhấn mạnh rằng không thể hoàn toàn ngăn nhập cư; dù ta có xây lên bao nhiêu bức tường, dựng lên bao nhiêu hàng rào, những con người khốn cùng vẫn luôn tìm được cách vượt qua. Thế nên thà hợp thức hóa nhập cư và giải quyết một cách minh bạch còn hơn tạo ra một thế giới ngầm rộng lớn của nạn buôn người, lao động trái phép và những đứa trẻ không có giấy tờ nhập cư hợp pháp.

Những người phản đối nhập cư đáp trả rằng nếu áp dụng các biện pháp đủ mạnh, bạn có thể hoàn toàn ngăn chặn nhập cư và có lẽ ngoại trừ trường hợp những người tị nạn chạy trốn các truy hại tàn bạo ở một nước láng giềng, bạn không bao giờ có nghĩa vụ mở cửa cả. Thổ Nhĩ Kỳ có thể có bổn phận đạo đức phải cho phép những người Syria tuyệt vọng vượt qua biên giới của mình; nhưng nếu những người tị nạn này sau đó cố đi tiếp sang Thụy Điển, người Thụy Điển không cần phải chấp nhận họ. Với những người nhập cư tìm kiếm việc làm và phúc lợi thì hoàn toàn tùy thuộc vào nước chủ nhà xem có cần họ không và với điều kiện nào.

Những người chống nhập cư nhấn mạnh rằng một trong những quyền cơ bản nhất của mỗi cộng đồng người là bảo vệ mình khỏi sự xâm lược, dù là dưới hình thức các đạo quân hay những người nhập cư. Người Thụy Điển đã làm việc cật lực và chịu vô số hy sinh để xây dựng một nền dân chủ tự do phồn thịnh; nếu người Syria thất bại khi làm việc tương tự thì đấy không phải là lỗi của người Thụy Điển. Nếu cử tri Thụy Điển không muốn có thêm người nhập cư Syria nữa, dù là vì lý do gì, thì từ chối nhập cư là quyền của họ. Và nếu họ có chấp nhận một số người nhập cư thì phải nói rất rõ rằng đấy là một ơn huệ mà Thụy Điển ban ra, chứ không phải là một bổn phận mà họ cần thực thi. Điều đó có nghĩa là những người nhập cư được cho vào Thụy Điển nên thấy cực kỳ biết ơn với bất cứ thứ gì mình nhận được, chứ không phải đến nơi cùng một danh sách các yêu cầu như thể đấy là nhà của họ.

Thêm nữa, những người chống nhập cư nói rằng một đất nước có thể đưa ra bất cứ chính sách nhập cư nào nó muốn. Nó có thể rà soát người nhập cư không chỉ để tìm lý lịch phạm tội hay khả năng nghề nghiệp, mà cả những thứ như tôn giáo. Nếu một nước như Israel chỉ muốn cho người Do

Thái vào và một nước như Ba Lan chỉ đồng ý cho người tị nạn Trung Đông với điều kiện họ theo Cơ Đốc giáo nhập cư, thì đồng ý là nó có vẻ không hay nhưng đấy hoàn toàn nằm trong quyền của cử tri Israel hay Ba Lan.

Thứ khiến vấn đề trở nên phức tạp là trong nhiều trường hợp, người ta lại muốn có tất cả mọi thứ cơ. Vô số quốc gia ngó lơ trước nạn nhập cư trái phép hay thậm chí chấp nhận lao động thời vụ người nước ngoài vì họ muốn hưởng lợi từ năng lượng, tài năng và lao động giá rẻ của nước ngoài. Tuy nhiên, các quốc gia đó lại từ chối hợp thức hóa địa vị của những người này, nói rằng họ đâu có muốn dân nhập cư. về lâu dài, điều này có thể tạo ra các xã hội phân chia thứ bậc, trong đó tầng lớp trên gồm các công dân hợp thức bóc lột tầng lớp dưới là những người nước ngoài bất lực, như đang xảy ra ngày nay ở Qatar và một số nước Vùng Vịnh khác.

Một khi cuộc tranh luận này chưa ngã ngũ, việc trả lời các câu hỏi tiếp theo về nhập cư là cực khó. Những người ủng hộ nhập cư nghĩ rằng ai cũng có quyền nhập cư vào một nước khác nếu họ muốn thế và các nước chủ nhà có nghĩa vụ đón nhận những người này nên họ phản ứng bằng một cơn giận dữ mang tính đạo đức khi quyền nhập cư của con người bị xâm phạm và khi các quốc gia thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ đón nhận đó. Các quan điểm như vậy khiến những người phản đối nhập cư kinh ngạc. Họ xem nhập cư là một ơn huệ và thu nhận là thiện ý. Tại sao lại buộc người khác tội phân biệt chủng tộc hay phát xít chỉ vì họ từ chối cho người khác nhập cảnh vào chính quốc gia của họ?

Dĩ nhiên, ngay cả nếu cho phép người nhập cư vào là ơn huệ hơn là nghĩa vụ, một khi người nhập cư đã an cư thì nước chủ nhà dần dà cũng sẽ nảy sinh vô số nghĩa vụ đối với họ và con cháu họ. Do đó, bạn không thể biện minh cho làn sóng bài Do Thái ở Mỹ ngày nay bằng cách lập luận rằng "chúng ta đã ban một cái ơn rất lớn cho bà cố nội các người bằng cách cho bả vào nước này hồi năm 1910, thế nên giờ chúng ta muốn đối xử với các người thế nào là tùy thích".

TRANH LUẬN 2: Điều khoản thứ hai của thỏa thuận nhập cư nói rằng nếu được cho vào, người nhập cư có nghĩa vụ hòa nhập vào nền văn hóa địa phương. Nhưng sự hòa nhập đó đến đâu thì đủ? Nếu người nhập cư chuyển từ một xã hội gia trưởng đến một xã hội tự do, họ có phải đấu tranh cho nữ quyền? Nếu họ đến từ một xã hội vô cùng sùng đạo, họ có cần áp dụng một

thế giới quan thế tục? Họ có nên từ bỏ các trang phục truyền thống và các thực phẩm cấm kỵ? Những người phản đối nhập cư có xu hướng đặt tiêu chuẩn cao trong khi những người ủng hộ đặt chuẩn thấp hơn nhiều.

Những người ủng hộ nhập cư tranh luận rằng bản thân châu Âu vốn cực kỳ đa dạng và cư dân bản địa của nó có phổ ý kiến, thói quen và giá trị cực rộng. Đây chính xác là điều khiến châu Âu trở nên sống động và mạnh mẽ. Tại sao người nhập cư buộc phải gắn mình với một bản sắc châu Âu tưởng tượng nào đó mà ít người châu Âu thực sự đạt đến? Bạn muốn ép người nhập cư Hồi giáo vào Vương quốc Anh trở thành người Cơ Đốc trong khi nhiều công dân Anh hiếm khi đi nhà thờ ư? Bạn muốn yêu cầu người nhập cư từ vùng Punjab Ấn Độ từ bỏ cà-ri và masala để ăn khoai chiên cá rán và bánh pudding vùng Yorkshire chăng? Nếu châu Âu có bất cứ giá trị lõi thực sự nào thì đấy là các giá trị của khoan dung và tự do, nghĩa là người châu Âu nên thể hiện sự khoan dung đối với cả người nhập cư nữa và cho họ càng nhiều tự do càng tốt để đi theo truyền thống của riêng họ, miễn là các truyền thống đó không làm hại đến tự do và quyền của những người khác.

Những người phản đối nhập cư đồng ý rằng khoan dung và tự do là các giá trị châu Âu quan trọng nhất và cáo buộc các nhóm nhập cư, đặc biệt các nhóm đến từ các quốc gia Hồi giáo, là thiếu khoan dung, coi thường phụ nữ, thù ghét người đồng tính và bài Do Thái. Chính xác vì châu Âu tôn trọng sự khoan dung nên nó không thể cho phép quá nhiều người không khoan dung vào châu Âu. Trong khi một xã hội khoan dung có thể đối phó được với các nhóm thiểu số phi tự do thì nếu con số những kẻ cực đoan như vậy vượt một ngưỡng nhất định, toàn bộ bản chất của xã hội sẽ thay đổi. Nếu châu Âu cho phép quá nhiều người nhập cư từ Trung Đông vào, cuối cùng nó sẽ giống như Trung Đông.

Những người phản đối nhập cư khác còn đi xa hơn. Họ chỉ ra rằng một cộng đồng ở cấp quốc gia không chỉ là một nhóm người chịu đựng lẫn nhau. Do đó, việc những người nhập cư chấp nhận các tiêu chuẩn của châu Âu vềkhoan dung là không đủ. Họ cũng phải theo nhiều giá trị độc đáo của văn hóa Anh, Đức hay Thụy Điển, dù các giá trị đó là gì. Khi cho họ nhập cư, văn hóa bản địa cũng gánh trên mình một nguy cơ to và một hao tổn lớn. Không có lý do gì mà nó nên tự hủy hoại mình nữa. Rốt cuộc, nó sẽ mang tới một sự bình đẳng hoàn toàn nên nó cũng yêu cầu một sự hòa nhập

trọn vẹn. Nếu người nhập cư có vấn đề với một số thói tật của văn hóa Anh, Đức hay Thụy Điển, xin mời họ đi chỗ khác.

Hai vấn đề chính của cuộc tranh luận này là bất đồng về tính thiếu khoan dung của người nhập cư và bất đồng về bản sắc châu Âu. Nếu quả thực người nhập cư mắc lỗi thiếu khoan dung không thể sửa được, nhiều người châu Âu theo chủ nghĩa tự do hiện đang ủng hộ nhập cư chẳng chóng thì chầy sẽ quay ra phản đối nhập cư một cách cay đắng. Trái lại, nếu phần lớn người nhập cư chứng tỏ mình cũng tự do và cởi mở trong thái độ đối với tôn giáo, giới tính và chính trị, điều này sẽ đánh bật một số lập luận hiệu quả nhất chống lại sự nhập cư.

Tuy nhiên, câu hỏi về các bản sắc dân tộc độc đáo của châu Âu vẫn sẽ để ngỏ. Khoan dung là một giá trị phổ quát. Vậy có quy tắc và giá trị Pháp độc đáo nào mà người nhập cư đến Pháp cần phải chấp nhận, và có quy tắc và giá trị Đan Mạch độc đáo nào mà người nhập cư đến Đan Mạch phải đón nhận không? Một khi châu Âu vẫn chia rẽ sâu sắc về câu hỏi này, họ khó mà có một chính sách rõ ràng về nhập cư. Trái lại, một khi người châu Âu biết mình là ai, 500 triệu người dân nơi đây sẽ không gặp khó khăn gì khi thu nhận, hoặc cấm nhập cư, 1 triệu người tị nạn.

TRANH LUẬN 3: Điều khoản thứ ba của thỏa thuận nhập cư nói rằng nếu người nhập cư thật sự chân thành nỗ lực hòa nhập, và cụ thể là chấp nhận giá trị bao dung, nước chủ nhà có nghĩa vụ buộc đối xử với họ như các công dân hạng một. Nhưng chính xác thì cần bao nhiêu thời gian để người nhập cư trở thành những thành viên chính thức của xã hội? Những người nhập cư từ Algeria có nên cảm thấy đau khổ khi mình vẫn chưa được xem là công dân chính thức của Pháp sau hai mươi năm ở đó? Những người nhập cư thế hệ thứ ba có ông bà đến Pháp từ những năm 1970 thì sao?

Những người ủng hộ nhập cư có xu hướng đòi hỏi một sự chấp nhận nhanh chóng, trong khi những người phản đối muốn thời gian thử thách dài hơn nhiều. Với những người ủng hộ, nếu người nhập cư thế hệ thứ ba không được xem và đối xử như các công dân ngang hàng, điều đó nghĩa là nước chủ nhà không hoàn thành nghĩa vụ; nếu điều này dẫn đến căng thẳng, thù địch và thậm chí bạo lực thì nước chủ nhà không thể đổ lỗi cho ai khác ngoài sự mù quáng của chính mình. Đối với những người phản đối nhập cư, những kỳ vọng bị thổi phồng này là một phần lớn của vấn đề.

Người nhập cư phải kiên nhẫn. Nếu ông bà anh đến đây mới có bốn chục năm trước và giờ anh làm loạn ở ngoài đường vì cho rằng mình không được đối xử như một người bản địa, thì anh đã trượt bài kiểm tra.

Vấn đề gốc rễ của cuộc tranh luận này hên quan đến cách biệt giữa thang thời gian cá nhân và thang thời gian tập thể. Từ góc nhìn của các cộng đồng người, bốn mươi năm là một thời gian ngắn. Khó có thể trông chờ xã hội hoàn toàn chấp nhận các nhóm người xa lạ chỉ trong vài thập kỷ. Các nền văn minh quá khứ đồng hóa người nước ngoài và biến họ thành các công dân ngang hàng, như Đế chế La Mã, Đế chế Hồi giáo, các vương triều Trung Hoa và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, đều mất nhiều thế kỷ hơn là vài thập kỷ để hoàn tất cuộc chuyển hóa.

Tuy nhiên, từ góc nhìn cá nhân, bốn chục năm có thể là thiên thu. Với một cô gái sinh ra ở Pháp hai chục năm sau khi ông bà cô nhập cư, hành trình từ Algiers đến Marseille là lịch sử cổ xưa. Cô được sinh ra ở đây, tất cả bạn bè cô đều sinh ra ở đây, cô nói tiếng Pháp chứ không phải tiếng Ả Rập và cô chưa bao giờ đến Algeria. Pháp là ngôi nhà duy nhất cô từng biết. Và giờ người ta nói với cô rằng đấy không phải là nhà cô và cô nên “quay lại” noi cô chưa bao giờ đặt chân đến ư?

Điều này giống như bạn lấy hạt một cây bạch đàn từ Úc và trồng nó ở Pháp. Từ góc độ sinh thái, bạch đàn là một loài ngoại lai và phải mất nhiều thế hệ thì các nhà thực vật học mới tái phân loại chúng thành một cây bản địa châu Âu. Thế nhưng từ góc độ một cái cây đơn lẻ, nó là một cái cây Pháp. Nếu bạn không tưới nó bằng nước của Pháp, nó sẽ héo. Nếu bạn cố nhổ rễ nó lên, bạn sẽ phát hiện ra nó đã bám rễ sâu trong đất Pháp cũng như những cây sồi và thông bản địa.

TRANH LUẬN 4: Trên tất cả những bất đồng về định nghĩa chính xác của thỏa thuận nhập cư này, câu hỏi sau rốt là liệu thỏa thuận này có thực sự hiệu quả. Liệu cả hai bên có hoàn thành những nghĩa vụ của mình?

Những người phản đối nhập cư có xu hướng cho rằng những người nhập cư đang không hoàn thành điều khoản số 2. Họ không chân thành nỗ lực hòa nhập và quá nhiều người trong số họ vẫn bám lấy những quan niệm sống thiếu khoan dung và ấu trĩ. Do đó, nước chủ nhà không có lý do gì phải hoàn thành điều khoản số 3 (đối xử với họ như những công dân

hạng một) và có mọi lý do để tái cân nhắc điều khoản số 1 (cho họ nhập cư). Nếu những người đến từ một nền văn hóa nhất định đã liên tục chứng minh mình không sẵn sàng thực hiện thỏa thuận nhập cư, thì tại sao lại nhận thêm họ vào và tạo ra một vấn đề thậm chí còn lớn hơn?

Những người ủng hộ đáp trả rằng chính nước chủ nhà mới thất bại trong việc thực hiện thỏa thuận thuộc phần mình. Mặc cho những nỗ lực chân thành để hòa nhập của tuyệt đại đa số người nhập cư, các vị chủ nhà đang biến việc đó trở thành khó khăn; tệ hơn, những người nhập cư đã hòa nhập thành công vẫn bị đối xử như các công dân hạng hai ngay cả trong thế hệ thứ hai và thứ ba. Dĩ nhiên, có khả năng cả hai bên đều không hoàn thành cam kết của mình, do đó càng thêm dầu vào lửa cho những nghi ngại và uất ức trong một vòng xoáy khắc nghiệt ngày càng dâng cao.

Cuộc tranh luận số 4 này không thể giải quyết trước khi làm rõ định nghĩa chính xác của cả 3 điều khoản trên. Một khi chúng ta không biết liệu thu nhận là nghĩa vụ hay ơn huệ, mức độ hòa nhập nào là cần thiết từ phía người nhập cư và sau bao lâu thì các nước chủ nhà phải đối xử với họ như những công dân ngang hàng, ta không thể đánh giá liệu hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình hay chưa. Một vấn đề nữa liên quan đến việc tính toán. Khi đánh giá thỏa thuận nhập cư, cả hai bên đặt sức nặng lên những vi phạm nhiều hơn sự tuân thủ rất nhiều. Nếu một triệu người nhập cư là các công dân tôn trọng pháp luật nhưng một trăm người gia nhập các nhóm khủng bố và tấn công nước chủ nhà thì nhìn chung, người nhập cư tuân thủ hay vi phạm điều khoản thỏa thuận? Nếu một người nhập cư thế hệ thứ ba đi bộ trên đường một nghìn lần mà không bị quấy rối, nhưng nếu có một kẻ phân biệt chủng tộc nào đó hét vào mặt cô ta một câu lăng mạ, điều đó có nghĩa là cư dân địa phương đang chấp nhận hay từ chối người nhập cư?

Thế nhưng, bên dưới tất cả những cuộc tranh luận này lẩn khuất một câu hỏi còn căn bản hơn nhiều, liên quan đến hiểu biết của chúng ta về văn hóa con người. Chúng ta bước vào cuộc tranh luận nhập cư với giả định rằng tự thân mọi nền văn hóa đều là bình đẳng hay ta nghĩ một số nền văn hóa có thể thực sự ưu việt hơn các nền văn hóa khác? Khi người Đức cãi nhau về việc thu nhận một triệu người tị nạn Syria, họ có thể là chính đáng khi nghĩ rằng nền văn hóa Đức theo một cách nào đó ưu việt hơn nền văn hóa Syria không?

—ooOoo—

TỪ CHỦ NGHĨA PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC ĐẾN CHỦ NGHĨA PHÂN BIỆT VĂN HÓA

MỘT THẾ kỷ trước, người châu Âu mặc định là một số chủng tộc đáng chú ý nhất là chủng tộc da trắng, tự thân đã ưu việt hơn các chủng tộc khác. Sau năm 1945, những quan điểm như vậy ngày càng trở nên cấm kỵ. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc không chỉ bị xem là khốn cùng về mặt đạo đức mà còn phá sản về mặt khoa học. Các nhà khoa học sự sống, và cụ thể là các nhà di truyền học, đã đưa ra các bằng chứng khoa học rất vững chắc chỉ ra rằng sự khác biệt sinh học giữa người châu Âu, châu Phi, Trung Quốc và người da đỏ châu Mỹ là hoàn toàn không đáng kể.

Tuy nhiên, cùng lúc đó, các nhà nhân loại học, xã hội học, sử học, kinh tế học hành vi và thậm chí là các nhà khoa học não bộ đã tích lũy ngày một nhiều lượng dữ liệu dồi dào chứng minh sự tồn tại của các khác biệt đáng kể giữa các nền văn hóa con người. Xét cho cùng, nếu tất cả các nền văn hóa con người về cơ bản đều giống nhau, thì tại sao chúng ta còn cần đến các nhà nhân loại học và sử học làm gì? Tại sao phải đầu tư nguồn lực vào nghiên cứu những khác biệt tin hin? ít nhất, chúng ta nên ngừng tài trợ cho các cuộc du khảo tốn kém đến Nam Thái Bình Dương và sa mạc Kalahari, đồng thời hài lòng với việc nghiên cứu con người ở Oxford hay Boston. Nếu các khác biệt văn hóa là không đáng kể, bất cứ thứ gì chúng ta phát hiện về các sinh viên Harvard cũng phải đúng với những người săn bắt-hái lượm ở Kalahari.

Khi ngẫm lại, hầu hết mọi người thừa nhận sự tồn tại của ít nhất một số khác biệt đáng kể giữa các nền văn hóa con người, trong những khía cạnh từ tập tục tình dục đến thói quen chính trị. Thế thì ta phải đối xử với những khác biệt này như thế nào? Những người theo chủ nghĩa tương đối về văn hóa cho rằng khác biệt không có nghĩa là có thứ bậc và chúng ta không bao giờ được coi trọng nền văn hóa này hơn một nền văn hóa khác.

Con người có thể nghĩ và hành xử theo những cách khác nhau, nhưng chúng ta nên tôn vinh sự đa dạng này và ban cho mọi niềm tin và tập quán các giá trị ngang bằng nhau. Thật không may, các thái độ cởi mở như vậy không thể qua nổi bài sát hạch của thực tế. Sự đa dạng của con người có thể rất tuyệt khi nói đến ẩm thực hay thơ ca, nhưng rất ít người xem việc thiêu phù thủy, giết trẻ sơ sinh hay nô lệ là các đặc trưng quyến rũ của con người nên được bảo vệ khỏi sự xâm phạm của chủ nghĩa tư bản toàn cầu và chủ nghĩa thực dân tiêu dùng.

Hoặc nghĩ về cách các nền văn hóa khác nhau đối xử với người xa lạ, người nhập cư và người tị nạn mà xem. Không phải mọi nền văn hóa đều có mức độ chấp nhận giống hệt nhau. Văn hóa Đức đầu thế kỷ 21 chấp nhận người lạ và chào đón người nhập cư hơn văn hóa Ả Rập Saudi. Một người Hồi giáo nhập cư vào Đức dễ dàng hơn một người Cơ Đốc giáo di cư sang Ả Rập Saudi rất nhiều. Thật sự là, ngay cả với một người tị nạn Hồi giáo đến từ Syria, việc di cư sang Đức vẫn dễ hơn sang Ả Rập Saudi; từ năm 2011, Đức đã nhận người tị nạn Syria nhiều hơn Ả Rập Saudi rất nhiều. Tương tự, rất nhiều dẫn chứng cho thấy văn hóa California đầu thế kỷ 21 thân thiện với người nhập cư hơn văn hóa Nhật Bản. Do đó, nếu bạn nghĩ chấp nhận người lạ và chào đón người nhập cư là tốt thì chẳng phải bạn nên nghĩ rằng ít nhất ở khía cạnh này, văn hóa Đức đã ưu việt hơn văn hóa Ả Rập Saudi và văn hóa California thì tốt hơn văn hóa Nhật Bản hay sao?

Hơn nữa, ngay cả khi hai quy tắc văn hóa là có hiệu lực ngang nhau trên lý thuyết thì trong bối cảnh thực tế của nhập cư, vẫn có thể biện minh rằng văn hóa của nước chủ nhà là tốt hơn. Các quy tắc và giá trị thỏa đáng ở nước này đơn giản là không hiệu quả đến thế dưới các hoàn cảnh khác. Hãy thử nhìn vào một ví dụ rõ ràng. Để tránh sa vào bẫy của những thành kiến, ta thử hình dung hai đất nước giả tưởng là Xứ Lạnh và Xứ Nóng. Hai nước có rất nhiều khác biệt văn hóa, trong đó có thái độ đối với quan hệ người với người và mâu thuẫn giữa các cá nhân. Người Xứ Lạnh được giáo dục từ khi tấm bé là nếu gặp mâu thuẫn với ai đó ở trường, ở chỗ làm, hay thậm chí ở trong gia đình, tốt nhất là nên kìm nén lại. Anh nên tránh la hét, thể hiện sự giận dữ hay đối đầu với người kia; những con bùng phát nóng giận chỉ làm mọi thứ tồi tệ hơn. Tốt hơn là tự xử lý các cảm giác của mình trong khi để cho mọi thứ dịu xuống. Trong khi đó, hạn chế tiếp xúc

với người kia, và nếu tiếp xúc là không tránh khỏi, nói gãy gọn nhưng vẫn lịch sự và tránh các vấn đề nhạy cảm.

Người Xứ Nóng, trái lại, được dạy từ thuở còn thơ là phải bộc lộ các mâu thuẫn ra ngoài. Nếu thấy mình có mâu thuẫn, họ tin là không nên để nó âm ỉ trong người và đừng kìm nén cái gì cả. Hãy tận dụng cơ hội đầu tiên để xả van cảm xúc của mình. Nổi giận, la hét, và nói cho người kia biết chính xác mình cảm thấy như thế nào là hoàn toàn ổn. Đây là cách duy nhất để cùng nhau giải quyết mọi thứ một cách thành thật và trực tiếp. Một ngày la hét có thể giải quyết một mâu thuẫn hẳn có thể âm ỉ trong nhiều năm ròng; dù đối mặt trực diện không bao giờ là thoải mái, sau đó bạn sẽ thấy khỏe hơn rất nhiều.

Cả hai phương pháp này đều có điểm mạnh và điểm yếu; khó có thể nói cách này luôn tốt hơn cách kia. Tuy nhiên, điều gì có thể xảy ra khi một người Xứ Nóng di cư đến Xứ Lạnh và xin được việc làm trong một công ty Xứ Lạnh?

Mỗi khi một mâu thuẫn nảy sinh với một đồng nghiệp, người Xứ Nóng đập bàn và gào thét khản cả giọng, hy vọng rằng điều này sẽ tập trung sự chú ý vào vấn đề và giúp giải quyết nó một cách nhanh chóng. Vài năm sau, một vị trí cấp cao để trống. Dù người Xứ Nóng có đủ các năng lực cần thiết, sếp vẫn thích đề bạt một nhân viên Xứ Lạnh hơn. Khi được hỏi về chuyện đó, người sếp giải thích: “Đúng, người Xứ Nóng có rất nhiều tài năng, nhưng anh ta cũng có một vấn đề nghiêm trọng với việc quan hệ với người khác. Anh ta nóng tính, tạo căng thẳng không đáng có xung quanh mình và làm xáo trộn văn hóa công ty của chúng tôi.” Số phận tương tự cũng giáng vào đầu những người Xứ Nóng khác nhập cư vào Xứ Lạnh. Họ phần lớn kẹt lại ở các vị trí thấp hoặc hoàn toàn không tìm được việc vì những người quản lý đoán trước rằng là người Xứ Nóng, họ có thể sẽ trở thành những nhân viên nóng tính và nhiễu sự. Vì người Xứ Nóng không bao giờ lên được các vị trí cấp cao, họ khó mà thay đổi được văn hóa doanh nghiệp Xứ Lạnh.

Điều tương tự cũng xảy đến với những người Xứ Lạnh di cư sang Xứ Nóng. Một người Xứ Lạnh bắt đầu làm trong một công ty Xứ Nóng nhanh chóng mang tiếng là kênh kiệu hay lạnh lùng và có rất ít bạn bè. Người ta nghĩ anh ta kém thành thật hay thiếu các kỹ năng trong các mối quan hệ

con người cơ bản. Anh ta không bao giờ thăng tiến lên các vị trí cao, do đó không bao giờ có cơ hội thay đổi văn hóa doanh nghiệp. Các quản lý Xứ Nóng kết luận rằng hầu hết người Xứ Lạnh đều kém thân thiện hay rụt rè, không tuyển họ vào các vị trí yêu cầu tiếp xúc với khách hàng hay hợp tác chặt chẽ với các đồng nghiệp khác.

Cả hai trường hợp này có vẻ sặc mùi phân biệt chủng tộc. Nhưng trên thực tế, chúng không phải là phân biệt chủng tộc. Chúng là "phân biệt văn hóa". Con người tiếp tục tiến hành một cuộc chiến quả cảm chống lại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc truyền thống mà không nhận ra rằng mặt trận đã đổi. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc truyền thống đang suy yếu, nhưng thế giới giờ đang đầy rẫy những kẻ "phân biệt văn hóa".

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc truyền thống bắt rễ sâu trong các lý thuyết sinh học. Vào những năm 1890 hay 1930, ở các nước Anh, Úc và Hoa Kỳ, nhiều người tin rằng một phẩm chất sinh học di truyền nào đó khiến những người châu Phi và người Trung Hoa bẩm sinh đã kém thông minh, kém mạnh dạn và kém đạo đức hơn người châu Âu. Vấn đề nằm trong máu của họ. Những quan điểm như vậy có sức nặng chính trị cũng như được hậu thuẫn rộng rãi về mặt khoa học. Ngày nay, trái lại, trong khi rất nhiều cá nhân vẫn còn đưa ra những nhận định phân biệt chủng tộc như vậy, chúng đã mất mọi hậu thuẫn khoa học và phần lớn sức nặng chính trị, trừ phi chúng được diễn đạt lại bằng các thuật ngữ văn hóa. Nói rằng người da đen có khuynh hướng phạm tội vì họ có các gen dưới chuẩn thì không được; nói rằng họ có khuynh hướng phạm tội vì họ đến từ các nhóm văn hóa "rối loạn chức năng" thì được chấp nhận!

Ở Mỹ chẳng hạn, một số đảng và lãnh đạo chính trị công khai ủng hộ các chính sách có tính phân biệt và thường đưa ra các nhận xét bôi nhọ người Mỹ gốc Phi, người gốc Latin và người Hồi; nhưng họ sẽ rất hiếm khi nếu không muốn nói là không bao giờ nói rằng ADN của những người này có gì đó sai lệch. Vấn đề được cho là nằm trong văn hóa của họ. Do đó, khi Tổng thống Trump mô tả Haiti, El Salvador và một số khu vực khác của châu Phi là "các nước hạ đẳng", rõ ràng ông ta đang đưa ra cho công chúng một cảm tưởng của mình về văn hóa của các nơi này chứ không phải là bản chất di truyền của chúng. Vào một dịp khác, Trump nói về những người nhập cư Mexico vào Mỹ là "khi Mexico đưa người của mình sang, họ đâu có đưa những người giỏi nhất. Họ đưa những người có rất nhiều

vấn đề và họ mang theo các vấn đề đó. Họ mang theo ma túy, họ mang theo tội phạm. Bọn họ là những kẻ hiếp dâm và một số, tôi đoán vậy, cũng là người tốt". Đây là một luận điệu cực kỳ xúc phạm, nhưng là xúc phạm về xã hội chứ không phải về sinh học. Trump không có ý nói dòng máu Mexico cản trở lòng tốt; chỉ là những người Mexico tốt có khuynh hướng ở phía Nam dòng Rio Grande.

Cơ thể con người - cơ thể Latin, cơ thể châu Phi, cơ thể Trung Hoa - vẫn nằm ở trung tâm cuộc tranh luận. Màu da vẫn có ý nghĩa rất lớn. Đi bộ dọc một con phố ở New York với nhiều sắc tố melanin trong da nghĩa là dù bạn đang đi đến đâu, cảnh sát có thể soi bạn kỹ hơn. Nhưng những người như Tổng thống Trump hay Tổng thống Obama sẽ giải thích tầm quan trọng của màu da bằng các thuật ngữ văn hóa và lịch sử. Cảnh sát nhìn màu da của bạn một cách ngờ vực không phải vì lý do sinh học, mà vì lịch sử. Có vẻ như phe Obama sẽ giải thích rằng thiên kiến của cảnh sát là một di sản không may của các tội ác lịch sử như chế độ nô lệ, trong khi phe Trump sẽ giải thích rằng việc người da đen phạm tội là một di sản không may của các lỗi lầm lịch sử từ cả phe tự do da trắng lẫn các cộng đồng da đen. Dù sao đi nữa, ngay cả nếu bạn thực ra chỉ là một du khách đến từ Delhi chẳng biết gì về lịch sử Mỹ, bạn sẽ vẫn phải đối mặt với hậu quả của lịch sử đó.

Sự dịch chuyển từ sinh học sang văn hóa không chỉ là một thay đổi vô nghĩa về thuật ngữ. Đấy là một sự dịch chuyển sâu sắc với các hậu quả thực tế sâu rộng, có cái tốt, có cái xấu. Đầu tiên phải nói là văn hóa thì dễ biến đổi hơn sinh học. Một mặt, điều này có nghĩa là những kẻ phân biệt văn hóa ngày nay có thể khoan dung hơn những kẻ phân biệt chủng tộc truyền thống: chỉ cần "hội kia" chấp nhận văn hóa của chúng ta, chúng ta sẽ chấp nhận họ như những kẻ ngang hàng với mình. Mặt khác, nó có thể đưa đến các áp lực lớn hơn rất nhiều lên "hội kia", buộc họ phải hòa nhập và dẫn tới các phê bình nặng nề hơn rất nhiều nếu họ hòa nhập thất bại.

Bạn khó có thể đổ lỗi cho một người da màu vì không làm trắng da, nhưng người ta có thể và quả thực buộc tội người gốc Phi hay người Hồi vì không áp dụng thành công các quy tắc và giá trị của văn hóa phương Tây. Điều đó không có nghĩa là các cáo buộc như vậy nhất thiết đúng. Trong nhiều trường hợp, có rất ít lý do tuân theo nền văn hóa thống trị, và trong nhiều trường hợp khác, đơn giản đó là một nhiệm vụ bất khả thi. Những người Mỹ gốc Phi đến từ một khu ổ chuột nghèo khó, thật lòng cố

gắng hòa nhập vào nền văn hóa làm chủ của Mỹ, đầu tiên có thể thấy bế tắc bởi sự phân biệt đối xử từ các tổ chức, để rồi lại bị đổ lỗi vì không đủ nỗ lực, và vì thế chẳng thể đổ các vấn đề của mình cho ai khác ngoài bản thân.

Một khác biệt quan trọng thứ hai giữa việc nói về sinh học và nói về văn hóa là không như sự ấu trĩ mang tính phân biệt chủng tộc truyền thống, các tranh luận về phân biệt văn hóa đôi khi lại nghe khá có lý, như trong trường hợp của Xứ Nóng và Xứ Lạnh. Người Xứ Nóng và người Xứ Lạnh đều có văn hóa khác nhau, thể hiện qua các kiểu quan hệ người với người khác nhau. Vì quan hệ con người là tối quan trọng trong nhiều công việc, liệu việc một công ty Xứ Nóng trừng phạt người Xứ Lạnh vì cư xử theo di sản văn hóa của mình có trái đạo đức hay không?

Các nhà nhân loại học, xã hội học và sử học cảm thấy cực kỳ không thoải mái về vấn đề này. Một mặt, mọi thứ nghe có vẻ giống phân biệt chủng tộc một cách nguy hiểm. Mặt khác, phân biệt văn hóa lại có nền tảng khoa học vững chãi hơn nhiều so vời phân biệt chủng tộc; đặc biệt là các học giả trong ngành khoa học xã hội và nhân văn không thể phủ nhận sự tồn tại và tầm quan trọng của các khác biệt văn hóa.

Dĩ nhiên, ngay cả khi thừa nhận sự hợp lý của một số tuyên bố phân biệt văn hóa, chúng ta vẫn không phải thừa nhận tất cả các tuyên bố đó. Nhiều tuyên bố phân biệt văn hóa mắc ba lỗi thông thường. Thứ nhất, những người phân biệt văn hóa thường nhầm lẫn sự ưu việt địa phương với sự ưu việt khách quan. Do đó, trong bối cảnh địa phương của Xứ Nóng, phương pháp giải quyết mâu thuẫn của Xứ Nóng có thể ưu việt hơn phương pháp của Xứ Lạnh; trong trường hợp đó, một công ty Xứ Nóng hoạt động ở Xứ Nóng có lý do chính đáng để phân biệt đối xử với những nhân viên hướng nội (dẫn đến trừng phạt những người nhập cư từ Xứ Lạnh). Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là phương pháp của Xứ Nóng là ưu việt một cách khách quan. Người Xứ Nóng có lẽ có thể học đôi điều từ người Xứ Lạnh, và nếu hoàn cảnh thay đổi - chẳng hạn công ty Xứ Nóng toàn cầu hóa và mở trụ sở ở nhiều quốc gia khác nhau - sự đa dạng có thể đột nhiên trở thành một tài sản.

Thứ hai, khi bạn định nghĩa rõ ràng một thước đo, một thời điểm và một nơi chốn, các tuyên bố văn hóa có thể có lý về mặt kinh nghiệm.

Nhưng rất thường xảy ra trường hợp người ta áp dụng các tuyên bố phân biệt văn hóa rất chung chung, chẳng có nghĩa lý gì mấy. Ví dụ, nói rằng "văn hóa Xứ Lạnh kém khoan dung với những cơn giận dữ bộc phát ở nơi công cộng hơn văn hóa Xứ Nóng" là thỏa đáng, nhưng nói rằng "văn hóa Hồi giáo rất kém khoan dung" thì kém thỏa đáng hơn nhiều. Tuyên bố sau đơn giản là quá mù mờ. Anh nói "kém khoan dung" là ý gì? Kém khoan dung với ai hay với cái gì? Một nền văn hóa có thể kém khoan dung với các tôn giáo thiểu số và các quan điểm chính trị bất thường, đồng thời rất rộng lượng với người béo phì hay người già. Và anh nói "văn hóa Hồi giáo" là ý gì? Có phải chúng ta đang nói về bán đảo Ả Rập ở thế kỷ thứ 7? Đế chế Ottoman ở thế kỷ 16? Pakistan đầu thế kỷ 21? Cuối cùng, đâu là thang đo? Nếu chúng ta quan tâm đến sự khoan dung với các tôn giáo thiểu số và so sánh Đế chế Ottoman vào thế kỷ 16 với châu Âu phương Tây tại cùng thời điểm thì ta sẽ kết luận văn hóa Hồi giáo là cực kỳ khoan dung. Nếu chúng ta so sánh Afghanistan dưới thời Taliban với Đan Mạch ngày nay, ta sẽ có một kết luận rất khác.

Thế nhưng vấn đề tệ nhất với các tuyên bố phân biệt văn hóa là dù bản chất mang tính thống kê, chúng được sử dụng quá thường xuyên để xét đoán vội vàng *các cá nhân*. Khi một người Xứ Nóng bản địa và một người nhập cư Xứ Lạnh cùng xin một công việc ở một công ty Xứ Nóng, người quản lý có thể sẽ thích thuê người Xứ Nóng hơn vì "bọn Xứ Lạnh rất lạnh lùng và kém giao tiếp". Ngay cả khi điều này đúng về mặt thống kê, có thể người Xứ Lạnh này thực sự là nồng hậu và cởi mở hơn người Xứ Nóng đó. Văn hóa là quan trọng, nhưng gen và những trải nghiệm độc đáo của mỗi người cũng định hình nên con người họ. Các cá nhân thường xuyên thách thức các hình mẫu rập khuôn mang tính thống kê. Một công ty thích các nhân viên quảng giao hơn nhân viên lạnh như tiền thì có lý, nhưng thích người Xứ Nóng hơn người Xứ Lạnh thì vô lý.

Tuy nhiên, tất cả những điều này sửa đổi các tuyên bố phân biệt văn hóa nhất định mà không làm mất uy tín toàn bộ chủ nghĩa phân biệt văn hóa. Không như chủ nghĩa phân biệt chủng tộc vốn là một thiên kiến phi khoa học, các luận cứ văn hóa đôi khi có thể khá hợp lý. Nếu ta nhìn các con số thống kê và phát hiện ra các công ty Xứ Nóng có ít người Xứ Lạnh ở các vị trí cấp cao, điều này có thể không đến từ phân biệt chủng tộc mà từ suy xét đúng đắn. Liệu những người nhập cư Xứ Lạnh có nên thấy căm

phẫn vì tình cảnh này và cho rằng Xứ Nóng đang rút khỏi thỏa thuận nhập cư? Liệu ta có nên buộc các công ty Xứ Nóng tuyển thêm các vị trí quản lý Xứ Lạnh qua các luật "đặc cách" nhằm nâng đỡ người nhập cư với hy vọng "hạ nhiệt" văn hóa doanh nghiệp nóng nảy của Xứ Nóng? Hay lỗi nằm ở những người nhập cư Xứ Lạnh hòa nhập vào văn hóa bản địa bất thành, do đó ta phải nỗ lực hơn và mạnh dạn ghi khắc vào tâm trí trẻ con Xứ Lạnh các quy tắc và giá trị của người Xứ Nóng hơn?

Từ địa hạt hư cấu quay lại địa hạt thực tế, ta thấy rằng cuộc tranh luận ở châu Âu về nhập cư không hề là một trận chiến rõ ràng giữa tốt và xấu. Sẽ là sai lầm khi bôi đen tất cả những người chống nhập cư là "phát xít", cũng như sẽ sai lầm khi mô tả tất cả những người ủng hộ nhập cư là "tự sát về văn hóa". Do đó, cuộc tranh luận về nhập cư không nên được tiến hành như một cuộc đấu tranh không thỏa hiệp về một quy tắc đạo đức bất khả thương lượng nào đó. Nó là một cuộc tranh luận giữa hai vị thế chính trị hợp pháp với lựa chọn sau rốt phải được quyết định qua các quy trình dân chủ tiêu chuẩn.

Ở thời điểm hiện tại, hoàn toàn chưa rõ liệu châu Âu có thể tìm được một lối đi trung lập sẽ cho phép mở cửa với những người xa lạ mà không bị những kẻ không có cùng các giá trị với nó làm cho bất ổn. Nếu châu Âu tìm ra một con đường như vậy thành công, có lẽ mô hình của nó có thể được nhân rộng ở phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, nếu dự án EU thất bại, điều đó sẽ chứng tỏ niềm tin vào các giá trị cánh tả về tự do và khoan dung là không đủ để giải quyết các mâu thuẫn văn hóa của thế giới và đoàn kết con người đối mặt với chiến tranh hạt nhân, sụp đổ sinh thái và đứt gãy do công nghệ. Nếu người Hy Lạp và người Đức không thể đồng lòng về một số phận chung, và nếu 500 triệu người châu Âu giàu có không thể thu nhận vài triệu người tị nạn nghèo khó, loài người có cửa gì để vượt qua những mâu thuẫn còn sâu sắc hơn đang kìm hãm nền văn minh toàn cầu của chúng ta?

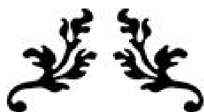
Một điều có thể giúp châu Âu và toàn thể thế giới hòa nhập tốt hơn và mở rộng cánh cửa cũng như tâm trí mình hơn đó là "hạ nhiệt" cơn cuồng loạn liên quan đến chủ nghĩa khủng bố. Sẽ là cực kỳ đáng tiếc nếu cuộc thí nghiệm châu Âu về tự do và khoan dung tan rã vì một nỗi sợ khủng bố bị thổi phồng. Điều này không chỉ hiện thực hóa mục tiêu của chính bọn khủng bố mà còn cho nhóm những kẻ cuồng tín này quá nhiều tiếng nói về

tương lai của loài người. Chủ nghĩa khủng bố là vũ khí của một nhóm bên lề và yếu ớt của loài người. Làm thế nào nó lại thống trị chính trị toàn cầu như vậy?



Phần III

TUYỆT VỌNG VÀ HY VỌNG



Dù các thách thức là chưa từng có và các bất đồng là rất căng thẳng, nhân loại vẫn có thể vươn lên nếu chúng ta biết kiềm chế nỗi sợ của mình và tỏ ra khiêm tốn hơn về các quan điểm của mình.



10

CHỦ NGHĨA KHỦNG BỐ



ĐỪNG HOẢNG

BỌN KHỦNG bố là bậc thầy về điều khiển tâm trí. Chúng sát hại rất ít người nhưng vẫn khiến hàng tỷ người khiếp sợ và làm lung lay các cấu trúc chính trị khổng lồ như Liên minh châu Âu hay Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Từ ngày 11 tháng Chín năm 2001, mỗi năm, bọn khủng bố giết khoảng 50 người ở châu Âu, khoảng 10 người ở Mỹ, khoảng 7 người ở Trung Quốc và khoảng 25.000 người trên toàn thế giới (chủ yếu là ở Iraq, Afghanistan, Pakistan, Nigeria và Syria). Trong khi đó, mỗi năm, số người thiệt mạng do tai nạn giao thông là 80.000 người ở châu Âu, 40.000 người ở Mỹ, 270.000 người ở Trung Quốc và tổng số 1,25 triệu người trên thế giới. Mỗi năm, tiểu đường và đường huyết cao gây tử vong tới 3,5 triệu người, còn ô nhiễm không khí gây tử vong khoảng 7 triệu người. Thế thì tại sao chúng ta lại sợ khủng bố hơn sợ đường và tại sao các chính phủ vẫn thất bại trong các cuộc bầu cử vì các cuộc tấn công khủng bố đâu đó mà không phải vì ô nhiễm không khí kinh niên?

Theo đúng nghĩa đen của từ này, chủ nghĩa khủng bố là một chiến lược quân sự hòng thay đổi tình thế chính trị bằng cách gieo rắc sự sợ hãi hơn là gây ra các tổn thất về vật chất. Chiến lược này gần như lúc nào cũng được các bên rất yếu, không thể giáng nhiều tổn thất vật chất vào kẻ thù của mình, áp dụng. Dĩ nhiên, mọi hành động quân sự đều gieo rắc sợ hãi. Nhưng trong chiến tranh thông thường, sợ hãi chỉ là một "phụ phẩm" của các tổn thất vật chất và thường tỷ lệ thuận với lực lượng gây tổn thất. Trong khủng bố, sợ hãi là câu chuyện chính và có một sự bất cân xứng đáng kinh ngạc giữa sức mạnh thực sự của những kẻ khủng bố và nỗi sợ hãi chúng có thể được khơi dậy.

Không phải lúc nào cũng dễ thay đổi tình thế chính trị qua bạo lực. Vào ngày đầu của trận Somme, ngày 1 tháng Bảy năm 1916, 19.000 lính Anh đã tử trận và 40.000 lính khác bị thương. Đến khi trận chiến kết thúc vào tháng Mười một, cả hai phe có tổng cộng hơn một triệu người thương vong, trong đó 300.000 người thiệt mạng. Thế nhưng cuộc chiến khủng khiếp này gần như không thay đổi cán cân quyền lực ở châu Âu. Phải mất hai năm và hàng triệu thương vong nữa mới khép lại một điều gì đó.

So với trận Somme, chủ nghĩa khủng bố chỉ là muỗi. Các cuộc tấn công ở Paris tháng Mười một năm 2015 giết chết 130 người, các cuộc đánh bom ở Brussels tháng Ba năm 2016 giết chết 32 người, cuộc đánh bom ở sân vận động Manchester tháng Năm năm 2017 giết chết 22 người. Vào năm 2002, ở đỉnh điểm chiến dịch khủng bố của Palestine nhằm vào Israel, khi các xe buýt và nhà hàng bị đánh bom hằng ngày, tổng số người chết là 451 người Israel. Cùng năm đó, 542 người Israel chết vì tai nạn xe hơi. Một vài cuộc tấn công khủng bố, như cuộc đánh bom chuyến bay 103 của hãng Pan Am bay qua Lockerbie năm 1988, khiến vài trăm người thiệt mạng. Các cuộc tấn công ngày 11 tháng Chín lập một kỷ lục mới, giết chết gần 3.000 người. Thế nhưng, ngay cả sự kiện đó cũng là vô cùng nhỏ bé so với chiến tranh thông thường. Nếu bạn cộng tất cả số người bị giết và bị thương ở châu Âu do các cuộc tấn công khủng bố từ năm 1945, bao gồm cả các nạn nhân của các nhóm chủ nghĩa quốc gia, tôn giáo, cánh tả và cánh hữu, con số tổng cộng sẽ vẫn thua xa thương vong của bất kỳ trận chiến. mờ nhạt nào trong Thế chiến thứ nhất, như trận Aisne thứ ba (250.000 người) hay trần Isonzo thứ mười (225.000 người).

Thế thì làm thế nào bọn khủng bố có thể hy vọng đạt được gì nhiều nhặn? Sau một hành động khủng bố, kẻ thù tiếp tục có lượng lính tráng, xe tăng và tàu chiến y như trước. Mạng lưới thông tin, đường bộ và đường sắt gần như không bị tổn hại. Các nhà máy, bến cảng và căn cứ gần như không bị đụng tới. Thế nhưng, bọn khủng bố hy vọng rằng dù gần như không làm kẻ thù sứt mẻ chút nào về vật chất, nỗi sợ hãi và sự bối xối sẽ khiến kẻ thù lạm dụng sức mạnh chưa hề suy suyển của mình và phản ứng thái quá. Bọn khủng bố tính toán rằng khi kẻ thù bị chọc tức sử dụng sức mạnh khổng lồ của mình chống lại chúng, kẻ thù sẽ khuấy động một cơn bão quân sự và chính trị dữ dội hơn rất nhiều những gì bản thân những kẻ khủng bố có thể tạo ra. Trong mỗi cơn bão, nhiều điều không lường trước sẽ xảy ra. Người

ta sẽ mắc lỗi, hành động tàn bạo, dư luận ngả nghiêng, những người trung lập thay đổi lập trường và cán cân quyền lực dịch chuyển.

Do đó, bọn khủng bố giống một con ruồi cố phá hủy một tiệm đồ sứ. Con ruồi yếu đến nỗi không thể dịch chuyển dù chỉ một tách trà. Thế thì làm thế nào nó phá hủy dược tiệm đồ sứ đây? Nó kiếm một con bò mộng, chui vào tai bò và bắt dầu bay vo ve. Con bò phát rồ vì sợ hãi và tức giận, rồi phá tan tiệm dồ sứ. Đây chính là điều đã xảy ra sau vụ 11 tháng Chín, khi những kẻ Hồi giáo chính tông kích động con bò mộng Hoa Kỳ phá hủy tiệm đồ sứ Trung Đông. Giờ thì chúng "nở rộ" từ trong đống đổ nát. Và thế giới này không thiếu gì những con bò nóng tính.

—ooOoo—

XÁO LẠI BÀI

CHỦ NGHĨA khủng bố là một chiến lược tấn công bạo lực cực kỳ thiếu hấp dẫn vì nó trao toàn bộ các quyết định quan trọng vào tay kẻ thù. Tất cả lựa chọn mà kẻ thù đã có trước một cuộc tấn công khủng bố vẫn nằm trong tay hắn ngay sau đó nên hắn. hoàn toàn tự do lựa chọn. Các đội quân thường cố tránh một tình huống như vậy bằng mọi giá. Khi tấn công, họ không muốn dàn dựng một cảnh tượng hãi hùng làm kẻ thù tức giận và khiêu khích chúng đáp trả. Thay vào đó, họ tìm cách tạo ra tổn thất đáng kể về mặt vật chất cho kẻ thù và làm giảm khả năng đáp trả của chúng. Đặc biệt, họ tìm cách loại bỏ các vũ khí và lựa chọn nguy hiểm nhất của kẻ thù.

Đấy chính là điều mà quân Nhật đã làm vào tháng Mười hai năm 1941 khi họ phát động cuộc tấn công bất ngờ nhằm vào quân đội Mỹ và đánh đắm phần lớn hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ ở Trân Châu Cảng. Đây không phải là khủng bố. Đây là chiến tranh. Người Nhật không thể biết chắc người Mỹ sẽ phản ứng như thế nào sau cuộc tấn công; họ chỉ biết chắc một điều: dù quyết định làm gì đi nữa, người Mỹ cũng sẽ không thể gửi hạm đội đến Philippines hay Hồng Kông vào năm 1942.

Việc khiêu khích kẻ thù hành động mà không loại bỏ được bất cứ vũ khí hay lựa chọn nào của chúng là một hành vi tuyệt vọng, chỉ được tiến hành khi không còn lựa chọn nào khác. Bất cứ lúc nào có thể gây tổn thất vật chất nghiêm trọng, không ai từ bỏ điều đó mà chọn khủng bố đơn thuần cả. Nếu vào tháng Mười hai năm 1941, người Nhật đánh đắm một tàu chở khách dân sự hòng khiêu khích người Mỹ, trong khi để yên cho hạm đội Thái Bình Dương ở Trân Châu Cảng, thì đó sẽ là điên rồ.

Nhưng những kẻ khủng bố có rất ít lựa chọn. Chúng quá yếu để có thể gây chiến. Thế nến chúng chọn cách tạo ra một sân khấu kịch mà chúng hy vọng có thể khiêu khích kẻ thù và khiến kẻ thù phản ứng thái quá. Bọn khủng bố dựng lên một sân khấu bạo lực đáng sợ, thu hút trí tưởng tượng của chúng ta và dùng nó chống lại chúng ta. Bằng cách giết một nhúm người, bọn khủng bố khiến hàng triệu người lo sợ cho mạng sống của mình. Để làm dịu những nỗi sợ này, các chính phủ phản ứng với màn kịch khủng bố bằng một chương trình an ninh, dàn dựng các cuộc phô diễn lực lượng khổng lồ cũng như trừng phạt toàn bộ các cộng đồng dân cư hay tiến hành xâm lược các quốc gia khác. Trong phần lớn các trường hợp, phản ứng thái quá này đối với chủ nghĩa khủng bố đặt ra một mối đe dọa đối với an ninh của chúng ta lớn hơn rất nhiều so với bản thân bọn khủng bố.

Bọn khủng bố không suy nghĩ như các tướng lĩnh quân sự. Thay vào đó, chúng suy nghĩ như các nhà dựng sân khấu. Ký ức của mọi người về các vụ tấn công 11 tháng Chín xác nhận rằng, bằng trực giác mọi người hiểu được điều này. Nếu bạn hỏi mọi người điều gì đã xảy ra vào ngày 11 tháng Chín, họ sẽ nói rằng al-Qaeda đã đánh sập tòa tháp đôi của Trung tâm Thương mại Thế giới. Thế nhưng vụ tấn công không chỉ hên quan đến hai tòa tháp mà còn hai hành động khác nữa, đặc biệt là một cuộc tấn công thành công vào Lầu Năm Góc. Tại sao ít người nhớ chuyện đó hơn?

Nếu vụ 11 tháng Chín là một chiến dịch quân sự thông thường thì cuộc tấn công vào Lầu Năm Góc hẳn sẽ nhận được nhiều sự chú ý nhất. Trong cuộc tấn công này, al-Qaeda đã tiêu diệt được một phần căn cứ đầu não của kẻ thù, giết hại và làm bị thương các sĩ quan và nhà phân tích cao cấp. Thế thì tại sao trí nhớ của mọi người lại gán tầm quan trọng lớn hơn nhiều cho việc phá hủy hai tòa nhà dân sự và giết các nhân viên môi giới chứng khoán, kế toán và thư ký?

Đấy là vì Lầu Năm Góc là một tòa nhà tương đối thấp và không nổi bật, trong khi Trung tâm Thương mại Thế giới là một "tô-tem" thẳng đứng, cao chót vót mà khi sụp đổ sẽ gây ra một hiệu ứng nghe nhìn khủng khiếp. Không ai nhìn thấy hình ảnh sụp đổ của chúng mà có thể quên được. Bởi chúng ta hiểu một cách trực giác rằng chủ nghĩa khủng bố là một sân khấu và chúng ta đánh giá nó bằng hiệu ứng cảm xúc hơn là hiệu ứng vật chất.

Giống như những kẻ khủng bố, những người chống khủng bố cũng nên nghĩ giống các nhà dựng sân khấu hơn và bớt giống các tướng lĩnh quân đội đi. Trên hết, nếu muốn chống khủng bố hiệu quả, chúng ta phải nhận ra không gì bọn khủng bố làm là có thể đánh bại chúng ta. Chúng ta là những người duy nhất có thể đánh bại chúng ta nếu chúng ta phản ứng thái quá một cách lệch lạc trước những màn khiêu khích của bọn khủng bố.

Bọn khủng bố tiến hành một nhiệm vụ bất khả thi: thay đổi cán cân quyền lực chính trị thông qua bạo lực, dù không có quân đội. Để đạt mục tiêu này, những kẻ khủng bố đặt ra cho nhà nước một thử thách bất khả thi của chính họ: phải chứng minh rằng nhà nước có thể bảo vệ tất cả công dân của mình khỏi bạo lực chính trị tại bất cứ đâu, bất kỳ lúc nào. Bọn khủng bố hy vọng rằng khi nhà nước cố thực hiện nhiệm vụ bất khả thi này, các quân bài chính trị sẽ được xáo lại và đưa cho chúng những quân át không lường trước.

Đúng, khi nhà nước nhận thách thức, nó thường thành công trong việc nghiền nát bọn khủng bố. Hàng trăm tổ chức khủng bố đã bị nhiều nhà nước khác nhau xóa sổ trong vài thập kỷ trở lại đây. Trong giai đoạn 2002-2004, Israel đã chứng minh rằng ngay cả các chiến dịch khủng bố dữ dội nhất cũng có thể bị đàn áp bằng sức mạnh thô bạo. Những tay khủng bố biết rất rõ rằng vận may trong các cuộc đụng độ như vậy đang chống lại chúng. Nhưng vì chúng rất yếu và không có lựa chọn nào khác, chúng không có gì để mất và có rất nhiều thứ để đạt được. Thỉnh thoảng một cơn bão chính trị do các chiến lược chống khủng bố tạo ra quả thật có lợi cho bọn khủng bố. Một kẻ khủng bố như một kẻ đánh bạc bị chia phải một tay bài cực xấu và đang cố thuyết phục đối thủ xáo lại bài. Hắn không thể mất gì nữa và có thể thắng mọi thứ.

—ooOoo—

ĐỒNG XU NHỎ TRONG LỌ RỖNG TO

TẠI SAO nhà nước nên đồng ý xáo lại bài? Khi thiệt hại vật chất do chủ nghĩa khủng bố gây ra là không đáng kể, về lý thuyết, nhà nước có thể chẳng cần làm gì cả hoặc dùng những biện pháp mạnh nhưng kín đáo, "khuất xa máy quay và micro". Đúng là các nhà nước thường làm chính xác như thế. Nhưng thi thoảng, các nhà nước mất bình tĩnh và phản ứng quá bạo lực và quá công khai, để rồi làm theo đúng bài bọn khủng bố muốn. Thế tại sao nhà nước lại nhạy cảm với các khiêu khích của khủng bố như vậy?

Các nhà nước thấy khó mà chịu đựng được các khiêu khích này vì tính chính danh của nhà nước hiện đại được dựa trên lời hứa giữ cho bạo lực chính trị nằm ngoài không gian công cộng. Một thể chế có thể chịu đựng các thảm họa khủng khiếp, thậm chí phớt lờ chúng, miễn là tính chính danh của nó không dựa trên việc ngăn ngừa các thảm họa đó. Mặt khác, một thể chế có thể sụp đổ vì một vấn đề nhỏ nếu vấn đề đó được xem là làm suy yếu tính chính danh của nó. Vào thế kỷ 14, Cái chết Đen đã giết khoảng một phần tư đến một nửa dân số châu Âu, nhưng không ông vua nào mất ngôi vì điều đó và cũng không ông vua nào nỗ lực ghê gớm lắm để vượt qua bệnh dịch. Hồi đó không ai nghĩ ngăn ngừa bệnh dịch là một phần công việc của nhà vua. Mặt khác, những kẻ trị vì cho phép dị giáo lan tràn trong lãnh thổ của mình có nguy cơ mất ngôi, thậm chí mất đầu.

Ngày nay, một chính phủ có thể chọn cách tiếp cận bạo lực gia đình và bạo lực tình dục mềm mỏng hơn so với chủ nghĩa khủng bố vì mặc cho ảnh hưởng của các phong trào như #MeToo, hiếp dâm không làm giảm tính chính danh của chính phủ. Ở Pháp chẳng hạn, hơn 10.000 vụ cưỡng hiếp được báo cáo cho nhà cầm quyền mỗi năm và khoảng vài chục ngàn vụ không được báo cáo khác. Những kẻ hiếp dâm và những ông chồng vũ phu, tuy thế, không được xem là một mối đe dọa sống còn đối với nhà nước Pháp vì theo lịch sử mà nói, nhà nước Pháp không xây dựng dựa trên lời hứa tiêu trừ bạo lực tình dục. Trái lại, những ca khủng bố hiếm hơn rất nhiều lại được xem như một mối đe dọa chết người với Cộng hòa Pháp vì trong vài thế kỷ vừa qua, các nhà nước hiện đại phương Tây đã dần thiết

lập tính chính danh của mình dựa trên lời hứa rõ ràng là không chấp nhận bạo lực chính trị trong lãnh thổ của mình.

Trở về thời Trung cổ, không gian công cộng tràn ngập bạo lực chính trị. Sự thật là khả năng sử dụng bạo lực chính là vé vào cửa của trò chơi chính trị; bất cứ ai thiếu khả năng này đều không có tiếng nói chính trị. Vô số gia đình quyền quý có quân lính giống như các thị trấn, phường hội, nhà thờ và tu viện. Khi một tu viện trưởng qua đời và tranh cãi về quyền kế nhiệm nảy sinh, các bè phái đối lập, bao gồm các thầy tu, giới chức địa phương và láng giềng có liên quan, thường sử dụng vũ lực để quyết định vấn đề.

Chủ nghĩa khủng bố không có chỗ trong một thế giới như vậy. Bất cứ kẻ nào không đủ mạnh để gây tổn thất vật chất đáng kể thì cũng không đáng nói tới. Nếu vào năm 1150, một vài tay cuồng tín Hồi giáo ám sát một nhúm thường dân ở Jerusalem và yêu cầu quân Thập tự rời khỏi Đất Thánh, phản ứng sẽ là giễu cợt chứ không phải là kinh sợ. Nếu muốn được xem trọng, ít nhất anh phải kiểm soát một hoặc hai tòa lâu đài kiên cố. Chủ nghĩa khủng bố không quấy nhiễu tổ tiên Trung cổ của chúng ta vì họ có những vấn đề phải xử lý lớn hơn nhiều.

Trong thời hiện đại, các nhà nước tập quyền dần giảm mức độ bạo lực chính trị trong lãnh thổ của mình và trong vài thập kỷ trở lại đây, các nước phương Tây đã nhổ rễ bạo lực gần như hoàn toàn. Các công dân Pháp, Anh hay Hoa Kỳ có thể tranh đấu giành quyền kiểm soát các thị trấn, tập đoàn, tổ chức, thậm chí là cả chính phủ, mà không cần đến một lực lượng quân bị. Quyền kiểm soát hàng tỷ tỷ đô la, hàng triệu binh lính và hàng ngàn tàu biển, máy bay và tên lửa hạt nhân chuyển từ nhóm chính trị gia này sang nhóm chính trị gia khác mà không cần nổ một phát súng. Con người nhanh chóng quen với việc này và giờ xem đó là quyền tự nhiên của mình. Do đó, các hành động bạo lực chính trị lẻ tẻ giết vài chục người cũng bị xem là mối đe dọa chết người đối với tính chính danh và thậm chí là sự sống còn của nhà nước. Một đồng xu nhỏ trong một lọ rỗng to thì rất ồn ào.

Đây là điều khiến sân khấu khủng bố thành công đến thế. Nhà nước đã tạo ra một khoảng không khổng lồ trống vắng bạo lực chính trị, thứ giờ biến thành một dàn loa khuếch âm, phóng đại hiệu ứng của bất cứ cuộc tấn công có vũ trang nào, dù nhỏ đến đâu. Bạo lực chính trị tại một quốc gia nhất định càng ít thì cú sốc của quần chúng trước một hành động khủng bố

lại càng lớn. Giết một vài người ở Bỉ thu hút chú ý hơn giết hàng trăm người ở Nigeria hay Iraq rất nhiều. Nghịch lý ở chỗ, chính thành công của các nhà nước hiện đại trong việc phòng ngừa bạo lực chính trị lại khiến chúng đặc biệt dễ bị tổn thương trước chủ nghĩa khủng bố.

Nhà nước đã nhấn mạnh nhiều lần rằng nó sẽ không dung túng bạo lực chính trị trong biên giới của mình. Đến phần mình, các công dân quen dần với mức bạo lực chính trị bằng không. Do đó, sân khấu khủng bố tạo nên những nỗi sợ hãi thâm căn về tình trạng vộ chính phủ, làm người ta cảm thấy như thể trật tự xã hội chuẩn bị sụp đổ. Sau nhiều thế kỷ tranh đấu đẫm máu, chúng ta đã bò ra khỏi hố đen bạo lực, nhưng chúng ta có cảm giác như hố đen vẫn còn đó, kiên nhẫn chờ nuốt chửng chúng ta một lần nữa. Một vài tội ác kinh hoàng xảy ra và ta tưởng như mình đang rơi trở lại vào hố thẳm.

Để xoa dịu những nỗi sợ này, nhà nước buộc phải đáp trả sân khấu khủng bố bằng sân khấu an ninh của chính mình. Câu trả lời hiệu quả nhất đối với chủ nghĩa khủng bố có thể là tình báo và các hoạt động bí mật tin cậy để chống lại các mạng lưới tài chính nuôi dưỡng khủng bố. Nhưng đây không phải điều mà các công dân có thể xem trên truyền hình. Các công dân đã chứng kiến màn kịch khủng bố khi Trung tâm Thương mại Thế giới sụp đổ. Nhà nước thấy mình buộc phải dàn dựng một vở đối-kịch hoành tráng không kém, thậm chí còn nhiều khói lửa hơn. Thế nên thay vì hành động lặng lẽ và hiệu quả, nhà nước tung ra một cơn bão mạnh, thường xuyên đáp ứng những mơ ước thầm kín nhất của bọn khủng bố.

Thế thì nhà nước phải đối phó với khủng bố như thế nào? Một cuộc đấu tranh chống khủng bố thành công nên được thực hiện trên ba mặt trận. Đầu tiên, các chính phủ phải tập trung vào các hành động bí mật chống các mạng lưới khủng bố. Thứ hai, giới truyền thông nên giữ mọi thứ trong đúng bối cảnh và tránh làm loạn lên. Nhà hát khủng bố không thể thành công nếu không được quảng bá. Không may là báo chí lại quá thường xuyên quảng bá không công cho chúng. Báo chí đưa tin một cách ám ảnh về các cuộc tấn công khủng bố và thổi phồng sự nguy hiểm của chúng lên đáng kể vì các báo cáo về khủng bố giúp bán được nhiều báo hơn các báo cáo về tiểu đường hay ô nhiễm không khí.

Mặt trận thứ ba là trí tưởng tượng của mỗi người chúng ta. Bọn khủng bố nắm giữ trí tưởng tượng của chúng ta và dùng nó để chống lại chúng ta. Hết lần này đến lần khác, chúng ta tua lại cuộc tấn công khủng bố trong đầu mình, nhớ lại vụ 11 tháng Chín hay các cuộc đánh bom liều chết mới nhất. Bọn khủng bố giết một trăm người và khiến 100 triệu người tưởng tượng là có một tên khủng bố nấp sau mỗi gốc cây. Trách nhiệm của mỗi công dân là tự giải phóng trí tưởng tượng của mình khỏi bọn khủng bố và nhắc cho mình nhớ về mức độ thực sự của mối đe dọa này. Chính nỗi sợ hãi của chúng ta đã khiến truyền thông bị ám ảnh về chủ nghĩa khủng bố và chính phủ phản ứng thái quá.

Do đó, thành công hay thất bại của chủ nghĩa khủng bố phụ thuộc vào chúng ta. Nếu ta để cho bọn khủng bố nắm giữ trí tưởng tượng của mình rồi phản ứng thái quá với chính những nỗi sợ của mình, chủ nghĩa khủng bố sẽ thành công. Nếu chúng ta giải phóng trí tưởng tượng của mình khỏi bọn khủng bố và phản ứng một cách cân bằng và bình tĩnh, chủ nghĩa khủng bố sẽ thất bại.

—ooOoo—

CHỦ NGHĨA KHỦNG BỐ TIẾN LÊN HẠT NHÂN

PHÂN TÍCH trên đúng với chủ nghĩa khủng bố mà ta đã biết trong hai thế kỷ trở lại đây và như nó đang hiện hình trên các đường phố của New York, London, Paris và Tel Aviv. Tuy nhiên, nếu bọn khủng bố chiếm được vũ khí hủy diệt hàng loạt thì bản chất của không chỉ chủ nghĩa khủng bố mà của cả nhà nước và chính trị toàn cầu sẽ thay đổi chóng mặt. Nếu các tổ chức nhỏ xíu đại diện cho một nhúm những tay cuồng tín có thể phá hủy toàn bộ các thành phố và giết hàng triệu người, không còn không gian công cộng nào có thể thoát khỏi bạo lực chính trị.

Do đó, trong khi chủ nghĩa khủng bố ngày nay chủ yếu là sân khấu thì chủ nghĩa khủng bố hạt nhân, khủng bố mạng hay khủng bố sinh học trong tương lai có thể biến thành một mối đe dọa nghiêm trọng hơn rất nhiều và

sẽ đòi hỏi các phản ứng mạnh mẽ hơn nhiều từ các chính phủ. Chính vì lẽ đó, chúng ta phải hết sức cẩn thận, không nhầm lẫn các hoạt cảnh tương lai mang tính giả thuyết như thế với các cuộc tấn công khủng bố thật mà ta chứng kiến cho đến nay. Nỗi sợ bọn khủng bố một ngày kia có thể chạm tay vào một quả bom hạt nhân và phá hủy New York hay London không thể biện minh cho phản ứng thái quá cuồng loạn dành cho một tên khủng bố giết một tá người đi đường bằng một khẩu súng tự động hay một chiếc xe điên. Các nhà nước thậm chí còn phải thận trọng hơn, không được khởi sự trừng phạt tất cả các nhóm bất đồng vì có thể một ngày nào đó họ sẽ cố chiếm lấy vũ khí hạt nhân hay "bẻ khóa" những chiếc xe tự hành và biến chúng thành một đội quân robot giết người.

Tương tự, mặc dù các chính phủ đương nhiên phải giám, sát các nhóm cấp tiến và hành động ngăn ngừa họ kiểm soát được các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt, họ cũng cần cân bằng nỗi sợ chủ nghĩa khủng bố hạt nhân với các kịch bản đầy đe dọa khác. Trong hai thập kỷ trở lại đây, nước Mỹ đã phung phí hàng nghìn tỷ đô la và rất nhiều "nguồn vốn" chính trị cho cuộc chiến chống khủng bố George W. Bush, Tony Blair, Barack Obama và chính quyền của họ có thể lý luận rằng bằng cách săn đuổi bọn khủng bố, họ buộc chúng phải nghĩ nhiều về sự sống còn hơn là có được bom hạt nhân. Do đó, họ có thể đã cứu được thế giới khỏi một vụ 11 tháng Chín hạt nhân. Đây là một tuyên bố phản-chứng - "nếu chúng ta không phát động cuộc chiến chống khủng bố, al-Qaeda hẳn đã kiếm được vũ khí hạt nhân" - nên ta khó lòng xác định nó là đúng hay sai.

Tuy nhiên, chúng ta có thể chắc chắn một điều rằng khi theo đuổi cuộc chiến chống khủng bố, người Mỹ và đồng minh của họ không chỉ đã gây ra vô số sự phá hủy trên khắp địa cầu mà còn tạo ra cái mà các nhà kinh tế học gọi là "chi phí cơ hội". Tiền bạc, thời gian và vốn chính trị đầu tư vào chống khủng bố đã không được đầu tư cho việc chống lại sự nóng lên toàn cầu, AIDS và đói nghèo, cho việc mang lại hòa bình và thịnh vượng cho châu Phi vùng hạ-Sahara, cho việc tạo ra mối quan hệ tốt hơn với Nga và Trung Quốc. Nếu New York hay London chìm xuống đáy Đại Tây Dương hay các căng thẳng với Nga bùng nổ thành một cuộc chiến tranh-nhỏ, người ta hoàn toàn có thể buộc tội Bush, Blair và Obama vì đã tập trung sai mặt trận.

Việc đặt ưu tiên trong thời gian thực là rất khó khăn, trong khi việc đã rồi, nhìn lại mà đoán lại quá dễ dàng. Chúng ta trách các lãnh đạo đã thất bại trong việc ngăn ngừa các thảm họa đã xảy ra, trong khi hoàn toàn vô tư không biết đến những thảm họa không bao giờ thành hình. Ví dụ, người ta nhìn lại chính quyền Clinton vào những năm 1990 và đổ cho nó tội bỏ qua mối đe dọa al-Qaeda. Nhưng vào những năm 1990, rất ít người hình dung nổi những tay khủng bố Hồi giáo có thể châm ngòi một mâu thuẫn toàn cầu bằng cách lao máy bay chở khách vào những tòa nhà chọc trời ở New York. Trái lại, nhiều người sợ rằng Nga có thể sụp đổ hoàn toàn và mất kiểm soát không chỉ với lãnh thổ mênh mông mà với cả hàng ngàn quả bom hạt nhân và bom sinh học của nó nữa. Một mối lo nữa là những cuộc chiến tranh đẫm máu ở Nam Tư cũ có thể lan sang các phần khác của Đông Âu, biến thành các mâu thuẫn giữa Hungary và Romania, giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Bulgaria hay giữa Ba Lan và Ukraine.

Nhiều người thậm chí còn hồi hộp hơn về sự tái hợp của nước Đức. Chỉ bốn thập kỷ rưỡi sau sự sụp đổ của Đế chế thứ Ba, nhiều người vẫn ấp ủ nỗi sợ tâm can về quyền lực Đức. Thoát khỏi “ảnh hưởng” của Liên Xô, liệu nước Đức có trở thành một siêu cường thống trị lục địa châu Âu? Còn Trung Quốc thì sao? Bị sự tan rã của khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu đánh động, Trung Quốc có thể từ bỏ các cải cách, trở về với những chính sách nặng tay trước đây và có thể một phiên bản giống Bắc Hàn xuất hiện.

Ngày nay, chúng ta có thể chế nhạo những kịch bản đáng sợ đó vì ta biết chúng đã không thành hiện thực. Tình thế ở Nga đã ổn định, phần lớn Đông Âu đã gia nhập EU trong hòa bình, nước Đức thống nhất ngày nay được “tung hô” là lãnh đạo của thế giới tự do và Trung Quốc đã trở thành đầu tàu kinh tế toàn cầu. Tất cả những điều này đạt được, ít nhất là một phần, nhờ các chính sách mang tính xây dựng của Mỹ và EU. Liệu có phải là khôn ngoan hơn nếu Hoa Kỳ và EU vào những năm 1990 tập trung vào các thành phần cực đoan Hồi giáo hơn là tình hình ở khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu hay ở Trung Quốc?

Chúng ta không thể chuẩn bị cho mọi tình huống. Do đó, tong khi ta chắc chắn phải phòng chống khủng bố hạt nhân, điều này không thể là mục số một trên lịch trình của loài người. Và đương nhiên, chúng ta không nên sử dụng mối đe dọa khủng bố hạt nhân trên lý thuyết như một cách biện hộ

cho việc phản ứng thái quá trước chủ nghĩa khủng bố thông thường. Đấy là các vấn đề khác nhau đòi hỏi các giải pháp khác nhau.

Nếu mặc cho các nỗ lực của chúng ta, các nhóm khủng bố cuối cùng vẫn chạm được tay vào vũ khí hủy diệt hàng loạt thì ta khó lòng biết được các cuộc đấu tranh chính trị sẽ được tiến hành như thế nào, nhưng chúng sẽ rất khác với các chiến dịch khủng bố và chống khủng bố đầu thế kỷ 21. Nếu vào năm 2050, thế giới đầy rẫy bọn khủng bố hạt nhân và khủng bố sinh học, các nạn nhân của chúng sẽ nhìn lại thế giới năm 2018 với sự thèm khát nhuốm màu hoài nghi: làm sao những người từng sống an toàn như vậy lại có thể cảm thấy bị đe dọa đến thế?

Dĩ nhiên, cảm giác hiện tại của chúng ta về sự nguy hiểm không chỉ bắt nguồn từ chủ nghĩa khủng bố. Nhiều nhà phân tích và người dân sợ rằng Thế chiến thứ ba đã kề cận và thế giới năm 2018 là sự gợi nhớ kỳ quái về thế giới năm 1914. Nay cũng như xưa, các căng thẳng gia tăng giữa các siêu cường cộng với các vấn đề toàn cầu khó đối phó có vẻ như đang lôi chúng ta đến một cuộc chiến toàn cầu. Liệu mối lo này có dễ biện minh hơn nỗi sợ khủng bố bị thổi phồng của chúng ta?



11

CHIẾN TRANH



ĐỪNG BAO GIỜ ĐÁNH GIÁ THẤP SỰ NGU XUẨN CỦA LOÀI NGƯỜI

CÁC THẬP kỷ gần đây là kỷ nguyên hòa bình nhất trong lịch sử loài người. Ở các xã hội nông nghiệp thời kỳ đầu, tới 15% số người chết là do bạo lực; trong thế kỷ 20, con số này là 5% thì ngày nay, bạo lực chỉ chịu trách nhiệm cho 1%. Thế nhưng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, tình hình thế giới đang ngày càng xấu đi: việc gây chiến đã trở lại thành xu thế và chi tiêu cho quốc phòng đang phình to. Cả người bình thường và các chuyên gia đều e ngại rằng cũng như cuộc ám sát thái tử Áo-Hung vào năm 1914 đã khơi mào Thế chiến thứ nhất, một sự việc ở sa mạc Syria hay một động thái thiếu khôn ngoan ở bán đảo Triều Tiên năm 2018 có thể châm ngòi cho một mâu thuẫn toàn cầu.

Với những căng thẳng đang gia tăng trên thế giới và cá tính của các lãnh đạo tại Washington, Bình Nhưỡng và một số nơi khác, chắc chắn chúng ta có lý do để lo lắng. Thế nhưng có một số điểm khác biệt then chốt giữa năm 2018 và năm 1914. Cụ thể, vào năm 1914, chiến tranh có sức lôi cuốn lớn với giới tinh hoa khắp địa cầu vì họ có rất nhiều ví dụ rõ ràng về việc các cuộc chiến thành công bồi đắp cho thịnh vượng kinh tế và quyền lực chính trị như thế nào. Trái lại, vào năm 2018, các cuộc chiến thành công có vẻ như đã trở thành một loài sinh vật sắp tuyệt chủng.

Từ thời của người Assyria và nhà Tần, các đế chế vĩ đại thường được xây dựng qua các cuộc chinh phạt. Cả vào năm 1914 nữa, tất cả các cường quốc lớn đều có được vị thế của mình nhờ chiến tranh. Chẳng hạn, đế quốc Nhật Bản trở thành một cường quốc trong khu vực nhờ các chiến

thắng trước Trung Quốc và Nga; Đức trở thành thống trị châu Âu sau các chiến thắng trước Áo-Hung và Pháp. Anh tạo dựng được đế chế lớn nhất và phồn thịnh nhất thế giới thông qua một loạt các cuộc chiến nhỏ rực rỡ khắp toàn cầu; vào năm 1882, khi xâm lược và chiếm được Ai Cập, nước Anh chỉ mất có 57 lính trong trận Tel el-Kebir quyết định. Trong khi ngày nay, việc chiếm đóng một nước Hồi giáo là ác mộng của phương Tây thì sau trận Tel el-Kebir, người Anh chỉ đối mặt với rất ít phản kháng có vũ trang, và trong hơn sáu thập kỷ, họ kiểm soát thung lũng sông Nile và kênh đào Suez trọng yếu. Các cường quốc châu Âu khác bắt chước người Anh, và bất cứ khi nào các chính phủ ở Paris, Rome hay Brussels cân nhắc việc đặt chân xuống mảnh đất Việt Nam, Libya hay Congo, nỗi sợ duy nhất của họ là ai đó có thể đến đó trước.

Ngay cả Hoa Kỳ cũng có được vị thế siêu cường của mình nhờ các hành động quân sự hơn là chỉ riêng kinh tế. Vào năm 1846, nó xâm lược Mexico và chinh phục California, Nevada, Utah, Arizona, New Mexico và các phần của Colorado, Kansas, Wyoming và Oklahoma. Hiệp ước hòa bình cũng xác nhận sáp nhập Texas vào Hoa Kỳ. Khoảng 13.000 lính Mỹ chết trong chiến tranh đã thêm vào 2,3 triệu kilomet vuông đất đai (hơn cả diện tích của Pháp, Anh, Đức, Tây Ban Nha và Ý cộng lại) cho Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Quả là một cuộc đổi chác thiên niên kỷ.

Vào năm 1914, giới tinh hoa ở Washington, London và Berlin biết chính xác một cuộc chiến thành công thì sẽ như thế nào và có thể kiếm được những gì từ đó. Trái lại, vào năm 2018, giới tinh hoa toàn cầu có lý do chính đáng để tin rằng kiểu chiến tranh như thế đã "tuyệt chủng". Mặc dù một số kẻ độc tài ở thế giới thứ ba và các thành phần phi-nhà nước vẫn tìm cách trở nên thịnh vượng nhờ chiến tranh, có vẻ như các cường quốc lớn không còn biết cách làm vậy nữa.

"Chiến thắng" vĩ đại nhất trong ký ức gần đây, Hoa Kỳ trước Liên bang Xô-viết, đã đạt được mà không có bất kỳ đụng độ quân sự lớn nào. Hoa Kỳ sau đó nếm chút mùi vị thoảng qua của chiến thắng quân sự kiểu cũ trong chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất, nhưng điều này chỉ dụ dỗ nó tiêu tốn hàng ngàn tỷ đô vào các thảm họa quân sự nhục nhã ở Iraq và Afghanistan. Trung Quốc, cường quốc đang lên đầu thế kỷ 21, đã thận trọng né mọi xung đột vũ trang từ sau thất bại trong cuộc chiến tranh biên giới với Việt Nam năm 1979 và sự đi lên của nó hoàn toàn nhờ vào các yếu

tố kinh tế. Trong khía cạnh này, nó không bắt chước các đế quốc Nhật, Đức và Ý của thời tiền 1941 mà noi theo những phát triển kinh tế thần kỳ của Nhật, Đức và Ý thời hậu 1945. Trong tất cả các trường hợp này, thịnh vượng kinh tế và vị thế địa chính trị đã đạt được mà không phải nổ một phát súng.

Ngay cả ở Trung Đông, võ đài đánh đấm của thế giới, các quyền lực xưng bá trong khu vực cũng không biết làm thế nào để tiến hành những cuộc chiến thành công. Iraq chẳng đạt được gì từ cuộc tắm máu kéo dài trong chiến tranh Iran-Iraq, từ đó đã tránh né mọi xung đột quân sự trực tiếp. Người Iran tài trợ và trang bị vũ khí cho các phong trào địa phương từ Iraq đến Yemen, từng cử các vệ binh cách mạng của mình đi giúp các đồng minh ở Syria và Lebanon, nhưng đến nay vẫn thận trọng không xâm lược nước nào. Iran gần đây đã trở thành bá chủ cả vùng không phải nhờ hào quang chiến tranh oanh liệt nào nơi chiến trường mà vì không có đối thủ. Hai kẻ thù chính của nó, Hoa Kỳ và Iraq, đã bị lôi kéo vào một cuộc chiến hủy diệt cả Iraq lẫn hứng thú của Hoa Kỳ đối với các bãi lầy ở Trung Đông, từ đó để lại Iran một mình tận hưởng chiến lợi phẩm.

Trường hợp của Israel cũng tương tự. Cuộc chiến thành công cuối cùng do Israel tiến hành diễn ra năm 1967. Từ đó đến nay, Israel thịnh vượng dù có nhiều chiến tranh, chứ không phải nhờ chiến tranh. Hầu hết các lãnh thổ chiếm được của Israel khiến đất nước này ì ạch bởi các gánh nặng kinh tế và các nghĩa vụ chính trị oằn vai. Cũng như Iran, Israel gần đây đã cải thiện vị thế địa chính trị của mình không phải nhờ thực hiện các cuộc chiến thành công mà nhờ né tránh các phi vụ quân sự. Trong khi chiến tranh tàn phá các kẻ thù trước đấy của Israel ở Iraq, Syria và Libya, Israel vẫn tỉnh táo. Có thể nói không bị hút vào cuộc nội chiến Syria chính là thành tựu chính trị vĩ đại nhất của Thủ tướng Benjamin Netanyahu (cho đến tháng Ba năm 2018). Nếu muốn, lực lượng tự vệ Israel (gọi tắt là IDF) có thể chiếm Damascus chỉ trong một tuần, nhưng Israel sẽ được lợi lộc gì từ chuyện đó? Với IDF, chinh phục dải Gaza và lật đổ chính quyền Hamas thậm chí còn dễ hơn, nhưng Israel đã liên tục tránh làm việc đó. Với tất cả khả năng quân sự của mình và lối nói năng hiếu chiến của các chính trị gia, Israel biết chiến tranh chẳng mang lại gì nhiều. Cũng như Mỹ, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản và Iran, Israel có vẻ đã hiểu rằng trong thế kỷ 21, chiến thuật thành công nhất là "tọa sơn quan hổ đấu".

—ooOoo—

BỐI CẢNH NHÌN TỪ KREMLIN

CHO ĐẾN nay, cuộc chiến thành công duy nhất do một cường quốc chính trong thế kỷ 21 thực hiện là việc Nga chiếm Crimea. Vào tháng Hai năm 2014, quân đội Nga chiếm bán đảo Crimea tấn công nước láng giềng Ukraine, sau đó sáp nhập vào Nga. Chẳng phải đánh đấm gì mấy, Nga đã giành được một lãnh thổ quan trọng về mặt chiến lược, gieo nỗi e ngại vào các láng giềng của mình và tái thiết lập vị thế như một cường quốc thế giới. Tuy nhiên, cuộc cưỡng chiếm thành công là nhờ một loạt tình huống lạ thường. Cả quân đội Ukraine lẫn dân cư địa phương đều không kháng cự mấy quân Nga, trong khi các cường quốc khác cố tránh can thiệp trực tiếp vào cuộc khủnghoảng. Các tình huống này khó có thể tái hiện ở nơi nào khác trên thế giới. Nếu điều kiện cần của một cuộc chiến thành công là sự vắng hóng các kẻ thù sẵn sàng chống cự bên gây chiến thì nó hạn chế đáng kể các cơ hội sẵn có.

Quả thực, khi Nga tìm cách tái hiện thành công crimea ở phần khác của Ukraine, nó đã vấp phải những kháng cự cứng rắn hơn đáng kể và cuộc chiến ở miền Đông Ukraine sa vào một trạng thái bế tắc không có lợi lộc gì. Tệ hơn (từ góc nhìn của Moscow), xung đột đã nhen nhóm lên các cảm giác "bài Nga" trong Ukraine, và biến đất nước này từ một đồng minh thành kẻ thù không đội trời chung. Cũng như thành công trong chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất đã kéo Mỹ với dài tay sang Iraq, thành công ở Crimea có thể đã nhử Nga cố gắng vượt sức ở Ukraine.

Tóm lại, các cuộc chiến của Nga ở Kavkaz và Ukraine vào đầu thế kỷ 21 khó có thể được mô tả là rất thành công. Dù đã nâng cao uy thế của Nga như một cường quốc, chúng cũng dã gia tăng sự thiếu tin tưởng và đối địch với nước Nga; nói theo thuật ngữ kinh tế thì chúng là những doanh nghiệp thất bát. Các khu nghỉ dưỡng ở Crimea và các nhà máy xuống cấp từ thời Liên Xô ở Luhansk và Donetsk khó có thể cân được cái giá của việc

trang trải cho chiến tranh; chúng chắc chắn không thể bù lại chì phí thoái vốn và trừng phạt quốc tế. Để nhận thức dược hạn chế của chính sách Nga, ta chỉ cần so sánh tiến bộ kinh tế vượt bậc của Trung Hoa hòa bình trong hai mươi năm trở lại đây với sự ì trệ về kinh tế của nước Nga trong cùng thời điểm.

Mặc dù mạnh miệng phát biểu từ Moscow, bản thân giới tinh hoa Nga có lẽ cũng ý thức rõ các chi phí và lợi ích thật sự của các chuyến phiêu lưu quân sự của mình; đấy là lý do vì sao họ đã rất cẩn trọng không leo thang chiến tranh. Nga trước giờ vẫn đi theo nguyên tắc "ép" ở sân chơi: chọn kẻ yếu nhất và đừng có để nó bầm giập quá, kẻo cô giáo can thiệp. Nếu Putin tiến hành các cuộc chiến theo tinh thần của Stalin, Peter Đại đế hay Thành Cát Tư Hãn thì xe tăng Nga từ lâu đã lao về Tbilisi hay Kiev rồi, nếu không phải là Warsaw và Berlin. Nhưng Putin không phải Thành Cát Tư Hãn, cũng chẳng phải Stalin. Ông có vẻ biết rõ hơn ai hết rằng quyền lực quân sự không thể đi xa trong thế kỷ 21 và tiến hành một cuộc chiến thành công có nghĩa là tiến hành một cuộc chiến có giới hạn. Ngay cả ở Syria, mặc cho các cuộc không kích dữ dội của Nga, Putin vẫn cẩn trọng hạn chế tối thiểu dấu vết của Nga, để những lực lượng khác thực hiện toàn bộ những màn đánh đấm quan trọng và ngăn chiến tranh không lan sang các nước láng giềng.

Quả thật, từ góc nhìn của Nga, tất cả các nước đi có vẻ bạo liệt của nó trong những năm gần đây không phải là những nước đi mở đầu cho một cuộc chiến toàn cầu mới mà là một nỗ lực để chống đỡ những phòng tuyến bị "hở sườn". Người Nga có lý khi chỉ ra rằng, sau các cuộc tháo lui trong hòa bình của họ vào cuối thập niên 1980 và đầu 1990, họ đã bị đối xử như một kẻ thua trận. Hoa Kỳ và NATO lợi dụng sự suy yếu của Nga, và dù hứa hẹn ngược lại, đã mở rộng NATO đến Đông Âu và thậm chí đến một số nước cộng hòa cũ thuộc Liên bang Xô-viết. Phương Tây tiếp tục phớt lờ các lợi ích của Nga ở Trung Đông, xâm lược Serbia và Iraq dưới những cái cớ mù mờ, nói chung đã thể hiện rõ với Nga là nó chỉ có thể trông chờ vào sức mạnh quân sự của riêng mình để bảo vệ tầm ảnh hưởng của nó khỏi những đòn tấn công từ phương Tây. Từ góc nhìn này, các nước đi quân sự gần đây của Nga có thể đổ tại Bill Clinton và George W. Bush cũng nhiều ngang với Vladimir Putin vậy.

Dĩ nhiên, các hành động quân sự của Nga ở Georgia, Ukraine và Syria có thể trở thành loạt đạn mở màn cho một động cơ táo bạo hơn nhiều. Ngay cả khi đến giờ Putin chưa suy xét các kế hoạch nghiêm túc để chinh phục địa cầu, thành công vẫn có thể thổi bùng tham vọng của ông. Tuy nhiên, cũng nên nhớ rằng nước Nga của Putin yếu hơn nhiều so với Liên bang Xô-viết; trừ phi Nga được các nước khác cùng tham gia như Trung Quốc, nó không thể chống lưng cho một cuộc Chiến tranh Lạnh mới, nói gì đến một cuộc thế chiến toàn diện. Nga có dân số 150 triệu người và GDP 4 nghìn tỷ đô la. về cả dân số và sản xuất, nó bị cả Hoa Kỳ (325 triệu người và 19 nghìn tỷ đô la) và Liên minh châu Âu (500 triệu người và 21 nghìn tỷ đô la) lấn át. Cộng lại, Hoa Kỳ và EU có số dân gấp năm và số đô la gấp mười lần Nga.

Các tiến bộ công nghệ gần đây đã khiến khoảng cách này thậm chí còn lớn hơn. Liên Xô đạt đỉnh vào giữa thế kỷ 20, khi công nghiệp nặng là đầu tàu của nền kinh tế toàn cầu và hệ thống tập trung hóa của Xô-viết vượt trội trong sản xuất hàng loạt máy cày, xe tải, xe tăng và tên lửa xuyên lục địa. Ngày nay, công nghệ thông tin và công nghệ sinh học quan trọng hơn công nghiệp nặng, nhưng nước Nga chưa vượt trội trong cả hai mặt. Mặc dù có năng lực chiến tranh mạng ấn tượng, nó vẫn thiếu một khu vực IT dân sự và nền kinh tế của nó phụ thuộc quá nhiều vào tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt. Điều này có thể đủ để làm giàu cho một vài nhà tài phiệt và giữ Putin ở vị thế quyền lực, nhưng không đủ để chiến thắng một cuộc chạy đua vũ trang số hay công nghệ sinh học.

Quan trọng hơn, nước Nga của Putin thiếu một ý thức hệ toàn cầu. Trong Chiến tranh Lạnh, Liên Xô từng dựa vào sức hút toàn cầu của chủ nghĩa xã hội cũng nhiều như sức vươn toàn cầu của hồng quân. Tư tưởng của Putin, trái lại, không có gì nhiều để mang đến cho người Cuba, những trí thức người Việt hay Pháp. Chủ nghĩa quốc gia toàn trị quả thực có thể đang rộng; nhưng bởi chính bản chất của mình, nó không có tác dụng hình thành các khối quốc tế gắn kết. Trong khi chủ nghĩa toàn trị ở Ba Lan và ở Nga đều cam kết, ít nhất là trên lý thuyết, vì lợi ích toàn cầu của công nhân quốc tế, thì chủ nghĩa dân tộc Nga và chủ nghĩa dân tộc Ba Lan, về định nghĩa, đã cam kết vì các lợi ích đối kháng nhau. Khi sự trỗi dậy của Putin nhen nhóm sự trào dâng của chủ nghĩa dân tộc Ba Lan, điều này chỉ khiến Ba Lan quay lưng với lại Nga hơn bao giờ hết.

Mặc dù đã bắt đầu một chiến dịch thông tin và "lật đổ" toàn cầu với mục tiêu nhằm vào NATO và EU, có vẻ như khó có khả năng Nga chuẩn bị mở màn một chiến dịch chinh phục thế giới thực. Ta có thể hy vọng, với một vài lý do chính đáng, rằng việc chiếm Crimea và các cuộc tấn công vào Georgia và Đông Ukraine sẽ vẫn là các ví dụ rời rạc, hơn là những báo hiệu của một kỷ nguyên chiến tranh mới.

—ooOoo—

CÁC CUỘC CHIẾN THẮNG LỢI, MÔN NGHỆ THUẬT ĐÃ MẤT

TẠI SAO các cường quốc lớn lại khó thực hiện các cuộc chiến thành công trong thế kỷ 21? Một lý do là sự thay đổi trong bản chất của nền kinh tế. Trong quá khứ, các tài sản kinh tế chủ yếu mang tính vật chất, vậy nên việc tự làm giàu bằng cách đi chinh phục khá là rõ ràng. Nếu anh đánh bại kẻ thù trên chiến trường, anh có thể lấy lại vốn bằng cách cướp bóc các thành phố của chúng, bán thường dân của chúng trong các chợ nô lệ và chiếm các ruộng lúa mì, các mỏ vàng quý giá. Người La Mã giàu lên nhờ bán những người Hy Lạp và Gaul bị bắt; người Mỹ thế kỷ 19 phát đạt nhờ chiếm các mỏ vàng ở California và các trại gia súc ở Texas.

Thế nhưng vào thế kỷ 21, chỉ những thứ lợi lộc bèo bọt mới được kiếm bằng cách đó. Ngày nay, các tài sản kinh tế chủ yếu bao gồm kiến thức kỹ thuật và tổ chức hơn là các cánh đồng lúa mì, các mỏ vàng hay thậm chí các giếng dầu; và anh đơn giản là không thể chinh phục kiến thức bằng chiến tranh. Một tổ chức như Nhà nước Hồi giáo có thể vẫn phát triển nhờ cướp bóc các thành phố và các giếng dầu ở Trung Đông: chúng cướp được hơn 500 triệu đô la từ các nhà băng ở Iraq, và vào năm 2015 kiếm thêm 500 triệu nữa nhờ bán dầu; nhưng với một cường quốc như Trung Quốc hay Hoa Kỳ, đấy chỉ là những con số "quá muỗi". Với GDP hằng năm hơn 20 nghìn tỷ đô la, Trung Quốc hẳn không muốn bắt đầu một cuộc chiến chỉ vì một tỷ đô bọ. Còn chuyện chi hàng nghìn tỷ cho một cuộc chiến chống

lại Mỹ, làm sao Trung Quốc trả nổi các chi phí đó và cân bằng được những thiệt hại do chiến tranh và các cơ hội giao thương mất đi gây ra? Liệu giải phóng quân thắng lợi có cướp được của cải của Thung lũng Silicon? Đúng, các tập đoàn như Apple, Facebook và Google có giá hàng trăm tỷ đô la, nhưng anh không thể chiếm gia tài của họ bằng vũ trang. Chẳng có mỏ silicon nào ở Thung lũng Silicon cả.

Một cuộc chiến thành công về lý thuyết vẫn có thể mang lại lợi nhuận khổng lồ bằng cách cho phép người chiến thắng tái sắp xếp hệ thống thương mại thế giới theo hướng có lợi cho mình, như Anh đã làm sau chiến thắng trước Napoleon và như Mỹ đã làm sau chiến thắng trước Hitler. Tuy nhiên, các thay đổi trong công nghệ quân sự khiến việc lặp lại chiến thắng này trở nên khó khăn trong thế kỷ 21. Bom nguyên tử đã biến thắng lợi trong một cuộc thế chiến thành tự sát tập thể. Chẳng phải trùng hợp mà từ sau vụ Hiroshima, các siêu cường không bao giờ đánh nhau trực diện mà chỉ tham gia vào những thứ (với họ) là các xung đột nguy cơ thấp, trong đó sức cám dỗ phải sử dụng vũ khí hạt nhân để tránh thất bại là nhỏ. Quả thật, ngay cả việc tấn công một sức mạnh hạt nhân loại hai như Bắc Hàn đã là một đề xuất cực kỳ kém hấp dẫn rồi. Thật đáng sợ khi nghĩ đến điều mà họ có thể sẽ làm nếu đối diện với thất bại quân sự.

Chiến tranh mạng khiến mọi thứ còn tệ hơn đối với các đế quốc tiềm năng. Vào thời Nữ hoàng Victoria và súng Maxim, quân đội Anh có thể tàn sát những thổ dân trong một sa mạc xa xôi nào đó mà không đe dọa gì đến hòa bình của Manchester và Birmingham. Ngay trong những ngày của George W. Bush, nước Mỹ có thể tàn phá Baghdad và Fallujah trong khi người Iraq không có cách nào để trả đũa San Francisco hay Chicago. Nhưng nếu ngày nay, Mỹ tấn công một nước sở hữu dù chỉ năng lực chiến tranh mạng trung bình, cuộc chiến có thể bị đưa đến California hay Illinois chỉ trong vài phút. Các mã độc và bom logic có thể dừng không lưu ở Dallas, khiến tàu hỏa đâm vào nhau ở Philadelphia và đánh sập mạng lưới điện ở Michigan.

Vào thời kỳ vĩ đại của các nhà chinh phục, chiến tranh là một phi vụ ít thiệt hại, nhiều lợi lộc. Trong trận Hastings năm 1066, William Kẻ Chinh Phục chiếm được cả nước Anh chỉ trong một ngày với cái giá là vài ngàn người chết. Vũ khí hạt nhân và chiến tranh mạng, trái lại, là các công nghệ thiệt hại cao, lợi nhuận thấp. Bạn có thể sử dụng các công cụ như vậy để

phá hủy hoàn toàn nhiều đất nước chứ không phải để xây nên các đế chế phồn thịnh.

Trong một thế giới đang dần vang lên những tiếng gươm khua và đầy năng lượng xấu, có lẽ sự đảm bảo hòa bình tốt nhất của chúng ta là các cường quốc chính yếu không nhìn thấy những ví dụ gần đây về các cuộc chiến thành công. Trong khi Thành Cát Tư Hãn hay Julius Caesar xâm lược một nước khác gần như ngay lập tức thì các lãnh đạo dân tộc chủ nghĩa thời hiện đại như Erdogan, Modi và Netanyahu mạnh mồm nhưng lại rất thận trọng trong việc thực sự mở màn chiến tranh. Dĩ nhiên, nếu ai đó thật sự tìm được một công thức tiến hành các cuộc chiến thành công trong các điều kiện của thế kỷ 21, những cánh cửa địa ngục có thể mở đánh rầm. Đây là điều khiến thành công của Nga ở Crimea trở thành một điềm báo đáng quan tâm. Hãy hy vọng nó tiếp tục là một ngoại lệ.

—ooOoo—

CUỘC DIỄU HÀNH NGU XUẨN

LẠY TRỜI, ngay cả nếu chiến tranh vẫn là một hoạt động không lợi lộc gì trong thế kỷ 21, điều đó vẫn không thể cho chúng ta một đảm bảo tuyệt đối về hòa bình. Chúng ta không bao giờ được đánh giá thấp sự xuẩn ngốc của loài người. Cả trên bình diện cá nhân và tập thể, con người có khuynh hướng tham gia vào các hoạt động tự hủy diệt.

Vào năm 1939, chiến tranh có lẽ là một động thái phản tác dụng đối với các quốc gia phe Trục[12], thế nhưng điều đó cũng không cứu thế giới tránh khỏi xung đột. Một trong những điều đáng kinh ngạc về Thế chiến thứ hai là sau khi kết thúc, các nước thua cuộc lại thịnh vượng hơn bao giờ hết. Hai mươi năm sau sự hủy diệt hoàn toàn của quân đội và sự sụp đổ hoàn toàn của các đế chế của mình, người Đức, người Ý và người Nhật đã tận hưởng những mức độ thịnh vượng chưa từng có. Thế thì tại sao họ lại đi đánh nhau ngay từ đầu? Tại sao họ lại mang đến cái chết và sự hủy diệt không cần thiết cho vô số triệu người? Tất cả chỉ là một sự tính toán sai

lầm ngu xuẩn. Vào những năm 1930, các tướng lĩnh, đô đốc, nhà kinh tế và nhà báo Nhật đồng ý với nhau rằng nếu không kiểm soát được Triều Tiên, Mãn Châu và vùng bờ biển Trung Hoa, Nhật Bản sẽ phải chịu cảnh ì trệ kinh tế. Tất cả bọn họ đã sai. Trên thực tế, phép mầu kinh tế nổi tiếng mang tên Nhật Bản chỉ bắt đầu sau khi Nhật thất bại trong mọi cuộc chinh phục lục địa của mình.

Sự xuẩn ngốc của con người là một trong những động lực quan trọng nhất trong lịch sử, thế nhưng chúng ta thường có xu hướng không tính đến nó. Các chính trị gia, tướng lĩnh và học giả đối xử với thế giới như một ván cờ vĩ đại, nơi mỗi nước đi đều theo các tính toán lý tính cẩn trọng. Điều này là đúng cho đến một điểm nào đó. Rất ít nhà lãnh đạo trong lịch sử bị điên theo nghĩa đen, di chuyển các quân tốt và quân mã một cách tùy tiện. Tướng Tojo, Saddam Hussein có các lý do hợp lý cho mọi nước cờ họ đi. Vấn đề là thế giới phức tạp hơn nhiều so với một bàn cờ, và lý tính của con người không đủ khả năng thực sự hiểu được nó. Do đó, ngay cả các lãnh đạo lý tính cũng thường xuyên làm những việc rất thiếu khôn ngoan.

Thế thì chúng ta nên sợ một cuộc thế chiến đến mức nào? Một mặt, chiến tranh chắc chắn là tránh được. Sự kết thúc hòa bình của Chiến tranh Lạnh chứng minh rằng khi con người đưa ra những quyết định đúng, ngay cả các xung đột siêu cường cũng có thể được giải quyết một cách hòa bình. Hơn nữa, cho rằng một cuộc thế chiến mới là không thể tránh khỏi là quá nguy hiểm. Nó sẽ là một lời tiên tri tự biến thành hiện thực. Một khi các quốc gia cho rằng chiến tranh là không tránh khỏi, họ sẽ tăng cường quân sự, khởi động các cuộc chạy đua vũ trang leo thang, từ chối thỏa hiệp trong bất cứ xung đột nào và nghi ngờ các hành động thiện chí chỉ là những cái bẫy. Điều đó đảm bảo sự bùng nổ chiến tranh.

Mặt khác, sẽ là ngây thơ nếu cho rằng chiến tranh là bất khả. Ngay cả nếu chiến tranh có là thảm họa cho tất cả mọi người, không vị thần và không luật lệ tự nhiên nào bảo vệ chúng ta khỏi sự xuẩn ngốc của loài người.

Liều thuốc khả dĩ cho sự xuẩn ngốc đó là khiêm tốn. Các căng thẳng dân tộc, tôn giáo và văn hóa trở nên tệ hại hơn vì cảm giác phô trương cho rằng dân tộc tôi, tôn giáo tôi và văn hóa tôi là quan trọng nhất trên thế giới, do đó các lợi ích của tôi phải đứng trước lợi ích của bất kỳ ai khác hay của

cả nhân loại. Làm sao ta khiến các dân tộc, các tôn giáo và các nền văn hóa trở nên thực tế và khiêm tốn hơn một chút về vị trí thực của chúng trên thế giới?



12

KHIÊM NHƯỜNG



BẠN KHÔNG PHẢI LÀ TRUNG TÂM CỦA THẾ GIỚI

HẦU HẾT mọi người có xu hướng tin rằng họ là trung tâm của thế giới và văn hóa của họ là chốt chặn của lịch sử nhân loại. Nhiều người Hy Lạp tin rằng lịch sử bắt đầu với Homer, Sophocles và Plato, mọi ý tưởng và phát minh quan trọng đều được sinh ra ở Athens, Sparta, Alexandria hay Constantinople. Những nhà dân tộc chủ nghĩa Trung Hoa bác lại rằng lịch sử thật sự bắt đầu từ Tần Thủy Hoàng và các triều đại nhà Hạ, nhà Thương; bất cứ thứ gì người phương Tây, người Hồi hay người Ấn Độ đạt được chỉ là một bản sao mờ nhạt của các phát kiến bắt nguồn từ Trung Hoa.

Người Hindu theo chủ nghĩa bản địa bài ngoại gạt đi những lời huênh hoang này của người Trung Hoa và cho rằng ngay cả máy bay và bom hạt nhân cũng đã được các nhà hiền triết cổ xưa phát minh ra tại tiểu lục địa Ấn Độ rất lâu trước Khổng Tử hay Plato, chứ đừng nói đến Einstein và anh em nhà Wright. Ví dụ, bạn có biết Maharishi Bhardwaj đã phát minh ra tên lửa và máy bay, Vishwamitra không chỉ phát minh mà còn sử dụng tên lửa, Acharya Kanad là cha đẻ của lý thuyết hạt nhân và Mahabharata đã mô tả một cách chính xác vũ khí hạt nhân?

Những người Hồi sùng đạo xem toàn bộ lịch sử trước thời tiên tri Muhammad là gần như không thích đáng; họ coi toàn bộ lịch sử sau khi kinh Quran được mặc khải là xoay quanh cộng đồng Hồi giáo. Các ngoại lệ chính là những nhà dân tộc chủ nghĩa người Thổ, Iran và Ai Cập; họ cho rằng ngay cả trước thời Muhammad, quốc gia cụ thể của họ đã là suối nguồn của mọi điều tốt đẹp về loài người và ngay cả sau khi kinh Quran

được mặc khải, chủ yếu vẫn là dân tộc họ đã gìn giữ sự trong sạch của đạo Hồi và lan tỏa hào quang của nó.

Không cần nói cũng biết người Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Nga, Nhật và nhiều các nhóm khác cũng tin tưởng tương tự rằng nhân loại hẳn sẽ sống trong "mông muội", "hoang dã" và "vô đạo" nếu không có những thành tựu rực rỡ của quốc gia họ. Một số người trong lịch sử còn đi xa đến mức tưởng tượng rằng các thể chế chính trị và thực hành tôn giáo của mình là tối quan trọng đối với các quy luật vật lý. Do đó, người Aztec tin tưởng chắc chắn rằng nếu không có những hiến tế mà mình thực hiện mỗi năm, mặt trời sẽ không mọc và toàn thể vũ trụ sẽ tan rã.

Những tuyên bố này là không chính xác. Chúng kết hợp một sự phớt lờ cố ý về lịch sử với hơi nhiều phân biệt chủng tộc. Không một tôn giáo hay dân tộc nào ngày nay từng tồn tại khi loài người bắt đầu định cư trên thế giới, thuần hóa cây cối và súc vật, xây những thành phố đầu tiên hay phát minh ra chữ viết và tiền tệ. Đạo đức, nghệ thuật, tinh thần và sáng tạo là các khả năng phổ quát của con người đã ăn sâu vào ADN của chúng ta. Khởi nguyên của chúng nằm ở châu Phi thời Đồ Đá. Do đó, việc gán chúng với một thời điểm và nơi chốn cận đại chỉ là thói tự đại thô thiển, dù là Trung Hoa thời Tam Hoàng Ngũ Đế, Hy Lạp thời Plato hay Ả Rập thời Muhammad.

Về cá nhân mà nói, tôi đã quá quen với loại tự cao thô thiển như vậy vì người Do Thái dân tộc tôi cũng nghĩ mình quan trọng nhất thế giới. Hãy kể tên bất cứ thành tựu hay phát minh nào của nhân loại, họ sẽ nhanh chóng tranh công. Biết họ đến chân tơ kẽ tóc, tôi cũng biết họ thật sự tin tưởng vào những tuyên bố đó. Tôi từng học một giáo viên yoga ở Israel, người mà ngay trong buổi giới thiệu đầu tiên đã giải thích một cách hết sức nghiêm túc rằng yoga là do Abraham sáng tạo ra và tất cả các tư thế yoga cơ bản đều bắt nguồn từ hình dạng của những chữ cái trong bảng chữ cái Do Thái (Do đó, tư thế tam giác mở rộng *trikonasana* bắt chước dáng chữ *aleph*, tư thế thăng bằng hình chữ T *tuladandasana* bắt chước chữ *daled* . . .). Abraham đã dạy các tư thế này cho con trai của một trong các bà vợ của mình; người này đến Ấn Độ và dạy yoga cho người Ấn. Khi tôi hỏi chứng cứ, ông thầy dẫn ngay một đoạn thánh kinh: "Và tới các con trai của những người vợ của mình, Abraham ban quà và khi vẫn còn sống, ông cử họ rời xa con trai Isaac của ông, về phương Đông đến đất nước ở phía Đông"

(Sách Sáng thế 25:6). Những món quà này có thể là gì khác đây? Đấy, bạn thấy chưa, ngay cả yoga cũng do người Do Thái sáng tạo ra!

Xem Abraham là ông tổ của yoga chỉ là một ví dụ nhỏ. Thế nhưng Do Thái giáo dòng chính nghiêm túc cho rằng toàn thể vũ trụ tồn tại chỉ để các thầy tu Do Thái có thể nghiên cứu các bản thánh kinh của mình; nếu người Do Thái ngừng tu tập, vũ trụ sẽ kết thúc. Trung Quốc, Ấn Độ, Úc và thậm chí các thiên hà xa xôi sẽ bị tiêu diệt hết thảy nếu các thầy tu ở Jerusalem và Brooklyn ngừng tranh luận về kinh Talmud. Đây là một bản kinh trung tâm của người Do Thái chính thống và bất cứ ai dám nghi ngờ nó bị xem là một thằng ngốc không biết gì. Những người Do Thái thế tục có thể có một chút nghi ngờ về tuyên bố to tát này, nhưng họ cũng tin người Do Thái là các anh hùng trung tâm của lịch sử và là cội nguồn tối thượng của đạo đức, tinh thần và học vấn loài người.

Những gì dân tộc tôi thiếu về số lượng và ảnh hưởng thật sự được họ bù đắp thừa mứa bằng tinh thần Do Thái. Vì phê phán dân tộc mình thì lịch sự hơn là phê phán người nước ngoài, tôi sẽ sử dụng ví dụ về Do Thái giáo để minh họa mức độ lố của các tuyên bố tự cao tự đại như vậy; và tôi sẽ dành việc đâm thủng quả bóng bay do chính dân tộc mình thổi phồng lên cho các độc giả.

—ooOoo—

MẸ CỦA FREUD

CUỐN SÁCH *Sapiens: Lược sử loài người* của tôi được viết nguyên bản bằng tiếng Do Thái cho công chúng Israel. Sau khi ấn bản tiếng Do Thái được xuất bản năm 2011, câu hỏi phổ biến nhất mà tôi nhận được từ các độc giả Israel là tại sao tôi gần như không nói đến Do Thái giáo trong lịch sử loài người. Tại sao tôi viết nhiều về Cơ Đốc giáo, Hồi giáo và Phật giáo nhưng chỉ dành vài lời cho Do Thái giáo và dân tộc Do Thái? Có phải tôi đang cố tình phớt lờ đóng góp to lớn của họ đối với lịch sử loài người? Hay là tôi bị một động cơ chính trị thâm hiểm nào đó xúi giục?

Những câu hỏi như vậy đến với người Do Thái ở Israel một cách tự nhiên; họ được giáo dục từ mẫu giáo để nghĩ rằng Do Thái giáo là "siêu sao" của lịch sử loài người. Trẻ em Israel thường kết thúc mười hai năm học mà không nhận được bất cứ bức tranh rõ ràng nào về các tiến trình lịch sử toàn cầu. Chúng gần như không được dạy gì về Trung Quốc, Ấn Độ hay châu Phi; mặc dù chúng có học về Đế chế La Mã, Cách mạng Pháp và Thế chiến thứ hai, các mảnh ghép rời rạc này không gộp được thành một câu chuyện mang tính kết nối. Thay vào đó, thứ lịch sử mạch lạc duy nhất mà hệ thống giáo dục Israel đem lại bắt nguồn từ kinh Cựu Ước tiếng Do Thái, tiếp đến thời kỳ Thánh điện Đệ nhị, bỏ qua một số cộng đồng Do Thái khác nhau trong thời Lưu vong và kết thúc với sự trỗi dậy của Chủ nghĩa Phục quốc Do Thái, cuộc diệt chủng Do Thái và sự thành lập nhà nước Israel. Hầu hết học sinh rời ghế nhà trường mà tin rằng đây phải là cốt truyện chính của toàn bộ lịch sử loài người. Ngay cả khi học sinh nghe nói đến Đế chế La Mã hay Cách mạng Pháp, cuộc bàn luận trong lớp học cũng tập trung vào cách Đế chế La Mã đối xử với người Do Thái hay về vị thế pháp lý và chính trị của người Do Thái trong Cộng hòa Pháp. Những người được nhồi nhét một chế độ lịch sử như vậy rất khó "tiêu hóa" được ý tưởng Do Thái giáo có tương đối ít ảnh hưởng lên thế giới nói chung.

Thế nhưng sự thật là Do Thái giáo chỉ đóng một vai trò khiêm tốn trong biên niên sử của giống loài chúng ta. Không như các tôn giáo toàn cầu khác như Thiên Chúa giáo, Hồi giáo và Phật giáo, Do Thái giáo luôn là một tín ngưỡng bộ lạc. Nó tập trung vào số phận của một quốc gia nhỏ và một vùng đất bé xíu, và có rất ít hứng thú với số phận của tất cả những người khác và các quốc gia khác. Chẳng hạn, nó chẳng mấy quan tâm đến các sự kiện ở Nhật Bản hay cư dân vùng tiểu lục địa Ấn Độ. Do đó, chẳng trách mà vai trò lịch sử của nó là hạn chế.

Chắc chắn đúng là Do Thái giáo là khởi nguồn của Cơ Đốc giáo và tạo ảnh hưởng đến sự ra đời của Hồi giáo, hai trong số các tôn giáo quan trọng nhất trong lịch sử. Tuy nhiên, công trạng của các thành tựu toàn cầu của Cơ Đốc giáo và Hồi giáo, cũng như nỗi hổ thẹn đối với rất nhiều lỗi lầm của chúng, thuộc về bản thân người Cơ Đốc và người Hồi hơn là người Do Thái. Cũng như sẽ là bất công khi đổ lỗi cho Do Thái giáo về những cuộc tàn sát trong những cuộc Thập tự chinh (Cơ Đốc giáo chịu trách nhiệm 100%), đồng thời không có lý do gì ghi nhận công lao của Do Thái

giáo với ý tưởng Cơ Đốc quan trọng rằng tất cả mọi người đều bình đẳng trước Chúa (một ý tưởng đối lập trực tiếp với Do Thái giáo chính thống, đến nay vẫn cho rằng, về bản chất thì người Do Thái vốn ưu việt hơn tất cả các giống người khác).

Vai trò của Do Thái giáo trong lịch sử nhân loại hơi giống như vai trò của mẹ Freud trong lịch sử phương Tây hiện đại. Dù tốt dù xấu, Sigmund Freud cũng có ảnh hưởng to lớn đến khoa học, văn hóa, nghệ thuật và trí tuệ dân gian của phương Tây hiện đại. Cũng đúng là nếu không có mẹ Freud, chúng ta sẽ chẳng có Freud; và cá tính, tham, vọng cũng như ý tưởng của Freud chắc hẳn đã được định hình đáng kể nhờ mối quan hệ với mẹ ông, ông hẳn sẽ là người đầu tiên thừa nhận điều ấy. Nhưng khi viết sử phương Tây hiện đại, không ai nghĩ là sẽ tìm thấy nguyên một chương nói về mẹ của Freud cả. Tương tự, không có Do Thái giáo, ta sẽ không có Cơ Đốc giáo; nhưng điều đó không có nghĩa là ta cần gán cho Do Thái giáo một tầm quan trọng quá lớn khi viết lịch sử thế giới. Vấn đề cốt yếu là Cơ Đốc giáo đã làm gì với di sản của người mẹ Do Thái của nó.

Không cần nói cũng biết người Do Thái là một dân tộc độc đáo với một lịch sử đáng kinh ngạc (dù điều này cũng đúng với hầu hết các dân tộc). Tương tự, không cần nói cũng biết truyền thống Do Thái đầy những suy tưởng thâm sâu và các giá trị cao quý (dù cũng có đầy các ý tưởng đáng đặt câu hỏi và các thái độ phân biệt chủng tộc, ghét phụ nữ, kỳ thị người đồng tính). Ngoài ra cũng đúng là so với số lượng của mình, người Do Thái có một ảnh hưởng cực lớn với lịch sử 2.000 năm gần đây. Nhưng khi nhìn vào bức tranh lớn của lịch sử chúng ta với tư cách một giống loài từ sự xuất hiện của *Homo sapiens* hơn 100.000 năm trước, rõ ràng, đóng góp của người Do Thái với lịch sử là rất hạn chế. Con người đã định cư trên cả hành tinh, thực hành nông nghiệp, xây những thành phố đầu tiên và phát minh ra chữ viết cùng tiền tệ hàng ngàn năm trước sự xuất hiện của Do Thái giáo.

Ngay cả trong hai thiên niên kỷ vừa qua, nếu bạn nhìn lịch sử từ góc độ của một người Trung Quốc hay của người Anh-điêng châu Mỹ, thật khó mà thấy được bất cứ đóng góp lớn nào của người Do Thái, trừ phi nhìn qua lăng kính của người Cơ Đốc hay người Hồi. Do đó, kinh Cựu Ước Do Thái cuối cùng đã trở thành một hòn đá tảng của văn hóa con người toàn cầu vì nó đã được Cơ Đốc giáo nồng nhiệt đón chào và hợp nhất vào Kinh

Thánh của họ. Trái lại, kinh Talmud, bản kinh có tầm quan trọng đối với văn hóa Do Thái lớn hơn nhiều so với kinh Cựu Ước, lại bị Cơ Đốc giáo khước từ, do đó tiếp tục là một văn bản bí truyền chẳng được người Ả Rập, người Ba Lan hay người Hà Lan, chưa kể người Nhật và người Maya, biết đến là mấy (Đây quả là một điều đáng tiếc vì kinh Talmud là một cuốn sách thấu suốt và giàu lòng trắc ẩn hơn kinh Cựu Ước rất nhiều).

Bạn có thể kể tên một tác phẩm nghệ thuật vĩ đại lấy cảm hứng từ kinh Cựu Ước không? Ồ, dễ quá: tượng *David* của Michelangelo, vở opera *Nabucco* của Verdi, bộ phim *Mười điều răn* của Cecil B. DeMille. Bạn có biết tác phẩm nổi tiếng nào lấy cảm hứng từ kinh Tân Ước không? Dễ như ăn kẹo: bức tranh *Bữa tối cuối cùng* của Leonardo, *Khổ hình của Thánh Matthew* của Bach, bộ phim *Cuộc đời của Brian* của Monty Python. Giờ thì đến bài kiểm tra thực sự: bạn có thể liệt kê một vài kiệt tác được kinh Talmud gọi cảm hứng không?

Dù các cộng đồng Do Thái nghiên cứu kinh Talmud nằm rải rác ở nhiều vùng rộng lớn trên thế giới, họ không đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng các đế chế Trung Hoa, trong những chuyến thám hiểm của châu Âu, trong việc thiết lập hệ thống dân chủ hay trong Cách mạng Công nghiệp. Tiền xu, trường đại học, nghị viện, ngân hàng, la bàn, máy in và động cơ hơi nước đều được phát minh bởi những người ngoại đạo.

—ooOoo—

ĐẠO ĐỨC TRƯỚC KHI CÓ KINH THÁNH

NGƯỜI ISRAEL thường dùng thuật ngữ "ba tôn giáo vĩ đại" với suy nghĩ các tôn giáo này là Cơ Đốc giáo (2,3 tỷ tín đồ), Hồi giáo (1,8 tỷ) và Do Thái giáo (15 triệu). Trong khi Hindu giáo (1 tỷ tín đồ), Phật giáo (500 triệu tín đồ), chưa kể Shinto (50 triệu) và Sikh giáo (25 triệu), không có cửa trong thuật ngữ đó. Quan niệm méo mó về "ba tôn giáo vĩ đại" này thường ám chỉ trong tâm trí người Israel rằng tất cả các truyền thống tôn giáo và đạo đức chính đều khởi nguồn từ bào thai của Do Thái giáo, tức tôn giáo

đầu tiên rao giảng các quy tắc đạo đức phổ quát. Như thể loài người trước thời của Abraham và Moses đã sống trong một trạng thái tự nhiên mông muội không có chuẩn mực đạo đức nào và tất cả đạo đức ngày nay đều bắt nguồn từ Mười Điều Răn. Đây là một ý tưởng vô căn cứ và xấc xược, phớt lờ rất nhiều truyền thống đạo đức quan trọng nhất thế giới.

Các bộ tộc săn bắt-hái lượm thời Đồ Đá có đã các quy tắc đạo đức từ hàng chục nghìn năm trước thời của Abraham. Khi những tay thực dân châu Âu đầu tiên đến Úc vào cuối thế kỷ 18, họ đã gặp các bộ lạc thổ dân có một thế giới quan đạo đức rất phát triển mặc dù hoàn toàn không biết đến Moses, Jesus và Muhammad. Rất khó nói những tay thực dân mang đạo Cơ Đốc đã đánh đuổi người bản địa một cách thô bạo đã thể hiện các chuẩn mực đạo đức ưu việt hơn.

Các nhà khoa học ngày nay đã chỉ ra rằng đạo đức thực chất có gốc rễ tiến hóa sâu xa từ trước sự xuất hiện của loài người hàng triệu năm. Tất cả các loài thú có tính xã hội, như chó sói, cá heo và khỉ, đều có các quy tắc đạo đức, thích nghi với tiến hóa để tăng cường hợp tác nhóm. Chẳng hạn, khi những con sói con chơi với nhau, chúng có các quy tắc "chơi công bằng". Nếu một con sói cắn quá mạnh hay tiếp tục cắn đối thủ đã nằm ngửa ra và đầu hàng, những con khác sẽ không chơi với nó nữa.

Trong các bầy tinh tinh, những con có ưu thế được trông chờ phải tôn trọng quyền sở hữu của các con yếu hơn. Nếu một con tinh tinh cái yếu thế hơn tìm thấy một quả chuối, ngay cả con đực đầu đàn thường sẽ tránh ăn trộm quả chuối đó cho riêng mình. Nếu phá vỡ quy tắc này, nó rất có thể sẽ mất vị thế. Loài linh trưởng không chỉ tránh lợi dụng các thành viên yếu hơn mà thỉnh thoảng chủ động giúp chúng. Một con tinh tinh pygmy đực tên Kidogo, sống trong sở thú hạt Milwaukee, mắc một loại bệnh tim nghiêm trọng khiến nó yếu ớt và lơ ngơ. Lần đầu tiên nó được chuyển đến sở thú, nó không thể định vị bản thân hay hiểu các chỉ dẫn của những người chăm sóc. Khi các con khác hiểu được tình trạng của nó, chúng bèn can thiệp. Chúng thường cầm tay Kidogo và dẫn nó đi bất cứ chỗ nào nó cần đi. Nếu Kidogo bị lạc, nó sẽ phát ra những tiếng báo nguy rất to và một số con trong đàn sẽ lao đến giúp.

Một trong những con tinh tinh hay giúp đỡ Kidogo nhất là con đực đầu đàn tên Lody; con này không chỉ hướng dẫn Kidogo mà còn bảo vệ nó.

Trong khi hầu hết các thành viên khác đối xử tử tế với Kidogo, một con đực choai choai tên là Murph thường đùa ác. Khi Lody nhân thấy hành vi đó, nó thường đuổi kẻ bắt nạt đi hoặc choàng tay bảo vệ Kidogo.

Một trường hợp còn cảm động hơn đã xảy ra trong các khu rừng già ở Bờ Biển Ngà. Sau khi một con tinh tinh nhỏ có tên Oscar mất mẹ, nó vật vã tự mình sinh tồn. Không con cái nào muốn nhận nuôi và chăm sóc nó vì chúng còn bận với đám con nhỏ của mình. Oscar sụt cân, dần yếu đi và cạn sức sống. Nhưng khi mọi điểm tựa dường như đã mất, Oscar được con đực đầu đàn Freddy "nhận nuôi". Con đầu đàn này đảm bảo Oscar được ăn uống tử tế và thậm chí cõng nó đi vòng quanh. Các xét nghiệm di truyền cho thấy Freddy không có họ hàng với Oscar. Chúng ta chỉ có thể phán đoán điều gì đã khiến con đầu đàn cộc cằn, già dặn lại đi chăm sóc bé tinh tinh mồ côi, nhưng rõ ràng các con linh trưởng đầu đàn đã phát triển xu hướng giúp những con vật khốn khó, thiếu thốn và mất mẹ từ hàng triệu năm trước khi Kinh Thánh răn dạy người Israel cổ đại là họ không được "đối xử tệ với bất kỳ bà góa hay đứa trẻ không cha nào" (Xuất hành 22:21), trước khi nhà tiên tri Amos phàn nàn về giới tinh hoa trong xã hội "đàn áp người nghèo và giẫm bẹp người khó" (Amos 4:1).

Ngay cả với những *Homo sapiens* sống ở Trung Đông cổ đại, các lời tiên tri kiểu thánh kinh cũng khó có thể là quan điểm đạo đức nguyên bản của họ. "Ngươi không được giết" và "Ngươi không được trộm cắp" đã được nói rõ trong các quy tắc pháp luật và đạo đức của các thành bang Sumer, ở Ai Cập thời pharaoh và Đế chế Babylon. Những ngày nghỉ định kỳ có trước lễ Sabbath của Do Thái từ rất lâu. Một ngàn năm trước khi nhà tiên tri Amos quở trách giới tinh hoa Do Thái vì hành vi đàn áp của họ, vua Hammurabi của Babylon đã giải thích rằng các vị thần vĩ đại hướng dẫn ông "thực hành công đạo trong vùng đất, tiêu diệt những gì xấu xa và độc ác, và ngăn kẻ mạnh lợi dụng kẻ yếu".

Trong khi đó ở Ai Cập, nhiều thế kỷ trước khi Moses ra đời, những người chép thuê đã ghi lại "câu chuyện về người nông dân hùng biện" kể về một người nông dân nghèo bị một tay chủ đất tham lam cướp hết tài sản. Người nông dân đến kêu với đám quan lại tham nhũng và khi họ không bảo vệ được ông, ông bắt đầu giải thích cho họ biết tại sao họ phải mang lại công lý và đặc biệt là bảo vệ người nghèo trước người giàu. Trong một đoạn phúng dụ đầy màu sắc, người nông dân Ai Cập này giải

thích rằng những của cải nhỏ mọn của người nghèo như chính hơi thở của họ vậy và sự những nhiễu của quan lại khiến họ ngạt thở bằng cách bịt mũi họ lại.

Nhiều luật thánh kinh sao chép lại các luật lệ đã được chấp nhận ở Lưỡng Hà, Ai Cập và Canaan từ nhiều thế kỷ, thậm chí là nhiều thiên niên kỷ, trước khi các vương quốc Judah và Israel được thành lập. Nếu thánh kinh của Do Thái giáo mang lại cho các luật lệ này bất cứ biến đổi độc đáo nào thì đó là biến chúng từ các quy luật phổ quát, áp dụng được cho toàn thể nhân loại thành các phép tắc bộ tộc, nhắm chủ yếu đến người Do Thái. Đạo đức Do Thái ban đầu được định hình như một vấn đề riêng biệt, mang tính bộ tộc và vẫn tiếp tục như vậy ở một mức độ nào đó cho đến ngày nay. Kinh Cựu Ước, kinh Talmud và nhiều (dù không phải tất cả) giáo sĩ Do Thái đồng thuận rằng mạng người Do Thái đáng giá hơn mạng kẻ ngoại đạo; đấy là lý do vì sao người Do Thái được phép vi phạm lễ Sabbath để cứu một người Do Thái thoát chết, nhưng bị cấm không được làm thế chỉ để cứu một kẻ ngoại đạo chẳng hạn (kinh Talmud Babylon, Yoma 84:2).

Một số nhà hiền triết Do Thái cho rằng ngay cả điều răn nổi tiếng "Yêu láng giềng của ngươi như thể chính mình" cũng chỉ nói đến người Do Thái và hoàn toàn không có điều răn nào dạy yêu người ngoại đạo. Thật vậy, văn bản gốc từ cuốn Leviticus nói: "Đừng kiếm cách trả thù hay ôm mối hận với bất cứ ai trong số những người của các ngươi, nhưng hãy yêu láng giềng của ngươi như thể chính mình" (Leviticus 19:18) làm nảy sinh mối nghi ngờ rằng "láng giềng của ngươi" chỉ ám chỉ các thành viên trong "những người của các ngươi". Mối nghi ngờ này được củng cố đáng kể bởi sự thật là Kinh Thánh ra lệnh cho người Do Thái truy bức một số tộc người nhất định như người Amalek và người Canaan. "Đừng để bất kỳ ai sống sót", cuốn sách thánh phán. "Hãy hủy diệt chúng hoàn toàn - bọn Hittite, bọn Amorite, bọn Canaan, bọn Perizzite, bọn Hivite và bọn Jebusite - như Chúa của các ngươi đã ra lệnh cho các ngươi" (Đệ Nhị luật 20:16-17). Đây là một trong những ví dụ đầu tiên được ghi lại trong lịch sử loài người khi việc chinh phục các tộc người khác được đưa ra như một nghĩa vụ tôn giáo bắt buộc.

Chỉ có người Cơ Đốc đã lựa chọn một vài mẩu trong quy tắc đạo đức Do Thái, biến chúng thành các điều răn phổ quát và lan tỏa chúng khắp thế giới. Thực ra, Cơ Đốc giáo đã tách khỏi Do Thái giáo chính xác vì thế.

Trong khi rất nhiều người Do Thái đến ngày nay vẫn tin cái gọi là "dân tộc được chọn lựa" gần Chúa hơn cạc dân tộc khác thì người sáng lập ra Cơ Đốc giáo, Thánh Paul Tông đồ, đã nối trong Thư gửi các tín đồ Galatia nổi tiếng của mình rằng "không có Do Thái hay ngoại dân, không có nô lệ hay tự do, không có đàn ông hay đàn bà, vì tất cả các người đều là một trong mắt Chúa Jesus" (Galatians 3:28).

Và chúng ta phải một lần nữa nhấn mạnh rằng dù tầm ảnh hưởng của Cơ Đốc giáo là to lớn, đây chắc chắn không phải lần đầu tiên một người đi rao giảng một quy luật đạo đức phổ quát. Kinh Thánh còn xa mới là căn nguyên duy nhất của đạo đức nhân loại (và cũng may là như thế, vì nó chứa đựng thái độ phân biệt chủng tộc, coi thường phụ nữ và ghét bỏ người đồng tính). Khổng Tử, Lão Tử, Đức Phật và Mahavira đã thiết lập các quy tắc đạo đức phổ quát từ rất lâu trước Paul và Jesus mà không biết bất cứ điều gì về vùng đất Canaan hay các nhà tiên tri của Israel. Khổng Tử dạy rằng mỗi người phải yêu thương người khác như thể yêu chính mình khoảng 500 năm trước khi giáo sĩ Hillel Trưởng Lão nói đây là bản chất của kinh Torah. Và vào cái thời Do Thái giáo vẫn bắt buộc hiến sinh động vật và tiêu diệt có hệ thống những cộng đồng người khác, Đức Phật và Mahavira đã dạy các tín đồ của mình phải tránh gây hại không chỉ mọi người mà tất cả mọi loài có cảm xúc, bao gồm cả côn trùng. Do đó khó mà có bất cứ lý do gì để ghi công cho Do Thái giáo và các hậu duệ Cơ Đốc và Hồi giáo của nó việc sáng tạo nên đạo đức nhân loại cả.

—ooOoo—

NGUỒN CƠN CỦA CUỒNG TÍN

THẾ TÔN giáo độc thần thì sao? Chẳng phải Do Thái giáo ít nhất cũng đáng được ngợi ca đặc biệt vì tiên phong trong niềm tin vào duy nhất một Đức Chúa Trời, thứ chưa từng có ở đâu khác trên thế giới hay sao (mặc dù sau này, niềm tin ấy được truyền đến khắp cùng trời cuối đất nhờ những người Cơ Đốc và người Hồi hơn là người Do Thái)? Thậm chí chuyện đó

chúng ta cũng có thể lật lại được vì bằng chứng rõ ràng đầu tiên về độc thần giáo đến từ cuộc cách mạng tôn giáo của pharaoh Akhenaten khoảng năm 1350 trước Công nguyên và các tài liệu như tấm bia Mesha (do vua Mesha xứ Moab dựng lên) chỉ ra rằng tôn giáo Israel thánh kinh cũng không khác tôn giáo của các vương quốc láng giềng như Moab là bao. Bia Mesha mô tả vị thần vĩ đại Chemosh của mình cũng gần giống như cách kinh Cựu Ước mô tả Yahweh. Nhưng vấn đề thực sự với ý tưởng Do Thái giáo đóng góp độc thần giáo cho thế giới đó là nó chẳng phải là điều gì đáng phải tự hào. Từ góc độ đạo đức, độc thần giáo, có thể nói, là một trong những ý tưởng chán nhất trong lịch sử nhân loại.

Độc thần giáo không làm được gì nhiều để nâng cao các chuẩn mực đạo đức của con người. Bạn có thực sự nghĩ người Hồi vốn đã đạo đức hơn người Hindu chỉ vì người Hồi tin vào một vị Chúa duy nhất trong khi người Hindu tin vào nhiều vị thần không? Liệu những người Tây Ban Nha theo Cơ Đốc giáo đi xâm chiếm châu Mỹ có đạo đức hơn những bộ lạc thổ dân châu Mỹ? Không nghi ngờ gì nữa, độc thần giáo đã khiến nhiều người trở nên thiếu khoan dung hơn bao giờ hết, do đó góp phần lan truyền những cuộc thanh tẩy tôn giáo và thánh chiến. Những người đa thần thấy việc những người khác nhau sẽ tôn thờ các vị thần khác nhau và thực hiện các nghi thức và lễ nghi tôn giáo đa dạng là hoàn toàn chấp nhận được. Họ hiếm khi, nếu có, đánh, trừng phạt hay sát hại người chỉ vì niềm tin tôn giáo của người khác. Trái lại, những người độc thần tin rằng Chúa của họ là chúa duy nhất và Người đòi hỏi phục tùng của vạn vật.

Ví dụ, hãy thử so sánh thái độ của hoàng đế Ashoka của Ấn Độ vào thế kỷ 3 trước Công nguyên với thái độ của các hoàng đế của Đế chế La Mã cổ đại. Hoàng đế Ashoka trị vì một vương quốc với vô số các tôn giáo, bè phái và các guru. Ông tự chó mình các tước hiệu chính thức là "Người được các Thần yêu mến" và "đức vua yêu thương tất cả mọi người". Đâu đó khoảng năm 250 trước Công nguyên, ông đã ban một sắc lệnh hoàng gia tuyên bố:

> Người được các Thần yêu mến, đức vua yêu thương tất cả mọi người, tôn vinh cả những nhà tu khổ hạnh lẫn những người đi theo mọi tôn giáo… và coi trọng việc cần có sự phát triển trong bản chất của mọi tôn giáo. Phát triển trong bản chất có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau, nhưng tất cả đều có gốc rễ ở chỗ giới hạn lời nói, đấy là, không ngợi ca tôn giáo của riêng mình hay chê bai tôn giáo của

> người khác mà không có cơ sở chính đáng… Bất kỳ ai ca ngợi tôn giáo của riêng mình, vì tin tưởng thái quá, và chê bai các tôn giáo khác với suy nghĩ "Hãy để ta vinh danh tôn giáo của riêng ta", chỉ làm hại tôn giáo của mình. Do đó, giao lưu giữa các tôn giáo là tốt. Ta nên lắng nghe và tôn trọng các giáo lý mà những kẻ khác phát nguyện. Người được các Thần yêu mến, đức vua yêu thương tất cả mọi người, mong rằng người người đều thấm nhuần các giáo lý tốt của các tôn giáo khác.

Năm trăm năm sau, thời kỳ cuối Đế chế La Mã cũng đa dạng như Ấn Độ của Ashoka; nhưng khi Cơ Đốc giáo thống lĩnh, các hoàng đế đi theo một cách tiếp cận rất khác đối với tôn giáo. Bắt đầu từ Constantine Đại đế và con trai ông là Constantius Đệ Nhị, các hoàng đế đóng cửa mọi đền thờ phi Cơ Đốc và cấm các nghi thức gọi là "tà giáo" với cái giá phải trả có thể là mạng sống. Sự trừng phạt đạt đỉnh điểm khi hoàng đế Theodosius, cái tên có nghĩa là "được Chúa ban", vào năm 391 ban hành Chiếu chỉ Theodosius, về căn bản biến tất cả các tôn giáo, trừ Cơ Đốc giáo và Do Thái giáo, trở thành trái luật (cả Do Thái giáo cũng bị trừng phạt theo vô số cách, nhưng thực hành nó vẫn là hợp pháp). Theo các luật mới, người ta có thể bị hành hình thậm chí vì thờ Jupiter hay Mithras ở nhà riêng. Như một phần của chiến dịch thanh tẩy đế chế khỏi các di sản vô đạo, các hoàng đế Cơ Đốc cấm cả thế vận hội. Vốn được tôn vinh suốt hơn một ngàn năm, thế vận hội cổ đại cuối cùng được tổ chức đâu đó vào cuối thế kỷ thứ 4 hoặc đầu thế kỷ thứ 5.

Dĩ nhiên, không phải kẻ trị vì theo tư tưởng độc thần nào cũng hẹp hòi như Theodosius, và vô số đấng trị vì đã khước từ độc thần giáo mà không áp dụng các chính sách cởi mở của Ashoka. Tuy nhiên, bằng việc khăng khăng rằng "không có chúa nào ngoài Chúa của chúng ta", tư tưởng độc thần có thể dẫn đến xu hướng khuyến khích sự cuồng tín. Người Do Thái bởi vậy hẳn sẽ nói bớt phần mình trong việc lan truyền trào lưu nguy hại này.

—ooOoo—

VẬT LÝ DO THÁI, SINH HỌC CƠ ĐỐC

CHỈ ĐẾN thế kỷ 19 và 20, chúng ta mới nhìn thấy người Do Thái có những đóng góp phi thường cho nhân loại nói chung thông qua vai trò to lớn của họ trong khoa học hiện đại. Ngoài các tên tuổi nổi tiếng như Einstein và Freud, khoảng 20% những người đoạt giải Nobel khoa học là người Do Thái, mặc dù người Do Thái chỉ chiếm chưa đầy 0,2% dân số thế giới. Nhưng cần nhấn mạnh rằng đây là một đóng góp của các cá nhân Do Thái hơn là của Do Thái giáo với tư cách một tôn giáo hay một văn hóa. Hầu hết các nhà khoa học Do Thái quan trọng nhất trong 200 năm trở lại đây hoạt động bên ngoài vòng ảnh hưởng của tôn giáo Do Thái. Thực tế thì người Do Thái bắt đầu có các đóng góp đáng kể cho khoa học chỉ khi họ đã từ bỏ các chủng viện Do Thái để đi vào các phòng thí nghiệm.

Trước năm 1800, ảnh hưởng Do Thái lên khoa học rất hạn chế. Một cách tự nhiên, người Do Thái không đóng vai trò đáng kể gì trong tiến bộ khoa học ở Trung Quốc, Ấn Độ hay trong nền văn minh Maya. Ở châu Âu và Trung Đông, một số triết gia người Do Thái như Maimonides có ảnh hưởng đáng kể lên các đồng sự ngoại đạo, nhưng ảnh hưởng Do Thái nói chung chỉ xứng tầm với sức nặng nhân khẩu của họ. Trong thế kỷ 16, 17 và 18, Do Thái giáo không có tiếng nói gì trong sự bùng nổ của Cách mạng Khoa học. Trừ Spinoza (người bị rút phép thông công vì những phiền hà ông ta gây ra cho cộng đồng Do Thái), bạn khó có thể kể tên một người Do Thái nào có vai trò quyết định đối với sự ra đời của vật lý, hóa học, sinh học hay các khoa học xã hội hiện đại. Chúng ta không biết các tổ tiên của Einstein đang làm gì vào thời của Galileo và Newton, nhưng nhiều khả năng là họ hứng thú nghiên cứu kinh Talmud hơn các tính chất ánh sáng rất nhiều.

Thay đổi vĩ đại xuất hiện chỉ vào thế kỷ 19 và 20, khi chủ nghĩa thế tục và phong trào Khai sáng Do Thái khiến nhiều người Do Thái áp dụng thế giới quan và lối sống của các láng giềng ngoại đạo. Người Do Thái từ đó bắt đầu tham gia vào các trường đại học và trung tâm nghiên cứu của các nước như Đức, Pháp và Hoa Kỳ. Các học giả Do Thái mang đến các di sản văn hóa quan trọng từ những khu dân cư và tỉnh lỵ Do Thái. Giá trị giáo dục trung tâm trong văn hóa Do Thái là một trong những lý do chính cho thành công phi thường của các nhà khoa học Do Thái. Các yếu tố khác bao gồm khao khát chứng tỏ khả năng của mình của một thiểu số bị ngược đãi

và các rào cản đã ngăn những người Do Thái tài năng thăng tiến trong các bối cảnh bài Do Thái hơn như quân đội và chính quyền.

Thế nhưng trong khi các nhà khoa học Do Thái mang theo mình kỷ luật mạnh mẽ và một niềm tin sâu sắc vào giá trị của tri thức từ các chủng viện, họ lại không mang chút hành trang có ích nào gồm những ý tưởng và hiểu biết thấu suốt. Einstein là người Do Thái, nhưng thuyết tương đối không phải là "vật lý Do Thái". Niềm tin vào sự thiêng liêng của kinh Torah thì có liên quan gì đến việc hiểu được rằng năng lượng bằng khối lượng nhân tốc độ ánh sáng bình phương? Để tiện so sánh, Darwin theo Cơ Đốc giáo và thậm chí còn bắt đầu những nghiên cứu của mình tại Cambridge với mục tiêu trở thành một mục sư theo Anh giáo. Phải chăng điều đó hàm ý rằng thuyết tiến hóa là một lý thuyết Cơ Đốc? Sẽ là lố bịch nếu liệt kê thuyết tương đối như một đóng góp Do Thái đối với nhân loại, cũng như sẽ là lố bịch nếu ghi công Cơ Đốc giáo cho thuyết tiến hóa.

Tương tự, khó mà thấy được điều gì đặc biệt Do Thái trong phát minh ra quá trình tổng hợp ammonia của Fritz Haber (giải Nobel Hóa học năm 1918), trong việc khám phá ra kháng sinh streptomycin của Selman Waksman (giải Nobel Y học năm 1952) hay trong sự phát hiện các giả tinh thể của Dan Shechtman (giải Nobel Hóa học năm 2011). Trong trường hợp các học giả đến từ các ngành khoa học xã hội và nhân văn như Freud chẳng hạn, di sản Do Thái của họ có lẽ có ảnh hưởng sâu sắc hơn đến nhận thức của họ. Thế nhưng ngay cả trong các trường hợp đó, sự đứt gãy kết nối còn rõ ràng hơn là những liên kết còn sót lại. Các quan điểm của Freud về tâm lý con người rất khác với các quan điểm của thầy tu Joseph Caro hay thầy tu Yochanan ben Zakkai; và ông không phát hiện ra phức cảm Oedipus bằng cách nghiền ngẫm kỹ lưỡng luật Shulhan Arukh (luật Do Thái).

Tóm lại, mặc dù việc chú trọng đến học hành của người Do Thái có lẽ đã có đóng góp quan trọng cho thành công bất thường của các nhà khoa học Do Thái, chính những triết gia ngoại đạo mới là những người đặt nền móng cho các thành tựu của Einstein, Haber và Freud. Cách mạng Khoa học không phải là một dự án Do Thái và người Do Thái tìm được chỗ đứng của mình chỉ khi họ rời khỏi các chủng viện đến các trường đại học. Quả thực, thói quen tìm kiếm các câu trả lời cho mọi câu hỏi bằng cách đọc các bản văn cổ là một trở ngại lớn đối với sự hòa nhập của người Do Thái vào thế giới khoa học hiện đại, nơi mà các câu trả lời đến từ quan sát và thí

nghiệm. Nếu có bất cứ điều gì về bản thân tôn giáo Do Thái là cần thiết để dẫn đến các đột phá khoa học thì tại sao từ năm 1905 đến năm 1933 có tới mười người Do Thái Đức thế tục đoạt giải Nobel hóa học, y học và vật lý, nhưng không một người Do Thái siêu chính thống hay một người Do Thái Bulgaria và Yemen nào giành được bất kỳ giải Nobel nào?

Phòng khi tôi bị nghi ngờ là một tay Do Thái tự ghét bản thân hay một người bài Do Thái, tôi muốn nhấn mạnh rằng tôi không nói Do Thái giáo là một tôn giáo đặc biệt độc ác hay tăm tối. Tất cả những gì tôi muốn nói là nó không đặc biệt quan trọng trong lịch sử của nhân loại. Trong nhiều thế kỷ, Do Thái giáo là một tôn giáo khiêm nhường của một thiểu số bị ngược đãi, thích đọc và ngẫm ngợi hơn là chinh phục các đất nước xa xôi và thiêu bọn ngoại đạo trên cọc gỗ.

Những kẻ bài Do Thái thường nghĩ người Do Thái là rất quan trọng. Những kẻ bài Do Thái tưởng tượng rằng người Do Thái kiểm soát thế giới hay hệ thống ngân hàng, hay chí ít là truyền thông, và đổ mọi tội lỗi cho họ, từ sự nóng lên toàn cầu cho tới các cuộc tấn công ngày 11 tháng Chín. Những dạng bài Do Thái cuồng loạn như vậy lố bịch y hệt chứng hoang tưởng tự đại Do Thái. Người Do Thái có thể là một dân tộc rất thú vị, nhưng khi nhìn vào bức tranh tổng thể, ta phải nhận ra họ đã có rất ít ảnh hưởng lên thế giới.

Trong suốt lịch sử, con người đã tạo ra hàng trăm tôn giáo và giáo phái khác nhau. Một nhóm trong số đó, gồm Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, Hindu giáo, Khổng giáo và Phật giáo, đã ảnh hưởng lên hàng tỷ người (không phải lúc nào cũng tốt). Tuyệt đại đa số các giáo phái, như Bon giáo, Yoruba giáo và Do Thái giáo, có ảnh hưởng nhỏ hơn rất nhiều. Cá nhân tôi thích ý tưởng mình không phải hậu duệ của các nhà chinh phục thế giới cường biệt, mà từ một dân tộc không quan trọng lắm, ít khi chĩa mũi vào việc của người khác. Nhiều tôn giáo ca tụng giá trị của sự khiêm nhường nhưng lại nghĩ mình là thứ quan trọng nhất trong vũ trụ. Họ lẫn lộn các lời kêu gọi cá nhân phải khiêm tốn với sự tự đại tập thể hơi lố. Con người thuộc mọi tín ngưỡng nên coi trọng sự khiêm nhường hơn.

Và trong tất cả các dạng khiêm nhường, có lẽ dạng quan trọng nhất là có sự khiêm nhường trước Chúa. Bất cứ lúc nào nói về Chúa, con người

có xu hướng thường xuyên nhận mình nhỏ bé một cách yếu đuối, nhưng rồi lại nhân danh Chúa để chèn ép anh chị em mình.



13

CHÚA



ĐỪNG NHÂN DANH CHÚA VÔ TỘI VẠ

CHÚA CÓ tồn tại không? Điều đó phụ thuộc vào việc bạn đang nghĩ đến Chúa nào: một bí ẩn vũ trụ hay người đề ra luật lệ thế tục? Đôi khi, khi nói về Chúa, chúng ta nói về một bí ẩn vĩ đại và phi thường mà chúng ta không biết gì về nó hết. Chúng ta mang vị Chúa bí ẩn này ra để giải thích những câu đố sâu xa nhất của vũ trụ. Tại sao lại có một cái gì đó thay vì không có gì hết? Điều gì định hình các quy luật cơ bản của vật lý? Ý thức là gì và nó đến từ đâu? Chúng ta không biết câu trả lời cho những câu hỏi đó và gán cho sự ngu dốt của mình cái tên vĩ đại là Chúa. Đặc điểm cơ bản nhất của vị Chúa bí ẩn này là chúng ta không thể nói được gì cụ thể về Ngài. Đây là vị Chúa của các nhà triết học, vị Chúa mà chúng ta nói đến khi ngồi quanh một đám lửa trại lúc đêm khuya và tự hỏi cuộc sống thật sự có ý nghĩa gì.

Trong các dịp khác, người ta xem Chúa như một người đề ra luật lệ nghiêm khắc và thế tục, một đấng mà ta biết quá nhiều. Chúng ta biết chính xác điều Ngài nghĩ về thời trang, thức ăn, tình dục và chính trị; chúng ta lôi người đàn ông giận dữ trên cao xanh này ra để biện hộ cho một triệu quy định, sắc lệnh và mâu thuẫn. Ngài bực mình khi phụ nữ mặc áo cộc tay, khi hai người đàn ông làm tình với nhau hay khi bọn thiếu niên thủ dâm. Một số người nói Ngài không thích chúng ta uống chút rượu nào trong khi số khác cho rằng Ngài chắc chắn yêu cầu chúng ta uống rượu vang mỗi tối thứ Sáu hoặc mỗi sáng Chủ nhật. Hàng thư viện sách đã được viết ra để giải thích một cách chi tiết nhất chính xác những gì Ngài muốn và những gì Ngài không thích. Đặc điểm cơ bản nhất của người đề ra luật lệ thế tục này là chúng ta có thể nói những điều cực kỳ cụ thể về Ngài. Đây

là vị Chúa của những kẻ Thập tự chinh và thánh chiến, của những quan tòa dị giáo, những người coi thường phụ nữ và ghét người đồng tính. Đây là vị Chúa chúng ta nói đến khi đứng quanh một giàn hỏa thiêu, ném đá và những lời thóa mạ về phía kẻ dị giáo.

Khi được hỏi liệu Chúa thực sự có tồn tại không, những người có đức tin thường mở đầu bằng việc nói về những bí ẩn khó nắm bắt của vũ trụ và những hạn chế của hiểu biết con người. “Khoa học không thể giải thích Vụ Nổ Lớn,” họ thốt lên, “vậy đấy phải là Chúa đã làm.” Thế nhưng như một nhà ảo thuật đánh lừa khán giả bằng cách tráo lá bài này bằng lá khác mà không ai nhìn thấy, người có đạo nhanh chóng đánh tráo bí ẩn vũ trụ với người lập pháp thế tục. Sau khi gán tên Chúa cho các bí ẩn của vũ trụ, họ dùng Chúa để bằng cách nào đó kết tội những bộ bikini và vụ ly dị. “Chúng ta không thể hiểu được vì sao có Vụ Nổ Lớn, do đó cô phải che tóc khi ở ngoài đường và bỏ phiếu chống hôn nhân đồng tính.” Không chỉ không có chút liên hệ logic gì giữa hai việc mà chúng thật ra còn trái ngược nhau. Các bí ẩn của vũ trụ càng sâu sắc thì càng có ít khả năng thứ chịu trách nhiệm cho chúng quan tâm đến cách ăn mặc của phụ nữ hay hành vi tính dục của con người.

Mắt xích bị thiếu giữa bí ẩn vũ trụ và người làm ra luật trần thế thường được một cuốn sách thánh nào đó cung cấp. Cuốn sách đầy những quy định tản mạn nhất nhưng vẫn được gán cho bí ẩn của vũ trụ. Đấng tạo tác ra không gian và thời gian được cho là đã viết ra cuốn sách, nhưng Ngài vẫn bỏ công khai sáng chúng ta chủ yếu về một số nghi lễ đền đài huyền bí và các món ăn cần kiêng kỵ nào đó. Trên thực tế, chúng ta không có bất cứ bằng chúng nào cho thấy các cuốn sách thánh là do một thế lực đã quyết định rằng năng lượng bằng khối lượng nhân tốc độ ánh sáng bình phương và các proton thì nặng gấp 1,837 lần các electron. Bằng tất cả tri thức khoa học của chúng ta mà nói, tất cả các bản văn thiêng này được các *Homo sapiens* giàu trí tuệ chấp bút. Chúng là những câu chuyện được tổ tiên chúng ta sáng tạo nên để hợp thức hóa các quy tắc xã hội.

Cá nhân tôi chưa bao giờ ngừng băn khoăn về bí ẩn của sự tồn tại. Nhưng tôi chưa bao giờ hiểu điều đó thì liên quan gì đến những luật lệ chi tiết của Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo hay Hindu giáo. Các luật lệ này chắc chắn rất có ích trong việc thiết lập và giữ gìn trật tự xã hội trong hàng ngàn

năm. Nhưng nói đến việc đó thì về cơ bản, chúng không có gì khác biệt với các luật lệ của các nhà nước và tổ chức thế tục.

Điều thứ ba của Mười Điều Răn trong Kinh Thánh hướng dẫn con người không bao giờ được sử dụng danh Chúa một cách sai trái. Nhiều người hiểu điều này một cách rất trẻ con, như là cấm không được nói thẳng ra tên Chúa (như cảnh "Nếu bạn nói Jehovah…" của nhóm Monty Python nổi tiếng). Có lẽ ý nghĩa sâu xa hơn của điều răn này là chúng ta không bao giờ được sử dụng danh Chúa để biện minh cho các lợi ích chính trị, tham vọng kinh tế hay sự thù ghét cá nhân của mình. Người ta ghét một ai đó và nói: "Chúa ghét anh ta"; người ta thèm khát một mảnh đất và nói: "Chúa muốn có nó". Thế giới sẽ là một nơi tốt đẹp hơn nhiều nếu chúng ta làm theo điều răn thứ ba nhiệt thành hơn. Bạn muốn gây chiến với láng giềng và cướp đất đai của họ ư? Hãy để Chúa đứng ngoài vụ việc ấy và tự tìm một cái cớ khác đi.

Xét cho cùng, vấn đề nằm ở ngữ nghĩa học. Khi dùng từ "Chúa", tôi nghĩ đến Chúa của Nhà nước Hồi giáo IS, của các hiệp sĩ Thập tự chinh, của tòa án dị giáo và của các biểu ngữ "Chúa ghét bọn đồng tính". Khi nghĩ về bí ẩn của sự tồn tại, tôi thích dùng các từ khác để tránh nhầm lẫn. Và không như Chúa của Nhà nước Hồi giáo và thánh chiến, người rất quan tâm đến danh xưng và trên tất cả là danh xưng thần thánh nhất của Ngài, bí ẩn của sự tồn tại không quan tâm một tẹo nào đến những cái tên mà bọn "vượn người" chúng ta gọi nó.

—ooOoo—

ĐẠO ĐỨC "VÔ CHÚA"

DĨ NHIÊN, bí ẩn vũ trụ không giúp được gì cho chúng ta trong việc duy trì trật tự xã hội. Con người thường tranh luận rằng ta phải tin vào một Đức Chúa mang lại cho con người một số luật lệ rất cụ thể; nếu không, đạo đức sẽ biến mất và xã hội sẽ suy sụp vào hỗn mang tiền sử.

Đúng là niềm tin vào các vị thần là thiết yếu đối với các trật tự xã hội khác nhau và niềm tin đó thi thoảng đưa đến các kết quả khả quan. Quả thực, chính các tôn giáo có thể khơi gợi thù hằn và cuồng tín ở một số người, lại truyền cảm hứng cho tình yêu và lòng trắc ẩn ở một số người khác. Ví dụ, vào đầu những năm 1960, đức cha Ted Mcllvenna hội Giám lý dần ý thức được cảnh khốn khổ của những người LGBT trong cộng đồng của ông. Ông bắt đầu tìm hiểu tình cảnh của những người đồng tính nam và đồng tính nữ trong xã hội nói chung; vào tháng Năm năm 1964, ông tổ chức một cuộc đối thoại kéo dài ba ngày giữa các mục sư và những nhà hoạt động vì quyền của người đồng tính tại Trại tế bần White Memorial ở California. Những người tham dự sau đó đã lập ra "Hội đồng về Tôn giáo và người đồng tính" (CRH), trong đó ngoài những nhà hoạt động còn gồm các mục sư Giám lý, Tân giáo, Lutheran và Hội thánh của Đức Christ. Đây là tổ chức đầu tiên ở Hoa Kỳ dám sử dụng từ "đồng tính" trong danh xưng chính thức của mình.

Trong các năm tiếp theo, hoạt động của CRH trải dài từ tổ chức các buổi tiệc hóa trang cho đến các hành động pháp lý chống phân biệt đối xử và ngược đãi bất công. CRH trở thành hạt giống cho phong trào vì quyền của người đồng tính ở California. Đức cha Mcllvenna và những người phụng sự Chúa khác tham gia cùng ông hoàn toàn ý thức được các huấn thị chống đồng tính trong thánh kinh. Nhưng họ nghĩ rằng việc theo đúng tinh thần trắc ẩn của Jesus có ý nghĩa quan trọng hơn là nghe theo những lời nghiêm khắc của Kinh Thánh.

Thế nhưng dù các vị thần có thể tạo cảm hứng cho chúng ta hành động đầy trắc ẩn, đức tin tôn giáo không phải là điều kiện cần cho các hành vi đạo đức. Ý tưởng cho rằng ta cần một thế lực siêu nhiên để khiến ta hành động một cách đạo đức mặc định rằng đạo đức là một cái gì đó không tự nhiên. Nhưng tại sao? Đạo đức ở một số dạng là tự nhiên. Mọi loài thú có tính xã hội từ tinh tinh đến chuột đều có các quy tắc đạo đức hạn chế những hành vi như ăn trộm hay giết nhau. Ở loài người, đạo đức hiện hữu ở mọi xã hội, dù không phải tất cả các xã hội đó đều tin vào cùng một vị thần hay không. Người Cơ Đốc hành xử thiện lành dù không tin vào đền đài của đạo Hindu, người Hồi coi trọng sự thành thực dù chối bỏ sự linh thiêng của Jesus, và các nước thế tục như Đan Mạch và Cộng hòa Séc không bạo lực hơn các nước mộ đạo như Iran và Pakistan.

Đạo đức không có nghĩa là "nghe theo các mệnh lệnh thần thánh". Nó có nghĩa là "làm giảm khổ đau". Do đó, để hành động một cách có đạo đức, bạn không cần tin vào bất cứ truyền thuyết hay câu chuyện nào. Bạn chỉ cần phát triển một sự thấu hiểu sâu sắc về khổ đau. Nếu thật sự hiểu một hành động có thể gây ra những khổ đau không cần thiết cho mình và người khác như thế nào, tự nhiên bạn sẽ không làm điều đó nữa. Con người vẫn giết chóc, hãm hiếp và trộm cắp vì họ chỉ hiểu hời hợt về sự đau khổ mà những việc đó gây ra. Họ chăm chăm thỏa mãn dục vọng hay lòng tham tức thời của mình mà không quan tâm đến tác động đối với người khác hay thậm chí là hậu quả lâu dài lên chính họ. Ngay cả các quan tòa dị giáo cố tình gây nhiều đau khổ nhất lên nạn nhân của mình cũng thường sử dụng các kỹ thuật làm mất cảm giác và mất nhân tính để tạo khoảng cách giữa mình và những gì họ đang làm.

Bạn có thể phản đối rằng theo lẽ tự nhiên, mọi người đều tìm cách tránh đau khổ, nhưng tại sao con người lại quan tâm đến khổ đau của người khác, trừ phi một vị Chúa nào đó yêu cầu? Một câu trả lời hiển nhiên là con người là động vật xã hội, do đó hạnh phúc của họ phụ thuộc một phần rất lớn vào các mối quan hệ với những người khác. Không có tình yêu, tình bạn và cộng đồng, ai hạnh phúc cho được? Nếu bạn sống một cuộc đời cô độc lấy mình là trung tâm, bạn gần như chắc chắn sẽ đau khổ. Thế nên ít nhất, để hạnh phúc, bạn cần quan tâm đến gia đình, bạn bè và các thành viên trong cộng đồng.

Vậy những người hoàn toàn xa lạ thì sao? Tại sao không giết bọn xa lạ và lấy tài sản của họ để làm giàu bản thân và bộ tộc của mình? Nhiều nhà tư tưởng đã xây dựng các lý thuyết xã hội phức tạp, giải thích tại sao về lâu dài, hành vi đó là phản tác dụng. Bạn không muốn sống trong một xã hội mà những người xa lạ thường xuyên bị cướp và giết hại. Chẳng những bạn sẽ thường xuyên gặp nguy hiểm mà còn mất đi lợi ích của những thứ như thương mại, điều phụ thuộc vào niềm tin giữa những người xa lạ. Các nhà buôn thường không lui tới các sào huyệt của bọn trộm cướp. Đấy là cách các lý thuyết gia thế tục từ Trung Hoa cổ đại đến châu Âu hiện đại đã biện minh cho quy tắc vàng "đừng làm với người những gì ta không muốn người làm với mình".

Thế nhưng chúng ta đâu thật sự cần những lý thuyết dài hơi, phức tạp như thế để tìm một nền tảng tự nhiên cho lòng trắc ẩn phổ quát. Hãy quên

đi thương mại trong chốc lát. Trên một bình diện gần gũi hơn rất nhiều, làm người khác đau cũng luôn làm bản thân mình tổn thương. Mỗi hành vi bạo lực trên thế giới bắt nguồn từ một mong ước bạo lực trong đầu ai đó, thứ làm nhiễu loạn sự an bình và hạnh phúc của chính người đó trước khi nó ảnh hưởng đến an bình và hạnh phúc của bất cứ ai khác. Do đó, người ta hiếm khi trộm cắp trừ phi ban đầu họ đã có trong đầu rất nhiều lòng tham và đố kỵ. Con người thường không giết chóc trừ phi họ bộc lộ đủ tức giận và thù ghét. Các cảm xúc như lòng tham, sự ghen tị, tức giận và thù ghét là cực kỳ khó chịu. Bạn không thể trải nghiệm niềm vui và sự hài hòa khi bạn đang bừng bừng tức giận hay ghen tị. Do đó, từ rất lâu trước khi bạn giết một ai đó, cơn giận của bạn đã giết chết sự bình an trong tâm trí bạn rồi.

Quả thực, bạn có thể sôi sục giận dữ suốt nhiều năm mà không thật sự giết đối tượng của cơn giận. Trong trường hợp đó, bạn chẳng làm đau ai nhưng đã làm tổn thương bản thân. Do đó, chính lợi ích cá nhân tự nhiên của bạn, chứ không phải yêu cầu của một vị Chúa nào đó, sẽ khiến bạn làm một cái gì đó với cơn giận của mình. Nếu hoàn toàn không giận dữ, bạn sẽ thấy khá hơn rất nhiều khi giết được một kẻ thù hiểm độc.

Với một số người, một niềm tin mãnh liệt vào một vị Chúa nhân từ khuyên chúng ta chìa má bên kia ra có thể có ích trong việc kiềm chế cơn giận. Đây đã là một đóng góp to lớn của niềm tin tôn giáo với hòa bình và hòa hợp của thế giới. Thật không may, với một số người khác, niềm tin tôn giáo thực sự có tác dụng khơi gọi và biện minh cho cơn giận của họ, đặc biệt là nếu ai đó dám nhục mạ Chúa của họ hay phớt lờ mong ước của Ngài. Thế nên, xét cho cùng, giá trị của vị Chúa đặt ra luật lệ phụ thuộc vào hành vi của những người tin theo ông ta. Nếu họ hành xử tốt, họ có thể tin vào bất cứ thứ gì họ thích. Tương tự, giá trị của các nghi thức tôn giáo và các nơi chốn thiêng liêng phụ thuộc vào các loại cảm xúc và hành vi mà chúng khơi gợi. Nếu đi thăm một ngôi đền khiến con người ta cảm thấy bình an và hòa hợp, điều đó thật tuyệt. Nhưng nếu một ngôi đền cụ thể gây bạo lực và mâu thuẫn thì ta cần nó làm gì? Rõ ràng nó là một ngôi đền bị “rối loạn chức năng”. Giống như việc đánh nhau vì một cái cây bệnh chỉ sinh gai mà không ra quả là vô nghĩa, việc đấu tranh vì một ngôi đền “khiếm khuyết” tạo ra thù hằn thay vì hòa hợp cũng không mang lại lợi lộc gì.

Không ghé thăm đền chùa miếu mạo và không tin vào bất cứ vị Chúa nào cũng là một lựa chọn khả dĩ. Như vài thế kỷ gần đây đã chứng minh, chúng ta không cần viện đến danh Chúa để sống một cuộc đời đạo đức. Chủ nghĩa thế tục có thể mang đến cho chúng ta mọi giá trị ta cần.



14

Chủ Nghĩa Thế Tục



THỪA NHẬN CÁI BÓNG CỦA MÌNH

THẾ TỤC nghĩa là gì? Chủ nghĩa thế tục đôi khi được định nghĩa như là sự thiếu vắng tôn giáo và những người thế tục do đó được định nghĩa theo những gì họ *không* tin và *không* làm. Theo định nghĩa này, người thế tục không tin vào bất kỳ vị Chúa hay thiên thần nào, không đi nhà thờ và đền chùa, không thực hiện các nghi thức hay nghi lễ. Như vậy, thế giới thế tục có vẻ như trống rỗng, hư vô và vô đạo, một chiếc hộp rỗng chờ được một cái gì đó lấp đầy.

Rất ít người sẽ chấp nhận một danh từ tiêu cực đến thế. Những người tự xưng thế tục nhìn nhận chủ nghĩa thế tục theo một cách rất khác. Với họ, chủ nghĩa thế tục là một thế giới quan rất lạc quan và chủ động, được định nghĩa bởi một bộ quy tắc giá trị mạch lạc hơn là đối chọi với tôn giáo này hay tôn giáo nọ. Thực ra, nhiều giá trị thế tục là điểm chung của các truyền thống tôn giáo khác nhau. Không như một số tôn giáo khăng khăng rằng mình độc quyền đối với mọi sự thông thái và tốt đẹp, một trong những đặc điểm quan trọng của những người thế tục là họ không tự vơ về mình thứ độc quyền nào như thế cả. Họ không nghĩ đạo đức và trí khôn từ trên trời rơi xuống một nơi chốn và vào một thời điểm nhất định. Thay vào đó, đạo đức và trí khôn là di sản tự nhiên của mọi con người. Thế nên, người ta chỉ nên hy vọng rằng ít nhất một vài giá trị nào đó sẽ nảy sinh trong các xã hội loài người ở khắp thế giới và là điểm chung giữa người Hồi, người Cơ Đốc, người Hindu và người vô thần.

Các lãnh đạo tôn giáo thường đưa cho các môn đệ của mình một lựa chọn cứng nhắc: hoặc thế này hoặc thế kia, hoặc anh là người Hồi, hoặc

không. Và nếu anh là người Hồi, anh nên chối bỏ mọi giáo lý khác. Trái lại, người thế tục cảm thấy thoải mái với nhiều “bản sắc lai tạp” khác nhau. Theo chủ nghĩa thế tục thì anh có thể tiếp tục gọi mình là một người Hồi và tiếp tục cầu nguyện Thánh Allah, ăn thức ăn halal và hành hương đến Mecca nhưng vẫn là một thành viên tốt của xã hội thế tục, miễn là anh tuân thủ quy tắc đạo đức thế tục. Quy tắc đạo đức này, vốn được hàng triệu người Hồi giáo, Cơ Đốc giáo và Hindu giáo cũng như những người vô thần thừa nhận, tôn thờ giá trị của sự thật, lòng trắc ẩn, bình đẳng, tự do, lòng dũng cảm và tình thần trách nhiệm. Nó cấu thành nền tảng của các thể chế khoa học và dân chủ hiện đại.

Như mọi quy tắc đạo đức khác, quy tắc thế tục là một lý tưởng để hướng tới hơn là một thực tế xã hội. Cũng như các xã hội và thể chế Cơ Đốc thường đi chệch khỏi lý tưởng Cơ Đốc, các xã hội và thể chế thế tục thường không đạt được đến lý tưởng thế tục. Nước Pháp Trung cổ tự xưng là một vương quốc Cơ Đốc nhưng lại nhúng tay vào đủ loại hoạt động không Cơ Đốc cho lắm (cứ hỏi tầng lớp nông dân bị chà đạp thì rõ). Nước Pháp hiện đại tự xưng là một nhà nước thế tục, nhưng từ thời của Robespierre trở đi, nó đã tùy tiện đến đáng ngại với chính định nghĩa về tự do (cứ hỏi phụ nữ thì biết). Điều đó không có nghĩa là những người thế tục, ở Pháp cũng như ở các nơi khác, thiếu kim chỉ nam đạo đức hay cam kết đạo đức. Điều đó chỉ có nghĩa là không dễ gì để sống đạt đến lý tưởng.

—ooOoo—

LÝ TƯỞNG THẾ TỤC

THẾ THÌ lý tưởng thế tục là gì? Cam kết thế tục quan trọng nhất là sự thật, thứ dựa trên quan sát và kiểm chứng hơn là đức tin thuần túy. Những người thế tục cố không nhầm lẫn sự thật với niềm tin. Nếu bạn có một niềm tin rất mạnh mẽ vào một câu chuyện nào đó, điều đó có thể nói lên rất nhiều điều thú vị về tâm lý, tuổi thơ và cấu trúc não bộ của bạn; nhưng nó không chứng minh được câu chuyện đó là đúng (Thường thường, người

ta cần các niềm tin mạnh mẽ chính là khi câu chuyện không phải là sự thật).

Thêm nữa, những người thế tục không thần thánh hóa bất cứ điều gì như thể nó và chỉ mình nó nắm giữ độc quyền sự thật. Thay vào đó, những người thế tục tôn vinh sự thật bất cứ khi nào nó tự hiển lộ: trong những khúc xương hóa thạch cổ xưa, trong các hình ảnh của những thiên hà xa xôi, trong các bảng biểu thống kê hay trong các ghi chép về những truyền thống khác nhau. Sự cam kết dành cho sự thật này là nền tảng cho khoa học hiện đại, điều đã cho phép con người phân đôi nguyên tử, giải mã bản đồ gen, lần theo sự tiến hóa của sự sống và hiểu được lịch sử của bản thân loài người.

Một cam kết chính khác của những người thế tục là dành cho lòng trắc ẩn. Đạo đức thế tục không dựa trên việc tuân thủ các chỉ dụ của thần này hay Chúa nọ mà dựa vào sự thấu hiểu sâu xa về khổ đau. Chẳng hạn, người thế tục kiêng giết chóc không phải vì một cuốn sách cổ xưa nào đó cấm, mà vì giết chóc gây đau khổ cùng cực cho các sinh vật có cảm giác. Những người tránh giết chóc chỉ vì "Chúa nói thế" có điều gì đó đặc biệt đáng ngại và nguy hiểm. Những người đó có động lực là sự tuân phục hơn là lòng trắc ẩn; họ sẽ làm gì nếu họ đi đến chỗ tin rằng Chúa của họ ra lệnh cho họ giết chết bọn dị giáo, phù thủy, ngoại tình hay người nước ngoài?

Dĩ nhiên, khi thiếu vắng các điều răn thiêng liêng tuyệt đối thì đạo đức thế tục thường xuyên đối mặt với các lựa chọn giữa ngã ba đường khó khăn. Điều gì xảy ra khi cùng một hành động làm tổn thương người này nhưng lại giúp đỡ người khác? Liệu có đạo đức không khi áp thuế cao lên người giàu để giúp đỡ người nghèo? Khi phát động một cuộc chiến đẫm máu để loại bỏ một tên độc tài tàn bạo? Khi cho phép lượng người tị nạn không giới hạn vào đất nước mình? Khi người thế tục gặp phải các nan đề như vậy, họ không hỏi "Chúa ra lệnh gì?". Thay vào đó, họ cẩn trọng cân đo cảm xúc của tất cả các bên liên quan, xem xét một loạt quan sát và khả năng, tìm một con đường trung lập đem lại ít tác hại nhất có thể.

Chẳng hạn, hãy xem xét các thái độ đối với bản năng giới tính. Những người thế tục quyết định ủng hộ hay phản đối hãm hiếp, đồng tính, tình dục giữa người và thú và loạn luân như thế nào? Bằng cách nghiên cứu các cảm xúc. Hãm hiếp rõ ràng là vô đạo đức, không phải vì nó vi phạm một

điều răn thiêng liêng nào đó mà vì nó làm người ta bị tổn thương. Trái lại, một mối quan hệ yêu đương giữa hai người đàn ông chẳng làm hại ai cả, do đó chẳng có lý do gì để ngăn cấm.

Thế thì tình dục giữa người và thú thì sao? Tôi đã tham gia vô số cuộc tranh luận cả riêng tư lẫn công cộng về hôn nhân đồng tính và thường xuyên có một tay thông thái nào đó sẽ hỏi: "Nếu hôn nhân giữa hai người đàn ông là ổn thì tại sao không cho phép hôn nhân giữa một người đàn ông và một con dê đi?" Từ góc nhìn thế tục, câu trả lời là quá rõ ràng. Những mối quan hệ lành mạnh đòi hỏi chiều sâu về cảm xúc, trí tuệ và thậm chí là tinh thần. Một cuộc hôn nhân thiếu độ sâu đó sẽ làm bạn bực bội, cô đơn và chai lì về tâm lý. Trong khi hai người đàn ông rõ ràng có thể thỏa mãn các nhu cầu về tình cảm, trí tuệ và tinh thản của nhau, mối quan hệ với một con dê thì không. Do đó, nếu anh nhìn hôn nhân như một truyền thống nhằm nâng cao hạnh phúc của con người, như cách nhìn của những người thế tục, anh sẽ không bao giờ mơ đến chuyện đưa ra một câu hỏi kỳ quặc như vậy. Chỉ những người nhìn hôn nhân như một nghi thức kỳ diệu nào đó mới làm thế.

Thế còn mối quan hệ giữa cha và con gái thì sao? Cả hai đều là người, thế thì có gì sai? À, vô số nghiên cứu tâm lý học đã chỉ ra rằng những quan hệ kiểu này mang lại các tác hại vô cùng lớn và thường là không thể chữa lành đối với đứa con. Thêm nữa, chúng phản ánh và táng cường các khuynh hướng phá hoại ở người cha. Tiến hóa đã định hình tâm lý của *Homo sapiens* theo một kiểu mà các mối dây yêu đương không trộn lẫn được với các mối ràng buộc cha con. Do đó, bạn không cần Chúa hay Kinh Thánh để phản đối loạn luân; bạn chỉ cần đọc các nghiên cứu tâm lý học xác đáng.

Có một lý do sâu xa khiến những người thế tục tôn vinh sự thật khoa học: không phải để thỏa mãn sự tò mò của họ, mà để biết cách tốt nhất làm giảm khổ đau trên thế giới. Không có chỉ dẫn của các nghiên cứu khoa học, lòng trắc ẩn của chúng ta thường là mù quáng.

Cam kết song hành dành cho sự thật và lòng trắc ẩn cũng dẫn đến cam kết dành cho sự bình đẳng. Mặc dù có những ý kiến khác nhau khi đụng đến bình đẳng kinh tế và chính trị, những người thế tục về cơ bản nghi ngờ mọi trật tự xã hội có sẵn. Đau khổ là đau khổ, bất kể ai phải trải qua điều

ấy; và kiến thức là kiến thức, bất kể ai phát hiện ra. Thiên vị trải nghiệm hay phát kiến của một dân tộc, tầng lớp hay giới tính nhất định sẽ khiến chúng ta vừa nhẫn tâm, vừa ngu xuẩn. Những người thế tục chắc chắn có tự hào về tính độc đáo của dân tộc, quốc gia và văn hóa của họ; nhưng họ không nhầm độc đáo với thượng đẳng. Do đó, mặc dù công nhận nghĩa vụ đặc biệt của mình đối với dân tộc và đất nước mình, người thế tục không nghĩ nghĩa vụ của họ là độc nhất, đồng thời thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với nhân loại nói chung.

Chúng ta không thể tìm kiếm sự thật và cách thoát khỏi khổ đau khi không được tự do ngẫm ngợi, điều tra và thử nghiệm. Vì lý do đó, những người thế tục tôn trọng tự do và hạn chế trao quyền lực tối thượng cho bất cứ văn bản, thể chế hay lãnh đạo với tư cách quan tòa tối cao phán xét cái gì là thật, là đúng. Con người luôn phải giữ quyền tự do nghi ngờ, kiểm tra lại, lắng nghe một ý kiến khác, thử một con đường khác. Những người thế tục ngưỡng mộ Galileo Galilei, người dám đặt câu hỏi liệu có đúng là Trái đất nằm bất động ở trung tâm vũ trụ; họ ngưỡng mộ đám đông thường dân đã tràn vào ngục Bastille năm 1789 và lật đổ thể chế bạo ngược của Louis XVI; họ ngưỡng mộ Rosa Parks, người đã can đảm ngồi xuống một chiếc ghế xe buýt chỉ dành riêng cho hành khách da trắng.

Cần rất nhiều can đảm để đấu tranh chống lại các định kiến và các thể chế áp bức, nhưng cần nhiều can đảm hơn nữa để thừa nhận sự ngu dốt và dấn thân vào vùng chưa được biết đến. Giáo dục thế tục dạy chúng ta rằng, nếu ta không biết một điều gì đó, ta không nên sợ thừa nhận sự thiếu hiểu biết của mình và đi tìm bằng chứng mới. Ngay cả khi ta nghĩ mình biết một cái gì đó, ta cũng không nên sợ việc nghi ngờ những ý kiến ấy và tự kiểm tra lại. Nhiều người sợ điều chưa biết và muốn những câu trả lời rõ ràng cho mọi vấn đề. Sợ hãi điều chưa biết có thể làm ta tê liệt hơn bất cứ tên độc tài nào. Con người xuyên suốt lịch sử đã lo ngại rằng nếu chúng ta không đặt toàn bộ niềm tin vào một bộ các câu trả lời tuyệt đối, xã hội con người sẽ sụp đổ. Trên thực tế, lịch sử hiện đại đã chứng minh rằng, một xã hội gồm những con người dũng cảm, sẵn sàng thừa nhận ngu dốt và đặt những câu hỏi khó, thường không chỉ thịnh vượng hơn mà còn hòa bình hơn so với các xã hội trong đó con người phải tuân thủ một câu trả lời duy nhất không được bàn cãi. Những người sợ mất đi chân lý có xu hướng bạo lực hơn những người quen nhìn thế giới từ vài góc độ khác nhau. Các câu

hỏi bạn không thể trả lời, thường có ích với bạn hơn là những câu bạn không thể hỏi.

Cuối cùng, những người thế tục tôn trọng trách nhiệm. Họ không tin vào bất cứ quyền năng cao vời nào sẽ chăm sóc thế giới, trừng phạt bọn độc ác, tưởng thưởng sự công bằng và bảo vệ chúng ta khỏi nạn đói, dịch bệnh hay chiến tranh. Do đó, những kẻ hữu tử bằng xương bằng thịt chúng ta phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về bất cứ thứ gì chúng ta làm hoặc không làm. Nếu thế giới tràn ngập đau khổ thì bổn phận của chúng ta là phải tìm giải pháp. Người thế tục tự hào về các thành tựu to lớn của xã hội hiện đại như chữa các bệnh dịch, cho người đói thức ăn và mang hòa bình đến những phần rộng lớn của thế giới. Chúng ta không cần ghi nhận những thành tựu này cho bất cứ đấng bảo vệ thần thánh nào; chúng là kết quả của những con người đã gây dựng tri thức và lòng trắc ẩn của riêng mình. Nhưng chính vì lý do đó, chúng ta cần chịu hoàn toàn trách nhiệm về những tội ác và thất bại của đời sống hiện đại, từ các cuộc diệt chủng cho đến suy thoái sinh thái. Thay vì cầu xin những điều kỳ diệu, chúng ta cần hỏi mình có thể làm gì để giúp.

Đây là những giá trị chính của thế giới thế tục. Như đã nói từ trước, không có giá trị nào trong số này là của riêng chủ nghĩa thế tục. Người Do Thái cũng đề cao sự thật, người Cơ Đốc tôn vinh lòng trắc ẩn, người Hồi coi trọng sự công bằng, người Hindu tôn trọng trách nhiệm, . . . Các xã hội và thể chế thế tục vui vẻ công nhận những mối quan hệ này và mở rộng vòng tay với những người Do Thái, Cơ Đốc, Hồi giáo và Hindu, miễn là khi quy tắc thế tục va chạm với học thuyết tôn giáo, tôn giáo phải nhường bước. Chẳng hạn, để được chấp nhận vào xã hội thế tục, người Do Thái Chính thống cần phải đối xử với người phi-Do Thái như những người bình đẳng với họ, người Cơ Đốc nên tránh thiêu bọn ngoại đạo trên giàn lửa, người Hồi phải tôn trọng tự do biểu đạt, và người Hindu phải từ bỏ phân biệt đối xử dựa trên đẳng cấp.

Trái lại, không ai bắt người theo đạo phải chối bỏ Chúa hay từ bỏ các nghi thức và nghi lễ truyền thống của mình. Thế giới thế tục đánh giá con người dựa trên hành vi của họ hơn là quần áo và lễ nghi họ yêu thích. Một người có thể theo những kiểu ăn mặc giáo phái quái đản nhất và thực hành các nghi lễ tôn giáo kỳ lạ nhất, nhưng vẫn hành xử theo một cam kết sâu thẳm đối với các giá trị thế tục cốt lõi. Có rất nhiều nhà khoa học Do Thái,

nhà môi trường Cơ Đốc, nhà vận động nữ quyền Hồi giáo và các nhà hoạt động vì quyền con người Hindu giáo. Nếu họ trung thành với sự thật khoa học, với lòng trắc ẩn, với sự bình đẳng và voi tự do, họ là những thành viên đầy đủ tư cách của thế giới thế tục; không có bất cứ lý do gì để yêu cầu họ bỏ mũ yarmulke, thập tự, khăn trùm đầu hay chấm đỏ trên trán cả.

Vì những lý do tương tự, giáo dục thế tục không phải là một cuộc truyền giáo phủ định dạy trẻ em không tin vào Chúa và không tham gia vào bất cứ nghi thức tôn giáo nào. Thay vào đó, giáo dục thế tục dạy trẻ phân biệt sự thật với niềm tin, gây dựng lòng trắc ẩn với vạn vật đang chịu đau khổ, tôn trọng trí khôn và trải nghiệm với mọi cư dân Trái đất, suy nghĩ một cách tự do mà không sợ những điều chưa biết và chịu trách nhiệm với các hành động của mình cũng như của cho toàn thể thế giới.

—ooOoo—

THẾ TỤC VÀ KHÔNG THẾ TỤC

Stalin có thế tục không?

DO ĐÓ, sẽ là vô căn cứ khi chỉ trích chủ nghĩa thế tục vì thiếu cam kết đạo đức hay trách nhiệm xã hội. Trên thực tế, vấn đề cơ bản của chủ nghĩa thế tục chính là điều ngược lại. Có lẽ nó đã đặt mục tiêu đạo đức quá cao. Hầu hết mọi người đơn giản là không thể sống theo một quy tắc đòi hỏi cao như thế, và người ta không thể vận hành các xã hội lớn dựa trên một cuộc kiếm tìm chân lý và lòng trắc ẩn bỏ ngỏ như vậy. Đặc biệt là trong những thời kỳ khẩn trương như chiến tranh hay khủng hoảng kinh tế, xã hội phải hành động mau chóng và mạnh mẽ, ngay cả khi chúng không chắc điều gì là sự thật và điều trắc ẩn nhất phải làm là gì. Chúng cần các chỉ dẫn rõ ràng, những khẩu hiệu bùi tai và những tiếng trống trận bừng bừng khí thế. Khó mà điều binh lính ra trận hay áp đặt những cải cách kinh tế gốc rễ dưới danh nghĩa những suy đoán mơ hồ nên các phong trào thế tục hết lần này đến lần khác vụt biến thành các tín điều võ đoán.

Chẳng hạn, Karl Marx khởi đầu bằng cách tuyên bố mọi tôn giáo đều có những "cách thức" và khuyên khích các môn đệ của mình tự nghiên cứu bản chất thật sự của trật tự toàn cầu. Trong các thập kỷ kế tiếp, áp lực của cách mạng và chiến tranh làm việc áp dụng chủ nghĩa Marx trở nên "cứng", và đến thời Stalin thì phương châm chính thức của Liên Xô nói rằng trật tự toàn cầu là quá phức tạp để những người bình thường có thể hiểu được. Nhìn thì có vẻ khác lạ nhưng như những nhà lý luận của họ vẫn luôn giải thích rằng cách mạng không phải là một cuộc dạo chơi.

Do đó, việc ta có nên xem Stalin là một lãnh đạo thế tục hay không phụ thuộc vào việc ta định nghĩa chủ nghĩa thế tục như thế nào. Nếu ta dùng định nghĩa phủ nhận đơn giản nhất, tức "người thế tục không tin vào Chúa", thì Stalin rõ ràng là thế tục. Nếu ta sử dụng định nghĩa tích cực hơn, tức "người thế tục chối bỏ mọi giáo điều phi khoa học và cam kết bảo vệ sự thật, lòng trắc ẩn và tự do", thì Marx là một danh nhân thế tục, còn Stalin là phi thế tục. Ông là nhà tiên tri của tôn giáo vô thần nhưng cực kỳ giáo điều của chủ nghĩa Stalin.

Chủ nghĩa Stalin không phải là một ví dụ duy nhất. Ở đầu bên kia của phổ chính trị, chủ nghĩa tư bản cũng khởi đầu như một lý thuyết khoa học rất cởi mở nhưng dần cứng rắn thành một giáo điều. Nhiều nhà tư bản tiếp tục tụng lại câu chú "thị trường tự do vạ phát triển kinh tế" bất chấp các hiện thực trên mặt đất. Dù các hậu quả kinh khủng nào xuất phát từ hiện đại hóa, công nghiệp hóa hay tư nhân hóa, những tín đồ trung thành của chủ nghĩa tư bản vẫn gạt bỏ chúng như những "cơn sốt vỡ da" thuần túy và hứa hẹn rằng mọi thứ sẽ được giải quyết êm xuôi bằng một chút tăng trưởng nữa thôi.

Các nhà dân chủ tự do đứng giữa thì trung thành với cuộc mưu cầu sự thật và lòng trắc ẩn thế tục hơn, nhưng ngay cả họ cũng thi thoảng từ bỏ nó để đi theo các tín điều xuôi tai. Do đó, khi đối mặt với mớ hỗn độn của các thể chế độc tài và các nhà nước thất bại, những người tự do thường đặt niềm tin mơ hồ vào nghi thức tuyệt vời như là các cuộc tổng tuyển cử. Họ gây chiến và tiêu tốn nhiều tỷ đô la vào những nơi như Iraq, Afghanistan và Congo trong niềm tin sắt đá rằng tổ chức các cuộc tổng tuyển cử sẽ biến những nơi này thành các phiên bản nhiều nắng hơn của Đan Mạch một cách diệu kỳ. Điều này ngó lơ các thất bại lặp đi lặp lại, và sự thật là ngay cả ở những nơi có truyền thống tổng tuyển cử vững vàng, các nghi thức ấy

đôi khi đưa những nhà dân túy độc tài lên nắm quyền và kết quả không gì khác là một nền độc tài số đông. Nếu thử đặt câu hỏi về cái gọi là sự sáng suốt của các cuộc tổng tuyển cử kêu như trên; bạn sẽ không bị "sờ gáy" đâu, nhưng rất có thể bạn sẽ phải chịu một cuộc tổng xỉ vả giáo điều lạnh lẽo.

Dĩ nhiên, không phải mọi giáo điều đều có hại như nhau. Cũng như rất nhiều niềm tin tôn giáo đã làm lợi cho nhân loại, một số giáo điều thế tục cũng vậy. Điều này đặc biệt đúng khi nói về học thuyết nhân quyền. Nơi duy nhất tồn tại các quyền là những câu chuyện mà con người sáng tạo ra và kể cho nhau. Các câu chuyện này được thờ phụng như các giáo điều hiển nhiên trong cuộc chiến chống lại lòng tin tôn giáo mù quáng và các chính quyền độc đoán. Dù việc con người có quyền tự nhiên là được sống hay tự do là không đúng, niềm tin vào câu chuyện này kìm hãm quyền lực của các thể chế độc tài, bảo vệ những cộng đồng thiểu số và che chở cho hàng tỷ người khỏi những hậu quả tồi tệ nhất của nghèo đói và bạo lực. Do đó, nó đóng góp cho hạnh phúc và phúc lợi của nhân loại có lẽ còn nhiều hơn bất cứ tín điều nào trong lịch sử.

Thế nhưng, nó vẫn là một tín điều. Như Điều 19 trong Tuyên bố về Nhân quyền của Liên Hợp Quốc nói rằng "Mọi người đều có quyền tự do suy nghĩ và biểu đạt." Nếu chúng ta hiểu đây là một đòi hỏi chính trị ("ai cũng *nên* có quyền tự do suy nghĩ") thì điều này hoàn toàn hợp lý. Nhưng nếu chúng ta tin rằng mỗi một người từ khi sinh ra đã có "quyền tự do suy nghĩ", do vậy việc kiểm soát xâm phạm một luật lệ tự nhiên nào đó, chúng ta đã bỏ qua sự thật về nhân loại. Một khi bạn định nghĩa mình là "một cá nhân sở hữu các quyền tự nhiên không thể xâm phạm", bạn sẽ không biết mình thật sự là ai và không hiểu các lực lượng lịch sử đã định hình xã hội cũng như đầu óc của bạn (bao gồm cả niềm tin của bạn vào "các quyền tự nhiên").

Kiểu ngây ngô đó có lẽ không quan trọng lắm trong thế kỷ 20, khi người ta đang bị cuốn vào chiến tranh. Nhưng nó có thể trở nên chết người trong thế kỷ 21 bởi công nghệ sinh học và trí tuệ nhân tạo giờ đang tìm cách thay đổi chính ý nghĩa của nhân loại. Nếu chúng ta cam kết bảo vệ quyền được sống, điều đó có nghĩa là ta nên dùng công nghệ sinh học để vượt qua cái chết ư? Nếu chúng ta cam kết bảo vệ quyền tự do, liệu ta có nên trao quyền cho các thuật toán giải mã và thực hiện các khao khát tiềm

ẩn của chúng ta? Nếu mọi con người đều có nhân quyền ngang nhau thì siêu nhân có được hưởng siêu quyền không? Những người thế tục sẽ thấy khó tham gia vào những câu hỏi như vậy một khi họ vẫn gắn mình vào một niềm tin cứng nhắc về "quyền con người".

Tín điều về nhân quyền được định hình trong các thế kỷ trước như một thứ vũ khí chống lại tòa án dị giáo, các chế độ quân chủ-quý tộc, phát xít và giáo phái Ku Klux Klan. Tín điều đó khó lòng đối phó với các siêu nhân, người-máy và các máy tính siêu thông minh. Trong khi phong trào nhân quyền đã phát triển một kho vũ khí rất ấn tượng gồm các lập luận và phản biện chống lại các thiên kiến tôn giáo và những nhà độc tài, kho vũ khí này khó bảo vệ chúng ta khỏi việc tiêu dùng quá mức và các xã hội công nghiệp không tưởng.

—ooOoo—

THỪA NHẬN BÓNG TỐI

TA KHÔNG nên đánh đồng chủ nghĩa thế tục với giáo điều hay những quả đắng của chủ nghĩa thực dân và công nghiệp hóa chụp giật phương Tây. Thế nhưng nó cũng không thể chối bỏ mọi trách nhiệm đối với chúng. Các phong trào thế tục và các tổ chức khoa học đã thôi miên hàng tỷ người bằng những hứa hẹn hoàn thiện nhân loại và sử dụng những của cải của hành tinh Trái đất cho lợi ích của loài người. Những hứa hẹn đó không chỉ đưa đến việc vượt qua các nạn đói và bệnh dịch mà còn xây lên các nhà tù và những chỏm băng tan chảy. Bạn hoàn toàn có thể tranh luận rằng toàn bộ là lỗi của những người hiểu sai và bóp méo các lý tưởng thế tục cốt lõi và các sự thật khoa học đúng đắn. Và bạn hoàn toàn đúng. Nhưng đấy là một vấn đề chung của tất cả các phong trào có ảnh hưởng.

Chẳng hạn, Cơ Đốc giáo cũng chịu trách nhiệm cho các tội lỗi ghê gớm như tòa án dị giáo, các cuộc Thập tự chinh, sự đàn áp các văn hóa bản địa trên khắp thế giới và việc tước đi quyền phụ nữ. Một người Cơ Đốc có thể không bằng lòng với điều này và phản bác rằng tất cả các tội lỗi ấy đến từ

sự hiểu sai hoàn toàn Cơ Đốc giáo. Jesus chỉ rao giảng tình yêu và tòa án dị giáo dựa trên một sự hiểu biết bóp méo kinh khủng những lời rao giảng của Ngài. Chúng ta có thể đồng cảm với tuyên bố này, nhưng sẽ là không đúng nếu cho phép Cơ Đốc giáo biện minh dễ dàng như thế. Những người Cơ Đốc bị tòa án dị giáo và Thập tự chinh làm cho thất kinh không thể cứ thế phủi tay khỏi các lỗi lầm này; họ nên tự hỏi mình vài câu hỏi cực kỳ hóc búa. Chính xác là làm thế nào mà "tôn giáo tình yêu" của họ tự cho phép mình bị bóp méo đến mức đó, không chỉ một mà nhiều lần? Những người Tin Lành đang cố đổ hết lỗi cho chủ nghĩa Cơ Đốc cuồng tín được khuyên đọc một cuốn sách về hành vi của những kẻ thực dân theo đạo Tin Lành ở Ireland hay Bắc Mỹ. Tương tự, các nhà khoa học nên xem xét vì sao dự án khoa học của mình lại dễ dàng hợp với việc làm mất cân bằng hệ sinh thái toàn cầu đến thế và các nhà di truyền học cần đặc biệt cảnh giác trước các cách diễn dịch học thuyết Darwin theo kiểu của bọn phát xít.

Tôn giáo, tư tưởng và tín điều đều có mặt kia của nó; dù đi theo tín điều nào, bạn cũng phải công nhận mặt kia của mình và tránh kiểu đoán chắc ngây thơ là "điều đó không thể xảy đến với chúng ta". Khoa học thế tục có ít nhất một lợi thế so với hầu hết các tôn giáo truyền thống khác: đó là nó vốn dĩ không khiếp sợ cái bóng của chính mình, và về nguyên tắc, nó sẵn sàng thừa nhận sai lầm cũng như điểm mù của nó. Nếu bạn tin vào một sự thật tuyệt đối do một thế lực siêu việt nào đó mặc khải, bạn không thể cho phép mình thừa nhận một sai lầm nào vì điều đó sẽ vô hiệu hóa toàn bộ câu chuyện của bạn. Nhưng nếu bạn tin vào một cuộc kiếm tìm chân lý của những con người có thể phạm sai lầm thì chấp nhận sai lầm là một phần của cuộc chơi.

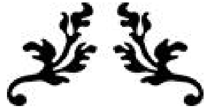
Đấy cũng là lý do tại sao các phong trào thế tục phi giáo điều có xu hướng đưa ra các hứa hẹn khá khiêm tốn. Ý thức được sự không hoàn hảo của mình, họ hy vọng đem lại các thay đổi nhỏ, dần dà, tăng lương tối thiểu vài đô la hay giảm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh vài phần trăm. Các tư tưởng giáo điều có một dấu hiệu nhận biết là chúng thường xuyên thề thốt những điều bất khả vì sự tự tin thái quá của mình. Các thủ lĩnh của họ tự do nói về "vĩnh hằng", "thuần khiết" và "cứu rỗi" như thể bằng cách đưa ra một bộ luật, xây một ngôi đền hay chinh phục một lãnh thổ nào đó, họ có thể đánh đổi tất cả để cứu vớt cả thế giới.

Khi đến lúc đưa ra cắc quyết định quan trọng nhất trong lịch sử sự sống, cá nhân, tôi sẽ đặt niềm tin vào những người thừa nhận sự ngu dốt hơn là những người tự cho là bất khả bại. Nếu bạn muốn tôn giáo, lý tưởng hay thế giới quan của mình dẫn dắt thế giới, câu hỏi đầu tiên của tôi là: “Đâu là sai lầm lớn nhất mà tôn giáo, lý tưởng hay thế giới quan của bạn đã phạm phải? Nó đã sai lầm ở đâu?”. Nếu bạn không thể nghĩ ra một điều gì nghiêm trọng, cá nhân tôi sẽ không tin bạn.



Phần IV

SỰ THẬT



Nếu trạng huống toàn cầu khiến bạn choáng ngợp và hoang mang, bạn đang đi đúng đường rồi đó. Các quá trình toàn cầu đã trở nên quá sức phức tạp để bất cứ cá nhân riêng lẻ nào có thể hiểu được. Thế thì làm sao bạn có thể biết được sự thật về thế giới và tránh trở thành nạn nhân của tuyên truyền và thông tin sai lệch?



15

NGU DỐT



BẠN BIẾT ÍT HƠN BẠN TƯỞNG

CÁC CHƯƠNG tiếp theo nghiên cứu một số vấn đề và diễn biến quan trọng nhất trong kỷ nguyên hiện tại, từ nguy cơ khủng bố bị thổi phồng đến nguy cơ đứt gãy do công nghệ bị đánh giá thấp. Nếu bạn cảm thấy lấn cấn rằng như thế là quá nhiều, rằng mình không thể xử lý hết, thì bạn hoàn toàn đúng rồi đấy. Không ai có thể cả.

Trong vài thế kỷ vừa qua, tư tưởng tự do đã phát triển một niềm tin bao la vào cá nhân có lý trí. Nó mô tả những cá thể người như các tác nhân có lý trí độc lập và biến những sinh vật huyền bí này thành nền tảng của xã hội hiện đại. Dân chủ được xây dựng dựa trên ý tưởng rằng cử tri là người biết rõ nhất, chủ nghĩa tư bản thị trường tự do tin rằng khách hàng luôn đúng và giáo dục tự do dạy sinh viên tự nghĩ cho bản thân.

Tuy nhiên, việc đặt quá nhiều niềm tin vào cá nhân lý trí là sai lầm. Các nhà tư tưởng hậu thuộc địa và nữ quyền đã chỉ ra rằng thứ "cá nhân lý trí" này hoàn toàn có thể chỉ là một ảo tưởng phương Tây có tính sô-vanh, vinh danh sự tự trị và sức mạnh của những gã đàn ông da trắng thuộc tầng lớp trên. Như đã nói hước đó, các nhà kinh tế học hành vi và các nhà tâm lý học tiến hóa đã chỉ ra rằng hầu hết các quyết định của con người dựa trên các phản ứng của cảm xúc và các lối tắt tự nghiệm hơn là phân tích lý trí, và trong khi cảm xúc và kiểu tự mày mò của chúng ta có thể phù hợp để đối phó với cuộc sống thời Đồ Đá, chúng lại thiếu thỏa đáng một cách đáng thương trong Thời đại Silicon.

Không chỉ lý tính mà cá nhân tính cũng là một huyền thoại. Con người hiếm khi tự mình suy nghĩ. Thay vào đó, chúng ta nghĩ theo nhóm. Như

việc cả bộ lạc nuôi lớn một đứa trẻ, con người cũng cần cả bộ lạc mới phát minh được một công cụ, giải quyết một mâu thuẫn hay chữa một căn bệnh. Không cá thể nào biết tất cả mọi thứ cần thiết để tạo nên một nhà thờ, một quả bom nguyên tử hay một chiếc phi cơ. Điều khiến *Homo sapiens* có lợi thế hơn mọi loài vật khác và biến chúng ta thành chủ nhân của hành tinh này không phải là lý tính cá nhân mà là khả năng chưa từng có là nghĩ cùng nhau theo các nhóm lớn của chúng ta.

Từng cá thể người biết về thế giới ít đến đáng xấu hổ, và khi lịch sử tiến triển, họ càng ngày càng biết ít hơn. Một người săn bắt-hái lượm vào thời Đồ Đá biết cách tự làm quần áo của mình, biết cách nhóm lửa, săn thỏ và thoát khỏi sư tử. Chúng ta nghĩ ngày nay chúng ta biết nhiều hơn, nhưng xét cá nhân, thật ra chúng ta biết ít hơn nhiều. Chúng ta dựa vào chuyên môn của những người khác để thỏa mãn gần như mọi nhu cầu của mình. Trong một thí nghiệm "hạ bệ" con người, người ta được yêu cầu đánh giá xem mình hiểu cơ chế hoạt động của một cái khóa kéo thông thường đến mức nào. Hầu hết tự tin trả lời rằng họ rất hiểu khóa kéo; xét cho cùng, họ dùng chúng suốt còn gì. Sau đó, họ được yêu cầu mô tả càng chi tiết càng tốt mọi bước liên quan đến hoạt động của khóa kéo. Hầu hết chả biết chút gì. Đây là thứ mà Steven Sloman và Philip Fembach đặt tên là "ảo tưởng kiến thức". Chúng ta nghĩ chúng ta biết rất nhiều, thậm chí dù mỗi cá nhân biết rất ít, bởi chúng ta xem kiến thức trong đầu những người khác như của chính mình.

Điều này không hẳn đã dở. Sự phụ thuộc của chúng ta vào suy nghĩ nhóm đã biến chúng ta thành chủ nhân thế giới và ảo tưởng kiến thức giúp ta đi qua cuộc đời mà không mác kẹt trong một nỗ lực tuyệt vọng phải tự mình tìm hiểu mọi thứ. Từ khía cạnh tiến hóa, việc tin vào kiến thức của người khác là cực kỳ hiệu quả đối với *Homo sapiens*.

Thế nhưng, như nhiều đặc điểm khác của con người từng hợp lý trong các thời đại trước nhưng lại gây rắc rối trong thời hiện đại, ảo tưởng kiến thức có mặt xấu của nó. Thế giới đang trở nên ngày một phức tạp và con người không nhận ra mình ngờ nghệch như thế nào đối với những việc đang xảy ra. Do đó, một người gần như không biết chút gì về khí tượng học hay sinh học vẫn đề xuất các chính sách về biến đổi khí hậu và cây trồng biến đổi gen, trong khi những người khác lại có các quan điểm rất mạnh bạo về những gì cần làm ở Iraq hay Ukraine mà không thể định vị

các quốc gia này trên bản đồ. Con người hiếm khi nhận thức được sự ngu dốt của mình bởi họ nhốt mình trong một căn phòng phản âm có những người bạn mang suy nghĩ giống mình và những dòng tin tự xác thực, nơi niềm tin của họ liên tục được củng cố và ít khi bị thử thách.

Mang lại cho con người ngày càng nhiều thông tin và thông tin ngày càng tốt hơn không chắc đã cải thiện vấn đề. Các nhà khoa học hy vọng đập tan các quan điểm sai trái bằng việc giáo dục khoa học tốt hơn và các nhà bình luận hy vọng lay chuyển ý kiến của công chúng về các vấn đề như Obamacare hay nóng lên toàn cầu bằng cách đưa ra cho công chúng các dữ kiện và báo cáo chuyên môn chính xác. Những hy vọng đó dẫn tới một sự hiểu nhầm về cách con người thực sự suy nghĩ. Hầu hết quan điểm của chúng ta do suy nghĩ nhóm cộng đồng định hình, chứ không phải lý trí cá nhân; và chúng ta bám lấy các quan điểm đó do sự trung thành nhóm. Dội cho người ta hàng đống dữ kiện và phơi bày sự ngờ nghệch cá nhân của họ nhiều khả năng sẽ phản tác dụng. Hầu hết mọi người không thích quá nhiều dữ kiện, và chắc chắn họ không thích cảm thấy mình đần. Đừng quá chắc là bạn có thể thuyết phục những người, ủng hộ Phong trào tiệc trà nhìn ra sự thật về nóng lên toàn cầu bằng cách đưa cho họ mấy tờ dữ liệu thống kê.

Sức mạnh của suy nghĩ nhóm sâu sắc đến nỗi khó mà phá vỡ gọng kìm của nó ngay cả khi các quan điểm của nó có vẻ khá mơ hồ. Do đó ở Mỹ, những người bảo thủ cánh hữu có xu hướng ít quan tâm đến các thứ như ô nhiễm hay các loài bị đe dọa nguy cấp hơn là những người cấp tiến cánh tả rất nhiều; đấy là lý do vì sao Louisiana có các quy định về môi trường không chặt chẽ hơn nhiều so với Massachusetts. Chúng ta đã quen với tình huống này nên xem đó là đương nhiên, nhưng thật ra điều này khá là đáng ngạc nhiên. Người ta tưởng rằng những người bảo thủ sẽ quan tâm đến việc bảo tồn trật tự sinh thái cũ và bảo vệ đất đai, rừng cây và sông ngòi của tổ tiên hơn. Trái lại, người ta trông đợi những người cấp tiên tỏ ra cởi mở hơn nhiều đối với các thay đổi triệt để với đồng quê, đặc biệt nếu mục đích là để đẩy nhanh tiến bộ và gia tăng mức sống của con người. Tuy nhiên, một khi đường lối của đảng đã nhắm đến các vấn đề này do đôi ba sự kiện lịch sử ngẫu nhiên nào đó, việc bỏ qua các quan ngại về những dòng sông bị ô nhiễm và những loài chim đang biến mất trở nên hết sức tự

nhiên, trong khi các đảng viên cấp tiến cánh tả lại có khuynh hướng e sợ bất cứ đứt gãy nào xảy ra với trật tự sinh thái cũ.

Ngay cả các nhà khoa học cũng không miễn nhiễm với sức mạnh của suy nghĩ nhóm. Thực tế, chính các nhà khoa học tin rằng dữ kiện có thể thay đổi ý kiến quần chúng cũng có thể trở thành nạn nhân của suy nghĩ nhóm trong khoa học. Cộng đồng khoa học tin vào hiệu lực của dữ kiện và những người trung thành với cộng đồng đó tiếp tục tin rằng họ có thể thắng trong các cuộc tranh luận công khai bằng cách ném ra xung quanh các dữ kiện đúng, dù có rất nhiều bằng chứng thực tiễn chứng minh điều ngược lại.

Tương tự, tự thân niềm tin tự do vào lý tính cá nhân có thể là sản phẩm của suy nghĩ nhóm tự do. Trong một khoảnh khắc cao trào trong bộ phim *Cuộc đời của Brian* của nhóm Monty Python, một đám đông khổng lồ các tín đồ mơ mộng nhầm Brian với Đấng Cứu thế. Brian nói với các đồ đệ của mình rằng: "Các người không cần đi theo tôi, các người không cần đi theo ai hết! Các người phải tự nghĩ cho mình! Các người đều là những cá nhân! Các người đều khác biệt!" Đám đông cuồng nhiệt sau đó đồng thanh hô: "Đúng! Chúng ta đều là các cá nhân! Đúng, chúng ta đều khác biệt!" Nhóm Monty Python đang nhại theo tính chính thống của phong trào phản văn hóa những năm 1960, nhưng điều này có thể đúng với niềm tin vào chủ nghĩa cá nhân lý trí nói chung. Các nền dân chủ hiện đại đầy rẫy những đám đông cùng đồng thanh hô hào: "Đúng, cử tri biết rõ nhất! Đúng, khách hàng luôn đúng!"

—ooOoo—

LỖ ĐEN QUYỀN LỰC

VẤN ĐỀ của suy nghĩ nhóm và ngu dốt cá nhân ảnh hưởng không chỉ các cử tri và người tiêu dùng bình thường mà cả các tổng thống và các giám đốc điều hành. Họ có thể có bên mình nhiều cố vấn và các cơ quan tình báo khổng lồ, nhưng điều đó không nhất thiết khiến mọi thứ tốt hơn. Cực

kỳ khó khám phá ra sự thật khi bạn đang thống trị thế giới. Đơn giản là bạn quá bận. Hầu hết các thủ lĩnh chính trị và ông trùm kinh doanh lúc nào cũng bận tối mắt tối mũi. Thế nhưng, nếu bạn muốn đi sâu vào bất cứ chủ đề nào, bạn cần rất nhiều thời gian, đặc biệt là bạn cần cái đặc quyền được phung phí thời gian. Bạn cần thử nghiệm với những con đường không đích đến, khám phá các ngõ cụt, chừa chỗ cho sự nghi ngờ và sự nhàm chán, cho phép những hạt mầm thấu tỏ chậm rãi lớn lên và nở hoa. Nếu bạn không được phép phung phí thời gian, bạn sẽ không bao giờ tìm được sự thật.

Tệ hơn nữa, quyền lực lớn không tránh khỏi việc làm méo mó sự thật. Quyền lực chính là thay đổi hiện thực thay vì nhìn hiện thực như nó vốn dĩ. Khi bạn có một cái búa trong tay, mọi thứ trông đều giống một cái đinh; khi bạn có quyền lực lớn ở trong tay, mọi thứ trông như một lời mời gọi bạn nhúng mũi vào. Ngay cả khi bằng cách nào đó bạn vượt qua được thôi thúc ấy, những người xung quanh bạn sẽ không bao giờ quên cái búa khổng lồ bạn đang cầm trong tay. Bất cứ ai nói chuyện với bạn, vô tình hay hữu ý, đều có ý đồ riêng, do đó bạn không bao giờ có thể tin hoàn toàn những gì họ nói. Không vị đế vương nào có thể tin rằng triều thần và thuộc hạ sẽ nói với mình sự thật cả.

Do vậy, quyền lực lớn có tác dụng như một lỗ đen bóp méo chính không gian xung quanh nó. Bạn càng lại gần nó, mọi thứ càng méo mó. Mỗi lời nói ra trở nên nặng nề hơn khi đi vào quỹ đạo của bạn và mỗi người bạn gặp lại cố nịnh nọt, xoa dịu hay kiếm được một cái gì đó từ bạn. Họ biết bạn không thể cho họ nhiều hơn một hay hai phút, họ sợ nói một cái gì đó không phù hợp hay bị líu lưỡi; cuối cùng, họ chỉ thốt ra những khẩu hiệu trống rỗng hoặc những câu sến súa nhất trần đời.

Vài năm trước, tôi được mời dùng bữa tối với thủ tướng Israel, Benjamin Netanyahu. Bạn bè khuyến cáo tôi đừng có đi, nhưng tôi không cưỡng được cám dỗ. Tôi nghĩ cuối cùng, tôi có thể sẽ nghe được một vài bí mật to tát nào đó chỉ được tiết lộ cho những đôi tai quan trọng đằng sau những cánh cửa đóng kín. Thật là một thất vọng tràn trề! Có khoảng ba chục người ở đó và ai cũng cố thu hút sự chú ý của "người vĩ đại", gây ấn tượng với ông bằng trí tuệ của mình, định kiếm cho mình một thứ gì đó từ ông. Nếu bất cứ ai ở đó biết điều gì bí mật thì họ đã xuất sắc giữ kín được

chúng. Đây chắc chắn không phải lỗi của Netanyahu hay lỗi từ bất kỳ ai. Đấy là lỗi của lực hấp dẫn của quyền lực.

Nếu bạn thật sự muốn sự thật, bạn cần thoát khỏi lỗ đen quyền lực và cho phép mình lãng phí rất nhiều thời gian lang thang đây đó ở rìa ngoài. Những tri thức mang tính đột phá hiếm khi vào được trung tâm vì trung tâm được xây dựng trên các tri thức đã có sẵn. Những người "canh gác" trật tự cũ thường quyết định ai đến được trung tâm quyền lực và có xu hướng lọc đi những người mang đến các ý tưởng trái với thông lệ, gây xáo động. Dĩ nhiên, họ cũng lọc ra một lượng "rác rưởi" cực lớn. Không được mời đến Diễn đàn Kinh tế Thế giới Davos không phải là một chỉ dấu đảm bảo cho trí tuệ. Đấy là lý do bạn cần lãng phí rất nhiều thời gian ở rìa ngoài: nơi đó có thể chứa đựng một số ý tưởng cách mạng sáng chói xuất chúng, nhưng hầu hết là những suy đoán thiếu căn cứ, những mô hình đã lỗi thời, các tín điều và các thuyết âm mưu lạ thường.

Các lãnh đạo do đó bị mắc kẹt trong một ràng buộc kép. Nếu còn ngồi ở trung tâm quyền lực, họ sẽ có một cái nhìn không chính xác về thế giới. Nếu mạo hiểm ra bên lề, họ sẽ phung phí quá nhiều thời gian vàng bạc của mình. Và vấn đề sẽ chỉ ngày càng tệ thêm. Trong các thập kỷ tới, thế giới thậm chí sẽ trở nên phức tạp hơn ngày nay. Do đó, những con người cá thể, dù là quân tốt hay quân vương, sẽ biết ngày càng ít về các món đồ công nghệ, các dòng kinh tế và các động lực chính trị định hình thế giới. Như Socrates đã quan sát thấy từ hơn 2.000 năm trước, điều tốt nhất ta có thể làm trong các điều kiện như vậy là thừa nhận sự "ngu dốt" của cá nhân ta.

Nhưng còn đạo đức và công bằng thì sao? Nếu ta không thể hiểu thế giới, làm sao ta hy vọng nhìn thấy sự khác biệt giữa đúng và sai, giữa công lý và bất công?

16

Công Lý



Ý THỨC VỀ CÔNG LÝ CỦA CHÚNG TA CÓ THỂ ĐÃ LỖI THỜI

NHƯ MỌI ý thức khác của chúng ta, ý thức công lý của chúng ta cũng có gốc rễ tiến hóa cổ xưa. Đạo đức con người được định hình trong hàng triệu năm tiến hóa để ứng phó với các tình thế lưỡng nan mang tính xã hội và đạo đức nảy sinh trong cuộc sống của các nhóm săn bắt-hái lượm nhỏ. Nếu tôi đi săn với anh và tôi giết được một con hươu trong khi anh chẳng bắt được gì, tôi có nên chia chiến lợi phẩm với anh? Nếu anh đi tìm nấm và trở về với một giỏ đầy, liệu việc tôi khỏe hơn anh có cho phép tôi giật tất cả chỗ nấm đó cho riêng mình? Và nếu tôi biết anh bày mưu giết tôi thì việc tôi "tiên hạ thủ vi cường" mà cắt cổ anh trong đêm có ổn không?

Xét bề ngoài thì có vẻ chưa có nhiều điều thay đổi từ lúc chúng ta rời đồng cỏ châu Phi để đến với rừng rậm thành thị. Người ta có thể cho rằng những câu hỏi chúng ta đối mặt ngày hôm nay, cuộc nội chiến Syria, bất công toàn cầu, nóng lên toàn cầu, cũng chỉ là những câu hỏi cũ "phình to ra"[13]. Nhưng đấy là một ảo tưởng. "Kích cỡ là quan trọng" và từ góc nhìn của công lý, cũng như nhiều góc nhìn khác, chúng ta chưa hề thích ứng với thế giới mình đang sống.

Vấn đề không nằm ở các giá trị. Dù vô thần hay mộ đạo, các công dân thế kỷ 21 có rất nhiều giá trị. Vấn đề nằm ở việc thực hành các giá trị này trong một thế giới toàn cầu phức tạp. Lỗi hoàn toàn nằm ở các con số. Cảm thức công lý của những kẻ săn bắt được cấu tạo để ứng phó với các thế lưỡng nan liên quan đến đời sống của vài chục người trong một vùng rộng

vài chục kilomet vuông. Khi ta cố hiểu các mối tương quan giữa hàng triệu người khắp các lục địa, cảm thức luân lý của ta bị choáng ngợp.

Công lý không chỉ đòi hỏi một tập hợp các giá trị trừu tượng mà còn yêu cầu một sự hiểu biết về các mối quan hệ nhân-quả rõ ràng. Nếu anh hái một giỏ nấm để con anh ăn và giờ tôi dùng vũ lực cướp giỏ nấm của anh, nghĩa là mọi nỗ lực của anh thành công cốc và con cái anh phải ôm bụng đói đi ngủ, thì đó là bất công. Điều này dễ hiểu vì rất dễ thấy quan hệ nhân-quả. Thật không may, một đặc điểm cố hữu của thế giới toàn cầu hóa hiện đại của chúng ta là các quan hệ nhân-quả cực kỳ phân nhánh và phức tạp. Tôi có thể sống an bình ở nhà, không bao giờ nhấc một ngón tay lên hại ai; nhưng theo các nhà hoạt động cánh tả, tôi là một thành viên chính thức nhúng tay vào những sai trái mà binh lính và di dân Israel gây ra ở Bờ Tây. Theo các nhà xã hội chủ nghĩa, đời sống dễ chịu của tôi là dựa trên lao động trẻ em ở các công xưởng bóc lột tối tăm ở thế giới thứ ba. Các nhà hoạt động vì phúc lợi của động vật nhắc tôi nhớ rằng cuộc đời tôi gắn chặt với một trong những tội ác dã man nhất trong lịch sử: việc nhốt hàng tỷ con vật nuôi trong các chuồng trại theo một chế độ "bóc lột" tàn bạo.

Có thật là tôi đáng bị đổ tội cho tất cả những điều trên? Thật khó nói. Vì sự tồn tại của tôi phụ thuộc vào một hệ thống các quan hệ kinh tế và chính trị đáng kinh ngạc, và vì các liên kết nhân-quả toàn cầu quá nhằng nhịt, tôi thấy khó mà trả lời ngay cả những câu hỏi đơn giản nhất, như bữa trưa của tôi đến từ đâu, ai làm ra đôi giày tôi đang đi và quỹ hưu của tôi đang làm gì với tiền của tôi.

—ooOoo—

ĐÁNH CẮP NHỮNG DÒNG SÔNG

MỘT NGƯỜI săn bắt-hái lượm tiền sử biết rất rõ bữa trưa của cô ta đến từ đâu (cô ta tự tìm lấy), ai làm ra đôi giày da của mình (gã nằm ngủ cách đó mười mét) và quỹ hưu của mình đang làm gì (đang chơi trong vũng bùn; hồi đó, con người chỉ có một quỹ hưu duy nhất, gọi là "con cái"). Tôi ngu

dốt hơn người săn bắt-hái lượm đó rất nhiều. Nhiều người nghiên cứu có thể phơi bày một sự thật rằng chính quyền nhận được phiếu bầu của tôi đã bí mật bán vũ khí cho một nhà độc tài ám muội cách nửa vòng Trái đất. Nhưng trong khoảng thời gian cần thiết để phát hiện ra chuyện đó, tôi có thể sẽ bỏ lỡ nhiều phát hiện quan trọng hơn nhiều, ví dụ như số phận của những con gà mà tôi đã lấy trứng ăn cho bữa tối.

Hệ thống được cấu tạo theo một cách mà những người không nỗ lực tìm hiểu gì vẫn có thể "ngu si hưởng thái bình" và những người nỗ lực sẽ thấy rất khó phát hiện ra sự thật. Làm thế nào để tránh trộm cắp khi hệ thống kinh tế toàn cầu không ngừng nhân danh tôi "trộm cắp" mà tôi không hay biết? Chuyện bạn đánh giá hành động theo hậu quả của nó (trộm cắp là sai vì nó khiến các nạn nhân trở nên khốn khổ) hay tin rằng các bổn phận rõ ràng phải được tuân theo bất chấp hậu quả (trộm cắp là sai vì Chúa bảo thế) đều không quan trọng. Vấn đề là việc hiểu được ta đang thực sự làm gì đã trở nên cực kỳ phức tạp.

Điều răn không được ăn cắp được hình thành từ những ngày mà trộm cắp có nghĩa là lấy một cái gì đó không thuộc về mình bằng chính bàn tay mình. Thế nhưng ngày nay, các lập luận thực sự quan trọng về trộm cắp lại có những kịch bản hoàn toàn khác. Giả sử tôi đầu tư 10.000 đô la vào cổ phần của một tập đoàn xăng dầu lớn và thu về lợi nhuận là 5% một năm. Tập đoàn này cực lãi vì nó không phải trả các khoản ngoại ứng. Nó xả chất thải độc hại vào một con sông gần đó mà không thèm quan tâm đến sự hủy hoại mà nó gây ra cho nguồn nước trong vùng, sức khỏe cộng đồng hay động thực vật hoang dã ở địa phương. Nó sử dụng của cải của mình để thuê một quân đoàn luật sư nhằm bảo vệ nó khỏi bất cứ yêu cầu đền bù nào. Nó cũng kiểm soát những tay vận động hành lang để ngăn trở mọi nỗ lực đưa ra các quy định môi trường mạnh tay hơn.

Liệu ta có thể buộc tội tập đoàn này "ăn cắp một dòng sông" không? Và về cá nhân tôi thì sao? Tôi chẳng bao giờ đột nhập nhà ai hay giật những tờ đô la khỏi ví người khác. Tôi không biết tập đoàn cụ thể này sinh lợi nhuận theo cách nào. Tôi thậm chí còn không nhớ nổi một phần danh mục đầu tư của tôi là nằm ở đó. Thế thì tôi có phạm tội ăn cắp không? Làm sao ta hành xử có đạo đức khi ta không có cách nào biết được đủ mọi dữ liệu liên quan?

Người ta có thể né tránh vấn đề bằng cách thực hiện một kiểu "ý hướng luân lý". Quan trọng là thứ tôi dự định, chứ không phải là thứ tôi thực sự làm hay hậu quả của thứ tôi làm. Tuy nhiên, trong một thế giới mà mọi thứ đều gắn kết với nhau, nhu cầu đạo đức tối thượng trở thành điều cấp thiết cần phải biết. Những tội ác khủng khiếp nhất trong lịch sử hiện đại không chỉ đến từ sự thù hằn và lòng tham mà từ sự ngu dốt và bàng quan nhiều hơn. Các quý cô người Anh duyên dáng rót tiền cho việc buôn bán nô lệ Thái Bình Dương bằng cách mua cổ phiếu và trái phiếu trong thị trường chứng khoán London mà không bao giờ đặt chân đến châu Phi hay Caribe. Rồi họ làm ngọt món trà bốn giờ chiều của mình bằng những viên đường trăng như tuyết được sản xuất trong các đồn điền như địa ngục mà họ chẳng biết chút gì.

Ở Đức cuối những năm 1930, giám đốc bưu điện địa phương có thể là một công dân gương mẫu lo lắng cho phúc lợi của nhân viên và cá nhân thì giúp đỡ những người đang mệt mỏi tìm kiếm, các bưu kiện thất lạc. Ông luôn là người đầu tiên đến chỗ làm và người cuối cùng về nhà; ngay cả trong những cơn bão tuyết, ông cũng đảm bảo bưu phẩm đến đúng giờ. Lạy Trời, chính cái bưu điện hiệu quả và mến khách của ông là một tế bào cốt yếu trong hệ thần kinh của nhà nước Quốc xã. Nó đẩy nhanh những tuyên truyền phân biệt chủng tộc, các lệnh tuyển quân đến Wehrmacht và các mệnh lệnh nghiêm ngặt đến chi nhánh SS địa phương. Có cái gì đó rất sai trái với ý hướng của những người không chân thành nỗ lực để biết.

Nhưng như thế nào thì mới tính là "một nỗ lực chân thành để biết"? Những người quản lý thư tín ở mọi đất nước nên mở thư mình đang phát rồi từ chức hoặc phản đối nếu họ phát hiện ra công cụ tuyên truyền của chính quyền ư? Giờ nhìn lại nước Đức Quốc xã những năm 1930 với một sự chắc chắn tuyệt đối về luân lý thì thật dễ dàng vì chúng ta biết chuỗi nguyên nhân-hậu quả dẫn đến đâu. Nhưng nếu không có sự thấu tỏ khi việc đã rồi ấy, sự chắc chắn về luân lý có thể vượt ngoài tầm với của chúng ta. Sự thật cay đắng là thế giới đơn giản đã trở nên quá sức phức tạp đối với những bộ óc săn bắt-hái lượm của chúng ta.

Hầu hết những bất công trong thế giới ngày nay bắt nguồn từ các thiên lệch quy mô lớn mang tính cấu trúc hơn là từ những thiên kiến cá nhân, và đầu óc săn bắt-hái lượm của chúng ta không tiến hóa để nhận ra được các thiên kiến mang tính cấu trúc. Chúng ta đều dự phần trong ít nhất một vài

thiên kiến như vậy, và chúng ta đơn giản là không có thời gian cũng như năng lượng để phát hiện hết. Việc viết cuốn sách này dạy cho tôi bài học ở một mức độ cá nhân. Khi bàn về các vấn đề toàn cầu, tôi luôn có nguy cơ thiên vị quan điểm của giới tinh hoa toàn cầu hơn các nhóm thiệt thời khác. Giới tinh hoa toàn cầu điều khiển cuộc đối thoại, thế nên không thể bỏ qua quan điểm của họ được. Trái lại, các nhóm thấp cổ bé họng liên tục bị bịt miệng, do vậy ta dễ dàng quên họ, không phải vì ác tâm chủ động mà đơn giản là vì không biết.

Chẳng hạn, tôi không biết gì về quan điểm và vấn đề riêng biệt của những người Tasmania bản địa. Thực sự là tôi biết ít đến nỗi trong một cuốn sách trước, tôi đã cho rằng người Tasmania bản địa không còn tồn tại nữa vì họ đã bị những di dân châu Âu xóa sổ hoàn toàn. Thực tế, có hàng ngàn người còn sống đến ngày nay có gốc gác tổ tiên từ người Tasmania bản địa và họ đấu tranh với rất nhiều vấn đề riêng; một trong số đó là sự tồn tại của họ thường xuyên bị chối bỏ bởi chính cả những học giả uyên bác.

Ngay cả khi bản thân bạn thuộc về một nhóm yếu thế, do đó có một hiểu biết trực tiếp sâu sắc về quan điểm của nhóm, cũng không có nghĩa là bạn hiểu quan điểm của tất cả các nhóm như thế. Vì mỗi nhóm và phân nhóm lại đối mặt với một mê cung các giới hạn vô hình, các tiêu chuẩn kép, các xúc phạm ngầm và các phân biệt mang tính hệ thống khác nhau. Một người đàn ông Mỹ gốc Phi 30 tuổi có 30 năm kinh nghiệm làm một người đàn ông Mỹ gốc Phi. Nhưng anh ta không có chút kinh nghiệm nào về việc làm một người đàn bà Mỹ gốc Phi, một người Roma gốc Bulgaria, một người Nga mù hay một người đồng tính nữ Trung Quốc.

Trong quá trình trưởng thành, người đàn ông Mỹ gốc Phi này liên tục bị cảnh sát chặn lại và lục soát không vì lý do gì rõ ràng cả, một điều mà người đồng tính nữ Trung Quốc không bao giờ phải trải qua. Trái lại, sinh ra trong một gia đình Mỹ gốc Phi tại một khu dân cư toàn người Mỹ gốc Phi có nghĩa là vây quanh anh ta là những người như anh ta, họ dạy anh ta những gì anh ta cần biết để sinh tồn và phát triển với tư cách một người đàn ông Mỹ gốc Phi. Người, đồng tính nữ Trung Quốc không được sinh ra trong một gia đình đồng tính nữ trong một khu dân cư đồng tính nữ và có lẽ cô ta chẳng có ai trên đời để chỉ dạy những bài học quan trọng. Do đó, lớn lên là người da đen ở Baltimore không hề khiến việc hiểu được cuộc

đấu tranh khi lớn lên là một người đồng tính nữ ở Hàng Châu dễ dàng hơn.

Trong những thời kỳ trước, việc này ít quan trọng hơn vì bạn chẳng phải chịu trách nhiệm cho số phận của những người cách mình nửa vòng Trái đất. Thường thì bạn chỉ cần cố gắng thông cảm với những người láng giềng kém may mắn hơn mình đã là đủ. Nhưng ngày nay các cuộc tranh luận lớn toàn cầu về những thứ như biến đổi khí hậu và trí tuệ nhân tạo có tác động lên tất cả mọi người, dù ở Tasmania, Hàng Châu hay Baltimore; thế nên chúng ta cần xem xét mọi quan điểm. Nhưng làm sao có ai làm được chuyện đó? Làm sao có ai hiểu được mạng lưới quan hệ giữa hàng ngàn nhóm chằng chịt khắp thế giới?

—ooOoo—

GIẢM NHẸ HAY CHỐI BỎ?

NGAY CẢ khi thật sự muốn, hầu hết chúng ta đều không còn khả năng hiểu được những vấn đề đạo đức lớn trên thế giới nữa. Con người có thể hiểu được mối quan hệ giữa hai người hái lượm, giữa hai mươi người hái lượm hay giữa hai bộ lạc láng giềng. Nhưng khả năng hiểu mối quan hệ giữa vài triệu người Syria, giữa 500 triệu người châu Âu hay giữa tất cả các nhóm và phân nhóm chằng chéo nhau trên hành tinh là cực kém.

Trong cố gắng hiểu và đánh giá các vấn đề đạo đức lưỡng nan ở quy mô này, con người thường tìm đến một trong bốn phương pháp. Đầu tiên là thu nhỏ vấn đề. Để hiểu cuộc nội chiến Syria như thể nó đang diễn ra giữa hai người hái lượm chẳng hạn, hình dung thể chế của Assad là một người cô độc với quân nổi loạn là một người khác; một trong số đó là xấu và phía còn lại là tốt. Sự phức tạp mang tính lịch sử của mâu thuẫn được thay bằng một cốt truyện đơn giản, rõ ràng.

Cách thứ hai là tập trung vào một câu chuyện cảm động về con người, có vẻ như tượng trưng cho toàn bộ mâu thuẫn. Khi bạn cố giải thích với

người khác sự phức tạp thực sự của mâu thuẫn bằng thống kê và dữ liệu chính xác, họ sẽ không thèm lắng nghe; nhưng một câu chuyện cá nhân về *số* phận của một đứa trẻ sẽ kích hoạt các tuyến lệ, làm máu sôi lên và tạo ra sự chắc chắn đạo đức giả tạo. Đây là điều mà rất nhiều tổ chức từ thiện đã hiểu ra từ rất lâu rồi. Trong một thí nghiệm đáng lưu ý, người ta được yêu cầu quyên tiền để giúp một bé gái bảy tuổi đến từ Mali tên là Rokia. Nhiều người cảm động vì câu chuyện của cô bé và mở cả trái tim lẫn hầu bao. Tuy nhiên, khi các nhà nghiên cứu thêm vào câu chuyện cá nhân của Rokia số liệu về vấn đề rộng hơn là nghèo đói ở châu Phi, những người tham gia lập tức trở nên ít sẵn lòng hẳn. Trong một nghiên cứu khác, các học giả mở các cuộc quyên góp để giúp đỡ một đứa bé bị bệnh hoặc tám đứa bé bị bệnh. Mọi người cho một đứa bé nhiều tiền hơn cho nhóm tám đứa bé.

Phương pháp thứ ba để đương đầu với các vấn đề đạo đức lưỡng nan quy mô lớn là thêu dệt các thuyết âm mưu. Nền kinh tế toàn cầu hoạt động như thế nào và nó là tốt hay xấu? Câu hỏi quá phức tạp để có thể nắm bắt. Sẽ dễ hơn nhiều khi tưởng tượng 20 tay đại tỷ phú đang giật dây sau sân khấu, kiểm soát truyền thông và khích bác gây chiến tranh hòng làm giàu cho bản thân. Điều này hầu như luôn là một ảo tưởng vô căn cứ. Thế giới ngày nay là quá phức tạp, không chỉ đối với cảm quan công lý mà với cả khả năng quản lý của chúng ta nữa. Không ai, kể cả những đại tỷ phú, CIA, Hội Tam Điểm và Hội trưởng lão Do Thái, thực sự hiểu điều gì đang diễn ra trên thế giới. Thế nên không ai có khả năng giật dây hiệu quả cả.

Ba phương pháp này cố tìm cách chối bỏ sự phức tạp thực sự của thế giới. Phương pháp thứ tư, và cuối cùng, là tạo ra một giáo lý, đặt niềm tin của chúng ta vào một lý thuyết, tổ chức hay lãnh đạo được coi là toàn tri nào đó và đi theo nó dù nó dẫn ta đến đâu. Các giáo lý tôn giáo và ý thức hệ vẫn cực kỳ hấp dẫn trong thời đại khoa học chính vì chúng mang đến cho ta một bến đỗ an toàn khỏi sự phức tạp nản lòng của hiện thực. Như đã nói lúc trước, các phong trào thế tục không được miễn trừ khỏi mối nguy hiểm này. Ngay cả khi bạn bắt đầu bằng cách chối bỏ mọi giáo lý tôn giáo và một cam kết sắt đá vào sự thật khoa học, chẳng mấy chốc sự phức tạp của hiện thực cũng sẽ làm bạn bực mình đến nỗi bạn sẽ bị lôi kéo đến chỗ rập khuôn một học thuyết mà không ai có thể nghi ngờ. Trong khi các học thuyết như vậy mang lại cho con người sự an ủi về trí tuệ và sự chắc chắn về đạo đức, chuyện nó có mang lại công lý hay không thì vẫn phải bàn.

Thế thì ta phải làm sao đây? Liệu ta có nên tiếp nhận giáo lý tự do và tin tưởng vào khối tập hợp của các cử tri và khách hàng riêng lẻ? Hay ta nên chối bỏ cách tiếp cận cá nhân hóa và, như nhiều nền văn hóa trước đây trong lịch sử, trao quyền cho các cộng đồng để *cùng nhau* hiểu thế giới? Tuy nhiên, một giải pháp như thế chỉ giúp ta tránh vỏ dưa của sự ngờ nghệch cá nhân mà gặp phải vỏ dừa là suy nghĩ nhóm đầy thiên kiến mà thôi. Các nhóm săn bắt-hái lượm, các cộng đồng làng xã và cả các khu dân cư thành thị đã từng có thể cùng nhau nghĩ về các vấn đề chung mà họ đối mặt. Nhưng giờ chúng ta đang phải gánh chịu các vấn đề toàn cầu mà không có một cộng đồng toàn cầu, facebook, chủ nghĩa dân tộc hay tôn giáo đều chưa đạt đến việc tạo ra một cộng đồng như thế. Tất cả các nhóm người đang tồn tại đều đang mải mê xúc tiến các lợi ích riêng của mình hơn là hiểu được sự thật toàn cầu. Cả người Mỹ, người Trung Quốc, người Hồi hay người Hindu dầu không cấu thành "cộng dồng toàn cầu"; thế nên mọi phiên bản diễn dịch hiện thực của họ dầu có thể khó chính xác.

Thế thì liệu chăng ta nên từ bỏ và tuyên bố là cuộc kiếm tìm để hiểu được sự thật và tìm ra công lý của loài người đã thất bại? Liệu ta dã chính thức bước vào kỷ nguyên "Hậu-sự thật"?



17

"HẬU-SỰ THẬT"



MỘT SỐ TIN GIẢ TỒN TẠI MÃI MÃI

NHỮNG NGÀY này chúng ta liên tục được nhắc nhở rằng mình đang sống trong một thời đại mới và đáng e ngại có tên là "Hậu-sự thật", rằng những hư cấu hiện diện quanh ta. Chẳng khó tìm ví dụ. Vào cuối tháng Hai năm 2014, các đội đặc nhiệm Nga chiếm đóng một số vùng quan trọng ở Crimea. Người ta phủ nhận đó là quân đội Nga, thay vào đó mô tả họ là các "nhóm tự vệ" tự phát có thể đã kiếm được quân phục trông như của Nga từ các cửa hàng địa phương. Khi họ lên tiếng về tuyên bố khá phi lý này, Putin và các trợ lý của ông biết rất rõ rằng họ đang nói dối.

Những người theo chủ nghĩa dân tộc Nga có thể bào chữa cho lời nói dối này bằng cách lập luận rằng nó phục vụ một sự thật cao hơn. Nga đã tham gia vào một cuộc chiến chính nghĩa, và nếu giết được vì một lý do chính đáng, chắc chắn cũng không sao khi nói dối? Mục tiêu cao hơn được cho là biện minh được việc tiến vào Crimea là bảo vệ tổ quốc Nga thiêng liêng. Theo các truyền thuyết dân tộc Nga thì nước Nga là một thực thể thiêng liêng đã tồn tại suốt hàng ngàn năm qua, bất kể những nỗ lực hết lần này tới lần khác của các kẻ thù xấu xa nhằm xâm lược và chia năm xẻ bảy đất nước. Theo sau người Mông Cổ, người Ba Lan, người Thụy Điển, đại quân của Napoleon và quân đội Quốc xã của Hitler, vào năm 1990, chính NATO, Mỹ và EU cố tiêu diệt nước Nga bằng cách chia rẽ từng phần của đất nước và biến chúng thành các quốc gia "giả" như là Ukraine. Đối với những người theo chủ nghĩa dân tộc Nga, ý nghĩ Ukraine là một nước độc lập tách khỏi nước Nga là "lời nói dối" lớn hơn rất nhiều so với bất cứ lời nào được thốt ra trong nhiệm vụ thiêng liêng nhằm tái hợp nhất tổ quốc Nga.

Các công dân Ukraine, những quan sát viên bên ngoài và các sử gia chuyên nghiệp có thể dễ dàng nổi giận với lối giải thích trên và xem nó như một "hư cấu bom nguyên tử". Việc tuyên bố Ukraine không tồn tại với tư cách một dân tộc và một đất nước độc lập là bỏ qua một danh sách dài các sự thật lịch sử; chẳng hạn, trong hàng ngàn năm được cho là thống nhất của Nga, Kiev và Moscow chỉ là các phần của cùng một nước trong khoảng 300 năm. Quan trọng hơn cả, nó không tính đến điều mà hàng triệu người Ukraine nghĩ về mình. Chẳng lẽ họ không có tiếng nói trong việc tuyên bố mình là ai hay sao?

Các nhà dân tộc chủ nghĩa Ukraine chắc chắn sẽ đồng ý với các nhà dân tộc chủ nghĩa Nga rằng, đúng là có một số nước "giả" ở quanh đây. Nhưng Ukraine không phải là một trong số đó. Thay vào đó, những quốc gia giả mạo này là 'Cộng hòa Dân tộc Luhansk' và 'Cộng hòa Donetsk' mà Nga đã thiết lập để che giấu cuộc xâm lược chưa được tiến hành của mình đối với Ukraine.

Dù bạn ủng hộ phe nào thì có vẻ như quả thật, chúng ta đang sống trong một thời kỳ Hậu-sự-thật đáng e ngại. Nhưng nếu đây là kỷ nguyên Hậu-sự-thật thì chính xác lúc nào là thời kỳ Sự thật yên ả? Vào những năm 1980 ư? Hay những năm 1950? Hay những năm 1930? Và điều gì khơi mào cho sự chuyển tiếp của chúng ta sang kỷ nguyên Hậu-sự thật? Mạng Intemet? Truyền thông xã hội? Sự nổi lên của Putin và Trump?

Một cái nhìn lướt qua lịch sử cho thấy tuyên truyền và gây nhiễu thông tin chẳng phải cái gì mới, ngay cả thói quen phủ nhận hoàn toàn sự tồn tại cả một quốc gia và tạo ra các quốc gia giả cũng có nguồn gốc lâu đời. Vào năm 1931, quân đội Nhật dàn dựng các cuộc tấn công giả vào chính mình để biện minh cho hành vi xâm lược Trung Quốc, rồi tạo một nước giả là Mãn Châu quốc để hợp thức hóa các cuộc chinh phạt của mình. Việc người Anh định cư ở Úc được biện minh bằng học thuyết pháp lý *terra nullius* (tiếng Latin, tức "vùng đất không người"), kết quả là xóa sổ 50.000 năm lịch sử của người bản địa Úc.

Vào đầu thế kỷ 20, một khẩu hiệu Do Thái được ưa thích nói đến sự trở lại của "một dân tộc không đất đai (người Do Thái) về một vùng đất không dân tộc (Palestine)". Sự tồn tại của cộng đồng người Ả Rập bản địa bị phớt lờ "nhẹ như không". Vào năm 1969, thủ tướng Israel Golda Meir

có một phát biểu nổi tiếng rằng không có và cũng chưa từng có người Palestine. Những quan điểm như vậy vẫn rất phổ biến ở Israel thậm chí ngay cả ngày nay, dẫu qua nhiều thập kỷ xung đột vũ trang với một thứ không tồn tại. Chẳng hạn, vào tháng Hai năm 2016, bà Anat Berko có một bài phát biểu trước những người đồng nhiệm của mình ở Nghị viện Israel, trong đó bà nghi ngờ tính xác thực của dân tộc Palestine. Bằng chứng của bà ư? Chữ cái p thậm chí còn không tồn tại trong tiếng Ả Rập, thế thì làm sao có dân tộc Palestine được (trong tiếng Ả Rập, chữ *f* thay cho chữ *p* trong các ngôn ngữ khác và tên tiếng Ả Rập của Palestine là Falastin)?

—ooOoo—

LOÀI HẬU-SỰ THẬT

TRÊN THỰC tế, con người vốn luôn sống trong thời kỳ Hậu-sự thật. *Homo sapiens* là một loài Hậu-sự thật, sức mạnh của nó phụ thuộc vào việc tạo ra và tin vào các câu chuyện hư cấu. Từ thời Đồ Đá, các truyền thuyết tự gia cường đã giúp đoàn kết các cộng đồng người. Thực sự, *Homo sapiens* chinh phục hành tinh này trên hết là nhờ khả năng độc đáo là sáng tạo và lan truyền những câu chuyện hư cấu. Chúng ta là loài có vú duy nhất có thể hợp tác với vô số người xa lạ vì chỉ chúng ta mới có thể phát minh ra các câu chuyện hư cấu, lan truyền chúng và thuyết phục hàng triệu người khác tin vào chúng. Miễn là mọi người đều tin vào những câu chuyện giống nhau thì chúng ta sẽ đều tuân thủ các điều luật giống nhau và từ đó có thể hợp tác hiệu quả.

Thế nên nếu bạn đổ lỗi cho Facebook hay Trump đã mang đến một kỷ nguyên mới và đáng sợ là kỷ nguyên Hậu-sự thật, hãy nhắc cho mình nhớ là nhiều thế kỷ trước, hàng triệu người Cơ Đốc đã nhốt mình vào một cái bong bóng-huyền thoại-tự gia cường, không bao giờ dám đặt câu hỏi về tính xác thực của Kinh Thánh, trong khi hàng triệu người Hồi giáo đã đặt niềm tin không lay chuyển vào kinh Quran. Trong hàng ngàn năm, rất nhiều thứ được cho là “tin tức” và “dữ kiện” trong các mạng lưới xã hội

loài người là những câu chuyện về những điều kỳ diệu, thiên thần, ác quỷ và phù thủy, với các phóng viên xông xáo tường thuật trực tiếp từ những hố sâu nhất của thế giới ngầm. Chúng ta không có bằng chứng khoa học về việc Eve bị con rắn cám dỗ, linh hồn của tất cả những kẻ ngoại đạo bị thiêu dưới địa ngục sau khi chết hay đấng tạo ra vũ trụ không thích việc một người Bà-la-môn cưới một kẻ tiện dân (tầng lớp Dalit); thế nhưng biết bao người đã tin vào những câu chuyện này trong hàng ngàn năm. Một số tin hư cấu còn tồn tại mãi.

Tôi biết nhiều người có thể sẽ không hài lòng khi tôi đánh đồng tôn giáo với hư cấu, nhưng chính xác đấy là ý của tôi. Khi một ngàn người tin vào một câu chuyện được dựng ra trong một tháng, thì đấy là hư cấu. Khi một tỷ người tin chuyện đó trong một ngàn năm, đấy là tôn giáo; và chúng ta được khuyên là không được gọi nó là "hư cấu" để không làm tổn thương cảm xúc của những người có đạo (hay làm họ nổi cơn giận). Tuy nhiên, hãy nhớ là tôi không phủ nhận tính hiệu lực hay sự rộng lượng tiềm tàng của tôn giáo. Ngược lại là khác. Dù tốt hay xấu, chuyện hư cấu nằm trong số những công cụ hiệu quả nhất trong bộ công cụ của loài người. Bằng cách kết nối mọi người lại với nhau, các tôn giáo khiến việc hợp tác trên quy mô lớn giữa con người trở nên khả dĩ. Chúng truyền cảm hứng cho người ta xây bệnh viện, trường học và cầu đường ngoài quân đội và nhà tù. Adam và Eve chưa bao giờ tồn tại, nhưng Nhà thờ lớn Chartres vẫn tuyệt đẹp. Kinh Thánh có thể có chi tiết hư cấu, nhưng nó vẫn có thể mang đến niềm vui cho hàng tỷ người và vẫn có thể khuyên khích con người trở nên bác ái, dũng cảm và sáng tạo như các tác phẩm hư cấu vĩ đại khác, như *Don Quixote, Chiến tranh và hòa bình* và bộ truyện về Harry Potter.

Một lần nữa, một vài người có thể thấy bị xúc phạm vì tôi so sánh Kinh Thánh với truyện *Harry Potter*. Nếu bạn là một người Cơ Đốc có đầu óc khoa học, bạn có thể giải thích được tất cả các truyền thuyết và mâu thuẫn trong Kinh Thánh bằng cách phản biện rằng, sách thiêng không bao giờ được viết ra để đọc lấy dữ kiện thực mà để dùng như một câu chuyện mang tính ẩn dụ, hàm chứa trí tuệ sâu xa. Nhưng chẳng phải truyện *Harry Potter* cũng thế hay sao?

Nếu bạn là một người Cơ Đốc chính thống, chắc bạn sẽ khăng khăng cho rằng mọi lời của Kinh Thánh đều là sự thật theo nghĩa đen. Giả dụ là bạn đúng, rằng Kinh Thánh quả thực là lời không thể sai khác của một vị

Chúa đích thực duy nhất. Thế thì bạn coi kinh Quran, kinh Talmud, kinh Mormon, kinh Vệ Đà, kinh Avesta, Sinh tử Kỳ thư của Ai Cập là gì? Chẳng phải bạn muốn nói tất cả những văn bản này đều là (những câu chuyện hư cấu) tạo ra hay sao? Rồi bạn nhìn nhận sự thiêng liêng của các vị vua La Mã như Augustus và Claudius như thế nào? Thượng viện La Mã tự cho mình có quyền năng biến người thường thành thần linh, rồi yêu cầu con dân của đế chế phải thờ phụng các vị thần này. Chẳng phải đó là một sự hư cấu sao? Thực tế, chúng ta có ít nhất một ví dụ trong lịch sử về một vị thần giả đã thừa nhận sự hư cấu đó bằng chính miệng mình. Như đã nói từ trước, chế độ quân sự Nhật Bản vào những năm 1930 và đầu 1940 dựa vào một niềm tin cuồng tín về sự thiêng liêng của Nhật hoàng Hirohito. Sau thất bại của Nhật Bản, Hirohito tuyên bố công khai rằng điều đó không đúng, rằng ông không phải là một vị thần.

Thế nên ngay cả khi tin rằng Kinh Thánh đích thực là lời Chúa, điều đó vẫn để lại chúng ta với hàng tỷ người Hindu, Hồi giáo, Do Thái, Ai Cập, La Mã và Nhật Bản sùng đạo đặt niềm tin vào những câu chuyện được truyền tụng suốt hàng ngàn năm nay. Một lần nữa, điều đó không có nghĩa các câu chuyện này là không có giá trị hay có hại. Chúng vẫn đẹp tuyệt và gợi cảm hứng.

Dĩ nhiên, không phải mọi truyền thuyết tôn giáo đều có lợi như nhau. Vào ngày 29 tháng Tám năm 1255, xác một cậu bé người Anh chín tuổi tên là Hugh được tìm thấy trong một cái giếng ở thị trấn Lincoln. Ngay cả khi không có Facebook và Twitter, tin đồn vẫn nhanh chóng lan đi rằng Hugh bị những người Do Thái địa phương sát hại theo nghi thức hiến tế. Câu chuyện ngày càng được thêm thắt và một trong những người kể chuyện nổi tiếng nhất nước Anh lúc bấy giờ, Matthew Paris, đã cung cấp một mô tả chi tiết và ghê rợn về cách những người Do Thái danh tiếng ở khắp nước Anh tụ tập ở Lincoln để nuôi béo, tra tấn và cuối cùng là đóng đinh đứa trẻ bị bắt cóc. Mười chín người Do Thái đã bị xét xử và tử hình vì tội giết người. Nhiều vụ vu vạ hiến tế tương tự trở nên phổ biến ở các thị trấn khác ở Anh, dẫn đến một loạt các cuộc tàn sát trong đó nhiều cộng đồng bị xóa sổ. Cuối cùng, vào năm 1290, toàn bộ dân số Do Thái ở Anh bị trục xuất.

Câu chuyện không dừng ở đó. Một thế kỷ sau sự trục xuất của người Do Thái khỏi Anh quốc, Geoffrey Chaucer, cha đẻ của văn học Anh, đã đưa

một câu chuyện vu vạ hiến tế dựa trên câu chuyện của Hugh vùng Lincoln vào *Những chuyện kể Canterbury* ("Chuyện bà tu viện trưởng"). Câu chuyện kết thúc bằng việc treo cổ người Do Thái. Những câu chuyện hiến tế tương tự sau đó đã trở thành một phần không thể thiếu của mọi phong trào bài-Do Thái từ Tây Ban Nha cuối thời Trung cổ đến một vài nước hiện tại. Ta có thể nghe thấy tiếng vọng xa xăm của nó trong câu chuyện "tin giả" năm 2016 rằng Hillary Clinton đứng đầu một đường dây buôn bán trẻ em đã giam giữ trẻ con để làm nô lệ tình dục trong tầng hầm một tiệm pizza nổi tiếng. Có đủ người Mỹ tin vào câu chuyện đó để ảnh hưởng xấu đến cuộc tranh cử của Clinton; thậm chí, một người đã mang súng đến tiệm pizza nói trên và yêu cầu cho xem tầng hầm (hóa ra tiệm pizza đó khống có tầng hầm).

Còn về Hugh vùng Lincoln, chẳng ai biết vì sao cậu bé chết, nhưng cậu được an táng trong Nhà thờ lớn Lincoln và được phong thánh. Nghe đồn cậu thi triển được nhiều phép mầu và mộ cậu vẫn tiếp tục thu hút khách hành hương ngay cả nhiều thế kỷ sau việc trục xuất toàn bộ người Do Thái khỏi Anh. Chỉ đến năm 1955, mười năm sau cuộc diệt chủng Holocaust, Nhà thờ lớn Lincoln mới bác bỏ câu chuyện vu vạ hiến tế, đặt một tấm biển gần mộ Hugh ghi rằng:

> Những câu chuyện thổi phồng về các cuộc "sát hại theo nghi thức" của cộng đồng Do Thái đối với các cậu bé Cơ Đốc từng phổ biến khắp châu Âu thời Trung cổ và thậm chí mãi về sau. Những chuyện hư cấu này đã cướp đi mạng sống của nhiều người Do Thái vô tội. Lincoln có câu chuyện riêng của mình và người được cho là nạn nhân đã được an nghỉ trong Nhà thờ lớn vào năm 1255. Những câu chuyện như vậy không ảnh hưởng đến tiếng tăm của Cơ Đốc giáo.

Đấy, một số tin giả chỉ tồn tại có 700 năm.

—ooOoo—

MỘT LẦN THÌ LÀ NÓI DỐI, LẶP LẠI MÃI THÌ LÀ SỰ THẬT

CÁC TÔN giáo cổ xưa không phải là nơi duy nhất sử dụng hư cấu để củng cố hợp tác. Trong các thời kỳ gần đây, truyền thuyết dân tộc cũng được tạo dựng ở một số nơi cho riêng mình, trong khi các phong trào như chủ nghĩa phát xít hay chủ nghĩa tự do đều nhào nặn ra các cương lĩnh tự-gia cường rất chi tiết. Joseph Goebbels, người đứng đầu bộ máy tuyên truyền của Quốc xã và có lẽ là "phù thủy truyền thông" thời hiện đại, nghe đồn đã giải thích cách làm của mình một cách cô đọng rằng: "Một lời nói dối nói ra một lần mãi là lời nói dối, nhưng một lời nói dối nói đi nói lại một ngàn lần sẽ trở thành sự thật." Trong cuốn sách *Mein Kampf* (tạm dịch: Cuộc đấu tranh của tôi), Hitler viết: "Kỹ năng tuyên truyền xuất sắc nhất sẽ không có tác dụng gì trừ phi ghi nhớ liên tục trong đầu một nguyên tắc cơ bản: nó phải tự giới hạn mình chỉ trong vài điểm và lặp lại những điểm đó liên tục." Có kẻ rêu rao tin giả hiện đại nào nói được điều gì hay hơn không?

Bộ máy tuyên truyền của Liên Xô cũng nhanh nhẹn không kém với sự thật, viết lại lịch sử của tất cả mọi thứ, từ toàn bộ cuộc chiến tranh cho đến những bức ảnh riêng lẻ. Vào ngày 29 tháng 6 năm 1936, tờ báo chính thức Pravda (tên có nghĩa là 'sự thật) mang trên trang nhất một bức ảnh của Joseph Stalin đang mỉm cười ôm lấy Gelya Markizova, một cô bé bảy tuổi. Hình ảnh đã trở thành một biểu tượng của Stalin, coi Stalin là Cha của Quốc gia và lý tưởng hóa 'Hạnh phúc thời thơ ấu của Liên Xô. Các nhà in và nhà máy in ấn trên khắp đất nước bắt đầu tung ra hàng triệu áp phích, tác phẩm điêu khắc và tranh khảm của cảnh, được trưng bày trong các tổ chức công cộng từ đầu này đến đầu kia của Liên Xô. Cũng như không có nhà thờ Chính thống Nga nào hoàn chỉnh mà không có biểu tượng Đức Trinh Nữ Maria đang bế bé Jesus, nên không trường phái Liên Xô nào có thể làm được nếu không có biểu tượng Papa Stalin bế bé Gelya.

Than ôi, trong sự nổi tiếng của đế chế Stalin, thường là một lời mời đến thảm họa. Trong vòng một năm, cha Gelya đã bị bắt với cáo buộc không có thật rằng ông là gián điệp Nhật Bản và là một tên khủng bố Trotskyite. Năm 1938, ông bị xử tử, một trong hàng triệu nạn nhân của vụ khủng bố Stalin. Gelya và mẹ cô bị đày đến Kazakhstan, nơi người mẹ sớm qua đời trong hoàn cảnh bí ẩn. Phải làm gì bây giờ với vô số biểu tượng mô tả Cha của dân tộc với một cô con gái của một kẻ thù bị kết án là

'kẻ thù của người dân'? Không vấn đề gì. Từ lúc đó trở đi, Gelya Markizova biến mất và 'Đứa trẻ Xô Viết hạnh phúc' trong hình ảnh có mặt khắp nơi được xác định là Mamlakat Nakhangova - một cô gái Tajik mười ba tuổi, người đã kiếm được Huân chương Lenin bằng cách chăm chỉ hái nhiều bông trên cánh đồng (nếu bất cứ ai nghĩ rằng cô gái trong bức tranh trông không giống một đứa trẻ mười ba tuổi, thì họ được xem là những kẻ dị giáo phản cách mạng).

Bộ máy tuyên truyền của Liên Xô rất hiệu quả, đến nỗi nó có thể che giấu sự tàn bạo ghê gớm ở trong nước, trong khi phóng ra một khung cảnh không tưởng ở nước ngoài. Ngày nay, người dân Ukraine phàn nàn rằng Putin đã lừa dối thành công nhiều cơ quan truyền thông phương Tây về các hành động của Nga tại Crimea và Donbas. Tuy nhiên, trong nghệ thuật lừa dối, ông khó có thể giữ một ngọn nến cho Stalin. Đầu những năm 1930, các nhà báo và trí thức cánh tả phương Tây đã ca ngợi Liên Xô là một xã hội lý tưởng vào thời điểm người Ukraine và các công dân Liên Xô khác đang chết trong hàng triệu người từ nạn đói do con người tạo ra mà Stalin đã dàn xếp. Tuy nhiên, vào thời đại của Facebook và Twitter, việc quyết định tin vào phiên bản nào của sự việc đôi khi là khó khăn, ít nhất là không thể có chế độ giết hàng triệu người mà cả thế giới không biết về nó.

Nhiều công ty thương mại cũng dựa vào hư cấu. Quảng cáo nhãn hàng thường bao gồm việc kể đi kể lại cùng một câu chuyện hư cấu cho đến khi người ta tin rằng đấy là sự thật. Khi nghĩ về Coca-Cola thì trí óc bạn hiện ra hình ảnh gì? Bạn có nghĩ về những người trẻ trung khỏe mạnh tham gia các hoạt động thể thao và vui vẻ với nhau không? Hay bạn nghĩ về các bệnh nhân tiểu đường quá cân nằm trên giường bệnh? Uống nhiều Coca-Cola không làm bạn trẻ, không làm bạn khỏe và không làm bạn ưa vận động hơn; thay vào đó, nó tăng khả năng mắc tiểu đường và béo phì. Thế nhưng suốt nhiều thập kỷ, Coca-Cola đã đầu tư hàng tỷ đô la để kết nối nó với tuổi trẻ, sức khỏe và thể thao; và hàng tỷ người tin vào sự kết nối này trong tiềm thức.

Sự thật là sự thật chưa bao giờ giữ ưu tiên cao trong lịch trình của *Homo sapiens*. Nhiều người cho rằng nếu ai đó xuyên tạc hiện thực thì sớm muộn gì người ta cũng sẽ phát hiện ra vì họ không thể cạnh tranh với các đối thủ có quan điểm rõ ràng hơn. À, đấy chỉ là một truyền thuyết

mang tính an ủi khác. Trên thực tế, năng lực hợp tác của con người phụ thuộc vào một sự cân bằng mong manh giữa sự thật và hư cấu.

Nếu sự thật bị phản ánh sai quá mức, nó quả thực sẽ làm bạn yếu đi bằng cách khiến bạn hành xử theo những cách thiếu thực tế. Chẳng hạn, vào năm 1905, một ông đồng người Đông Phi có tên là Kinjikitile Ngwale tuyên bố mình được Thần Rắn Hongo nhập. Nhà tiên tri mới có một thông điệp mang tính cách mạng gửi đến người dân của thuộc địa Đông Phi thuộc Đức: hãy đoàn kết và đánh đuổi bọn Đức. Để làm cho thông điệp trở nên hấp dẫn hơn, Ngwale đã cấp cho các tín đồ của mình một thứ thuốc thần nghe nói sẽ biến đạn của người Đức thành nước (*maji* theo tiếng Swahili). Thế là Cuộc nổi dậy Maji Maji bắt đầu. Nó thất bại. Vì trên chiến trường, đạn Đức không biến thành nước. Thay vào đó, chúng xuyên thủng những kẻ nổi dậy ít vũ trang một cách không thương tiếc. Hai ngàn năm trước đó, cuộc nổi dậy vĩ đại của người Do Thái chống người La Mã cũng bắt nguồn theo cách tương tự từ một niềm tin mãnh liệt rằng, Chúa sẽ chiến đấu vì người Do Thái và giúp họ đánh bại Đế chế La Mã dường như bất khả chiến bại. Cuộc nổi dậy đó cũng thất bại, dẫn đến sự tàn phá thành Jerusalem và sự lưu vong của người Do Thái.

Mặt khác, bạn không thể tổ chức số lượng người đông đảo một cách hiệu quả nếu không dựa vào một truyền thuyết nào đó. Nếu bạn bám chặt lấy hiện thực không sơn trét, rất ít người sẽ đi theo. Không có các truyền thuyết, việc tổ chức không chỉ là các cuộc nổi dậy Maji và Do Thái thất bại nói trên mà cả các cuộc nổi dậy thành công hơn rất nhiều của người Mahdi và người Maccabee cũng đều là bất khả.

Ở Liên Xô trước đây, thời Stalin cũng có những tuyên truyền nhất định và linh hoạt, khiến cho một số thứ trở nên phù hợp. Ngày 29 tháng Sáu năm 1936, báo chính thống đăng hình Joseph Stalin tươi cười ôm hôn Gelya Markizova, một cô bé 7 tuổi. Hình ảnh này được nhân ra và treo tại các công sở, trường học để nói về một tuổi thơ Xô Viết hạnh phúc.

Tuy nhiên việc này khiến người ta khó nhìn ra được mặt kia khi phóng chiếu một hình ảnh thiên đường ra bên ngoài. Vào đầu những năm 1930, khi các phóng viên và giới trí thức cánh tả phương Tây vẫn đang coi Liên Xô là một xã hội kiểu mẫu thì nó cũng đã ít nhiều bộc lộ tình trạng bất cập. Trong khi vào thời đại của Facebook và Twitter, việc quyết định tin vào

phiên bản nào của sự việc đôi khi là khó khăn nhưng ít nhất không phải sự thật nào cũng bị làm mờ đi.

Trên thực tế, các câu chuyện "sai lệch" có một lợi thế nội tại so với sự thật khi cần đoàn kết con người. Nếu bạn muốn đo lòng trung thành nhóm, đòi hỏi người ta tin vào một điều kỳ quặc sẽ là một bài kiểm tra hữu hiệu hơn nhiều so với yêu cầu họ tin vào sự thật. Nếu một nhà lãnh đạo nói "mặt trời mọc ở phía Đông và lặn ở phía Tây", người ta không cần lòng trung thành với ông ta để khen ngợi. Nhưng nếu nhà lãnh đạo nói "mặt trời mọc đằng Tây và lặn đằng Đông" thì chỉ những người trung thành thực sự mới vỗ tay. Tương tự, nếu tất cả láng giềng của bạn đều tin vào cùng một câu chuyện quái đản, bạn có thể tin rằng, đến lúc khủng hoảng họ sẽ sát cánh bên nhau. Nếu họ sẵn sàng tin vào chỉ những sự thật đã được kiểm chứng thì điều đó có chứng minh được gì đâu.

Bạn có thể lý luận rằng ít nhất trong một số trường hợp, việc tổ chức con người một cách hiệu quả qua đồng thuận hơn là hư cấu và truyền thuyết vẫn là khả thi chứ. Ví dụ, trong địa hạt kinh tế, tiền bạc và các tập đoàn gắn kết con người với nhau hiệu quả hơn bất kỳ thần thánh hay sách thiêng nào, ngay cả khi ai cũng biết chúng chỉ là một thỏa thuận của con người thôi. Trong trường hợp của một cuốn sách thiêng, một tín đồ chân chính sẽ nói: "Tôi tin cuốn sách này là thiêng liêng"; trong khi với đồng đô la, tín đồ chân chính ấy sẽ chỉ nói: "Tôi tin *những người khác* tin đồng đô la có giá trị." Rõ ràng đồng đô la chỉ là một phát minh của con người, nhưng mọi người trên khắp thế giới tôn trọng nó. Nếu thế, tại sao con người không thể từ bỏ mọi truyền thuyết và hư cấu, sau đó tổ chức trên cơ sở các đồng thuận như là đồng đô la?

Tuy nhiên, các thỏa thuận như vậy không tách biệt rạch rời khỏi hư cấu. Ví dụ, sự khác biệt giữa các cuốn sách thiêng và tiền bạc nhỏ hơn nhiều so với nhìn nhận ban đầu. Khi hầu hết mọi người nhìn thấy một tờ đô la, họ quên mất đó chỉ là một quy ước của con người. Khi họ nhìn thấy tờ giấy xanh in hình một người đàn ông da trắng đã khuất, họ nhìn nhận nó như một cái gì đó giá trị ở chính bản thân nó. Họ ít khi tự nhủ: "Thực ra, đây là một mẩu giấy vô dụng, nhưng vì những người khác xem nó là giá trị nên ta có thể sử dụng nó." Nếu quan sát một bộ não người trong máy quét cộng hưởng từ chức năng (fMRI), bạn sẽ thấy khi ai đó được đưa cho xem một vali đầy các tờ 100 đô la, các phần của não bộ bắt đầu rung lên đầy hứng

khỏi không phải là các phần nghi ngờ ("Những người khác tin rằng cái này là có giá trị") mà là các phần tham lam ("Trời ạ! Mình muốn cái đó!"). Trái lại, trong vô số các trường hợp, người ta bắt đầu thần thánh hóa Kinh Thánh hay kinh sách chỉ sau thời gian tiếp xúc dài và liên tục với những người xem nó là linh thiêng. Chúng ta học cách tôn trọng kinh sách giống hệt cách học cách tôn trọng các tờ tiền.

Dọ đó, trên thực tế, không có sự phân chia rõ ràng giữa "biết thứ gì đó chỉ lạ một quy ước giữa người với người" và "tin rằng thứ gì đó thực sự có giá trị". Trong nhiều trường hợp, con người mù mờ hoặc quên mất sự phân chia này. Một ví dụ khác, trong một cuộc thảo luận triết học sâu sắc về sự phân chia nói trên, hầu hết mọi người đều đồng ý rằng các tập đoàn chỉ là các câu chuyện hư cấu do con người dựng nên. Microsoft không phải là những tòa nhà mà nó sở hữu, những con người mà nó thuê hay những cổ đông mà nó phụng sự; trên thực tế, nó là một sự hư cấu tinh vi hợp pháp được những nhà làm luật và các luật sư dệt nên. Thế nhưng trong 99% thời gian, chúng ta không tham gia vào các cuộc thảo luận triết học sâu sắc và chúng ta đối xử với các tập đoàn như thể chúng là các thực thể có thật trên đời, như hổ hay người vậy.

Xóa nhòa lần ranh giữa hư cấu và thực tế có thể dừng vào nhiều mục đích, từ chỗ "cho vui" cho đến "sinh tồn". Ta không thể chơi trò chơi hay đọc tiểu thuyết trừ phi tạm ngừng sự "không tin" ít nhất là trong một thời gian. Để thực sự tận hưởng môn bóng đá, bạn phải chấp nhận các luật chơi và quên đi trong ít nhất 90 phút rằng chúng chỉ là những phát minh của con người. Nếu không, bạn sẽ thấy chuyện 22 người chạy đuổi theo một quả bóng thật hết sức kỳ cục. Bóng đá có thể bắt đầu chỉ cho vui, nhưng nó có thể trở thành những thứ nghiêm trọng hơn rất nhiều, như bất kỳ tay hooligan Anh hay tay dân tộc chủ nghĩa Argentina nào có thể chúng thực. Bóng đá có thể giúp hình thành bản sắc con người, gắn kết các cộng đồng lớn, thậm chí mang lại lý do cho bạo lực nữa.

Con người có một khả năng đặc biệt là cùng lúc vừa biết, vừa không biết. Hay nói đúng hơn, họ có thể biết một cái gì đó khi họ thực sự nghĩ về nó; nhưng phần lớn thời gian, họ không nghĩ về nó, thế nên họ không biết. Nếu thực sự tập trung, bạn nhận ra tiền là hư cấu. Nhưng thường bạn không nghĩ về điều ấy. Nếu được hỏi, bạn biết bóng đá là một sáng tạo của con người. Nhưng giữa sức nóng của trận đấu, chẳng ai hỏi về chuyện đó

cả. Nếu dành trọn thời gian và năng lượng, bạn có thể nhận ra các quốc gia chỉ là những câu chuyện tạo dựng tinh vi. Nhưng giữa một cuộc chiến, bạn không có thời gian và năng lượng. Nếu bạn yêu cầu tận cùng sự thật, bạn nhận ra câu chuyện Adam và Eve chỉ là truyền thuyết. Nhưng có mấy khi bạn đi đến tận cùng sự thật?

Sự thật và quyền lực chỉ có thể đi cùng nhau đến thế. Chẳng mấy chốc, chúng sẽ đường ai nấy đi. Nếu bạn muốn quyền lực, ở một thời điểm nào đó bạn sẽ phải lan truyền hư cấu. Nếu bạn muốn sự thật về thế giới, ở một thời điểm nào đó, bạn sẽ phải chối bỏ quyền lực. Bạn sẽ phải thừa nhận một số thứ, chẳng hạn nguồn gốc quyền lực của bạn, thứ sẽ chọc tức các đồng minh của bạn, làm mất lòng những người tin theo bạn hoặc làm suy yếu hòa hợp xã hội. Các học giả ở mọi thời đều đối mặt với thế lưỡng nan này. Họ nên hướng tới đoàn kết mọi người bằng cách đảm bảo rằng mọi người tin vào cùng một câu chuyện hay để họ biết sự thật dù cái giá phải trả là sự chia rẽ? Các thiết chế học thuật quyền lực nhất, dù là các giáo sĩ Cơ Đốc, các quan lại Khổng giáo, đều đặt đoàn kết lên trên hết. Đấy là lý do vì sao họ lại quyền lực đến vậy.

Với tư cách một loài, con người thích quyền lực hơn sự thật. Chúng ta dành thời gian và công sức cố gắng điều khiển thế giới nhiều hơn là hiểu nó; ngay cả khi cố gắng để hiểu, ta cũng thường làm vậy với hy vọng rằng hiểu được thế giới sẽ khiến việc kiểm soát nó trở nên dễ dàng hơn. Do đó, nếu bạn mơ về một xã hội trong đó sự thật ngự trị ở đỉnh cao và các truyền thuyết bị phớt lờ, bạn nên trông chờ rất ít ở *Homo sapiens*. Đi thử vận may với mấy con đười ươi còn tốt hơn.

—ooOoo—

THOÁT KHỎI CỖ MÁY THANH LỌC

TẤT CẢ những điều này không có nghĩa là hư cấu không phải là một vấn đề nghiêm trọng, hay các chính trị gia và thầy tu được cấp môn bài miễn tử, tha hồ hư cấu. Cũng sẽ hoàn toàn sai lầm khi kết luận rằng mọi thứ chỉ

là hư cấu, rằng mọi nỗ lực khám phá sự thật nhất định thất bại, rằng không có bất cứ sự khác biệt nào giữa đưa tin nghiêm túc và tuyên truyền. Tin giả có thể đi kèm các dữ kiện thật và khổ đau thật. Sự đau khổ của con người thường do niềm tin vào hư cấu gây ra, nhưng bản thân sự đau khổ vẫn rất thật. Ví dụ, ở Ukraine, những người lính Nga đang thực sự chiến đấu, hàng ngàn người đã thực sự chết và hàng trăm ngàn người đã thực sự mất nhà cửa. Sự đau khổ của con người thường được gây ra bởi niềm tin vào tiểu thuyết, nhưng bản thân sự đau khổ vẫn là có thật.

Do đó, thay vì chấp nhận hư cấu là đương nhiên, ta nên nhận ra nó là một vấn đề khó khăn hơn nhiều so với hình dung của mình và nên cố gắng nhiều hơn nữa để phân biệt giữa thực tế và hư cấu. Đừng trông chờ sự hoàn hảo. Một trong những hư cấu lớn nhất là phủ nhận sự phức tạp của thế giới và nghĩ theo chiều hướng tuyệt đối: sự trong sáng thuần khiết đối chọi với sự độc ác quỷ dữ. Chính trị gia không phải khi nào cũng nói toàn bộ sự thật, nhưng một số chính trị gia vẫn tốt hơn những người khác rất nhiều. Nếu được lựa chọn, tôi vẫn sẽ tin Churchill hơn nhiều nhà lãnh đạo khác, mặc dù vị thủ tướng Anh không phải là không bao giờ nói tránh sự thật khi ông thấy phù hợp. Tương tự, không tờ báo nào hoàn toàn thoát khỏi thiên kiến và ngộ nhận, nhưng một số tờ báo chân thành nỗ lực tìm kiếm sự thật trong khi những tờ báo khác chỉ là những cỗ máy tẩy não. Nếu tôi sống vào những năm 1930, tôi hy vọng mình có đủ minh mẫn để tin vào tờ *New York Times* và *Der Sturmer*.

Trách nhiệm của tất cả chúng ta là đầu tư thời gian và công sức vào việc phát hiện các thiên kiến và kiểm chứng các nguồn thông tin của mình. Như đã nói ở các chương trước, chúng ta không thể tự mình điều tra mọi thứ. Nhưng chính vì thế, ít nhất ta cần điều tra cẩn thận các nguồn thông tin ưa thích của mình, dù đó là một tờ báo, một trang web, một mạng lưới truyền hình hay một người nào đó. Ở chương 20, chúng ta sẽ khám phá sâu hơn cách để tránh bị "tẩy não" và làm thế nào để phân biệt hiện thực và hư cấu. Ở đây, tôi muốn đưa ra hai quy luật đơn giản.

Đầu tiên, nếu bạn muốn các thông tin đáng tin cậy, hãy trả một số tiền xứng đáng cho nó. Nếu bạn lấy tin miễn phí, chính bạn có thể là sản phẩm. Giả sử một tay tỷ phú ám muội cho bạn một thỏa thuận sau: "Tôi sẽ trả cho bạn 30 đô la một tháng; đổi lại, bạn sẽ cho tôi tẩy não bạn một tiếng đồng hồ một ngày, cài đặt vào não bạn bất cứ định kiến chính trị và thương mại

nào tôi muốn." Bạn có đồng ý không? Rất ít người đầu óc lành mạnh sẽ đồng ý. Thế nên tay tỷ phú ám muội đưa ra một thỏa thuận hơi khác một chút: "Bạn cho tôi tẩy não bạn một giờ mỗi ngày; đổi lại, tôi không bắt bạn trả đồng nào cho dịch vụ này". Giờ thì thỏa thuận đột nhiên trở nên hấp dẫn với hàng triệu người. Đừng theo gương họ.

Quy luật thứ hai là nếu một vấn đề gì đó có vẻ đặc biệt quan trọng đối với bạn, hãy bỏ công đọc các tài liệu nghiên cứu khoa học có liên quan. Và khi nói tài liệu khoa học, ý tôi là các bài báo đã được bình duyệt, những cuốn sách do các nhà xuất bản tiếng tăm xuất bản và các bài viết của các giáo sư từ các tổ chức uy tín. Khoa học rõ ràng có giới hạn của nó và đã sai nhiều lần trong quá khứ. Tuy nhiên, cộng đồng khoa học đã là nguồn kiến thức đáng tin cậy nhất của chúng ta trong nhiều thế kỷ qua. Nếu bạn nghĩ cộng đồng khoa học sai về một chuyện gì đó, điều ấy rõ ràng là có khả năng, nhưng ít nhất hãy biết các lý thuyết khoa học mà mình đang bác bỏ và đưa ra một số bằng chứng thực tiễn để bảo vệ cho tuyên bố của mình.

Về phần mình, các nhà khoa học cần tham gia vào các cuộc thảo luận đang diễn ra trong công chúng nhiều hơn. Họ không nên sợ tiếng nói của mình được người khác lắng nghe khi cuộc thảo luận lan man sang lĩnh vực chuyên môn của họ, dù là y dược hay lịch sử. Dĩ nhiên, tiếp tục nghiên cứu và xuất bản các kết quả trên các chuyên trang khoa học mà chỉ một vài chuyên gia đọc là cực kỳ quan trọng. Nhưng trao đổi các lý thuyết khoa học mới nhất với công chúng phổ thông qua những cuốn sách khoa học thường thức, thậm chí qua việc vận dụng khéo léo nghệ thuật và hư cấu, cũng quan trọng chẳng kém.

Phải chăng điều đó có nghĩa là các nhà khoa học nên bắt đầu viết tiểu thuyết khoa học giả tưởng? Điều đó thực ra không phải là một ý tồi. Nghệ thuật đóng một vai trò quyết định trong việc định hình thế giới quan của con người; trong thế kỷ 21, khoa học viễn tưởng có thể nói là thể loại sách quan trọng nhất vì nó định hình cách hầu hết mọi người hiểu về những thứ như AI, công nghệ sinh học và biến đổi khí hậu. Chúng ta chắc chắn cần khoa học thực thụ; nhưng từ quan điểm chính trị, một bộ phim khoa học viễn tưởng hay đáng giá hơn một bài báo trong tạp chí *Science* hay *Nature* rất nhiều.


21

18

KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG



TƯƠNG LAI KHÔNG PHẢI THỨ BẠN THẤY TRÊN PHIM

CON NGƯỜI kiểm soát thế giới vì chúng ta có thể hợp tác tốt hơn bất cứ loài động vật nào khác; và chúng ta có thể hợp tác tốt đến thế vì ta tin vào các câu chuyện hư cấu. Do đó, các nhà thơ, họa sĩ và biên kịch ít nhất là quan trọng ngang với binh linh và kỹ sư. Người ta ra trận và xây nhà thờ bởi vì họ tin vào Chúa Trời; và họ tin vào Chúa Trời vì họ đã đọc những bài thơ về Chúa Trời, vì họ đã thấy những bức tranh vẽ Chúa và vì họ bị những vở kịch sân khấu về Chúa Trời hấp dẫn. Tương tự, niềm tin của chúng ta vào huyền thoại hiện đại của chủ nghĩa tư bản được chống đỡ nhờ các sáng tạo nghệ thuật của Hollywood và công nghiệp giải trí. Chúng ta tin rằng mua nhiều thứ hơn sẽ khiến ta hạnh phúc vì ta đã tận mắt nhìn thấy thiên đường tư bản chủ nghĩa trên truyền hình.

Vào đầu thế kỷ 21, có lẽ thể loại nghệ thuật quan trọng nhất là khoa học viễn tưởng. Rất ít người đọc các bài báo mới nhất trong lĩnh vực học máy hay công nghệ di truyền. Thay vào đó, các bộ phim như *The Matrix* và *Her* và các bộ phim truyền hình dài tập như *Westworld* và *Black Mirror* định hình cách mọi người hiểu về các phát triển công nghệ, xã hội và kinh tế quan trọng nhất của thời đại chúng ta. Điều này cũng có nghĩa là khoa học viễn tưởng cần phải có trách nhiệm hơn nữa với cách nó miêu tả các hiện thực khoa học; nếu không, nó sẽ gieo vào đầu người ta những ý tưởng sai lệch hoặc đặt sự chú ý của họ vào nhầm vấn đề.

Như đã nói ở chương trước, có lẽ tội ác tồi tệ nhất của khoa học viễn tưởng hiện đại là nó có xu hướng nhầm lẫn trí tuệ với ý thức. Kết quả là nó

quan tâm quá mức đến cuộc chiến giữa robot và con người, trong khi trên thực tế, chúng ta cần e sợ một cuộc xung đột giữa một nhóm nhỏ gồm các tinh hoa siêu nhân được các thuật toán gia tăng sức mạnh và một tầng lớp dưới khổng lồ gồm những *Homo sapiens* bị tước đi sức mạnh. Khi nghĩ về tương lai của AI, Karl Marx vẫn là một chỉ dẫn tốt hơn Steven Spielberg.

Quả thực, nhiều bộ phim về trí tuệ nhân tạo cách xa hiện thực khoa học đến nỗi người ta nghi chúng chỉ là các phúng dụ về những mối quan ngại hoàn toàn khác. Ví dụ, bộ phim *Ex Machina* năm 2015 có vẻ như nói về một chuyên gia AI phải lòng một người máy nữ chỉ để bị cô ta lừa đảo và lợi dụng. Nhưng trên thực tế, đây không phải là một bộ phim về nỗi sợ các robot thông minh của con người. Đây là bộ phim nói về nỗi sợ của đàn ông đối với phụ nữ thông minh, đặc biệt là nỗi sợ rằng giải phóng phụ nữ có thể dẫn đến sự thống trị của phụ nữ. Mỗi khi bạn xem một bộ phim về AI, trong đó AI là nữ và nhà khoa học là nam, thì có lẽ đó là bộ phim về nữ quyền hơn là công nghệ người máy. Vì cớ làm sao mà một AI cần phải có nhận dạng giới tính hay xu hướng tình dục cơ chứ? Tính dục là một đặc điểm của các loài sinh vật hữu cơ đa bào. Nó có thể mang ý nghĩa gì với một tạo vật cơ khí vô cơ chứ?

—ooOoo—

SỐNG TRONG MỘT CHIẾC HỘP

MỘT CHỦ đề đã được khoa học viễn tưởng khám phá sâu sắc hơn rất nhiều liên quan đến mối nguy khi công nghệ được sử dụng để thao túng và kiểm soát con người. *The Matrix* mô tả một thế giới trong đó hầu hết con người bị cầm tù trong không gian mạng và mọi thứ họ trải nghiệm là do một thuật toán chủ định hình. *The Truman Show* tập trung vào một cá nhân duy nhất là ngôi sao bất đắc dĩ của một chương trình truyền hình thực tế. Anh không hề biết tất cả bạn bè và người thân của mình, bao gồm mẹ, vợ và bạn thân nhất, đều là diễn viên; mọi thứ xảy ra với anh đều đi theo một

kịch bản được dàn dựng kỹ lưỡng và mọi thứ mà anh nói và làm đều được các máy quay giấu kín ghi lại và được hàng triệu người hâm mộ theo dõi.

Tuy nhiên, dù rất xuất sắc, cả hai phim cuối cùng vẫn tránh né các ngụ ý hoàn chỉnh của kịch bản. Chúng đều cho rằng những người mắc kẹt trong ma trận có một bản thể độc đáo mà các thao túng công nghệ không thể chạm tới, rằng chờ đợi bên ngoài ma trận là một hiện thực độc đáo mà các nhân vật chính có thể tiếp cận được nếu họ cố gắng đủ. Ma trận chỉ là một rào cản nhân tạo ngăn cách cái tôi độc đáo bên trong với thế giới độc đáo bên ngoài. Sau rất nhiều thử thách và gian khổ, cả hai nhân vật chính, Neo trong *The Matrix* và Truman trong *The Truman Show,* đã vượt qua và thoát khỏi mạng lưới của các thao túng, phát hiện bản thể độc đáo của mình và tìm đến được vùng đất hứa thực thụ.

Đáng tò mò ở chỗ, vùng đất hứa thực thụ này giống hệt ma trận giả về mọi khía cạnh quan trọng. Khi Truman thoát khỏi trường quay truyền hình, anh tìm cách tái hợp với người bạn gái thời trung học mà đạo diễn đã loại bỏ khỏi chương trình. Thế nhưng nếu Truman thực hiện được mơ ước lãng mạn đó, cuộc đời anh sẽ giống hệt giấc mơ Hollywood hoàn hảo mà *The Truman Show* đã bán cho hàng triệu người xem khắp toàn cầu, cộng với vài kỳ nghỉ ở Fiji nữa. Bộ phim thậm chí không mang đến cho chúng ta bất cứ gợi ý nào về kiểu cuộc đời khác mà Truman có thể tìm thấy trong thế giới thật.

Tương tự, khi Neo thoát khỏi ma trận bằng cách nuốt viên thuốc màu đỏ nổi tiếng, anh phát hiện ra thế giới bên ngoài chẳng khác gì thế giới bên trong. Cả trong và ngoài đều có những mâu thuẫn bạo lực và những con người bị sợ hãi, đam mê, tình yêu và đố kỵ điều khiển. Bộ phim đáng lẽ nên kết thúc lúc Neo được bảo cho biết hiện thực mà anh vừa "truy cập" vào chỉ là một ma trận lớn hơn; và nếu anh muốn thoát vào "thế giới thực thực sự", một lần nữa anh phải lựa chọn giữa viên thuốc xanh và viên thuốc đỏ.

Cuộc cách mạng công nghệ và khoa học hiện tại không ngụ ý rằng các cá nhân đích thực và các hiện thực đích thực có thể bị các thuật toán và máy quay truyền hình thao túng, mà chính sự đích thực là một điều hoang đường. Con người sợ bị mắc kẹt trong một cái hộp, nhưng họ không nhận ra họ vốn đã kẹt trong một cái hộp, bộ não của họ, thứ bị mắc kẹt trong một

cái hộp lớn hơn là xã hội loài người với vô số hư cấu của nó. Khi nông dân và công nhân nổi dậy chống lại Sa hoàng năm 1917, họ đã kết thúc với Stalin. Khi bạn thoát khỏi ma trận, thứ duy nhất bạn phát hiện là một ma trận lớn hơn. Khi bạn bắt đầu khám phá vô số cách mà thế giới đang thao túng bạn, cuối cùng bạn nhận ra nhân dạng cốt lõi của mình là một ảo tưởng phức tạp mà các mạng lưới thần kinh tạo ra.

Con người sợ rằng khi bị mắc kẹt trong một cái hộp, họ sẽ bỏ lỡ tất cả những điều kỳ diệu của thế giới. Neo còn bị mắc kẹt trong ma trận và Truman còn bị kẹt trong trường quay thì họ sẽ không bao giờ đến thăm Fiji hay Paris hay Machu Picchu được. Nhưng trên thực tế, mọi thứ bạn sẽ trải nghiệm trên đời nằm bên trong cơ thể và tâm trí của chính bạn. Thoát khỏi ma trận hay du lịch đến Fiji sẽ không tạo bất cứ sự khác biệt nào. Không phải là đâu đó trong tâm trí bạn có một rương sắt với một tấm bảng cảnh báo lớn màu đỏ ghi rằng "CHỈ MỞ Ở FIJI!", và cuối cùng, khi bạn đến Nam Thái Bình Dương, bạn được mở hộp ra và từ đó ùa ra đủ loại cảm xúc đặc biệt mà bạn chỉ có thể có ở Fiji. Và nếu bạn không bao giờ đến Fiji trong đời, bạn sẽ bỏ lỡ tất cả các cảm xúc đặc biệt đó mãi mãi. Không, bất cứ điều gì bạn có thể cảm thấy ở Fiji, bạn cũng có thể cảm nhận ở bất cứ đâu trên thế giới, ngay cả trong ma trận.

Có lẽ tất cả chúng ta đang sống trong một mô phỏng máy tính khổng lồ, kiểu *The Matrix*. Điều đó sẽ phủ nhận mọi câu chuyện về dân tộc, tôn giáo và ý thức hệ của chúng ta. Nhưng những trải nghiệm tính thần của chúng ta vẫn sẽ là thật. Nếu hóa ra lịch sử loài người là một mô phỏng tinh vi được các nhà khoa học chuột từ hành tinh Zircon chạy trên một siêu máy tính thì các nhà tư tưởng và Nhà nước Hồi giáo sẽ thấy khá là "xấu hổ". Nhưng mấy con chuột đấy vẫn sẽ phải biện minh cho cuộc diệt chủng Armenia và cho Auschwitz. Làm sao chúng đưa các kế hoạch đó vượt qua hội đồng đạo đức của Đại học Zircon vậy? Ngay cả khi những phòng khí ngạt chỉ là các tín hiệu điện trong các con chip silicon, các trải nghiệm đau đớn, sợ hãi và tuyệt vọng vẫn không bớt tàn khốc đi dù chỉ một ly.

Đau đớn là đau đớn, sợ hãi là sợ hãi và tình yêu là tình yêu, ngay cả trong ma trận. Nỗi sợ mà bạn cảm thấy được khơi nguồn từ một tập hợp nguyên tử ở thế giới bên ngoài hay các tín hiệu điện do một máy tính tạo ra đều không quan trọng. Nỗi sợ vẫn là thật. Thế nên nếu bạn muốn khám

phá hiện thực của tâm trí mình, bạn có thể làm thế bên trong cũng như bên ngoài ma trận.

Hầu hết các bộ phim khoa học giả tưởng thực ra đang kể một câu chuyện rất cũ: chiến thắng của tâm trí trước vật chất. Ba mươi ngàn năm trước, câu chuyện kể rằng: "Tâm trí tưởng tượng ra một con dao bằng đá; bàn tay tạo ra con dao; con người giết voi ma-mút." Nhưng sự thật là con người giành được sự kiểm soát thế giới nhờ tạo ra dao và giết voi ma-mút ít hơn nhờ thao túng tâm trí con người. Tâm trí không phải là một chủ thể tự do định hình các hành động lịch sử và hiện thực sinh học; tâm trí là một đối tượng do lịch sử và sinh học định hình mà nên. Ngay cả những lý tưởng được chúng ta tôn thờ nhất, như tự do, tình yêu, sáng tạo, cũng giống như một con dao đá mà ai đó khác đã định hình nhằm giết voi ma-mút. Theo các lý thuyết khoa học xuất sắc nhất và các công cụ kỹ thuật tiến bộ nhất, tâm trí không bao giờ không có sự thao túng. Không một bản thể đích thực nào chờ được giải phóng khỏi cái kén kiểm soát cả.

Bạn có biết mình đã "tiêu thụ" bao nhiêu bộ phim, tiểu thuyết và bài thơ suốt bao năm tháng qua và những tác phẩm ấy đã chạm khắc và mài giũa ý tưởng của bạn về tình yêu như thế nào? Các bộ phim hài lãng mạn đối với tình yêu giống như phim khiêu dâm đối với tình dục và Rambo đối với chiến tranh. Nếu bạn nghĩ mình có thể bấm một nút xóa và phủi sạch mọi dấu vết của Hollywood ra khỏi tâm thức và hệ viền của mình thì bạn đang đánh lừa bản thân đấy.

Chúng ta thích ý tưởng mài giũa những con dao bằng đá, nhưng chúng ta không thích ý tưởng chính mình là những con dao đá. Thế nên phiên bản ma trận của câu chuyện voi ma-mút cũ thành ra như thế này: "Tâm trí tưởng tượng ra một con robot; bàn tay tạo ra một con robot; robot giết bọn khủng bố nhưng cũng cố tìm cách kiểm soát tâm trí; tâm trí giết robot." Thế nhưng câu chuyện trên là sai. Vấn đề không phải là tâm trí sẽ không có khả năng giết được robot. Vấn đề là chính cái tâm trí tưởng tượng ra con robot ngay từ đầu đã là sản phẩm của rất nhiều các thao túng từ trước đó. Do đó, việc giết con robot sẽ không giải phóng được chúng ta.

—ooOoo—

DISNEY MẤT LÒNG TIN VÀO Ý CHÍ TỰ DO

VÀO NĂM 2015, Pixar Studios và Walt Disney Pictures đà cho ra mắt một bộ phim hoạt hình vô cùng thực tế và đáng quan ngại về tinh trạng của con người; bộ phim mau chóng trở thành một hiện tượng phòng vé đối với cả người lớn lẫn trẻ em. *Inside Out* kể câu chuyện về một cô bé 11 tuổi tên Riley Andersen cùng bố mẹ chuyển từ Minnesota đến sống ở San Francisco. Nhớ bạn bè và quê nhà, cô bé gặp khó khăn trong việc thích nghi với cuộc sống mới và cố bỏ trốn trở lại Minnesota. Thế nhưng Riley không biết là có một vở kịch lớn hơn nhiều đang diễn ra. Riley không phải là một ngôi sao bất đắc dĩ của một chương trình truyền hình thực tế và cô bé cũng không bị mắc kẹt trong ma trận. Thực ra, bản thân Riley chính là ma trận và có một cái gì đó mắc kẹt trong cô bé.

Disney đã xây dựng “đế chế” của mình bằng cách kể đi kể lại một câu chuyện tưởng tượng. Trong vô số bộ phim của Disney, các nhân vật chính gặp khó khăn và nguy hiểm nhưng cuối cùng đã chiến thắng bằng cách tìm ra bản ngã thực thụ và đi theo các lựa chọn tự do của mình. *Inside Out* phá vỡ câu chuyện này một cách tàn nhẫn. Nó áp dụng quan điểm thần kinh học mới nhất về con người và đưa người xem vào một hành trình vào não bộ của Riley chỉ để phát hiện ra rằng cô bé không có một bản thể thực thụ nào và không bao giờ đưa ra một lựa chọn tự do nào. Trên thực tế, Riley là một con robot khổng lồ được quản lý bởi một tập hợp các cơ chế sinh hóa mâu thuẫn nhau mà bộ phim đã nhân cách hóa thành các nhân vật hoạt hình đáng yêu: cô bé Vui Vẻ màu vàng và vui vẻ, cô bé Buồn Bã xanh lè và ảm đạm, anh chàng Tức Giận màu đỏ nóng nảy, . . . Bằng cách điều khiển một loạt nút bấm và cần gạt trong Cơ quan Đầu não, đồng thời theo dõi mọi cử động của Riley trên một màn hình TV to đùng, các nhân vật này kiểm soát tâm trạng, quyết định và hành động của Riley.

Thất bại của Riley trong việc thích ứng với cuộc sống mới ở San Francisco là kết quả của một lần hỗn loạn trong Cơ quan Đầu não làm não bộ của Riley mất cân bằng. Để chỉnh sửa mọi thứ, Vui Vẻ và Buồn Bã đã thực hiện một hành trình qua não bộ của Riley, nhảy lên con tàu tư tưởng, khám phá nhà tù tiềm thức và ghé thăm phim trường nội tâm, nơi một

nhóm các nơron nghệ sĩ đang bận rộn sản xuất các giấc mơ. Khi theo chân các cơ chế sinh hóa được nhân cách hóa này vào tận sâu trong não bộ của Riley, chúng ta không bao giờ bắt gặp một linh hồn, một bản thể thực thụ hay một ý chí tự do nào hết. Chính ra, khoảnh khắc hé lộ của toàn bộ cốt truyện xảy ra không phải khi Riley phát hiện ra bản thể thực thụ duy nhất của mình mà là khi mọi chuyện trở nên sáng tỏ rằng không thể định nghĩa Riley bằng bất cứ một giá trị cốt lõi đơn lẻ nào, và rằng hạnh phúc của cô bé phụ thuộc vào sự tương tác của nhiều cơ chế khác nhau.

Ban đầu, người xem bị dẫn dắt để đánh đồng Riley với nhân vật chính, cô bé Vui vẻ màu vàng hớn hở. Nhưng cuối cùng, hóa ra chính sự định danh đó là sai lầm quan trọng đã đe dọa phá hỏng cuộc đời của Riley. Bằng việc nghĩ rằng chỉ có mình là bản chất thực thụ của Riley, Vui vẻ đe dọa tất cả các nhân vật bên trong khác, từ đó phá vỡ sự cân bằng mong manh của não bộ Riley. Sự giải tỏa đã đến khi Vui vẻ nhận ra sai lầm của mình và cô bé cùng người xem nhận ra Riley không phải là Vui vẻ hay Buồn bã hay bất cứ nhân vật nào khác. Riley là một câu chuyện phức tạp được tạo ra từ các mâu thuẫn và hợp tác của tất cả các nhân vật sinh hóa với nhau.

Điều thực sự đáng kinh ngạc không phải nằm ở chỗ Disney dám đưa ra thị trường một bộ phim mang một thông điệp cấp tiến đến vậy mà chính ở việc bộ phim đã trở thành một hiện tượng toàn cầu. Có lẽ *Inside Out* thành công đến thế vì nó là một bộ phim hài có cái kết có hậu và hầu hết người xem đã dễ dàng bỏ qua cả ý nghĩa thần kinh học và các ám chỉ ghê gớm của nó.

Không thể nói điều tương tự về cuốn sách khoa học giả tưởng có tính tiên tri nhất của thế kỷ 20. Bạn không thể bỏ lỡ bản chất ghê gớm của nó. Được viết từ gần một thế kỷ trước, vào năm 1931, nhưng cứ mỗi năm trôi qua, nó lại ngày càng xác đáng. Khi Aldous Huxley viết *Brave New World* (tạm dịch: Thế giới mới tươi đẹp),, chủ nghĩa phát xít đang cố thủ ở Ý, chủ nghĩa Quốc xã đang lên ở Đức, Nhật Bản quân phiệt đang bắt đầu cuộc chiến xâm lược ở Trung Quốc và cả thế giới bị con Đại Khủng hoảng bóp nghẹt. Thế nhưng Huxley đã xoay xở nhìn xuyên qua tất cả những đám mây u ám đó và mường tượng một xã hội tương lai không có chiến tranh, nạn đói và dịch bệnh, tận hưởng thái bình, thịnh vượng và sức khỏe vĩnh hằng. Đó là một thế giới theo “chủ nghĩa tiêu dùng”, buông thả hoàn toàn trước tình dục, ma túy và rock’n roll, một nơi mà giá trị tối thượng là hạnh

phúc. Hàm ý cơ bản của cuốn sách là con người là các thuật toán sinh hóa, khoa học có thể giải mã thuật toán con người, sau đó công nghệ có thể được sử dụng để thao túng thuật toán ấy.

Trong thế giới mới tươi đẹp này, Chính quyền Thế giới sử dụng công nghệ sinh học và kỹ thuật xã hội tiên tiến để đảm bảo rằng tất cả mọi người luôn luôn hài lòng và không ai có bất cứ lý do gì để chống đối cả. Như thể Vui vẻ, Buồn bã và tất cả các nhân vật khác trong não bộ của Riley đã bị biến thành dạng khác vậy. Quả thực, thiên tài của Huxley nằm ở chỗ chỉ ra rằng bạn có thể kiểm soát con người qua tình yêu và khoái lạc một cách chắc chắn hơn nhiều so với sợ hãi và bạo lực.

Trong cuốn *1984,* rõ ràng Orwell đang mô tả một thế giới đáng e ngại và câu hỏi duy nhất để ngỏ là “Chúng ta làm thế nào để tránh sa vào một số phận nghiệt ngã như thế?” Đọc *Thế giới mới tươi đẹp* là một trải nghiệm đầy thách thức và bối rối, phần nhiều là vì bạn thấy khó “chỉ mặt đặt tên” chính xác điều khiến nó trở nên lạc lõng. Thế giới thật thanh bình và giàu có, mọi người lúc nào cũng cực kỳ hài lòng. Cái gì có thể sai ở đây được?

Huxley trả lời câu hỏi này một cách trực tiếp trong khoảnh khắc đỉnh điểm của cuốn tiểu thuyết: cuộc trò chuyện giữa Mustapha Mond, Nhà điều khiển Thế giới tại khu vực Tây Âu, và John Kẻ Hoang dã, người đã sống trọn đời trong một khu bảo tồn bản địa ở New Mexico, người duy nhất ở London vẫn còn biết chút gì đó về Shakespeare hay Chúa Trời.

Khi John Kẻ Hoang dã cố kích động người dân London nổi dậy chống lại hệ thống đang kiểm soát họ, họ phản ứng với lời kêu gọi của ông bằng sự lãnh đạm tuyệt đối, nhưng cảnh sát đã bắt ông và giải anh đến trước Mustapha Mond. Nhà điều khiển Thế giới có một cuộc nói chuyện dễ chịu với John, giải thích rằng nếu ông cương quyết tránh né xã hội, ông chỉ cần rời đến một nơi biệt lập nào đó và sống đời ẩn sĩ. Sau đó, John đặt câu hỏi về những quan điểm đằng sau trật tự toàn cầu và cáo buộc Chính quyền Thế giới đã loại trừ không chỉ sự thật và cái đẹp mà tất cả những gì cao thượng và dũng cảm trong cuộc đời trong hành trình mưu cầu hạnh phúc. Nó đã loại bỏ không chỉ sự thật và vẻ đẹp, mà tất cả những gì cao quý và anh hùng trong cuộc sống.

> ‘Người bạn trẻ thân yêu của tôi,’ ông Mustapha Mond nói, ‘văn minh tuyệt đối không cần đến cao thượng và chủ nghĩa anh hùng. Những thứ đó là các triệu chứng

của sự kém hiệu quả chính trị. Trong một xã hội được tổ chức đàng hoàng như của chúng ta, không ai có bất cứ cơ hội nào để tỏ ra cao thượng hay dũng cảm. Các điều kiện phải trở nên thiếu ổn định hoàn toàn thì cơ hội mới nảy sinh. Ở đâu có chiến tranh, ở đó có những mối quan hệ chia rẽ, nơi đó có những cám dỗ để chống lại, những đối tượng của tình yêu, được chiến đấu hoặc bảo vệ - Ở đó, rõ ràng, cao thượng và chủ nghĩa anh hùng có một số ý nghĩa. Nhưng không có bất kỳ cuộc chiến tranh nào hôm nay. Sự quan tâm chu đáo được thực hiện để ngăn bạn yêu ai quá nhiều. Ở đó, không hề có sự chia rẽ; điều kiện đầy đủ khiến bạn không biết những gì là nên làm. Và bạn phải làm gì khi tất cả đã hoàn hảo chứ, mọi thứ tự nhiên đã sẵn có, thực sự không có bất kỳ cám dỗ nào để chống lại. Và nếu có bất cứ điều gì khó chịu, một sự kém may mắn xảy ra, thì chỉ cần một viên soma để làm dịu cơn giận của bạn, để hòa giải bạn với kẻ thù của bạn, để làm cho bạn kiên nhẫn và chấm dứt đau khổ lâu dài. Trong quá khứ bạn chỉ có thể hoàn thành những điều này bằng cách nỗ lực rất nhiều và sau nhiều năm rèn luyện đạo đức chăm chỉ. Bây giờ, bạn nuốt hai hoặc ba viên thuốc nửa gram. Bất cứ ai cũng có thể có đạo đức bây giờ. Bạn có thể mang ít nhất một nửa đạo đức của bạn trong một cái chai. Kitô giáo không có nước mắt - đã có những viên soma.'

Nhưng nước mắt là cần thiết. Bạn có nhớ những gì Othello nói không? "Nếu sau mỗi cơn gió nhẹ, bão có thể đến đánh thức cái chết." Một câu chuyện mà một trong những người Ấn Độ cũ thường nói với chúng ta, về Cô gái của Mátsaki. Những chàng trai trẻ muốn cưới cô phải làm trọn buổi sáng cuốc đất trong vườn của cô. Nó có vẻ dễ dàng; nhưng có ruồi và muỗi, ma thuật. Hầu hết các chàng trai trẻ đều không thể chịu đựng được sự cắn rứt. Nhưng người nào có thể - anh ta sẽ có được cô gái.

'Rất quyến rũ! Nhưng ở các nước văn minh,' Chính quyền nói, 'bạn có thể có những cô gái mà không phải cuốc đất cho họ; và không có bất kỳ ruồi hay muỗi để chích bạn. Chúng ta đã thoát khỏi chúng từ nhiều thế kỷ trước.

Savage gật đầu, cau mày. 'Bạn đã thoát khỏi họ. Vâng, cũng giống như bạn. Loại bỏ mọi thứ khó chịu thay vì học cách chịu đựng nó. Dù là người cao quý nhất trong tâm trí phải chịu đựng sự bám víu và mũi tên của vận mệnh tàn nhẫn, hay cầm vũ khí chống lại một biển rắc rối và những kẻ chống lại họ. . . Nhưng bạn cũng không nên làm điều đó. Không đau khổ cũng không phản đối. Bạn chỉ cần cởi bỏ sự giằng xé và mũi tên. Đó là quá dễ dàng ... Những gì bạn cần,' Savage tiếp tục, 'là một cái gì đó với nước mắt cho một sự thay đổi ... Chẳng phải có điều gì đó hay ho khi sống trong hiểm nguy ư?'

'Có rất nhiều trong nó,' Controller trả lời. 'Đàn ông và phụ nữ thỉnh thoảng phải kích thích tuyến thượng thận của họ. Nó là một trong những điều kiện của sức khỏe hoàn hảo. Đấy là lý do vì sao Chính quyền Thế giới ra phán quyết yêu cầu mỗi công dân phải trải qua một liệu trình V.P.S.'

> ‘V.P.S.?’
>
> ‘Thay thế cảm xúc bạo lực mỗi tháng. Chúng tôi làm tràn ngập toàn bộ hệ thống với adrenalin. Nó đầy đủ tương đương sinh lý của nỗi sợ hãi và cơn thịnh nộ. Tất cả để anh ta có thể chịu tác động của việc giết chết Desdemona và bị sát hại bởi Othello, mà không có bất kỳ sự bất tiện nào.’
>
> “Nhưng tôi thích những thứ bất tiện”, Kẻ Hoang dã tuyên bố.
>
> “Chúng tôi thì không”, Nhà điều khiển nói. “Chúng tôi thích làm mọi thứ một cách dễ chịu”.
>
> “Nhưng tôi không muốn dễ chịu. Tôi muốn Chúa Trời, tôi muốn thi ca, tôi muốn hiểm nguy thực Sự, tôi muốn tự do, tôi muốn lòng tốt. Tôi muốn tội lỗi”.
>
> “Thực tế”, Mustapha Mond đáp, “anh đang đòi quyền bất hạnh”.
>
> “Cũng được”, Kẻ Hoang dã nói, “tôi đang đòi quyền bất hạnh đấy”.
>
> “Chưa kể quyền được già đi và xấu đi và bất lực; quyền bị giang mai và ung thư; quyền có quá ít thức ăn; quyền được tồi tệ; quyền sống liên tục trong sợ hãi điều có thể xảy ra ngày mai; quyền mắc thương hàn; quyền bị tra tấn bởi đủ mọi loại đau đớn không thể nói thành lời”.
>
> Một sự im lặng kéo dài.
>
> “Tôi đòi tất cả các quyền đó”, cuối cùng Kẻ Hoang dã lên tiếng.
>
> Mustapha Mond nhún vai. “Thế thì tùy anh”, ông ta nói.

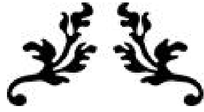
John Kẻ Hoang dã trở về với thiên nhiên không người và ở đó sống như một ẩn sĩ. Nhiều năm sống trong một khu bảo tồn Anh-điêng và bị Shakespeare cũng như tôn giáo tẩy não đã khiến ông ta chối bỏ mọi ơn phước của đời sống hiện đại. Nhưng tin đồn về một kẻ bất thường và thú vị như vậy sớm lan truyền, mọi người đổ xô đến để nhìn ông ta và ghi lại mọi thứ ông ta làm; chẳng mấy chốc ông ta trở thành một người nổi tiếng. Phát bệnh bởi tất cả sự chú ý không mong muốn đó, Kẻ Hoang dã thoát khỏi ma trận văn minh, không phải bằng cách nuốt một viên thuốc đỏ, mà bằng cách tự treo cổ.

Không như những nhà sáng tạo của *The Matrix* và *The Truman Show,* Huxley nghi ngờ khả năng trốn thoát bởi ông tự hỏi liệu ai có thể trốn thoát nổi. Não bộ và “bản thể” của bạn đã là một phần của ma trận nên để thoát khỏi ma trận, bạn phải thoát khỏi bản thể của mình. Điều đó, tuy nhiên, là một khả năng đáng để khám phá. Thoát khỏi định nghĩa hẹp về bản thể có thể trở thành một kỹ năng sinh tồn cần thiết trong thế kỷ 21.


21

Phần V

Bền Bỉ



Ta sống ra sao trong một thời đại của sự hoang mang, khi các câu chuyện cũ đã sụp đổ và chưa có câu chuyện mới nào xuất hiện để thay thế chúng?



19

GIÁO DỤC



THAY ĐỔI LÀ HẰNG SỐ DUY NHẤT

LOÀI NGƯỜI đang đối mặt các cuộc cách mạng chưa từng có tiền lệ, tất cả các câu chuyện cũ của chúng ta đang vụn vỡ, và đến giờ chưa có câu chuyện mới nào xuất hiện để thay thế chúng. Làm sao ta có thể chuẩn bị cho bản thân và con cái trước một thế giới đầy những biến chuyển chưa từng có và các bất định đến tận gốc rễ như vậy? Một đứa trẻ sinh ra ngày hôm nay sẽ chừng ba mấy tuổi vào năm 2050. Nếu mọi thứ suôn sẻ, đứa trẻ đó sẽ vẫn còn ở đây vào năm 2100 và thậm chí có thể vẫn là một công dân tích cực của thế kỷ 22. Ta nên dạy đứa trẻ đó điều gì để giúp nó tồn tại và phát triển trong thế giới năm 2050 hay thế kỷ 22? Nó sẽ cần loại kỹ năng gì để kiếm được việc làm, để hiểu được những gì đang xảy ra xung quanh nó và tìm hướng đi trong mê cung cuộc đời?

Thật không may, chẳng ai biết thế giới sẽ ra làm sao vào năm 2050 chứ đừng nói đến năm 2100 nên chúng ta không có câu trả lời cho những câu hỏi trên. Dĩ nhiên, con người không bao giờ có thể dự đoán tương lai một cách chính xác. Nhưng ngày nay, việc ấy lại càng khó hơn bao giờ hết bởi một khi công nghệ cho phép chúng ta điều chỉnh cơ thể, não bộ và tâm trí, chúng ta không còn có thể chắc chắn về bất cứ thứ gì nữa, bao gồm cả những thứ trước giờ có vẻ như cố định và vĩnh hằng.

Một ngàn năm trước, vào năm 1018, có rất nhiều thứ con người không biết về tương lai, nhưng họ vẫn tin rằng các tính chất cơ bản của xã hội loài người sẽ không thay đổi. Nếu bạn sống ở Trung Quốc vào năm 1018, bạn biết rằng đến năm 1050, nhà Tống có thể sụp đổ, dân Khiết Đan có thể xâm lược từ phương Bắc và bệnh dịch có thể giết hàng triệu người. Tuy

nhiên, rõ ràng là đến năm 1050, hầu hết mọi người vẫn sẽ là nông dân và thợ dệt, các nhà thống trị vẫn phải phụ thuộc vào con người để lấy nhân lực cho quân đội và chính quyền, đàn ông vẫn tiếp tục thống trị đàn bà, tuổi thọ vẫn cỡ bốn mươi và cơ thể người sẽ vẫn y hệt như thế. Do đó vào năm 1018, cha mẹ nghèo người Trung Quốc sẽ dạy con cách trồng lúa hay dệt vải; cha mẹ giàu hơn sẽ dạy con trai đọc các sách kinh điển Khổng giáo, viết thư pháp hay chiến đấu trên lưng ngựa và dạy con gái trở thành những bà nội trợ khiêm cung và phục tùng. Rõ ràng, các kỹ năng trên vẫn cần thiết năm 1050.

Trái lại, ngày nay chúng ta chẳng biết Trung Quốc hay phần còn lại của thế giới sẽ ra sao vào năm 2050. Chúng ta không biết người ta sẽ làm gì để kiếm sống, chúng ta không biết quân đội và chính quyền sẽ hoạt động như thế nào, chúng ta không biết các quan hệ giới tính sẽ ra sao. Một số người có thể sẽ sống lâu hơn nhiều so với ngày nay và bản thân cơ thể người có thể trải qua một cuộc cách mạng chưa từng có nhờ công nghệ sinh học và kết nối trực tiếp não bộ-máy tính. Nhiều thứ trẻ con học được ngày nay có khả năng sẽ trở nên vô dụng vào năm 2050.

Hiện tại, quá nhiều trường học vẫn tập trung vào việc nhồi nhét thông tin vào não trẻ. Trong quá khứ, điều này là hợp lý vì thông tin là hiếm hoi và ngay cả nguồn thông tin nhỏ giọt hiện hữu lúc đó cũng liên tục bị kiểm duyệt chặn lại. Chẳng hạn nếu bạn sống trong một thị trấn tính lẻ ở Mexico vào năm 1800, bạn khó lòng biết nhiều về thế giới rộng lớn hơn. Không có phát thanh, truyền hình, nhật báo hay thư viện công cộng. Ngay cả nếu bạn biết chữ và được đến một thư viện tư, cũng chẳng có nhiều thứ để đọc ngoài tiểu thuyết và các bài luận tôn giáo. Đế chế Tây Ban Nha kiểm duyệt mạnh tay tất cả các văn bản được in trong nước và chỉ cho phép một nhúm nhỏ các nhà xuất bản có chọn lọc kỹ được nhập các văn bản bên ngoài vào. Tương tự, nếu bạn sống trong một thị trấn tình lẻ nào đó ở Nga, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ hay Trung Quốc. Khi các trường học hiện đại xuất hiện, dạy cho mọi đứa trẻ biết đọc biết viết và phổ biến các kiến thức căn bản về địa lý, lịch sử và sinh học, đấy là một sự tiến bộ vượt bậc.

Trái lại, vào thế kỷ 21, chúng ta bị ngập trong một lượng thông tin khổng lồ và ngay cả các nhà kiểm duyệt cũng không cố chặn điều ấy. Ta có thể nhận được thông tin sai sự thật và bị phân thân bằng thông tin không có liên quan. Nếu bạn sống trong một thị trấn tình lẻ nào đó ở Mexico và có

một cái điện thoại thông minh, bạn có thể mất mấy đời chỉ để đọc Wikipedia, xem các bài nói chuyện TED và học các khóa học trực tuyến miễn phí. Khó có chính phủ nào có thể hy vọng che đậy tất cả thông tin mà nó không thích. Mặt khác, việc "bơm" cho công chúng các báo cáo trái ngược và các vấn đề không liên quan để đánh lạc hướng lại dễ dàng một cách đáng báo động. Mọi người ở khắp nơi trên thế giới chỉ cần một cú nhấp chuột là đến các thông tin mới nhất về vụ giội bom Aleppo hay các chỏm băng đang tan ở vùng Cực, nhưng các báo cáo trái ngược nhau nhiều đến nỗi họ chẳng biết nên tin vào đâu. Thêm nữa, vô số những thứ khác cũng chỉ cách một cái nhấp chuột khiến ta khó mà tập trung; khi chính trị hay khoa học trông có vẻ quá phức tạp thì rất dễ dụ người ta chuyển sang một vài video buồn cười về mèo, các vụ ngồi lê đôi mách về các sao hay nội dung khiêu dâm.

Trong một thế giới như thế, điều cuối cùng một người thầy càn đưa cho học sính của mình là thêm thông tin. Chúng đã có quá nhiều thông tín rồi. Thay vào đó, người ta cần khả năng hiểu được thông tin, biết được sự khác biệt giữa cái quan trọng và cái không quan trọng; trên tất cả là khả năng tổng hợp nhiều mẩu thông tin thành một bức tranh lớn về thế giới.

Trên thực tế, đây vẫn là lý tưởng của nền giáo dục tự do phương Tây nhiều thế kỷ nay; nhưng đến tận bây giờ, nhiều trường học phương Tây vẫn còn thực hiện việc đó một cách lỏng lẻo. Các thầy cô giáo cho phép mình tập trung vào việc nhồi nhét dữ liệu trong khi khuyến khích học sinh "tự nghĩ cho mình". Các trường tự do có một nỗi sợ hãi đặc biệt đối với các câu chuyện to tát. Họ cho rằng miễn là cho học sinh thật nhiều dữ kiện và một chút tự do, học sinh sẽ tự tạo nên bức tranh về thế giới của riêng mình; ngay cả nếu thế hệ này thất bại trong việc tổng hợp tất cả dữ liệu thành một câu chuyện liền mạch và có nghĩa về thế giới, sẽ vẫn còn rất nhiều thời gian để xây dựng một tổng hợp tốt hơn trong tương lai. Giờ thì chúng ta đã hết thời gian. Các quyết định chúng ta đưa ra trong vài thập kỷ tới sẽ định hình chính tương lai của sự sống và chúng ta chỉ có thể đưa ra các quyết định này dựa vào thế giới quan hiện tại của chúng ta. Nếu thế hệ này thiếu một quan điểm toàn diện về vũ trụ, tương lai sự sống sẽ được quyết định một cách bừa bãi.

—ooOoo—

NHIỆT ĐÃ LÊN

NGOÀI THÔNG tin, hầu hết các trường học cũng tập trung quá nhiều vào việc cung cấp cho học sinh một bộ kỹ năng định sẵn như giải các phương trình vi phân, viết code máy tính bằng ngôn ngữ C++, nhận dạng các chất hóa học trong ống nghiệm hay giao tiếp bằng tiếng Trung. Thế nhưng chúng ta mù tịt về thế giới và thị trường lao động sẽ ra sao vào năm 2050 nên chúng ta không thật sự biết người ta sẽ cần những kỹ năng cụ thể nào. Chúng ta có thể đầu tư nhiều nỗ lực dạy trẻ con lập trình bằng ngôn ngữ C++ hay nói tiếng Trung, chỉ để phát hiện ra vào năm 2050, AI có thể viết code phần mềm tốt hơn con người rất nhiều và một ứng dụng Google Translate mới sẽ cho phép bạn thực hiện một cuộc hội thoại bằng tiếng Quảng Đông, tiếng phổ thông hay tiếng Khách gần như hoàn hảo, mặc dù bạn chỉ biết nói *"Ni hao"*.

Thế thì ta nên dạy gì? Nhiều chuyên gia sư phạm cho rằng trường học nên chuyển sang việc dạy "bốn chữ C", tức tư duy phản biện, giao tiếp, hợp tác và sáng tạo (critical thinking, communication, collaboration, creativity). Nói rộng hơn, họ tin là trường học nên giảm bớt các kỹ năng kỹ thuật và nhấn mạnh vào các kỹ năng sống đa mục đích. Quan trọng hơn cả sẽ là khả năng đối phó với thay đổi, học điều mới và duy trì cân bằng tâm lý trong các tình huống xa lạ. Để theo kịp thế giới năm 2050, bạn sẽ không chỉ cần sáng tạo các ý tưởng và sản phẩm mới mà trên hết, bạn sẽ cần tự đổi mới mình hết lần này đến lần khác.

Bởi khi tốc độ thay đổi tăng lên, không chỉ nền kinh tế mà bản thân ý nghĩa của việc "làm người" cũng sẽ biến đổi. Từ năm 1848, *Tuyên ngôn Cộng sản* đã tuyên bố "tất cả những gì rắn đều tan chảy thành khí". Tuy nhiên, lúc đó Marx và Engels chủ yếu đang nghĩ đến các cấu trúc xã hội và kinh tế. Đến năm 2048, các cấu trúc thể xác và nhận thức cũng có khả năng sẽ tan chảy thành không khí hay hòa vào một đám mây dữ liệu.

Vào năm 1848, hàng triệu người mất việc làm ở các nông trại nông thôn và đổ về các thành phố lớn để làm việc trong các nhà máy. Nhưng khi đến thành phố lớn, họ cũng không có khả năng thay đổi giới tính hay bổ sung thêm giác quan thứ sáu. Và nếu tìm được một công việc trong một

nhà máy dệt nào đó, họ có thể hy vọng tiếp tục công việc đó đến hết cuộc đời làm việc.

Đến năm 2048, con người có thể sẽ phải đương đầu với việc di cư lên không gian mạng, với các dạng giới tính linh hoạt và các trải nghiệm cảm giác mới được tạo ra từ cấy ghép máy tính. Nếu họ tìm thấy công việc cũng như ý nghĩa sống trong việc thiết kế thời trang cập nhật từng phút cho một trò chơi thực tế ảo 3-D thì trong vòng một thập kỷ, không chỉ ngành nghề cụ thể đó mà tất cả các công việc đòi hỏi mức độ sáng tạo nghệ thuật như vậy có thể bị AI chiếm hết. Thế nên vào năm 25 tuổi, bạn có thể tự giới thiệu trên một trang hẹn hò là "một phụ nữ dị tính 25 tuổi sống ở London và làm việc trong một cửa hàng thời trang". Đến năm 35 tuổi, bạn nói mình là "một người giới tính không xác định đang điều chỉnh tuổi, các hoạt động tân vỏ não diễn ra chủ yếu ở thế giới ảo NewCosmos, mục tiêu cuộc đời là đi đến nơi không một nhà thiết kế thời trang nào từng đến." Đến năm 45 tuổi, cả hẹn hò và tự định nghĩa bản thân đã trở nên quá lỗi thời. Bạn chỉ việc ngồi đợi một thuật toán tìm (hoặc tạo) cho bạn một đối tượng phù hợp nhất. Còn việc tìm ý nghĩa sống từ nghệ thuật thiết kế thời trang, các thuật toán đã vượt mặt bạn đến mức không thể đảo ngược và việc nhìn lại những thành tựu đỉnh cao nhất từ thập kỷ trước chỉ khiến bạn tràn ngập xấu hổ chứ không có chút gì tự hào. Và ở tuổi 45, bạn vẫn còn vài thập kỷ của những thay đổi gốc rễ ở phía trước.

Làm ơn đừng hiểu kịch bản này theo nghĩa đen. Chẳng ai có thể nói trước những thay đổi cụ thể mà chúng ta sẽ chứng kiến. Bất cứ một kịch bản cụ thể nào cũng rất có thể khác xa sự thật. Nếu ai đó mô tả cho bạn thế giới giữa thế kỷ 21 nghe như khoa học viễn tưởng thì mô tả đó có thể sai. Nhưng nếu ai đó mô tả cho bạn thế giới giữa thế kỷ 21 mà nghe không giống khoa học viễn tưởng thì mô tả đó chắc chắn sai. Chúng ta không thể nói chắc về các chi tiết; nhưng bản thân thay đổi là điều chắc chắn duy nhất.

Những thay đổi sâu sắc như vậy có thể biến đổi cấu trúc căn bản của cuộc sống, khiến sự gián đoạn trở thành đặc trưng nổi bật nhất của nó. Từ xa lắc xa lơ, cuộc sống vốn đã được phân chia thành hai phần bổ sung cho nhau: một giai đoạn học tập, tiếp theo là một giai đoạn làm việc. Trong nửa đầu của cuộc đời, bạn tích lũy thông tin, phát triển kỹ năng, hình thành thế giới quan và xây dựng một bản sắc bền vững. Ngay cả nếu đến tuổi 15, bạn

dành phần lớn thời gian làm lụng trên thửa ruộng gia đình (thay vì học ở trường), điều quan trọng nhất bạn đang làm là học: làm thế nào để trồng lúa, làm sao để thương lượng với những tay thương lái tham lam đến từ thành phố và làm thế nào giải quyết tranh chấp đất đai và nguồn nước với dân làng bên. Đến nửa sau của cuộc đời, bạn dựa vào các kỹ năng đã tích lũy được để định hướng trong thế giới, kiếm sống và đóng góp cho xã hội. Dĩ nhiên ngay cả khi 50 tuổi, bạn vẫn tiếp tục học những điều mới về lúa, về các tay thương lái và về các tranh chấp, nhưng chúng chỉ là điều chỉnh nhỏ trong các kỹ năng đã được mài giũa lâu dài.

Đến giữa thế kỷ 21, các thay đổi ngày càng nhanh cộng với tuổi thọ ngày càng dài sẽ biến mô hình truyền thống này trở nên lỗi thời. Cuộc sống sẽ rời ra ở những mối nối và ngày càng có ít sự liền mạch giữa những giai đoạn sống khác nhau. "Tôi là ai?" sẽ là một câu hỏi bức thiết và phức tạp hơn bao giờ hết.

Điều này nhiều khả năng sẽ bao gồm các mức độ căng thẳng cực cao. Vì thay đổi gần như luôn gây căng thẳng và sau một độ tuổi nhất định, hầu hết mọi người đơn giản là không thích thay đổi. Khi bạn 15 tuổi, cả cuộc đời bạn là thay đổi. Cơ thể bạn đang lớn lên, tâm trí bạn đang phát triển, các mối quan hệ của bạn đang đi vào chiều sâu. Mọi thứ đang thay đổi liên tục và mọi thứ đều mới mẻ. Bạn bận rộn sáng tạo ra bản thân. Hầu hết thanh thiếu niên thấy việc này là đáng sợ nhưng đồng thời hết sức thú vị. Các triển vọng mới đang mở ra trước mắt bạn và bạn có cả thế giới để chinh phục.

Đến năm 50 tuổi, bạn không muốn thay đổi và hầu hết mọi người đã từ bỏ việc chinh phục thế giới. Đã trải nghiệm điều này, điều kia và có dấu ấn. Bạn thích sự ổn định hơn. Bạn đã đầu tư quá nhiều vào các kỹ năng, sự nghiệp, bản dạng và thế giới quan của mình đến nỗi bạn không muốn bắt đầu lại từ đầu. Càng vất vả xây dựng một thứ gì đó, bạn càng thấy khó từ bỏ nó và nhường chỗ cho một cái gì mới. Bạn vẫn có thể nâng niu các trải nghiệm mới và các điều chỉnh nhỏ, nhưng hầu hết mọi người đến tuổi 50 không sẵn sàng xem xét lại toàn bộ các cấu trúc sâu xa trong bản dạng và tính cách của mình.

Có những lý do thần kinh học cho chuyện này. Mặc dù não người trưởng thành linh hoạt và dễ thay đổi hơn những gì người ta thường nghĩ,

nó vẫn không dễ uốn bằng não của thanh thiếu niên. Tái kết nối các nơron và mắc lại đường dẫn cho các khớp thần kinh là việc rất vất vả. Nhưng vào thế kỷ 21, bạn gần như không thể trả nổi cái giá của sự ổn định. Nếu bạn cố giữ lấy một bản dạng, công việc hay thế giới quan cố định nào đó, bạn có nguy cơ bị bỏ lại phía sau trong khi thế giới lướt qua đánh vèo. Với tuổi thọ chắc chắn sẽ tăng, bạn có thể sẽ phải sống vài thập kỷ như một hóa thạch ngờ nghệch. Để tiếp tục có giá trị, không chỉ về mặt kinh tế, mà hơn hết là về xã hội, bạn sẽ cần khả năng liên tục học tập và làm mới mình, chắc chắn độ tuổi trẻ trung như 50 càng cần phải thế.

Khi sự lạ lùng trở thành điều bình thường mới, các trải nghiệm quá khứ của bạn cũng như của cả nhân loại sẽ trở thành những chỉ dẫn ngày càng kém tin cậy. Con người với tư cách cá nhân cũng như toàn thể nhân loại sẽ ngày càng phải đối mặt với những thứ chưa ai từng gặp phải, như các máy móc siêu thông minh, các cơ thể được thiết kế, các thuật toán có thể điều khiển cảm xúc của bạn với một sự chính xác đáng sợ, các biến động khí hậu nhân tạo nhanh chóng mặt và sự cần thiết phải thay đổi nghề nghiệp sau mỗi thập kỷ. Đâu là việc cần làm khi đối mặt với một tình huống hoàn toàn chưa hề có tiền lệ? Bạn nên hành động ra sao khi bị ngập lụt trong một con lũ thông tin khổng lồ mà bạn không có cách nào tiếp thu cũng như phân tích hết? Làm thế nào để sống trong một thế giới mà sự khôn lường sâu sắc không phải là một lỗi mà là một đặc trưng?

Để tồn tại và phát triển trong một thế giới như thế, bạn sẽ cần hết sức linh hoạt về tinh thần và có những nguồn dự trữ cân bằng cảm xúc lớn. Bạn sẽ phải liên tục từ bỏ một số điều bạn biết rõ nhất và học làm quen với những điều chưa biết. Thật không may, dạy trẻ con nắm bắt những điều chưa biết trong khi vẫn duy trì cân bằng tâm lý thì khó hơn việc dạy cho chúng một phương trình vật lý hay nguyên nhân của Thế chiến thứ nhất rất nhiều. Bạn không thể học được sự kiên cường bằng cách đọc một quyển sách hay nghe một bài giảng. Bản thân giáo viên cũng thường thiếu sự linh hoạt về tâm lý mà thế kỷ 21 đòi hỏi vì bản thân họ là sản phẩm của hệ thống giáo dục cũ.

Cách mạng Công nghiệp đã truyền lại cho chúng ta lý thuyết giáo dục kiểu dây chuyền sản xuất. Ở giữa thị trấn có một tòa nhà bê tông lớn chia thành nhiều phòng giống hệt nhau, mỗi phòng có các dãy bàn và ghế. Chuông reo, ta đi vào một trong các phòng này cùng ba chục đứa trẻ khác

sinh cùng năm với ta. Mỗi giờ lại có một người lớn khác nhau đi vào và bắt đầu nói. Họ được chính phủ trả tiền để làm việc đó. Một người trong số họ nói cho ta biết hình dạng Trái đất, một người khác nói về quá khứ của con người và người thứ ba nói về cơ thể người. Thật dễ để cười vào mũi mô hình này, và hầu hết mọi người đều đồng ý rằng dù thành tựu quá khứ của nó có như thế nào, giờ nó đã phá sản. Nhưng đến nay chúng ta vẫn chưa tạo được mô hình thay thế khả thi nào. Chắc chắn không phải là một phương án thay thế có thể nhân rộng áp dụng được cả ở nông thôn Mexico chứ không chỉ ngoại ô California giàu có.

—ooOoo—

GIẢI MÃ CON NGƯỜI

THẾ NÊN lời khuyên tốt nhất tôi có thể đưa cho một thiếu niên 15 tuổi đang mắc kẹt trong một trường học lỗi thời đâu đó tại Mexico, Ấn Độ hay Alabama là: đừng dựa quá nhiều vào người lớn. Hầu hết họ có ý tốt, nhưng họ đơn giản là không hiểu thế giới. Trong quá khứ, nghe theo người lớn là một lựa chọn tương đối an toàn vì họ biết về thế giới khá rõ và thế giới thay đổi chậm chạp. Nhưng thế kỷ 21 sẽ khác. Tốc độ thay đổi ngày càng tăng nên bạn không bao giờ dám chắc liệu những gì người lớn đang nói với mình là những lời khôn ngoan muôn thuở hay chỉ là các thiên kiến đã lỗi thời.

Thay vào đó, bạn có thể dựa vào cái gì đây? Có lẽ vào công nghệ? Canh bạc đó thậm chí còn rủi ro hơn. Công nghệ có thể giúp bạn rất nhiều, nhưng nếu công nghệ chiếm được quá nhiều quyền lực đối với cuộc đời bạn, bạn có thể trở thành con tin cho lịch trình của nó. Hàng ngàn năm trước, con người phát minh ra nông nghiệp; nhưng công nghệ đó chỉ làm giàu cho một nhóm tinh hoa cực ít ỏi trong khi biến phần lớn con người thành nô lệ. Hầu hết mọi người thấy mình làm lụng từ lúc bình minh đến lúc hoàng hôn, nhổ cỏ, gánh nước và thu hoạch ngô dưới mặt trời đổ lửa. Điều đó có thể cũng sẽ xảy đến với bạn.

Công nghệ không xấu. Nếu bạn biết mình muốn gì ở đời, công nghệ có thể giúp bạn có được nó. Nhưng nếu bạn không biết mình muốn gì trong đời, công nghệ sẽ rất dễ dàng định hình các mục tiêu của bạn giúp cho bạn và kiểm soát cuộc đời bạn. Đặc biệt là khi công nghệ ngày càng giỏi thấu hiểu con người, bạn có thể thấy mình ngày càng phục vụ cho nó, thay vì nó phục vụ cho bạn. Bạn đã thấy những cái xác sống lượn lờ trên phố trong khi dán mặt vào màn hình chưa? Bạn nghĩ họ kiểm soát công nghệ hay công nghệ kiểm soát họ?

Vậy bạn nên dựa vào chính mình à? Điều đó nghe thì có vẻ hay trên loạt chương trình *Sesame Street* hoặc trong một bộ phim Disney kiểu cũ; nhưng trong đời thực thì nó không hiệu quả đâu. Ngay cả Disney cũng đang nhận ra điều đó. Giống Riley Anderson, hầu hết chúng ta không hiểu được chính mình; và khi cố "lắng nghe bản thân", ta dễ dàng thành con mồi cho các thao túng từ bên ngoài. Giọng nói ta nghe trong đầu không bao giờ đáng tin cậy vì nó luôn phản ánh các tuyên truyền của nhà nước, tẩy não mang tính ý thức hệ và quảng cáo thương mại, chưa kể những "con bọ" sinh hóa.

Khi công nghệ sinh học và học máy cải tiến, việc thao túng các cảm xúc và khao khát sâu kín nhất của con người sẽ ngày càng dễ dàng và cứ đi theo trái tim sẽ càng nguy hiểm hơn bao giờ hết. Khi Coca-Cola, Amazon, Baidu hay chính phủ biết cách giật dây trái tim và bấm nút trí não bạn, liệu bạn còn có thể nhận ra sự khác biệt giữa bản thể của mình và các chuyên gia marketing của họ không?

Để thành công với một nhiệm vụ khó khăn như thế, bạn sẽ cần bỏ công tìm hiểu cơ chế hoạt động của mình rõ hơn. Để hiểu mình là gì và mình muốn gì từ cuộc đời. Điều này, hiển nhiên, chính là lời khuyên cổ xưa nhất trong sách vở: biết mình. Trong vài ngàn năm, các triết gia và nhà tiên tri đã thúc giục mọi người phải biết mình. Nhưng lời khuyên này chưa bao giờ cấp thiết như trong thế kỷ 21 vì không như thời của Lão Tử hay Socrates, giờ ta đang có một cuộc cạnh tranh nghiêm túc. Coca-Cola, Amazon, Baidu và chính phủ đang chạy đua để giải mã bạn. Không phải điện thoại thông minh, máy tính và tài khoản ngân hàng của bạn; họ đang chạy đua để giải mã *bạn* và hệ thống vận hành hữu cơ của bạn. Bạn có lẽ đã nghe nói rằng chúng ta đang sống trong thời đại giải mã máy tính,

nhưng đấy thậm chí không phải là một nửa sự thật. Trên thực tế, chúng ta đang sống trong thời đại mở khóa con người.

Các thuật toán ngay lúc này đang theo dõi bạn. Chúng đang theo dõi nơi bạn đi, cái bạn mua, người bạn gặp. Chẳng mấy chốc, chúng sẽ giám sát mọi bước đi, hơi thở và nhịp tim của bạn. Chúng đang dựa vào Big Data và học máy để hiểu bạn ngày càng rõ. Và một khi các thuật toán này hiểu bạn hơn bạn hiểu bản thân, chúng có thể kiểm soát và thao túng bạn, bạn sẽ chẳng làm được gì mấy. Bạn sẽ sống trong ma trận, hay trong Show truyền hình Truman. Cuối cùng, đây chỉ là một vấn đề thống kê đơn giản: nếu các thuật toán thực sự hiểu điều đang xảy ra bên trong bạn rõ hơn chính bạn, thì thẩm quyền sẽ chuyển dịch về phía chúng.

Dĩ nhiên, có thể bạn sẽ hoàn toàn hạnh phúc khi trao toàn bộ thẩm quyền cho các thuật toán và tin tưởng để chúng quyết định mọi thứ cho bạn cũng như cho phần còn lại của thế giới. Nếu thế, hãy cứ thư dãn và tận hưởng cuộc dạo chơi. Bạn chẳng cần làm gì đâu. Các thuật toán sẽ chăm lo hết. Tuy nhiên, nếu muốn giữ lại phần nào quyền kiểm soát sự tồn tại cá nhân và tương lai của cuộc sống, bạn sẽ phải chạy nhanh hơn thuật toán, nhanh hơn Amazon và chính phủ, và tự biết mình trước khi chúng làm được điều đó. Để chạy nhanh, đừng mang theo nhiều hành lý. Hãy để tất cả ảo tưởng của bạn lại phía sau. Chúng nặng lắm đấy.



20

Ý NGHĨA



CUỘC ĐỜI KHÔNG PHẢI LÀ MỘT CÂU CHUYỆN

TÔI LÀ ai? Tôi nên làm gì trong đời? Ý nghĩa cuộc sống là gì? Con người đã đặt ra những câu hỏi này từ lúc nào không ai nhớ nổi nữa. Mỗi thế hệ lại cần một câu trả lời mới vì điều ta biết và không biết liên tục thay đổi. Với tất cả những gì ta biết và không biết về khoa học, về Chúa Trời, về chính trị và về tôn giáo, câu trả lời tốt nhất mà ta có thể đưa ra hôm nay là gì?

Người ta trông đợi kiểu câu trả lời gì? Trong hầu hết mọi trường hợp, khi hỏi về ý nghĩa cuộc sống, họ trông chờ được kể cho nghe một câu chuyện. *Homo sapiens* là một động vật kể chuyện, nghĩ theo các câu chuyện thay vì theo số liệu hay biểu đồ và tin rằng bản thân vũ trụ vận hành như một câu chuyện, đầy rẫy người hùng và kẻ xấu, mâu thuẫn và giải pháp, cao trào và những cái kết có hậu. Khi tìm kiếm ý nghĩa của cuộc đời, ta muốn một câu chuyện sẽ giải thích hiện thực là để làm gì và vai trò cụ thể của ta trong tấn kịch vũ trụ là gì. Vai trò này khiến ta trở thành một phần của một thứ gì đó lớn hơn bản thân và mang lại ý nghĩa cho mọi trải nghiệm và lựa chọn của ta.

Một câu chuyện được ưa chuộng, được kể đi kể lại hàng ngàn năm cho hàng tỷ con người háo hức, giải thích rằng chúng ta là một phần của một vòng xoay vĩnh hằng bao trùm và kết nối vạn vật. Mỗi cá thể có một chức năng riêng biệt cần hoàn thành trong vòng xoay đó. Hiểu được ý nghĩa của cuộc đời tức là hiểu chức năng độc đáo của mình, và sống một cuộc đời tốt tức là hoàn thành chức năng đó.

Sử thi Bhagavad Gita của Hindu kể rằng hoàng tử chiến binh vĩ đại Arjuna thấy lòng đầy hoang mang giữa một cuộc nội chiến thảm khốc như thế nào. Nhìn thấy bạn bè và người thân mình ở bên kia chiến tuyến, ngài chùn tay không muốn đánh, giết họ. Ngài bắt đầu tự hỏi cái gì là tốt và xấu, ai quyết định điều đó và đâu là mục đích của đời người. Thần Krishna sau đó giải thích cho Arjuna rằng trong vòng xoay vũ trụ vĩ đại, mỗi sinh linh sở hữu một "dharma" độc đáo, con đường mà người đó phải đi và các nghĩa vụ mà người đó phải hoàn thành. Nếu bạn nhận ra được dharma của mình thì dù con đường có chông gai đến đâu, bạn vẫn thấy bình an trong tâm trí và thoát khỏi mọi ngờ vực. Nếu bạn từ chối đi theo dharma của mình và cố đi theo con đường của ai đó khác, hoặc lang thang không đường hướng, bạn sẽ phá vỡ cân bằng vũ trụ và sẽ không bao giờ tìm được bình an hay niềm vui. Không quan trọng đường của bạn là gì, miễn là bạn đi theo nó. Một người thợ giặt tận tụy đi theo con đường của người thợ giặt vẫn tốt hơn nhiều so với một hoàng tử lạc lối khỏi con đường của hoàng tử. Hiểu được ý nghĩa cuộc sống, Arjuna nghiêm túc đi theo dharma *của mình* là một chiến binh, đưa quân đội mình đến thắng lợi và trở thành một trong những người hùng được tôn sùng và yêu mến nhất trong thế giới Hindu.

Bộ phim giàu chất sử thi của Disney là *Vua sư tử* năm 1994 đã gói lại câu chuyện cổ này cho các khán giả hiện đại, với chàng sư tử trẻ Simba là hình ảnh của Arjuna. Khi Simba muốn biết ý nghĩa của sự tồn tại, cha cậu, vua sư tử Mufasa, đã kể cho cậu nghe về Vòng Đời vĩ đại. Mufasa giải thích rằng những con linh dương ăn cỏ, sư tử ăn linh dương và khi sư tử chết, thân xác rã ra và lại nuôi sống cỏ. Đây là cách sự sống truyền từ đời này sang đời khác, miễn là mỗi con vật đóng vai trò của nó trong vở kịch. Mọi thứ được kết nối và mọi người phụ thuộc vào mọi người khác; vậy nên nếu chỉ một cọng cỏ không làm tròn trách nhiệm của mình, cả Vòng Đời có thể sẽ tan rã. Mufasa nói bổn phận của Simba là trị vì vương quốc sư tử sau khi Mufasa chết và giữ gìn trật tự của những loài vật khác.

Tuy nhiên, khi Mufasa sớm bị anh trai Scar độc ác của mình ám sát, Simba nhỏ tuổi đã tự trách mình vì thảm họa ấy. Lòng đầy mặc cảm tội lỗi, cậu rời vương quốc sư tử, từ bỏ số mệnh vương giả của mình và lang thang vào nơi hoang dã. Nơi đó, cậu gặp hai kẻ bên lề khác là một con chồn đất và một con lợn lòi; cùng nhau, chúng trải qua vài năm vô tư lự xa

rời thế giới đông đúc. Triết lý né tránh xã hội của chúng có nghĩa là chúng đáp lại mọi vấn đề bằng cách ca tụng “Hakuta matata”, tức “chẳng có gì phải lo lắng”.

Nhưng Simba không thể thoát khỏi dharma của mình. Khi trưởng thành, cậu càng bị giày vò, không biết mình là ai và mình nên làm gì trong đời. Ở khoảnh khắc cao trào của bộ phim, linh hồn Mufasa hiện lên với Simba trong một ảo ảnh và nhắc cho Simba nhớ về Vòng Đời và số mệnh hoàng gia của mình. Simba cũng biết được rằng khi cậu vắng mặt, Scar độc ác đã chiếm ngai vàng và trị vì vương quốc một cách sai lầm, dẫn đến mất đoàn kết và nạn đói. Simba cuối cùng hiểu ra mình là ai và mình phải làm gì. Cậu trở về vương quốc sư tử, trừng phạt ông chú, trở thành vua, tái thiết sự hòa hợp và phồn thịnh. Bộ phim kết thúc bằng cảnh một Simba tự hào ra mắt kẻ kế vị vừa mới chào đời trước muôn loài, đảm bảo sự tiếp nối của Vòng Đời vĩ đại.

Vòng Đời biến vở kịch vũ trụ thành một câu chuyện có tính tuần hoàn. Với tất cả những gì Simba và Arjuna biết, sư tử ăn linh dương và các chiến binh đánh trận hết đời này sang đời khác và vẫn sẽ tiếp tục làm vậy mãi mãi. Vòng quay vĩnh hằng mang lại cho câu chuyện sức mạnh, ám chỉ rằng đây là tiến trình tự nhiên của vạn vật; nếu Arjuna chối bỏ chiến trận hay Simba từ chối trở thành vua, họ sẽ chống lại chính các quy luật của tự nhiên.

Nếu tôi tin vào một phiên bản nào đó của câu chuyện Vòng Đời, điều đó nghĩa là tôi có một bản dạng cố định và chân thực, thứ quyết định phận sự của tôi trong cuộc đời. Suốt nhiều năm, tôi có thể nghi ngờ hoặc không ý thức được bản dạng đó; nhưng một ngày kia, trong một khoảnh khắc cao trào tuyệt diệu nào đó, nó sẽ được hé lộ và tôi sẽ hiểu được vai trò của mình trong tấn kịch vũ trụ. Dù sau đó tôi có thể gặp phải nhiều thử thách và đau khổ, tôi sẽ không còn nghi ngờ hay tuyệt vọng nữa.

Các tôn giáo và ý thức hệ khác cũng tin vào một tấn kịch vũ trụ hữu tuyến như vậy, với phần đầu rõ ràng, phần giữa không quá dài, và một cái kết vĩnh cửu. Chẳng hạn, câu chuyện Hồi giáo kể rằng ban đầu Đấng Allah tạo ra toàn thể vũ trụ và đặt ra các quy luật của nó. Sau đó, Ngài hé lộ các quy luật này cho loài người trong kinh Quran. Không may là những con người u mê và ma quỷ đã nổi loạn chống lại Allah và cố phá vỡ hoặc che

giấu các quy luật ấy; việc giữ gìn các luật này và lan truyền tri thức về chúng phải nhờ vào những người Hồi đạo đức và trung thành. Cuối cùng, vào Ngày phán xét, Allah sẽ đưa ra phán quyết về hành xử của mỗi một cá nhân. Ngài sẽ ban thưởng cho những người đường hoàng bằng hạnh phúc vĩnh hằng trên Thiên đường và thảy đám độc ác vào lò lửa địa ngục.

Câu chuyện hoành tráng này ám chỉ rằng vai trò nhỏ bé nhưng quan trọng của tôi trong cuộc đời là đi theo các mệnh lệnh của Allah, lan tỏa tri thức về các luật của Ngài và đảm bảo các ước muốn của Ngài được phục tùng. Nếu tôi tin vào câu chuyện Hồi giáo, tôi tìm thấy ý nghĩa sống trong việc cầu nguyện năm lần một ngày, cúng tiền để xây một thánh đường mới và đấu tranh chống lại những kẻ bỏ đạo và ngoại đạo. Ngay cả các hoạt động tầm thường nhất như rửa tay, uống rượu, làm tình cũng thấm đẫm ý nghĩa vũ trụ.

Chủ nghĩa dân tộc cũng lưu giữ một câu chuyện, theo tuyến tính. Câu chuyện Phục quốc Do Thái bắt đầu với các cuộc phiêu lưu và thành tựu thánh kinh của dân tộc Do Thái, kể lại chi tiết 2.000 năm lưu vong và ngược đãi, đạt đến đỉnh điểm với cuộc thảm sát Holocaust và việc thành lập nhà nước Israel, và mong chờ đến ngày Israel hưởng hòa bình, thịnh vượng và trở thành một điểm sáng về đạo đức cũng như tinh thần cho thế giới. Nếu tôi tin vào câu chuyện Phục quốc, tôi sẽ kết luận rằng nhiệm vụ của cuộc đời của mình là thúc đẩy lợi ích của quốc gia Do Thái bằng cách bảo vệ sự trong sáng của ngôn ngữ Do Thái, chiến đấu giành lại các phần lãnh thổ Do Thái đã mất hay có lẽ bằng cách sinh ra và nuôi lớn một thế hệ những đứa trẻ Do Thái trung thành mới.

Cả trong trường hợp này, các việc nhỏ nhặt cũng căng tràn ý nghĩa. Vào Ngày Độc lập, trẻ em Israel thường hát cùng nhau một bài hát Do Thái phổ biến ca ngợi bất cứ hành vi nào được làm vì đất mẹ. Một đứa trẻ hát: "Tôi đã xây một căn nhà trên đất Israel", một đứa khác hát tiếp: "Tôi đã trồng một cái cây trên đất Israel", đứa thứ ba hòa giọng: "Tôi đã viết một bài thơ trên đất Israel" và cứ thế, cho đến khi tất cả cùng đồng thanh đoạn điệp khúc "Thế là ta đã có một căn nhà, một cái cây và một bài thơ [và bất cứ thứ gì khác bạn muốn thêm vào] trên đất Israel".

Chủ nghĩa cộng sản kể một câu chuyện tương tự, nhưng tập trung vào giai cấp hơn là sắc tộc. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản mở đầu bằng cách

tuyên bố rằng:

> Lịch sử của tất cả các xã hội hiện tại là lịch sử của các cuộc đấu tranh giai cấp. Tự do và nô lệ, thương nhân và tiện dân, chúa tể và nông nô, chủ nhân và người làm thuê, trong một từ, kẻ áp bức và bị áp bức, đứng đối lập với nhau, tiếp tục chiến đấu liên tục. Hiện trạng này đang mất dần, mỗi một cuộc chiến đến hồi kết thúc, thì đều trong một sự phục hồi mang tính cách mạng của xã hội, hoặc trong sự hủy hoại chung của các giai cấp đấu tranh.
>
> Bản tuyên ngôn tiếp tục giải thích rằng trong thời hiện đại, 'Xã hội nói chung ngày càng tách ra thành hai phe thù địch lớn, thành hai giai cấp lớn đối đầu trực tiếp với nhau: Tư sản và Vô sản.' Cuộc đấu tranh của họ sẽ kết thúc bằng chiến thắng của giai cấp vô sản, sẽ báo hiệu sự kết thúc của lịch sử và sự thành lập thiên đường cộng sản trên trái đất, trong đó không ai sẽ sở hữu bất cứ thứ gì, và mọi người sẽ hoàn toàn tự do và hạnh phúc.

Nếu tin vào câu chuyện này, tôi sẽ kết luận rằng sứ mệnh đời tôi là đẩy nhanh cách mạng toàn cầu bằng cách viết ra các tờ rơi hùng hồn để khơi dậy ý thức giai cấp, tổ chức các cuộc biểu tình và bãi công. Câu chuyện này mang lại ý nghĩa cho cả các hành động nhỏ nhất, như tẩy chay một nhãn hàng bóc lột công nhân dệt may ở Bangladesh hay cãi nhau với ông bố vợ tư bản "lợn" của tôi trên bàn tiệc Giáng sinh.

Khi nhìn lại toàn bộ các câu chuyện tìm cách định nghĩa bản dạng thực sự và mang lại ý nghĩa cho các hành động của tôi, thật đáng kinh ngạc khi nhận ra quy mô gần như không quan trọng. Một số câu chuyện, như câu chuyện Vòng đời của Simba, có vẻ kéo dài vĩnh viễn: chỉ khi đặt mình trên bối cảnh toàn vũ trụ, tôi mới có thể biết mình là ai. Các câu chuyện khác, như phần lớn các câu chuyện theo khuynh hướng chủ nghĩa dân tộc và bộ tộc, so ra đều hết sức nhỏ bé. Câu chuyện Phục quốc Do Thái lấy cuộc phiêu lưu của khoảng 0,2% nhân loại trên 0,005% bề mặt Trái đất trong một khoảng thời gian vô cùng ngắn ngủi làm linh thiêng. Câu chuyện đó không thể mang lại bất cứ ý nghĩa nào cho các đế chế Trung Hoa, các bộ lạc ở New Guinea và thiên hà Andromeda, cũng như vô vàn kỷ nguyên đã trôi qua trước sự tồn tại của Moses, Abraham và sự tiến hóa của loài vượn.

Một cách nhìn thiển cận như vậy có thể có các hậu quả rất nghiêm trọng. Chẳng hạn, một trong những trở ngại chính cho bất kỳ hiệp ước hòa bình nào giữa người Israel và người Palestine là người Israel không sẵn sàng chia đôi thành phố Jerusalem. Họ lý luận rằng thành phố này là "thủ đô vĩnh hằng của người Do Thái" và chắc chắn là cái gì vĩnh hằng thì

không thể thỏa hiệp được. Vài người chết thì có là gì so với vĩnh hằng cơ chứ? Điều này dĩ nhiên là hoàn toàn nhảm nhí. Vĩnh hằng ít nhất là 13,8 tỷ năm, tuổi hiện tại của vũ trụ. Hành tinh Trái đất hình thành khoảng 4,5 tỷ năm trước và con người thì tồn tại được ít nhất 2 triệu năm. Trái lại, thành phố Jerusalem được thành lập chỉ 5.000 năm trước và người Do Thái thì khoảng 3.000 năm tuổi. Điều đó khó có thể gọi là vĩnh hằng.

Còn về tương lai, vật lý cho ta biết hành tinh Trái đất sẽ bị một mặt trời đang nở ra nuốt trọn khoảng 7,5 tỷ năm nữa tính từ bây giờ và vũ trụ của chúng ta sẽ tiếp tục tồn tại ít nhất 13 tỷ năm nữa. Có ai nghiêm túc tin rằng người Do Thái, hay nhà nước Israel, hay thành phố Jerusalem, sẽ vẫn tồn tại sau 13.000 năm, chưa nói đến 13 tỷ năm? Nhìn về tương lai, chủ nghĩa Phục quốc Do Thái có đường chân trời không quá vài thế kỷ, nhưng như vậy đã đủ để làm cạn kiệt trí tưởng tượng của hầu hết người Israel và đủ để được cho là "vĩnh hằng". Và con người sẵn sàng hy sinh vì lợi ích của "thành phố vĩnh hằng", trong khi người ta có lẽ sẽ từ chối hy sinh cho một tập hợp phù vân gồm một số ngôi nhà.

Khi còn là một thiếu niên sống ở Israel, ban đầu tôi cũng bị lời hứa dân tộc chủ nghĩa hấp dẫn để trở thành một phần của một cái gì đó lớn hơn bản thân. Tôi muốn tin rằng nếu tôi hiến dâng đời mình cho dân tộc thì tôi sẽ "bất tử". Cụm từ đó nghe rất sâu sắc, nhưng nó thực sự có nghĩa gì? Tôi nhớ một buổi lễ mừng Ngày Độc lập nọ, khi tôi khoảng 13 hay 14 tuổi. Trong khi ở Mỹ, Ngày Độc lập chủ yếu được đánh dấu bằng các cuộc giảm giá bán hàng thì ở Israel, đó là một sự kiện cực kỳ nghiêm túc và quan trọng. Vào ngày này, các trường tổ chức các buổi lễ để tưởng nhớ các chiến sĩ đã ngã xuống trong nhiều cuộc chiến của Israel. Bọn trẻ mặc đồ trắng, đọc thơ, ca hát, đặt hoa tưởng niệm và vẫy cờ. Thế là tôi cũng ở đó, trong buổi lễ tưởng niệm của trường và mặc đồ màu trắng; giữa lúc vẫy cờ với đọc thơ, tôi tự nhiên nghĩ rằng khi nào lớn lên, tôi cũng muốn trở thành một người lính đã ngã xuống. Xét cho cùng, nếu tôi là một người lính chết trận oai hùng đã hiến dâng đời mình cho Israel, thì tất cả lũ trẻ này sẽ đọc thơ và vẫy cờ để vinh danh tôi.

Nhưng rồi tôi nghĩ: "Gượm đã. Nếu tôi chết rồi, làm sao tôi biết bọn trẻ này thật sự đang đọc thơ để vinh danh mình?" Thế nên tôi cố hình dung mình đã chết. Và tôi hình dung mình nằm dưới một tấm bia trắng nào đó trong một nghĩa trang quân sự quy củ, lắng nghe những bài thơ đến từ mặt

đất trên kia. Nhưng rồi tôi nghĩ: “Nếu mình chết rồi thì mình đâu có nghe được thơ nữa, vì mình đâu có tai và đâu có não và chẳng thể nghe hay cảm nhận được gì. Thế thì làm vậy để làm gì?”

Tệ hơn, đến năm 13 tuổi, tôi đã biết vũ trụ đã vài tỷ năm tuổi và có lẽ sẽ tiếp tục tồn tại thêm vài tỷ năm nữa. Liệu tôi có thể trông chờ một cách thực tế là Israel sẽ tồn tại lâu đến thế? Liệu mấy đứa trẻ *Homo sapiens* mặc đồ trắng có tiếp tục đọc thơ vinh danh tôi sau 200 triệu năm nữa? Có một cái gì đó lắt léo trong vụ này.

Nếu bạn là người Palestine, đừng quá lên mặt. Hai trăm triệu năm nữa chắc cũng chả còn người Palestine nào tồn tại nữa đâu. Trong mọi khả năng có thể xảy ra thì đến lúc đó sẽ chẳng còn loài có vú nào tồn tại nữa cả. Tất cả các phong trào dân tộc chủ nghĩa khác cũng như vậy. Chủ nghĩa dân tộc Serbia chẳng mấy quan tâm đến các sự kiện ở kỷ Jura, trong khi một số nhà dân tộc chủ nghĩa Bắc Hàn tin rằng một bán đảo nhỏ ở bờ Đông Á là phần của vũ trụ thực sự quan trọng hơn hết trong kế hoạch vĩ đại của vạn vật.

Dĩ nhiên, ngay cả Simba, với tất cả sự cống hiến của cậu cho Vòng đời bất tận, cũng chưa bao giờ nghĩ đến sự thật là cả sư tử, linh dương và cỏ cũng không thật sự vĩnh hằng. Simba không nghĩ được vũ trụ vốn như thế nào trước khi có sự tiến hóa của các loài có vú, cũng như số phận đồng cỏ châu Phi yêu mến của cậu là gì một khi con người giết hết sư tử và phủ lên đồng cỏ bê tông và nhựa đường. Điều này có khiến cuộc đời của Simba trở nên hoàn toàn vô nghĩa không?

Mọi câu chuyện đều không hoàn chỉnh. Thế nhưng để xây dựng một bản dạng khả dĩ cho bản thân và mang lại ý nghĩa cho cuộc sống của mình, tôi không thực sự cần một câu chuyện hoàn chỉnh không hề có lỗ hổng và mâu thuẫn nội tại nào. Để cuộc sống của mình có ý nghĩa, một câu chuyện chỉ cần thỏa mãn hai điều kiện. Đầu tiên, nó phải cho *tôi* một vai gì đó. Một thổ dân New Guinea khó lòng tin vào chủ nghĩa phục quốc Do Thái hay chủ nghĩa dân tộc Serbia bởi những câu chuyện này hoàn toàn không quan tâm đến New Guinea và người dân ở đó. Cũng như các ngôi sao điện ảnh, con người chỉ thích những kịch bản để dành cho họ một vai quan trọng.

Thứ hai, một câu chuyện hay không cần phải kéo dài đến vô cực nhưng nó phải kéo dài vượt ngoài tầm mắt của tôi. Câu chuyện phải cho tôi một

bản dạng và mang lại ý nghĩa cho cuộc đời tôi bằng cách đặt tôi trong một cái gì đó lớn hơn bản thân mình. Nhưng lúc nào cũng có nguy cơ là tôi sẽ bắt đầu tự hỏi điều gì mang lại ý nghĩa cho "cái gì đó lớn hơn" ấy. Nếu ý nghĩa cuộc đời tôi là giúp đỡ giai cấp bần lao hay dân tộc Ba Lan thì chính xác là điều gì mang lại ý nghĩa cho giai cấp bần lao hay dân tộc Ba Lan? Có một câu chuyện kể về một người đàn ông tuyên bố rằng thế giới được giữ ở đúng vị trí của nó bằng cách nằm trên lưng một con voi khổng lồ. Khi được hỏi thế con voi đứng lên cái gì, ông ta trả lời rằng nó đứng trên lưng một con rùa lớn. Còn con rùa? Trên lưng một con rùa còn lớn hơn. Và con rùa lớn hơn đó? Người đàn ông phát cáu và đáp: "Đừng bận tâm nữa. Từ đó về sau chỉ có rùa là rùa thôi".

Hầu hết những câu chuyện thành công thường để ngỏ. Chúng không bao giờ cần phải giải thích ý nghĩa tối thượng đến từ đâu vì chúng quá giỏi nắm bắt sự chú ý của người khác và giữ sự chú ý đó bên trong vùng an toàn. Do đó, khi giải thích rằng thế giới nằm trên lưng một con voi khổng lồ, bạn nên đón lõng mọi câu hỏi khó bằng cách mô tả thật chi tiết rằng đôi tai vĩ đại của con voi vẫy vẫy thì tạo dông tố ra sao và khi con voi rùng mình tức giận thì động đất sẽ làm rung chuyển bề mặt Trái đất như thế nào. Nếu bạn thêu dệt một câu chuyện đủ hay, không ai nghĩ đến chuyện hỏi xem con voi đứng trên cái gì. Tương tự, chủ nghĩa dân tộc hút hồn chúng ta bằng các câu chuyện về chủ nghĩa anh hùng, làm ta cảm động phát khóc bằng cách kể lại những thảm họa trong quá khứ và khiến ta đùng đùng nổi giận bằng cách xoáy vào những điều bất công mà dân tộc ta đã gánh chịu. Chúng ta được bản anh hùng ca dân tộc này cuốn hút đến múc bắt đầu đánh giá mọi thứ xảy ra trên thế giới bằng ảnh hưởng của nó đến dân tộc mình và gần như chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện tự hỏi điều gì khiến dân tộc của chúng ta lại quan trọng đến thế ngay từ đầu.

Khi bạn tin vào một câu chuyện nhất định, nó sẽ làm bạn cực kỳ hứng thú với những tiểu tiết nhỏ nhất của nó, trong khi khiến bạn không nhìn ra bất cứ thứ gì nằm ngoài phạm vi ấy. Những người làm cách mạng nhiệt thành có thể dành vô số giờ đồng hồ tranh luận xem liệu có được phép liên minh với các nhà dân chủ xã hội ở các giai đoạn đầu của cách mạng không, nhưng họ hiếm khi dừng lại để ngẫm ngợi về vị trí của người lao động trong cuộc tiến hóa sự sống của loài có vú trên hành tinh Trái đất hay sự

lan truyền của sự sống hữu cơ trong vũ trụ. Những câu chuyện vu vơ như thế bị xem là một sự phí hơi phản cách mạng.

Một số câu chuyện cũng mất công rào đón toàn bộ không gian và thời gian, nhưng khả năng kiểm soát sự chú ý giúp nhiều câu chuyện thành công khác giữ được sự khiêm nhường về phạm vi kể chuyện. Một quy luật quan trọng của kể chuyện là một khi câu chuyện bằng cách nào đó đã vượt được ra khỏi tầm nhìn của khán giả, thì phạm vi cuối cùng của nó không mấy quan trọng nữa. Người ta có thể cuồng nhiệt vì lợi ích của một dân tộc ngàn năm tuổi, cũng như một vị thần một tỷ năm tuổi. Con người đơn giản là cứ đến số to thì mù mờ. Phần lớn các trường hợp chỉ cần những con số nhỏ bé đến ngạc nhiên đã khiến trí tưởng tượng của ta kiệt sức.

Với tất cả những gì ta biết về vũ trụ, việc một người tỉnh táo tin rằng sự thật chung cuộc về vũ trụ và sự tồn tại của loài người là câu chuyện về chủ nghĩa dân tộc Israel, Đức hay Nga hay thậm chí ở đâu đó, có vẻ hoàn toàn bất khả. Một câu chuyện phớt lờ gần như toàn bộ thời gian, toàn bộ không gian, Vụ Nổ Lớn, vật lý lượng tử và tiến hóa sự sống thì nhiều lắm cũng chỉ là một phần nhỏ xíu của sự thật. Thế nhưng bằng cách nào đó người ta vẫn không sao nhìn vượt ra khỏi câu chuyện như vậy.

Thực vậy, hàng tỷ người xuyên suốt lịch sử đã tin rằng để cuộc đời mình có ý nghĩa, họ thậm chí không cần phải cuốn vào một dân tộc hay một phong trào, hệ tư tưởng lớn lao nào cả. Chỉ cần họ "để lại một cái gì đó", từ đó đảm bảo rằng câu chuyện cá nhân của họ sẽ tiếp tục sau khi họ chết, là đủ. Cái "gì đó" mà tôi để lại phía sau lý tưởng nhất là linh hồn hoặc tinh hoa cá nhân. Nếu tôi được tái sinh vào một thân xác mới sau cái chết của thân xác hiện tại thì chết không phải là hết. Nó chỉ là khoảng cách giữa hai chương và cốt truyện bắt đầu ở chương này sẽ tiếp diễn ở chương sau. Nhiều người ít nhất có một niềm tin mơ hồ vào một lý thuyết như thế, ngay cả khi họ không dựa vào một tư tưởng hệ cụ thể nào. Họ không cần một giáo lý phức tạp, họ chỉ cần cảm giác an ủi rằng câu chuyện của họ sẽ tiếp nối vượt qua chân trời của cái chết.

Lý thuyết về sự sống như một bản hùng ca không bao giờ kết này đặc biệt hấp dẫn và thông dụng, nhưng nó gặp hai vấn đề chính. Thứ nhất, bằng cách kéo dài câu chuyện của cá nhân mình, tôi không thật sự khiến nó trở nên ý nghĩa hơn. Tôi chỉ khiến nó trở nên dài hơn. Quả thật, hai tôn

giáo lớn đi theo ý tưởng về một vòng sinh tử luân hồi bất diệt là Hindu giáo và Phật giáo có chung nỗi sợ đối với sự vô thường của mọi thứ. Hàng triệu triệu lần tôi tập đi, tôi lớn lên, tôi cãi vã với mẹ vợ, tôi ốm, tôi chết, rồi tôi lại làm lại tất cả mọi thứ đó. Thế thì nghĩa lý gì? Nếu tôi gom tất cả những giọt nước mắt mình đã khóc trong muôn kiếp trước, chúng hẳn sẽ đổ đầy Thái Bình Dương; nếu tôi gom tất cả răng và tóc mình đã rụng, chúng sẽ cao hơn dãy Himalaya. Và với tất cả những thứ đó, tôi có gì để mà khoe đây? Chẳng trách mà các nhà hiền triết Hindu và Phật giáo đều tập trung phần lớn sức lực vào việc làm sao để thoát khỏi vòng xoay này thay vì duy trì nó mãi mãi.

Vấn đề thứ hai với lý thuyết này là sự khan hiếm các bằng chứng hỗ trợ. Tôi có bằng chứng gì để chứng minh một kiếp trước của tôi là một nông dân thời Trung cổ, một người Neanderthal săn bắt, một con khủng long bạo chúa hay một con a-míp (Nếu tôi thực sự Sống hàng triệu cuộc đời, chắc chắn tôi từng là một con khủng long hoặc một con a-míp ở một giai đoạn nào đó vì con người mới tồn tại 2,5 triệu năm nay thôi)? Và trong tương lai tôi sẽ được tái sinh trong hình hài một người-robot, một nhà thám hiểm xuyên thiên hà hay thậm chí là một con ếch? Đặt cuộc đời mình dựa trên lời hứa đó hơi giống bán nhà để đổi lấy một tờ séc đã quá hạn và rút tiền ở một ngân hàng đặt trên mây.

Do đó, những người nghi ngờ việc có một dạng linh hồn hay tinh thần nào đó thực sự tồn tại sau khi chết cố để lại một cái gì đó hữu hình hơn. Cái "gì đó hữu hình" đó có thể tồn tại dưới một trong hai dạng: văn hóa hay sinh học. Tôi có thể để lại một bài thơ hoặc một ít gen di truyền quý giá chẳng hạn. Đời tôi có nghĩa vì người ta sẽ vẫn đọc thơ tôi sau này một trăm năm, hoặc vì con cháu tôi vẫn sẽ còn đây. Thế ý nghĩa cuộc đời con cháu tôi là gì? À, đấy là vấn đề của chúng nó, không phải của tôi. Ý nghĩa cuộc đời do vậy giống như đùa với một quả lựu đạn cầm tay. Bạn chuyền được nó sang tay một người khác là bạn an toàn.

Lạy trời, hy vọng nhỏ nhoi "để lại cái gì đó" này cũng hiếm khi thành hiện thực. Hầu hết các sinh vật từng tồn tại đã tuyệt chủng mà không để lại chút "di sản" di truyền nào. Gần như tất cả khủng long chẳng hạn. Hoặc một gia đình Neanderthal đã tuyệt chủng khi *Homo sapiens* chiếm ưu thế. Hay gia tộc bên ngoại người Ba Lan của tôi. Vào năm 1934, bà ngoại tôi, Fanny, di cư sang Jerusalem cùng bố mẹ và hai chị em gái, nhưng hầu hết

họ hàng của bà ở lại trong các thị trấn Chmielnik và Czestochowa của Ba Lan. Vài năm sau, bọn Quốc xã tràn tới và giết sạch đến đứa trẻ cuối cùng.

Các nỗ lực để lại phía sau một thứ di sản văn hóa gì đó cũng hiếm khi thành công hơn. Chẳng có gì còn sót lại từ gia tộc Ba Lan của bà ngoại tôi ngoại trừ một vài khuôn mặt ố vàng trọng album ảnh gia đình; và ở tuổi 96, ngay cả bà ngoại tôi cũng không thể nhớ được tên của những người trong ảnh nữa. Theo hiểu biết tốt nhất của tôi thì họ chưa để lại bất kỳ tạo phẩm văn hóa nào: không một bài thơ, một cuốn nhật ký, thậm chí một danh sách đồ đi chợ cũng không. Bạn có thể phản bác rằng họ có phần trong di sản chung của dân tộc Do Thái hay phong trào Phục quốc Do Thái, nhưng điều đó gần như không đem lại ý nghĩa gì cho cuộc đời của từng người trong số họ. Hơn nữa, làm sao bạn biết tất cả bọn họ thực sự trân trọng bản dạng Do Thái của mình hay đồng tình với phong trào Phục quốc? Có lẽ một trong số họ là nhà cộng sản nhiệt thành đã hy sinh khi làm việc cho người Xô-viết? Có thể một người khác không mong muốn gì hơn hòa nhập vào xã hội Ba Lan, phục vụ như một sĩ quan trong quân đội Ba Lan và bị những người có tư tưởng cực đoan giết hại trong vụ Katyn? Có thể một người thứ ba là một nhà nữ quyền cấp tiến, chối bỏ mọi bản dạng tôn giáo và dân tộc truyền thống. Vì họ chẳng để lại gì nên việc "gán cho" họ vào mục đích này hay đại nghiệp khác sau khi họ chết là quá dễ dàng, và họ thậm chí còn không thể phản đối.

Nếu không thể để lại cái gì hữu hình, như một bộ gen hay một bài thơ, có lẽ ta chỉ cần làm thế giới hơi tốt đẹp hơn một chút là đủ? Bạn có thể giúp đỡ một ai đó và người này sau đó có thể giúp một người khác; do đó bạn đã đóng góp vào tiến bộ chung của thế giới và góp một mắt xích nhỏ vào chuỗi lòng tốt vĩ đại. Có thể bạn là người chỉ dẫn cho một đứa trẻ khó bảo nhưng thông minh xuất chúng, người sau đó trở thành bác sĩ cứu sống hàng trăm người. Có thể bạn giúp một bà cụ đi qua đường và làm một giờ đồng hồ trong đời bà tươi sáng hơn. Mặc dù cũng có tác dụng của nó, chuỗi lòng tốt vĩ đại cũng hơi giống chuỗi rùa: chẳng rõ ý nghĩa đến từ đâu. Một ông già thông thái được hỏi ông đã học được gì về ý nghĩa cuộc sống. "À", ông trả lời, "tôi học được rằng tôi ở đây, trên Trái đất, để giúp đỡ người khác. Điều tôi vẫn chưa hiểu ra là tại sao mấy người kia lại ở đây".

Với những người không tin vào các chuỗi vĩ đại, di sản tương lai hay sử thi tập thể, có lẽ câu chuyện an toàn nhất và tiết kiệm nhất họ có thể quay về là lãng mạn. Nó không tìm cách vượt khỏi cái ở đây và bây giờ. Như vô số bài thơ tình đã chứng minh, khi yêu, toàn bộ vũ trụ thu nhỏ vè vành tai, mi mắt hay núm vú người mình yêu. Khi ngước nhìn Juliet chống cằm, Romeo thốt lên: "Ôi, giá ta là chiếc găng trên bàn tay ấy. Giá ta có thể chạm vào gò má ấy!". Bằng cách kết nối với một người duy nhất ở ngay đây và bây giờ, bạn cảm thấy được kết nối với cả vũ trụ.

Trên thực tế, người bạn yêu cũng chỉ là một con người nữa, không khác mấy so với vô số người, bạn phớt lờ mỗi ngày trên tàu điện và trong siêu thị. Nhưng với bạn, người ấy dường như vô hạn và bạn hạnh phúc khi được lạc lối trong sự vô hạn ấy. Các nhà thơ thần bí ở mọi tôn giáo truyền thống vẫn thường đánh đồng tình yêu lãng mạn với hợp thể vũ trụ, viết về Chúa như thể đó là một người tình. Các nhà thơ lãng mạn đáp lại lời ca tụng bằng cách viết về người tình như thể viết về Chúa. Nếu bạn thực sự yêu ai đó, bạn không bao giờ lo lắng về ý nghĩa cuộc đời.

Thế nếu bạn không yêu ai thì sao? À, nếu bạn tin vào câu chuyện lãng mạn nhưng không yêu ai, ít nhất bạn cũng biết mục tiêu của cuộc đời là gì: tìm được tình yêu chân chính. Bạn đã thấy điều đó trong vô số bộ phim và đọc về nó trong vô số cuốn sách. Bạn biết một ngày nào đó mình sẽ gặp người đặc biệt đó, bạn sẽ thấy sự vô hạn trong đôi mắt lấp lánh, cả cuộc đời bạn sẽ đột nhiên có ý nghĩa và mọi câu hỏi bạn từng đặt ra sẽ được trả lời bằng cách lặp đi lặp lại một cái tên, cũng như Tony trong *West Side Story* hay Romeo khi thấy Juliet từ trên ban công nhìn xuống mình.

—ooOoo—

SỨC NẶNG CỦA MÁI NHÀ

MỘT CÂU chuyện hay cần cho tôi một vai diễn, cần vượt quá tầm hiểu biết của tôi, nhưng nó không cần phải có thật. Một câu chuyện có thể hoàn toàn hư cấu nhưng vẫn cho tôi một bản dạng và làm tôi cảm thấy đời mình

có ý nghĩa. Quả thật, theo hiểu biết khoa học tốt nhất của chúng ta, có hàng ngàn câu chuyện mà các nền văn hóa, tôn giáo và bộ lạc khác nhau đã sáng tác ra xuyên suốt lịch sử. Chúng chỉ là các sáng tạo của con người. Nếu bạn hỏi ý nghĩa thực sự của cuộc đời và có câu trả lời. là một câu chuyện thì hãy biết đấy là câu trả lời sai. Các chi tiết cụ thể không thực sự quan trọng. *Bất cứ* câu chuyện nào cũng sai, đơn giản nó là một câu chuyện. Vũ trụ không vận hành như một câu chuyện.

Thế thì tại sao người ta lại tin vào những câu chuyện hư cấu này? Một lý do là bản dạng cá nhân của họ được xây dựng dựa trên câu chuyện đó. Người ta được dạy phải tin vào câu chuyện đó từ thời thơ ấu. Họ nghe câu chuyện từ cha mẹ, thầy cô, láng giềng và nền văn hóa nói chung từ rất lâu trước khi họ phát triển sự độc lập về tri thức và cảm xúc cần thiết để đặt câu hỏi và xác minh những câu chuyện đó. Đến khi hiểu biết của họ chín muồi, họ đã gắn kết với câu chuyện sâu nặng đến mức rất có khả năng họ sẽ dùng chính tri thức của mình để hợp lý hóa câu chuyện đó hơn là nghi ngờ nó. Hầu hết những người trên hành trình tìm kiếm bản dạng của mình giống như những đứa trẻ đi tìm kho báu: họ chỉ tìm thấy những gì bố mẹ đã giấu từ trước.

Thứ hai, không chỉ bản dạng cá nhân của chúng ta mà cả các thiết chế chung của chúng ta cũng được xây dựng trên câu chuyên đó. Do vậy, việc nghi ngờ câu chuyện sẽ cực kỳ đáng sợ. Trong nhiều xã hội, bất cứ ai thử làm điều đó đều bị tẩy chay hoặc trừng phạt. Ngay cả khi không làm như vậy, họ cũng cần thần kinh thép để nghi ngờ chính kết cấu của xã hội. Bởi nếu quả thực câu chuyện là giả dối thì cả thế giới như ta biết sẽ không có nghĩa lý gì hết. Các luật lệ của nhà nước, các chuẩn mực xã hội, các thiết chế kinh tế, chúng có thể sụp đổ hết thảy.

Hầu hết các câu chuyện được giữ chặt với nhau nhờ vào sức nặng của mái nhà hơn là độ bền của móng. Thử nghĩ về câu chuyện Cơ Đốc mà xem. Nó có nền móng không vững chắc cho lắm. Chúng ta có chứng cứ gì cho thấy con trai của đấng sáng tạo ra toàn thể vũ trụ được sinh ra ở dạng sống gốc carbon đâu đó trong dải Ngân hà khoảng 2.000 năm trước? Ta có bằng chứng gì cho thấy điều đó xảy ra trong khu vực Galilee và mẹ Ngài là một trinh nữ? Thế nhưng, nhiều thiết chế toàn cầu lớn lao đã được xây dựng trên câu chuyện đó và sức nặng của chúng ép xuống với một uy lực bao trùm đến mức chúng làm cho câu chuyện giữ được vị thế. Có khi

người ta đã khơi mào cuộc chiến tranh chỉ để thay đổi một từ trong câu chuyện đó. Mối bất hòa ngàn năm giữa người Cơ Đốc phía Tây và người Chính thống giáo phía Đông, gần đây hiển lộ bằng thảm kịch giữa người Croat và người Serb, bắt nguồn từ một từ duy nhất là *filioque* (tiếng Latin có nghĩa là "và từ đứa con trai"). Người Cơ Đốc phía Tây muốn đặt từ này vào công bố tín ngưỡng Cơ Đốc, trong khi người Chính thống giáo phía Đông phản đối kịch liệt (Các ám chỉ ý thức hệ của việc thêm từ này bí hiểm đến nỗi không thể giải thích nổi theo bất cứ cách nào có ý nghĩa ở đây. Nếu bạn tò mò, hãy hỏi Google).

Một khi bản dạng cá nhân và toàn bộ hệ thống xã hội được xây dựng dựa trên một câu chuyện, việc nghi ngờ nó trở thành một điều không thể tưởng tượng nổi, không phải vì các bằng chứng chống đỡ nó mà vì nếu nó sụp đổ thì nó sẽ kéo theo một cơn chấn động cả ở mức độ cá nhân lẫn xã hội. Trong lịch sử, mái nhà đôi khi quan trọng hơn nền móng.

—ooOoo—

ÚM BA LA VÀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP NIỀM TIN

NHỮNG CÂU chuyện mang lại cho chúng ta ý nghĩa và bản dạng đều là tạo dựng, nhưng con người cần phải tin vào chúng. *Vì sao* người ta muốn tin vào câu chuyện thì đã rõ, nhưng họ thực sự tin *như thế nào?* Chúng ta làm cho câu chuyện *cảm giác* thật bằng cách nào? Từ hàng ngàn năm trước, các linh mục và pháp sư đã khám phá ra câu trả lời: các nghi lễ. Nghi lễ khiến cái trừu tượng trở nên vững chắc và cái hư cấu trở nên rất thật. Bản chất của nghi lễ là câu thần chú "úm ba la, X là Y!".

Làm thế nào để các tín đồ Cơ Đốc hình dung ra Jesus thật? Trong Thánh lễ, linh mục cầm một mẩu bánh mì, một ly rượu vang đỏ và tuyên bố rằng bánh mì là thịt của Chúa, rượu là máu Chúa và khi ăn, uống chúng thì các tín đồ đạt được sự hợp nhất với Jesus. Điều gì có thể thật hơn việc thật sự nếm được Chúa trong miệng mình? Theo truyền thống, linh mục đưa ra những lời tuyên bố chắc nịch này bằng tiếng Latin, ngôn ngữ cổ xưa

của tôn giáo, luật pháp và các bí mật của cuộc sống. Trước những đôi mắt kinh ngạc của các nông dân đang tụ tập, linh mục giơ cao một mẩu bánh mì và hô lên: *“Hoc est corpusl”* - “Đây là thân xác!”; và mẩu bánh mì lập tức trở thành thịt của Chúa. Trong tâm trí những nông dân mù chữ, không nói tiếng Latin, “Hoc *est corpusl”* vô tình biến thành “Hocus pocus!” (tức “úm ba la!”). Thế là sinh ra lời nguyền mầu nhiệm có thể biến một con ếch thành một hoàng tử và một trái bí ngô thành cỗ xe ngựa.

Một ngàn năm trước khi Cơ Đốc giáo ra đời, người Hindu cổ đại đã dùng thủ pháp tương tự. Kinh Brihadaranyaka Upanishad diễn giải nghi thức hiến tế một con ngựa như là sự nhận thức toàn bộ câu chuyện về vũ trụ. Bản kinh cũng theo cấu trúc “úm ba la, X là Y!”: “Đầu con ngựa tế là bình minh, mắt nó là mặt trời, sức mạnh của nó là không khí, miệng nó khạc ra ngọn lửa gọi là Vaisvanara và thân mình của con ngựa tế là các năm… các bộ phận của nó là các mùa, các khớp của nó là các tháng và nửa tuần trăng, chân nó là ngày và đêm, xương nó là các vì sao và thịt nó là những đám mây… nó ngáp là chóp, nó lắc người là sấm, nó tè là mưa và nó hí là thanh âm”.

Gần như mọi thứ đều có thể biến thành một nghi lễ bằng cách làm cho các động tác thông thường như thắp nến, rung chuông hay lần tràng hạt thấm đẫm ý nghĩa tôn giáo sâu xa. Các động tác cơ thể như cúi đầu, phủ phục toàn thân hay chắp hai tay yào nhau cũng vậy. Các dạng khăn choàng, mũ đội khác nhau từ khăn turban của người Sikh đến khăn trùm đầu hijab của người Hồi, đều mang nhiều ý nghĩa đến nỗi chúng đã làm dấy lên những cuộc đấu đá chính trị dữ dội và thậm chí đổ máu.

Cả thức ăn cũng có thể mang các ý nghĩa tâm linh vượt quá giá trị dinh dưỡng của chúng rất nhiều, dù là trứng Phục sinh tượng trưng cho sự sống mới và sự tái sinh của Chúa Jesus hay các loại thảo mộc đắng và món bánh mì không men nở mà người Do Thái ăn trong lễ Quá Hải để nhớ về kiếp nô lệ ở Ai Cập và cuộc trốn thoát thần kỳ của họ. Gần như không có món ăn nào trên thế giới chưa từng được diễn dịch ra để tượng trưng cho một cái gì đó. Do đó, vào ngày lễ Năm Mới, người Do Thái ăn mật ong để năm tới được ngọt ngào, họ ăn đầu cá để sinh đẻ nhiều như cá và để tiến về phía trước hơn là lùi về sau, họ ăn quả lựu để những điều tốt lành sẽ nhân lên gấp bội như hạt lựu.

Các nghi thức tương tự cũng được sử dụng cho mục đích khác. Trong hàng nghìn năm, các vương miện, ngai và quyền trượng đã đại diện cho các vương quốc và cả đế chế; hàng triệu người đã chết trong các cuộc chiến đẫm máu giành quyền sở hữu "ngai vàng" hay "vương miện". Các triều đình phong kiến duy trì các nghi thức chi tiết đến mức chúng sánh ngang với các nghi lễ tôn giáo phức tạp nhất. Trong quân đội, kỷ luật và nghi thức là không thể tách rời; quân lính từ Rome cổ đại cho đến ngày nay vẫn dành vô số giờ để diễu binh, chào cấp trên và đánh bóng giày. Napoleon đã nói một câu nổi tiếng rằng ông có thể khiến người ta hy sinh mạng sống vì một cái ruy-băng màu sắc.

Có lẽ không ai hiểu tầm quan trọng chính trị của các nghi lễ hơn Khổng Tử, người xem việc tuân thủ nghiêm ngặt các nghi thức (lễ) là chìa khóa của hòa hợp xã hội và ổn định chính trị. Các pho sách kinh điển của Khổng Tử như *Kinh Lễ, Chu lễ* và *Nghi lễ* mô tả chi tiết nghi thức nào nên được tiến hành vào dịp nạo, đến tận số lượng chén bát cần dùng trong mỗi nghi lễ; loại nhạc cụ cần chơi và màu sắc của áo xống cần mặc. Bất cứ lúc nào Trung Quốc gặp một con khủng hoảng, các học giả Khổng giáo lại nhanh chóng đổ lỗi cho việc lơ là nghi lễ, như một thượng sĩ đổ lỗi cho quân lính lơ là không đánh bóng giày mà để thua trận vậy.

Ở phương Tây hiện đại, sự ám ảnh kiểu Khổng Tử với các nghi lễ thường được xem như dấu hiệu của sự nông cạn và xưa cũ. Trên thực tế, có lẽ nó minh chứng cho sự thấu hiểu bản chất con người sâu sắc và vượt thời gian của Khổng Tử. Có lẽ không phải trùng hợp khi các nền văn hóa Khổng giáo, đầu tiên và trên hết là Trung Quốc cùng các nước láng giềng như Hàn Quốc, hay Nhật Bản, đã sản sinh ra các cấu trúc xã hội và chính trị cực kỳ bền vững. Nếu bạn muốn biết sự thật tối thượng của cuộc sống, lễ nghi là một rào cản lớn. Nhưng nếu bạn hứng thú với sự ổn định và hòa hợp xã hội như Khổng Tử thì sự thật lại thường là một gánh nặng, trong khi lễ nghi nằm trong những "đồng minh" tốt nhất của bạn.

Nguyên tắc này vẫn thỏa đáng vào giữa thế kỷ 21 giống như ở Trung Hoa cổ. Sức mạnh của biểu tượng vẫn sống tốt giữa thế giới công nghiệp hiện đại của chúng ta. Với rất nhiều người đang sống năm 2018, hai thanh gỗ đóng vào nhau chính là tượng trưng cho Chúa, một tấm áp-phích rực rỡ trên tường chính là cách mạng, và một mảnh vải bay trong gió chính là quốc gia. Bạn không thể nhìn hay nghe thấy nước Pháp vì nó chỉ tồn tại

trong trí tưởng tượng của bạn; nhưng bạn chắc chắn có thể nhìn thấy lá cờ ba màu và nghe thấy bài quốc ca Pháp, "La Marseillaise". Bằng cách vẫy một lá cờ và hát một bài quốc ca, bạn đã biến quốc gia từ một câu chuyện trừu tượng thành một thực thể hữu hình.

Hàng ngàn năm trước, các tín đồ Hindu sùng kính đã hiến tế những con ngựa quý; ngày nay, họ đầu tư vào việc sản xuất những lá cờ đắt tiền. Lá quốc kỳ của Ấn Độ được biết đến với tên gọi tiranga (nghĩa đen là "ba màu") vì nó gồm ba sọc màu saffron, trắng và xanh lá. Quy tắc quốc kỳ Ấn Độ năm 2002 tuyên bố lá cờ "tượng trưng cho hy vọng và khát khao của người dân Ấn Độ. Nó là biểu tượng lòng tự hào dân tộc của chúng ta. Trong năm thập kỷ vừa qua, một vài người, bao gồm thành viên của các lực lượng vũ trang, đã không ngần ngại hiến dâng mạng sống của mình để giữ cho lá cờ ba màu bay pháp phới trong vinh quang." Sau đó, quy định về quốc kỳ trích lời giải thích của ông Sarvepalli Radhakrishnan, tổng thống thứ hai của Ấn Độ:

> Màu saffron diễn tả sự hy sinh quên mình hoặc sự không vụ lợi. Các lãnh đạo của chúng ta phải thờ ơ trước các lợi lộc vật chất và hiến mình cho công việc. Màu trắng ở giữa là ánh sáng, là con đường của sự thật dẫn lối ta đi. Màu xanh lá thể hiện mối quan hệ của chúng ta với đất đai, với đời sống cây cối ở đây, thứ mà mọi sự sống khác đều lệ thuộc. Bánh xe Ashoka ở giữa màu trắng là bánh xe của quy luật dharma. Sự thật hay Satya, dharma hay đạo đức phải là các nguyên tắc chi phối mọi người làm việc dưới lá cờ này.

Vào năm 2017, chính quyền dân tộc Ấn Độ thượng một trong những lá cờ lớn nhất thế giới tại Attari thuộc biên giới Ấn Độ-Pakistan, trong một động thái được tính toán không phải để khơi gợi sự quên mình hay không vụ lợi mà là để người Pakistan phải "ghen tị". Lá cờ *tiranga* đó dài 36 mét, rộng 24 mét và được thượng lên một cột cờ cao 110 mét (Freud sẽ nói gì về chuyện này nhỉ?). Người ta có thể nhìn thấy lá cờ từ tận thủ phủ Lahore của Pakistan. Thật không may, gió mạnh liên tục làm rách cờ và lòng tự hào dân tộc đòi hỏi lá cờ phải được vá lại hết lần này đến lần khác, một chi phí khổng lồ mà những người dân đóng thuế Ấn Độ phải trả. Tại sao chính phủ Ấn Độ lại đầu tư các nguồn lực khan hiếm để may những lá cờ khổng lồ thay vì xây hệ thống thoát nước ở các khu ổ chuột tại Delhi? Bởi lá cờ khiến Ấn Độ trở nên thật theo cái cách mà các hệ thống thoát nước không thể làm được.

Quả thực, chính chi phí làm ra lá cờ khiến nghi lễ đó càng hiệu quả. Trong tất cả các nghi lễ, hiến tế là có uy lực nhất vì trong mọi thứ trên thế giới, đau khổ là thật nhất. Bạn không bao giờ có thể phớt lờ nó hay nghi ngờ nó. Nếu bạn muốn làm người ta thật sự tin vào một điều hư cấu nào đó, hãy bắt họ phải hy sinh vì nó. Một khi bạn chịu khổ cho một câu chuyện, việc đó thường đã đủ để bạn tin câu chuyện có thật. Nếu bạn nhịn ăn vì Chúa Trời yêu cầu bạn làm thế, cảm giác hữu hình của cái đói khiến Chúa Trời hiện hữu hơn bất cứ tượng đài hay biểu tượng nào. Nếu bạn mất đôi chân trong một cuộc chiến yêu nước, những mẩu cụt và chiếc xe lăn khiến đất nước thật hơn bất cứ bài thơ hay bài quốc ca nào. Ở một mức độ ít hoành tráng hơn, bằng cách chọn mua món mì kém chất lượng ở địa phương thay vì mì Ý chất lượng cao nhập khẩu, bạn đã có một hy sinh nho nhỏ thường nhật khiến đất nước trở nên sống động ngay cả trong siêu thị.

Đây dĩ nhiên là một ngụy biện logic. Nếu bạn chịu khổ bởi niềm tin của bạn vào Chúa Trời, điều đó không chứng minh niềm tin của bạn là đúng. Có thể bạn chỉ đang thể hiện sự ngờ nghệch của mình. Tuy nhiên, hầu hết mọi người không thích thừa nhận mình là đồ ngốc. Do đó, họ càng hy sinh nhiều cho một niềm tin nhất định, niềm tin đó càng trở nên mạnh mẽ. Đây là thuật giả kim bí hiểm của sự hy sinh. Để thu phục chúng ta dưới sức mạnh của mình, vị linh mục đang tế lễ kia không cần cho ta cái gì cả: không mưa, không tiền, không thắng lợi nơi chiến trận. Thay vào đó, ông ta cần lấy đi một cái gì đó. Một khi ông ta đã thuyết phục được chúng ta hy sinh thế là ông đã thành công.

Trong thế giới thương mại, điều đó cũng có tác dụng. Nếu bạn mua một cái xe Fiat cũ với giá 2.000 đô la, có khả năng bạn sẽ phàn nàn về nó với bất cứ ai sẵn sàng nghe. Nhưng nếu bạn mua một chiếc Ferrari mới cứng với giá 200.000 đô la, bạn sẽ hát lời ngợi ca nó khắp nơi nơi, không phải vì nó là một chiêc xe tốt mà vì bạn đã trả nhiều tiền cho nó đến nỗi bạn phải tin rằng nó là thứ tuyệt diệu nhất trên đời. Ngay cả trong tình yêu, bất cứ Romeo hay Werther khao khát nào cũng biết rằng không có hy sinh, không có tình yêu thật sự. Sự hy sinh không chỉ là cách chứng tỏ cho người tình biết rằng bạn nghiêm túc; nó cũng là cách bạn thuyết phục bản thân rằng bạn thực sự đang yêu. Bạn nghĩ tại sao phụ nữ đòi người tình trao cho mình nhẫn kim cương? Một khi người tình chịu hy sinh tài chính lớn lao

đến thế, anh ta phải thuyết phục mình rằng đấy là vì một mục đích xứng đáng.

Tự hy sinh cũng cực kỳ thuyết phục không chỉ với bản thân những kẻ tử vì đạo mà còn với cả những người đứng ngoài nữa. Thần linh, quốc gia hay cuộc cách mạng khó có thể thành công nếu không có những "thánh tử vì đạo". Nếu bạn định nghi ngờ điều này, ngay lập tức bạn sẽ bị mắng vì những nghi ngờ sự hy sinh đó: "Những vị tử đạo may mắn đã chết vì điều này! Mà bạn dám nói rằng họ chết không về điều gì? Bạn coi những anh hùng này là những kẻ ngốc?"

Với người Hồi Shiite, vở kịch vũ trụ đạt đỉnh điểm vào ngày Ashura, tức ngày thứ mười của tháng Muharram, sáu mốt năm sau Hijrah (ngày 10 tháng Mười năm 680 theo lịch Cơ Đốc). Vào ngày đó, tại vùng Karbala của Iraq, quân lính của tên phản loạn độc ác Yazid đã thảm sát Husayn ibn Ali, cháu trai của nhà tiên tri Muhammad, cùng một nhóm nhỏ các tín đồ. Với người Shiite, việc tử vì đạo của Husayn đã trở thành biểu tượng cho cuộc đấu tranh vĩnh hằng của cái thiện chống lại cái ác và của tầng lớp bị áp bức chống lại sự bất công. Giống như người Cơ Đốc liên tục dựng lại màn đóng đinh trên thánh giá và bắt chước khổ hình của Chúa, người Shiite cũng nhắc lại thảm kịch Ashura và bắt chước khổ hình của Husayn. Hằng năm, hàng triệu người Shiite đổ về thánh đường ở Karbala, được lập tại nơi Husayn tử vì đạo; vào ngày Ashura, người Shiite khắp thế giới dàn dựng các nghi lễ thương khóc, một số trường hợp còn tự dùng xích quật vào người và lấy dao cắt vào cơ thể.

Thế nhưng, tầm quan trọng của Ashura không chỉ giới hạn tại một nơi chốn hay một ngày. Ayatollah Ruhollah Khomeini và vô số lãnh đạo người Shiite khác đã liên tục nhắc nhở các tín đồ rằng "mỗi ngày đều là Ashura và mọi nơi đều là Karbala". Sự tử đạo của Husayn ở Karbala do đó mang lại ý nghĩa cho mọi sự kiện, bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào; ngay cả các quyết định thông thường nhất cũng được xem là có ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh vĩ đại trong vũ trụ giữa cái thiện và cái ác. Nếu bạn dám nghi ngờ câu chuyện này, bạn sẽ ngay lập tức được nhắc nhớ đến Karbala và nghi ngờ hay dè bỉu sự tử vì đạo của Husayn đơn giản là sự xúc phạm tồi tệ nhất bạn có thể phạm phải.

Trong trường hợp, nếu các thánh tử vì đạo là hiếm hoi và người ta không sẵn sàng hy sinh thân mình thì các linh mục hiến tế sẽ có thể khiến họ đưa ra một ai đó khác để thế chỗ. Bạn có thể hiến tế một con người cho thần Ba'al báo thù, thiêu một tay ngoại đạo trên cọc gỗ vì vinh quang vĩ đại, giết những người phụ nữ ngoại tình vì Thượng đế bảo thế hoặc đẩy các kẻ thù vào nhà tù. Một khi bạn làm vậy, một "thuật giả kim" hy sinh hơi khác một chút bắt đầu phát huy ma thuật đối với bạn. Khi bạn tự làm mình đau khổ vì danh nghĩa một câu chuyện nào đó, nó cho bạn một lựa chọn: "Hoặc câu chuyện là đúng, hoặc mình là một thằng ngốc dễ dụ". Khi bạn gây đau khổ cho người khác, bạn cũng được cho một lựa chọn: "Hoặc câu chuyện là đúng, hoặc mình là một kẻ xấu xa, tàn ác". Và cũng như ta không muốn tự nhận mình là ngốc, ta cũng không muốn tự nhận mình là ác. Ta thích tin rằng câu chuyện có thật hơn.

Vào tháng Ba năm 1839, ở thành phố Mashhad của Iran, một phụ nữ Do Thái mắc bệnh da liễu được một tay lang băm địa phương bảo cho rằng nếu bà ta giết một con chó và rửa tay bằng máu của nó, bà ta sẽ được chữa lành. Mashhad là một thành phố thánh của người Shiite và tình cờ sao người phụ nữ thực hiện bài thuốc gớm ghiếc đó đúng vào ngày thiêng Ashura. Một vài người Shiite trông thấy bà ta và họ tin, hoặc tuyên bố rằng họ tin, người phụ nữ giết con chó để mỉa mai sự tử đạo của Karbala. Tin đồn về sự báng bổ không thể chấp nhận này nhanh chóng lan truyền trên đường phố Mashhad. Được thầy tế địa phương cổ xúy, một đám đông tức giận đã tràn vào khu của người Do Thái, đốt giáo đường và sát hại 36 người Do Thái. Tất cả những người Do Thái còn sống sót ở Mashhad sau đó được cho một lựa chọn u ám: ngay lập tức chuyển sang đạo Hồi hoặc bị sát hại. Chương đen tối này không hề ảnh hưởng đến danh tiếng của Mashhad như là "thủ phủ tinh thần của Iran".

Khi nghĩ về việc hiến tế, người ta thường hình dung trong đầu các nghi lễ ghê rợn trong các đền thờ ở Canaan hay Aztec và người ta thường lý luận rằng, chủ nghĩa độc thần đã chấm dứt hủ tục khủng khiếp này. Trên thực tế, những người độc thần có thể thực hành hiến tế người trên một quy mô lớn hơn so với hầu hết các giáo phái đa thần. Trong quá khứ Cơ Đốc giáo và Hồi giáo sát hại người nhân danh Chúa Trời nhiều hơn các tín đồ của Ba'al hay Huitzilopochtli. Vào cái thời mà các nhà truyền giáo Tây Ban Nha đặt dấu chấm hết cho các cuộc hiến tế người lên các thần linh

của Aztec hay Inca, tại quê nhà Tây Ban Nha, tòa án dị giáo thiêu dân ngoại đạo với số lượng phải tính bằng xe ngựa.

Hy sinh có thể có muôn hình vạn trạng và quy mô. Không phải lúc nào chúng cũng có các thầy tế tay lăm lầm con dao hay những kẻ tàn sát bạo liệt. Đạo Do Thái chẳng hạn, cấm người ta làm việc hay đi xa vào ngày lễ thánh Sabbath (nghĩa đen của từ "sabbath" là "đứng yên" hoặc "nghỉ ngơi"). Lễ Sabbath bắt đầu từ lúc mặt trời lặn vào thứ Sáu và kéo dài đến hoàng hôn thứ Bảy; trong khoảng thời gian đó, người Do Thái Chính thống hạn chế gần như mọi kiểu công việc, bao gồm cả xé giấy toilet từ cuộn giấy trong nhà vệ sinh (Đã có một số cuộc thảo luận về vấn đề này giữa các linh mục thông thái nhất và họ kết luận rằng xé giấy vệ sinh sẽ phạm vào điều kiêng kỵ trong ngày Sabbath; do đó, những người Do Thái sùng tín muốn đi vệ sinh vào lễ Sabbath thì phải chuẩn bị một chồng giấy toilet đã xé sẵn).

Ở Israel, người theo Do Thái giáo thường cố buộc những người Do Thái và cả những người hoàn toàn không theo đạo phải tuân theo các cấm kỵ này. Vì các đảng Chính thống thường giữ cán cân quyền lực trong nền chính trị Israel, qua năm tháng, họ đã thành công trong việc thông qua nhiều luật cấm đủ mọi loại hoạt động vào ngày Sabbath. Mặc dù họ không thể cấm việc sử dụng các phương tiện cá nhân vào ngày đó, họ đã cấm được các phương tiện giao thông công cộng. Sự hy sinh tôn giáo trên phạm vi toàn quốc này chủ yếu ảnh hưởng đến các thành phần yếu thế nhất xã hội, đặc biệt bởi thứ Bảy là ngày duy nhất trong tuần mà người lao động được tự do đi chơi và thăm họ hàng, bạn bè và các điểm du lịch ở xa. Một người bà giàu có không gặp vấn đề gì khi lái xe đi thăm các cháu ở một thành phố khác, nhưng người bà nghèo, không có xe hơi thì không thể làm thế vì không có xe buýt hay tàu vào ngày Sabbath.

Bằng cách buộc hàng trăm ngàn công dân phải chịu những khó khăn như thế, các đảng phái tôn giáo khẳng định và củng cố niềm tin bất biến của mình vào Do Thái giáo. Dù máu không đổ, hạnh phúc của nhiều người vẫn bị đem ra hy sinh. Nếu Do Thái giáo chỉ là một câu chuyện hư cấu thì việc ngăn bà đến thăm các cháu hay ngăn một sinh viên nghèo đi chơi ngoài bãi biển là nhẫn tâm. Tuy nhiên, bằng cách làm điều đó, các đảng phái tôn giáo nói với thế giới và với bản thân mình rằng họ thực sự tin vào

câu chuyện Do Thái. Sao, bộ mấy người nghĩ họ thích làm hại người khác chẳng vì lý do chính đáng gì cả à?

Hy sinh không chỉ củng cố lòng tin của bạn vào câu chuyện mà còn thường xuyên thay thế cho các nghĩa vụ khác của bạn đối với câu chuyện đó. Gần như tất cả các câu chuyện vĩ đại nhất của loài người đã đặt ra những lý tưởng mà đa số không thể hoàn thành. Có bao nhiêu người Cơ Đốc thật sự làm theo Mười Điều Răn đến từng chữ, không bao giờ nói dối hay thèm khát? Có bao nhiêu Phật tử đạt đến cảnh giới vô ngã?

Không thể sống đạt đến lý tưởng, một số người quay sang chọn hy sinh làm giải pháp. Một người Hindu có thể dính dáng đến trốn thuế, thỉnh thoảng đi chơi gái và đối xử tệ bạc với bố mẹ già của mình, nhưng vẫn tự thuyết phục mình là một người rất cao đạo vì anh ta ủng hộ việc phá hủy giáo đường Babri ở Ayodhya, thậm chí còn quyên tiền để xây một đền thờ Hindu thay vào đó. Cũng như vào thời cổ, đến thế kỷ 21, hành trình tìm ý nghĩa của con người vẫn hay kết thúc bằng một loạt các hy sinh.

—ooOoo—

DANH MỤC BẢN DẠNG

NGƯỜI AI Cập, Canaan và Hy Lạp cổ đại dàn trải các hy sinh của mình ra. Họ có rất nhiều vị thần và nếu một vị thất bại, họ hy vọng một vị khác sẽ vẫn thành công. Thế nên họ hiến tế cho thần Mặt trời vào buổi sáng, thần Trái đất vào buổi trưa và một loạt các tiên, các quỷ vào buổi tối. Cả điều đó nữa cũng không thay đổi nhiều. Tất cả các câu chuyện và các vị thần mà người ta tin vào ngày nay, dù là Yahweh, Mammon, đều không hoàn chỉnh, đầy lỗ hổng và đây đó là các mâu thuẫn. Do đó, người ta hiếm khi đặt toàn bộ niềm tin vào một câu chuyện duy nhất. Thay vào đó, họ có một danh mục vài câu chuyện và vài bản dạng, thay đổi từ cái nọ sang cái kia khi cần thiết. Những sự bất đồng nhận thức như vậy là rất phổ biến trong phần lớn các xã hội và các phong trào.

Thử hình dung một người ủng hộ Phong trào tiệc trà tiêu biểu thế nào đó vẫn đặt niềm tin sắt đá vào Jesus Christ, đồng thời phản đối nghiêm khắc các chính sách an sinh của chính quyền và ủng hộ trung thành Hiệp hội Súng trường Quốc gia. Chẳng phải thông điệp của Jesus tập trung vào việc giúp đỡ người nghèo hơn là trang bị súng ống đến tận răng hay sao? Các quan điểm có vẻ không đi đôi được với nhau, nhưng não bộ con người có rất nhiều ngăn và hộc, một số nơron đơn giản là không "giao tiếp" với nhau. Tương tự, bạn có thể thấy nhiều người ủng hộ Bernie Sanders có một niềm tin mơ hồ vào một cuộc cách mạng tương lai trong khi vẫn tin vào tầm quan trọng của việc đầu tư tiền một cách khôn ngoan. Họ có thể dễ dàng chuyển từ bàn luận sự phân phối của cải không công bằng trên thế giới sang nói chuyện về hiệu quả của danh mục đầu tư của mình ở Wall Street.

Hầu như không ai chỉ có một bản dạng. Không ai chỉ là một người Hồi, hay chỉ là một người Ý, hay chỉ là một nhà tư bản. Nhưng thỉnh thoảng, một tín điều cực đoan lại nổi lên và đòi hỏi người ta chỉ tin vào một câu chuyện duy nhất và có một bản dạng duy nhất. Trong các thế hệ gần đây, tín điều điên cuồng nhất trong số đó là chủ nghĩa phát xít. Chủ nghĩa phát xít khăng khăng rằng người ta không được tin vào bất cứ câu chuyện nào ngoài câu chuyện về chủ nghĩa dân tộc và không nên có bất cứ bản dạng nào khác ngoài bản dạng quốc gia.

Không phải nhà dân tộc chủ nghĩa nào cũng phát xít. Hầu hết các nhà dân tộc chủ nghĩa có niềm tin lớn lao vào câu chuyện về quốc gia của họ và nhấn mạnh các đức tính độc đáo của quốc gia cũng như các nghĩa vụ độc đáo mà họ có đối với quốc gia ấy; nhưng họ vẫn công nhận thế giới còn nhiều thứ khác ngoài quốc gia của mình. Tôi có thể là một người Ý trung thành với các bổn phận đặc biệt đối với dân tộc Ý mà vẫn có các bản dạng khác. Tôi cũng có thể là một nhà xã hội chủ nghĩa, một người Cơ Đốc, một người chồng, một người cha, một nhà khoa học và một người ăn chay; mỗi bản dạng này đều có các bổn phận đi kèm. Đôi khi, một số bản dạng của tôi kéo tôi về các hướng khác nhau và một số bổn phận đó lại mâu thuẫn với nhau. Nhưng ai bảo đời là dễ dàng nào?

Chủ nghĩa phát xít là thứ xảy ra khi chủ nghĩa dân tộc muốn mọi việc trở nên quá dễ dàng cho mình bằng cách khước từ mọi bổn phận và bản dạng khác. Gần đây, có rất nhiều nhầm lẫn về *ý* nghĩa thực sự của chủ

nghĩa phát xít. Mọi người gọi hầu như bất cứ ai mà họ không thích là "đồ phát xít". Thuật ngữ này có nguy cơ trở thành một cụm từ xúc phạm cho mọi mục đích. Thế thì nó thực sự có nghĩa gì? Nói ngắn gọn thì trong khi chủ nghĩa dân tộc dạy tôi rằng dân tộc tôi là độc nhất và tôi có các bổn phận đặc biệt dành cho nó, chủ nghĩa phát xít dạy tôi rằng dân tộc tôi là thượng đẳng và tôi nợ nó các bổn phận độc quyền. Tôi không bao giờ được đặt lợi ích của bất cứ nhóm hay cá nhân nào lên trên lợi ích dân tộc trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Ngay cả nếu dân tộc tôi có cơ hội kiếm một khoản lợi nhỏ mọn từ việc gây ra đau khổ cho hàng triệu người xa lạ ở một vùng đất xa xôi, tôi cũng không được chần chừ trong việc ủng hộ dân tộc mình. Nếu không, tôi là một kẻ phản bội đáng khinh. Nếu dân tộc tôi đòi hỏi tôi phải sát hại hàng triệu người, tôi phải làm theo. Nếu dân tộc tôi đòi tôi phản bội sự thật và cái đẹp, tôi cũng phải làm theo.

Làm thế nào để một kẻ phát xít đánh giá nghệ thuật? Làm thế nào để một kẻ phát xít bí quyết cho dù một bộ phim là một bộ phim hay? Rất đơn giản. Chỉ có một thước đo. Nếu bộ phim phục vụ lợi ích quốc gia, thì đó là một bộ phim hay. Nếu bộ phim không phục vụ lợi ích quốc gia, thì đó là một bộ phim tồi. Và làm thế nào để một kẻ phát xít quyết định dạy gì cho trẻ em ở trường? Anh ta sử dụng thước đo tương tự. Dạy cho trẻ em bất cứ điều gì phục vụ lợi ích của quốc gia; sự thật không quan trọng.

Sự tôn sùng dân tộc kiểu này là cực kỳ hấp dẫn, không chỉ vì nó đơn giản hóa nhiều lựa chọn khó khăn mà còn vì nó khiến người ta nghĩ rằng họ thuộc về thứ quan trọng nhất và đẹp nhất trên đời, dân tộc của họ. Những điều kinh khủng của Thế chiến thứ hai và cuộc diệt chủng. Do Thái Holocaust cho thấy những hậu quả khủng khiếp từ cách nghĩ này. Thật không may, khi nói về những điều xấu xa của chủ nghĩa phát xít, người ta thường làm khá tệ vì họ có khuynh hướng mô tả chủ nghĩa phát xít như một con quái vật xấu xí trong khi không giải thích được điều gì khiến nó trở nên "quyến rũ" đến thế. Đấy là lý do vì sao ngày nay, người ta thi thoảng vẫn làm theo một số ý tưởng phát xít mà không nhận ra. Người ta nghĩ: "Mình được dạy rằng chủ nghĩa phát xít là xấu xa và khi nhìn vào gương, mình thấy một cái gì đó cũng đẹp, thế nên mình không thể là phát xít được".

Điều này hơi giống với sai lầm mà các phim Hollywood mắc phải khi mô tả các nhân vật phản diện, như Voldemort, chúa tể Sauron và Darth

Vader, là vừa xấu người vừa xấu nết. Chúng thường là độc ác và xấu xa ngay cả với những kẻ ủng hộ trung thành nhất. Điều tôi không thể hiểu nổi khi xem những phim như thế là tại sao lại có người muốn đi theo một thằng cha gớm ghiếc như là Voldemort?

Vấn đề với cái ác là trong đời thực, nó không nhất thiết trông xấu xí. Nó có thể trông rất đẹp. Cơ Đốc giáo biết điều này rõ hơn Hollywood, đấy là lý do vì sao nghệ thuật Cơ Đốc truyền thống có khuynh hướng mô tả Satan như một tay cao to vạm vỡ tuyệt đẹp. Đấy là lý do vì sao ta rất khó cưỡng lại các cám dỗ của Satan. Đấy cũng là lý do vì sao khó đối xử với chủ nghĩa phát xít. Khi bạn nhìn vào tấm gương phát xít, cái bạn thấy không hề xấu xí. Khi người Đức nhìn vào tấm gương phát xít những năm 1930, nhiều người Đức thấy như là thứ đẹp đẽ nhất thế giới. Nếu ngày nay người Nga nhìn vào gương phát xít, họ sẽ thấy Nga là điều đẹp nhất trên thế giới. Và nếu người Israel nhìn vào gương phát xít, họ sẽ thấy Israel là điều đẹp nhất trên thế giới. Rồi họ muốn mình lạc trôi vào trong cái tập thể đẹp đẽ đó.

Từ "phát xít" bắt nguồn từ từ *fascis* trong tiếng Latin, nghĩa là "một bó que". Nghe có vẻ là một biểu tượng hơi kém hoành tráng dành cho một trong những ý thức hệ dữ dội và chết chóc nhất trong lịch sử thế giới; nhưng nó có một ý nghĩa sâu xa và ghê gớm. Một cái que riêng lẻ thì rất yếu và bạn có thể dễ dàng bẻ nó làm đôi. Tuy nhiên, nếu bạn bó nhiều cái que lại với nhau thành một *fascis,* thì bạn gần như không thể bẻ được chúng. Điều này ám chỉ rằng cá nhân là một thứ không có gì quan trọng, nhưng miễn là tập thể kết dính với nhau thì họ sẽ cực kỳ uy lực. Do đó, những kẻ phát xít tin vào việc ưu tiên lợi ích tập thể lên trên lợi ích bất kỳ cá nhân nào và đòi hỏi không một que đơn lẻ nào dám phá vỡ sự đoàn kết của cả bó.

Dĩ nhiên, ta không bao giờ rõ "một bó que" người kết thúc ở đâu và một bó khác bắt đầu ở chỗ nào. Tại sao tôi phải xem Ý như một bó que mà tôi thuộc về đó? Tại sao không phải gia đình tôi, hay thành phố Horence, hay tinh Tuscany, hay lục địa châu Âu, hay toàn thể nhân loại? Các dạng dân tộc chủ nghĩa ôn hòa hơn sẽ nói với tôi rằng quả thực, tôi có thể có các bổn phận đối với gia đình mình, Florence, châu Âu và toàn thể nhân loại, cũng như các bổn phận đặc biệt đối với nước Ý. Trái lại, những kẻ phát xít Ý sẽ đòi hỏi sự trung thành tuyệt đối của tôi với riêng nước Ý.

Mặc cho các nỗ lực mạnh mẽ nhất của Mussolini và đảng phát xít của ông ta, hầu hết người Ý vẫn khá lạnh nhạt với ý tưởng đặt nước Ý trước gia đình mình. Ở Đức, bộ máy tuyên truyền Quốc xã làm việc này thấu đáo hơn nhiều, nhưng ngay cả Hitler cũng không khiến được người ta quên hết các câu chuyện khác. Ngay trong những ngày đen tối nhất của kỷ nguyên Quốc xã, người ta vẫn luôn giữ một số câu chuyện dự phòng bên cạnh câu chuyện chính thức. Điều này trở nên rõ như ban ngày vào năm 1945. Bạn hẳn đã tưởng rằng sau mười hai năm tẩy não của Quốc xã, nhiều người Đức sẽ hoàn toàn không có khả năng hiểu được đời sống hậu chiến của mình nữa. Họ đã đặt mọi niềm tin vào một câu chuyện vĩ đại; họ phải làm gì khi câu chuyện đó nổ tung? Thế nhưng hầu hết người Đức hồi phục với một tốc độ đáng kinh ngạc. Đâu đó trong tâm trí, họ vẫn giữ lại một vài câu chuyện khác về thế giới; ngay khi Hitler bắn một viên đạn xuyên não mình thì người dân ở Berlin, Hamburg và Munich đã khoác lên mình các bản dạng khác và tìm được ý nghĩa mới trong cuộc đời mình.

Đúng, khoảng 20% các lãnh đạo đảng tại các vùng, miền và khoảng 10% tướng lĩnh Quốc xã đã tự sát. Nhưng điều đó có nghĩa là 80% lãnh đạo đảng cấp vùng và 90% tướng lĩnh vẫn khá vui vẻ sống tiếp. Đại đa số những tay Quốc xã cầm đầu cũng như lính tráng thuộc đội cận vệ không phát điên hay tự sát. Họ tiếp tục trở thành các nông dân, giáo viên, bác sĩ và nhân viên bán bảo hiểm hữu ích.

Thế nhưng, ngay cả tự sát cũng không chứng minh được sự cam kết tuyệt đối với một câu chuyện duy nhất. Vào ngày 13 tháng Mười một năm 2015, Nhà nước Hồi giáo tổ chức vài vụ đánh bom tự sát ở Paris giết chết 130 người. Nhóm cực đoan giải thích rằng chúng làm vậy để trả thù cho các cuộc ném bom của không lực Pháp nhằm vào các nhà hoạt động của Nhà nước Hồi giáo ở Syria và Iraq, với hy vọng rằng Pháp sẽ thoái chí mà không thực hiện các vụ oanh tạc như thế trong tương lai. Cùng lúc đó, Nhà nước Hồi giáo cũng tuyên bố rằng tất cả những người Hồi thiệt mạng do không lực Pháp đều là các thánh tử vì đạo, giờ đang hưởng hạnh phúc vĩnh hằng trên Thiên đường.

Có cái gì đó không hợp lý ở đây. Nếu quả thực những vị thánh tử vì đạo bị không quân Pháp sát hại giờ đang ở Thiên đường, tại sao lại có người phải đi trả thù vì chuyện đó? Chính xác thì trả thù cho cái gì mới được chứ? Vì đưa người lên Thiên đường à? Nếu bạn vừa hay tin người

anh trai yêu quý của mình vừa trúng xổ số một triệu đô la, bạn có bắt đầu đặt bom các trạm bán vé số để thổi bay chúng đi mà trả thù không? Thế thì tại sao lại đi phá Paris chỉ vì không lực Pháp cho vài người anh em của bạn một tấm vé một chiều lên Thiên đường? Sẽ còn tệ hơn nếu bạn thực sự khiến người Pháp nhụt chí không đánh bom ở Syria nữa vì trong trường hợp đó, sẽ có ít người Hồi được lên Thiên đường hơn.

Chúng ta có thể mau mắn kết luận rằng các nhà hoạt động của Nhà nước Hồi giáo không thực sự tin rằng các thánh tử vì đạo được lên Thiên đường. Đấy là lý do họ tức giận khi bị đánh bom và bị giết. Nhưng nếu vậy, tại sao một số người lại buộc đai thuốc nổ vào người và sẵn sàng cho mình nổ tung thành nghìn mảnh? Nhiều khả năng câu trả lời là họ bấu víu lấy hai câu chuyện trái ngược nhau mà không nghĩ quá nhiều về sự bất tương đồng giữa chúng. Như đã nói ở trên, một số nơron thần kinh đơn giản là không nói chuyện giống nhau.

Tám thế kỷ trước thời điểm mà không lực Pháp ném bom các thành trì của Nhà nước Hồi giáo ở Syria và Iraq, một đội quân khác của Pháp đã xâm chiếm Trung Đông trong một thứ được hậu thế biết đến với tên gọi “Cuộc Thập tự chinh thứ Bảy”. Được vua Louis IX thần thánh dẫn dắt, các lính Thập tự hy vọng sẽ chinh phục thung lũng sông Nile và biến Ai Cập thành một thành trì Cơ Đốc. Tuy nhiên, họ bị đánh bại ở trận Mansoura và hầu hết lính Thập tự bị bắt làm tù binh. Một vị hiệp sĩ Thập tự chinh, Jean de Joinville, sau đó có viết trong hồi ký của mình rằng khi trận chiến thất bại và họ quyết định đầu hàng, một người nói rằng: “Tôi không thể đồng ý với quyết định này. Điều tôi khuyên là chúng ta nên tự để mình bị giết, vì như thế ta đều sẽ được lên Thiên đường”. Joinville bình luận khô khan rằng: “Không ai trong chúng tôi nghe theo lời khuyên của anh ta.”

Joinville không giải thích vì sao họ đã từ chối. Xét cho cùng, đây là những người đàn ông đã rời bỏ lâu đài dễ chịu của mình ở Pháp để đi một chặng đường dài và hiểm nguy đến Trung Đông chủ yếu vì họ tin vào lời hứa về sự cứu rỗi vĩnh hằng. Thế thì tại sao, khi chỉ còn cách Thiên đường vĩnh cửu có một khoảnh khắc thì họ lại chọn để người Hồi cầm tù? Rõ ràng, mặc dù các chiến binh Thập tự nhiệt thành tin vào cứu rỗi và Thiên đường, đến thời điểm quyết định, họ vẫn chọn cách rải tiền cược ra nhiều cửa.

—ooOoo—

SIÊU THỊ Ở ELSINORE

XUYÊN SUỐT lịch sử, hầu hết mọi người đều tin vào vài câu chuyện cùng một lúc và không bao giờ tuyệt đối tin vào sự đúng đắn của bất cứ câu chuyện nào trong số đó. Sự không chắc chắn này làm lung lay mọi tôn giáo, do đó tôn giáo coi đức tin là một đạo đức tối thượng và sự nghi ngờ là một trong những lỗi lầm tồi tệ nhất. Như thế có cái gì đó tự thân đã là tốt đẹp trong chuyện tin vào những thứ không có bằng chứng vậy. Tuy nhiên, với sự trỗi dậy của văn hóa hiện đại, gió đã đổi chiều. Đức tin ngày càng giống nô lệ tinh thần, còn sự nghi ngờ được nhìn nhận như một tiền đề của tự do.

Đâu đó trọng khoảng từ năm 1599 đến năm 1602, William Shakespeare đã viết phiên bản *Vua sư tử* của riêng mình, được biết đến nhiều hơn với cái tên *Hamlet*. Nhưng không như Simba, Hamlet không hoàn tất Vòng đời. Chàng tiếp tục nghi ngờ và mơ hồ cho đến tận phút cuối, không bao giờ tìm ra được ý nghĩa cuộc đời và không bao giờ quyết định được liệu sống hay chết thì tốt hơn. Trong chuyện này, Hamlet chính là người hùng hiện đại kiểu mẫu. Tính hiện đại không chối bỏ hàng loạt các câu chuyện mà nó thừa hưởng từ quá khứ. Thay vào đó, nó mở cho chúng một cái siêu thị. Con người hiện đại thoải mái thử, chọn và kết hợp bất cứ thứ gì hợp gu của mình.

Một số người không thể chịu nổi quá nhiều tự do và bất định như vậy. Các phong trào toàn trị hiện đại như chủ nghĩa phát xít phản ứng quyết liệt với cái siêu thị đầy những ý tưởng đáng ngờ ấy và thậm chí vượt mặt các tôn giáo truyền thống trong việc đòi hỏi niềm tin tuyệt đối vào một câu chuyện duy nhất. Tuy nhiên, phần lớn người hiện đại vẫn thích cái siêu thị. Bạn phải làm gì khi bạn không biết cuộc đời tròn hay méo và tin vào câu chuyện nào? Bạn thánh hóa chính khả năng lựa chọn. Bạn đứng giữa các kệ hàng trong siêu thị, với quyền lực và tự do lựa chọn bất cứ thứ gì bạn

thích, săm soi các sản phẩm đang trải ra trước mắt và… dừng khung hình, cắt, HẾT. Chạy danh sách những người tham gia vào bộ phim.

Theo truyền thuyết tự do, nếu bạn đứng đủ lâu trong cái siêu thị lớn đó, chẳng chóng thì chầy bạn cũng sẽ trải nghiệm sự hiển lộ tự do và nhận ra ý nghĩa thực sự của cuộc sống: mọi câu chuyện trên kệ siêu thị là giả. Ý nghĩa cuộc đời không phải là một sản phẩm làm sẵn. Không có kịch bản thiêng không thứ gì bên ngoài tôi có thể mang lại ý nghĩa cho cuộc đời tôi. Chính tôi là người mang lại ý nghĩa cho mọi thứ thông qua sự lựa chọn tự do và cảm xúc riêng của mình.

Trong bộ phim giả tưởng có tên *Willow*, một truyện cổ tích khá thường của George Lucas, nhân vật chính cùng tên là một chú lùn bình thường mơ ước trở thành một phù thủy vĩ đại nắm được những bí mật của sự sống. Một ngày nọ, một phù thủy như thế đi qua làng của người lùn để tìm đệ tử. Willow cùng hai người lùn khác háo hức ra trình diện và vị phù thủy ra cho các chàng trai đầy hy vọng một bài kiểm tra đơn giản. Ông đưa tay phải của mình ra, xòe các ngón tay và hỏi bằng một giọng rất là Yoda: “Sức mạnh kiểm soát thế giới nằm trong ngón tay nào?”. Mỗi người lùn chọn một ngón, nhưng họ đều chọn sai. Tuy nhiên, vị phù thủy nhận ra một điều gì đó ở Willow và sau đó hỏi anh: “Khi ta xòe tay ra, điều đầu tiên con nghĩ đến là gì?”. “À, thật là ngốc”, Willow xấu hổ nói, “khi tự chọn ngón tay của mình”. Vị phù thủy kêu lên đắc thắng: “A ha! Đấy là câu trả lời đúng! Con thiếu niềm tin ở bản thân”. Truyền thuyết tự do lặp lại bài học này không biết chán.

Con người đã viết ra Kinh Thánh, kinh Quran và kinh Vệ Đà; chính tâm trí chúng ta đã đem lại quyền năng cho những câu chuyện ấy. Không nghi ngờ gì nữa, chúng là những câu chuyện đẹp, nhưng vẻ đẹp của chúng nằm trọn trong mắt người nhìn. Jerusalem, Mecca, Varanasi và Bodh Gaya đều là những nơi thiêng, nhưng chỉ do cảm xúc mà mọi người cảm nhận được khi đến đó. Tự thân vũ trụ chỉ là một đám hỗn loạn vô nghĩa của các nguyên tử. Chẳng có gì tự thân đã đẹp, thiêng hay hấp dẫn; cảm xúc con người làm cho nó thành ra như vậy. Chỉ cảm xúc con người mới khiến một quả táo đỏ trở thành quyến rũ và một cục phân trở thành ghê tởm. Tách cảm xúc con người ra và cái còn lại chỉ là một đám phân tử.

Chúng ta hy vọng tìm được ý nghĩa bằng cách đặt mình vào những câu chuyện ăn sẵn về vũ trụ; nhưng theo cách diễn giải tự do cửa thế giới, sự thật là hoàn toàn trái ngược. Vũ trụ không cho tôi ý nghĩa. Tôi mang lại ý nghĩa cho vũ trụ. Đấy là nhiệm vụ vũ trụ của tôi. Tôi không có số phận hay dharma (pháp) nào cố định. Nếu tội tìm thấy mình trong vị trí của Simba hay Arjuna, tôi có thể chọn đấu tranh cho ngai vàng của một vương quốc, nhưng tôi không phải làm thế. Tôi cũng có thể gia nhập một gánh xiếc rong, đến Broadway hát trong một vở nhạc kịch hay chuyển đến Thung lũng Silicon để khởi nghiệp. Tôi tự do tạo ra nghiệp của riêng mình.

Như mọi câu chuyện vũ trụ khác, câu chuyện tự do cũng bắt đầu bằng một lời kể mang tính sáng thế. Nó nói rằng sáng thế xuất hiện trong từng khoảnh khắc và tôi là đấng sáng tạo. Thế thì mục đích của cuộc đời tôi là gì? Là tạo ra ý nghĩa bằng cảm nhận, bằng suy nghĩ, bằng khao khát và bằng sáng tạo. Bất cứ thứ gì giới hạn tự do cảm nhận, suy nghĩ, khao khát và sáng tạo của con người cũng giới hạn ý nghĩa của vũ trụ. Do đó, thoát khỏi những giới hạn như vậy là lý tưởng tối thượng.

Về thực tế mà nói, những người tin vào câu chuyện tự do sống nhờ ánh sáng của hai điều răn: sáng tạo và đấu tranh vì tự do. Sáng tạo có thể hiển lộ bằng cách viết một bài thơ, khám phá tính dục của bản thân, phát minh ra một ứng dụng máy tính mới hay tìm ra một hóa chất chưa ai biết đến. Đấu tranh cho tự do bao gồm bất cứ thứ gì giải phóng con người khỏi các kìm nén mang tính xã hội, sinh học và vật lý, dù là biểu tình chống lại những kẻ độc tài tàn bạo, dạy các cô gái biết đọc, tìm thuốc chữa ung thư hay tạo ra một con tàu vũ trụ. Đền thờ của chủ nghĩa tự do có cả Rosa Parks và Pablo Picasso cùng Louis Pasteur và anh em nhà Wright.

Điều này nghe có vẻ cực kỳ hấp dẫn và sâu sắc trên lý thuyết. Thật không may, tự do và sáng tạo của con người không phải là thứ mà câu chuyện tự do tưởng tượng ra. Với hiểu biết khoa học tốt nhất của chúng ta, không có ma thuật nào đằng sau các lựa chọn và sáng tạo của ta cả. Chúng là sản phẩm của hàng tỷ nơron thần kinh trao đổi tín hiệu sinh hóa; thậm chí nếu bạn giải phóng con người khỏi vòng kiềm tỏa của Giáo hội và Liên Xô, các lựa chọn của họ vẫn sẽ bị quyết định bởi các thuật toán sinh hóa tàn nhẫn như Toà án dị giáo và KGB.

Câu chuyện tự do dạy tôi phải tìm kiếm tự do biểu đạt và nhận thức bản thân. Nhưng cả "bản thể" và tự do đều là những con quái vật trong truyền thuyết được vay mượn từ những câu chuyện cổ tích thời xa xưa. Chủ nghĩa tự do có một ý niệm đặc biệt rối rắm về "ý chí tự do". Con người rõ ràng là có một ý chí, họ có những khao khát và thỉnh thoảng được tự do thỏa mãn chúng. Nếu nói "ý chí tự do" theo nghĩa tự do làm bất cứ thứ gì bạn mong muốn thì đúng, con người có ý chí tự do. Nhưng nếu nói "ý chí tự do" theo nghĩa tự do chọn lựa cái để khao khát thì không, con người không có ý chí tự do.

Nếu tôi thấy đàn ông là hấp dẫn về tình dục, có thể tôi được tự do thỏa mãn dục vọng của mình, nhưng tôi không được tự do cảm thấy phụ nữ hấp dẫn thay vì đàn ông. Trong một vài trường hợp, tôi có thể quyết định kìm hãm thôi thúc tình dục của mình hoặc thậm chí thử một liệu trình "chuyển đổi tính dục"; nhưng chính cái mong ước thay đổi khuynh hướng tính dục của tôi cũng là một cái gì đó mà các nơron thần kinh áp đặt lên tôi, có thể do các định kiến văn hóa và tôn giáo thôi thúc. Tại sao người này cảm thấy xấu hổ về tính dục của mình và cố gắng thay đổi nó trong khi người kia vui vẻ tận hưởng các khao khát tính dục đó mà không mảy may thấy tội lỗi? Bạn có thể nói người thứ nhất có lẽ có cảm xúc tôn giáo mạnh hơn người thứ hai. Nhưng liệu con người có tự do lựa chọn việc có cảm xúc tôn giáo mạnh hay yếu không? Một lần nữa, con người có thể chọn đi nhà thờ mỗi sáng Chủ nhật trong một nỗ lực có ý thức nhằm củng cố các cảm xúc tôn giáo yếu ớt của mình; nhưng tại sao người này lại muốn mình tin vào thánh thần hơn, trong khi người kia thì lại hoàn toàn vui vẻ làm một người phi đạo? Điều này có thể bắt nguồn từ bất cứ khuynh hướng văn hóa và di truyền nào, nhưng nó không bao giờ là kết quả của "ý chí tự do".

Điều gì đúng với dục vọng thì cũng đúng với mọi khao khát khác, thực ra với tất cả cảm xúc và suy nghĩ. Hãy nghĩ về suy nghĩ tiếp theo sẽ nảy sinh trong đầu bạn mà xem. Nó đến từ đâu? Bạn có tự do chọn suy nghĩ đó và chỉ khi chọn xong thì mới nghĩ không? Chắc chắn không. Quá trình tự khám phá bắt đầu với những thứ đơn giản và trở nên ngày càng khó khăn. Lúc đầu, ta nhận ra ta không kiểm soát thế giới bên ngoài cơ thể. Ta không quyết định khi nào trời mưa. Rồi ta nhận ra ta không kiểm soát được những gì xảy ra bên trong cơ thể. Ta đâu kiểm soát được huyết áp của mình. Tiếp theo, ta hiểu ra ta thậm chí không chi phối được bộ não của

chính mình. Ta không bảo được các nơron khi nào cần truyền tín hiệu. Điều đó khó hơn nhiều. Cuối cùng, ta cũng nên nhận ra ta không kiểm soát được các ham muốn hay cả các phản ứng của ta đối với những ham muốn đó.

Nhận ra điều này có thể giúp chúng ta trở nên ít ám ảnh với ý kiến, cảm xúc và ao ước của mình hơn. Chúng ta không có ý chí tự do nhưng chúng ta cũng có thể thoải mái hơn một chút trong khuôn khổ của ý chí. Con người thường đặt vào các khao khát của mình nhiều sự quan trọng đến nỗi chúng ta cố kiểm soát và định hình cả thế giới theo các khao khát đó. Để theo đuổi các khao khát của mình, con người bay lên Mặt trăng, gây ra các cuộc thế chiến và gây bất ổn toàn bộ hệ sinh thái. Nếu ta hiểu rằng những khao khát của chúng ta không phải là những hiển lộ thần kỳ của lựa chọn tự do mà chỉ là sản phẩm của các quá trình sinh hóa (chịu ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa cũng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng ta), ta có thể sẽ bớt bị chúng ám ảnh hơn. Tốt hơn là hiểu được mình, tâm trí mình và những khao khát của mình, hơn là cố thực hiện bất cứ ảo mộng nào xuất hiện trong đầu.

Và một bước tối quan trọng để hiểu được mình là thừa nhận rằng "bản thể" là một câu chuyện hư cấu mà các cơ chế phức tạp trong tâm trí ta liên tục sản xuất, cập nhật và viết lại. Có một người kể chuyện trong tâm trí ta giải thích ta là ai, ta đến từ đâu, ta đang đến đâu và điều gì đang xảy ra với ta ngay lúc này. Giống như những phát ngôn viên chính phủ giải thích các cuộc chính biến mới nhất, người kể chuyện nội tại này cũng liên tục nói sai nhưng hiếm khi, nếu có, thừa nhận mình sai. Và cũng như chính phủ xây dựng một truyền thuyết dân tộc bằng cờ xí, biểu tượng và các cuộc duyệt binh, "bộ máy tuyên truyền nội tại" của tôi cũng xây dựng một truyền thuyết cá nhân với các ký ức được nâng niu và các sang chấn được vỗ về thường có rất ít điểm tương đồng với sự thật.

Vào thời đại Facebook và Instagram, bạn có thể quan sát thấy quá trình tạo truyền thuyết này rõ ràng hơn bao giờ hết vì vài phần trong đó đã được chuyển từ tâm trí ra ngoài cho máy tính làm. Chứng kiến người ta dành vô số thời gian xây đắp và đánh bóng một bản thể hoàn hảo trên mạng, rồi bị chính sáng tạo của mình hấp dẫn và đánh đồng nó với sự thật về bản thân quả thật vừa thú vị, vừa kinh hoàng. Đấy là cách một kỳ nghỉ gia đình đầy tắc đường, cãi vã vặt và những khoảng im lặng căng thẳng trở thành một bộ

sưu tập các bức ảnh panorama đẹp đẽ, những bữa tối hoàn hảo và những khuôn mặt tươi cười; 99% những gì chúng ta trải qua không bao giờ trở thành một phần của câu chuyện về bản thể.

Điều đặc biệt đáng chú ý là bản thể tưởng tượng của chúng ta có xu hướng mang tính thị giác rất cao, trong khi các trải nghiệm thực sự của chúng ta lại mang tính tổng thể. Trong tưởng tượng, bạn nhìn thấy một cảnh tượng qua con mắt của tâm trí hay trên màn hình máy tính. Bạn thấy mình đứng trên một bãi biển nhiệt đới, biển xanh phía sau, nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt, một tay nâng ly cốc tai, tay kia quàng quanh eo người tình. Thiên đường. Cái mà bức ảnh không phô ra là con ruồi khó chịu cắn chân bạn, cảm giác đau quặn trong bụng vì ăn món cá hơi thiu, cơ hàm căng ra vì nụ cười giả tạo và trận cãi vã xấu xí của cặp đôi hạnh phúc trước đó có năm phút. Giá mà ta có thể cảm nhận được những gì những người trong ảnh cảm thấy khi chụp ảnh!

Do đó, nếu thực sự muốn hiểu mình, bạn không nên đánh đồng mình với tài khoản Facebook của mình hay câu chuyện bên trong của chính mình về bản thể. Thay vào đó, bạn nên quan sát dòng chảy thực sự của thân thể và tâm trí. Bạn sẽ thấy những suy nghĩ, cảm xúc và khao khát xuất hiện và biến mất mà chẳng có mấy lý do và mệnh lệnh của bạn, cũng như những con gió vô tình thổi từ hướng này hay hướng khác đến làm tóc bạn rối tung. Và vì bạn không phải là một con gió nên bạn cũng không phải là mớ rối rắm những suy nghĩ, cảm xúc và mong ước mà bạn trải nghiệm; chắc chắn bạn không phải là câu chuyện sạch sẽ mà chính bạn kể về chúng sau khi nhìn lại. Bạn trải qua tất cả, nhưng bạn không kiểm soát chúng, bạn không sở hữu chúng và bạn không phải là chúng. Mọi người hỏi: "Tôi là ai?" và hy vọng được kể cho nghe một câu chuyện. Điều đầu tiên bạn cần phải biết về mình, đó là bạn không phải là một câu chuyện.

—ooOoo—

KHÔNG CÓ CÂU CHUYỆN NÀO CẢ

CHỦ NGHĨA tự do đã đi một bước triệt để trong việc chối bỏ mọi màn kịch vũ trụ, nhưng lại tái tạo nên màn kịch bên trong mỗi con người: vũ trụ không có cốt truyện, vì thế con người chúng ta phải tạo ra cốt truyện và đây là nhiệm vụ và ý nghĩa của cuộc đời chúng ta. Hàng ngàn năm trước kỷ nguyên tự do này, đạo Phật cổ đã đi xa hơn bằng cách phủ nhận không chỉ mọi mần kịch vũ trụ mà chính màn kịch bên trong do con người tạo nên nữa. Đạo Phật nói rằng vũ trụ không có ý nghĩa và cảm xúc của con người cũng không mang ý nghĩa nào cả. Chúng chỉ là các rung động thoáng qua, xuất hiện và biến mất chẳng vì mục đích gì cụ thể. Đấy là sự thật. Hãy chấp nhận đi.

Như đã nói ở trước, kinh Brihadaranyaka Upanishad nói với chúng ta rằng: “Dầu của con ngựa tế là bình minh, mắt nó là mặt trời… các chi của nó là các mùa, các khớp và các tháng và nửa tuần trăng, chân nó là ngày và đêm, xương nó là các vì sao và thịt nó là những đám mây”. Trái lại, kinh Mahasatipatthana Sutta, một văn bản Phật giáo quan trọng, giải thích rằng khi một người thiền, người đó cẩn thận quan sát cơ thể, nhận ra rằng: “Trong cơ thể này, có tóc trên đầu, lông trên da, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim… nước bọt, đờm, dịch khớp và nước tiểu. Thế là anh ta trú ngụ, quan sát cơ thể… Giờ thì sự hiểu biết của anh ta đã được xác lập: ‘Đây là cơ thể!’.” Lông tóc, xương hay nước tiểu không đại diện cho bất cứ cái gì khác. Chúng chỉ là chúng thôi.

Hết đoạn này đến đoạn khác sau đó, văn bản tiếp tục giải thích rằng dù người thiền có quan sát được gì trong cơ thể và tâm trí thì người đó chỉ cần hiểu nó như nó vốn vậy. Khi người thiền hít thở, “hít vào một hơi dài, anh ta hiểu rõ ‘mình đang hít vào một hơi dài’. Hít vào một hơi ngắn, anh ta hiểu rõ ‘mình đang hít vào một hơi ngắn’.” Hơi thở dài không tượng trưng cho các mùa và hơi thở ngắn không tượng trưng cho các ngày. Chúng chỉ là những rung động trong cơ thể.

Phật dạy rằng ba hiện thực cơ bản của vũ trụ là mọi thứ liên tục thay đổi, không gì có bản chất trường tồn, và không có gì khiến ta hài lòng hoàn toàn cả. Anh có thể đi thám hiểm nơi xa xôi nhất của thiên hà, của cơ thể mình hay của tâm trí mình; nhưng anh sẽ không bao giờ bắt gặp một cái gì đó không thay đổi, có bản chất vĩnh hằng và khiến anh thỏa mãn hoàn toàn.

Khổ đau xuất hiện vì con người không nhận ra điều này. Họ tin rằng có một thực tại vĩnh hằng ở đâu đó; chỉ cần tìm thấy nó và kết nối với nó, họ sẽ được thỏa mãn hoàn toàn. Cái thực tại vĩnh hằng này đôi khi được gọi là Chúa, đôi khi là dân tộc, đôi khi là linh hồn, đôi khi là bản thể đích thực, và đôi khi là tình yêu chân chính; và con người càng gắn bó với nó, họ càng thất vọng và đau khổ vì không tìm thấy nó. Tệ hơn nữa, càng gắn bó, họ càng ghét bất cứ người, nhóm người hay tổ chức nào có vẻ đang đứng giữa họ và mục tiêu yêu dấu của họ.

Thế nên, theo Phật, cuộc đời là vô nghĩa và con người không cần phải tạo ra bất cứ ý nghĩa nào. Họ chỉ cần nhận ra rằng không có ý nghĩa nào cả và từ đó được giải phóng khỏi những khổ đau do quá ràng buộc và gắn mình với những hiện tượng trống rỗng. "Tôi nên làm gì?" người ta hỏi và Phật khuyên: "Không làm gì. Tuyệt đối không gì cả". Toàn bộ vấn đề nằm ở chỗ chúng ta liên tục làm một cái gì đó. Không nhất thiết ở phương diện vật lý, chúng ta có thể ngồi bất động hàng giờ với đôi mắt nhắm nghiền, nhưng ở phương diện tâm lý, chúng ta vẫn đang cực kỳ bận rộn sáng tác ra những câu chuyện và bản ngã, chiến đấu và chiến thắng. Để thực sự không làm gì có nghĩa là cả tâm trí cũng phải không làm gì và không tạo ra cái gì.

Thật không may, điều này cũng rất dễ trở thành một thiên anh hùng ca. Ngay cả khi ngồi đó nhắm mắt và cảm nhận hơi thở đi vào đi ra qua hai lỗ mũi, bạn vẫn có thể bắt đầu thêu dệt các câu chuyện về nó. "Hơi thở của mình hơi gượng và nếu mình hít thở bình tĩnh hơn, mình sẽ khỏe hơn" hay "Chỉ cần mình tiếp tục cảm nhận hơi thở và không làm gì cả, mình sẽ giác ngộ và trở thành người thông thái nhất và hạnh phúc nhất quả đất." Thế rồi bản anh hùng ca bắt đầu mở rộng và con người dấn thân vào một cuộc hành trình không chỉ để giải phóng bản thân khỏi những ràng buộc riêng mà còn để thuyết phục người khác làm việc đó nữa. Sau khi thừa nhận cuộc đời không có nghĩa, tôi tìm thấy ý nghĩa trong việc giải thích sự thật này cho người khác, cãi nhau với những kẻ không tin, giảng giải cho những kẻ hoài nghi, quyên tiền để xây tu viện, . . . "Không có câu chuyện nào cả" rất dễ dàng lại trở thành một câu chuyện nữa.

Lịch sử đạo Phật cho ta nhiều ví dụ về những người tin vào sự vô thường và trống rỗng của mọi hiện tượng, vào tầm quan trọng của việc buông bỏ, có thể vẫn cãi vã và đấu tranh vì việc cai trị một đất nước, sở hữu một tòa nhà hay thậm chí là ý nghĩa của một từ như thế nào. Xung đột

với những người khác vì bạn tin vào sự vinh quang của một vị Chúa vĩnh hằng là điều không may nhưng còn hiểu được; xung đột với người khác vì bạn tin vào sự trống rỗng của mọi hiện tượng thì quả là kỳ quặc và cũng rất người.

Vào thế kỷ 18, các vương triều ở cả Miến Điện và nước Xiêm La láng giềng đều tự hào về lòng thành tâm hướng Phật và đạt tính chính danh nhờ bảo vệ đức tin Phật giáo. Các vị vua cúng dường cho các tu viện, xây chùa và hằng ngày lắng nghe các nhà sư uyên bác thuyết pháp trơn tru về ngũ giới (năm điều răn đạo đức cơ bản) của mỗi con người: tránh xa giết chóc, trộm cắp, hãm hiếp, lừa dối và rượu chè. Tuy nhiên, hai vương quốc thì xung đột liên miên. Vào ngày 7 tháng Tư năm 1767, quân đội của vua Miến Hsinbyushin càn quét kinh đô Xiêm sau một cuộc vây hãm kéo dài. Đoàn quân chiến thắng sát hại, cướp bóc và có lẽ cũng uống say mèm ở đâu đó nữa. Sau đó, họ đốt trụi gần hết thành phố với các cung điện, tu viện và chùa chiền, mang về nước hàng ngàn nô lệ và xe chở đầy vàng bạc châu báu.

Không phải vua Hsinbyushin xem nhẹ Phật giáo của nước mình đâu. Bảy năm sau chiến thắng vĩ đại của mình, nhà vua dẫn đầu một đoàn triều thần và hoàng gia xuôi theo sông Irrawaddy vĩ đại, lễ bái tại các chùa lớn dọc đường và cầu xin Phật Trời phù hộ quân đội mình có nhiều thắng lợi hơn nữa. Khi Hsinbyushin đến Rangoon, ngài cho xây lại và mở rộng kiến trúc thiêng nhất trên toàn đất Miến Điện, chùa Shwedagon. Sau đó, ngài cho dát vàng bảo tháp đã được mở rộng bằng đúng khối lượng của mình và dựng một chóp vàng trên đỉnh chùa, nạm vào đó toàn là đá quý (có lẽ cướp được từ Xiêm La). Ngài cũng nhân dịp này xử tội vua xứ Pego cùng em trai và con trai của nhà vua lúc đó đang bị bắt làm tù binh.

Ở Nhật Bản những năm 1930, người ta thậm chí còn tìm ra những cách rất sáng tạo để kết hợp các giáo lý Phật giáo với chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa phát xít. Các nhà tư tưởng Phật giáo cấp tiến như Nissho Inoue, Ikki Kita và Tanaka Chigaku cho rằng để xóa bỏ các ràng buộc vị kỷ của mình, người ta phải hoàn toàn dâng hiến bản thân cho Thiên hoàng, từ bỏ mọi suy nghĩ cá nhân và đạt đến. sự trung thành tuyệt đối với tổ quốc. Nhiều tổ chức quốc gia cực đoan khác nhau đã được các ý tưởng này truyền cảm hứng, bao gồm một nhóm chính trị cuồng tín tìm cách lật đổ hệ thống chính trị bảo thủ của Nhật Bản bằng một chiến dịch

ám sát. Chúng ám sát cựu bộ trưởng Tài chính, tổng giám đốc tập đoàn Mitsui và cuối cùng là Thủ tướng Inukai Tsuyoshi. Từ đó, chúng đã đẩy nhanh việc biến Nhật Bản thành một nền độc tài quân sự. Khi quân đội khởi chiến, nhiều sư sãi theo Phật giáo tiểu thừa và thiền sư theo Thiền tông rao giảng sự tuân phục quên mình đối với quyền lực của nhà nước và khuyến khích hy sinh cho chiến tranh. Trái lại, các lời giảng của Phật về lòng trắc ẩn và bất bạo động bằng cách nào đó đã bị quên lãng, chẳng có ảnh hưởng gì đáng kể đến hành vi của quân đội Nhật ở Nam Kinh, Manila hay Seoul cả.

Thời hiện đại, hồ sơ nhân quyền của Myanmar thuộc vào loại khá "đen" và nhà sư Ashin Wirathu lãnh đạo phong trào bài trừ Hồi giáo trong nước. Ông tuyên bố mình chỉ muốn bảo vệ Myanmar và Phật giáo khỏi các âm mưu thánh chiến Hồi giáo; nhưng các bài giảng và bài viết của ông mang tính kích động đến nỗi vào tháng Hai năm 2018, Facebook đã xóa trang của ông vì lý do chống các kêu gọi kích động thù hận. Trong một cuộc phỏng vấn năm 2017 với tờ *Guardian,* nhà sư này rao giảng lòng trắc ẩn với một con muỗi bay ngang qua; nhưng khi bị đưa ra các cáo buộc rằng phụ nữ Hồi giáo đã bị quân đội Myanmar hãm hiếp, ông ta cười và nói: "Không thể nào. Cơ thể bọn đó quá gớm ghiếc."

Có rất ít khả năng hòa bình và hòa hợp toàn cầu sẽ đạt được khi hơn bảy tỷ người bắt đầu thiền thường xuyên. Tuân theo sự thật về bản thân thì thật quá khó khăn! Ngay cả khi làm thế nào đó bạn khiến hầu hết mọi người thử thiền, thì có người trong số chúng ta sẽ nhanh chóng bóp méo sự thật mà mình nhìn thấy thành một câu chuyện nào đó với anh hùng, kẻ ác và kẻ thù, và tìm ra những lý do rất chính đáng để khơi mào cho xung đột từ câu chuyện ấy.

—ooOoo—

BÀI KIỂM TRA HIỆN THỰC

MẶC DÙ tất cả các câu chuyện lớn này đều chỉ là hư cấu và do tâm trí chính chúng ta tạo ra, ta cũng không có lý do gì để tuyệt vọng cả. Hiện thực vẫn còn đó. Bạn không thể sắm một vai trong bất kỳ vở kịch giả vờ nào, nhưng tại sao bạn lại muốn làm việc đó ngay từ đầu kia chứ? Câu hỏi lớn mà con người đối mặt không phải "ý nghĩa cuộc đời là gì?" mà là "làm thế nào chúng ta chấm dứt khổ đau?". Khi từ bỏ mọi câu chuyện hư cấu, bạn có thể quan sát hiện thực một cách sáng tỏ hơn trước rất nhiều; và nếu bạn thực sự biết sự thật về bản thân và về thế giới, không gì có thể làm bạn đau khổ. Nhưng điều đó dĩ nhiên là nói dễ hơn làm.

Con người chúng ta đã chinh phục thế giới nhờ khả năng sáng tạo và tin vào các câu chuyện hư cấu. Do đó chúng ta đặc biệt kém trong việc phân biệt đâu là hư cấu, đâu là hiện thực. Bỏ qua sự khác biệt này vốn là vấn đề sống còn đối với chúng ta. Tuy nhiên, nếu bạn vẫn muốn biết sự khác nhau giữa chúng, bạn phải bắt đầu với đau khổ. Bởi như đã nói từ trước, thứ thật nhất trên thế giới này là khổ đau.

Khi bạn đối mặt với một câu chuyện vĩ đại nào đó và muốn biết liệu nó là thật hay tưởng tượng, một trong những câu hỏi cốt lõi cần đặt ra là liệu nhân vật chính trung tâm của câu chuyện có phải chịu đau khổ không. Chẳng hạn, nếu ai đó kể cho bạn nghe câu chuyện về dân tộc Ba Lan, hãy dừng lại một chút để nghĩ lại xem liệu Ba Lan có thể chịu đau không. Adam Mickiewicz, nhà thơ trữ tình vĩ đại và là cha đẻ của chủ nghĩa dân tộc Ba Lan hiện đại, đã gọi Ba Lan là "Chúa Jesus của các quốc gia". Viết vào năm 1832, nhiều thập kỷ sau khi Ba Lan đã bị chia nhỏ cho Nga, Phổ và Áo, không lâu sau khi cuộc nổi dậy năm 1830 của Ba Lan bị nước Nga Sa hoàng đàn áp bạo liệt, Mickiewicz giải thích rằng những đau khổ khủng khiếp mà Ba Lan phải chịu là một sự hy sinh thay mặt cho toàn thể nhân loại, có thể sánh với sự hy sinh của Chúa Jesus, rằng cũng như Jesus, Ba Lan sẽ trỗi dậy từ cái chết.

Trong một đoạn văn nổi tiếng, Mickiewicz viết:

> Ba Lan nói (với người dân châu Âu): "Bất cứ ai đến với ta sẽ được tự do và bình đẳng bởi ta chính là Tự Do". Nhưng các vị vua, khi nghe thấy, đã sợ hãi tận tâm can và đóng đanh Ba Lan trên thập giá, đặt Ba Lan vào mộ, rồi kêu lên: "Chúng ta đã giết và chôn Tự Do". Nhưng họ kêu lên một cách ngu ngốc… vì Dân tộc Ba Lan không chết… Vào ngày thứ ba, Linh hồn sẽ trở về với Thể xác; Dân tộc sẽ trỗi dậy và giải phóng mọi dân tộc châu Âu khỏi vòng Nô lệ.

Liệu một dân tộc có thực sự chịu đau? Dân tộc có mắt, tay, giác quan, tình cảm và dam mê không? Nếu bạn đâm nó, nó có chảy máu không? Dĩ nhiên là không. Nếu nó thua trong một cuộc chiến, mất đi một tỉnh, thậm chí bị tước đi quyền độc lập, nó vẫn không thể cảm nhận được nỗi đau, buồn hay bất cứ dạng khổ sở nào khác, vì nó không có cơ thể, tâm trí và không có chút cảm giác nào cả. Trên thực tế, nó chỉ là một ẩn dụ. Chỉ trong trí tưởng tượng của một số người nhất định thì Ba Lan mới là một thực thể thực có khả năng chịu khổ đau. Ba Lan tồn tại vì những người này cho nó vay mượn thân xác, không chỉ bằng cách chiến đấu trong quân đội Ba Lan, mà còn bằng cách hiện thân cho niềm vui và nỗi buồn của dân tộc. Vào tháng Năm năm 1831, tin tức quân Ba Lan thua trận Ostroleka lan đến Warsaw, bụng người quặn lại vì đau đớn, ngực người phập phồng vì đau, mắt người tràn lệ.

Tất cả những điều này dĩ nhiên không biện minh cho hành động của Nga, cũng như không hạ thấp quyền được thiết lập một đất nước độc lập, quyết định luật lệ và phong tục của người Ba Lan. Thế nhưng xét cho cùng, nó có nghĩa là hiện thực không thể là câu chuyện của dân tộc Ba Lan vì chính sự tồn tại của Ba Lan phụ thuộc vào các hình ảnh trong tâm trí con người.

Trái lại, hãy hình dung số phận của một người phụ nữ Warsaw bị lính Nga cướp và hãm hiếp. Không giống sự khổ đau ẩn dụ của dân tộc Ba Lan, khổ đau của người phụ nữ đó rất thật. Nó cũng có thể là kết quả của các niềm tin của con người vào các hư cấu khác nhau, như là chủ nghĩa dân tộc Nga, Cơ Đốc chính thống, chủ nghĩa anh hùng đại trượng phu, tất cả những điều đã truyền cảm hứng cho nhiều quan chức và binh lính Nga. Tuy nhiên, khổ đau nó gây ra vẫn là thật một trăm phần trăm.

Khi chính trị gia bắt đầu nói bằng các thuật ngữ bí hiểm, hãy dè chừng. Có thể họ đang che đi và bào chữa cho khổ đau thực bằng cách bọc gói chúng trong những ngôn từ đao to búa lớn không thể hiểu nổi. Đặc biệt cẩn trọng khi nghe bốn từ sau: hy sinh, vĩnh hằng, thuần khiết, cứu chuộc. Nếu bạn nghe thấy bất cứ từ nào trong số này, bật chuông báo động lên. Và nếu bạn tình cờ sống ở một nơi mà người lãnh đạo thường xuyên nói những thứ như "Sự hy sinh của họ sẽ cứu chuộc sự thuần khiết của dân tộc vĩnh hằng của chúng ta" thì hãy biết là bạn đang gặp rắc rối to rồi đấy. Để cứu vớt sự tỉnh táo của bản thân, hãy luôn luôn cố gắng "phiên dịch" những thứ

lờ mờ đó thành ngôn từ thực tế: một người lính kêu gào trong đau đớn, một người phụ nữ bị đánh đập tàn bạo, một đứa trẻ run rẩy trong sợ hãi.

THẾ NÊN nếu bạn muốn biết sự thật về vũ trụ, về ý nghĩa cuộc sống và về bản thân mình, vị trí khởi đầu tốt nhất là quan sát sự đau khổ và khám phá xem nó là gì.

Câu trả lời không phải là một câu chuyện đâu.



21

THIỀN



CHỈ QUAN SÁT THÔI

SAU KHI đã chỉ trích rất nhiều câu chuyện, liên quan đến tôn giáo và hệ tư tưởng, để cho công bằng, giờ đến lượt tôi đặt mình vào tầm ngắm và giải thích làm thế nào mà một người đa nghi đến thế vẫn có thể vui vẻ thức dậy mỗi sáng. Tôi chần chừ làm việc này phần là vì nỗi sợ nuông chiều bản thân, phần là vì tôi không muốn mọi người có ấn tượng sai lầm rằng cái gì có tác dụng với tôi cũng sẽ có tác dụng với tất cả mọi người. Tôi ý thức rất rõ rằng, không phải ai cũng giống mình về những lắt léo trong vật liệu di truyền, noron thần kinh, quá trình sống và dharma cá nhân. Nhưng có lẽ độc giả nên biết cặp kính mà tôi dùng để nhìn thế giới, từ đó bóp méo tầm nhìn cũng như những viết lách của tôi, có màu gì.

Ở tuổi teen, tôi hoang mang và không thể ngồi yên một chỗ. Thế giới chẳng có ý nghĩa gì với tôi và tôi không có câu trả lời nào cho những câu hỏi lớn về cuộc đời. Đặc biệt, tôi không hiểu tại sao có quá nhiều khổ đau trên thế giới và trong chính cuộc đời mình đến vậy, có thể làm điều gì với chúng đây. Tất cả những gì tôi có được từ mọi người xung quanh và những cuốn sách tôi đọc là các câu chuyện hư cấu công phu: các truyền thuyết tôn giáo về các vị thần và Thiên đường, các truyền thuyết dân tộc về đất mẹ và sứ mệnh lịch sử của nó, các truyền thuyết lãng mạn về tình yêu và phiêu lưu, hay các truyền thuyết tư bản về phát triển kinh tế và việc mua và tiêu dùng các thứ sẽ khiến tôi hạnh phúc như thế nào. Tôi có đủ nhận thức để hiểu rằng có lẽ chúng là hư cấu, nhưng tôi mù tịt cách tìm ra sự thật.

Khi bắt đầu đi học đại học, tôi nghĩ đấy sẽ là nơi lý tưởng để tìm thấy các câu trả lời. Nhưng tôi đã thất vọng. Thế giới học thuật cung cấp cho tôi

những công cụ mạnh để phá hủy toàn bộ những hư cấu mà con người từng tạo ra, nhưng nó không đưa ra những câu trả lời thỏa đáng nào cho những câu hỏi lớn của cuộc đời. Trái lại, nó khuyến khích tôi tập trung vào những câu hỏi ngày càng hẹp. Cuối cùng, tôi thấy mình viết luận án tiến sĩ ở Đại học Oxford về các văn bản tự truyện của các chiến binh thời Trung cổ. Như một sở thích bên lề, tôi tiếp tục đọc nhiều sách triết và có nhiều cuộc tranh luận triết học; nhưng dù việc này mang tính giải trí tri thức bất tận, nó hầu như không mang lại những thấu tỏ thật sự. Tôi cảm thấy cực kỳ bức bối.

Cuối cùng, người bạn tốt của tôi, Ron Merom, đã gợi ý tôi thử đặt tất cả sách vở cũng như các cuộc tranh luận tri thức của mình sang một bên trong vài ngày và theo một khóa thiền Vipassana (“Vipassana” nghĩa là “nội quan” trong ngôn ngữ Pali của Ấn Độ cổ). Tôi nghĩ nó là một thứ vớ vẩn được sùng bái thời Kỷ Nguyên Mới nào đó và vì không có hứng thú lắng nghe thêm một câu chuyện huyền thoại nào nữa, tôi không chịu đi. Nhưng sau một năm kiên nhẫn thúc giục, vào tháng Tư năm 2000, bạn tôi đã thuyết phục được tôi đi một khóa thiền Vipassana mười ngày.

Trước thời điểm ấy, tôi biết rất ít về thiền và nghĩ chắc nó bao gồm đủ loại lý thuyết bí hiểm phức tạp. Thế nên tôi kinh ngạc khi thấy hóa ra bài giảng lại thiết thực đến thế. Thầy S. N. Goenka tại khóa tu đã hướng dẫn học viên ngồi khoanh chân, nhắm mắt và tập trung tất cả sự chú ý của mình vào hơi thở đi vào và đi ra hai lỗ mũi. “Đừng làm gì cả”, thầy nói đi nói lại. “Đừng cố kiểm soát hơi thở hay thở theo bất cứ cách đặc biệt nào. Chỉ cảm nhận thực tế của khoảnh khắc hiện tại, dù nó là gì. Khi hơi thở đi vào, anh chỉ cần biết: giờ thì mình đang hít vào. Khi hơi thở đi ra, anh chỉ cần biết: giờ mình đang thở ra. Khi anh mất tập trung và tâm trí bắt đầu lang thang tìm về các ký ức và mộng tưởng, anh chỉ cần biết: giờ thì tâm trí mình đã đi ra khỏi hơi thở”. Đấy là điều quan trọng nhất mà bất cứ ai từng nói với tôi.

Khi người ta đặt ra những câu hỏi lớn của cuộc đời, họ thường không có chút hứng thú gì với việc biết khi nào hơi thở của họ đang đi vào lỗ mũi và khi nào thì nó đang đi ra. Thay vào đó, họ muốn biết những thứ như điều gì xảy ra sau khi bạn chết. Thế nhưng điều bí ẩn thực sự của cuộc đời không phải là cái gì xảy ra sau khi bạn chết mà là cái gì xảy ra trước khi bạn chết. Nếu bạn muốn hiểu cái chết, bạn cần hiểu sự sống.

Người ta hỏi: “Khi tôi chết, tôi sẽ biến mất hoàn toàn ư? Liệu tôi có được lên thiên đường? Liệu tôi có được tái sinh vào một thân xác mới?”. Những câu hỏi này dựa vào giả định rằng có một ‘tôi’ tồn tại từ lúc sinh đến lúc chết và câu hỏi “Điều gì sẽ xảy ra với cái ‘tôi’ này khi chết?”. Nhưng có cái gì tồn tại bất biến từ lúc sinh đến lúc chết? Thân thể thay đổi theo từng khoảnh khắc, não bộ thay đổi từng khoảnh khắc, tâm trí thay đổi từng khoảnh khắc. Anh càng quan sát bản thân kỹ lưỡng thì anh càng thấy rõ là không có cái gì bất biến thậm chí từ giây này sang giây sau. Thế thì cái gì gắn kết cả một cuộc đời? Nếu anh không có câu trả lời cho điều đó, anh không hiểu sự sống và chắc chắn không có cơ may hiểu được cái chết. Nếu và chỉ khi anh phát hiện ra cái gì gắn kết sự sống lại với nhau, câu trả lời cho câu hỏi lớn về cái chết cũng sẽ trở nên rõ ràng.

Người ta nói: “Linh hồn là bất biến từ lúc sinh ra cho đến lúc chết và do đó là thứ gắn kết sự sống lại với nhau”; nhưng đó chỉ là một câu chuyện. Bạn đã bao giờ quan sát thấy một linh hồn chưa? Bạn có thể tìm hiểu nó bất cứ lúc nào, không chỉ vào khoảnh khắc lìa đời. Nếu bạn có thể hiểu điều xảy ra với bạn khi khoảnh khắc này kết thúc và khoảnh khắc kia khởi đầu, bạn cũng sẽ hiểu điều gì sẽ xảy ra với mình vào lúc sự sống kết thúc. Nếu bạn có thể thực sự quan sát bản thân trong khoảng thời gian của một hơi thở, bạn sẽ hiểu được mọi thứ về khoảnh khắc ấy.

Điều đầu tiên tôi học được nhờ dõi theo hơi thở của mình là với tất cả những cuốn sách tôi đã đọc và tất cả các lớp tôi đã tham gia ở trường đại học, tôi gần như không biết gì về tâm trí mình và sự kiểm soát mà tôi có với nó là rất ít ỏi. Dù nỗ lực bao nhiêu, tôi cũng không thể dõi theo được hơi thở của mình đi ra đi vào hai lỗ mũi quá mười giây trước khi trí óc lảng đi chỗ khác. Suốt nhiều năm ròng, tôi đã sống với ấn tượng rằng mình là ông chủ của cuộc đời mình, là CEO của thương hiệu cá nhân mình. Nhưng vài giờ thiền là đủ để cho tôi thấy mình gần như không có chút kiểm soát nào với bản thân. Tôi không phải là CEO; tôi thậm chí không được là người gác cửa. Tôi được yêu cầu đứng canh lối vào cơ thể, tức hai lỗ mũi, và chỉ cần dõi theo cái gì đi vào và đi ra; nhưng chỉ vài giây sau, tôi đã mất tập trung và bỏ gác. Đấy là một trải nghiệm sáng mắt sáng lòng.

Khi khóa học tiếp diễn, các học viên được dạy dõi theo không chỉ hơi thở mà cả các cảm giác trên khắp cơ thể. Không phải là các cảm giác hạnh phúc và xuất thần, mà chỉ là những cảm giác tầm thường nhất: nóng lạnh,

áp suất, cơn đau, . . . Phương pháp thiền Vipassana dựa trên sự thấu hiểu rằng dòng chảy tâm trí có gắn bó mật thiết với các cảm giác của cơ thể. Giữa tôi và thế giới luôn luôn có các cảm giác của cơ thể. Tôi không bao giờ phản ứng với các sự kiện của thế giới bên ngoài; tôi luôn phản ứng với các cảm giác trong chính cơ thể mình. Khi cảm giác là khó chịu, tôi phản ứng tiêu cực. Khi cảm giác là dễ chịu, tôi phản ứng bằng khao khát được thêm nữa. Ngay cả khi chúng ta nghĩ mình phản ứng với việc một người khác đã làm, với dòng tweet mới nhất của Tổng thống Trump chẳng hạn, hay một ký ức thơ ấu xa lắc, sự thật là chúng ta luôn phản ứng với các cảm giác cơ thể tức thời của mình. Nếu bạn tức giận khi ai đó xúc phạm dân tộc hay thần linh của mình, điều khiến sự xúc phạm không thể chịu nổi là cảm giác bỏng rát trong bụng và cơn đau đớn đang bóp nghẹt trái tim. Dân tộc của chúng ta chẳng cảm thấy gì hết, nhưng cơ thể chúng ta thì đau thật sự.

Bạn muốn biết tức giận là gì ư? Vậy thì hãy dõi theo những cảm giác xuất hiện và biến mất trong cơ thể bạn khi bạn tức giận. Lúc đi khóa thiền này, tôi 24 tuổi và đã trải qua tức giận có lẽ 10.000 lần trước đó rồi; nhưng tôi chưa bao giờ cất công dõi theo cơn tức giận thực sự có cảm giác ra sao. Mỗi khi tức giận, tôi chỉ tập trung vào đối tượng của cơn tức, một cái gì đó mà ai đó đã nói hay làm, hơn là hiện thực giác quan của cơn giận.

Tôi nghĩ mình học về bản thân và con người nói chung bằng cách dõi theo các cảm giác của mình trong mười ngày đó nhiều hơn những gì mình đã học cả đời, tính đến thời điểm đó. Và để làm như vậy, tôi không cần phải chấp nhận bất cứ câu chuyện, lý thuyết hay huyền thoại nào. Tôi chỉ phải quan sát thực tế như nó vốn thế. Điều quan trọng nhất mà tôi đã nhận ra là nguồn con sâu xa nhất của đau khổ của mình nằm trong các mô hình của chính tâm trí mình. Khi tôi muốn cái gì đó và nó không xảy ra, tâm trí tôi phản ứng bằng cách tạo ra đau khổ. Đau khổ không phải là một điều kiện khách quan của thế giới bên ngoài. Nó là một phản ứng tâm lý do tâm trí của tôi sinh ra. Học được điều này là bước đầu tiên để đi đến việc ngừng tạo thêm đau khổ.

Từ khóa học đầu tiên năm 2000 đó, tôi bắt đầu thiền hai tiếng mỗi ngày và mỗi năm tham gia các khóa tu thiền dài ngày khoảng một hay hai tháng. Đấy không phải là chạy trốn hiện thực. Đấy là tiếp cận hiện thực. ít nhất hai giờ mỗi ngày, tôi thực sự quan sát hiện thực như nó vốn thế; trong khi hai mươi hai giờ còn lại, tôi bị ngập đầu trong email và các dòng tweet và

các video chó con đáng yêu. Nếu không có sự tập trung và sáng tỏ mà thực hành này mang lại, tôi đã không thể viết được *Sapiens* hay *Homo Deus*. Ít nhất với bản thân tôi, thiền không bao giờ mâu thuẫn với nghiên cứu khoa học. Trái lại, nó là một công cụ quý giá nữa trong bộ công cụ khoa học, đặc biệt khi ta cố tìm hiểu tâm trí con người.

—ooOoo—

ĐÀO TỪ CẢ HAI ĐẦU

KHOA HỌC thấy khó giải mã các bí ẩn của tâm trí phần nhiều vì chúng ta thiếu các công cụ hiệu quả. Nhiều người, bao gồm nhiều nhà khoa học, có xu hướng nhầm lẫn tâm trí với não bộ, nhưng chúng thực ra là hai thứ rất khác nhau. Não bộ là một mạng lưới vật chất gồm các nơron, khớp thần kinh và hóa chất sinh học. Tâm trí là một dòng chảy các trải nghiệm chủ quan như đau đớn, khoái cảm, tức giận và yêu thương. Các nhà sinh học cho rằng não bộ bằng cách nào đó sản sinh ra tâm trí và các phản ứng sinh hóa trong hàng tỷ nơron bằng cách nào đó sản sinh ra các trải nghiệm như đau khổ và yêu đương. Tuy nhiên, cho đến nay, chúng ta không có bất kỳ giải thích nào cho việc làm sao tâm trí lại nảy sinh từ não bộ. Làm sao mà khi hàng tỷ nơron thần kinh bắn ra các tín hiệu điện theo một mô hình nhất định thì tôi cảm thấy đau và khi chúng bắn ra theo một mô hình khác thì tôi lại thấy yêu? Chúng ta mù tịt. Do đó, ngay cả nếu tâm trí thực sự nảy sinh từ não bộ thì ít nhất cho đến giờ, nghiên cứu tâm trí vẫn là một nhiệm vụ khác với nghiên cứu não bộ.

Nghiên cứu não bộ đang tiến triển thần tốc nhờ sự hỗ trợ của kính hiển vi, máy quét não và các máy tính mạnh. Nhưng chúng ta không thể nhìn thấy tâm trí qua một kính hiển vi hay một máy quét não. Các dụng cụ này cho phép chúng ta phát hiện các hoạt động sinh hóa và điện trong não, nhưng không cho chúng ta tiếp cận bất cứ trải nghiệm chủ quan kèm theo các hoạt động này. Cho đến năm 2018, tâm trí duy nhất mà tôi có thể tiếp cận trực tiếp là tâm trí của chính tôi. Nếu muốn biết các loài có cảm giác

khác đang trải qua những gì, tôi chỉ có thể làm vậy dựa trên các tường thuật gián tiếp, thứ thường chịu vô số bóp méo và giới hạn.

Chúng ta hoàn toàn có thể thu thập nhiều tường thuật gián tiếp và sử dụng xác suất thống kê để xác định các quy luật lặp lại. Các phương pháp đó đã giúp các nhà tâm lý học và các nhà khoa học về não bộ không chỉ hiểu rõ hơn về tâm trí, mà còn cải thiện và thậm chí cứu mạng hàng triệu người. Tuy nhiên, rất khó để vượt quá một điểm nhất định nếu chỉ sử dụng các tường thuật gián tiếp. Trong khoa học, khi bạn nghiên cứu một hiện tượng nhất định, tốt nhất là quan sát nó một cách trực tiếp. Các nhà nhân loại học chẳng hạn, họ sử dụng các nguồn thứ cấp một cách rộng rãi; nhưng nếu anh thực sự muốn hiểu văn hóa Samoa thì sớm muộn gì anh cũng phải xách ba lô lên và đến Samoa.

Dĩ nhiên đến thăm thôi là không đủ. Một blog do một người du lịch bụi đi khắp Samoa không thể được xem là một nghiên cứu nhân loại học có giá trị khoa học vì hầu hết những người du lịch bụi thiếu các công cụ và kỹ năng cần thiết. Các quan sát của họ quá ngẫu hứng và đầy thành kiến. Để trở thành những nhà nhân loại học đáng tin cậy, chúng ta phải học cách quan sát các nền văn hóa con người một cách có phương pháp và khách quan, thoát khỏi các định kiến và thành kiến. Đấy là thứ bạn học được ở khoa nhân loại học và là thứ cho phép các nhà nhân loại học giữ được vai trò quan trọng đến thế trong việc bắc cầu nối giữa các nền văn hóa khác nhau.

Nghiên cứu tâm trí một cách khoa học hiếm khi đi theo mô hình nhân loại học này. Trong khi các nhà nhân loại học thường thuật lại các chuyến đi của mình đến các hòn đảo xa xôi và những đất nước bí ẩn, các học giả nghiên cứu nhận thức hiếm khi trải qua các cuộc hành trình riêng tư như vậy đến các địa hạt của tâm trí. Bởi tâm trí duy nhất mà tôi có thể quan sát trực tiếp là của chính tôi, và dù quan sát văn hóa Samoa một cách không thành kiến là khó khăn đến đâu, quan sát chính tâm trí của mình một cách chủ quan còn khó hơn nhiều. Sau hơn một thế kỷ làm việc cật lực, các nhà nhân loại học ngày nay đã có trong tay những quy trình mạnh để quan sát một cách khách quan. Trái lại, trong khi các học giả về tâm trí đã phát triển rất nhiều công cụ để tập hợp và phân tích các tường thuật thứ cấp thì đến khi quan sát chính tâm trí của mình, chúng ta còn chưa bóc được lớp bề mặt.

Khi thiếu vắng các phương pháp hiện đại để quan sát trực tiếp tâm trí, chúng ta có thể thử một vài công cụ do các nền văn hóa tiền hiện đại phát triển. Một số nền văn hóa cổ xưa đã dành rất nhiều sự chú ý cho việc nghiên cứu tâm trí, và họ không dựa vào các tường thuật gián tiếp mà dựa vào việc luyện cho người khác quan sát tâm trí của chính mình một cách có hệ thống. Các phương pháp họ đã phát triển được gộp lại với nhau dưới một tên gọi chung là "thiền". Ngày nay, tên gọi này thường được liên tưởng với tôn giáo và thần đạo, nhưng về **nguyên tắc** thì *thiền là bất cứ phương pháp quan sát trực tiếp tâm trí của bản thân* nào. Dù nhiều tôn giáo sử dụng nhiều phương pháp thiền khác nhau trên diện rộng, điều đó không có nghĩa là thiền nhất thiết liên quan đến tôn giáo. Nhiều tôn giáo cũng dùng sách vở một cách rộng rãi, nhưng điều đó đâu có nghĩa sử dụng sách vở là một thực hành tôn giáo.

Qua nhiều thiên niên kỷ, con người đã phát triển hàng trăm phương pháp thiền, khác nhau về nguyên tắc cũng như hiệu quả. Tôi chỉ có trải nghiệm cá nhân với duy nhất một phương pháp Vipassana, thế nên đó là phương pháp duy nhất mà tôi có thể nói đến với một chút căn cứ. Như một số phương pháp thiền khác, người ta nói rằng Vipassana được chính Đức Phật phát hiện ra ở Ấn Độ thời cổ. Qua nhiều thế kỷ, vô số giáo lý và câu chuyện đã được gắn với Đức Phật, thường không có bằng chứng bổ trợ gì. Nhưng bạn không cần tin bất cứ câu chuyện nào trong số đó để có thể thiền. Người dạy tôi học thiền Vipassana là Goenka, một người hướng dẫn rất thực tế. Thầy liên tục hướng dẫn học viên rằng khi dõi theo tâm trí, họ phải bỏ sang một bên mọi mô tả thứ cấp, mọi tín điều tôn giáo và mọi phỏng đoán triết học; thay vào đó, hãy tập trung vào chính trải nghiệm của mình và bất cứ hiện thực nào mình thực sự gặp phải. Mỗi ngày, vô số học viên vào phòng anh để tìm chỉ dẫn và đặt câu hỏi. Một tấm biển ở lối vào phòng có ghi: "Làm ơn tránh các cuộc thảo luận về lý thuyết và triết học, hãy tập trung các câu hỏi của bạn vào các vấn đề liên quan đến thực hành thực sự của bạn".

Thực hành thực sự có nghĩa là dõi theo các cảm giác của cơ thể và các phản ứng của tâm trí đối với các cảm giác đó một cách có phương pháp, liên tục và khách quan, từ đó khơi mở các quy luật cơ bản của tâm trí. Con người ta đôi lúc biến thiền thành một cuộc truy lùng các trải nghiệm đặc biệt của hạnh phúc và xuất thần. Thế nhưng trên thực tế, ý thức là bí ẩn lớn

nhất trong vũ trụ và các cảm giác tầm thường như nóng lạnh và ngứa ngáy cũng bí ẩn chẳng kém các cảm giác về hoan lạc hay hợp nhất vũ trụ. Những người thiền theo Vipassana được khuyến cáo không bao giờ lao vào tìm kiếm các trải nghiệm đặc biệt; thay vào đó, họ được khuyến khích tập trung để hiểu hiện thực của tâm trí mình, dù hiện thực đó là gì.

Trong những năm gần đây, các học giả cả về tâm trí lẫn não bộ tỏ ra ngày càng hứng thú với các phương pháp thiền như thế, nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu này chỉ mới sử dụng công cụ này một cách gián tiếp. Một nhà khoa học điển hình thật ra không tự mình thiền. Thay vào đó, người ta mời những người thiền có kinh nghiệm đến phòng thí nghiệm, lắp các điện cực lên đầu họ, yêu cầu họ thiền và quan sát các hoạt động não bộ theo sau. Việc đó có thể dạy cho chúng ta nhiều điều thú vị về não bộ, nhưng nếu mục tiêu là để hiểu tâm trí thì chúng ta đang bỏ lỡ một số hiểu biết quan trọng nhất. Như thể ai đó cố gắng hiểu cấu trúc của vật chất bằng cách quan sát một hòn đá qua kính lúp. Bạn đưa cho người này một cái kính hiển vi và nói: “Thử cái này đi. Anh sẽ nhìn rõ hơn nhiều”. Anh ta nhận cái kính hiển vi, cầm cái kính lúp đáng tin cậy lên và cẩn thận dùng nó quan sát vật chất của cái kính hiển vi… Thiền là một phương pháp để quan sát trực tiếp tâm trí. Bạn bỏ lỡ gần hết các tiềm năng của nó nếu thay vì tự mình thiền, bạn lại quan sát các hoạt động điện não của một người thiền khác.

Tôi dĩ nhiên không gợi ý mọi người từ bỏ các công cụ và lối thực hành nghiên cứu não bộ hiện có. Thiền không thay thế mà có thể bổ trợ cho chúng. Nó hơi giống khi các kỹ sư đào đường hầm qua một ngọn núi lớn. Tại sao chỉ đào từ một phía? Tốt hơn là đào cùng lúc từ hai phía. Nếu não bộ và tâm trí thực sự là chung và duy nhất, cả hai đường hầm chắc chắn phải gặp nhau. Và nếu não bộ và tâm trí không phải là một? Thì việc đào sâu vào tâm trí chứ không chỉ não bộ càng quan trọng hơn.

Một số trường đại học và phòng thí nghiệm quả thực đã bắt đầu sử dụng thiền như một công cụ nghiên cứu hơn là một đối tượng thuần túy của các nghiên cứu về não bộ. Thế nhưng quy trình này vẫn còn trong giai đoạn sơ khai, một phần vì nó đòi hỏi một sự đầu tư phi thường từ phía những người nghiên cứu. Thiền nghiêm túc đòi hỏi mức độ kỷ luật rất cao. Nếu bạn cố dõi theo các cảm giác của mình một cách khách quan thì điều đầu tiên bạn nhận thấy sẽ là tâm trí mình hỗn loạn và thiếu kiên nhẫn đến

mức nào và việc tập trung vào dõi theo tâm trí khó khăn ra sao, thậm chí với một cảm giác tương đối đặc thù như hơi thở.

Khi hình ảnh nhìn qua kính hiển vi bị mờ, ta chỉ cần xoay tay cầm một chút. Nếu tay cầm bị hỏng, ta có thể gọi thợ để sửa. Nhưng khi tâm trí mất tập trung, ta không thể sửa chữa nó dễ dàng như vậy. Thường thì ta cần rất nhiều rèn luyện để tâm trí bình tình lại và khiến nó tập trung sao cho nó có thể bắt đầu dõi theo bản thân một cách có phương pháp và khách quan. Có lẽ, trong tương lai, chúng ta có thể "bắn" một viên thuốc và đạt được sự tập trung tức thì. Thế nhưng thiền có mục đích là khám phá tâm trí hơn là chỉ tập trung tâm trí, nên con đường tắt ấy có thể phản tác dụng. Viên thuốc có thể khiến chúng ta rất tỉnh táo và tập trung, đồng thời có thể ngăn ta khám phá toàn bộ phổ tâm trí. Xét cho cùng, ngày nay, ta có thể dễ dàng tập trung tâm trí bằng cách xem một bộ phim ly kỳ hấp dẫn trên TV; nhưng tâm trí lúc đó lại quá tập trung đến mức không thể quan sát các thay đổi của chính mình.

Thế nhưng ngay cả khi không thể dựa vào những công cụ kỹ thuật như vậy, ta vẫn không nên bỏ cuộc. Chúng ta có thể lấy cảm hứng từ các nhà nhân loại học, động vật học và các phi hành gia. Những nhà nhân loại học và động vật học dành nhiều năm ở các hòn đảo xa xôi, kề cận với vô số bệnh tật và nguy hiểm. Các phi hành gia dành nhiều năm cho các chương trình luyện tập khó khăn, chuẩn bị cho các chuyến du hành nguy hiểm ra ngoài không gian. Nếu ta sẵn sàng nỗ lực đến thế để hiểu về các nền văn hóa xa lạ, các loài động vật chưa được biết tới và các hành tinh xa xôi, thì cũng đáng nỗ lực như vậy để hiểu chính tâm trí mình chứ. Và ta nên hiểu tâm trí của mình trước khi các thuật toán quyết định giùm ta.

Tự quan sát chưa bao giờ là dễ dàng, nhưng nó có thể còn khó hơn theo thời gian. Như lịch sử đã chỉ ra, con người tạo ra những câu chuyện ngày càng phức tạp về bản thân nên việc hiểu chúng ta thật sự là ai lại càng khó khăn gấp bội. Những câu chuyện này là nhằm đoàn kết những lượng người đông đảo, tích lũy quyền lực và gìn giữ sự hòa hợp xã hội. Những điều này là cực kỳ quan trọng đối với việc nuôi sống hàng tỷ người nghèo đói và đảm bảo cho những người đó không hãm hại nhau. Khi người ta cố gắng quan sát bản thân, họ thường khám phá ra những câu chuyện sẵn có này. Một cuộc khám phá với cái kết mở cũng rất nguy hiểm. Nó đe dọa làm suy yếu trật tự xã hội.

Khi công nghệ được cải tiến, hai điều xảy ra. Thứ nhất, như các lưỡi dao đá dần dần phát triển thành tên lửa hạt nhân, việc bất ổn hóa trật tự xã hội trở nên nguy hiểm hơn. Thứ hai, như các bức vẽ hang động dần phát triển thành phát thanh truyền hình, việc lừa dối con người trở nên dễ dàng hơn. Trong tương lai gần, các thuật toán có thể đưa quá trình này đến chỗ hoàn tất, khiến việc quan sát sự thật về chính bản thân của con người trở nên gần như bất khả. Chính các thuật toán sẽ quyết định chúng ta là ai và chúng ta nên biết gì về bản thân.

Trong vài năm hoặc vài thập kỷ tới, ta vẫn có một lựa chọn. Nếu nỗ lực, ta vẫn có thể nghiên cứu xem chúng ta thật sự là ai. Nhưng nếu muốn tận dụng cơ hội ấy, ta cần việc đó ngay bây giờ.



Hết

Hoàn Thành ngày 30/12/2019

Lamtaxy

Chú thích

[←1]

Nguyên văn: technological disruption. Khái niệm này chỉ sự ra đời của những sản phẩm công nghệ mới vượt trội thay thế những sản phẩm công nghệ lỗi thời, đột phá thị trường hiện tại, tạo ra một thị trường mới với những công việc và ngành nghề mới, để rồi những công việc và ngành nghề này lại bị lạc hậu khi những công nghệ ưu việt hơn ra đời. ở đây, chúng tôi chọn dịch là "đứt gãy" để dễ liên tưởng đến sự chuyển động của các máng địa chất gây ra đứt gãy trong các trận động đất.

Các chú thích trong cuốn sách này là của biên tập viên.

[←2]

Nguyên gốc: "Humans vote with their feet", chỉ việc khi không đồng tình với một tổ chức, chính thể nào đó, người ta sẽ rời bỏ, di cư khỏi đó.

[←3]

Nguyên gốc: a constanly growing pie. Thuật ngữ kinh tế "a growing pie" chỉ niềm tin của những người cho rằng với những khai phá địa lý, phát minh khoa học, phát triển trong cách tổ chức quản lý sẽ gia tăng hiệu suất làm việc và của cải, theo đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

[←4]

Tên của nhóm công nhân nhà máy dệt ở Anh thời tiền Cách mạng Công nghiệp, chuyên đập phá máy móc vì tin rằng chúng làm họ thất nghiệp.

[←5]

Nguyên gốc: biochemical algorithms. Tác giả cho rằng cũng giống như máy tính, con người là một tổ hợp các thuật toán, chỉ khác là các thuật toán này có tính sinh hóa, được tiến hóa và chọn lọc tự nhiên qua hàng triệu năm.

[←6]

Nguyên gốc: urban jungle, ý nói cuộc sống xô bồ, hỗn độn ở thành thị.

[←7]

Phân biệt với những thuật toán sinh hóa bên trong con người (xin xem chú thích trước).

[<-8]

Gamelan: dàn nhạc truyền thống ở Indonesia, bao gồm rất nhiều nhạc cụ, cả bộ gõ, bộ hơi và bộ dây.

[<-9]

Nguyên văn: canary in the coal mine. Trước đây, các mỏ than không có hệ thống thông khí nên thợ mỏ thường mang một lồng chim yến vào những mạch mỏ mới mở. Chim yến đặc biệt nhạy với khí methane và carbon monoxide nên chúng rất thích hợp cho việc cảnh báo khí độc. Nếu chim còn sống, thợ mỏ yên tâm là nguồn cấp không khí được đảm bảo; nếu chim chết, thợ mỏ phải di tản ngay lập tức. Câu này ý nói nếu xem cờ vua là dấu chỉ thị an toàn thì con người đang bị cảnh báo là cực kỳ nguy hiểm.

[<-10]

Đây là một nhóm người San sống tại rìa tây sa mạc Kalahari, thuộc Namibia, và Botswana. !Kung là cách gọi của những người ngoài bộ lạc; còn bản thân họ gọi bộ lạc của mình là Jul'hoansi.

[<-11]

Dự án Manhattan là dự án nghiên cứu và phát triển đã chế tạo ra những quả bom nguyên tử đầu tiên trong Thế chiến thứ hai, chủ yếu do Hoa Kỳ thực hiện với sự giúp đỡ của Anh và Canada từ năm 1942 tới năm 1946.

[<-12]

Lamtaxy tìm trên wiki: *Phe Trục* (tiếng Anh: Axis powers, tiếng Đức: **Achsenmächte**, tiếng Nhật: 枢軸国 *Sūjikukoku*, tiếng Ý: *Potenze dell' Asse*), còn được gọi là "**Trục Rome–Berlin–Tokyo**" (cũng được viết tắt là "**Roberto**" đọc là **"Rô-béc-tô"**) hay **Khối Trục** là từ để chỉ các quốc gia chiến đấu chống lại lực lượng Đồng Minh thời Chiến tranh thế giới thứ hai. Các nước phe Trục đồng thuận về khoản đối địch với phe Đồng Minh, nhưng không có sự phối hợp hoàn toàn trong hành động.

[<-13]

Nguyên gốc: writ large, ý nói các câu hỏi cũ đang trở nên rõ ràng hơn; nhưng ở đây tác giả chơi chữ "phình to ra" liên quan đến câu sau "kích cỡ là quan trọng" (nguyên văn: size matters). "Size matters" là câu hỏi thường được

đặt ra về kích cỡ dương vật, thường câu trả lời sẽ là “không có vấn đề gì với kích cỡ” nhưng thực ra thì không hẳn.

